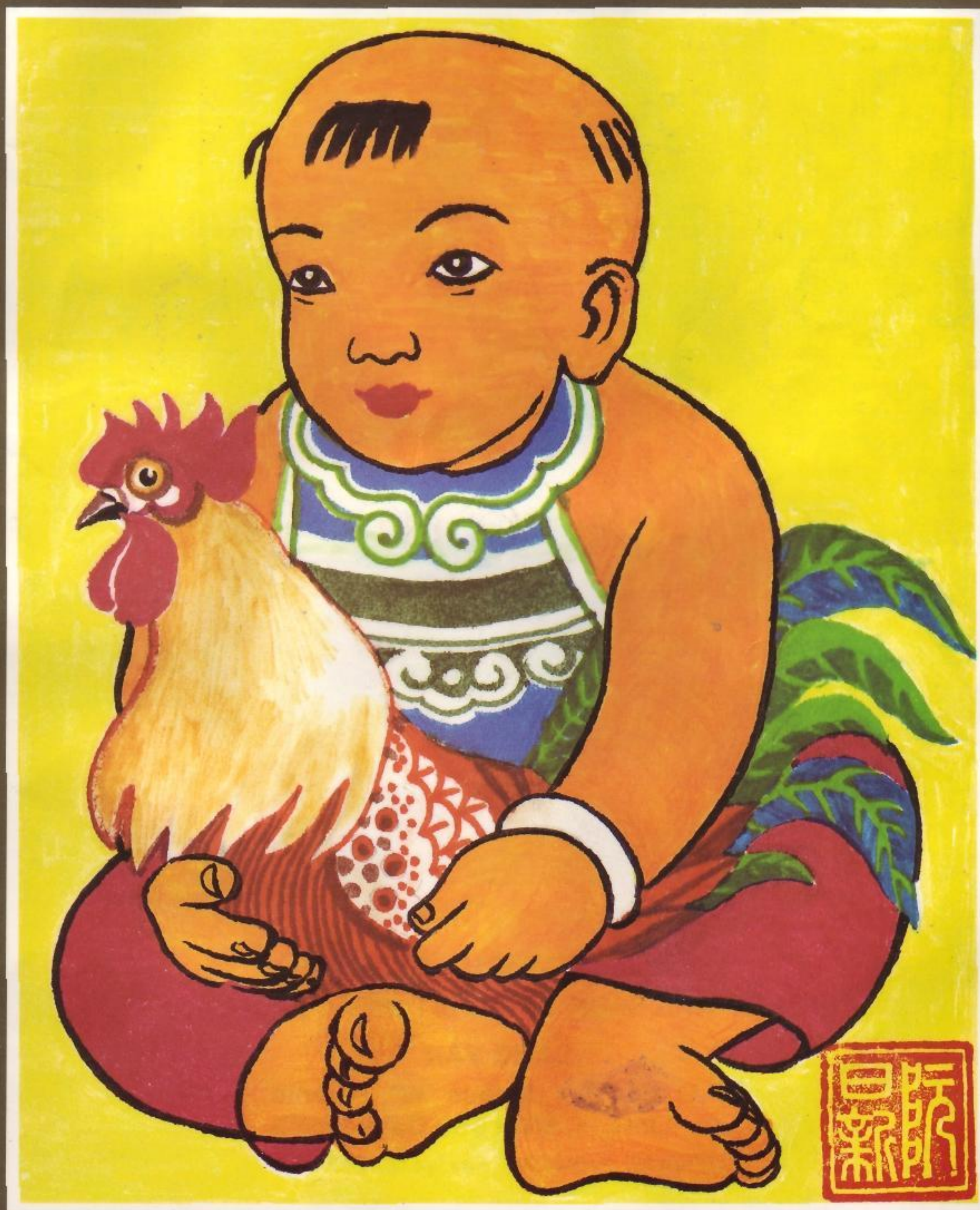


làng văn

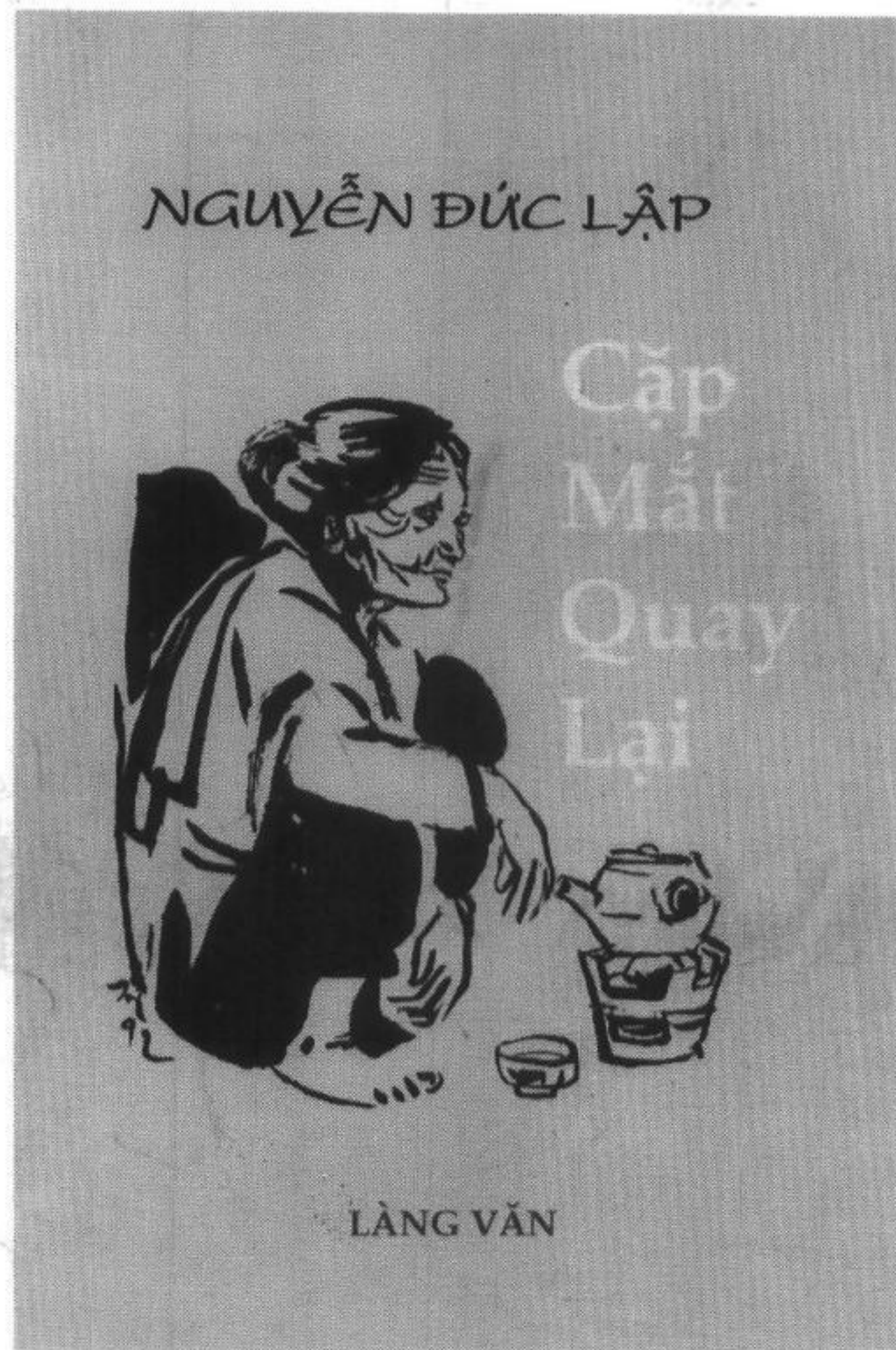
101
Tháng 1.1993



Mừng Xuân Quý Dậu 1993

Phát-hành trong tháng 12.1992

**Tác-phẩm thứ 9 của
NGUYỄN ĐỨC LẬP**



Giá 12 mỹ-kim (15,50 gia-kim)

HỎI TẠI NHÀ SÁCH GẦN NHẤT, HOẶC LIÊN-LẠC:

LÀNG VĂN

P.O. Box 310, Station "W", Toronto
Ontario, M6M 5B9 Canada

ĐT: (416) 249-419 – Fax: (416) 240-0342

Trang-trọng kính chúc quí văn-hữu và độc-giả năm mới khang-ninh thịnh-vượng



TRUONG THI KIM ANH NORWAY

P.O. Box 218, Station "U"

Toronto, Ont., M8Z 5P1, Canada

Tel: (416) 249-4195 / Fax: (416) 240-0342

Published 12 times a year

Second Class Mail Reg. No: 8040

ISSN: 0832-1922 - LDN: 310578

Volume 10 - No 101 - January 1993

NĂM THỨ MƯỜI - SỐ 101 - THÁNG 1.1993

TRONG SỐ NÀY :

Trước thềm năm mới, Nguyễn Hữu Nghĩa.....	3
Tin vắn.....	6
Ngoài ngõ.....	7
Hội-thảo nhân-quyền Ottawa.....	8
Tin Việt-nam.....	10
Số tay văn-nghệ năm Nhâm Thân, Nguyễn Hữu Nghĩa.....	14
1992: năm thế-giới hình-thành "trật-tự mới", Sơn Tùng.....	22
Thơ Cao Tiểu.....	25
Nói chuyện gà, Thái Văn Kiểm, Phạm Tăng, Nguyễn Việt An, Nghi Hoàng.....	26
Vài điều cách-trí về con gà, Lê Văn Lân.....	33
Thơ Việt Phương, Trần Thiện Hiệp.....	38
Năm Dậu văn-học, Trần Văn Tích.....	41
Thơ Thúy Sơn.....	45
Thơ Đan Quế.....	49
Thơ Kinh Tân.....	50
Cúng gà và bói gà, Lê Văn Lân.....	51
Dưa hấu Trà-bang, Hứa Hoàn.....	58
Đêm xuân chị em thơ-thẻ, Hồ Trường An.....	62
Thơ Kiêm Thêm.....	65
Thơ Phan Thịnh.....	69
Thơ T.T. Mây Trên Ngàn.....	71
Xuân quán, Vi-An.....	73
Ai đem con sáo..., Ngô Nguyễn Dũng.....	75
Thơ Nguyễn Huy Phước.....	77
Thơ Nguyễn Nghĩa.....	78
Thơ Thế Dũng.....	80
Thơ Đặng Văn Giai.....	82
Thơ Hoài Việt.....	84
Ăn độ gà thua độ chó, Xuân Tước.....	85
Thơ Trần Ngân Tiêu.....	87
Năm cũ, Hoàng Du Thụy.....	88
Thơ Nguyễn-đức Bạt-ngàn.....	90
Thư xuân, Ngô Du Trung.....	91
Thơ Nguyễn Văn Ngọc.....	93
Tâm xuân, Đoàn Tam.....	94
Thơ Vạn Giã, Đông Vũ, Đắc Trung.....	97
Đôi nét về Hồ Dzếnh, Hiệu Tồn.....	98
Thơ Bảo Trần.....	99
Thơ Trần Văn Lệ, Lâm Hảo Khôi, Hồ Công Tâm, Văn Nương, Cung Vũ.....	100
Báo Xuân học-trò, Nguyễn Mạnh An-Dân.....	101
Thơ Nguyễn Bá Đình.....	105
Xóm măng: Chuyện ăn uống và giải Nobel Hoà-bình, Ngô Nguyễn Dũng.....	106
Ô chữ, Lê Minh Hiến.....	107
Ngọc sáng trong hoa sen, Nguyễn Phong.....	109
Thơ Lâm Hảo Dũng.....	110
Thơ Nguyễn Tư.....	113
Al Capone IV, Trường-sơn Lê Xuân Nhị.....	116
Thơ Minh Tuấn.....	119
Thơ Trần Mộng Tú.....	120
Quay trong cơn lốc, Nguyễn Ngọc Ngạn.....	125
Thơ Lâm Thúy.....	129

Tranh bìa của Nguyễn Nhật Tân

Chủ-nhiệm: Nguyễn Hương

Chủ-bút: Nguyễn Hữu Nghĩa

Tổng Thư-ký: Hồ Trường An

Thư-ký tòa-soạn: Nguyễn Nghĩa

Ban biên-tập:

Bạch Thái Hà - Bút Chì - Cao Tiểu - Đan Quế

Đào Huy Dân - Hà Huyền Chi - Hoàng Chính

Hoàng Du Thụy - Lãng Nhân - Lâm Hảo Dũng

Lê Văn Lân - Ngô Nguyễn Dũng - Nguyễn Phong

Nguyễn Bá Đình - Nguyễn Đức Bạt Ngàn

Nguyễn Huy Phước - Nguyễn Ngọc Ngạn

Nguyễn Văn Ngọc - Phạm Quang Ngọc - Phạm Thắng

Tự Tình - Thái Văn Kiểm - Trường Sơn Lê Xuân Nhị

Tuệ Nga - Trần Thiện Hiệp - Trần Văn Tích

Cộng-tác:

Cao Xuân Lý - Cao Xuân Tú - Diệu Tần - Dương Kim

Đặng Thị Quế Phương - Đào Trường Phúc - Đoàn Tam

Đỗ Khánh Hoan - Đông Nghi - Huỳnh Liễu Ngạn

Hoài Châu - Kha Huyền - Kinh Tân - Lê Thụy Vi

Ngô Du Trung - Nguyễn Đức Lập - Nguyễn Đức Tùng

Nguyễn Quốc Trụ - Nguyễn Văn Ba - Nguyễn Văn Thông

Nguyễn Hải Hà - Nguyễn Mạnh An Dân - Nguyễn Việt

Nguyễn Tư - Nguyễn Thị Vinh - Nguyễn Hữu Nhật

Phạm Hoàng Hộ - Quỳ Hương - Phan Thịnh

Phùng Nhân - Sơn Tùng - Thái Tú Hạp - Thủy Trang

Thúy Sơn - Tô Kiều Phương - Trần Mộng Tú

Trần Quang Hải - Trần Văn Lệ - Trịnh Gia Mỹ

Văn Nương - Việt Phương - Vĩnh Hảo

Võ Phiến - Xuân Tước

Minh-họa:

Nguyễn Nhật Tân

Góp tranh:

Babui Nguyễn Tấn Phú - Nguyễn Khai - Nguyễn Đồng

Nguyễn Thị Hợp - Phạm Thế Trung - Thái Tuấn

Hồ Đắc Vũ (Việt) - Vi-Vi Võ Hùng Kiệt - Vũ Thái Hòa

Góp ảnh:

Lê Quang Xuân - Cung Vũ

ĐẠI-DIỆN ĐỊA-PHƯƠNG:

Pháp: Bạch Thái Hà

Anh: Hoài Châu

Đức: Ngô Việt Dũng

Hòa-lan: Hồ Thị Chiến

Na-uy: Dương Kim

Nhật-bản: Đỗ Thông Minh

Úc: Phạm Quang Ngọc

Hoa-kỳ: Lê Xuân Phương (Dallas); Nguyễn Ngọc Thanh

(Houston); Võ Thắng Tiết (Nam California); Nguyễn

Hùng (Bắc California); Linh Phương (Florida); Nguyễn

Huy Phước (New Jersey)

GIÁ BÁO BÁN LẺ: (số Xuân Quý Dậu)

Gia-nã-dại: 5 gia-kim; Hoa-kỳ: 5 mỹ-kim;

Pháp: 40 quan; Úc: 10 úc-kim;

Na-uy: 50 krone; Nhật: 800 yen;

các nước khác: 5 mỹ-kim

GIÁ BÁO DÀI HẠN, THẺ-LỆ MUA BÁO

VÀ GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO: TRANG 136

Trước Thêm Năm Mới

Nguyễn Hữu Nghĩa

Nếu 1991 là năm bắt đầu những xáo-trộn trong cộng-đồng Việt-nam ở hải-ngoại, thì 1992 là thời-gian mà những va-chạm ấy được đẩy lên tới cực điểm. Cho tới cuối năm, mọi sự bắt đầu lắng dịu. Mọi bức màn che đã được vén lên. Mọi chiêu-bài giả-tạo đã lộ diện. Mọi lớp hỏa mù lắng xuống. Như một sân-khấu sau giờ văn hát, dưới ánh đèn trắng sáng choang, mọi bộ mặt thật lộ ra. Không còn đèn màu xanh đỏ ẩn che. Không còn những góc xó tối-tăm để ẩn-núp. Không còn tiếng trống kèn phụ-họa, không còn phấn son trang điểm. Mọi tường tích đã qua hồi kết cục. Đồng-bào, khán-giả phân-định rõ từng người, từng vị-trí. Trong tinh-thần mọi người có chiều mệt-mỏi, nhưng thoải-mái để chịu khi trở về với đời sống thực-tế...

Từ ngày tuyên-bố "đổi mới" cho tới nay, CSVN đã thắng cộng-đồng hải-ngoại nhiều ván lớn.

Qua việc mở cửa du-lịch, Hà-nội vừa thu được tiền vừa được tiếng.

Qua trò hề văn-ngệ phản-kháng quốc-doanh, Hà-nội dựng lên những thần-tượng mới, chờ cho lớp trí-thức và văn-ngệ-sĩ hải-ngoại quì xuống xỉ-xụp vái lạy thì đập vỡ đi. Những vết thương tranh-luận khó lòng hàn gắn. Những kẻ lờ-làm không thẳng-thần nhận lỗi. Niềm tin của cộng-đồng không khỏi lung-lay. Mới tung ra

một đòn cân-não sơ-đẳng đã đạt thắng-lợi, Hà-nội có quyền đánh giá thấp tập-thể những người bỏ nước ra đi...

Trong năm, Hà-nội bán tiếng rằng sẽ lập Vụ Việt-kiều, giao cho đồng-bào hải-ngoại tự quản. Lời đồn-đài chưa biết thực-hư, đã thấy nhiều vị tai mắt trong cộng-đồng ném phăng vũ-khí, lên tiếng ca-tụng "hòa hợp hoà-giải" để chuẩn-bị ghi danh tranh chức vụ trưởng bé bằng hạt vừng.

Cuối năm, Hà-nội lại phỉnh-phờ cho biết sẽ mời một lãnh-tụ cũ của miền Nam về làm cố-vấn chính-phủ. Thế là chính-khách miền Nam ra mặt như thác lũ, kẻ bốn không thành bốn có, người từng đòi Bắc tiến ngày xưa quì thụp ngay xuống... xin lại đất Khánh-dương. Thậm chí có người đang nằm chờ chết trong dưỡng-đường bên Pháp cũng vội-vàng chỗi dậy lên tiếng này nọ, sợ bị bỏ quên. Hàng chục trái "ba-lông" được ném ra để dọn đường tham chánh: "VC nó nài-nỉ tôi về, khó nghĩ quá!..."

Thật là tuồng vô-sĩ. Ngày xưa chồm lên nhau tranh một chỗ trên máy bay di-tấn, liều mạng ra đi trên những chiếc quan-tài trôi-nổi trên biển đông, không thấy ai than là "khó nghĩ"!

Tình hình đất nước bây giờ vẫn tối đen như mực. Tu-sĩ còn bó gối

trong tù. Chùa chiền, giáo đường còn bị xung công và theo dõi. Văn-ngệ-sĩ bị khóa mồm. Dân đen bị giày đạp. Thế mà bạo quyền chỉ mới phác-họa một cái ghế chưa thành hình vóc, những bậc dân chi phụ-mẫu đã sẵn-sàng giết nhau để tranh-giành!

Cũng trong năm, Hà-nội ra sức đánh bóng chiêu-bài: kêu-gọi xóa bỏ hận-thù, quên đi quá-khứ để bắt tay nhau xây-dựng lại quê-hương. Những lời năn-nỉ thống-thiết này chỉ tung ra hải-ngoại, nhắm vào cộng-đồng tị-nạn, lực cản lớn nhất ngăn đường bang-giao với Mỹ, chống giải-tòa cấm vận và vận-động ngoại-viện.

Tại hội-nghị *Forum* tại thành Hồ hồi tháng 7.1991, Võ Văn Kiệt xác-nhận: "*Sự đóng-góp của Việt-kiều hải-ngoại (qua du-lịch, chuyển tiền, gửi hàng) trên 300 triệu đô-la mỗi năm, và khả-năng chuyên-môn của họ để phát-triển đất nước thật ra không quan-trọng đối với chúng tôi. Điều quan-trọng là sự chống-đối của họ làm trở-ngại trong công-tác liên-lạc với các quốc-gia tây-phương và làm khó-khăn hơn trong việc vận-động bỏ lệnh cấm-vận.*"

Trong khi kêu-gọi cộng-đồng tị-nạn "quên quá-khứ" thì CSVN lo níu kéo dĩ-vãng. Mặc cho dân đói, Hà-nội trích ra 10 tỷ đồng để thực-hiện bộ phim *Chiến-thắng mùa xuân*, dựng lại cảnh thua chạy nhục-nhã mà bây giờ nhiều tướng tá miền Nam cố chối-bỏ hay lãng quên trong khi quì-lụy bắt tay cộng-sản. Nội-dung cuốn phim còn nhằm ca-tụng chủ-nghĩa xã-hội bách chiến bách thắng và các chiến-sĩ bộ đội anh-hùng đã đuổi Mỹ diệt ngụy, chiếm gọn miền Nam tháng 4 năm 75.

Lưới trí-vận hải-ngoại đồn toàn lực tiêm nọc độc vào tầng lớp thanh-niên sinh-viên lớn lên tại hải-ngoại những ý-tưởng:

- VC nếu không tốt thì cũng không xấu hơn chế-độ VNCH, vậy không nên chống cộng để tái-lập chế-độ tham-những miền Nam.

- Con dân hai miền là anh em ruột thịt cùng một bọc sinh ra, không nên thù-hằn nhau, mà hãy bắt tay hợp-tác với nhau (dưới bóng cờ đỏ sao vàng) cùng dựng xây đất nước.

- Nên xa lánh những người quốc-gia cực-đoan, là thành-phần đê-tiện, chủ-trương giết hết những người cộng-sản để thỏa dạ căm-hờn.

Những lập-luận ấu-trĩ và dễ-dãi ấy đã tiêm-nhiễm vào nhiều giới, nhất là trí-thức Hoa-kỳ, kể cả những người thân-cận với cộng-đồng Việt-nam, nói tiếng Việt như người Việt.

Lý-tưởng quốc-gia một lần nữa lại bị đồng-hóa với "Mỹ Diệm", "Thiệu Kỳ", với độc-tài, tham-những. Lá cờ vàng biểu-tượng cho tự-do và ba miền đất nước bị hạ xuống ngang hàng với lá cờ máu

của tập-đoàn Hồ Chí Minh. Họ không hiểu, hoặc cố-tình lái vấn-đề sang hướng khác: đồng-hóa thể-chế dân-chủ với guồng máy tham-những; coi mục-dích chống cộng là để lập lại chính-quyền Sài-gòn cũ!

Về hận-thù dân-tộc, trên diễn-đàn công-luận, nhiều người hô-hào "tha-thứ" cho cộng-sản, làm như cộng-sản là thành-phần bị hà-hiếp áp-bức, còn nhân-dân là những người nắm quyền sinh-sát trong tay!

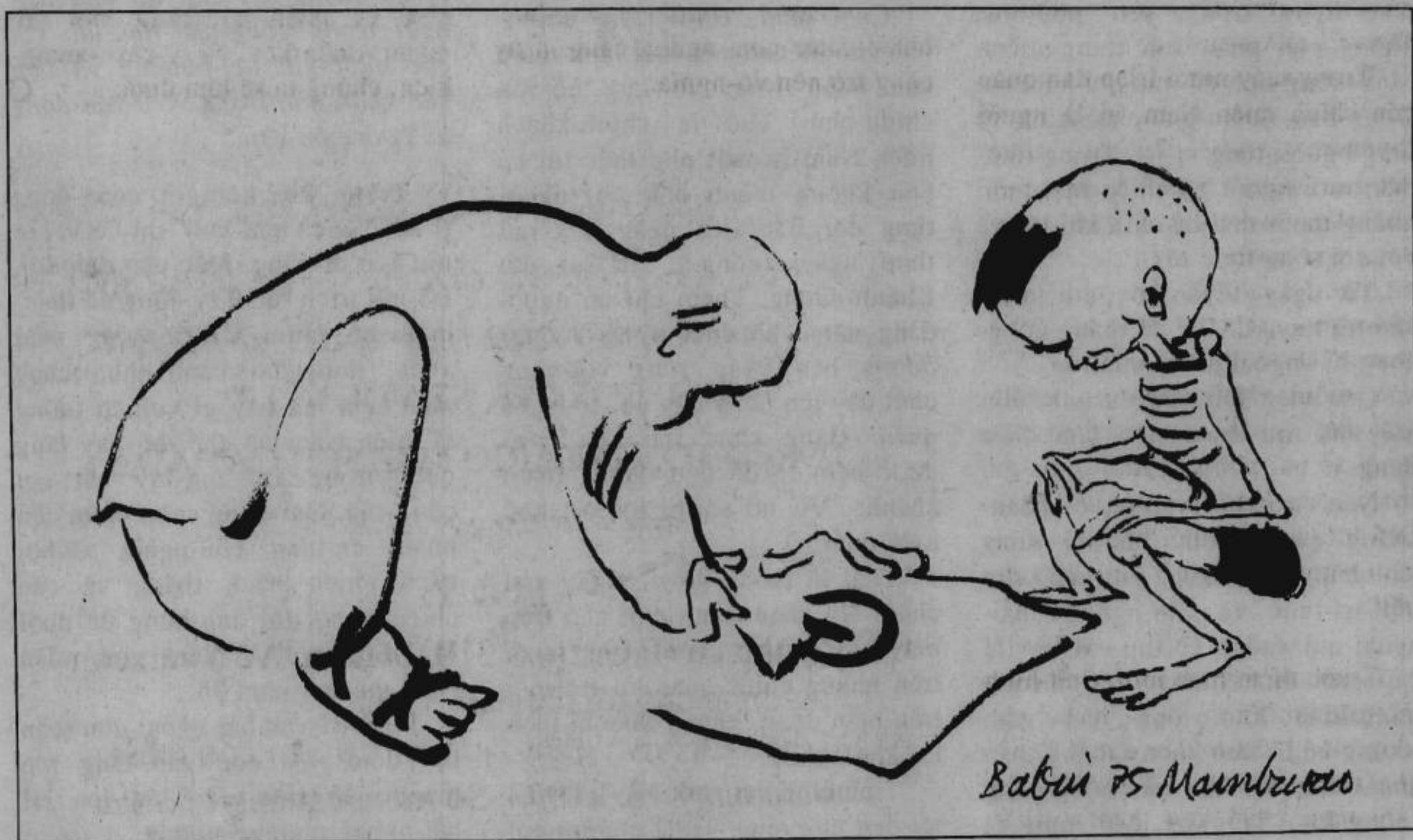
Trên thực-tế, chính những người cộng-sản chủ-trương khơi dậy hận-thù, kích-thích tâm-lý căm-hờn thành hành-động hi-sinh mù-quáng: ôm bom lao vào xe tăng, xích chân vào đại pháo, v.v. Quốc-ca của cộng-sản Bắc Việt ghi rõ: "thẻ phanh thấm uống máu quân thù". "Quốc-ca" của Giải Phóng Miền Nam cũng đề cao hận-thù: "ôi xương tan máu rơi lòng hận-thù ngất trời", hay "đây Trường-sơn vinh-quang thúc-giục

đoàn ta xung-phong đi giết thù..." Thù nào? - Chính đồng-bào, đồng loại, những người mà họ gọi là *bê lũ bán nước!*..

Đại đa-số chiến-sĩ tự-do chiến-đấu vì hạnh-phúc của toàn dân, họ không đánh giặc cho hả giận để trả thù.

Cái lý-tắc của cộng-sản rất giản-dị: chỉ có họ mới nắm vững chân-lý yêu-chuộng hòa-bình; chỉ có họ mới được quyền sử-dụng bạo-lực, phát-động chiến-tranh để ...mang lại hoà-bình; ai chống lại họ, kẻ đó là thành-phần cực-đoan, hiếu-chiến.

Trong bao nhiêu năm đấu-tranh với cộng-sản, người ta dễ-dàng nghiệm thấy một điều, những kẻ vừa đánh trống vừa ăn cướp thời nào cũng có. Chiến-thuật bẻ gối làm què, vừa xâm-lãng vừa kêu cứu là ngón đòn sở-trường của Hà-nội, tuy xưa cũ nhưng nhờ áp-dụng thiện-nghệ, họ vẫn tiếp-tục làm động lòng một số người. Chưa-chất thay, trong số những kẻ bị lừa



có cả con em của chúng ta, con em của lớp người đã từng bị lừa! Sự nồng-nhiệt của tuổi trẻ bị lợi-dụng, biến thành xốc nổi, cả tin. Họ không phân-định được sự khác-biệt giữa kẻ xâm-lãng và người tự-vệ. Thậm chí có một số cựu du-học-sinh nay đã thành-đạt trên xứ người nhờ công-lao của bao nhiều chiến-sĩ trải thân ổn-cố hậu-phương, đã quay ra ca-tụng kẻ xâm-lãng, vô-tình phỉ-nhổ lên năm mồ của những người nằm xuống. Lại có những kẻ khác, xưng là cựu chiến-binh vừa ngáng mặt vỗ vào mớ huy-chương quân-vụ, vừa đập lên xác đồng đội chồm tới bắt tay bạo quyền, gọi đó là thái-độ yêu nước cấp tiến.

Họ đồng thanh lên án những người chống cộng là cực-đoan, quá-khích, sát-nhân ti-tiện. Nhưng trên thực-tế, trong lịch-sử chiến-tranh Nam Bắc, bên cạnh những vụ chôn sống năm Mậu Thân, pháo-kích Cai-lậy, tắm máu tại trại gia-binh Đồng-tâm mà thủ-phạm là "bộ-đội cụ Hồ", có trang sử nào chứng-minh sự trả thù ti-tiện của chiến-sĩ tự-do?

Trong mấy mươi triệu dân quân cán chính miền Nam, ai là người tuyên-bố *tiêu-diệt tới người cộng-sản cuối cùng*? Người ta ngỡ-ngác hỏi nhau, nghe lại các bài diễn-văn, xem lại các đoạn băng phim cũ, đọc lại các bài báo, cuối cùng khám-phá ra đó chỉ là "chủ-trương" do cộng-sản bịa ra và đặt vào mồm thành-phần do chúng giật dây, nhằm tạo một bộ mặt hung-ác nơi những người quốc-gia trước công-luận thế-giới, và đồng-thời để hù-dọa nội-bộ, hô nhau bám trụ, kéo "ngụy" về thì... chết hết!

Trước thềm năm mới, tình-hình thế-giới lại đổi thay. Thảm-bại của tổng-thống Bush của đảng Cộng-hòa trong kỳ bầu-cử tại Hoa-kỳ cuối năm 1991 kéo theo sự thất-

thế của tổng-thống Yeltsin tại Nga trước phe cộng-sản đang làm chủ Quốc-hội. Tháng 12.1992, Ngoại-trưởng Nga tuyên-bố tại hội-nghị quốc-tế ở Thụy-điển: Nga sẽ trở lại thời-kỳ chiến-tranh lạnh nếu TT Yeltsin bị phe cộng-sản trói tay. Vài giờ sau, tin từ Mạc-tư-khoa bay sang: Quốc-hội Nga đã dùng lá phiếu lật-đổ thủ-tướng của Yeltsin!

Chủ-nghĩa cộng-sản cựa-quậy tại Đông Âu, Tây Á, chuẩn-bị sống dậy. Tại Á-châu, Trung Cộng bành-trướng thế-lực quân-sự lên tới tột đỉnh, kể từ ngày Mao cướp chính-quyền năm 1949 cho tới nay, sẵn-sàng làm chủ phía tây Thái-bình-dương và cả Ấn-độ dương, trám vào chỗ trống do Nga Mỹ bỏ lại. Trật-tự mới của thế-giới đang trên đà xây-dựng nay chuyển sang hướng khác.

Tại quê nhà, cơ-hội vùng lên của dân-tộc Việt-nam đã qua. Bức màn sắt đang từ từ khép lại. Chế-độ cộng-sản chuyên-chế biến thành chế-độ toàn tài tham-nhũng. Trên tham-ô, dưới nhũng-lạm. Nhân-cách con người càng ngày càng trở nên vô-nghĩa.

Nhìn ra thế-giới, nhìn về quê-hương, một màu khói sương ảm-đạm. Tuy-nhiên, chúng ta không bao giờ tuyệt-vọng, lùi bước. Chiến-thắng bao giờ cũng đến trong trận đánh cuối-cùng, trận đánh quyết-định. Thế quân-sự bế-tắc. Thế cờ chính-trị rối-ren. Rời cho cả hai bên, chứ không phải riêng ta. Đánh nhau với một chế-độ chuyên-chính trên dưới đồng nhất một khối, mới khó. Thắng một chế-độ tham-ô mục nát, năm phe bảy phái tranh ăn, tuy phức-tạp nhưng có nhiều yếu-tố thuận-lợi hơn. Vấn-đề là phải cương-quyết, kiên-trì và quả-cảm. Cương-quyết để chiến-đấu, kiên-trì để chờ cơ-hội lật ngược thế cờ, và quả cảm vá lại một quốc-gia tan-nát vì chiến-tranh, và bây giờ rã-mục vì tham-nhũng.

Chỉ có chúng ta, những công-dân tâm-thường nhưng lương-thiện, những chiến-sĩ của lòng nhân và lẽ phải mới làm nổi chuyện đó. Hãy đứng vững trên hai chân mình, bằng bàn tay cần-cù và khối óc nhẫn-nại, bằng vào sức mạnh đoàn-kết và ý-chí cương-kiên, chúng ta sẽ làm được. ○

LÀNG VĂN ĐỔI ĐỊA-CHỈ:

Xin quý văn-hữu và độc-giả vui lòng ghi lại địa-chỉ mới của tòa-soạn, như sau:

P.O. BOX 218, STATION "U"

TORONTO, ONTARIO M8Z 5P1, CANADA

(hiệu-lực từ ngày 1.1.1993)

LUU Ý:

☛ Hộp thư cũ (P.O. Box 310, Station "W") vẫn còn dùng được cho tới hết năm 1993.

☛ Số điện-thoại và điện-thư hiện tại vẫn còn dùng cho tới ngày 18.3.1993. Số mới sẽ thông-báo sau.

tin văn



ĐẢNG CS NGA CÓ CƠ SỐNG DẬY

Sau bốn tháng thụ-lý, Tòa Án Hiến-pháp Nga tuyên-bố:

- TT Boris Yeltsin đã hành-động hợp hiến khi ra lệnh giải-tán ban lãnh-đạo đảng Cộng-sản Cộng-hoà Liên-bang Nga, bao gồm bộ Chính-trị và Ủy ban Trung-ương đảng.

- TT Yeltsin hành-động hợp hiến khi ra lệnh thu-hồi tài-sản quốc-gia do đảng Cộng-sản kiểm-soát, bao gồm công-ốc, văn-phòng, khu an-dưỡng, báo-chí, truyền thanh, truyền hình, bệnh-viện, trường học, phương-tiện giao-thông, chương mục ngân-hàng.

- TT Yeltsin vi-hiến khi giải-tán các chi-bộ đảng ở cấp địa-phương và cơ-sở.

- TT Yeltsin vi-hiến trong việc tịch-thu tài-sản của đảng Cộng-sản không thuộc trong các nguồn-gốc kể trên.

Ngoài ra, Tòa án Hiến-pháp Nga vẫn tiếp-tục tranh-luận về tính-cách vi-hiến và tội-phạm của đảng Cộng-sản Nga và chưa có thái-độ dứt-khoát đối với tổ-chức này.

Qua những phán-quyết trên, đảng Cộng-sản Nga sẽ được phép tái-lập hoạt-động ở cơ-sở hạ-tầng, cũng như đòi lại tài-sản ở cấp địa-phương.

Phán-quyết có tính cách ba phải của Tòa-án Hiến-pháp Nga, cũng như việc do-dự không dám đặt đảng Cộng-sản ra ngoài vòng pháp-luật (tính-cách vi-hiến), sẽ tạo cơ-hội cho con quái-vật "đảng Cộng-sản" từ từ phục-hồi sinh-lực.

Đối với các nước có truyền-thống dân-chủ lâu đời, việc cấm

đảng Cộng-sản công-khai hoạt-động không cần phải đặt ra, nhưng đối với các nước vừa thoát khỏi ách cộng-sản, trong khi thế-lực bóng tối này vẫn còn là một mối đe-dọa lớn-lao cho nền an-ninh và sinh-hoạt dân-chủ quốc-gia, thì sự lưỡng-lự của Tòa Án Hiến-pháp trong việc dứt-khoát cấm đảng Cộng-sản hoạt-động sẽ gây thêm nhiều xáo-trộn sau này.

QUỐC-HỘI NGA LẬT-ĐỔ THỦ-TƯỚNG CỦA PHE CẢI-CÁCH

14.12.- Sau 12 ngày họp đầy sóng gió, phe cộng-sản đã toàn thắng, làm chủ hoàn-toàn quốc-hội liên-bang Nga, dùng lá phiếu để lật-đổ thủ-tướng Yegor Gaidar của phe cải-cách do TT Yeltsin lãnh-đạo, với tỉ-lệ 721 chống 172.

Tân thủ-tướng của Nga, Chernomyrdin, 54 tuổi, hiện là phó chủ-tịch Quốc-hội liên-bang Nga, trở thành thủ-tướng.

Sự ra đi của cựu thủ-tướng Gaidar sẽ kéo theo sự tan-rã của nội-các cải-cách, thay bằng các viên-chức cộng-sản bảo-thủ. Nền dân-chủ mong-manh của Liên-bang Nga bị đe dọa trầm-trọng, và an-ninh của toàn vùng trở nên bấp-bênh.

THỦ-TƯỚNG ĐỨC BAY SANG NGA

Ngay sau khi có tin thủ-tướng Gaidar của phe cải-cách Nga bị

Quốc-hội dùng lá phiếu tước quyền, Thủ-tướng Helmut Kohl đã có mặt tại Mạc-tư-khoa để hậu-thuần TT Boris Yeltsin trong cuộc "nội-chiến" cải-cách dân-chủ.

Thủ-tướng Kohl có thể sẽ tha nợ 10 tỷ trong số 80 tỷ mỹ-kim cho Liên-bang Nga vay trước đây. Hiện nay, Đức là quốc-gia ủng-hộ TT Yeltsin mạnh nhất trong chương-trình cải-cách tại Nga.

NGA SẼ TRỞ LẠI THỜI-KỲ CHIẾN-TRANH LẠNH?

Ngoại-trưởng Nga, ông Andrei Kozyrev đã làm cho toàn-thế Hội-nghị 51 quốc-gia nhóm tại Thụy-điển hôm 14.12 "nín thở" trong vòng 45 phút, khi tuyên-bố rằng: "Nga sẽ tái-lập chính-sách chiến tranh lạnh."

Các chính-khách thế-giới, hầu hết là cấp ngoại-trưởng, ngơ-ngác hỏi nhau "Thật không? Tại tôi có nghe làm không?" Quyền Ngoại-trưởng Hoa-kỳ, ông Lawrence Eagleburger đã kéo Ngoại trưởng Nga vào phòng xếp kế bên để hỏi cho ra lẽ.

Ngoại-trưởng Nga sau đó trở lại diễn-đàn giải-thích rõ lời ông nói, rằng không phải TT Yeltsin chủ-trương trở lại thời-kỳ chiến-tranh lạnh, nhưng nếu ông Yeltsin bị phe bảo-thủ tước quyền, nước Nga sẽ lui lại phía sau bức màn sắt như cũ, và thế-giới sẽ lại chìm đắm vào tình-trạng ngột-ngạt trước đây.

Cả Hội-nghị thở ra nhẹ-nhóm phần nào, nhưng cơn cảm-ứng chính-trị vẫn chưa qua.

Ngay sau đó, tin từ Mạc-tư-khoa đưa sang, cho biết thủ-tướng Gaidar của phe cải-cách đã mất chức, và nhân-vật lên thay thuộc phe cộng-sản bảo-thủ. Ngoại-trưởng Kozyrev, người vừa cảnh-giác thế-giới tại hội-nghị Thụy-điển về sự tái-hiện của hiểm-họa cộng-sản Nga, đứng đầu danh-sách những người sẽ bị cách chức.

ngoài ngõ

TIN THÊM VỀ 3 THUYỀN-NHÂN VN TẠI BA-TÂY



XÂY-DỤNG ĐÀI KỶ-NIỆM VIỆT-NAM TẠI OTTAWA

Ủy ban xây-dựng đài kỷ-niệm Việt-nam tại Toronto cho biết, công-trình xây-dựng đài kỷ-niệm sẽ hoàn-tất vào dịp Giỗ tổ Hùng-vương năm 1994. Ngân-khoản xây-cất dự-trù lên tới 50.000 gia-kim. Hiện Ủy ban đã nhận được 5.000 gia-kim do đồng-bào địa-phương ủng-hộ. Ủy ban kêu-gọi cộng-đồng Việt-nam khắp nơi trên thế-giới, mỗi người đóng góp một viên gạch để hoàn-thành công-trình tập-thể này.

Đài kỷ-niệm Việt-nam được xây ngay bên cạnh phố chính của trung-tâm thủ-đô Ottawa của quốc-gia Gia-nã-đại. Tại thành-phố này chỉ có khoảng 3.000 đồng-bào tị-nạn cư-ngụ, nên khả-năng đóng-góp có phần hạn-chế. Ủy ban mong-mỏi cộng-đồng ở các nơi sẽ cùng chung sức, góp một phần kỷ-niệm của mình vào, để mỗi lần có dịp đưa gia-đình ngang qua thủ-đô Gia-nã-đại, lại đến thăm đài kỷ-niệm để chiêm-ngưỡng một công-trình đã thành hình với sự đóng-góp của chính mình.

Chi-phiếu góp phần xây-dựng đài kỷ-niệm xin đề:

Vietnamese Monument Fund
249 Rochester St.
Ottawa, Ontario K1R 7M9
Canada

Khi biết tin 3 thuyền-nhân VN vượt trại Hương-cảng, trốn lên tàu Ý và bị đưa-đẩy tới Ba-tây, cộng-đồng Việt-nam tại quốc-gia này đã theo địa-chỉ đăng trên báo, tìm đến tận nơi tìm cách cứu-giúp. Đến nơi, các đồng-bào tốt bụng này được dân-chúng và chính-quyền địa-phương cho biết, các thuyền-nhân này đã được đưa lên máy bay trở về Hương-cảng.

Các người Ba-tây nói rằng, 3 thuyền-nhân đó không hề bị tàu Ý ném xuống biển như họ viết thư cho Làng Văn, mà ngược lại, được người Ý đưa vào tận thành-phố, bỏ tiền ra thuê khách-sạn cho họ trú-ngụ, và sau đó chịu phí-tồn máy bay cho họ trở lại Hương-cảng.

Trước khi báo lên khuôn một ngày, tòa-soạn nhận được thư thứ hai của thuyền-nhân Tạ Đình Hải, người đại-diện của nhóm thuyền-nhân 3 người kể trên. Thư anh Hải viết ngày 10.12.1992, lần này gửi từ Hương-cảng, nội-dung có đoạn như sau:

"...Hôm nay cháu được đọc bản tin trên báo Làng Văn viết về chúng cháu. Cháu rất lấy làm cảm-động vì sự giúp-đỡ của tòa báo. Nhưng cháu đã bị cảnh-sát thành-phố Vitoria, Ba-tây lừa và bắt ép trả chúng cháu cho Hương-cảng.

Sau khi cháu viết thư tới tòa báo xin giúp-đỡ, thì trung-tuần tháng 8.92, chúng cháu nhận được thư của UNHCR Ba-tây, muốn gặp chúng cháu để tìm hiểu sự việc. Cảnh-sát ở Vitoria biết UNHCR tìm tới, họ không bằng lòng. Ngay ngày hôm đó, cảnh-sát buộc chúng cháu rời nhà trọ (của một người dân Ba-tây tốt bụng), đưa chúng cháu vào hotel ở; rồi sau đó tới nói với chúng cháu là chúng cháu được phép sang Pháp sinh sống. Chúng cháu mừng lắm, thấp-thóm chờ đợi từng ngày.

Sáng sớm ngày 24.9.1992, ba nhân-viên cảnh-sát đưa chúng cháu ra phi-trường Vitoria. Tám giờ sáng, máy bay cất cánh đưa chúng cháu tới Rio de

Taneiro, ba người cảnh-sát cũng đi theo.

Từ Rio de Taneiro, cảnh-sát mua vé máy bay đi Pháp cho cả sáu người, ba người chúng cháu và ba người cảnh-sát.

Mười giờ sáng 25.9.1992, máy bay hạ cánh xuống Paris, chúng cháu được đưa vào phòng đợi. Tới 1 giờ trưa ngày hôm đó, chúng cháu mới phát-hiện mình bị lừa để dẫn độ về Hương-cảng. Trong nỗi lo-sợ bị giải về trại tù Hương-cảng (rồi sẽ bị cưỡng-bách hồi hương về VN), ba người chúng cháu bám nhau bỏ chạy. Một người thoát được vào Paris. Cháu và người còn lại bị bắt ngay tại phi-trường.

Để phản-đối sự lường-gạt của cảnh-sát Ba-tây, chúng cháu cắt ven tay tự-sát. Cháu ngất đi vì máu ra nhiều. Lúc tỉnh dậy thấy mình nằm trên giường cứu-cấp, biết là mình chưa chết.

Ba giờ chiều cùng ngày, cảnh-sát Ba-tây khiêng chúng cháu lên máy bay. Lúc đó cháu yếu lắm, cố-gắng vùng-vẫy nhưng vô-hiệu.

Hai giờ chiều ngày 26.9, máy bay đáp xuống phi-trường Kaitak. Ông Trợ-lý Cục trưởng cục Di-dân Hương-cảng ra đón, đọc và buộc chúng cháu ký giấy thú tội nhập-cảnh bất-hợp-pháp. Cháu từ-chối không ký, vì chúng cháu nhập-cảnh Hương-cảng lần này bằng máy bay, có giấy tờ của cảnh-sát Ba-tây chuyển giao cho ông Trợ-lý Cục trưởng cục Di-dân, và bị cưỡng-bách vào, chứ không phải tự ý đi lậu vào.

Dù cháu không ký nhận tội nhập-cảnh lậu, cháu vẫn bị giải về trại biệt-lập Manyee. Người bạn cùng bị giải về Hương-cảng với cháu bị nhốt riêng, trại nào không biết.

Nay cháu viết thư này tới tòa-soạn, mong được sự giúp-đỡ của cô bác về pháp-lý, vì lần này khác với lần tới Hương-cảng trước đây, là cháu bị ép vào.

Cháu cũng xin tòa báo chuyển lời chúng cháu cảm ơn nhân-dân Ba-tây. Họ rất tốt bụng, hiếu khách, đã giúp đỡ chúng cháu tận tình trong những ngày chờ-đợi.

Sau đây là địa chỉ hiện tại của cháu: Tạ Đình Hải, No: 20770; VRD: 308/88, Hut I, High Island Detention Centre, Manyee, Saikung, Kowloon, Hongkong."

Liên-Hội Người Việt Canada và UB Quốc-Tế Yểm-Trợ Việt-Nam Tự-Do Tổ-Chức Hội-Thảo Về “Nhân-Quyền tại Việt-Nam”

Một cuộc hội-thảo về nhân-quyền tại Việt-nam đã được Liên Hội Người Việt Canada và Phong-trào tham-gia Ủy ban quốc-tế yểm-trợ Việt-nam tự-do khu bộ Gia-nã-đại tổ-chức tại trụ-sở Quốc-hội Gia-nã-đại ở thủ-đô Ottawa hôm 5.6.1992 vừa qua, qui-tụ khoảng 500 tham-dự-viên và quan-khách quốc-tế.

Các đề-tài thảo-luận là:

- *Vi-phạm nhân-quyền tại Việt-nam*, với các diễn-giả: BS Từ Uyên (trình-bày tổng-quát vấn-đề), ĐD Thích Nguyên Lạc (nói về đàn-áp Phật-giáo), ông Ngô Bảo Tín (nói về đàn-áp Công-giáo), và ký-giả Nguyễn Hữu Nghĩa (nói về đàn-áp báo-chí).

- *Tình-trạng người Việt tị-nạn tại Đông Nam Á*, diễn-giả là GS Lê Văn Mão.

- *Chính-sách của chính-phủ Gia-nã-đại đối với Việt-nam*, diễn-giả là bộ Ngoại-giao Gia-nã-đại, Cơ-quan Phát-triển Quốc-tế (CIDA) và ông David Ingruler (thay mặt sứ-quán Úc tại Gia-nã-đại).

- *Thực-trạng nhân-quyền tại Việt-nam*, diễn-giả là GS Stephen Young.

Chủ-tọa-đoàn gồm các ông Trần Lương Ngọc, Ngô Thanh Hải và bà Trần Phương Thu.

Tham-luận đoàn gồm ông

Nguyễn Hữu Kỳ và GS Phạm Quân Khanh.

Trong bài diễn-văn khai-mạc, cựu đại-tá Vũ Xuân An, tổng thư-ký Liên Hội Người Việt tại Canada tố-cáo CSVN đã vi-phạm bản

Tuyên-ngôn quốc-tế nhân-quyền mà chính họ đã ký kết và được Quốc-hội phê-chuẩn. Ông khẳng-định: phải giải-trừ chế-độ CSVN, giống như Đông Đức, Đông Âu, Liên-sô cũ và Nicaragua,... để thay bằng một chế-độ dân-cử thực-sự tự-do, dân-chủ và những quyền căn-bản của con người được tôn-trọng.

Dân-biểu David Kilgour, Chủ-tịch khu-bộ Gia-nã-đại của Ủy ban Quốc-tế Yểm-trợ VN Tự-do, tố-cáo rằng cứ trong 4 người Việt, đã có 1 người bị cưỡng-bách tập-trung lao-động. Ông cũng chỉ-trích việc cưỡng-bách hồi-hương người tị-nạn VN, vì đó cũng là hình-thức vi-phạm nhân-quyền. Về vấn-đề viện-trợ, dân-biểu Kilgour yêu-cầu thế-giới tự-do chỉ viện-trợ cho Việt-nam khi nào Hà-nội tôn-trọng



Ký-giả Nguyễn Hữu Nghĩa, Ó. Trần Lương Ngọc, GS Stephen Young, Ó. Vũ Xuân An và Dân-biểu David Kilgour trên bục thuyết-trình và bàn chủ-tọa.



Cử-tọa từ Montréal, Toronto, Ottawa và các vùng lân-cận về dự hội-thảo.

nhân-quyền và phóng-thích toàn bộ tù-nhân chính-trị, nhất là BS Nguyễn Đan Quế và Lý Tống.

Trong đề-tài nhân-quyền, các diễn-giả trình-bày các bằng-chứng đàn-áp tôn-giáo và quyền thông-tin báo-chí, tự-do tư-tưởng tại VN.

Diễn-giả Từ Uyên yêu-cầu chính-phủ Gia-nã-đại, nếu vì lý-do nào đó "phải" viện-trợ cho CSVN, cần theo dõi để biết chắc rằng đồng tiền này không rơi vào tay tham-những, hay dùng đó làm phương-tiện củng-cố chế-độ độc-tài đảng-trị.

Ông Ngô Bảo Tín (Montréal)

và ĐĐ Nguyễn Lạc (Mississauga) trình-bày hoàn-cảnh khó-khăn của Công-giáo và Phật-giáo trong nước.

Ký-giả Nguyễn Hữu Nghĩa (Toronto) dùng *Luật báo-chí* của CSVN, chứng-minh rằng Hà-nội đã chủ-trương đàn-áp quyền thông-tin tư-tưởng ngay trên văn-bản chỉ-đạo. Ông kêu-gọi các nước tự-do đứng về phía lòng nhân và lẽ phải, tiếp-tục bao vây kinh-tế đảng Việt Cộng để giúp cho nhân-dân Việt-nam có một cơ-hội giành lại tự-do dân-chủ và nhân-quyền...

Trong đề-tài tị-nạn, GS Lê Văn Mão (Montréal) trình-bày thăm-

cảnh của thuyền-nhân tại các trại: nạn thanh-lọc bất-công, nạn cắt xén lương-thực, thúc-đẩy tự-nguyên hồi-hương, v.v.

Tiếp theo, bộ Ngoại-giao Gia-nã-đại đã trình-bày khái-quát về chính-sách của quốc-gia này đối với Việt-nam.. Diễn-giả cho biết, Gia-nã-đại chỉ mới viện-trợ cho CSVN 5 triệu mỹ-kim qua *Canada Fund* và các tổ-chức ngoại chính-phủ (NGO: *Non-Government Organization*), và hầu hết là thực-phẩm và viện-trợ nhân-đạo. Chính-phủ Gia-nã-đại luôn luôn đặt vấn-đề nhân-quyền trong các cuộc tiếp-xúc với chính-phủ Hà-nội.

GS Stephen Young trình-bày kinh-nghiệm của ông về tình-trạng nhân-quyền tại Việt-nam. Ông nói lướt qua vấn-đề "hoà-hợp hoà-giải" nhưng bị cử-tọa phản-đối nên chuyển hướng, kêu-gọi cộng-đồng Việt-nam đoàn-kết để tập-trung sức mạnh đấu-tranh cho đồng-bào trong nước.

Để chấm-dứt buổi hội-thảo, ông Dương Văn Thụy, Chủ-tịch Chủ-tịch đoàn Liên Hội Người Việt Canada đã thay mặt đồng-bào Việt-nam cư-trú tại Gia-nã-đại, trao một bản kiến-nghị cho chính-phủ và quốc-hội. Gia-nã-đại nhân ngày Quốc-tế nhân-quyền.

Ghi nhận bên lề cuộc hội-thảo, là trong số khoảng 500 tham-dự-viên Việt-nam, đã có tới 300 đồng-bào từ Montréal vượt đường xa về dự, trong đó có các khuôn mặt của cộng-đồng và văn giới, báo giới.

Ngoài những người đóng-góp trên diễn-đàn, ban tổ-chức còn có hàng chục người làm việc cật lực ở vòng ngoài để giúp cho buổi hội-thảo đạt tới thành-công trọn-vẹn. Ngay sau buổi hội-thảo vừa dứt, một tập kỷ-yếu in lại toàn bộ các bài diễn-văn, tham-luận và văn-kiện liên-hệ bằng ba thứ tiếng Việt, Anh, Pháp đã được phân-phát ngay tại chỗ cho cử-tọa cầm về. ○





tin việt-nam

THAM NHƯNG TIẾP-TỤC HOÀNH HÀNH

Theo tin-tức chính-thức do CSVN tiết-lộ, trong vòng 9 tháng đầu năm 1992, đã có tới 50.000 trường-hợp tham-những bị tố-giác, trong đó có 448 vụ (9/1000) đang trong vòng thụ-lý.

Tổng-cục Cảnh-sát cho biết, trong 448 vụ sẽ được đăng đường nói trên, liên can tới 682 bị can tham-ô, 42 bị can hối-lộ và 262 bị can cố ý phạm tội.

Trong số các con hạm tham-ô bị Nhà nước mang ra tế thần, có:

- Hoàng Tài, chuyên-viên vụ Hành-chánh bộ Tài-chánh, tham-ô 100 triệu đồng tiền Hồ.

- Cán-bộ ở công-ty Bảo Việt lương-gạt 2 tỷ đồng.

- Phạm Bá Tôn, giám-đốc công ty Xây lắp Vận-tải, thuộc tổng công-ty Xây-dựng Thủy điện Hoà-bình, tham-ô, nhận hối-lộ và làm thiệt-hại công-quỹ hàng tỷ đồng.

Về buôn lậu, trong 6 tháng đầu năm, Nhà nước bắt được 50.000 vụ (tăng 330% so với năm 1991), tịch-thu 120 tỷ đồng hàng-hóa.

Bộ Thương-mại tiết-lộ, các cơ quan Nhà nước đã tiếp tay, bao che, móc ngoặc với bọn buôn-lậu,

trong đó có Hải-quan Kiên-giang và Xí-nghiệp 797 thuộc Tổng cục Hải-quan. Bộ này còn tố, các vụ xét-xử tại VN không công-bằng: *dân bị xử theo luật, quan (tức cán-bộ đảng) được xử theo ... lệ.* Dân phạm luật thì lãnh trọn hình-phạt, trong khi cán-bộ được đảng bênh-vực, bao che, không hề hấn gì.

Qua số 383 vụ buôn lậu đã xét xử, trong số 727 bị cáo bị giải tòa, chỉ có 22 người bị lãnh án tù, và tới 355 chánh-phạm, vì là cán-bộ đảng nên được hưởng toàn án... treo!

CSVN CỨU ĐÓI... CUBA

Giữa lúc trong nước có hơn 3 triệu đồng-bào nạn-nhân thiên-tai bão lụt không một mái lều trú-ngụ, chịu đói khát bệnh tật vì thiếu thuốc men, lương-thực, CSVN đã trích ra 10.000 tấn gạo trong số viện-trợ nhân-đạo từ các nước tự-do gửi tới, chuyển sang cứu-trợ cho Cuba.

Về mặt bang-giao quốc-tế, việc Hà-nội gửi viện-trợ sang Cuba trong lúc Hoa-kỳ đang gia-tăng bao vây kinh-tế quốc-gia này, là một hành-động khiêu-khích ngu-xuẩn. Nói là "ngu-xuẩn", vì Hà-nội mặt khác, đang lay-lục van-xin Hoa-kỳ bãi bỏ cấm vận! 10.000 tấn gạo của Hà-nội chỉ đủ nuôi dân đói Cuba trong... hai ngày. Trong khi đó, vì 10.000 tấn gạo này, các nước tự-do phải xét lại vấn-đề

viện-trợ nhân-đạo cho CSVN, vì viện-trợ cho Việt-nam chính là gián-tiếp viện-trợ cho Cuba, chuyện mà họ hết sức tránh vì không muốn làm mất lòng Hoa-kỳ.

MÁY BAY RÓT TẠI VIỆT-NAM

Hôm 14.11.92, chiếc máy bay YAK-40 cất cánh từ Sài-gòn đi Nha-trang đã rớt trên đỉnh núi Ô-kha (cao 1.424 mét), cách Cam-ranh 20 cây số về phía tây.

Trong tổng-số 24 hành-khách chỉ có một người sống-sót là bà Annette Herfkens, 31 tuổi, quốc-tịch Hoà-lan; 23 người (8 ngoại-kiều, 15 người Việt) còn lại đều chết thảm.

Bà Herfkens cho biết, sau khi xảy ra tai-nạn, ngoài bà còn có nhiều hành-khách sống-sót. Bà nghe nhiều tiếng nói, rên và khóc chung quanh. Qua gần một ngày trời, các toán tìm cứu của VC mới tới nơi, những người bị thương không chịu đựng được, đã chết hết.

Danh-sách các ngoại-kiều tử-nạn là: Emmerson Hamish (Pháp), Emmerson Sylve (Pháp), Hsieh Chen Hsuan (Đài-loan), Liu Ming Ho (Đài-loan), Lin Shin Che (Đài-loan), Dick Shuping Hsu (Đài-loan), Velvet Knutg (Thụy-diển) và Vaderpas (Hoà-lan).

Hãng hàng-không Việt-nam sẽ bồi-thường 50.000 mỹ-kim mỗi nhân-mạng ngoại-kiều và 500 mỹ-kim mỗi nhân-mạng Việt-nam. Tuy-nhiên đây chỉ là những con số VC đưa ra cho có lệ. Gia-đình các nạn-nhân thăm-tử trong chuyến bay của VC từ Vọng-các sang Sài-gòn bốn năm trước đây (trong đó có con gái nhà văn Duyên Anh) cho tới nay vẫn chưa nhận được một xu tiền bồi-thường.

LỐC TẠI CỬA THUẬN-AN

Một con lốc biển đã kéo vào

cửa Thuận-an, tỉnh Thừa-thiên, vào lúc 6 giờ chiều ngày 26.11.1992, nhận chìm 21 chiếc thuyền của ngư-dân. Số thương-vong chưa được công-bố.

HÀN-LÂM-VIỆN PHÁP TRAO GIẢI CHO NGUYỄN KHẮC VIỆN

Hàn-lâm-viện Pháp đã quyết-định trao giải thưởng văn-chương hạng nhất cho cán-bộ văn-hóa Nguyễn Khắc Viện của CS Hà-nội, với tư-cách là một "thi-sĩ" kiêm "nhà nghiên-cứu nhân-sinh."

Sau khi quyết-định này được công-bố, giới trí-thức Pháp và trí-thức Việt-nam tại Pháp đã nghiêm-chỉnh phản-đối. Công-kích nặng nhất là các tờ *Le Monde*, *Le Canard enchaîné* và *Tin-tức*.

Các nhà văn và trí-thức Việt, Pháp đã gửi kháng-thư tới Hàn-lâm-viện Pháp yêu-cầu xét và rút lại quyết-định trao giải cho Nguyễn Khắc Viện.

Lý-do phản-đối, vì Nguyễn Khắc Viện không phải là một nhà nhân-sinh-học, mà chỉ đơn-thuần là cán-bộ trí-vận cấp quốc-tế của Hà-nội. Ông ta đã và đang ca-tụng chế-độ dã-man Hà-nội trước cũng như sau 1975. Viện từng dẫn-dụ trí-thức tây-phương, nuôi-dưỡng và che đậy sự giả-dối của bạo quyền Hà-nội. Viện đã chà đạp những giá-trị tinh-thần của nền văn-hóa Pháp, quốc-gia đã cứu-mang và cung-cấp phương-tiện nghiên-cứu cho ông ta trước đây.

Báo *Tin-tức* xuất-bản tại Paris còn trưng ra tài-liệu chứng-minh Nguyễn Khắc Viện đã từng viết báo ca-tụng chế-độ toàn-tài của Quốc-xã Đức, trong thời-kỳ nhân-dân Pháp đang quần-quại trong bàn tay tàn ngược của Hitler.

Nguyễn Khắc Viện năm nay 80 tuổi, người Hà-tĩnh, xuất thân trường Bưởi, tốt-nghiệp Y-khoa tại Pháp. Năm 1953, Viện đứng ra

thành-lập phong-trào Liên-hiệp Việt-kiều (thân Cộng) tại Pháp, đã chiêu dụ được nhiều trí-thức VN về phục-vụ cho guồng máy Hà-nội.

LÝ BẰNG CÔNG-DU HÀ-NỘI

Thủ-tướng Trung-Cộng Lý Bằng đã công-du Hà-nội hôm 30.11.92. Đây là chuyến thăm-viếng đầu-tiên của thủ-tướng Trung Cộng tại VN, kể từ 1971 tới nay. CSVN đã nuốt nhục tổ-chức đón-tiếp long-trọng và tuyên-bố "đây là tiêu-mốc đánh dấu giai-đoạn giao-hảo giữa Việt-nam và Trung-quốc."

Kết-quả chuyến công-du của Lý Bằng tại VN, là hai bên đã ký bốn thỏa-hiệp về đầu-tư và kinh-tế.

Bộ trưởng Ngoại-thương Trung Cộng Lý Lan Thanh ký thỏa-hiệp hợp-tác kinh-tế và kỹ-thuật với Hồ Tế, Bộ-trưởng Tài-chánh CSVN; ký thỏa-hiệp hợp-tác đầu-tư với Đậu Ngọc Xuân, Chủ-tịch Ủy ban Nhà nước về hợp-tác và đầu-tư; ngoài ra còn có các thỏa-hiệp về khoa-học, kỹ-thuật và văn-hóa.

Lý Bằng và Võ Văn Kiệt đứng chứng kiến cho các viên chức hai bên ký kết. Kiệt tươi cười hớn-hở, còn Lý Bằng nghiêm-trang nâng ly chúc mừng.

Phát-ngôn-viên Trung Cộng, Từ Đôn Tín, tuyên-bố: hai bên đã cảm-thông quan-trọng, và hai bên sẽ lập tòa lãnh-sự tại Sài-gòn và Quảng-châu.

Về vấn-đề Trường-sa, cả Trung Cộng lẫn CSVN đều tuyên-bố: có tiến bộ khả quan. Hiện nay Trung Cộng vẫn đóng quân tại bắc Trường-sa, không hề rút lui nửa bước và CS Hà-nội đã ngưng phản-đối để trải thảm đỏ chào mừng "quốc-khách".

GS ĐOÀN VIẾT HOẠT KÊU GỌI

Từ trại tù Phan Đăng Lưu, GS Đoàn Viết Hoạt đã gửi lời kêu gọi CS Hà-nội:

- Trả tự-do cho những người bị giam-giữ vì lý-do chính-trị.

- Thực thi những quyền tự-do chính-trị, ngôn-luận, báo-chí và tôn-giáo.

- Tổ-chức những cuộc bầu-cử thực-sự tự-do và công-bình, trong đó mọi người đều được tự-do ứng-cử không phân-biệt khuynh-hướng chính-trị.

GS Đoàn Viết Hoạt đã bị bắt trước đây hai năm vì tội xuất-bản tờ *Diễn-dân tự-do* không có giấy phép Nhà nước.

TÌNH-TRẠNG GIAO-THÔNG TẠI THÀNH HỒ

Báo *Sài-gòn giải-phóng* ngày 7.11.92 thú-nhận, tình-trạng giao-thông tại thành Hồ càng ngày càng rối-rắm phức-tạp, phương-tiện giao-thông tăng 5 lần so với 17 năm trước, trong khi đường sá càng ngày càng hư hỏng thêm vì không được chỉnh-trang đúng mức. Số người chết vì tai-nạn lưu-thông trong quý ba (tháng 7, 8 và 9) vừa qua lên tới 210, so với 118 người trong quý hai (tháng 4, 5 và 6), tức tăng 178%. Trung-bình mỗi ngày xảy ra ít nhất 3 tai-nạn trầm-trọng. Theo thống-kê, 90% tai-nạn xảy ra vào ban đêm vì đường sá lù-mù. Trong thành-phố có 25 địa-điểm luôn luôn kẹt xe.

Vấn theo bài báo trên, chỉ nội trong 9 tháng đầu năm 1992, đã có tới 817 tai-nạn lưu-thông xảy ra tại thành Hồ, khiến 328 người chết, 891 người bị thương.

Hiện nay tại thành Hồ có 700.000 chiếc xe gắn máy; 70.000 xe hơi; 6.700 xe ba bánh có gắn máy; 50.000 xe xích-lô, ba gác và

gần 2 triệu chiếc xe đạp.

Trong thành-phố có 1.721 cây số đường, trong đó có khoảng 850 cây số đường nhựa. Tính theo mật-độ, mỗi đầu người được có 1,2 mét vuông đường lưu-thông; trong khi định mức tối-thiểu của thế-giới là 13 mét vuông đường-sá cho mỗi đầu người.

Mật-độ lưu-thông tại thành Hồ rất cao. Đếm trong một giờ tại một điểm cố-định ở đường Hùng-vương, có 7045 chiếc xe đi qua; đường Hàm-nghi: 5848 chiếc; Lý Thường Kiệt: 5346 chiếc.

CSVN MẤT MỘT TAY SAI ĐẮC-LỰC

"Lào gian" Cay-xôn Phôm-vi-hản, tay sai đắc-lực của CSVN, Chủ-tịch đảng Cộng-sản kiêm chủ-tịch nước Lào, đã qua đời ngày 22.11.1992 tại Vạn-tượng, thọ 73 tuổi.

Trong cuộc chiến-tranh xâm-lăng miền Nam của CS Bắc Việt trước đây, cộng-sản Lào đã sát cánh với CSVN xây-dựng đường mòn Hồ Chí Minh nằm trên lãnh-thổ Lào để giúp Bắc quân vận chuyển vũ-khí, tiếp-liệu cho bộ-đội xâm-nhập.

Cộng-sản Lào trong 17 năm qua đã làm phen giầu cho CSVN, ngăn chặn kháng-chiến-quân VN từ hải-ngoại xâm-nhập quốc-nội. Chính Lào Cộng, theo lệnh Cay-xôn Phôm-vi-hản, đã giải giao đại-tá Võ Đại Tôn cũng như các chiến-sĩ trong Mặt Trận của tướng Hoàng Cơ Minh cho CSVN trước đây.

Sau khi Cay-xôn chết, CS Lào bầu Khăm-tày Xi-phân-đon lên chức chủ-tịch đảng CS và Nu-hắc Phum-xa-văn làm chủ-tịch nước Lào.

THÀNH HỒ HƯƠNG-THỤ

Mặc dù dân-chúng túng cùng,

nghèo khổ, cán-bộ đảng và thành-phần "phe-phẩy" thuộc giai-cấp mới trong xã-hội vẫn tiếp-tục hưởng-thụ đời sống xa-hoa nhờ đồng tiền tham-nhũng, móc ngoặc.

Trong khi gạo và nhu-yếu-phẩm vẫn khan-hiếm, chợ trời vẫn là nơi cung-cấp đầy-đủ rượu bia nhập-cảng. Giá bia "333" 120.000 đồng một thùng. Bia San Miguel và nước ngọt 7-up giá 18.000 / thùng. Ti-vi và video giá từ 300.000 tới 800.000 đồng một chiếc.

VỤ ÁN "YÊU TIẾNG HÁT Ở VIỆT-NAM"

Sau ba năm giam cứu, CSVN đã mang vụ án *Yêu tiếng hát tại Việt-nam* ra tòa án "nhân-dân" hôm 24.11.92 vừa qua.

Nhắc lại, năm 1989 trước đây, trong giai-đoạn Nguyễn Văn Linh đưa ra miếng mồi "đổi mới văn-nghệ", CSVN cho phép hãng phim Chunsing Film của Hương-cảng sang Việt-nam quay một số ngoại-cảnh cho cuốn *Tình-yêu và thử-thách* (sau này đổi tên thành *Yêu tiếng hát ở Việt-nam*). Cán-bộ Phạm Công Cảnh, tổng giám-đốc Liên-hiệp xí-nghiệp điện-ảnh và băng-từ thay mặt nhà nước, ký hợp-đồng với hãng Chunsing.

Bất ngờ cho Hà-nội, vì hám lợi nên chỉ cò-kè bớt một thêm hai về tiền bạc chứ không bỏ công đọc kỹ truyện phim. Cuốn *Yêu tiếng hát ở Việt-nam* có vài đoạn mô-tả thực-tế các trại tù cải-tạo ở Việt-nam khiến Hà-nội ê-chề trước công-luận thế-giới.

Giận cá chém thớt, CSVN cách chức, bắt giam Phạm Công Cảnh và một số cán-bộ liên-hệ, giam-giữ từ tháng 5.1989 tới nay mới mang ra xử.

"Toà" tuyên-án tổng giám-đốc Phạm Công Cảnh và Phạm Kim Thành (trưởng phòng hành-chánh

tổng-hợp) mỗi người 3 năm tù ở về tội "thiếu trách-nhiệm gây hậu-quả nghiêm-trọng"; Nguyễn Quốc Minh 2 năm tù cùng tội-trạng kể trên, Huỳnh Xay 18 tháng tù về tội "tuyên-truyền chống chế-độ xã-hội chủ-nghĩa". "Tòa" cũng kiến-nghị Nhà nước vận-dụng công-pháp quốc-tế, "lên án mạnh-mẽ" hãng Chunsing Film đã "vu-cáo bi-ối chế-độ xã-hội chủ-nghĩa Việt-nam." Không thấy "tòa" nói gì tới thực-trạng 19 trại cải-tạo vẫn được duy-trì trên toàn quốc, nhốt 9.879 tù-nhân chính-trị, trong đó có người đã bị giam 16 năm nay không hề được xét xử.

NẠN "CÁP DUỒN" TẠI LỘC-NINH

Ngày 20.11.1992, một toán quân Cao-miên đã vượt biên-giới tiến vào xã Lộc-hòa, huyện Lộc-ninh (thuộc tỉnh Sông Bé, theo sự phân chia của VC), cưỡng hiếp 2 phụ-nữ, bắt dẫn đi 9 người khác. Dân làng lên theo đấu toán quân Miên, nhặt được xác của 4 trong số 9 người bị bắt, cùng một em bé 9 tuổi trong tình-trạng hấp-hối.

Bộ Ngoại-giao CSVN đã gửi công-hàm phản-đối cho chính-phủ Nam-vang cùng Thượng Hội-đồng quốc-gia Cao-miên.

HÀ-NỘI MỞ XA-LỘ

Thành-phố Hà-nội đang ráo-riết xây-dựng đường cao-tốc (highway) nối liền phi-trường Nội-bài tới Bắc Thăng-long, dài 14,6 cây số, rộng 23 mét, gồm 6 làn (lane) xe chạy, cho phép xe cộ lưu-thông với tốc-độ từ 80 tới 120 cây số giờ.

Đoạn đường ngắn ngủi này, Hà-nội dự-trù làm xong trong hai năm, kinh-phí 200 tỷ đồng, và phần lớn dùng toàn sức người: ban đất, vét bùn, nện đá chống lún.

Trong thời-đại cao-kỹ (high-

tech) của nhân-loại, nhìn những thanh-niên Việt-nam trần thân ra làm việc từ 12 tới 16 giờ mỗi ngày, dùng tay vét từng xô bùn chuyên nhau đi đổ để làm đường, người ta không khỏi chua-xót ngậm-ngùi trước hậu-quả thảm-hại do chính-sách chính-trị khắc-nghiệt, và nền kinh-tế Marxist lệch đường mang lại. Những thế-hệ nhân-lực từng bị phung-phí trong chiến-tranh, nay lại phung-phí trong kinh-tế. Chỉ có những cán-bộ chóp bu của CSVN mới lấy đó làm hãnh-diện: biến con người thành máy, một loại máy sơ-đẳng của thời thượng-cổ!

HÀ-NỘI BẮT BÁO-CHÍ HỌC-TẬP

Báo Quân-đội nhân-dân VC số ra ngày 8.12.1992 loan tin, Hội nhà báo Việt-nam đã tổ-chức một khóa hội-thảo tại Trung-tâm báo-chí Hà-nội, hôm 7.12.1992 với đề-tài "Báo-chí trong cuộc đấu-tranh

chống âm-mưu diễn-biến hòa-bình."

Chủ-trì khóa hội-thảo là Nguyễn Đức Bình, ủy-viên bộ Chính-trị Trung-ương đảng CSVN. Phía hội-thảo-viên có khoảng 100 ký-giả, phóng-viên báo-chí, thông-tấn-xã, truyền-thanh và truyền hình.

Đề-tài học-tập chia ra làm 20 bài, nội-dung ca-tụng đổi mới, cởi mở, đồng-thời xác-định rằng "chức-năng của báo-chí và các phương-tiện thông-tin đại-chúng không những phổ-biến, động-viên toàn Đảng, toàn dân thực-hiện thắng-lợi các nhiệm-vụ chính-trị, kinh-tế, văn-hóa, xã-hội theo tinh-thần nghị-quyết Đại-hội 7, nghị-quyết kỳ họp thứ nhất của Quốc-hội khóa 9, mà còn có nhiệm-vụ làm cho mọi người hiểu rõ kịp thời, đầy-đủ âm-mưu, thủ-đoạn của kẻ địch trong kế-hoạch diễn-biến hòa-bình."

"Diễn-biến hòa-bình" là nhóm chữ CSVN dùng để ám-chỉ phong-trào đấu-tranh đòi dân-chủ của

quần-chúng trong và ngoài nước.

Trong khi nhiệm-vụ của báo-chí là thông-tin, thì CSVN bắt các nhà báo học-tập trung-thành với Đảng, "tổ-chức phối-hợp giữa các cơ-quan báo-chí ở trung-ương, các ngành, các địa-phương, giữa các loại hình báo-chí và các cơ-quan khác trong hệ-thống chuyên-chính vô-sản nhằm tạo sức mạnh tổng-hợp chủ-động và sáng-tạo trong việc chống trả có hiệu-quả nhằm đập tan âm-mưu, thủ-đoạn chiến-lược diễn-biến hòa-bình của chủ-nghĩa đế-quốc và các thế-lực phản-động."

ĐẤT NƯỚC... CHO THUÊ

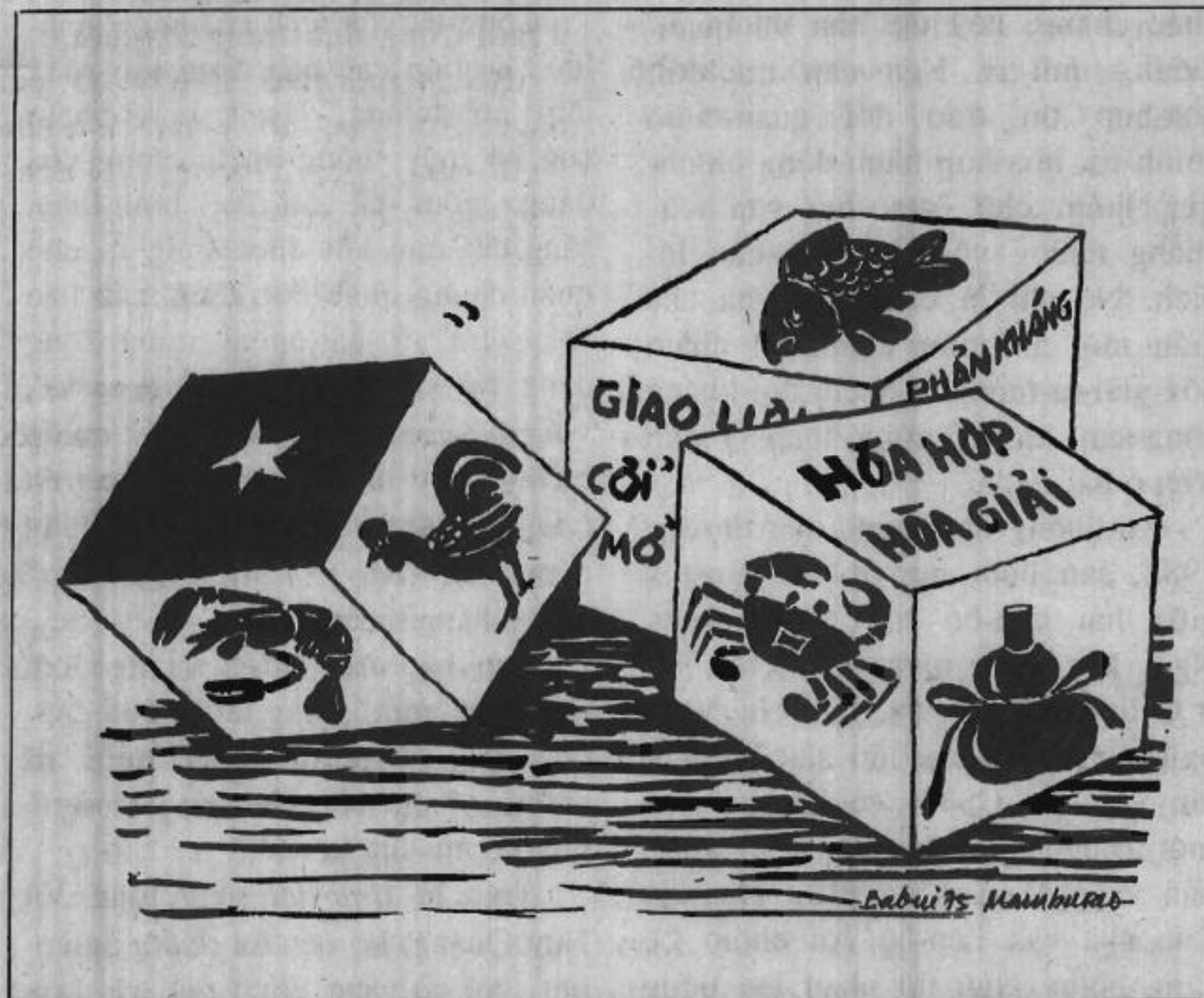
Nguồn tin ngoại-giao cho biết, cuộc thương-thảo giữa Hà-nội và Pháp về việc cho thuê dài hạn đảo Phú-quốc, đang trong giai-đoạn hoàn-tất.

Hà-nội sẽ cho Pháp thuê dài hạn toàn bộ đảo Phú-quốc trong 99 năm. Pháp sẽ tổ-chức hòn đảo này thành một thành-phố du-lịch và cờ bạc như Monaco.

Phú-quốc nằm gần Kompong-Thom và hải-đạo quốc-tế, tiện cho tàu bè ghé lại và sẽ trở thành một khu-vực trù-mật về mọi mặt.

Chưa biết trung-ương đảng CSVN tiết-lộ sẽ chia-chác tiền thuê như thế nào. Để Hà-nội yên-tâm ký giấy bán nước, trong các điều-kiện mật, chính-phủ Pháp có thể đã hứa cho phép các lãnh-tụ VC sang định-cư, mai kia khi thế cờ đảo ngược, đảng Cộng-sản bị tước quyền.

Chưa biết số phận mấy chục ngàn dân trên đảo ra sao. Chắc-chắn phần lớn sẽ bị đưa vào đất liền, và nhà nước chỉ bồi-thường tượng-trung sau khi cướp-đoạt tài-sản, ruộng vườn của dân-chúng, giao cho ngoại-bang.



Sổ Tay Văn-Nghệ

Năm Nhâm Thân 1992

Nguyễn Hữu Nghĩa;

Năm con khỉ có lắm trò khi, nhưng cũng là một năm thành-tựu văn-học, với sự xuất-hiện của gần 20 tài-năng mới và hơn 300 mặt sách do 59 nhà xuất-bản lớn nhỏ cùng các tác-giả tung ra...

CHUYỆN "GIAO-LUU", HỒI KẾT-CUỘC

Trò khỉ trong năm, tuy ồn-ào nhưng không đáng để dài-dòng, là vụ nhóm giao-lưu văn-hóa với cộng-sản bị đồng-bào ở Montréal lạnh-nhật tấy-chay. Trong cơn điên vì phần-hạn, nhóm này đã để trôi tuột hết phẩn-son, lộ nguyên chân-tướng. Lăn ranh Quốc Cộng mà trước kia họ cố nhập-nhằng bôi xóa, nay cũng chính tay họ tô vẽ lại cho đậm nét, công-khai đúng hẳn về phía bên kia, công-kích người quốc-gia là "đê-ti-ên", cờ quốc-gia là cờ "bịp" (*Hợp-lưu* số 7).

Cũng tốt! Trong cuộc chiến, dù là chiến-tranh tâm-lý, mọi sự phải rõ-ràng. Anh không thể vừa ưỡn ngực vỗ vào mớ huy-chương "15 năm quân-ngũ", "mảnh đạn trong đầu", vừa lảng-mạ những giá-trị mà dân-tộc đang gìn-giữ như di-sản cuối-cùng trong cơn nước mất nhà tan.

Bây giờ thì mọi chuyện đã tỏ-rõ.

"Giao-lưu văn-hóa" không phải là một phong-trào, mà là một xu-hướng. Không phải là một xu-hướng văn-học, mà là xu-hướng chính-trị.

Giữa người Việt với người Việt với nhau, dù kẻ bên Âu người bên Á, kẻ hải-ngoại người quốc-nội, vẫn nói cùng thứ tiếng, viết cùng thứ chữ, cùng cầm đũa ăn cơm, cùng cội nguồn lịch-sử, cùng lớn lên trong một nền văn-hóa, tất nhiên không có sự khác-biệt để phải "giao-lưu." Có khác chăng, là khác biệt về quan-điểm chính-trị. Nếu cần trao-đổi, hòa-hợp thì trao đổi quan-điểm chính-trị, hòa-hợp hành-động chính-trị. Nhóm chữ "giao-lưu văn-hóa" chẳng những vô-nghĩa mà còn lố-bịch. Nó chỉ là chiếc mặt nạ che giấu một âm-mưu chính-trị: nhằm hóa-giải tư-tưởng và ý-chí đối-kháng cộng-sản trong cộng-đồng người Việt ở hải-ngoại.

Xu-hướng này manh-nha từ năm 1988, sau buổi họp mặt ở Boston giữa hai cán-bộ trí-vận Lê Lựu, Ngụy Ngữ cùng một số nhà văn VN ở California bay lên. Báo-chí Việt-ngữ tại Hoa-kỳ đạo đó xầm-xì bàn-tán về việc CSVN sẽ bảo-trợ cho một tờ báo "giao-lưu văn-hóa" xuất-bản và phát-hành ngay tại Hoa-kỳ. Các nhà văn liên-hệ với nhóm Lê Lựu, Ngụy Ngữ thì nhau lên tiếng

cải-chính. Thậm chí có người còn viết báo mắng Ngụy Ngữ "kiss and tell", "phản-bội anh em", "bịa đặt"... Chuyện ra báo giao-lưu tạm thời xếp xuống...

Sang năm 1991, CSVN tung mồi "văn-nghệ phản-kháng" với những tên tuổi thời thượng như Dương Thu Hương, Trần Mạnh Hảo, Nguyễn Huy Thiệp,... Một số nhà xuất-bản ở hải-ngoại thi nhau in lại sách do nhà nước cộng-sản đã phát-hành trong nước. Báo "giao-lưu văn-hóa" ra đời tại Hoa-kỳ, và phát-triển hệ-thống chân rết sang các nước có đông người Việt cư-ngụ. Các cơ-sở báo-chí vệ-tinh của CSVN như *Đất mới* (Gia-nã-đại), *Đoàn-kết* (Pháp) đồng loạt đóng cửa, chuyển giao toàn bộ độc-giả dài hạn cho báo giao-lưu quản-lý.

Đặc-tính và cũng là nhiệm-vụ của các báo "giao-lưu văn-hóa" là:

- đăng lại các bài đã đăng trên báo của nhà nước cộng-sản,
- công-kích thẳng vào ý-chí đấu-tranh chống cộng của cộng-đồng người Việt,
- lảng-mạ và tìm cách bao vây các tờ báo chống cộng,

Công-tác lớn nhất của báo "giao-lưu" là giúp các báo đảng mở rộng tầm ảnh-hưởng. Hàng kiểm-phẩm của bộ máy thông-tin tư-tưởng của đảng, gồm cả tin-tức, bình-luận, sáng-tác, sau khi được tung ra cho quần-chúng quốc nội, được các báo "giao-lưu" ở hải-ngoại trang-trọng đăng lại và cộc-lốc: "trong nước", với cái ý mập-mờ đánh lặn, ai muốn hiểu sao thì hiểu, "bài đã đăng trên báo của cộng-sản trong nước" cũng được, mà "bài trong nước gửi ra" cũng chẳng sao!

Các báo này vừa ca-tụng "cởi mở", "đổi mới" trong nước, vừa đập-phá cộng-đồng tị-nạn, triệt-hạ ý-chí chống cộng, bôi bẩn lá cờ vàng, biểu-tượng của tự-do.

Trên tờ *Hợp-lưu* số 7, ông Vũ Huy Quang, bộ óc của nhóm "giao-lưu" gọi cờ vàng là cờ bịp, và đay-

nghe rằng "những người tôn-thờ lá cờ, thực ra tôn-thờ chính họ, với quá-khứ vàng-son của họ".

Vấn rập khuôn theo lối lập-luận cũ-kỹ của các báo Giải-Phóng Miền Nam trước kia, họ Vũ cột chặt lá cờ vàng vào chế-độ tham-những thói-nát của "Thiệu Kỳ". Ông vòng-vò

lý-luận rằng ai còn "ôm cứng lá cờ vàng" thì là người chống cộng cực-đoan, mà theo ông, cực-đoan là đê-tiện.

Để có vẻ "công-bằng" và đúng-đắn, ông cũng kêu-gọi bỏ cờ đỏ, nhưng bỏ sau: *Cờ Vàng bỏ trước, Cờ Đỏ bỏ sau*. Ông tiếm lời dân-chúng

trong nước, bảo rằng đồng bào trong nước coi lá cờ vàng là lá cờ ô-nhục (?), nên mới phải "đánh cho Mỹ cút đánh cho ngụy nhào" (trang 188).

Những lời tuyên-bố của Vũ Huy Quang xác-định rõ-ràng chủ-trương và chương-trình hành-động của các báo "giao-lưu": triệt-hạ toàn bộ những giá-trị tinh-thần của những người chống cộng.

Trong dịp Võ Đình bày tranh tại Montréal hồi tháng 6.92 vừa qua, nhóm giao-lưu mang hết toàn lực, từ nhà dăm-thư cho tới nhà văn-hóa rậm dăm, chuẩn-bị ra mắt công-chúng thì bị cộng-đồng đóng cửa vào mặt. Sau khi lạng-lẽ tan hàng trở về địa-phương an-toàn, các báo "giao-lưu" phản-ứng òn-ào, dùng cả mỹ-nhan-kế để vớt-vát sĩ-diện.

Kế-hoạch "giao-lưu" vừa vỡ, bản hòa-âm êm-dịu bỗng chốc chuyển sang những tiếng động hỗn-tạp chất-chúa. Những giọt nước mắt chưa khô trên khuôn mặt đào thương, giọng nói đã cất lên the-thé chua-ngoa như đào độc. Lớp phấn son nhẽ-nhại trôi xuống, lộ ra khuôn mặt rần-ri gian-nịnh. Tuồng "giao-lưu" đã hạ màn trước giờ văn hát!

NHỮNG KHUÔN MẶT MỚI

Năm 1992 tuy không phải là một năm phồn-thịnh văn-học, nhưng cũng có khá nhiều đáng-đáp mới xuất-hiện trong văn-chương. Có người góp mặt trước đó đã lâu, nhưng tới 1992 mới chính-thức bước lên văn-đàn, với tác-phẩm đóng-góp. Có người mới bắt đầu nhập cuộc, và được chú ý ngay. Có người chỉ mới ghé qua hoặc lạc bước vào sinh-hoạt văn-học, nhưng sự có mặt đã làm cho sinh-hoạt chung ấm-áp hơn.

Về thơ, trong năm qua tại Giannà-đại có thêm tập thơ *Hoa tâm-tư* của Song Hường (Toronto). Cụ Song Hường đã có một đời làm thơ, *Hoa tâm-tư* là thi-tập đầu tay của cụ.



Trước đó, Hoàng Chính (Ontario) đã đưa ra cuốn *Nửa đêm nghe mẹ thở dài*; và Hoàng Xuân Thảo (Toronto) in *Khung trời quê-hương*. Cả hai đều là y-sĩ. Ngoài ra, trong số những khuôn mặt mới vùng Toronto, có thêm Lê Sơn Hà.

Thành-phố văn-hóa Montréal trong năm qua còn có thêm các bạn thơ mới, như Đoàn Minh Hoá, Ngô Xuân Vinh, Hạ Trắng. Nhà thơ Tuệ Quang bấy lâu vắng bóng, nay góp mặt trở lại trên thi-đàn.

Thi-tài xuất-hiện tại các trại tị-nạn, có Hoài Việt (Hương-cảng), Đan Hà (Thái-lan).

Về phía những người làm thơ "tài-tử", có Lê Hữu Mục, Vi-Vi, Hồ Đắc Vũ (ở Gia-nã-đại), Ngô Nguyên Dũng (ở Đức). Gọi là "tài-tử", vì cho dù thơ của họ có xuất-sắc đến đâu, người ta vẫn không quen nhìn họ như một nhà thơ, mà qua những thành-tựu lớn-lao trước đó ở lãnh-vực khác.

Lê Hữu Mục là học-giả, giáo-sư đại-học, chuyên nghiên-cứu về Nguyễn Trãi (Úc Trai học). Ông viết biên-khảo, nghị-luận văn-học, soạn nhạc từ mấy chục năm nay và vẫn đóng-góp đều trong lãnh-vực thi-ca.

Vi-Vi là họa-sĩ chuyên-nghiep; Hồ Đắc Vũ là đạo-diễn điện-ảnh. Vi-Vi mới bắt đầu làm thơ nhưng sắc nét. Hồ Đắc Vũ, tức họa-sĩ Vệt - tay biếm-họa có nhiều tranh đóng-góp trên *Làng Văn*, *Thế-kỷ 21*, *Chiến-sĩ tự-do* - cũng bắt đầu làm thơ. Hơi thơ anh có cá-tính, giàu ý-tử và hình-ảnh.

Tại Hoa-kỳ, thi-sĩ Trần Văn Lệ (San Jose) in tập thơ *Bay về đâu đó ở quê-hương*. Tác-giả làm thơ dễ hơn nói chuyện, bài nào cũng tròn, cũng có không-khí thơ.

Trần Văn Nam in *Một đêm cho thơ*, gồm cả thơ và nhạc.

Ngoài ra, Nguyễn Huy Phước, Nguyễn Văn Ngọc, Thụy Ý, Phan Thịnh, Trương Ái Minh, Cao Xuân Tứ, Trần Ngân Tiêu, Lê Dã Sứ, Lê Thụy Vi, Hồ Ông, Vạn Giã,... tuy

chưa có tác-phẩm in thành tập, nhưng vẫn đóng góp rất đều trên mặt báo.

Về thơ trào phúng, nổi bật trong năm là Mậu Bình, Nam Chi Thượng Nhân, Trần Ngân Tiêu và Hồ Công Tử.

Thơ từ quốc-nội gửi *chui*, đăng trên báo hải-ngoại, có sáng-tác của Hoàng Việt Thi.

Về văn, tại Hoa-kỳ trong năm qua có thêm các cây bút mới: Nguyễn Văn Thông, Trần Ca Dao và Nguyễn Văn. Cả ba đều chiếm giải Văn-học nghệ-thuật Làng Văn.

Nguyễn Văn Thông có đầy-đủ đặc-tính của một người đi rao giảng lòng nhân. Mỗi bước chân để lại một hạt nhân lành. Anh viết, như một cách vinh danh đức hi-sinh, lòng hiếu thiện.

Trần Ca Dao và Nguyễn Văn là hai cây bút nữ, có khuynh-hướng hội-nhập, dựng truyện trên bối-cảnh xã-hội mới, đào sâu tâm-lý và mối xung-đột nội-tại của thế-hệ thứ nhất trên vùng đất tạm dung.

Tại Gia-nã-đại, Nguyễn Hồng Hòa (Montréal) đưa ra tập truyện dài *Câu chuyện của một dân-tộc*, mô-tả sự bần-khoăn suy-nghĩ về đoạn đường đã qua. Tác-giả lớn lên trong chiến-tranh, chứng-kiến nhiều cảnh

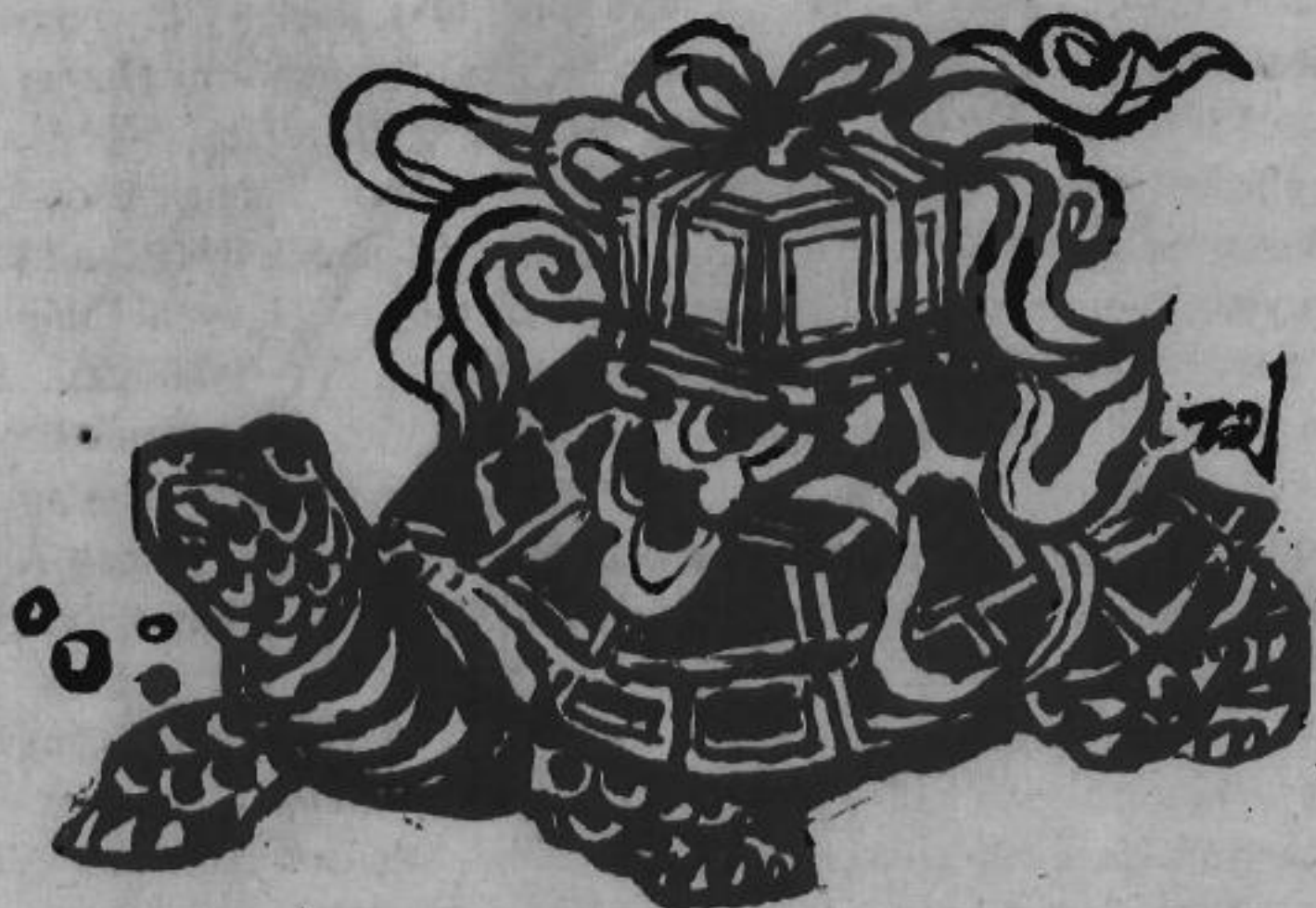
đời tai-biến. Ông ghi-nhận những biến cố trong cuộc đời, xảy ra cùng một nhịp với những biến-cố lớn của dân-tộc.

Cũng ở Gia-nã-đại, Vũ Đình Kh. (Vancouver) in tập *Dốc ké*, gồm truyện và thơ. Tác-giả trưởng thành trong chế-độ cộng-sản, có nhiều cơ-hội tìm hiểu mặt trái sinh-hoạt hạ-tầng của chế-độ. Ông đưa ra một cái nhìn mới về người cộng-sản: chúng giống hệt như loài bọ ngựa cái, lúc chưa xong việc thì i-eo dụ hoặc, thỏa-mãn cuồng-vọng xong thì xé xác, ăn thịt bạn đồng-hành.

Cây bút nữ Hoàng Du Thụy (Edmonton) đưa ra một loạt hai tác-phẩm *Trầm hương hạnh phúc* và *Bạn trầm*, sau một thời-gian dài đăng bài khá đều trên các báo văn-học như *Văn*, *Làng Văn*.

Những cây bút văn xuôi mới nhập-cuộc trong năm, và có khả-năng đi đường dài, phải kể Nguyễn Bá Dĩnh (Montréal).

Tại Na-uy, trong năm qua có thêm sự đóng-góp của Dương Kim, một cây bút dịch-thuật trẻ tuổi ở Na-uy. Kim là con trai của nhà văn Dương Kiền, cháu ngoại nữ-sĩ Nguyễn Thị Vinh, và được sự giúp-đỡ đặc-biệt của thi-sĩ Nguyễn Hữu Nhật. Trong năm qua, Dương Kim đã trình làng tập *Tình người*, tuyển



dịch từ 16 danh-tác của 15 nhà văn Na-uy. Ấn-phẩm này được sự tán-trợ nồng-nhiệt của giới trí-thức và các nhà văn Na-uy.

Tại Pháp, Sĩ Liêm (Paris), con trai nhà văn Sĩ Trung, nhập cuộc với cuốn *Tình-nghĩa thầy trò*. Sĩ Liêm viết khá dễ và có hướng đi riêng.

Tại Hoa-kỳ, nhà văn Ngô Du Trung (Houston) chính-thức vào làng với cuốn *Nước mình nước Mỹ*, tập truyện. Ông là một trong những người có thái-độ chính-trị chứng-chạc của một người cầm bút trước đông bão thời-cuộc. Tác-phẩm của ông chuyên-chở ý-thức đối kháng của quần-chúng đối với hiểm-họa cộng-sản đang tàn-phá đất nước và nhân-cách con người. Ngô Du Trung chọn cho mình một chỗ đứng ngoài ánh-sáng. Ông biết mình sống cho ai và để làm gì. Văn của Ngô Du Trung trong sáng, chân phương và có sức truyền-đạt thẳng.

Phan Lạc Tiếp (San Diego), cây bút già dặn kinh-nghiệm, sau khi ngưng công-tác cứu người vượt biển, đã trở lại với văn-chương. Trong năm qua, ông cho in cuốn *Cánh vạc lưng trời* cùng một loạt truyện và ký khác.

Trương Sỹ Lương (Houston), nhà báo kiêm nhạc-sĩ Hùng ca, in cuốn truyện đầu tay của ông, *Một đời dang-dở*, là một đóng-góp đáng kể.

Nguyễn Văn Quảng-Ngãi in *Hoen màu thời-gian*.

Triệu Phổ (San Jose), khuôn mặt Hùng ca Việt-nam, in cuốn *Vụ Đông xuân*, ghi lại những cảm-nhận của tác-giả trên đường công-tác.

Nguyễn Ngự Bình (San Jose) nhập cuộc với *Mảnh trời nhỏ*. Truyện Nguyễn Ngự Bình trong-sáng, chừng mực, khá vững-chãi trong qui-định của một số kỹ-thuật cổ-diễn, nhắm vào tình-tiết và tính sống-động trong không-khí truyện.

Kim Hà in *Qua cơn bão dữ*, ghi lại những điều tác-giả đã chứng-kiến trong chuyến hành-trình hung-hiểm 15 ngày băng đường bộ ngang qua

Cao-miền, lọt vào tay Khờ-me Đỏ, lính Miền, lính Thái,... Đây là một cuốn sách quý cho những ai muốn tiếp-cận, tìm hiểu nỗi thống-khổ của của một lớp người liêu-linh lẩn-lộn giữa năm sáu lần đạn, chịu thử-thách khủng-khiếp để tìm tự-do.

Tại Úc, trong năm qua có thêm Cao Xuân Lý, Phùng Nhân, là hai tên tuổi quen-thuộc trên mặt báo *Làng Văn*.

Cao Xuân Lý in tập *Luống lang*, Phùng Nhân in cuốn *Vết thương vẫn mở*, cả hai đều có cá-tính và chiều sâu, chuyên-chở được nhiều điều mới, văn-phong miền Nam dung-dị, ít trau-chuốt.

Tại các trại tị-nạn, độc-giả chú-ý tới sự đóng góp của Phạm Văn Cương, Nguyễn Mạnh An Dân, Nguyễn Minh Khánh (Mã-lai), Nguyễn Quốc Trụ (Thái-lan).

GIẢI VĂN-HỌC NGHỆ-THUẬT LÀNG VĂN 1992

Giải Văn-học nghệ-thuật 1992 đã hoàn-tất, giới-thiệu với độc-giả những cây bút mới, có khả-năng tự mở lối bước vào văn-giới.

Về văn xuôi, các tác-giả đoạt giải là Nguyễn Văn (Hoa-kỳ), Trần Ca Dao (Hoa-kỳ), Nguyễn Minh Khánh (Mã-lai), Vũ Nghi (Gia-nã-đại), Phùng Nhân (Úc), Phạm Văn Cương (Mã-lai), Việt Ngọc Ngừ (Hoa-kỳ), Nguyễn thị Hương Giang (Hoa-kỳ), Hồ Hiệp Nguyễn (Úc), Nguyễn Văn Thông (Hoa-kỳ) và Phạm thị Thanh Bách (Hoa-kỳ).

Về thơ, có Nguyễn Hưng (Hoa-kỳ), Lê Dã Sử (Phần-lan), Hoàng Việt Thi (Việt-nam), Kinh-Tân (Gia-nã-đại), Hoài Việt (Hương-cảng), Bảo Trân (Hoa-kỳ), Trương Ái Minh (Hoa-kỳ), Tường Hùng (Hoa-kỳ), Tô Giang (Gia-nã-đại), Hồng Hưng (Hoa-kỳ), Trần Quốc Thắng (Gia-nã-đại) và Đan Hà (Thái-lan).

Giải Văn-học năm nào cũng có nhiều cây bút mới tham-gia. Từ

điểm phát-xuất đó, có người đã bước lên văn-đàn và thành công. Các trường-hợp điển hình là Trường-sơn Lê Xuân Nhị, Phùng Nhân. Nguyễn Văn Thông tuy mức-độ đóng-góp còn khiêm-tốn, nhưng có cá-tính mạnh, tiên-trình tốt đẹp.

Những bạn văn đoạt giải Văn-học 1992, phần lớn là các cây bút nữ; khác với giải 1990, đa-số thuộc giới tu-mi.

SÁCH MỚI TRONG NĂM

1992 là năm thịnh-hành về sách mới, nhất là đối với hai nhà Làng Văn và Đại Nam.

Cơ-sở Đại Nam từ ngày ông Trương Đình Nho về thay ông Đỗ Ngọc Tùng, với sự cố-vấn của bà Tùng trong buổi đầu, đã làm việc có qui-củ hẳn ra, sách in đều, in đẹp, phát-hành nhanh.

Trong năm, ngoài hàng trăm tựa sách tái-bản, cơ-sở này đã in các tác-phẩm mới như *Trầm hương hạnh-phúc* của Hoàng Du Thụy, đẹp trang nhã;

Những ngày ở Virginia, truyện của Vi Khuê, bút-pháp linh-động, văn cách hồn-nhiên và chân-thật;

Chuyện miệt vườn (truyện ngắn và kịch thơ), *Tình trong nhung-lụa* (truyện ngắn), tất cả đều của Hồ Trường An, tác-giả có sách bán chạy nhất trong số các nhà văn miền Nam.

Phê-bình tiểu-thuyết "Mùa biển động" của Nguyễn thị Sông Hương, v.v.

Cơ-sở Làng Văn in 25 tựa sách trong năm 1992, gồm thơ, truyện, biên-khảo và nghị-luận chính-trị.

Về truyện dài, bộ *Thạch-kiếm* của Tục Tỉnh đã hoàn-tất. *Thạch kiếm* là bộ sách thiên-kiếm, viết về cuộc đời của đại kiếm-khách Cung Bản Vũ Tàng (Miyamoto Musashi) mà trong *Thạch-kiếm* gọi là Thạch Kinh Tử hay Thạch Đạt Lang. Musashi là

kiếm-sư. Ông không chỉ cầm kiếm bằng tay, mà còn sử kiếm bằng ý, *kiếm ý*. Một đường gươm phóng ra là kết-quả của một cuộc khổ luyện ý-chí trong hàng chục năm. Các doanh-gia Nhật-bản vùi đầu nghiên-cứu sách vở của Musashi để lại, luyện thần và áp-dụng vào thương-trường, đưa kinh-tế đất nước tới chỗ cực thịnh.

Đọc *Thạch kiếm*, ngoài việc tìm hiểu và thú-vị với cuộc đời ngang dọc của Thạch Đạt Lang, còn là đọc một bộ huyền-kinh để khám-phá bản-năng của con người và tìm thấy mối dây liên-lạc màu-nhiệm với vũ-trụ. *Thạch kiếm* bán chạy, dù giá trọn bộ bốn cuốn hơi cao, 60 mỹ-kim.

Về bút ký, có *Đất mới*, tác-phẩm thứ hai của Trà Lũ, vững và vui hơn *Miền đất hạnh-phúc* của chính ông trước đây.

Trong năm, Nguyễn Đức Lập cũng đã giao cho Làng Văn in tập truyện ngắn *Cặp mắt quay lại* của ông, tác-phẩm thứ chín trong mười năm viết văn. Nguyễn Đức Lập là ngòi bút có cá-tính, vững lập-trường, chủ-trương dụng văn để xây-dựng xã-hội, góp sức đấu-tranh cho tự-do dân-chủ tại quê nhà. Truyện của ông đào sâu tâm-lý nhân-vật, vượt lên trên cái tầm thường khô cứng của văn-chương luận-đề.

Trong năm, Làng Văn hợp-tác với nhà Anh Em của Nguyễn Hữu Nhật, in và phát-hành tập *Tình người*, dịch phẩm của Dương Kim, giới-thiệu 16 danh-tác của 15 tác-giả Na-uy. Ngoài bài dịch còn có phần tóm-tắt tiểu-sử, văn-nghệp kèm minh-họa chân-dung của tác-giả (Nguyễn Hữu Nhật vẽ). Một cánh cửa mở về phía văn-chương thế-giới. Một tác-phẩm nên đọc.

Vấn qua Làng Văn, Ngô Nguyên Dũng trình làng một lượt hai tập truyện ngắn: *Tiếng núi* và *Chuông đêm*. Ngô Nguyên Dũng có bầu trời tự-do tuyệt-đối của ông, lướt trên mọi đề-tài qua nhãn giới của một

thanh-niên lạc-loài trên đất khách, luôn luôn hoài-vọng một cõi quê nhà, uơm tròn kỷ-niệm ấu-thơ. Truyện của Ngô Nguyên Dũng có cái trong sáng vào đời, có nỗi băn-khoăn ray-rứt giữa đường và sự khát-khao khám-phá những khung cửa mới. Truyện của Ngô Nguyên Dũng được đón-nhận ấm-áp, nhất là tại Âu-châu.

Câu chuyện của một dân-tộc, truyện của Nguyễn Hồng Hòa, và *Nước mình nước Mỹ*, tập truyện ngắn của Ngô Du Trung, là tác-phẩm đầu tay của hai khuôn mặt mới.

Về truyện quê-hương, vào khoảng cuối năm, Làng Văn tung ra thêm hai cuốn *Xóm cũ* và *Vui buồn nghề-nghiep* của Phạm Thăng. "*Xóm Cũ*" là một cột mục trên tạp-chí *Làng Văn*, được sự hưởng-ứng ấm-áp của văn-hữu cũng như các tầng lớp độc-giả. Mỗi người ra đi mang theo một phần kỷ-niệm, như những đứa con trong một đại gia-đình mỗi người giữ một mảnh nhỏ của bình ngọc vỡ. Có mảnh đậm nét địa-phương. Có mảnh chờ nặng tình người. "*Xóm Cũ*" cố tập-trung, hàn gắn những mảnh ngọc rời, thành một khung trời khoáng-đăng: quê-hương. Trong tám năm *Làng Văn*, Phạm Thăng là người đóng-góp nhiều "mảnh" nhất, và bây giờ ráp lại thành một phần quan-trọng riêng ông.

Vui buồn nghề-nghiep thuộc loại văn-chương hoài-niệm, với sự đóng-góp của nhiều người: Phạm Thăng, cùng với bài viết cũ mới của Tế Xuyên, Nguyễn Ang Ca, Trần Văn Ân, An Khê, Huyền Vũ, v.v. Phạm Thăng chọn-lựa và biên-tập. Đọc *Vui buồn nghề-nghiep*, bạn đọc đi sâu vào thế-giới kỷ-niệm thể-thao, sân-khấu kịch trường và báo-chí Việt-nam thời 60.

Về nghị-luận chính-trị, trong năm Làng Văn in tập *Dọn đường về nước* của Nguyễn Hữu Nghĩa, gom-góp những bài báo viết về các đề-tài thời-sự, văn-học nóng bỏng liên-

quan tới tình-hình chính-trị Việt-nam.

Về khảo-luận văn-học, có *Sự muôn năm cũ* của Trần Văn Tích, y-sĩ kiêm học-giả nghiên-cứu tư-tưởng Lão Trang, y-học dân-tộc và cổ -văn Việt-nam.

Về sách Phật-học, Nguyễn Phong giao cho Làng Văn cuốn *Huyền-thuật và đạo-sĩ Tây-tạng*, dịch từ *Mystiques et magiciens du Thibet* của Elexandra David Neel. Sách đề-cập những vấn-đề siêu-hình phức-tạp của Tây-tạng qua nhãn-giới một nhà khoa-học tây-phương. Tác-giả chứng-nghiệm rằng, trên thế-gian này không có hiện-tượng nào là phép lạ cả. Vấn-đề là người ta chưa nghiên-cứu đến tận cùng, chưa hiểu thấu-đáo những hiện-tượng đó.

Nguyễn Ngọc Ngạn có hai cuốn, *Chính-khách* và *Chút ân-tình mong-manh*. Sách của ông vẫn bán chạy như các cuốn trước.

Về thơ, Làng Văn in và phát-hành tập *Hoa tâm-tư* của nữ-sĩ Song Hương, một nhà giáo lão-thành sinh sống tại Toronto.

Thi-sĩ Đắc Trung in tập thơ thứ tư của ông, *Hồn tôi cũng muốn qua cầu gió bay*.

Ngoài ra, Làng Văn còn in các tập *Nửa đêm nghe mẹ thở dài* của Hoàng Chính; *Khung trời quê hương* của Hoàng Xuân Thảo và *Nghĩa tình* của Khải Chính.

Các tập thơ này đều do Văn Bút Ontario ra mắt tại Toronto, cùng tập *Hương quê* của nữ-sĩ Lê Bạch Lựu, Montréal.

Đôi uyên-ương Thủy Trang, Nguyễn Bá Đình khai sinh đứa con tinh-thần thứ nhì: *Dòng thơ lưu-lạc*. Tập thơ in trang nhã, mỹ-thuật. Đôi bạn thơ có cùng một điểm để nhìn về: quê-hương; cùng trăn-trở về tương-lai dân-tộc, về hiện-tại dọ-dây của đất nước và thao-thức về một ngày về.

Cung Vũ in tập thơ thứ ba: *Nguyệt bạch* và tái-bản tập *Hồng-trần*.

Nhà xuất-bản Văn-Nghệ in ít đi và đôn sức đẩy mạnh phát-hành cho các nhà như An Tiêm, Thanh Văn, Thời Văn, v.v.

Ấn-phẩm đáng chú-ý của Văn-nghệ là cuốn *Truyện miền Nam*, biên-khảo của Võ Phiến; và cuốn *Khổng-tử* của Nguyễn Hiến Lê, viết sau 1975, in lần đầu tại Hoa-kỳ.

Ngoài ra, Văn-Nghệ còn có *Nửa đêm sự tĩnh*, hồi-ký những cuộc tình của Lưu Trọng Lư; *Hồi ơi*, thơ Ngu-Yên

Trong năm, nhà An-Tiêm in sách khá đều. Các cuốn được chú ý là *Phạm Quỳnh*, tuyển-tập và di-cảo; *Thành-phố trong hồi-tưởng* của Trần Hồng Châu; *Một trang đời* của Phan thị Trọng-Tuyến; *Bên lở bên bồi* của Nguyễn thị Hoàng Bắc.

Tác-phẩm được chú-ý nhất của An Tiêm trong năm là *Một trang đời*, gồm các truyện ngắn có tính-cách tự-truyện, kể lại quãng đời học-trò của tác-giả, bằng giọng văn nhẹ-nhàng, hóm-hình.

Nhà Thanh Văn mới được thành-lập, đã chạy nước rút để theo dấu đồng-nghiệp. Trong năm, Thanh Văn đã in *Bụi và rác* của Nguyễn Xuân Hoàng. Đây là tập thứ nhì của bộ truyện *Người đi trên mây* mà phần I đã in sáu năm trước đây.

Ngoài ra, Thanh Văn còn in *Tìm thơ trong tiếng nói*, tiếp ký (ghi vắn-tắt) của Đỗ Quý Toàn, *Phật học khảo-luận* của Chơn Thiện, *Nghề làm vua* của Lê Hằng.

Nhà Xuân Thu hiện nay là nơi in lại hầu hết các mặt truyện do cộng-sản xuất-bản trong nước, mặc dù các cuốn này sức bán rất yếu.

Về các tác-giả ở hải-ngoại, Xuân Thu in cuốn *Nghĩ trong mùa Xuân* của Thế Uyên. Tác-giả có tham-vọng trở thành lý-thuyết-gia trong cuộc cách-mạng dân-tộc. Tuy-nhiên, trong khi cố tạo dáng vẻ cấp-tiến, ông không vẫn chưa thoát ra khỏi lối mòn tư-tưởng của những triết-gia xã-hội hồi thế-kỷ 19, khiến lý-thuyết

của ông bị tách rời và đi sau thời-đại quá xa, không thích-hợp với bất cứ khuynh-hướng nào trên chính-trường ngày nay.

Ngoài Thế Uyên, Võ Kỳ Điền cũng giao cho Xuân Thu in cuốn *Pulau Bidong miền đất lạ*, truyện dài. Tác-giả kể lại chuyến vượt biên thơ mộng của mình và nỗi ray-rút ái-tình của ông trong những ngày ở đảo.

Nhà Văn-hóa in các cuốn *Hoàng-tử Vĩnh-san* của Vũ Ngự Chiêu; *Hồ Chí Minh, con người và huyền-thoại* của Chính Đạo.

Nhà Khai Trí tái hoạt-động tại hải-ngoại, bắt đầu bằng cuốn sách tái-bản: *Đặc-khảo về Hoàng-sa và Trường-sa*.

Tổ-Hợp Miền Đông in cuốn *Bút-ký* của Irina và *Những ngày muốn quên* của Đoàn Thêm.

Irina là một hiện-tượng mới. Bà nói và viết được tiếng Việt, có giờ phát-thanh trên đài Mạc-tư-khoa và bán chương-trình cho tổ-chức Phục-Hung.

Nhà Hoa Gấm in tập *Giàn đậu mưa rung* của Nguyễn Đức Lập. Nhà văn họ Nguyễn sở-trường truyện miền Nam, hơi chất-chường nhưng sâu-sắc.

Nhà Thế-Giới hoạt-động mạnh hơn các năm trước, về cả hai mặt xuất-bản lẫn phát-hành, chú-trọng vào các tựa sách để bán: *Gái lau-vong* (Nguyễn Thụy Minh Ngừ), *Thế-giới bùa ngải* (Hùng Sơn), *Kuma Surtra*, v.v.

Ngoài ra, Thế-Giới còn có *Huỳnh-dệ tương-tàn* của Nayan Chanda, bản dịch của Phạm Quốc Bảo.

Các nhà xuất-bản khác, phần lớn nhíp in chậm lại vì tình-trạng suy-thoái kinh-tế toàn cầu.

Tuy-nhiên, nhà Anh Em ở Na-uy cũng cho chào đời các tập thơ *Hoa sen* và *Chí-tôn ca* của Nguyễn Hữu Nhật. *Hoa sen* có không-khí *Diệu-pháp liên hoa kinh*; còn *Chí-tôn ca*

gồm hai phần *Ai-ca* và *Diệu ca*, lấy cảm hứng từ kinh thánh.

Nguyễn Tấn Hưng thành-lập cơ-sở Miệt Vườn, in *Tình nghĩa thầy trò* của Sĩ Liêm, *Một thoáng trong mơ*, thơ Nguyễn Tấn Hưng, *One time as an Intelligence Officer*, *Một dòng ca-dao câu hò câu đối miền Nam*, biên-khảo của Nguyễn Tấn Hưng.

Tập "biên-khảo" về ca-dao này là một "tội ác" trong lịch-sử nghiên-cứu văn-học dân-gian. "Nhà biên-khảo" lẫn-lộn ca-dao miền này với miền nọ, chấp-vá, ngắt đoạn, trộn thơ Phạm Thiên Thư, Nguyễn Bính, ca-khúc và cả sách giáo-khoa *Tam thiên tự* vào...

Cơ-sở Phù-sa in cuốn *Cây trái quê mình* của Nguyễn Văn Ba và Huỳnh Hữu Cửu. Cũng như Miệt Vườn, Phù-sa chuyên in sách của các tác-giả miền Nam, nhưng có chọn-lựa và chăm-sóc chu-đáo hơn.

Trong năm, Phù-sa còn in cuốn *Thành-đô gió bụi* của Nguyễn Văn Ba, gồm các truyện ngắn hôn-hậu, chơn-chất mang nhiều dấu-tích ruộng vườn của một nhà văn yêu đất, yêu người.

Nhà Minh Văn (Hoa-kỳ) in cuốn *Niềm vui ung-thư* và *Cõi sa-mù* của Trần Long Hồ, một bước tiến khá quan-trọng trong đời viết văn của ông.

Đỗ Quốc Anh Thư in cuốn *Tình người bên kia chiến-tuyến*, dựa trên bối-cảnh xã-hội Việt-nam thời kháng Pháp, đưa ra bài học lịch-sử cho những thanh-niên yêu nước làm đường, hợp-tác với cộng-sản, cuối cùng dẫn đến hậu-quả thương-tâm sau ngày "kháng-chiến thành-công."

Nhà Bắc Đẩu in tập *Hán-văn*, sách học Hán văn do Trần Trọng San biên-soạn. Đây là cuốn sách giáo-khoa giá-trị, soạn-thảo và án-loát công-phu, thích-hợp nhiều trình-độ, từ sơ-cấp tới trung-cấp.

Mãng Non (Đức) xuất-bản cuốn *Chuyện bé Kim* của Từ Nguyên.

Việt Bình (Pháp) in cuốn *Làng*

xưa phố cũ III, nhiều tác-giả.

Mở Làng (San Jose) in cuốn *Vàng trắng lẻ bạn* của Hoàng thị Đáo Tiệp và *Bóng ngày qua* của Trần Sĩ Huân.

Tuần-báo *Thế-giới* ở Houston in cuốn *Một đời dang-dở* của Trương Sỹ Lương. Truyện của Trương Sỹ Lương là những mẩu sống thực còn nguyên xúc-động, nhẹ nhàng nhưng súc-tích.

Nhà Chân-Nguyên in cuốn *Biển đời muôn thuở*, tác-phẩm văn xuôi thứ ba của Vĩnh Hảo, một cây bút trẻ nhưng vững chãi, đã thành-tựu trong các năm qua.

Alpha in *Núi xanh mây hồng*, cũng của Vĩnh Hảo; *Việt-nam tôn-giáo chính-trị-quan II* của LM Vũ Đình Hoạt và *Việt-nam 30 năm máu lửa* của Cao Thế Dung.

Cơ-sở Bình Minh (Houston) in cuốn *Cơn bão giữa đời* của Nguyễn Thiếu Nhân. Truyện mượn bối-cảnh xã-hội của người tị-nạn Việt-nam trên đất Mỹ, viết về cảnh bế đàu của cuộc đời. Ngoài ra, còn có *Triệu năm trước, nghìn năm sau*, sách nghiên-cứu khoa-học của Trần Hồng Văn; *Khói súng*, truyện dài của Phạm Kim Khôi.

Sống Việt (San Jose) in cuốn *Quà tặng những kẻ yêu nhau*, truyện và ký của Nguyễn Thiếu Nhân. Tác-giả kể lại quãng đời chông-chênh tủi-nhục của mình trong đoạn đời chung của dân-tộc, bằng lối văn giản-dị, chân-thành. Truyện của ông vừa phải, không gò bó hay biến dạng vì cảm-xúc cá-nhân.

Nhà Sông Thu in cuốn *Chân-dung thơ Luân Hoán*, gồm các bài ngợi khen, thù-tạc do Luân Hoán sưu-tập và đặt hàng.

Nhà Ngàn Lau in cuốn *Con người Việt-nam, hôm nay và ngày mai*, nhiều tác-giả.

Nam Việt in *Sóng lưng Mafia* của Triệu Xuân.

Tủ sách *Kẻ Nửa* (San Diego) in cuốn *Cánh vạc lưng trời*, truyện và

ký của Phan Lạc Tiếp, ghi lại những mẩu chuyện xảy ra bên lề lịch-sử, những cuộc tình rời-rã, phức-tạp sau ngày tan cuộc, những kiếp sống phiêu-bạc quê người, những ấn-tượng buồn-bã về cuộc đời...

Chỉ Thảo (San Jose) in cuốn *Mảnh trời nhỏ* của Nguyễn Ngự Bình.

Nam Á in các bộ *Thuận-thiên dị sử* và *Anh-hùng Tiếu-sơn* của Yên-tử cư-sĩ. Yên Tử cư-sĩ chuyên viết truyện dã-sử, mượn bối-cảnh thời cổ.

Thư Hương (Hoa-kỳ) in cuốn *Cánh đồng cho em* của Hoàng Mai Đạt. Đây là tác-phẩm đầu tay của cả tác-giả lẫn nhà xuất-bản. Sách gồm 13 truyện ngắn xã-hội, chân-thật và đôi khi trần-trụi.

Hương Dương (Hoa-kỳ) in tập thơ *Đá và hoa* của Song Hồ. Tiếng thơ Song Hồ đau-đớn như tiếng kêu tử biệt, cốt pho-bày cõi tâm hơn là lựa lời óng-chuốt. Thơ trôi nổi theo thời-cuộc, không có tham-vọng hoà-nhập hay thay-đổi thời-cuộc.

Thương-Yêu của Nhã Ca & Trần Dạ Từ in *Chớp mắt một thời* của Nhã Ca.

Thắng Tiến in *Mẹ Teresa* của Hoàng Quý và Thanh Hiền.

Hung Đạo in *Ấn tượng một thời* của Vũ Ký.

Cơ-sở Đời của Nguyên Sa in *Nguyên Sa, tác-giả và tác-phẩm*, gồm các bài ngợi khen của nhiều người viết về ông. Đây là một hiện-tượng lạ, xảy ra cho những người tuy còn sống nhưng đã muốn tự "gói-ghém" văn-nghiep và dựng bia thờ phụng. Noi gương Nguyên Sa, có Du Tử Lê và Luân Hoán.

Ngoài ra, về các ấn-phẩm do tác-giả tự xuất bản có *Cá lớn* của Đào Khanh.

Đoàn Văn Thông in *Làm thế nào để biết người đàn bà*.

Thu Ngân in *Tình mộng*, thơ.

Minh Viên in *Mưa xanh*, thơ song ngữ Việt Anh.

Vũ Nam (Đức) in *Bên dòng sông Donau*.

Bùi Đông Triều in *Con đường cái-quan của đệ tam thế-giới*.

Du Tử Lê in *Tôi với người chung một trái tim*, *Đi với về cũng một nghĩa như nhau* và *Thơ tình*.

Minh Kỳ, Trần Khâm in *Việt-nam, 50 năm bế đàu*.

Dạ Quỳnh in *Thi-khúc*, tập thơ.

Trần Văn Nam in *Một đêm cho thơ tình và âm-nhạc*.

Lê Thao Chuyên in *Giọt nước mắt thủy-tinh*.

Hà Lệ Nhân in *Ai-lao, cái đẹp và con người*, nhiều tác-giả.

Phạm Miên Tường in *Cơn mưa đời nguồn*.

Xuân Vũ in *2000 ngày đêm trấn-thủ Củ Chi*.

Lục-lượng Quân-dân (Úc) in *Tiếng chim bên dòng thác Champy* của Hoàng Phong Linh.

Dương Huệ Anh in *Quê-hương vĩnh-cửu tình-yêu*.

Triều Hoa Đại in *Dấu huệ hồng*.

Viên Lương in *Cuộc tình đã lỡ*.

Nghiêu Minh in *Trăng mặt*, thơ.

Khế Iêm in tập thơ *Thanh-xuân...*

Cũng trong năm, tại hải-ngoại này ra hiện-tượng sách khiêu-dâm. Mở đầu loạt sách sa-đọa này là Vũ Huy Quang (cuốn *Nhục bờ-đoàn*) và Tống Ngọc (tức Khánh Trường, cuốn *Qua khe hở*). Hai ông này cũng là người lãnh-đạo phong-trào giao-lưu văn-hoá với cộng-sản qua tờ *Hợp-Lưu*.

CHUYỆN BUỒN TRONG NĂM

Cụ Nguyễn Thanh, 80 tuổi, một trong những cây bút Xóm Cũ đã qua đời, vài tháng sau khi chu-du thế-giới trở về. Trong dịp ghé qua làng, cụ đã bàn về một vài đề-tài định viết...

Một người bạn mới thân qua thư-từ, từng đóng-góp bài vở nhưng chưa có cơ-hội gặp mặt, anh Phạm Văn Cương, đã qua đời trong trại tị-nạn Mã-lai.

Bạn thơ Nguyễn Tất Nhiên, tự tử bằng thuốc ngủ, nằm chết trong xe đậu trước sân chùa ở quận Cam. Cái chết của anh đã là đề-tài cho hàng trăm bài thơ thương tiếc xuất-hiện trên các báo.

Lý Tống, tác-giả *Ó đen* nhảy dù xuống Sài-gòn sau khi uy-hiệp máy bay dân-dụng của CSVN chở anh bay thấp ngang qua trung-tâm thành-phố để rải xuống 50.000 tấm truyền-đơn kêu-gọi nổi dậy. Hà-nội loan tin đưa Lý Tống ra tòa án nhân-dân và kết án tử-hình, nhưng sau đó đình lại. Cộng-đồng hải-ngoại và thân-hữu của anh ráo-riết vận-động để Lý Tống được đối-xử như một tù-nhân chính-trị chứ không phải "không-tặc."

Không thấy Văn Bút Việt-Nam hải-ngoại lên tiếng can-thiệp cho tác-giả *Ó đen* như đã bênh-vực nhóm "giao-lưu".

Về phía quần-chúng, cộng-đồng Việt-nam ở khắp nơi đã lên tiếng vận-động thế-giới can-thiệp, cứu Lý Tống. Ngoài ra, độc-giả và văn-hữu cũng viết hàng ngàn bài thơ, văn và ra sách ca-ngợi hành-động anh-hùng này.

TIN VUI TRONG LÀNG

Trong năm, thi-sĩ Xuân Tước được trao tặng huân-bài *Thi-sĩ có thực-tài* tại Đại-hội thi-sĩ thế-giới, tổ-chức tại thủ-đô Hoa-kỳ vào cuối tháng 8.1992.

Thi-sĩ Nguyễn Chí Thiện được Văn Bút Đức-quốc mời làm hội-viên danh-dự. Những bài thơ phản-kháng của ông đã làm rung-động dân-tộc Đức, qua bản dịch *Echo ans dem Abgrund* của Bùi Hạnh Nghi, tiến-sĩ văn-chương Đức.

Hội-đồng Việt-nam Tự-do đã làm lễ tôn-vinh 60 văn-nghe-sĩ Việt-nam tha-thiết với công-cuộc đấu-tranh cho một nước Việt-nam tự-do dân-chủ. Buổi lễ được tổ-chức tại trụ-sở Quốc-hội Hoa-kỳ.



Trong số những người "thoát cũi xổ lồng" trong năm, có họa-sĩ Vũ Hối và các nhà văn Nguyễn Sỹ Tế, Phan Lạc Phúc, sang tới Hoa-kỳ trong chiến-dịch nhân-đạo (HO).

Mặt khác, nhà báo Tô Kiều Phương đã rời trại tị-nạn, tái định-cư tại Hoa-kỳ. Nhà báo Tuấn Quỳnh sang Bắc Âu, nhà báo Hồ Ông chuẩn-bị sang Úc, và nhà văn Nguyễn Quốc Trụ đã "đậu" thanh-lọc.

Nhìn chung, năm văn-học Nhâm-Thân đánh dấu nhiều thành-tựu đáng kể. Sau một thời-gian tiếp-xúc với bóng ma văn-học nặng tính đảng trong nước, các cây bút ở hải-ngoại càng thêm tự tin.

Người viết ở đây có một không-gian cao rộng, có tầm nhìn bao-quát và trái tim khoan-dung hơn.

Họ có quyền chọn-lựa cho mình

một thái-độ, một hướng đi, một chỗ đứng.

Họ có thể thờ-ơ, hay tích-cực dấn thân; khẳng-khái nhận nhiệm-vụ và lên đường, hay trùm chần trong tháp ngà văn-học. Không ai đề-nén ai. Không ai bắt ép ai.

Trong các thứ tự-do, họ có cả tự-do tình-nguyện ép mình vào lý-tưởng để phục-vụ, hoặc buông trôi theo dòng thời-cuộc hay dục-tính sa-đọa.

Độc-giả chỉ đòi-hỏi một điều ở văn-giới: tính trung-thực; trắng, xanh, hay đỏ, tùy chọn-lựa của người sáng-tác; chỉ xin đừng nguy-trang, trá hình. Thái-độ đeo mặt nạ không còn thích-hợp nữa!

Cuối năm, bầy khỉ đỏ đít đã về rừng, xin dang tay chào đón một mùa xuân mới: Quý Dậu, năm gà, năm của sự tỉnh-thức... ○

1992: Năm Thế-Giới Hình-Thành “Trật-Tự Mới”, Nhưng VN Vẫn Còn Là Một Dấu Hỏi Lớn *Sơn Tùng*

Lá cờ đỏ búa liềm trên nóc điện Kremlin được hạ xuống chỉ vài ngày trước khi thế giới bước vào năm 1992 được coi là món quà Tết vĩ đại nhất mà ông Boris Yeltsin, tổng thống Cộng hoà Nga, đã tặng cho nhân loại, chấm dứt cơn ác mộng kéo dài nửa thế kỷ về một cuộc chiến tranh hủy diệt. Đó cũng là một biến cố đánh dấu sự mở đầu cho “trật tự mới” trên thế giới được thành hình trong năm 1992.

Nếu năm 1991 là năm tan rã của đế quốc Xã hội Chủ nghĩa Sô-viết thì năm 1992 là năm thay da đổi thịt đau đớn của nước Nga tự do đang hồi sinh trước sự theo dõi đầy lo âu của thế giới. Non một thế kỷ sống dưới sự thống trị của đảng Cộng sản, nước Nga đã bị tàn phá toàn diện, đặc biệt là về kinh tế và chính trị, nên khi chế độ ấy bất ngờ sụp đổ, những người lãnh đạo mới đã phải thừa hưởng một di sản vô cùng đen tối. Từ một tên tuổi không mấy được chú ý, ông Boris Yeltsin đã nhanh chóng trở thành một lãnh tụ sáng chói, một “con người của năm 1992”, được cả thế giới kính phục. Yeltsin đứng cầm lái cuộc cách mạng dân chủ và kinh tế đầy cam go đang diễn ra tại nước Nga. Tàn dư của đảng

Cộng sản, gồm 19 triệu đảng viên, trước khi bị giải tán, đang lợi dụng những khó khăn kinh tế trong giai đoạn chuyển tiếp để mưu toan trở lại.

Do quyết định ngày 30.11.92 của toà Bảo hiến Nga cho phép đảng Cộng sản được phép hoạt động lại tại cấp địa phương, những đảng viên trong Viện Dân Biểu (hay Đại hội Đại biểu Nhân dân, tức quốc hội), cơ quan lập pháp cao nhất tại Nga hiện nay, đã thừa thắng xông lên định phục thù nhưng đã thất bại trong mưu toan truất quyền ông Yeltsin tại khóa họp cuối năm. Ngược lại, Yeltsin đang tìm cách trưng cầu dân ý bản hiến pháp mới, trong đó sẽ bãi bỏ Viện Dân Biểu. Vào những ngày cuối cùng của năm 1992, tình hình chính trị tại Nga còn rất bất bành. Tổng thống Yeltsin đã thoát hiểm khít khao trong các cuộc đương đầu với phe đối lập gồm phần lớn là cựu đảng viên Cộng sản. Cuộc vật lộn chính trị tại Nga chắc chắn sẽ tiếp diễn gay go trong năm 1993 và vẫn là sân khấu lớn trên chính trường quốc tế. Như lời của chủ tịch toà Bảo hiến Nga Vitaly Zorkin, nước Nga không những là một con tàu mục nát mà còn là “con tàu đang chìm”. Số

phận của con tàu ấy đang nằm trong tay thuyền trưởng Yeltsin được sự ủng hộ mạnh mẽ của dân Nga khát khao tự do dân chủ cũng như của cộng đồng quốc tế, đặc biệt là các nước và các định chế tài chánh đang cung cấp viện trợ cho Nga. Ngoài Yeltsin, không có lãnh tụ nào khác tại Nga trông mong sẽ nhận được viện trợ từ Hoa kỳ, Đức và các nước khác trong Cộng đồng Âu châu. Cũng sẽ không có tiền từ quỹ Tiền tệ Quốc tế và Ngân hàng Thế giới, nếu không có Yeltsin.

Ngoài nước Nga, các tân quốc gia tách ra từ Liên bang Sô-viết cũ cùng các nước Đông Âu vừa thoát ách Cộng sản cũng là những nơi đang trải qua các cuộc “thay da đổi thịt” đau đớn. Đời sống khó khăn, nhiều nơi còn khó khăn hơn thời Cộng sản, được coi là nguyên nhân chính đã khiến đảng Cộng sản — dưới những tên mới — trở lại sinh hoạt chính trị sau khi thắng thế trong các cuộc bầu cử. Vaclav Havel, người hùng của cuộc lật đổ chế độ Cộng sản Tiệp Khắc, đã mất chức tổng thống trong cuộc bầu cử vào tháng 7.92. Tại Cộng hoà Lithuania, đảng Xã hội Dân chủ Lao động, biến thân của đảng Cộng sản, cũng thắng lớn trong cuộc bầu cử tháng 10.92. Sự sụp đổ mau lẹ của các chế độ Cộng sản tại Đông Âu cũng như tại Liên-sô khiến việc thay đổi hệ thống kinh tế đột ngột thiếu hoạch định đã đưa tới những hỗn loạn trên thị trường và trong sản xuất, nhưng giới lãnh đạo các nước này cũng quy lỗi cho sự viện trợ nhỏ giọt của Tây phương không đủ giúp cải tử hoàn sinh cho nền kinh tế đang thoi thóp do chế độ Cộng sản để lại.

Tuy trong năm 1992 có đánh dấu sự trở lại của Cộng sản, dưới hình thức những đảng chính trị trong sinh hoạt dân chủ tại Đông Âu và tại Liên-sô cũ, nhưng sự sụp đổ của hệ thống Cộng sản quốc tế vẫn tiếp tục diễn ra và trào lưu dân chủ hoá trên thế giới vẫn tiếp tục lan rộng. Chế độ Cộng sản bù nhìn Afghanistan do Liên-sô dựng lên

(sau chiến thắng của Cộng sản tại Việt Nam) đã tan rã vào tháng 4.92. Các lực lượng kháng chiến Hồi giáo đã kéo vào thủ đô Kabul sau cuộc chiến đấu dũng cảm dài 15 năm với hơn hai triệu người chết. Albani, nước Cộng sản nghèo và cường tín nhất tại Đông Âu trước đây, cũng đã tổ chức bầu cử theo thể thức dân chủ lần đầu tiên, đảng Cộng sản đã mất quyền cai trị tại nước này và phải đổi tên thành đảng Xã hội để mong tồn tại trong thể chế tự do. Nghị viện gồm 75 dân biểu tại đảo quốc Zanzibar nằm trong Ấn Độ dương cũng bỏ phiếu chấm dứt ba mươi năm độc quyền cai trị của "đảng Cách Mạng" theo xã hội chủ nghĩa.

Một "trật tự mới" trên thế giới đang thành hình trong năm 1992 với sự chấm dứt của cuộc "chiến tranh lạnh", với sự biến mất của Liên-sô để Hoa kỳ trở thành siêu cường độc nhất trên thế giới, và với sự gia nhập Liên Hiệp Quốc của 20 nước hội viên mới. Ngày 1.2.92,

Tổng thống Nga Boris Yeltsin mặc quần áo thể thao tới thăm Tổng thống Hoa kỳ George Bush tại trại David như tới thăm một người bạn vào ngày cuối tuần, và tuyên bố: *"Hôm nay người ta có thể nói rằng một giới tuyến mới đã được vạch ra và xóa bỏ tất cả những gì liên quan đến cuộc Chiến Tranh Lạnh. Từ hôm nay chúng tôi không còn coi nhau là thù địch như trước đây nữa"*.

Với ưu thế chính trị sau khi thắng cuộc Chiến Tranh Lạnh, và với sức mạnh quân sự được phô diễn cả về hỏa lực siêu đẳng lẫn ý chí "dám làm thật" tại vịnh Ba Tư một năm trước, năm 1992 Hoa kỳ đã thực sự đóng vai "sen đầm quốc tế" với sự mặc nhiên hay minh thị chấp nhận của tổ chức Liên Hiệp Quốc, của các nước bạn và của cả những nước từng coi Hoa kỳ là thù địch. Đưa Do Thái và các nước Á-rập tới bàn hội nghị. Đe dọa trừng phạt Iraq nếu không để các đoàn chuyên viên Liên Hiệp Quốc thanh sát các nơi bị

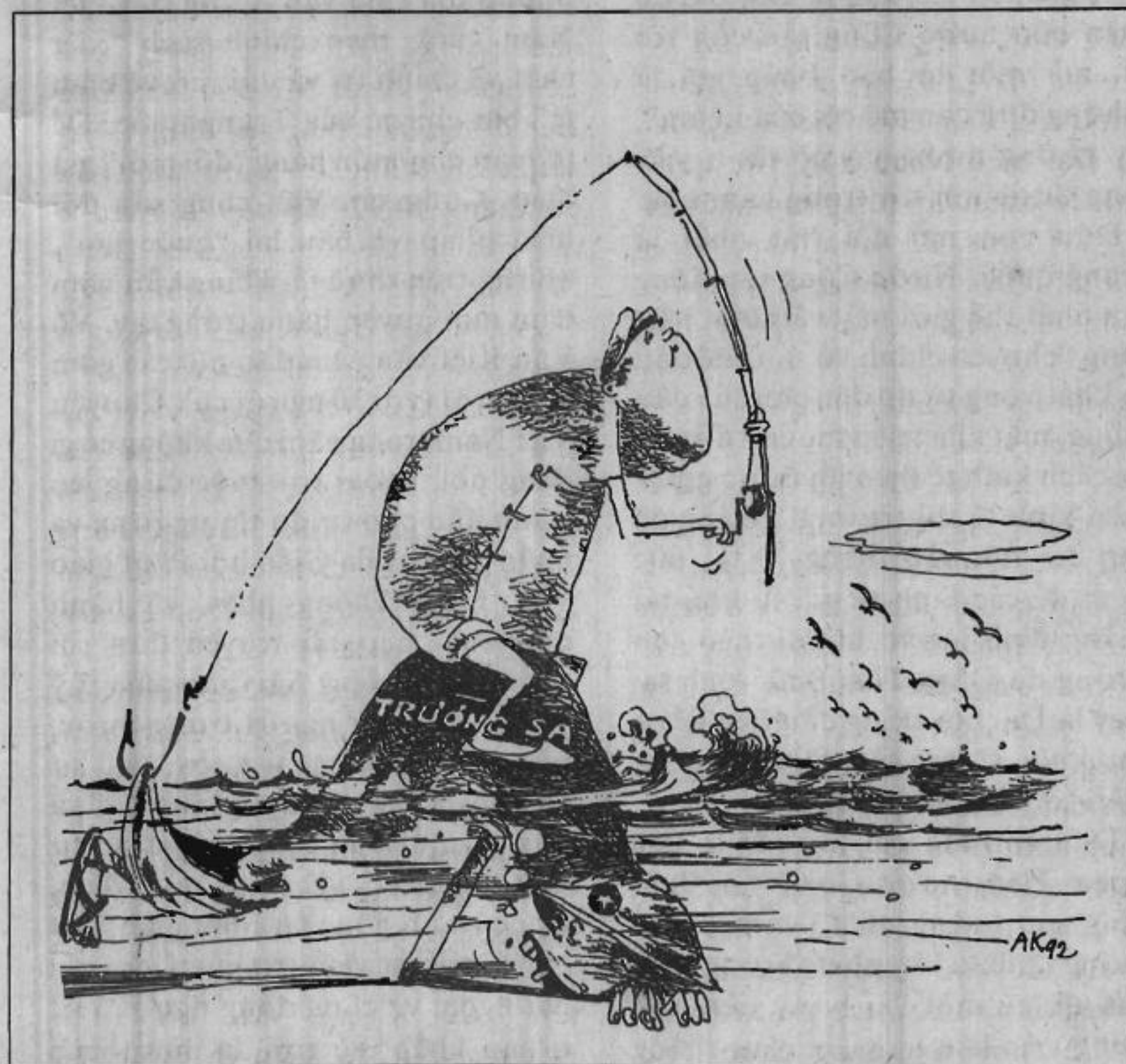
ngghi ngờ chế tạo vũ khí nguyên tử. Thúc đẩy việc giải quyết cuộc tranh chấp tại Campuchia. Vào những ngày cuối năm, Hoa kỳ đã mở chiến dịch "Phục hồi Hy vọng", đổ quân chiến đấu vào Somalia để bảo đảm lương thực cứu trợ tới tay hàng triệu người sắp chết đói trong một đất nước vô chính phủ và vô luật pháp. Sự có mặt của quân đội Hoa kỳ khiến hai phe đang bắn giết nhau chịu hưu chiến để ngồi lại dàn xếp cuộc tranh chấp.

Tuy nhiên, Hoa kỳ đã e dè không dám can thiệp vào cuộc khủng hoảng đẫm máu nhất năm 1992 là cuộc nội chiến tại Nam Tư. Quân Liên Hiệp Quốc được gửi tới cũng đã bất lực trước những tay súng nhà nghề và cường tín vào bậc nhất thế giới đang bắn giết nhau vì hận thù chủng tộc.

Trên lục địa Phi châu, cuộc tranh chấp chủng tộc lâu dài tại Nam Phi đã lật sang một trang khác sau cuộc trưng cầu dân ý ngày 17.3 mà kết quả được Tổng thống Frederick de Klerk tuyên bố là *"sẽ vĩnh viễn chôn vùi chủ nghĩa phân chủng và khai sinh một quốc gia Nam Phi mới"*, chấm dứt sự thống trị hơn 100 năm của thiểu số người da trắng trên đất nước của người da đen, từng bị cả thế giới lên án.

Những biến chuyển lớn trên đây là những nét chính của một thế giới đang hình thành một trật tự mới trong năm 1992, cộng với việc Mỹ hủy bỏ căn cứ quân sự lớn nhất ở hải ngoại tại Phi Luật Tân và việc Nga rút quân đội trú đóng tại Cuba về nước.

"Trật tự mới" trên thế giới được thấy rõ hơn cả là tại tổ chức Liên Hiệp Quốc, "ngôi nhà của thế giới", với việc gia nhập của 20 thành viên mới mà đa số là cựu chư hầu của đế quốc đồ Liên-sô. Kể từ khi được thành lập sau Thế chiến II, Liên Hiệp Quốc đã là đấu trường của cuộc Chiến Tranh Lạnh giữa hai khối Tự do và Cộng sản. Mọi hoạt động để dàn xếp các xung đột trên thế giới thường bị tê liệt vì lá thăm phủ quyết của năm nước sáng lập



mà Liên-sô là kẻ sử dụng nhiều nhất. Liên Hiệp Quốc chỉ còn tồn tại và hữu dụng là nhờ hoạt động của các cơ quan chuyên môn như Tổ chức Y Tế, Tổ chức Lương Nông, Tổ chức Văn hoá Khoa học, Quỹ Nhi Đồng, v.v... Với sự chấm dứt cuộc Chiến Tranh Lạnh, nước Nga mới không còn dùng quyền phủ quyết một cách vô trách nhiệm nữa, nên trong năm qua Liên Hiệp Quốc đã hoạt động hữu hiệu hơn để dàn xếp những tranh chấp cục bộ xảy ra ở nhiều nơi. Trừng phạt và thanh tra Iraq vì tội xâm lược và toan chế tạo vũ khí nguyên tử. Gửi quân gìn giữ hoà bình tới Campuchia để bảo đảm việc thi hành Hiệp ước Paris 1989. Dàn xếp để chấm dứt cuộc nội chiến ở El Salvador. Gửi quân tới Nam Tư. Gửi quân tới Somalia và ra nghị quyết hậu thuẫn cho Hoa kỳ mở cuộc hành quân vào nước này để dẹp loạn và cứu đói.

Hoa kỳ là nước kêu gọi và lãnh đạo việc thành hình một "trật tự mới" trên thế giới, nhưng năm vừa qua cũng là năm Hoa kỳ phải trả giá cay đắng cho chiến thắng cuộc Chiến Tranh Lạnh và vai trò đầu đàn của mình. Năm mươi năm trước, Hoa kỳ đã đóng vai trò quyết định trong việc đánh gục hai nước gây ra cuộc Thế Chiến II là Đức và Nhật. Sau đó, Hoa kỳ đã bảo vệ và nâng đỡ hai nước bại trận, tiếp tục lãnh đạo thế giới tự do, chống lại sự đe dọa của Cộng sản. Nay, Chiến Tranh Lạnh chấm dứt, "trật tự mới" thành hình, Hoa kỳ tiếp tục đóng vai trò lãnh đạo thế giới, nhưng đang là kẻ bại trận trước hai kẻ thù xưa trên trận chiến kinh tế toàn cầu. Đức và Nhật là hai cường quốc kinh tế mạnh nhất trong năm 1992 và cũng là hai chủ nợ lớn nhất của Hoa kỳ. Đó cũng là một khía cạnh khác của ý niệm về một "trật tự mới" mà chính "con người nhiều quyền lực nhất thế giới" là Tổng thống George Bush đã nếm trải chua chát nhất khi bị thất cử cho nhiệm kỳ hai. Lý do: thua Đức và Nhật trên mặt trận kinh tế, thậm

thủng mậu dịch khổng lồ, nhiều người Mỹ bị thất nghiệp. Tổng thống đắc cử Bill Clinton hứa hẹn sẽ phục hồi nền kinh tế Mỹ và giành đua hữu hiệu với các cường quốc kinh tế khác.

Cường quốc kinh tế địch thủ của Hoa kỳ không phải chỉ có Đức và Nhật mà còn nước khác trong cộng đồng Âu châu và những "con rồng Á châu" mới nổi như Nam Triều Tiên, Đài Loan, Tân Gia Ba... cũng là những địch thủ kinh tế đáng sợ của Hoa kỳ. Mặt trận chính về kinh tế đang chuyển từ Âu sang Á châu nên vào tháng 11 năm qua, Tổng thống Yeltsin đã tới thăm Nam Triều Tiên để chấm dứt thời gian hơn 40 năm thù địch và mưu tìm mối quan hệ kinh tế chặt chẽ chứ không phải chỉ bang giao suông. Đây là một cuộc viếng thăm rất có ý nghĩa trong trận chiến kinh tế toàn cầu vì chính Yeltsin đã công khai tuyên bố tại Hán Thành rằng chính sách của Nga đã chuyển từ Hoa kỳ sang Á châu.

Kiểm điểm tình hình thế giới năm qua, có lẽ cũng không thể bỏ quên bốn nước Cộng sản còn sót lại, mà một tờ báo Pháp gọi là "những đứa con mồ côi của Lenin", tuy những nước này có rất ít việc đáng được nói tới trong năm qua.

Đứa con mồ côi thứ nhất là Trung quốc. Nước Cộng sản đông dân nhất thế giới này vẫn một mặt dùng "chuyên chính vô sản" để đàn áp khát vọng tự do dân chủ của dân chúng, mặt khác tiếp tục con đường cải cách kinh tế theo lối được gọi là "nền kinh tế thị trường". Đảng đã họp đại hội vào tháng 10 tại Bắc Kinh để các lãnh tụ già lụ khụ tái khẳng định quyết tâm đi theo con đường do Đặng Tiểu Bình vạch ra. Đây là Đại hội Đảng đầu tiên kể từ khi khối Cộng sản Đông Âu và Liên-sô theo nhau sụp đổ.

Đứa con mồ côi thứ hai là Bắc Triều Tiên, nước Cộng sản "kín cổng cao tường nhất" và cũng có tượng lãnh tụ lớn nhất. Trong năm qua đã có một vài bước tiến nhỏ trong việc làm hạ giảm căng thẳng

với nước anh em thù địch và giàu có ở phía nam. Theo nhận định của Phó thủ tướng Nga Makhail Poltoranin thì chế độ Cộng sản Bắc Triều Tiên sắp sụp đổ. Có lẽ vì vậy trong chuyến viếng thăm cầu thân với Nam Triều Tiên vào tháng 11.92, Tổng thống Nga Boris Yeltsin đã coi nước đàn em cũ ở phía bắc như... không có. Không ghé thăm mà cũng không đá động gì đến.

Đứa con mồ côi thứ ba là Cuba, "nước Cộng sản cuối cùng" trên thế giới, theo tuyên bố của Fidel Castro, và có lẽ cũng là đứa con mồ côi khốn khổ nhất vì vừa bị mất khoản tiền "cấp dưỡng" từ Liên-sô, vừa bị Hoa kỳ phong tỏa kinh tế gắt gao. Cuba đã phải dùng bò thay cho máy cày máy kéo vì không có xăng dầu và phụ tùng thay thế. Tình trạng Cuba đã thê thảm tới mức phải xin gạo của... Việt Nam.

Đứa con mồ côi thứ tư dĩ nhiên là Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, nước cùng cảnh ngộ với Cuba: vừa bị cúp viện trợ vừa bị phong tỏa cấm vận. Cộng sản Việt Nam cũng theo chính sách "xiết chặt về chính trị và cởi mở về kinh tế" bắt chước của Trung quốc. Để tô màu cho món hàng "đổi mới" giả hiệu, Cộng sản Việt cũng sửa đổi hiến pháp và bầu lại "quốc hội", nhưng trên thực tế, Đảng vẫn nắm trọn mọi quyền hành trong tay. Võ Văn Kiệt vẫn cầm đầu nội các gồm 32 người (với 30 người cũ). Chuyện Việt Nam trong năm qua không có gì đáng nói, ngoại trừ cuộc đứng lên tranh đấu cho tự do tín ngưỡng và nhân quyền của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, và hành động táo bạo rải truyền đơn rồi nhảy dù xuống Sài gòn của Lý Tồng. Một do người trong nước, một do người ngoài nước. Hai sự việc tuy khác nhau về bản chất và tầm vóc, nhưng cùng phát xuất từ một động cơ và cùng mục đích. Cuộc tranh đấu của Phật giáo Việt Nam, với sự yểm trợ của Giáo hội hải ngoại và cộng đồng người Việt tị nạn khắp thế giới, là một thách

thức công khai đối với tập đoàn thống trị Cộng sản, lần đầu tiên kể từ ngày 30 tháng 4 năm 75. Cuộc đương đầu này đang bước vào năm thứ hai và chưa ai tiên đoán được sẽ phải kéo dài bao lâu, nhưng người ta có thể chắc chắn một điều là chân lý rồi sẽ toàn thắng.

Một việc khác tuy đã cũ và năm nào cũng được nói đến, nói đi nói lại mà chưa đi đến đâu, là chuyện bãi bỏ cấm vận và thiết lập bang giao giữa Hoa kỳ và Cộng sản Việt Nam. Năm vừa qua câu chuyện "cấm vận bang giao" lại được nói tới nhiều hơn cả vì Hà Nội đã làm mọi điều theo đòi hỏi của kẻ thù xưa để mong được bãi bỏ cấm vận và thiết lập bang giao. Nhưng Hoa kỳ cũng chỉ bãi bỏ lệnh cấm đi du lịch Việt Nam và nới lỏng một phần lệnh cấm vận.

Vào những ngày cuối năm, Cộng sản Việt Nam đã ráo riết vận động, kể cả sử dụng đám tay sai đón gió trở cờ ở hải ngoại, để mong được Tổng thống Bush tặng cho món quà "bãi bỏ cấm vận thiết lập bang giao" trước khi rời toà Bạch Ốc vào ngày 20.1.93. Nhưng có lẽ việc này sẽ không xảy ra, và sẽ lại được bàn giao cho Tân Tổng thống. Đó là điều sẽ làm Hà Nội thất vọng hơn cả, vì chính sách của Bill Clinton đối với Việt Nam ra sao, chưa ai rõ.

Năm 1992, thế giới đang thành hình một trật tự mới, mà Cộng sản Việt Nam là "đứa con mồ côi lạc loài của Lênin" đã bỏ lỡ thêm một năm để nhập cuộc và tự cứu. Nhưng còn năm 1993 thì sao? Vẫn còn là một dấu hỏi lớn vì những người cầm đầu đảng Cộng sản Việt đã mất khả năng định hướng. ○

CÁO LỖI

Mặc dù đã tăng 24 trang, làng vẫn hết đất, tòa-soạn phải gác một số bài Xuân và các bài khác lại một hoặc hai kỳ.

Xin tạ lỗi cùng quý vị tác-giả.

đạp tuyết nghinh mai

Cảm đề nhân vật TĐL,
phóng tác của Tụ Tinh

Mai tín không phi tuyết
Đình bộ tuyết sơn mai
Tuyền đầu động khẩu tuyết
Lâm biên hoa hương mai
Bạch y Phật giáng tuyết
Diệu thủ Tiên huy mai
Luận kiếm Hoa-sơn tuyết
Quy đồ xuân thịnh mai.

cao tiêu

踏雪迎梅

梅信空飛雪
停步雪山梅
泉頭洞口雪
林邊花香梅
白衣佛降雪
妙手仙揮梅
論劍花山雪
歸途春盛梅

高蕭

Lội tuyết đón mai

Tín mai nơi báo
thời bay tuyết
Núi tuyết động chân
hương thơm mai
Nhơn suối động vân
đầu cửa tuyết
Vườn rừng hoa nở
nhật hương mai
Trắng bông áo Phật
đan bông tuyết
Nhệ phát tay tiên
nhà dăng mai
Luận kiếm Hoa-Sơn
thơ đạp tuyết
Lối về xuân đã rõ ngấm mai.

Cao
Tiêu

Năm Dậu Nói Chuyện Gà

Thái Văn Kiểm
Phạm Thăng
Nguyễn Việt An
Nghị Hoàng

LTS: Vì không ở cùng một địa-phương, không thể phân-công rõ-ràng cho ban biên-tập và cộng-tác viên cùng đọc giả, nên toà soạn nhận được rất nhiều bài trùng-hợp. Để có sự góp mặt đông vui, toà soạn tổng-hợp lại thành một bài chung, tránh lặp đi lặp lại nhiều lần cùng một chi-tiết. Riêng các đoạn độc-đáo của mỗi tác-giả, toà soạn chưa tên người viết sau đoạn ấy để lưu dấu.

Mong được quý vị tác-giả chấp-thuận giải-pháp "vui-vẻ cả làng" này.

Theo ca dao truyền khẩu nói về mười hai con giáp thì:

*Tuổi Thân con khỉ ở lùm,
Chuyền qua chuyền lại, té ùm xuống sông.*

*Tuổi Dậu con gà vàng lông,
Có mỏ có mồng, sáng gáy ó ó
Tuổi Tuất là con chó cò...*

Vậy là dân chúng sắp hết cảnh té ùm xuống sông mà đến thời "sáng gáy ó ó" rồi đây. Hoan nghênh con gà!

Với phương danh Quý Dậu, chúng ta đang ở trong vận niên lục giáp thứ 78, bắt đầu từ năm 1984 và chấm dứt vào năm 2043. Người di tản chúng ta đã ăn 18 cái Tết ở hải ngoại kể từ 1975. Nói là ăn Tết chứ thực ra tâm trạng người Việt hải

ngoại trong những dịp này chỉ hoài vọng về quê cha đất tổ, nhớ tiếc những ngày thanh bình ấm cúng có gia đình bà con quen thuộc, có hoa trái cổ bản, có nêu cao pháo nổ. Thế hệ người lớn còn nhớ chút ít phong tục tập quán của dân tộc, nhưng thế hệ con cháu kế tiếp ngày một đồng hoá với dân bản xứ, ngày giỗ ngày Tết chẳng còn gì trong lòng họ. Tuy nhiên với ước vọng bảo tồn văn hóa, những dòng viết về phong tục và truyền thống Việt vẫn tiếp tục trải dài qua không gian và thời gian ở tất cả những nơi có người Việt cư ngụ.

Nói tới gà thì ai cũng biết. Ở quê mình, thịt gà là món ăn thích khẩu quý giá mà Việt cộng gọi là "món ăn cao cấp". Nhưng ở hải ngoại, nhất là ở Mỹ, thì thịt gà rẻ hơn rau cỏ nên "chicken" là món ăn bình dân.

Trong văn hoá Việt, gà được nhắc đến trong nhiều lãnh vực: lịch sử, văn chương, phong tục, thuốc men, võ thuật,... Trước hết ta hãy tìm hiểu về nguồn gốc giống gia cầm này.

GÀ: CHỦNG LOẠI VÀ XUẤT XỨ

Theo ông Edmund Saul Dixon, tác giả một cuốn sách xuất bản tại Luân Đôn năm 1849, thì giống gà rừng Red Jungle Fowl xuất phát từ vùng đông nam Á châu. Người Đông Nam Á đã biết cách thuần dưỡng giống này từ lâu lắm, khoảng mười



ngàn năm trước. Vào khoảng 3000 năm trước tây lịch, gà được nuôi nhiều ở Ấn Độ, thung lũng Indus, Miến Điện, Phi Luật Tân và các hải đảo. Ông Dixon phân ra bốn loại gà chính:

- Gallus Gallus tìm thấy ở tây bắc Ấn Độ, Cao Miên và quần đảo Sumatra. Chúng đẻ trứng màu nâu.

- Gallus Lafayetti tìm thấy ở Ceylon, đẻ trứng màu lốm đốm.

- Gallus Sonnerati nuôi nhiều ở đồng bằng Ấn, trứng màu trắng.

- The Feather Shanked Birds có nhiều ở Trung Hoa và bán đảo Đông Dương, trứng màu nâu, mình to chậm chạp, cánh rộng có thể bay được.

Năm 3341 trước tây lịch, hoàng đế Trung Hoa Fu Hsi đã hạ lệnh cho dân chúng nuôi nhiều gà để cung cấp cho hoàng tộc và tăng khẩu phần dinh dưỡng trong bữa ăn hàng ngày. Ông là người đầu tiên trong lịch sử biết lợi ích của gà nên đã đưa vào thể chế cai trị dân.

Để gia tăng số lượng gà, người Trung Hoa đã biết cách ấp cho trứng nở hàng loạt. Cách thông dụng là dùng hơi nóng của phân súc vật. Người ta đắp một lò bằng đất sét hình bát, đổ tro hay trấu dưới đáy rồi xếp đầy trứng và đây nắp, dưới đáy lò thông với hầm hơi nóng của chuồng phân. Một cách khác là người ta mượn người mặc áo bông dày xếp đầy trứng trước bụng và hai bên hông, ngồi yên ủ trứng từ ngày nọ qua ngày kia cho tới khi trứng nở.

Khi Tần Thủy Hoàng xây Vạn Lý trường thành, ông đã ra lệnh lấy lông trắng trứng gà trộn thành thứ hồ dẻo có sức chịu đựng bền bỉ trước thời tiết khắc nghiệt của vùng biên giới phương bắc để xây, cho tới nay vẫn còn là một kỳ quan của nhân loại.

Người Ai Cập nuôi gà rất sớm, từ thế kỷ 14 trước tây lịch. Trong lòng kim tự tháp, những hầm chứa xác các vị vua chúa được xây bằng gạch nung và hồ trộn với lông trắng trứng để chống cháy, nóng quá độ. Triết gia Aristotle, 400 năm trước tây lịch, đã viết về cách ấp trứng của người Ai Cập: Người ta xếp trứng vào ống cây rồi ủ trong đồng phân súc vật, khi nào gà nở mới đem ra nuôi ở chuồng. Sau này người Ai Cập cũng xây những lò ấp bằng hơi nóng phân súc vật to lớn tới độ mỗi lần có từ 15 đến 20 triệu con gà con nở. Những lò này xây dọc theo bờ sông Nil và vẫn tồn tại tới ngày nay.

Người Pháp rất thích ăn thịt gà. Họ đã chọn con gà trống làm quốc huy. Gà cũng được sản xuất hàng loạt tại nước này và khắp Âu châu.

Riêng Mỹ tuy là nước sinh sau đẻ muộn nhưng lại có nhiều giống gà tốt nhất. Họ đã kỹ nghệ hoá việc nuôi gà để đủ cung cấp vì Mỹ vốn là một thị trường tiêu thụ thịt gà lớn nhất thế giới. Dân Mỹ mỗi năm ăn một số lượng thịt gà bằng tổng số gà của các nước thứ ba gộp lại.

Hoa kỳ cũng có những *show* và *game* để trình bày những con gà đẹp nhất, đắt giá nhất, nổi tiếng là "*Modern Game Bantams*".

Về gà đẻ, có:

- *White Rocks*: Lông trắng, mỏ và chân vàng, mỏng đỏ, đẻ hàng năm từ 250 tới 312 trứng. Con trống nặng khoảng 9.5 lbs., mái nặng 7.5 lbs. Đặc biệt chúng đẻ cả trong mùa lạnh.

- *Anconas*: lông đen chấm trắng, chân và mỏ vàng, mỏng đỏ. Giống này nguyên thủy ở Ý, triển lãm ở Anh năm 1851 và năm 1888 được nhập cảng qua Mỹ. Mỗi năm đẻ từ 221 đến 319 trứng.

- *Austria Whites*: Lông trắng lốm đốm đen, mỏ và chân màu vàng, đẻ từ 202 đến 324 trứng hàng năm.

Với các loại gà thịt, gà chọi hay gà cảnh, có:

- *New Hampshires*: Giống này từ Rhode Island, phổ biến ra thị trường từ năm 1930. Lông màu đỏ tía; da, chân, mỏ màu vàng, mỏng đỏ, nặng khoảng 8.5 lbs.

- *Silver Spanged Hamburgs*: Nguyên thủy ở Đức, lông trắng điểm chấm đen, mỏng đỏ, da trắng, chân chì, rất đẹp, nặng khoảng 5 lbs.

- *Black and White Langshans*: Giống này thuộc loại Ascel hay Malay, là một trong những gia cầm có từ 3000 năm trước ở tỉnh Quảng Đông bên Tàu và năm 1872 được du nhập Anh quốc. Con trống màu đen, nặng khoảng 9.5 lbs, chân và da màu trắng, mỏng đỏ. Con mái lông trắng, nặng khoảng 7.5 lbs.

- *Columbian Wyandottes*: Lông màu bạc; cổ và đuôi màu đen; mỏ, chân và da màu vàng, được triển lãm tại Chicago năm 1893. Con trống nặng khoảng 8 lbs, mái nặng 6 lbs.

- *White Crested Black Polish*: Nguyên thủy ở Ba Lan. Rất đẹp. Lông màu xanh tía; đầu có chùm lông màu trắng; đuôi, mỏ màu vàng có búi đỏ; chân chì. Nhập cảng vào Mỹ năm 1874. Con trống nặng chừng 6 lbs, con mái 4.5 lbs.

- *Buff Cochins*: Bộ mã rất đẹp. Nguyên thủy ở Trung Hoa. Năm 1843, đại sứ Anh đã mua một cặp ở Thượng Hải đem về làm quà tặng nữ hoàng Victoria. Lông chúng

màu vàng pha hồng, mỏng đỏ, mỏ và chân màu vàng, đuôi dài cong, đặc biệt hai chân và đuôi có lông dày phủ kín. Con trống nặng tới 11 lbs, con mái khoảng 8.5 lbs.

- *Buff Laced Polish*: Giống này đẹp như công. Lông vàng nhạt, điểm những đốm vàng sậm, đầu có chùm lông như đội mũ, mỏ vàng, chân chì, gà trống có đuôi dài cong vút. Nguyên thủy ở Ai Cập, Nga, và Thổ Nhĩ Kỳ. Lần đầu tiên được triển lãm ở Amsterdam và nhập cảng Mỹ năm 1874. Trống nặng khoảng 6 lbs, mái khoảng 4 lbs.

- *Partridge Cochins*: Khoảng 1400 năm trước tây lịch, người Tàu đã thuần dưỡng giống này thành gia cầm. Loại gà này rất đẹp. Con trống có lông đỏ tía ở cổ, lưng và đuôi; màu đỏ vừa ở hai cánh; xanh tía ở trước ngực và hai chân. Đặc biệt hai chân có lông dài phủ kín. Mỏng đỏ, chân và mỏ màu vàng. Con trống nặng tới 11 lbs, mái 8 lbs.

- *Turkens*: có tên khác là *Naked Necks*. Đây là giống lai gà chọi, rất khoẻ, cổ dài màu đỏ không lông, mỏng to màu đỏ, hai chân vàng, cao, lông trắng có đốm đen, đuôi dài cong. Con trống nặng khoảng 7.5 lbs, mái chừng 6 lbs.

- *Frizzles*: Giống gà này trông rất lạ, lông mọc xĩa ra chứ không úp vào, trông như có nhiều đợt sóng. Lông màu đỏ pha trắng, lẫn những chấm đen; đuôi và chân màu trắng; mỏ vàng, mỏng đỏ; chân đặc biệt có năm ngón. Nguyên thủy từ Nhật và Phi châu.

- *Yokohamas*: tên khác là *Beautiful long tails*. Giống này ở Nhật và Đại Hàn. Đuôi dài tới 20 feet, di chuyển rất khó khăn. Lông trắng từ cổ tới lưng; đen ở hai cánh, ngực và bụng; đuôi có ba màu đỏ, đen và trắng; mỏng đỏ; chân và mỏ màu trắng. Con trống chỉ nặng khoảng 4 lbs, mái 3 lbs.

Ở Việt Nam, chúng ta có năm loại chính:

- Gà rừng, nhỏ con, bay giỏi, hiếu chiến, ở trong rừng.

- Gà tây hay gà lôi, cao lớn, lông đen hoặc lốm đốm, đầu sần sùi, con

trống có bâu đỏ ở cổ và đuôi có thể xoè rộng như đuôi công.

- Gà nước: loài chim đồng lớn, hình dạng giống gà.

- Gà gô hay đa đa, sống ở những chỗ đồi núi ít rậm rạp.

- Gà nhà, chỉ các loại gà thường được nuôi trong vườn, ruộng. Gồm có: gà ác hoặc gà ri, lông trắng, chân chì, da đen, nhỏ con; gà tàu lông nâu, da vàng, thịt ngon; gà tre nhỏ con, màu sắc sặc sỡ, hiếu chiến; gà chọi hay gà đá, ít lông, cao lớn, nuôi để đánh nhau. (Nguyễn Việt An)

NHỮNG GIAI THOẠI VỀ GÀ

Con gà nơi thành Cổ Loa:

Năm 257 trước Tây lịch, An Dương Vương xây thành Cổ Loa. Theo *Lĩnh Nam chích quái* thì thành xây trên đất Việt Thường, phía tây Hà Nội bây giờ, nơi làng Cổ Loa, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên. Xây đắp gần xong thì thành lại sụp. Thục Vương mới lập đàn, ăn chay, kiêng sắc dục cho trong sạch, cầu đảo suốt ba tháng.

Ngày mồng bảy tháng ba, bỗng một đạo sĩ từ phương tây đến thẳng cửa thành, vừa đi vừa than rằng:

— Xây đắp thành thế này thì bao giờ cho xong?

Thục Vương rước đạo sĩ vào, lạy và hỏi kể:

— Ta đắp thành này đã xong lại đổ, hao tổn công sức mà không thành tựu là tại làm sao?

Đạo sĩ thưa:

— Ngày nào có sứ giả Thanh Giang cùng đắp với Vương thì thành này mới xong.

Nói xong thì cáo từ biến ngay.

Rạng ngày, Thục Vương đứng ở cửa đông trông ra thì thấy một con rùa vàng theo hướng đông bơi lại. Rùa đứng trên mặt nước mà nói, tự xưng là Thanh Giang sứ giả, biết rõ lẽ âm dương trời đất, quỷ thần.

Vương cả mừng, sai lấy kim dư (xe vàng) rước vào thành, mời ngồi trên điện, hỏi vì cớ gì mà thành không đắp được. Thần Kim Qui trả lời:

— Ở đây có tinh khí núi sông,

con Tiên Vương (tức Hùng Vương) phụ vào để bảo thủ việc mất nước (Văn Lang). Lại có con gà trắng sống ngàn năm, hoá thành yêu tinh ẩn ở núi Thất Diệu. Trên núi có con quỷ, nguyên có một nhạc công chôn cất ở đây hoá ra quỷ. Bên kia có một cái quán để hành khách qua lại ngủ nhờ thì quỷ tinh hoá ra thiên hình vạn trạng mà giết hại rất nhiều. Bây giờ nên bắt con gà trắng và đưa con gái của chủ quán mà giết đi thì tinh quái sẽ hết. Nhưng chắc là nó lại hoá ra yêu thư, sai chim si-hưu (chim cú mèo) ngậm thư bay lên cây chiên đàn tâu với thượng đế để xin phá thành ấy đi. Thần xin cần cho rơi cái thư ấy xuống, Vương lập tức thu lấy (mà sử dụng) thì tất nhiên thành ấy mới đắp xong.

Cũng trong núi Thất Diệu, lúc đào đất và đá để xây thành, dân quân đã tìm thấy một nhạc khí đời thượng cổ, bên cạnh là tàn cốt của nhạc công. Đây là cây đàn xưa nhất nước ta, và có thể đó là một thạch cầm mà các nhà khảo cổ đã phát hiện được ba, bốn bộ trên toàn cõi Việt Nam.

Thục Vương nhờ có thần Kim Qui mà thời nay ta gọi là kiến trúc sư với quyển *Chỉ nam kiến trúc thành trì*, lâu nay do chim cú gìn giữ, mà thành mới hoàn tất, dài nghìn trượng, rộng lớn, xoáy tròn hình tròn ốc, đặt tên là Tư Long. Người nhà Đường bên Tàu thì gọi thành này là Sát Quỷ Côn Lôn thành. (Thái văn Kiêm)

Hung Đạo Vương và hịch Tướng Sĩ:

Năm Giáp Thân (1824), đời vua Trần Nhân Tông, giặc Nguyên sang xâm lấn nước ta. Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn làm một bài hịch kêu gọi toàn quân toàn dân đoàn kết chống ngoại xâm. Trong bài hịch bằng Hán văn, ngài đã đề cập đến thú chọi gà và những tệ trạng khác làm nhụt chí chiến đấu của tướng sĩ:

*Hết cờ bạc, vui chơi gà chọi,
Thôi rượu chè, lại ngồi hát hay,
Vợ con quần quít đêm ngày,
Ruộng vườn chăm chút riêng tây*

của nhà...

Rồi ngài cảnh giác:

*Giặc Nguyên trở lại dùng dùng,
Lấy gì chống đỡ, hay cùng cam tâm?*

*Cựa gà sắc không đâm giáp giặc,
Mẹo bạc gian khó đoạt mưu quân,
Vợ con thêm bận vướng chân,
Ruộng vườn khôn chuộc cái thân ngàn vàng.*

(Bản dịch của Bửu Văn Phan Kế Bính)

Tả quân Lê Văn Duyệt và thú chọi gà:

Sử ta ghi chép, Tả quân Lê Văn Duyệt (1763-1832) từ trẻ đã rất ưa thú chọi gà. Năm 1785, ngài theo phò Chúa Nguyễn Ánh. Khi Chúa thống nhất non sông, lên ngôi hoàng đế tức vua Gia Long, ngài nghiêm nhiên là bậc khai quốc công thần, oai quyền tột đỉnh nhưng vẫn mê thú đá gà.

Ngày kia, vua Gia Long thiết triều, Tả quân đến chậm hơn các quan, bị vua nghiêm nghị phán hỏi, nghi ngờ ngài vì mê gà mà bê trễ việc nước. Tả quân bình tĩnh quì tâu:

— Muôn tâu, nếu hạ thần đã làm được việc gì nhỏ trong quân ấy cũng là nhờ gà cả. Người xưa đã nói, gà có đủ năm đức lớn: Đầu có mồng như đội mào là *văn*; chân có cựa nhọn như gươm dao là *võ*; thấy kẻ địch trước mặt mà vẫn dám xông vào là *dũng*; thấy cái ăn được thì gọi đồng loại đến cùng ăn là *nhân*; ban đêm cứ tới giờ, tới canh thì gáy là *tín*. Văn, võ, nhân, dũng, tín, rất cần cho kẻ cầm quân, làm tướng. Nếu không có đủ năm đức ấy, ba quân không lấy gì làm phục, quân giặc không lấy gì để thua. Hạ thần học thiển, tài sơ, toàn nhờ gà chọi dạy cho năm đức ấy ngay từ thuở nhỏ nên nay mong ơn vũ lộc mới được dự làm kẻ nhân thần. Dám mong bệ hạ tha cho cái tội ham chơi gà chọi.

Tâu xong, Tả quân dập đầu lạy mãi. Vua Gia Long mỉm cười tha tội và khen ngợi ngài đã có những lời chính xác, chí tình, chí lý. (Phạm Thăng)

Con gà của Trạng Quỳnh:

Thời Lê trung hưng, chọi gà đã trở thành thú tiêu khiển hàng ngày của giới giàu có, quan lại, đặc biệt là trong giới quan thị (hoạn quan). Trạng Quỳnh vốn tính ưa hài hước, bèn phao tin rằng mình có nuôi được một con gà chọi rất cừ, đá thắng cả gà của sứ Tàu. Đám hoạn quan tò mò, mang gà đến xin chọi. Trạng Quỳnh chối, bảo không có gà qué gì cả. Nhưng bọn hoạn quan không tin, nằng nặc xin đòi đấu cho bằng được. Trạng đành hẹn hôm sau sẽ cho gà đọ sức.

Buổi sáng ngày hẹn, Trạng đến nhà hàng xóm mượn một con gà trống thiện đem về nhà ngồi đợi. Lúc bọn quan thị đem gà đến chọi, Trạng liền thả con gà trống thiện ra. Nhưng vừa lâm trận, ngay hiệp đầu, gà của Trạng đã bị gà chọi chuyên nghiệp đá một phát trúng chỗ nhược, lăn ra chết. Bọn quan thị vỗ tay reo mừng, chê gà của Trạng quá dở. Trạng lập tức thanh minh:

— Các người không biết, trước gà của ta đâu có tẻ thế này, nó chọi đâu thắng đấy, nhưng từ lúc ta thiên nó đi thì nó đổ đốn ra như vậy.

Rồi Trạng ôm lấy con gà chết, vừa khóc vừa kể:

— Gà ơi là gà! Khốn khổ thân mày! Mày phải biết phận mày không có dái thì sao không chịu thua chạy trước đi, để ngựa nghè đến nông nổi này! Mày có chết cũng là đáng kiếp, chẳng ai thương tiếc mày đâu!

Bọn hoạn quan thấy Trạng xỏ xiên như vậy, vội ôm gà lặng lẽ đi về. (Nghị Hoàng).

Mất ngôi vì gà:

Thời vua Lê chúa Trịnh, tương truyền Đoan Nam Vương Trịnh Khải rất mê chọi gà. Đó cũng là một trong những lý do khiến cha là Tể tướng Trịnh Sâm ghét bỏ, không lập làm thế tử vì cho rằng ham chơi, lêu lổng, mà lập con út còn nhỏ tuổi là Trịnh Cán, con của ái phi Đặng Thị Huệ. Trịnh Khải bất mãn, lập một sân chọi để che

mất thiên hạ, nhưng thực ra là để mưu đồ đại sự. Hàng ngày Khải đến đó, vừa xem chọi gà vừa bàn mưu tính kế với thầy học là Hân quận công Nguyễn Phương Đình và các đồng chí. Sau này, lên làm chúa (1783-1786) ông vẫn hâm mộ môn tiêu khiển này và nuôi được nhiều gà chọi rất hay. (Nghị Hoàng).

Hải Ninh quận công chết vì gà:

Nguyễn Miên Tàng, hoàng tử thứ 42 con vua Minh Mệnh, tước Hải Ninh quận công, vốn là một người hư hỏng, chơi bời lêu lổng, ưa cờ bạc hát xướng. Ông mê đá gà, hát bội đến nỗi khánh kiệt gia sản phải ở nhờ một chiếc đồ nuôi lợn. Cuối năm 1896, ông đến xem một buổi chọi gà ngoài thành nội Huế. Thấy một con gà chọi có dáng vẻ oai hùng, ông lớn tiếng reo hò, cổ vũ nhưng bất ngờ nó bị đối thủ phản công phải thua chạy khiến ông phát uất, máu đưa lên cổ, nằm chết ngay tại trường gà, thọ 68 tuổi.

Tương truyền vì lúc sống chơi

bời xa xỉ nên lúc chết ông không một đồng dính túi, ngay cả bộ triều phục để khâm liệm cũng không có. Người nhà phải lấy giấy xanh đỏ cắt một bộ áo mao quận công để mặc cho ông. (Nghị Hoàng)

Vương Bột và hịch Anh vương kê:

Vương Bột tự là Tử An, sinh năm thứ 21 niên hiệu-Trình Quán, đời Đường Thái Tông. Ông nổi tiếng thần đồng, năm 6 tuổi đã biết làm văn, 9 tuổi viết bài phê bình những điểm sai lầm trong sách của Nhan Sư Cổ chú giải Hán thư. Năm 20 tuổi, ông làm chức tu soạn tại vương phủ. Nhân thấy những người trong hoàng tộc thích đánh bạc bằng lối chọi gà, ông làm bài *Hịch Anh vương kê* (Trách con gà của Anh vương) để đùa giỡn. Không ngờ bài ấy đến tay vua Đường Cao Tông. Vua giận, trục xuất Vương Bột khỏi vương phủ.

Rời kinh đô, Vương Bột đi du lịch nhiều nơi. Trên đường sang Giao Chỉ thăm phụ thân, ông được



dự bữa tiệc của đồ đốc Diêm Bá Tự tại Đàng Vương các. Trong tiệc này, ông làm ra áng văn nổi tiếng *Đàng Vương các tự* với những câu bất hủ: *Lạc hà dữ cô vụ tễ phi, Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc*.

Vương Bột bị đắm thuyền, chết đuối ở cửa Thần Phù (thuộc tỉnh Hà Nam Ninh ngày nay). Năm ấy ông mới 29 tuổi. (Nghi Hoàng).

GÀ TRONG VĂN CHƯƠNG, VĂN HÓA VIỆT NAM

Gà chiếm một địa vị khá quan trọng trong đời sống ở thôn quê. Gà, vịt, mèo, chó, trâu, bò là những giống vật gia đình, gần gũi loài người hơn hết vì được nuôi trong nhà, ngoài sân, hàng ngày ra vào, chung sống bên nhau.

Tên gà (*cà*) và động từ *gáy* (*cáy*) đều là những nghi thanh từ (onomatopée) dựa theo tiếng kêu, tiếng hót của giống vật mà gọi, cũng như chữ *kê*, *coq*, *cocorico*, *gallus*, *gallinacées*, và cũng như trường hợp những chữ *bò*, *boeuf*, *beef*, *buffalo*, *beugler*, *bovidés*, v.v.. trong ngôn ngữ sơ khai của loài người.

Trong văn chương truyền khẩu, ta thấy có rất nhiều thành ngữ, tục ngữ và ca dao nhắc đến con gà, dùng gà để ẩn dụ:

Gà đẻ gà cục tác: kẻ nào làm gì thì tự để lộ hình tích việc mình làm ra.

Gà què ăn quần cối xay: chỉ hiệp đáp hay chơi gác người cùng làng, cùng xóm.

Gà ghét nhau tiếng gáy: tính đố kỵ, ghét kẻ khoe khoang, khoeác lác.

Gà được dùng để ví von cũng nhiều. Bà nào sanh đẻ dễ thì ví: *Đẻ như gà*. Người trông có vẻ như mất hồn, ngơ ngáo ngáo thì bảo: *Ngây ngô như gà cồ*, *lờ đờ như đom đóm đục*. Vợ chết ở vậy nuôi con là lâm vào cảnh *gà sống nuôi con*. Chữ viết xấu là *chữ như gà bới*. Vận xui chưa hết thì than: *Tội vịt chưa qua, tội gà đã đến*. Nói năng dài dòng, lời thôi thì bị chê *cà kê dê ngỗng*. (Theo nhà ngôn ngữ học Lê Ngọc Trụ, câu này phải là "*cà kê nghê ngỗng*". Lý do: thành

ngữ này gồm hai vế ngang và đối nhau, chỉ có hai con vật là gà và ngỗng được lặp đi lặp lại: gà là *cà* là *kê*; *nghê* là *nga* là *ngỗng*. Nếu cho lọt con dê vào vế 2 sẽ mất sự cân đối). (Thái Văn Kiểm).

Trong sinh hoạt hội hè đình đám, con gà cũng không vắng mặt.

Làng Tích Sơn, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Yên, Bắc Việt hàng năm có tục chém gà vào ngày mồng ba Tết. Con trai đến tuổi chịu việc làng, nghĩa là 18 tuổi, mỗi người phải nuôi một con gà cúng thần. Ngay từ đầu năm trước, họ đã mua gà, đem thiến để nuôi cho tới ngày hội. Trong lúc nuôi, phải vỗ sao cho béo, chắc, lông mã bóng mượt.

Đến ngày, họ mang gà ra ngồi thành hai hàng hai bên bàn thờ để các cụ trong làng kiểm soát. Khi vị tiên chỉ thấp hương khấn xong, các chàng trai ôm gà của mình nhảy nhót, vái lễ trước bàn thờ.

Lễ xong, từng chàng trai một, dùng một con dao thật sắc chém đứt đầu gà, tiết được hứng riêng

vào một chiếc bát con đoạn mang ra sau làm lông cúng thần.

Nếu tục "chém gà" dành cho thanh niên thì lễ "luộc gà" là phần của phụ nữ.

Hội đầu xuân của Làng Chuông tỉnh Hà Đông hàng năm ngoài tục thổi cơm thi còn có tục thi luộc gà. Con gái tới tuổi 18 phải kiếm mua cho được con gà giò trống giống tốt, đem thiến trước khi nuôi. Phải săn sóc, nuôi vỗ thể nào cho tới ngày dự thi gà càng nặng ký càng tốt. Những năm có dịch toại, gần tới ngày gà lẫn cổ ra chết, chủ nhà cuống quít lo lòng mua gà khác thay thế nhưng luôn bị thua điểm do gà không được chăm sóc kỹ từ đầu.

Cứ ngày mồng bảy Tết, các cô gái dự thi đã quần áo tề chỉnh, quây gánh gà và phụ tùng ra trình làng. Điều lệ thi tóm tắt như sau: Trước khi gà bị giết, phải được ban giám khảo cân đo và chấm sắc diện bề ngoài (mã gà). Khi có trống lệnh thì chỉ một mình người dự thi đem gà vào bếp. Ở đó đã có sẵn bã mía



nhóm lửa, dao thớt, nước, nồi luộc và những vật dụng được ban giám khảo cho phép và công nhận hợp lệ.

Thí sinh tự tay một mình cắt tiết, làm lông, chỉ được nhóm lửa khi có tiếng trống và tắt lửa khi tiếng trống báo hiệu cuộc thi chấm dứt. Luộc xong, gà được đặt ở thế nằm úp trên mâm đồng nhỏ, lòng gan đầy đủ, hai cánh, hai chân úp xuôi theo mình, cổ ngẩng cao, đầu thẳng không cong vẹo, mỏ ngậm đóa hồng đỏ.

Các mâm gà được đặt trên bàn thờ để tế thành hoàng, sau đó mới bưng xuống cho giám khảo chấm điểm. Gà luộc phải chín tới, da vàng lươm, thịt trắng tinh. Phao câu và đầu cánh để biểu quan viên, còn lại đem về cho cả thôn cùng dự.

Buổi hội xuân thi luộc gà được cả làng ra xem. Mọi người đứng quanh sân đình reo hò cổ vũ, nhất là các gia đình có con em dự thi. Các cô người nào cũng mặc áo mới, trông gọn gàng xinh xắn. Nhưng khi cuộc thi bắt đầu là cô nào cô nấy cuống cuống vội vã, mồ hôi mồ kê

nhễ nhại, nhọ nồi bụi than lấm lem trông rất ngộ nghĩnh. Có cô khi cắt tiết giữ gà không chặt, để gà chạy tung ra ngoài, dân làng reo hò đuổi bắt thật vui nhộn. Gà không bắt được, cô chủ gà đứng khóc tu tu. Có cô cắt tiết gà chưa chết, khi nhúng vào nước nóng để làm lông, gà dấy tung toé làm phồng cả mặt mày cũng vừa làm vừa khóc. Những cô này bị làng phạt mỗi người 2 con gà giò. Những cô chiếm hàng nhất nhì ba tư thì được thưởng từ bốn con đến một con. Đây là một tục lệ hữu ích vì nó khuyến khích các cô gái lo việc tề gia nội trợ. (Nguyễn Việt An).

Ngoài việc dùng gà để cúng bái trong những dịp giỗ, Tết; dân ta còn dùng gà trong lễ mở cửa mả. Theo sự tin tưởng, gia đình người có tang, đúng ba ngày sau khi chôn người thân, có buổi cúng mở cửa mả, để vong hồn người chết từ dưới mộ được trở về dương thế. Cây chuối nhỏ, cây mía lau, con gà giò lại phải có mặt.

Trong lễ cúng này, con gà không

được giết. Gia đình cúng mả chỉ cột con gà bằng một sợi dây và kéo đi vòng quanh mả ba lần để cho tiếng kêu của gà báo thức hồn người chết nằm dưới mộ biết mà trở về.

Nếu những con gà nhỏ được dùng trong lễ mở cửa mả thì những con gà trống lớn, có mồng có tích được dùng trong việc thề thốt của người dân trước thần linh. Ngày trước, ở miền Nam, mỗi khi có chuyện tranh chấp, người dân không đưa nhau đến quan để kiện tụng mà họ thách cùng nhau đến trước một vị thần linh thiêng (như đức Tả Quân, bà Chúa Xứ Châu Đốc, v.v...) để mạnh ai nấy khai báo là mình trong trắng, vô tội. Sau đó họ vận cổ con gà trống trước bàn thờ với lời thề dứt khoát: "Nếu tôi nói sai trái sẽ bị thần vận cổ chết như con gà này".

Con gà bị vận cổ ắt ắt giãy chết trông thật hãi hùng. Sau đó hai bên ra về. Nào ai thấy các vị "bể cổ" ai bao giờ đâu, nhưng chắc chắn buổi thề thốt đó gây một ấn tượng tâm lý mạnh mẽ để những người liên hệ không dám làm điều sai trái hoặc tái phạm. (Phạm Thăng)

Có con gà hi sinh trong vụ thề thốt thì cũng có những con gà đem máu xương giúp đời. Con gà ác nhỏ bé, lông trắng, da đen thui nhưng rất được chuộng trong y học dân tộc. Gà ác (làm việc thiện mà mang tên ác!) được nhổ sạch lông, bỏ vào một thổ sành lớn chung với sâm, đương qui, nhân nhục, sanh địa, v.v... rồi đập dập, trét bít không có kẽ hở xì hơi. Thổ sành này bỏ trong nồi lớn đem đun cách thủy khoảng ba giờ. Nước trong nồi lớn có cạn thì châm thêm, chớ nước trong thổ có gà và thuốc chỉ sôi âm ỉ cho con gà rục rã, không bị cạn. Nước hầm này bổ gan, mát tì, mát vị, rất tốt cho người bệnh.

Cũng giống gà ác, khi bỏ vào cối giã nát cả xương thịt, lông, máu me rồi trộn với các vị thuốc gia truyền, nó sẽ là chất thuốc làm xương cốt mau lành hơn chuyện bó bột ở bệnh viện. Các võ sư, các ông thầy chuyên trị trặc tay, gãy chân... rất



ra loại gà này. *Chó liền da, gà liền xương mà! (Phạm Thăng).*

Dung dịch giấm, trứng gà cũng giúp cho người thấp khớp, người già, người bệnh mau phục hồi sức khỏe. Phương pháp chế biến vị thuốc này không khó khăn: Dùng giấm gạo (chế biến từ gạo) có độ chua là 9 độ với dung lượng là 180cc ngâm chung với một trứng gà sống trong bình thủy tinh. Thời gian ngâm khoảng 48 giờ thì vỏ trứng sẽ mềm dần và tan rã, quả trứng hơi phình ra một chút, chỉ còn lớp màng mỏng bao bọc. Dùng thìa chọc bể lớp màng mỏng, khuấy đều lòng trắng và lòng đỏ vào dấm ngâm để tạo ra dung dịch dấm trứng. Với liều lượng này, người lớn uống từ 5 đến 7 ngày, uống vào mỗi sáng khi mới thức dậy, bụng còn đói. Nếu pha thêm một muỗng mật ong, càng dễ uống hơn. *(Phạm Thăng).*

Trong tiền tệ, con gà cũng được nhắc tới: đồng bạc Kê ngân. Đây là đồng bạc một lượng của Mexico. Vào khoảng thế kỷ 18, 19, thương khách các nước đều lấy đồng bạc này làm căn bản để trao đổi. Công ty Anh Đông Ấn hay thương khách Trung quốc qua xứ ta mua bán tại Phố Hiến, Hội An vẫn dùng đồng bạc này cho đến cuối thế kỷ 19.

Việt Nam có tiền bạc, tiền vàng của các triều vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, nhưng số phát hành rất hạn chế. Đa số dân chúng sử dụng tiền đồng, tiền đồng. Giá trị loại tiền này thấp nên mỗi khi xài vào những chuyện mua bán lớn, hoặc cất giấu để dành làm của, người dân thích giữ tiền bằng kim

loại quý hơn. Các nhà bá hộ, do đó, ngoài những nén vàng, thoi bạc, họ chuộng đồng bạc Mexico. Đồng này một mặt đúc hình con ó miệng cắn con rắn, mặt kia hình cái mũ (nón vải) có tia sáng tỏa ra. Mỗi đồng nặng 27 gram, chất bạc pha 900, có giá trị bằng 5 quan tiền hay 3000 tiền đồng. Trong lúc 3000 tiền đồng phải vác nặng gần 7 kí-lô rưỡi thì ai lại không thích đổi lấy một đồng bạc con cò cầm cho gọn?

Chỉ ngộ một điều là đồng bạc có hình con ó, các cụ ta lại gọi "bạc con cò" hay đồng "kê ngân" (con gà). Thôi, cò hay gà gì cũng được vì có câu hát:

*Cưới em bằng bạc con cò,
Nào phải đưa đồ, nói chuyện đầy đưa!*

Năm gà mà không nói đến thú đá gà (chọi gà) là một thiếu sót lớn. Đây là một tiêu khiển rất thịnh hành ở quê hương ta, gây thích thú cho nhiều tầng lớp, từ già đến trẻ, dân giả đến quan quyền.

Vì khuôn khổ bài viết có hạn, chúng tôi chỉ xin lướt qua tên tuổi họ hàng nhà gà với các danh từ chuyên môn của thú chơi này, để các bạn xa quê khi đọc đến những dòng này, nhớ lại một trường gà nào đó của thời xưa cũ.

Gà nòi: gà đúng giống tốt, chỉ nuôi để đá độ.

Gà đòn: loại gà chân trơn, không cựa hoặc cựa mọc không dài. Gà này lớn con, chân to, cẳng bự, đá rất hăng, đòn nào đáng đòn nấy, như một võ sĩ hạng nặng nên còn được kêu là "gà cù lự".

Gà cựa: đá bằng cựa dài. Mỗi khi có độ, chủ gà chỉ được phép chuốt cho nhọn bén một tí.

Gà cựa dao: loại gà không cần giống tốt, đá đòn hay mà chỉ cần cột thêm một loại dao bén nhỏ xíu vào hai cựa để hai con gà... giết nhau mau hơn.

Gà bướm: sắc lông lốm đốm đẹp như con bướm.

Gà bông trích: có mồng đỏ như chim trích.

Gà nhận: lông trắng như chim nhận.

Gà chuối: lông xen lẫn nhiều màu vàng, xám, trắng, đỏ, nâu như thân cây chuối lốm đốm.

Gà điều: lông đỏ óng ánh màu nâu sậm.

Gà ó: lông như chim ó.

Gà ô: lông đen tuyền.

Gà xám ô: lông pha đỏ và xám.

Còn nhiều tên do chủ gà đặt nhưng phải nhìn nhận là màu lông gà rất quan hệ trong trận đấu gà vì chúng nó cũng bị kỳ màu lông, như: gà điều ăn chắc gà xám, gà chuối; gà ó ăn gà xám; gà xám lại sợ màu lông của gà nhận, v.v..

Ngoài tên gọi theo màu lông, gà đá còn được xưng tụng như các tay anh hùng: Tiết Nhơn Quý, Tiểu La Thành (vì có ngón đá hồi mã thương, giả bộ quay đầu như bỏ chạy để đối thủ xông tới thì quay mình đá ngược vào cổ đối thủ); Triệu Tử Long (con gà của chú Tám tôi đá thắng thật mau, máu của gà địch chưa kịp dính vào bộ lông trắng toát của nó)... Lại có nhiều con mang danh Thần Ô, Điện Quang (đá mau như điện xẹt là gà kia đã gãy chết), Nhục Nguyệt vì một chân vẩy đen một chân vẩy trắng ngà...

Ngoài lông, bộ vó, tài nghệ,... gà còn được gọi chung dưới địa danh nó xuất xứ như: gà Cao Lãnh, gà Bà Điểm, gà Hóc Môn, gà Kế Sách...

Ngày nay ở quê người, chúng ta hãy rán nhớ những tên gà vang danh của thời xưa cũ mà khi nhắc đến ai cũng trầm trồ khen ngợi, và quên đi những con gà rớt, gà rù, gà chạy mất... hại chủ trút túi tại trường gà như những "con gà" ngoài đời đã hại chúng ta phải bỏ xứ ra đi nay đang lăm le trở lại đấu trường. Những con gà đó chỉ đáng được kêu là gà hường tâm (hầm tương) hay gà kỳ ra (cà-ri) thôi... *(Phạm Thăng).*

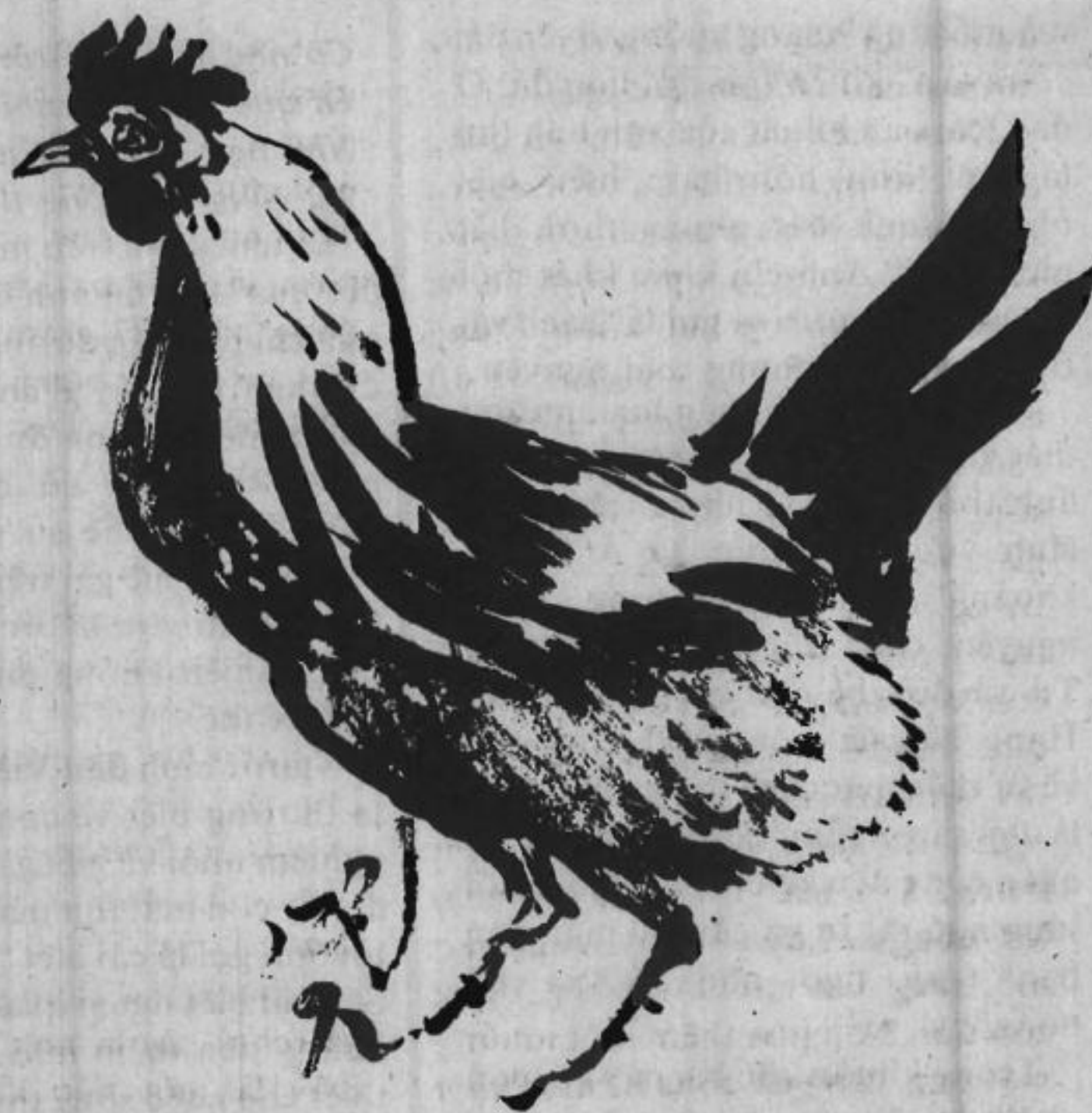
*
* *

Con gà tượng trưng cho sự tỉnh thức. Năm mới, xin kính chúc quý bạn xa gần tỉnh táo thu nhật tài-lộc, vui-vẻ quanh năm. ○

ĐÓN XEM
SỐ TÂN-NIÊN LÀNG VĂN 1993
phát-hành đầu tháng 2.1993,
ngay sau số Xuân
Chủ-đề:
Tục-ngữ, ca-dao, câu đố, câu hò
Việt-nam
Một tác-phẩm sưu-khảo giá-trị
(góp bài: trước ngày 1.1.1993)

Vài Điều Cách-Trí Về Con Gà

Lê Văn Lân



Nói chuyện gà, bên tai tôi bỗng như văng vẳng tiếng kêu của một loài chim. Một giống chim đặc biệt sống ở vùng thượng du Bắc Việt, giáp giới Trung Hoa, nơi có con sông Kỳ Cùng chảy qua.

Tiếng kêu của con chim rất dài và lạ lùng, khiến dân địa phương nghe thế nào không biết mà diễn dịch ra thành một câu nói ngộ nghĩnh: “Con chó... con gà... ba ba... con cóc... buồng móc... buồng cau...”

Theo lời kể của dân vùng này, con chim ấy là oan hồn của một người lính thú ở miền trung châu bị đối lên đây, chết tức tưởi mà hoá kiếp thành chim. Anh ta lúc sống thường hay để ý quan sát những việc chung quanh và có những thắc mắc, đại loại như: Tại sao con chó có răng mà không ăn được thóc? Con gà không có răng lại ăn được thóc? Con ba ba sống dưới nước mà lại lên bờ đẻ trứng? Con cóc sống trên bờ lại đẻ trứng dưới nước? Cây móc giống cây cau thì trổ hoa ở giữa thân. Cây cau giống cây móc lại trổ hoa đầu ngọn”.

Anh ta cứ trần trụi với những câu hỏi trên mà không tìm được lời giải đáp. Một hôm, đang lúc canh gác, anh ta bị ám ảnh bởi những thắc

mắc trên, mãi suy nghĩ đến quên việc đánh trống báo canh. Viên quan trấn đồn không nghe tiếng trống ở vọng gác bèn đi tuần, thấy anh ta lơ đãng nên tịch thu khẩu súng và đem giam anh vào ngục. Anh lính tội nghiệp bèn trình bày cơ sự và xin quan giải đáp, nếu có bị tội chết cũng thỏa vong linh. Lẽ tất nhiên viên quan cũng không thể trả lời vì vào thời buổi đó, khoảng cuối thế kỷ 18, khoa học cách trí của Việt Nam chưa phát triển.

Ít lâu sau, viên quan có dịp về kinh, bèn đem thắc mắc trên hỏi một nhà truyền giáo Tây phương. Vốn là một nhà vạn vật học, nhà truyền giáo giải nghĩa rành mạch như sau: Con chó có răng sắc để nhai, xé thịt. Gà không có răng nhưng có mỏ để mổ hạt thóc đem chứa trong bầu điều có nhiều chất tiêu hoá làm mềm thóc trước khi chuyển xuống mề. Mề gà chứa dịch vị có chất cường toan cực mạnh, cấu tạo bằng những bắp thịt dày, bóp nhồi các hạt thóc như một cái cối xay, đồng thời gà cũng ăn thêm các hạt sạn cát, giúp các hạt thóc được xay nát hơn. Con ba ba tuy

sống dưới nước mà lại có phổi nên lâu lâu nó phải trồi đầu lên hít không khí rồi hụp xuống. Con cóc tuy có phổi nhưng để con là nòng nọc lại thở bằng mang nên nòng nọc phải sống dưới nước cho đến khi rụng đuôi thì trở thành cóc có phổi để sống trên bờ. Cây móc và cây cau tuy cùng một họ nhưng khác loại. Loại móc trổ hoa giữa thân cây, trổ một lần rồi tàn lụi. Cau thì trổ hoa ở đầu ngọn để kết trái hàng năm.

Viên quan trấn đồn rất hài lòng với lời giảng giải này. Nhưng lúc ông về nhiệm sở thì người lính tội nghiệp kia đã chết rũ trong ngục, trước khi được nghe lời giải thích. Xác anh được chôn trên bờ sông Kỳ Cùng, nhưng cũng từ đó, ở vùng này xuất hiện một loài chim lạ, tiếng kêu ai oán, lặp đi lặp lại nhiều lần những tiếng mà dân địa phương diễn dịch: “Con chó... con gà... ba ba... con cóc... buồng móc... buồng cau”.

Câu chuyện về con chim nghe quá đổi thương tâm như chuyện mối tình vô vọng của chàng Trương Chi với nàng My Nương, tuy chết

mà mối tình "mang xuống tuyền đài chưa tan" khiến trái tim hoá đá! Ở đây, cái oan khuất của anh lính thú là một linh hồn ham hiểu biết nhưng sanh bất phùng thời, bất phùng xứ. Anh chỉ khao khát một sự việc mà người ta gọi là "cách vật trí tri" nhưng không toại nguyện.

Nhìn lại lịch sử nhân loại, những thắc mắc loại cách trí như của anh lính thú đã có rất nhiều trên khắp lãnh vực kiến thức. Ở Á Đông, khoảng 500 năm trước công nguyên, cuộc đối đáp giữa Khổng Tử và đứa bé cực kỳ thông minh Hạng Thác là một giai thoại lý thú về sự thắc mắc cách trí vạn vật. Nào là tại sao ngỗng cổ dài và ếch cổ ngắn cùng đều kêu to; mặt trời buổi sáng ngó rất to và gần thì mát, đến ban trưa ngó nhỏ và xa lại nóng, v.v..

Trong khuôn khổ bài này với con gà là chủ đề, câu chuyện về cách trí vạn vật lại được đặt ra.

Nhiều người vẫn cho rằng vật gì quen thuộc với ta thì ta phải biết rõ. Chẳng hạn chuyện con gà. Con gà là một gia cầm quá đỗi quen thuộc với nhân loại kể từ hơn ba, bốn ngàn năm trước công nguyên, khi gà được bắt từ rừng về nuôi trong nhà. Người ta nuôi gà để lấy trứng, để giết thịt, để cúng tế, để bói toán, để chọi từ lâu... Ở Việt Nam, mức độ quen thuộc với gà sâu xa đến nỗi trong tục ngữ, thành ngữ, ta có rất nhiều câu liên quan đến gà: nổi da gà, đỏ như mào gà, xoắn ruột gà, xám gan gà, đẻ như gà, ngủ gà ngủ gật, chữ viết như gà bới, vắng chủ nhà gà vọc niêu tôm, mỡ gà thì gió mỡ chó thì mưa, v.v...

Nhưng quen thuộc một sự vật chưa hẳn đã "biết" rành về nó. Cái biết vốn có nhiều cấp độ. Nó có thể chỉ là sự "hay biết", nghĩa là một sự biết thụ động, không có can dự của trí tuệ, hay chỉ biết qua thói quen tiếp xúc:

*Quân tri thiếp hữu phu
Tặng thiếp song minh chu*

*Chàng hay em có chồng,
Tặng em đôi ngọc trong.*

Hoặc:

*Có những con đường ta đã đi
Đi qua đi lại có nhiều khi
Nhà người yêu mến đi qua đó
Xa vắng nên lòng thấy biệt ly!*

Đi nhiều lần trên một con đường để "cua" gái thì anh chàng này bất quá chỉ nhớ tên đường, hay hai bên đường trồng cây gì chứ không chắc anh ta đã biết con đường gồm bao nhiêu trụ đèn, có bao nhiêu lỗ cống... Như thế sự biết của anh chàng thi sĩ mê gái trên chỉ giới hạn trong lãnh vực ký ức về tình cảm, tuyệt nhiên không phải là tri thức của trí tuệ.

Người bình dân Việt Nam chúng ta thường biết về con gà qua kinh nghiệm nuôi và giết gà. Một cái biết do lấy con mắt thịt mà nhận xét nên tôi tạm gọi là cái biết "ngoại quan". Sau cái biết ngoại quan thì dừng lại không tiến thêm nữa vì không cần thiết cho cuộc sống thực tế. Đôi lúc người bình dân cũng thử ứng dụng cái biết này vào vài điểm có căn cứ khoa học thực nghiệm như dùng lớp màng nhầy lót mặt trong mề gà làm thuốc (có tên là *kê nội kim*. Đây chính là một hình thức sơ khởi của nội tạng liệu pháp, *organs therapy*, chứa chất Pepsin, uống để trị chứng... hóc xương gà); xương gà (trị bệnh còi, gãy xương, dựa vào đặc tính 'chó liền da, gà liền xương'); gan gà (trị chứng quáng gà, yếu mắt về đêm nhờ gan chứa sinh tố A). Phấn gà dùng bón cây, nhất là ớt rất cay, chứa nhiều hóa chất nitrates. Chối lông gà quét bụi rất sạch nhờ quán tính thu hút các vi thể vật chất của các sợi lông tơ. Gà có thói tắm bụi để dứt bỏ các con mạt gà, rồi rũ lông lại sạch như li như lau.

Cái túi khôn về kinh nghiệm của dân ta thường chỉ dừng lại trong những kiến thức thuộc đời sống thực tế, cũng như các dân tộc khác trên thế giới, trước khi nền khoa học thực nghiệm ra đời. Hiện nay, ngành Điều cầm học (Ornithology) đã phát triển mạnh mà khởi điểm là nhận xét, mổ xẻ, phân tích và thực nghiệm trên các loại gia cầm như gà, vịt, ngỗng, bồ câu, v.v..

Tổ tiên loài gà nhà phát xuất từ Á châu, nói rõ hơn là từ Đông Nam Á, do giống gà rừng, đặc biệt giống gà rừng đỏ hay gà gô (Red jungle fowl). Ở Ấn Độ, gà được nuôi làm gia cầm từ 3200 năm trước công nguyên. Đặc biệt ở bán đảo Đông Dương, gà Cochinchina là một trong những con gà nhà thủy tổ.

Gà ban đầu được nuôi để làm vật tôn thờ vì nó biết gáy sáng. Sách *Hàn Thi ngoại truyện* tôn vinh con gà là Ngũ đức linh cầm, nghĩa là con chim có năm đức tính: Văn (có mào như đội mào), vũ (vì có cựa), dũng (vì dám đương với địch thủ mạnh hơn), nhân (biết chia thóc cho các gà khác), tín (nhớ canh mà gáy). Về sau, gà được dùng để bói vì nó có linh tính biết được tương lai; rồi đến giai đoạn dùng gà để chọi; cuối cùng để lấy trứng và giết thịt.

Từ gà rừng sang gà nhà có nhiều thay đổi về hình thức, màu lông và cách sinh hoạt.

Con gà bơi, mổ:

Trong việc kiếm ăn, gà có thói quen *bơi* tức là dùng chân vạch cào đất từ trước ra sau, chân này rồi đến chân kia. Rau cỏ, hạt, đất, cát, sâu bọ đều được gà mổ nuốt cho đầy bầu điều. Sự nhận thức xúc giác đóng vai trò quyết định trong việc kiếm ăn vì gà không được phát triển nhiều về khứu giác và vị giác. Các vị mặn, ngọt, chua, đắng cũng được phân biệt khi gà chọn thức ăn ẩm hay được thấm nước.

Động tác mổ của gà như sau: khi muốn mổ một hạt thóc, trước hết gà "de" đầu lại phía sau, khoảng 4cm đủ để hai mắt đều thấy hạt thóc. Khi đã định vị, gà mới chọt mổ thẳng đến nó. Nếu có nhiều hạt thóc kề bên, gà cũng phải nhấc đầu, định vị từng hạt rồi mổ lại. Sự chuẩn bị mổ vào hạt thức ăn tùy thuộc trước hết vào kính thước của hạt đó. Gà có bản tính chọn những hạt nào có kích thước thích hợp cho hệ thống tiêu hoá của nó. Tuy nhiên, đôi lúc vì đói, vì kinh nghiệm hoặc... tò mò, gà mổ những hạt bắp thật lớn. Thường gà chọn những hạt lớn để mổ ăn trước tiên, cốt cho

đầy điều rồi sau mới lai rai mổ các hạt nhỏ.

Khi uống nước, gà nhúng mỏ sâu vào nước rồi ngẩng cổ lên thật cao để giọt nước chạy vào cuống cổ. Gà rất thích đứng uống nước chung với các con gà khác. Cả bầy đều uống giống nhau, nhịp nhàng theo điệu trên trông rất ngộ. Nhiều gà nuôi trong chuồng chật chội, đâm ra bực bội, tê căng nên có thói quen mổ vào đất hay chân của nhau khiến hiện nay trong các xương gà, người ta phải hớt mỏ nó.

Con gà nhìn sự vật:

Gà hoang sống trong rừng, thị trường (*vision field*) bị che khuất bởi bụi bờ nên mắt chúng chỉ dồn vào các vật nhỏ cách xa khoảng 5m và các vật lớn trong khoảng 50m. Do đó ngày nay gà nhà, hậu duệ của gà rừng, chỉ thích quanh quẩn không quá 50m khỏi cái chuồng quen thuộc.

Hai mắt của gà không nằm trên cùng một mặt phẳng như mắt người hay mắt cú mà lại nằm riêng rẽ mỗi bên một con mắt. Do sự cấu tạo cơ thể này, để nhận định một vật gì gần theo ba chiều, gà phải chăm chăm

ngó trước bằng mắt trái rồi bằng mắt phải. Vì vậy mới có hiện tượng gà thường lắc đầu bên này qua bên kia và đi tới trước theo hình chữ chi (之).

Con gà đi, con gà chạy:

Dáng đi của con gà khiến người y sĩ nhớ lại dáng đi cứng nhắc của bệnh nhân một bệnh thần kinh (*stiff walk*). Trong lúc đi, mỗi bàn chân đặt trên mặt đất *nhiều hơn* phân nửa thời gian của bước đi nên có lúc hai bàn chân đều dính mặt đất. Còn lúc chạy, mỗi bàn chân đặt dính đất *ít hơn* phân nửa bước đi nên có lúc hai chân đều hổng đất. Gà không có động tác nhảy. Trong động tác đi, năng lực được giữ bằng nguyên tắc quả lắc. Cái thế năng của quả lắc tăng và giảm khi sức đẩy tăng lên và giảm xuống. Chỉ cần rất ít công sức để giữ cho quả lắc đu đưa vì động năng tăng khi thế năng giảm, và ngược lại; năng lượng chuyển qua lại như con thoi giữa hai hình thức năng lực.

Trong dáng đi cứng của loài chim hoặc gà, cẳng chân được giữ hơi cứng trong khi bàn chân đặt trên mặt đất nên trung tâm của khối

lượng thân thể nhắc cao lên khi chim chuyển từ vị trí a qua vị trí b. Đồng thời cái lực mà mặt đất tác dụng trên bàn chân truyền lên cẳng chân, làm chim chậm lại một chút. Cho nên thế năng đã tăng lên và động năng giảm xuống khi chim đi từ vị trí a qua b. Hiện tượng xảy ra ngược lại từ vị trí b qua c.

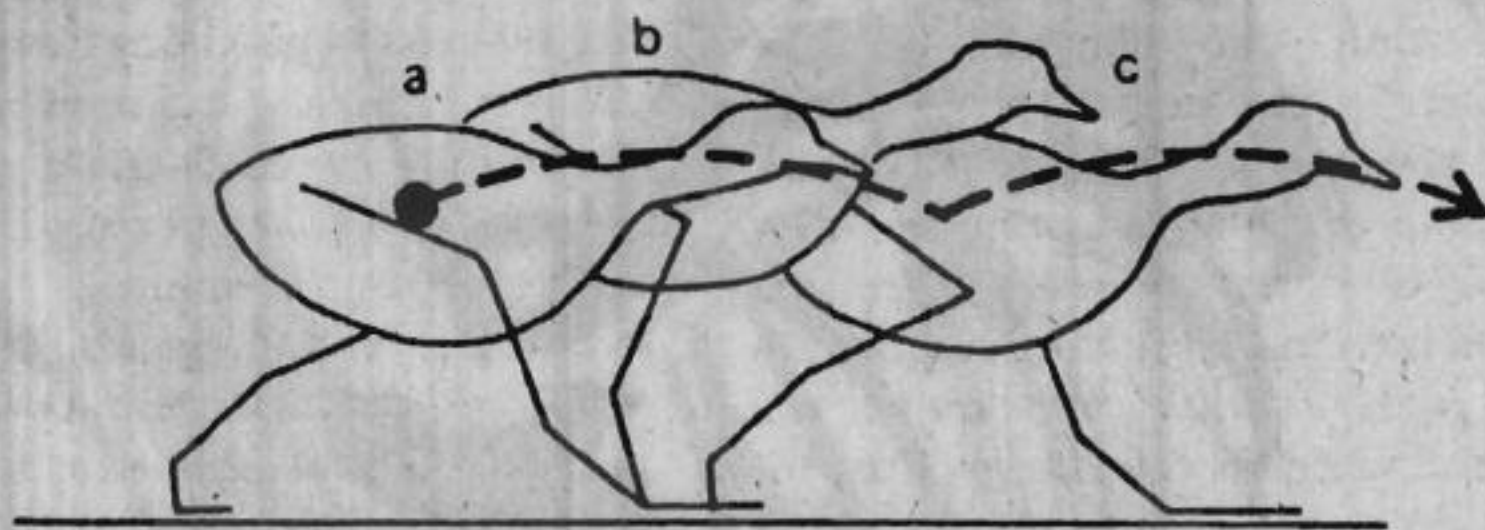
Trong khi chạy, năng lượng được bảo toàn bằng nguyên tắc quả bóng dội. Trung tâm khối lượng nằm thấp nhất khi chim di chuyển chậm nhất (vị trí 2b) nên động năng và thế năng có giá trị thấp nhất cùng một lúc. Tuy nhiên, cái lực trên bàn chân lớn nhất vào lúc này và các thớ gân trên cẳng chân duỗi ra, tích chứa nỗ lực đàn trương. Động năng và thế năng được hoán chuyển thành nỗ lực đàn trương giữa hai vị trí a và b (búng ra) và thu lại bằng sự hồi phục, hay dãn lại, giữa hai vị trí b và c.

Theo thói sống của tổ tiên trong rừng, gà rất sợ khoảng trống mà thích kiếm ăn ở đồng cỏ có nhiều bụi bờ, gò nong để có thể ẩn núp tránh các loài cầm thú săn mồi hay khi thời tiết xấu. Khi lâm nguy, gà rừng có thể bay tuốt lên ngọn cây cao nhất gần đó. Những con gà nhà nhẹ cân có thể bay dễ dàng qua một cái giậu cao hai thước. Còn gà ri có thể bay tuốt lên cao khoảng 30 mét, nghĩa là vượt quá một tầng lầu!

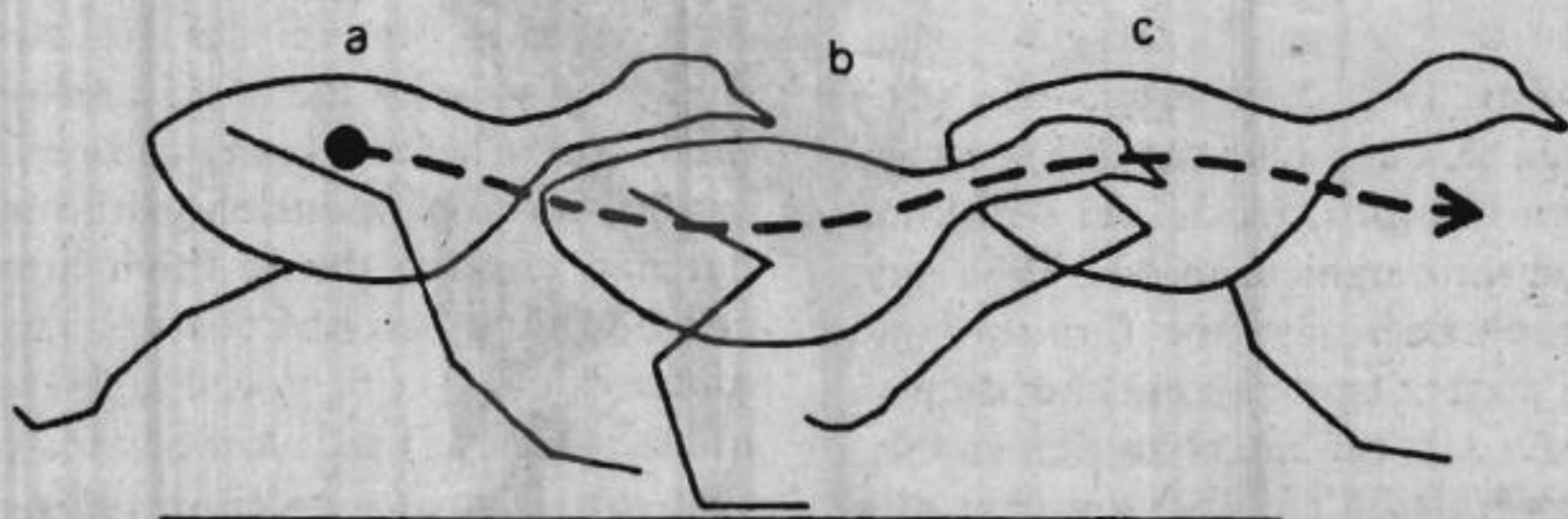
Con gà bay:

Khả năng bay của gà rất hạn chế so với các loài chim khác. Thủy tổ chính của loài chim, dò theo địa chất học, là một dòng loài vật biết bay thứ hai của loài bò sát thái cổ Archosauria, đã tách rời khỏi tộc hệ của loài này vào đệ tam kỷ (triassic period) thời Mesozoic, cách nay khoảng 180 triệu năm.

Một giả thuyết đã nhận dạng sự tiến hoá của loài chim bò sát (*avireptile*) là con cháu của loài bò sát thái cổ trên. Loài chim bò sát chắc hẳn là một con vật có hai chân, mình có vảy, chỉ vỗ cánh để nhảy lúp xúp. Khi nhiệt độ trên địa cầu xuống thấp làm băng giá, các con vật chim bò sát chỉ sống sót khi các



Con gà đi



Con gà chạy

vảy dần dần tẽ ra thành lông vũ, tạo thành một lớp áo không khí ấm để che thân. Lợi điểm của lớp lông vũ mới này là tạo thành một thể thẳng bằng hữu ích để các con vật có thể vỗ cách bay vượn lên, càng lúc càng cao. Con gà hiện nay chỉ vỗ cánh để nhảy dài hơn là vỗ cánh để nhắc bổng mình lên, bay thực.

Sự liên hệ giữa loài chim hiện nay và loài bò sát được biểu lộ qua một số đặc thù cơ thể và sinh lý nhưng rất khó phân biệt với các đặc thù cần thiết cho khả năng bay bổng. Chẳng hạn, chim không có bong da để làm nhẹ mình và bay dễ dàng. Loài bò sát cũng không có bong da. Nếu loài bò sát đẻ trứng thì chim cũng đẻ trứng nhưng không phải làm vậy để nhẹ mình khi bay.

Phân tách cơ chế của sự bay khiến chúng ta hiểu dễ dàng cơ thể và sinh lý của loài chim nói chung và loài gà nói riêng.

Bay tức là nhắc lên và đưa thân mình đến trước trong không khí bằng cách chèo hai chi trên có gắn lông vũ. Khối lượng lớn nhất của cơ thể phải thu dồn vào gần trung điểm của trọng lượng và được giữ bất di bất dịch. Những cơ lực cần thiết để nhắc mình khỏi sự tri xuống của trọng điểm và giữ mình trong không khí phải thật lớn để một sự thay đổi nhỏ nhất trong sự dời trọng điểm không gây ảnh hưởng nguy hại cho khả năng bay.

Khả năng bay cũng bao gồm khả năng đậu. Vì vậy vấn đề thứ hai cho các loài biết bay là sự thay đổi từ tốc độ cao để bay trong không khí qua việc hãm dừng hẳn lại trên mặt đất hay cành cây. Sự hãm dừng này phải thi hành làm sao không gây chấn động nguy hiểm cho bộ thần kinh hay cho con mắt. Vấn đề được giải quyết bằng một cột sống lưng rất dài, uốn hình chữ S để cái đầu được đưa nhẹ về sau như tựa vào một cái lò xo thép.

Bộ xương chim phải thích nghi cho sự bay, nhất là cả bộ xương mà thân hình vo tròn thành một khối cầu. Cột sống lưng phải gù lên, xương ức có hình lép như vỏ sò, và

cột xương sống của cần cổ có hình chữ S. Trọng lượng cơ thể giảm đi vì chim không có răng và những loại xương khác nhau rỗng để chứa không khí. Một yếu tố đóng góp khác là bộ xương chim không cử động lỏng lẻo mà được kết chặt theo chiều ngang. Vòng đai của vai cũng toàn hảo để giúp việc bay. Các hoá chất chứa rất cao trong xương các loài chim cũng góp phần làm giảm trọng lượng cơ thể. Chúng tôi thắc mắc, không biết điều này có liên quan gì đến khả năng mau liền xương của loài gà và loài chim bìm bịp không.

Chim cũng như loài bò sát, không có hoành cách mô tròn vẹn. Loài bò sát không bay thường phồng lên và xẹp xuống ba sườn của mình để làm căng và rút lại xoang ngực của mình trong lúc thở.

Còn chim với các xương sườn bị gắn lại, thì khả năng trên bị giới hạn nên chúng phải có một kỹ thuật thở riêng. Mỗi túi không khí là một sự lan ra của màng nhầy phổi thành hình một túi mỏng nằm chen giữa các nội tạng, các bắp thịt, vào xương và dưới da đã làm tỷ trọng của loài chim tối giảm.

Để thích nghi cho khả năng bay, các bắp thịt phát triển làm cử động đôi cánh, nằm bám vào xương ngực. Xương ức có một đường nhô ra rất cao và dài như mũi tàu, không cản gió. Các bắp thịt đuôi cũng ảnh hưởng đến sự bay.



Trên da của chim có nhiều lần xếp giữa đầu và lưng, cổ và cánh, cánh và thân mình cốt để luồn không khí theo chiều bay. Chân chim thường co lại dưới thân để khỏi cản gió khi bay. Tuy nhiên ở các loài cò, diệc, chân trở thành bánh lái. Riêng loài gà, với nhiều biến đổi nên khả năng bay trở nên hạn chế.

Con gà nghe:

Gà có một thính giác đặc biệt để tránh các cầm thú săn mồi. Không có vành tai, nhĩ quán gà ngắn, được bảo vệ bằng lông và một miếng da. Gà còn được trang bị những cơ quan rất nhạy về sự rung chuyển trên khắp mặt da và đặc biệt tụ nhiều nhất trên hai cẳng. Sự rung chuyển có thể tiếp nhận từ mặt đất hay qua không khí. Nhờ điểm này, gà phát giác sớm những kẻ thù săn bắt mình. Ở Trung Hoa, dân quê nhờ coi bầy gà xao xác mà đoán trước được trận động đất sắp đến.

Da gà:

Gà điều hoà thân nhiệt qua lớp da. Một hạch nội tiết (*pineal body*) nằm ở não bộ gà phụ trách việc điều chỉnh thân nhiệt với môi trường chung quanh. Thông thường, thân nhiệt gà ở vào khoảng 39.8 và 43.6 độ bách phân, cao nhất vào khoảng 4 giờ chiều và thấp nhất vào khoảng nửa đêm.

Gà không có hạch mồ hôi nên khi gặp nhiệt độ cao, gà phải há rộng mỏ, thở gấp rút, duỗi cánh và uống nước để làm mát. Gà chọi sau mỗi độ đấu cần phải "xóc hen" nghĩa là cho uống thật nhiều nước và móc nhót ra là vì vậy. Những gà con trong trứng ít nhạy cảm với sự thay đổi nhiệt độ. Do đó gà mẹ đang ấp có thể mỗi ngày rời ổ đi kiếm ăn hoặc bài tiết trong vài tiếng đồng hồ mà trứng không bị ảnh hưởng.

Tiếng gà kêu:

Trong tiếng kêu, gà hơn hẳn nhiều giống điều cầm khác. Nó có thể phát ra trên 30 âm thanh khác nhau và bắt đầu kêu khi vẫn còn trong trứng, 24 giờ trước khi nở.

Gà con *chiêm chiếu*, tiếng kêu kéo dài và có âm giai cao. Gà mẹ

đáp lại bằng tiếng *cùng cục*, âm thanh sâu, bình thản và tròn trịa. Khi gà con lạc, tiếng kêu dài hơn và âm giai từ cao đổ xuống thấp khiến gà mẹ biết mà đáp lại bằng âm thanh *cùng cục* nhanh và dài, ý nói với gà con rằng "Mẹ đây! mẹ đây!".

Các gà con nhận được giọng mẹ chúng trong khoảng 15 đến 20 mét. Trái lại gà mẹ cũng nhận ra tiếng gà con cùng trong khoảng cách trên, dù bị lẫn trong một bối cảnh âm thanh hỗn tạp.

Các gà con một mẹ trong cùng một lứa ấp truyền thông với nhau bằng âm thanh *tít tít* dịu dịu bày tỏ sự sung sướng, và đổi sang *oa oa* khi hãi sợ hoặc lâm nguy. Tuy nhiên chúng không đáp ứng với tiếng kêu lạc bầy của những con gà con khác lứa.

Gà mẹ gọi gà con lại ăn bằng tiếng ngắn, trầm mà dân Việt thường nghe ra thành "*Thốc, thốc, thốc*". Đến giờ về chuồng, tiếng gọi của gà mẹ là những âm dài, trầm, cất quãng bằng vài tiếng có âm giai cao: "*Về ngủ, về ngủ... bớ các con! Về ngủ, về ngủ... bớ các con!*"

Các con gà giò, trống tơ cỡ ba bốn tháng, bắt chước tiếng gây sự của những gà trống lớn. Các gà mái tơ thì trẻ hơn, bắt đầu nhại tiếng *cùng cục* của gà ấp trứng. Nếu gà trống tơ không có gà mẹ che chở mà còn bị ăn hiếp bởi những con gà dậy thì khác thì biết gáy rất trẻ. Và khi bắt đầu gáy, tiếng gáy của nó rè, khàn trước khi biết gáy dòn dã thực sự.

Tiếng gà trống trưởng thành khi gáy là tiếng của sức mạnh và hoan hỉ. Giống gà nhẹ cân có tiếng gáy bổng cao, còn gà nặng cân có tiếng gáy trầm hơn. Ngoài tiếng gáy, gà trống có nhiều tiếng khác nhau để báo ban bầy gà mái của nó: tiếng trầm khi đe dọa: "*Đùng, đùng chộc ông! Đùng, đùng chộc ông!*"; tiếng bổng êm ái khi triu mến gọi gà mái đến ăn: "*Em, em! Đây có thốc! Em, em! Đây có thốc!*"

Các gà mái *cùng cục* nhẹ nhàng một mình, tỏ vẻ thoải mái, nhưng lại *oang oác* khi hoảng sợ và đặc

biệt *tục te tục tác* khi đẻ trứng mà dân Việt nghe thành: "Ui chao là rát!".

Vài người nói rằng tiếng "tục tác" là để thiết lập sự tiếp xúc với các con gà mái khác đang đi lang thang ở xa. Tuy nhiên khi gà mái nhà thả lại vào rừng thì lúc đẻ trứng đã không tục tác, lý do là để dấu ổ vì sợ các con vật khác biết nơi tìm đến. Thái độ gà mái sau khi đẻ là thái độ kiêu hãnh, cổ vươn thẳng, phát ra những tiếng lớn, đầy tự tin. Gà mái rừng chỉ đẻ 8 đến 12 trứng mỗi năm. Còn gà mái nhà trong những chuồng nuôi tối tân đẻ trung bình tới 300 trứng mỗi năm.

Đối với gà trống hoang, trước khi vợ đẻ nó phải tìm ổ, nghĩa là một chỗ cao trên mặt đất. Nhưng ổ này chưa được lót nên gà mái phải bươi cào trước khi nằm.

Loài chim nói chung, cơ quan phát tiếng nằm trong lồng ngực thông với nhiều túi rỗng, tạo thành một minh quản (ống kêu) nằm giữa chỗ rẽ hai của khí quản, có âm hưởng lớn mà các loài khác không có. Ở các loài có vú, ống này là thanh quản, có những sợi thanh huyền rung động làm thành tiếng.

Minh quản của loài chim hoạt động như nguyên tắc một ống sậy. Thành của phế quản đến một lúc nào đó trở thành mỏng như giấy có màu đục đục, mặt trong lót bởi một lớp biểu bì có vẩy dẹt, rung chuyển khi không khí thổi qua tạo thành tiếng. Sự tạo thành tiếng sẽ thay đổi tùy theo khí quản dài hay ngắn; tùy lòng khí quản rộng hay hẹp, vươn cổ hay cong vòng, v.v...

Thông thường ở gà và các loài ngỗng, vịt, những vòng sụn đầu cuối của khí quản dính lại, khiến thanh âm phát ra như nghẹt. Nhưng cũng có trường hợp khí quản thông với một vùng phình ra như bong bóng khiến tiếng nghe như phát ra từ một cái trống. Đặc biệt ở các con vịt đẻ, lòng trống này nằm không đối xứng, luôn luôn ở bên trái, khiến tiếng của nó nghe rất đặc biệt.

Gà sinh hoạt:

Gà rất ưa sự thoải mái. Mỗi sáng, gà mái lấy mỏ rửa lông làm dáng, lấy sạch rác bụi trên những phần của cơ thể khó với đến. Đây là lúc gà không muốn bị quấy rầy. Vào giấc trưa, gà mái tắm bụi. Nó nằm xẹp xuống, rũ mình, quạt cánh cho toàn thể lông được dính đất hay cát, nhất là với tro bếp, rồi nằm lăn thoải mái với hai cánh duỗi ra trong chỗ mát. Mục đích tắm bụi này là để loại bỏ những con mạt gà. Sau đó gà đứng lên rũ sạch tro bụi và tiếp tục kiếm ăn.

Đến chiều, khoảng 5 giờ là hoạt công cao điểm thứ hai, đặc biệt là chịu đựng trứng. Trước khi mặt trời lặn, gà kiếm ăn cho đầy bầu điều trước khi đi ngủ.

Gà ngủ:

Gà chỉ ngủ theo đàn và trong một nơi an toàn, quen thuộc. Ở nơi lạ và mất an ninh, gà thường xao xác khó ngủ. Khi ngủ, gà đậu con này cách con kia một khoảng nhỏ. Chọn xong vị trí rồi, gà kêu một tiếng ngắn, rút cổ lại, mở khép mắt nhiều lần (do đó ta có danh từ 'ngủ gà ngủ gật'). Sau đó nó nhắm nghiền mắt lại, rúc đầu dưới cánh và ngủ. Có tiếng động là cả chuồng xao xác nhưng chúng rất dễ yên trở lại nếu chuồng tối đen hoàn toàn.

Gà rất sợ rắn, nhất là rắn hổ hành. Do đó các tay trộm gà thường lấy hành hay kiệu giã nát bôi vào tay để thò vào chuồng bắt gà. Gà sợ hãi không kêu được tiếng nào.

Trật tự mổ trong xã hội gà:

Xã hội gà phân chia giai cấp theo trật tự mổ, thiết lập từ lúc gà còn nhỏ. Vào khoảng 2, 3 tuần, gà lớn thường mổ các gà sanh sau để muợn. Và tuổi dậy thì là 10-12 tuần với gà mái, 12-16 tuần với gà trống. Những cuộc tranh hùng phân ngôi thứ bắt đầu, nhưng vị trí quyền lực chỉ đạt được khi gà thực sự mổ nhau theo ngôi thứ lúc gà đã hoàn toàn trưởng thành vào tuổi 26 tuần.

Nếu bây giờ có một con trống, con này đương nhiên đứng đầu trật tự mổ. Dưới con thủ lĩnh, và nếu

không có con trống khác, các con gà mái sẽ mổ lẫn nhau để thiết lập ngôi thứ trên dưới. Trong cuộc tranh hùng, gà thường mổ địch thủ vào cổ, đầu, mõng và mặt. Có khi gà vỗ cánh để chiếm thượng phong, tấn công vào nhược điểm của địch thủ.

Cuộc tranh hùng quyết liệt hay không tùy theo dáng vẻ của địch thủ mà gà ta nhận định: dáng đi thẳng, nghênh ngang, mào lớn và đỏ, mắt cong vòng, má xếp lằn,... Còn thời gian đánh mổ lâu hay chóng tùy vào sự tự tin của gà. Một con gà thua thường có bộ tịch khúm núm, cẳng chân cong, thân mình hạ xuống, chạy lảng xa...

Gà mái mào càng lớn thì càng có vẻ hùng, sẽ được nhiều con nể sợ. Gà có mào nhỏ kể như yếu và lép.

Nếu hai con gà mái đồng sức thì sẽ có sự tranh hùng khùng khiếp để dành ngôi, cuộc đấu chỉ dừng lại khi một con bị thua hoàn toàn. Trong đàn gà không có trống, gà mái mạnh nhất làm thủ lĩnh, cư xử như gà trống. Nó sẽ kiếm ăn cho cả bầy, và cũng gáy. Đôi khi nó còn dờ dờ nữ kê tác quái hay trò đập mái. Đó là trong trường hợp các mẹ mái già, quá lứa, ít kích thích tố mái.

Một khi xong cuộc đánh và có con thắng rõ ràng, thứ tự mổ kể như ổn định. Các gà mái tơ chưa từng có ngôi thứ trong trật tự mổ phải cần nhiều ngày để biết mình đứng vào hạng nào. Các con già hơn, dù mới nhập bầy vài giờ đã có thể xác định địa vị rồi.

Con gà mái tiên chỉ có đầy uy vũ

xuân trắng

*Xuân trên triền dốc lặng
Tuyết âm thầm vẫn rơi
Cành đông bên trời vắng
Xa mấy dòng lệ khơi*

*Bơ vơ trong chiều nhớ
Hoa từng cánh rụng rụng
Chân bước về gác trọ
Hồn cha sáng tung bùng*

*Hạt mầm người độ lượng
Nảy giữa mùa tuyết băng
Hạt cong vòng tang trắng
Đất mỉm cười thênh thang*

*Xuân về, xuân muốn khóc
Chợt nghe mùi trầm hương
Quyện vào vòng cơ nhọc
U mê với chân chường.*

*Buồn, thôi về xếp lại
Những mảnh đời đã qua
Từng bàn chân thơ dại
Dẫm hồn con xanh xao*

*Đốt giùm con chút lửa
Bên ngoài đêm ba mươi
Cong chân, đầu con tựa
Trên mối sầu khôn nguôi.*

việt phương

đầu năm tự kiểm

*Tết nữa lại về, tuổi mấy mươi?
Trẻ không còn trẻ, già chưa già
Tóc voi, râu bạc, tai gần điếc
Cân nặng trăm pounds xương lẫn da.*

*Cà phê hai cữ, thuốc nguyên bao
Cognac đã quen tự thuở nào
Bác sĩ thường khuyên, đành để bụng
Bỏ vào chưa đủ! Bỏ ra sao?*

*Cơm Mỹ vẫn chê từ mới đến
Miếng quen đậm bạc thức quê nhà
Mỗi tuần năm bữa trưa hàng quán
Cơm tối vợ hầu rất món ta.*

*Xa gần bằng hữu có thêm đông
Mà vẫn không vui tự đáy lòng
Cơm áo phải đành nương với chài
Đầu răng cuối lối cũng là không.*

*Mỗi độ Tết về ngồi tự kiểm
Con đường lưu lạc vẫn mù sa
Dọc ngang hết lối thành quanh quẩn
Còn lại vui buồn thơ với ta.*

trần thiện hiệp

trên các con gà khác mà không cần phải ra lệnh. Nó chỉ cần tỏ ý là các con khác đã tuân theo răm rắp. Tuy nhiên khi con này già yếu hoặc bị đưa ra khỏi bầy và nhiều con gà mái mới bỏ vô, cuộc tranh hùng lại xảy ra toàn bộ.

Nếu cuộc thử thách mới bắt đầu, con gà mái trước kia có địa vị cao nay tỏ ra yếu đuối thì bị các con gà khác dưới chân tấn công. Nếu các con gà mới nhập bầy có màu lông khác thì cái mào lớn không được kể là quan trọng mà tùy thuộc bộ lông.

Các con gà mái càng già thái độ càng tự tin hơn. Nếu một con gà mái trước đứng hạng cao được đưa vô bầy, nó sẽ dũng cảm đòi hỏi địa vị cao hơn.

Địa vị của hùng kê:

Khi một chú gà trống nhập bầy, câu chuyện xảy ra khác. Sự hiện diện của gà trống có tác dụng hoà giải. Nó luôn luôn có vị trí tối thượng. Tuy nhiên điều này không

áp dụng cho các con gà trống tơ lớn lên trong bầy không có gà trống lớn. Chúng sẽ bị các chị gà mái hung dữ lấn lướt không cho đập mái. Thường một con gà mái sẽ khởi sự đấu sức và chỉ bị khuất phục sau khi con trống xác định được địa vị.

Sự việc tương tự cũng xảy ra với những gà trống tơ lớn lên trong một bầy có gà trống làm đầu đàn. Trong trường hợp này, chúng đã quen với thái độ can dự hung hãn của con trống thủ lãnh nên không bao giờ dám đập mái. Sau một thời gian dài, có thể con gà thủ lãnh đã thua sức con gà tơ mới trưởng thành, nhưng kỷ ức về thói quen bị chèn ép khiến những chú gà trẻ tuổi này bỏ mộng làm bá chủ.

Trong trường hợp các lứa trứng không được thụ tinh đầy đủ vì số gà mái quá nhiều trong bầy hay vì tuổi tác của con gà trống, người nuôi gà không nên đem một chú gà trống

mới cho nhập bầy. Khi con gà trống thủ lãnh bị mất vị trí quyền lực thì tinh thần của nó bị xáo trộn và sức lực bị phung phí một cách thảm hại. Mặt khác, nếu con gà mới nhập bầy bị đánh bại, nó không thể đập mái và trở thành mối bận tâm toàn thời cho con gà trống già. Do đó các lứa trứng sẽ bị thiếu tinh nhiều hơn. Thành ra cách tốt nhất là giết con gà già và đưa thêm ba con gà trống sung sức khác nhập bầy. Thế là có ba gia đình gà. Hai trống còn choảng nhau chứ ba trống thì hoà cả làng.

Vào mùa thu, gà thay lông. Gà trống tuy mất sức nhưng vẫn đều đều kiếm ăn cho gà mái, nó cũng biết dung thứ các con gà khác. Còn gà mái đầu đàn thì hoàn toàn trái ngược, vẫn độc tài ngay lúc đổi lông.

Một bầy gà không nên quá 30 con vì đây là con số tối đa mà các con gà có thể nhận được nhau theo thứ tự mổ. Gà mái đang ấp thường



bớt hung hãn nên dễ bị các con mái khác tấn công, hạ thấp ngôi thứ. Do đó gà mái ấp nên được nuôi riêng, nhưng vẫn phải ở trong vòng tiếp xúc để các con gà khác nhận diện bằng cách ngán một cái rào kẽm thưa hầu sau này nó trở về bầy mà không xảy ra vấn đề mổ để định ngôi thứ nữa.

Cặp đôi và đẻ trứng:

Gà rừng thường đi theo cặp, tuy cũng có khi nhiều mái cho một trống. Bầy gà rừng có khoảng 10 đến 40 con, vừa trống vừa mái. Mùa cặp đôi từ tháng tư đến tháng mười.

Hai, ba ngày sau lúc cặp đôi, cái trống thụ tinh đầu tiên được đẻ ra và sự thụ tinh này kéo dài khoảng bốn ngày. Gà nhà bắt đầu kêu ổ sau khi cặp đôi, còn gà rừng chỉ kêu ổ một thời gian ngắn trước khi đẻ trứng. Gà rừng đẻ 6 đến 8 trứng, mỗi lần đẻ mất hai tiếng đồng hồ, cách nhau khoảng 30 giờ.

Cả gà nhà lẫn gà rừng mỗi năm cặp đôi một, hai lần. Lúc gà ấp, sự biến hoá căn bản của cơ thể thay đổi nhiều, tuy thân nhiệt vẫn bình thường. Gà mái chỉ rời ổ một lần trong ngày, thường vào giấc trưa, để đi ăn và bài tiết. Giấc ban trưa thường yên ổn, không bị các điều thú săn mồi đe dọa. Gà thường bài tiết nhiều lần trong ngày, thế mà lúc ấp trứng, nó nín hân để đi có một lần thôi.

Khôn từ trong trứng khôn ra:

Kê thai bắt đầu nảy nở từ lúc trứng còn nằm trong ống dẫn của gà mái và tiếp tục phát triển khi cái trứng đã đẻ. Trứng gà hưởng nhiệt lượng khi gà mẹ ấp, và dưỡng khí được thở qua vỏ trứng rồi truyền qua các màng có nhiều mạch máu phân phối. Vào ngày thứ 12, kê thai bắt đầu nhạy cảm với tiếng động. Ngày 17, kê thai phá màng trứng để lộ đầu và mỏ vào cái bọc không khí. Chú hài kê bây giờ bắt đầu thở bằng phổi và để ý ghi nhớ tiếng kêu cùng cục của gà mẹ.

Bầy gà cùng lứa một mẹ ấp tiếp xúc chặt chẽ và nhạy cảm với tiếng gọi của nhau. Các gà con này nảy

nở đồng thời nên nhờ thông tin bằng tiếng gọi mà nở tương đối cùng một lúc. Có những con gà có thể nở sớm nhưng vẫn chần chờ đến hai tiếng đồng hồ để chờ những con khác nở chậm. Gà mẹ không cần làm gì để giúp con nở mà chỉ nằm yên trên đám trứng. Các gà con dùng mỏ sừng để mổ vỏ chui ra. Vào cuối ngày 21, tất cả các con gà đều nở.

Nhờ được nuôi bằng chất hoang dã trong dạ dày, gà con không cần ăn trong 24 giờ đầu. Điều này rất hữu ích cho gà vì giúp chúng có thời gian nhận thức bối cảnh chung quanh và tập mổ. Thời gian nhúng mỏ làm quen với đời này được mệnh danh là thời khai tâm, kéo dài 36 giờ mà cao điểm vào khoảng giữa giờ thứ 13 đến thứ 16. Điều này giải thích tại sao không nên tách rời gà con khỏi mẹ cho đến lúc toàn ổ trứng nở hết.

Trong thời gian khai tâm, gà con rất nhạy cảm và không biết sợ. Người ta làm thí nghiệm bằng cách dùng một hộp giấy cứng phát tiếng kêu giả như tiếng gà mẹ. Ban đầu gà con cũng chạy lại, nhưng vài giờ sau chúng phân biệt được tiếng kêu của mẹ thật và bỏ mẹ giả để chạy theo gà mẹ. Thời gian khai tâm này càng đến gần lúc chấm dứt thì gà con càng trở nên lo lắng và phản ứng tùy theo mô thức cư xử đặc thù của chủng loại chúng.

Sau ba bốn ngày, gà con quen bầy và sẵn sàng nhận định những thức nào ăn được trong khi gà mẹ vẫn chắt chiu săn sóc chúng bằng một tình mẫu tử sâu đậm. Tìm được thức ăn, gà mẹ "túc túc" gọi các con tới, mổ vào hạt thóc rồi lại nhả ra nhiều lần cho đến khi gà con bắt chước. Gà con cũng biết ăn thức ăn mềm bằng cạnh bên của mỏ; học cách bơi, bới, khê hạt cho gãy vụn ra, quẹt mỏ trên đất cho sặc, lắc đầu để làm rơi những thức ăn dính mỏ, v.v.. do gà mẹ dạy.

Gà mẹ và gà con nhận nhau bằng tiếng kêu. Đôi lúc gà con nhận lầm mẹ nhưng liền sau đó tình trạng được điều chỉnh ngay vì gà mẹ khác

sẽ đánh đuổi những gà con nhận lầm đi.

Trong những ngày đầu, mẹ con gà chỉ chiu chất quanh quẩn trên một khoảng nhỏ độ hai thước vuông. 10 hay 12 ngày sau, gà con đi rong xa hơn, nhưng thấy gì nguy lại lót tót quay về với mẹ. Ý thức về phương hướng hoàn thiện hơn và gà con bắt đầu nhớ chuồng. Ngày 14, bầy gà con đưa mẹ đi khắp nơi chứ không phải mẹ dắt con nữa. Mẹ vẫn chiều con mà!

Sau 5 tuần, gà con mọc đủ lông để không cần ngủ gài, nhờ mẹ truyền hơi ấm nữa. Ít lâu sau tuần thứ tám, gà mẹ bắt đầu mổ đuổi các con gà trống con để chúng phải tự lập kiếm ăn. Vào lúc này, hệ thống kích thích tố trong gà mẹ lại hướng dẫn nó vào chuyện đẻ lứa trứng khác, do đó bản năng mẫu tử biến mất.

Các gà con bắt đầu nhập vào cộng đồng gà lớn nên chúng phải đương đầu với một cuộc tranh đấu thực sự. Một điều đáng chú ý: gà con được mẹ giáo dục ít có vấn đề trong sự tranh hùng mổ nhau vì đã quen với uy quyền của mẹ. Chỉ có những con gà "mất dạy" mới trở nên hung hãn.

Kiếp sống của gà nhà dài khoảng 20 năm. Có con gà mái vẫn đẻ trứng vào tuổi 12, nhưng thông thường gà giảm sanh đẻ vào năm thứ ba. Gà càng già thì sức khỏe càng kém, lông rụng nhiều và xơ xác. Đặc biệt càng già gà càng khó tính, gây gổ vô cớ.

Câu chuyện cà kê về cách trí con gà còn có thể dài nữa nhưng thiết tưởng đã đến lúc phải dừng.

Con gà, tuy là một loại gia cầm tầm thường và quá quen thuộc, nhưng dưới cái biết của khoa học hiện đại, đã cung cấp cho chúng ta những kiến thức ly kỳ, thích thú. Do đó, người viết mong chuyện "cà kê" trên đây không đến nỗi làm phí thì giờ độc giả.

*Chuyện hay cách trí: con gà
Mua vui cũng được một và trống
canh.*





Năm Dậu Văn-Học

Trần Văn Tích

Học thuyết âm dương phân chia mọi sự mọi vật trong trời đất ra hai nhóm, hoặc thuộc âm, hoặc thuộc dương. Đối với bốn hướng, tứ phương cũng vậy. Cho nên đông, nam thuộc dương; tây, bắc thuộc âm. Những vị trí địa lý theo thuyết phong thủy xưa cũng được qui vào hai chữ âm dương, rồi từ đấy lại phân theo thiên can địa chi. Do đó Đinh ngọ, Canh dậu chẳng hạn cũng nhằm chỉ phương hướng, vị trí; ví dụ trong thơ Ngô Thì Nhậm nhắc đến sông Kỳ Cùng mà trên lãnh thổ Trung Hoa thì có tên là Ninh Minh giang:

Thí khán Ninh Minh giang,

Cồn cồn thủy đông tầu.

Phát nguyên hà sở tự,

Ngọ đình chuyển Canh dậu.

(Hoán nhĩ ngâm)

(Hãy xem dòng sông Ninh Minh,
Cuồn cuộn chảy về đông.)

Hỏi bắt nguồn từ đâu?

Từ Ngọ đình chuyển sang Canh dậu).

Như thế Canh dậu là phương bắc. Nhưng trong bài viết dành cho số Tết *Làng văn* này, khái niệm *dậu* sẽ chỉ được hiểu như dùng để mô tả thời gian.

Hiểu như thế, năm *dậu* là năm thi hương, là năm để các sĩ tử có hạnh vận *dậu* được cử nhân, nghĩa là có cơ may làm quan cho *cả họ được nhờ*. Lệ này ít nhất đã tồn tại từ năm Ất dậu 1825 cho đến ngày chế độ thi cử phong kiến chấm dứt.

SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

Kỷ dậu 2351 tr. CN. Sứ bộ dâng rùa thần về lại nước Việt. Sách

Cương mục tiền biên của Kim Lý Tường (một tác giả trung Hoa) chép rằng năm Mậu thân thứ năm đời Đường Nghiêu (2352 tr. CN) họ Việt Thường sang châu, qua hai lần thông ngôn, dâng con rùa thần có lẽ đã sống cả ngàn năm, mình dài hơn ba thước, trên lưng có chữ khoa đầu, ghi lại việc từ khi trời đất mới mở mang trở về sau. Vua Nghiêu sai chép lấy, gọi là *qui lịch*. Như vậy, phải chăng nòi giống Việt đã cung cấp cho người Tàu thời viễn cổ lối chữ viết khoa đầu?

Thực ra niên đại Kỷ dậu 2351 này là do suy từ câu chuyện tiến cống lần sau theo đó, bộ Giao Chỉ qua ba lần sứ dịch, cho người sang dâng chim trĩ trắng năm Tân mao 1110 tr. CN. Sứ bộ sau khi hoàn tất công tác, phải đi mất một năm mới về đến nước nhà.

Kỷ dậu 289. Nhà sư Tây Trúc là Ma-la-kỳ-vực đến Giao Châu (Việt Nam) và Lâm Ấp (Chiêm Thành) thuyết giáo, thu phục được nhiều đệ tử.

Ất dậu 865. Cao Biền đem quân sang Giao Châu đánh thắng quân Nam Chiếu, từng làm một loạt thơ Đường nói về chuyện này, sẽ được Lê Quý Đôn tuyển ghi trong *Kiến văn tiểu lục*.

Tân dậu 1021. Làm nhà bát giác chứa kinh.

Quý dậu 1033. Triều đình đúc một quả chuông nặng một vạn cân treo ở lầu chuông Long Trì.

Đinh dậu 1057. Xây tháp Báo Thiên mười hai tầng cao vài mươi trượng; sai sứ sang tặng nhà Tống hai con kỳ lân, vua Tống ban thưởng cho sứ giả rồi bảo đem về.

Kỷ dậu 1069. Vua Lý Thánh Tông và Lý Thường Kiệt đi đánh Chiêm Thành, nguyên phi Ý Lan trông coi việc nước. Vua Chiêm Chế Củ bị bắt, dâng nộp ba châu Địa Lý, Ma Linh và Bố Chánh để được trả tự do. Vùng đất mới này sẽ đón tiếp nhiều đợt dân di cư, trong số có tổ tiên Đặng Tất, Đặng Dung, sau này lập nghiệp ở huyện Hải Lăng (tỉnh Quảng Trị), nếu căn cứ theo *Ô châu cận lục* của Dương Văn An. Đặng Dung nổi tiếng qua bài *Cảm hoài* bắt hủ với câu:

Quốc thù vị báo đầu tiên bạc.

(Thù nước trả chưa xong, mái tóc đã sớm bạc).

Tân dậu 1081. Triều đình sai Dương Dung Luật sang Tống thỉnh kinh *Tam tạng*.

Ất dậu 1105. Lý Thường Kiệt mất, thọ 86 tuổi.

Đinh dậu 1117. Ý Lan hoàng thái hậu mất, làm lễ hỏa táng, chôn sống theo ba người thị nữ. Nhà sư Vạn Trì Bát trụ trì chùa Tổ Phong trên núi Thạch Thất mất, còn để lại một bài kệ với hai câu kết cho rằng khi con người tu Phật đã đến mức chẳng quan tâm gì tới sự sống chết thì tức là đã tìm thấy lẽ trường tồn theo giáo lý đức Thích Ca, là đã vào được Niết Bàn:

Ư chư sinh tử bất quan hoài,

Ủm tồ rô, tồ rô, tất lý!

(Khi đối với chuyện sống chết mà không còn quan tâm,

Thì úm tồ rô, úm tồ rô, thắng nhập).

Ất dậu 1165. Nhà Tống cấp *liệt An Nam* cho vua Lý Anh Tông. Nhà nước tổ chức thi học sinh.

Ất dậu 1225. Ngày 21 tháng mười, Lý Chiêu Hoàng ban chiếu nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh, chấm dứt 216 năm triều Lý, với lý do chính: "*Trẫm xét thấy*

ngôi báu rất là trọng đại mà trẫm là vua đàn bà, phải gánh vác lịch số do Trời giao cho, riêng những nơm nớp lo sợ..."

Đinh dậu 1237. Trần Thủ Độ bắt công chúa Thuận Thiên, chị ruột hoàng hậu Chiêu Thánh, đang là vợ của Trần Liễu và có mang ba tháng, làm vợ của vua Trần Thái Tông. Việc này sẽ để lại trong tâm tư vị vua đầu triều Trần một niềm khắc khoải lớn, khiến thơ văn ngai, nhất là *Khoá hư lục*, mang ý vị ngậm ngùi khi triết lý về nhân thế.

Kỷ dậu 1249. Sửa lại chùa Diên Hựu (chùa Một Cột) làm từ đời Lý.

Tân dậu 1261. Tổ chức thi viết chữ, thi làm tính cho những người làm việc ở các cơ quan văn phòng và y dược, tế lễ.

Ất dậu 1285. Thượng hoàng Trần Thánh Tông hợp các phụ lão trong nước, đặt tiệc thết đãi ở điện Diên Hồng để hỏi kế hoạch đánh giặc Mông Cổ. Tất cả đều đồng lòng xin đánh. Chiến thắng Hàm Tử Quan, chiến thắng Tây Kết, diệt đạo quân Toa Đô. Chiến thắng Vạn Kiếp, Thoát Hoan thua chạy về Tàu. Ngày 6.6. 1285 triều đình trở về lại Thăng Long. Trần Quang Khải sáng tác bài thơ *Tụng giá hoàn kinh sư*:

Đoạt sáo Chương Dương độ,

Cầm cờ Hàm Tử quan.

Thái bình tu nỗ lực,

Vạn cổ thủ giang san.

Trần Trọng Kim dịch thơ:

Chương Dương cướp giáo giặc,

Hàm Tử bắt quân thù.

Thái bình nên gắng sức,

Non nước ấy nghìn thu.

Tân dậu 1321. Khảo hạch tăng nhân. Tài liệu dùng cho việc khảo hạch là *kinh Kim Cương*.

Tháng chạp, vua Trần Nghệ Tông sinh.

Ất dậu 1345. Thi thái học sinh. Cách thi: viết trăm cổ văn, làm một bài kinh nghĩa và một bài thơ, bài phú.

Đinh dậu 1357. Thượng hoàng Trần Minh Tông mất tại Thăng Long.

Kỷ dậu 1369. Vua Trần Dụ Tông

băng hà. Sứ Minh là Ngưu Lượng và Trương Di Ninh sang. Ngưu Lượng làm thơ viếng Dụ Tông. Cung Định đại vương Trần Phủ làm thơ tiễn.

Tân dậu 1381. Thi Thái học sinh.

Quý dậu 1393. Tháng 2, thi Thái học sinh, lấy đỗ 30 người. Tháng 4, thi lại viên.

Ất dậu 1405. Tháng 8, bộ Lễ tổ chức thi cử nhân trong toàn quốc, lấy đỗ 170 người. Tháng 9, thi lại viên.

Đinh dậu 1417. Nhà Minh bắt nước ta hàng năm phải tiến cống các nhà nho. Nguyễn Trục sinh ngày 16 tháng 5.

Kỷ dậu 1429. Tháng 2, công thần Trần Nguyên Hãn đã về trí sĩ còn bị triều đình bắt tội. Trần Nguyên Hãn uất hận tự trầm trên đường giải về Thăng Long.

Nguyễn Trãi bị bắt giam một thời gian, nên đã viết bài thơ *Oan thán*:

Ngục trung độc bối không tao nhục,

Kim nguyệt hà do đạt thốn tiên?
(Trong ngục viết ở lưng giấy, khi không bị nhục,

Làm thế nào mà đạo đạt được giấy lên cửa khuyết vàng?)

Nguyễn Trãi thay Lê Lợi viết chiếu lập thái tử Tư Tề làm quốc vương. Mở khoa thi Minh Kinh ở Đông đô nhằm tuyển lựa người tài về văn và võ. Thi các nhà sư, ai đỗ cho làm tăng đạo, ai không đỗ bắt hoàn tục. Hạ chiếu lựa chọn con cháu các quan văn võ cho theo học ở nhà Quốc học.

Quý dậu 1453. Thi hội các cử nhân trong nước, lấy đỗ 25 tiến sĩ.

Tân dậu 1501. Định thể lệ thi hương gồm năm điều.

Quý dậu 1513. Dựng bia tiến sĩ đồ khoa thi năm Hồng Thuận thứ ba 1502 tại Văn miếu. Sứ Minh Trạng Nhượng Thủy và Phạm Hy Tăng mang sắc phong vua Lê Tương Dực làm An Nam quốc vương. Vua Lê cùng sứ thần xướng họa.

Ất dậu 1525. Hai mươi một giáo sĩ Dòng Tên (Jésuites) vào truyền đạo ở nước ta.

Ất dậu 1585. Nguyễn Bình Khiêm mất, thọ 95 tuổi.

Đinh dậu 1597. Phùng Khắc Khoan đi sứ Trung Hoa, hoàn thành thi tập *Mai Lĩnh sứ họa* trong có thơ xướng họa với sứ thần Triều Tiên Lý Toái Quang.

Tân dậu 1621. Linh mục Francisco de Pina và Christoforo Borri dịch quyển *Kinh Thánh* đầu tiên ra tiếng Việt.

Ất dậu 1645. Đàng Ngoài cấm đạo gắt gao. Alexandre de Rhodes bị trục xuất sang Macao. Trong thời gian ở Việt Nam, giáo sĩ soạn *Từ điển Việt-Bồ-La*.

Tân dậu 1861. Hồ Sĩ Dương mất.

Đinh dậu 1717. Chúa Trịnh cấm quan lại và dân chúng trong trường thi không được hạch sách làm phiền các thí sinh.

Tân dậu 1741. Chúa Trịnh khôi phục khoa thi hương theo chế độ cũ đời Lê trung hưng nhằm nâng đỡ

những người có thực học và hạn chế con số sĩ tử con em nhà quyền thế.

Ất dậu 1765. Nhà Trịnh cho phép nộp tiền *thông kinh* để dự thi hương, những người khảo hạch không trúng cũng được tham gia. Có một bản gia phả ghi là Nguyễn Du sinh năm này, ngày mồng ba tháng chạp, tính ra dương lịch là 3.1.1766 nhưng cũng có tài liệu ghi ngày sinh nhà đại thi hào là 23 tháng 11. Lê Quý Đôn được cử làm Tham chính Hải Dương nhưng không nhận chức mà ở nhà viết sách.

Đinh dậu 1777. Thi lại viên về môn toán và viết chữ, có 17 người đỗ môn toán, 1340 người đỗ môn viết chữ. Mở trường thi hương ở Thuận Hóa, có châm chước cho thí sinh vì là đất nhà Trịnh mới chiếm được của Đàng Trong. Hồ Sĩ Đống đi sứ Thanh, viết *Hoa trình khiển*

hứng tập. Thượng tuần tháng năm, Lê Quý Đôn viết bài *tựa* cho cuốn *Kiến văn tiểu lục* mà nhà danh sĩ vừa hoàn tất biên soạn, trong có đoạn: "*Đi đến đâu (tôi) cũng để ý tìm tòi, phàm việc gì mắt thấy tai nghe đều dùng bút ghi chép, lại phụ thêm lời bàn luận sơ qua, giao cho tiểu đồng đựng vào túi sách, lâu ngày tập hợp, sau đó soạn thành từng thiên, chia làm chín mục, mười hai quyển*". (Nay chỉ còn tám quyển). Nơi làng Yên Thị, xã Yên Thường, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, trấn Kinh Bắc, con trai Trạch Trung Hầu Phạm Đạt lọt lòng mẹ, được đặt tên là Phạm Thái.

Kỷ dậu 1789. Chiến dịch đại phá hai mươi vạn quân Thanh thành công oanh liệt. Vua Quang Trung ủy thác Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích phụ trách bang giao với nhà Thanh, phủ dụ bọn hàng binh hay giặc bề người Tàu, nhân đó Ngô Thì Nhậm viết *Phối thuộc nội địa hàng binh chiếu, Dụ Tàu ô chiếu, Bang giao hảo thoại*. Phan Huy Ích sau khi tạm lánh mình ở ấp Thụy, làng Thụy Khuê, Sơn Tây — theo nguyên chú bài *Kỷ dậu xuân chính tức sự* — lại lên đường bốn ba hết Phú Xuân (nhằm gặp vua Quang Trung) đến Lạng Sơn (để đón tiếp sứ Thanh) qua Yên Kinh (với tư cách sứ thần):

Xuân thành, Lạng khốn hựu Yên Đài.

(Khách quán trung thu)

Đào Khê dã sử của Ngô Ngọc Du với những bài thơ ca ngợi chiến thắng. Lê Quýnh, một trong các bầy tôi tông vong vua Lê Chiêu Thống, viết *Bắc hành tòng ký, Bắc sứ tự tình phú*. Tháng ba, Quang Trung ban chiếu cho khắc in *ngũ kinh, tứ thư* để phổ biến trong dân gian. Tháng năm, ban *chiếu khuyến nông*, chủ yếu nhằm bắt dân cư lưu tán trở lại đồng cũ để khai khẩn đồng hoang, "*khiến cho dân du thủ du thực chuyển hướng về đồng ruộng*". Tháng tám, tổ chức thi hương ở Nghệ An, dùng chữ Nôm làm chuyển ngữ. La sơn Phu tử



Nguyễn Thiếp được cử làm đề điều (chánh chủ khảo).

Tân dậu 1801. Nguyễn Ánh ra lệnh cho Thị thư viện chuẩn bị biên soạn bộ *Cương mục Chính biên* và *Tiền biên*. Ngày 27 tháng 5, Võ Tánh tự thiêu và Ngô Tùng Châu uống thuốc độc tự tử vì mất thành Qui Nhơn sau hơn hai năm trời hết sức chống giữ. Đặng Đức Siêu sẽ viết bài văn tế xuất sắc, với đoạn kể về tài đức, cú câu trên nói về Võ Tánh thì câu dưới nói về Ngô Tùng Châu; trong khi dân chúng Bình Định truyền tụng câu ca dao:

*Ngó lên ngọn tháp Cánh Tiên,
Cảm thương Quan Hậu thủ thiềng
ba năm.*

Quý dậu 1813. Tháng sáu, mở khoa thi hương đầu tiên cho sĩ tử từ Quảng Bình trở về Nam, lấy đỗ hương cống 17 người. Theo Cao Xuân Dục trong *Quốc triều hương khoa lục*, trước sau trong cả nước có tất cả 47 khoa thi hương, lấy đậu được 5.226 người. Riêng trường thi Gia Định mở được 20 khoa, bắt đầu với khoa Quý dậu 1813 này cho đến khoa cuối cùng năm Giáp tý 1864, lấy đậu 269 người. Nguyễn Du được thăng Cần Chánh điện học sĩ rồi được cử đi sứ Trung Hoa, nhân đó viết *Bắc hành tạp lục*. Bài *Long thành cảm giả ca* nổi tiếng được thai nghén trong dịp này.

Nguyễn Công Trứ tròn 36 tuổi, khăn gói đi thi hương ở trường Nghệ, cùng dự thi có Phan Huy Chú. Trước khi lên đường, chàng trai nuôi mộng công hầu làm đôi câu đối bày tỏ ý chí:

*Anh em ơi, băm sáu tuổi rồi, khắp
đông tây nam bắc bốn phương trời,
đâu cũng lừng danh công tử xác;*

*Trời đất nhẽ, một phen này nữa,
xếp cung kiếm cầm thư vào một
gánh, làm cho nổi tiếng trượng phu
kênh.*

Kết quả: Phan Huy Chú trượt và chỉ đỗ tú tài lần nữa sáu năm sau, trở thành ông Mền và sẽ không đạt được học vị nào cao hơn. Còn họ Nguyễn thì khi ra đi là một công tử xác xơ, khi trở về lại hoàn nguyên là một công tử xác xơ! Lê Quang

Định mất, thọ 54 tuổi. Ngô Nhân Tịnh từ trần, mộ táng ở Chí Hoà (Gia Định); năm Bính tí 1936 phải dời mồ đi chỗ khác để lấy đất làm nhà ga Sài Gòn (*Saigon marchandises*). Phạm Thái mất, hưởng dương được 37 năm.

Ất dậu 1825. Triều đình quyết định cứ ba năm một lần thi hương vào các năm tí, ngọ, mao, dậu và một lần thi hội vào các năm thìn, tuất, sửu, mùi. Nguyễn Xuân Ôn sinh ngày 23 tháng 3 ở xã Lương Điền, huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An. Sáu ngày sau, Phạm Quý Thích mất, thọ 65 tuổi. Phạm Hy Văn, học trò Bùi Huy Bích, đem khắc in công trình tuyển tập thơ chữ Hán của thầy là *Hoàng Việt thi tuyển*, gom góp thơ của 116 tác gia, tuyển chọn được 562 bài thơ.

Đinh dậu 1837. Chia thi võ thành ba cấp như bên văn: thi hương, thi hội, thi đình. Vua Minh Mệnh nhắc lại lệnh bắt phụ nữ từ Hà Tĩnh trở ra phải mặc quần, không được mặc váy khiến nữ giới lại một phen kinh hãi:

*Tháng tám có chiếu vua ra,
Cấm quần không đáy người ta hãi
hùng.*

*Không đi thì chợ không đông,
Đi thì phải lột quần chớng sao
đang.*

*Có quần ra quán bán hàng,
Không quần ra đứng đầu làng
trông quan.*

Phạm Thế Trung đi sứ Thanh, viết *Sứ Thanh văn lục*. Giới giáo sĩ biên soạn sách *Thánh giáo yếu lý quốc ngữ* bằng chữ Nôm. Trương Vĩnh Ký chào đời ở thôn Cái Mong, làng Vĩnh Thanh, huyện Tân Minh, tỉnh Vĩnh Long. Dương Bá Cung, người cùng quê Nhị Khê với Nguyễn Trãi, thu thập di văn của Ưc Trai, theo loại mà sắp xếp thành *Ưc Trai di tập*, rồi năm này mang đến cho Ngô Thế Vinh đề tựa để khắc in.

Kỷ dậu 1849. Nguyễn Thông thi đỗ cử nhân ở trường thi Gia Định. Huỳnh Mẫn Đạt đang làm Bố chánh Hà Tiên được sung chức Khâm Điểm về làm việc ở kinh đô:

các tác giả miền Nam càng ngày càng tham dự vào sinh hoạt văn học chung cả nước. Nguyễn Văn Siêu đi sứ, viết *Phương Đình vạn lý tập*. Nguyễn Đình Chiểu nghe tin mẹ mất, bỏ thi từ Huế về Nam, giữa đường bị mù. Đem tiểu sử tự thuật trong văn chương, tác giả *Lục Vân Tiên* sẽ để cho vị thầy dạy họ Lục tiên đoán hậu vận môn đồ:

Thỏ vừa ló bóng, gà đã gáy tan.
Gà ám chỉ năm Dậu, năm Vân Tiên sẽ chịu tai nạn mẹ mất. Phan Văn Trị đậu cử nhân nhưng không chịu ra làm quan mà về làng Bình Cách (Tân An) mở trường dạy học, tiếp tục bút chiến với người bạn thơ trước đây trong nhóm Bạch Mai thi xã là Tôn Thọ Tường. Lý Văn Phức mất khi còn tại chức.

Tân dậu 1861. Lẽ ra có một khoa thi hương tại Gia Định, nhưng vì Đại Đồn thất thủ nên trường thi Gia Định bị bỏ và trường thi An Giang được mở thế, lấy đậu 10 cử nhân. Nguyễn Trung Trực đốt cháy tàu l'Espérance trên sông Vàm Cỏ, được Huỳnh Mẫn Đạt tán tụng:

*Hỏa hồng Nhật Tảo oanh thiên
địa,*

*Kiểm bặt Kiên giang khắp quỉ
thần.*

(Lửa Nhật Tảo nung hồng trời đất,

Gươm Kiên giang quỉ khốc thần sầu).

Nguyễn Đình Chiểu viết *Văn tế nghĩa sĩ chết trận Cần Giuộc*. Pháp hoàn tất đặt nền hành chánh ở thành Gia Định và từ năm này, chính thức gọi thủ đô tương lai của Việt Nam Cộng Hoà là Sài Gòn.

Quý dậu 1873. Francis Garnier đánh thành Hà Nội. Nguyễn Tri Phương tuần tiết. *Hà thành thất thủ ca* kể lại những biến cố từ đầu:

*Năm Quý dậu Tây vừa vào tới,
Người Bắc kỳ rày mới biết Tây...*

Quân Pháp đại bại ở cầu Giấy, Francis Garnier bị giết:

*Quý dậu niên lập nguyệt,
Bát nhật thiên binh minh.
Ngạc Nhi tặc kiêu tướng,
Thừa thắng hướng tây hành...*

(Vinh Ngạc Nhi tử trận,

Vô danh)

(Năm Quí Dậu tháng chạp,
Ngày mồng tám trời vừa rạng.
Tướng giặc Ngạc Nhi ngông
nghênh,
Nhân thắng trận kéo lên phía
tây...)

Nguyễn Thông cáo quan về nghỉ
ở Bình Thuận, lập thi xã ngâm vịnh
làm vui. Phạm Đình Toái sắp xếp
và bổ sung *Đại Nam quốc sử diễn
ca*, làm thành một tác phẩm với
2054 câu lục bát. *Lục Vân Tiên*
được chuyển từ chữ Nôm sang chữ
quốc ngữ.

Ất Dậu 1885. Ngày 23 tháng 5,
kinh đô Huế thất thủ. Hàng năm,
vào ngày này, người dân cố đô sẽ
cúng bái tưởng niệm những đồng
bào hy sinh trong biến cố lịch sử
đau thương này. Về thất thủ kinh
đô ra đời. Đây là cảnh vua Hàm
Nghị bắt đầu xuất bến:

Thánh hoàng mới phán bằng nay,
Gươm vàng, sách ấn, trận này hộ
thân.

Gắm trông nhà, nước phân vân,
Hiển vinh chưa gặp, linh phần
gian nan.

Nhà vua hạ chiếu Cần Vương tại
Sơn Phòng, huyện Cam Lộ, tỉnh
Quảng Trị ngày 13.7.1885. Bài
chiếu, được sĩ phu và quốc dân
hưởng ứng rất sôi nổi, có đoạn
(dịch): "Kẻ trí hiển mưu kế, người
dũng hiển sức lực, kẻ giàu bỏ của ra
giúp quân nhu, đồng bào đồng
trách chẳng từ gian hiểm (...) hãy
cứu nguy chống đỡ, chuyển loạn
thành trị, chuyển nguy thành an...".
Bà Lê tần Nguyễn Nhược Thị
(Nguyễn Thị Bích) hộ giá lương
cung ra Quảng Trị, khi trở về, soạn
Hạnh Thục ca, chủ trương cầu hòa:

Bảo phù lại có quí quan,
Ất là bình phục, trị hoàn như xưa.
Lê Trung Đình bị Pháp bắt và
hành quyết ở Quảng Ngãi.

Đinh Dậu 1897. Từ năm này, các
khoa thi hương có thêm môn quốc
ngữ, viết bằng bút chì:

Nghe nói khoa này sắp đổi thi
Các thầy đồ cố đồ mau đi!
Dấu không bia đá còn bia miệng,
Vết bút lông đi, giắt bút chì.

平明早日看花開
滿地芳華見再來
一鳥高天啼絕處
行人客地獨悲哀
多年遠處多年恨
幾度芳華幾度來
有貴誰人宜國
山河決後仰榮名

xuân lai

Bình minh dần nhật khán hoa khai
Mãn địa xuân hương kiến tái lai.
Nhất điều cao thiên vô định xứ
Chư nhân khách địa lệ bi ai.
Đa niên viễn xứ, đa niên hận
Kỷ độ xuân lai, kỷ độ hoài.
Hữu trách thù nhân nghi tuần quốc
Sơn hà quyết phục ngưỡng vinh đài.

xuân về

Bừng mắt dậy, thấy hoa cười
Gió xuân nồng thấm hương ngào ngạt bay.
Kìa trông một cánh chim trời
Khiến người lữ thứ ngậm ngùi nhớ ai.
Xa quê cũ, tháng năm dài
Mong chờ xuân mới, thương đời nổi trôi.
Ta về phục quốc người ơi,
Quê nhà xây dựng đời đời vinh quang.

thủy sơn

khuyến Tú Xương rất khốn khổ:
Ba kỳ trọn vẹn, thêm kỳ nữa
Ủ ở u ơ ngọn bút chì.

Khoa thi trước, năm Giáp Ngọ
1894, nhà thơ làng Vị Xuyên đã đậu
tú tài, tuy là tú tài thiêm thủ (đậu
vớt). Khoa này vẫn không sao giắt
được nổi củ nhân nên ông đành
chấp tay đứng xem lễ xướng danh
dưới quyền giám sát của vợ chồng
toàn quyền Paul Doumer và công

sứ Nam Định Le Normand:

Cờ kéo rợp trời quan sứ đến,
Váy lê quét đất mụ đầm ra.

Tuy Lý Vương Miên Trinh mất ở
Vị Dạ, Huế ngày 24 tháng 10, thọ 79
tuổi.

Kỷ Dậu 1909. Nguyễn Khuyến
mất ngày 15 tháng giêng tại thôn Vị
Hạ, thọ 75 tuổi. Phan Bội Châu bị
trục xuất khỏi Nhật, trở về Hương
Cảng, viết *tuồng Trưng nữ vương*,



truyện Lê Thái Tổ. Phan Kế Bính soạn *Hung Đạo Đại vương*. Nguyễn Nhược Thị mất, thọ 80 tuổi.

TÁC GIA TUỔI DẬU

Vua thứ bảy triều Trần, sinh năm Tân dậu 1321, hay thơ từ nhỏ, Trần Nghệ Tông từng sáng tác *Hoàng huấn* gồm 14 chương năm 1371 để dạy hoàng thái tử, *Đế châm* dài 150 câu ban cho vua Duệ Tông khi mới lên ngôi năm 1372 và *Bảo Hoà di bút*, do Trạng nguyên Đào Sư Tích đề tựa, năm 1383. Cả ba tác phẩm nay chỉ còn lại tên sách. Hiện chúng ta kế thừa được năm bài thơ chép trong *Việt âm thi tập* và một bài minh. Về văn hoá, nhà vua chủ trương phải có thể thống, luật lệ riêng của nước Việt. *Cương mục* ghi nhận nhà vua từng dụ bảo quần thần: “*Bản triều dựng nước có chế độ riêng. Khoảng niên hiệu Đại trị (1358-1369) thay đổi lung tung đến nỗi rối ren phiền nhiễu. Nay nên trừ bỏ những chính sự tệ hại, mọi việc đều cứ tuân theo điều lệ Khai thái (1324-1328)*”.

Ngày 16 tháng 5 Đinh dậu (31.5.1417) Nguyễn Trục chào đời ở làng Bối Khê, huyện Thanh Oai, Hà Tây. Năm 26 tuổi đậu trạng nguyên. Đây là vị trạng nguyên đầu tiên của triều Lê nên tên được khắc đứng đầu trong các bia tiến sĩ ở văn miếu Hà Nội. Rất được vua Lê Thánh Tông trọng đãi, ông từng giữ những chức vụ quan trọng ở triều đình. Các tác phẩm của ông đều thất lạc, chỉ còn lại một ít bài thơ, “*lời và ý đều thanh nhã*”, theo nhận xét của Phan Huy Chú trong *Lịch triều hiến chương loại chí*. Nội dung trước tác của Nguyễn Trục biểu hiện phong độ và tiết tháo của một người lãnh đạm với công danh phú quý, chỉ thích sống an bản lạc đạo trong cảnh điền viên bình dị.

Một số tư liệu ghi nhận Nguyễn Du tuổi con gà. Nguyễn Huyền Anh trong *Việt Nam danh nhân từ điển*, Văn Hạc trong *Truyện Kiều chú giải*, Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim trong *Truyện Thủy Kiều*, v.v..

khảng định Nguyễn Du sinh năm Ất dậu 1765. Nhóm biên soạn *Từ điển văn học* cho biết “*có tài liệu ghi ngày sinh của Nguyễn Du là 23 tháng 11 (Ất dậu)*”. Tài liệu nói ở đây là một bản gia phả họ Nguyễn Tiên Điền phát hiện năm 1966 (Nguyễn tộc thế phả) tại thư viện trường Viễn đông Bác cổ cũ.

Nguyễn Xuân Ôn ra đời ngày 23 tháng 3 năm Ất dậu (10.5.1825) dưới triều vua Minh Mệnh ở xã Lương Điền, huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An. Vừa giáp một ngươn sau, năm Ất dậu 1885, kinh thành Huế thất thủ. Vua Hàm Nghi phong ông — lúc này đã đỗ tiến sĩ — làm An Tĩnh Hiệp thống quân vụ đại thần, thống lãnh nghĩa quân Cần vương hai tỉnh Nghệ An Hà Tĩnh chống Pháp. Trong một trận giáp chiến, ông bị thương và bị bắt đưa về Huế quản thúc để rồi mất ở đây năm 1889, thọ 64 tuổi. Sáng tác của Nguyễn Xuân Ôn còn lại được hơn ba trăm bài thơ trong *Ngọc Đường thi tập* và hai mươi hai bài văn xuôi cùng một số câu đối trong *Ngọc Đường văn tập*, tất cả đều

bằng chữ Hán; với văn phong mộc mạc, chân thành, không chạm trổ, đẽo gọt; với nội dung ký thác ý chí phục vụ đất nước, mô tả nhân cách cứng rắn của nhà nho, trình bày tình cảm dạt dào trước cảnh vật quê nhà.

Đúng một giáp sau Nguyễn Xuân Ôn, ngày 6.12.1937, Trương Vĩnh Ký lọt lòng mẹ, bà mẹ sẽ tần tảo nuôi con, cho con đi học chữ Hán sau khi chồng mất sớm và lúc chú bé họ Trương chỉ mới lên chín; để rồi sau này, văn học sử sẽ ghi danh nhà văn đầu tiên của nước ta xứng với tên gọi nhà văn, nếu hiểu nhà văn là một con người lấy việc viết sách làm văn làm hoạt động chính yếu, thường xuyên, chuyên nghiệp, khác với giới tác gia nho sĩ trước kia mà công việc trước thuật chỉ là một lẽ lối sinh hoạt phụ thuộc, tài tử, nghiệp dư. Bắt đầu có sách xuất bản từ năm 26 tuổi và viết đều đặn cho đến lúc từ trần năm 1898, tất cả được 118 tác phẩm — tuy rằng có những tác phẩm rất khiêm tốn chỉ dày độ vài trang — nhà học giả này đã làm một công việc hết sức bổ ích



là phiên âm nhiều tác phẩm văn Nôm ra chữ quốc ngữ: *Kim Vân Kiều*, *Đại Nam quốc sử diễn ca*, *Gia huấn ca*, *Lục súc tranh công*, *Phan Trần*, *Lục Vân tiên*, v.v..

TÁC GIA SINH VÀ MẤT NĂM DẬU

Chỉ sống được đúng ba con giáp nhưng sống rất đam mê, Phạm Thái đã để lại cho hậu thế một sự nghiệp trước tác với những đặc tính đôi khi gần như mâu thuẫn, đối nghịch. Qua truyện Nôm bằng thơ *Sơ kính tân trang*, chàng thanh niên đưa cuộc đời thực của mình vào tác phẩm hư cấu mô tả cuộc tình lãng mạn, cay đắng với người em gái bạn thân. Qua *Chiến tụng Tây hồ phú*, bậc trung thần bình vực lập trường chính trị của mình một cách kiên cường, dũng cảm. Qua những bài thơ quốc âm, nhà thi sĩ đi tìm một hướng đổi mới nhiều khi táo bạo trong kết cấu ngôn ngữ. Mượn thể từ với nhạc điệu dồi dào, tiêu tao, câu đặt và ngắt nhịp so le, đa dạng, vị từ gia gởi gắm được những xao động mới mẻ, tinh vi, những tiếng lòng rạo rực, bông bột. Qua bài văn tế *Trương Quỳnh Như* trình bày như một bài văn xuôi, con người của tình yêu bộc bạch được tâm trạng bàng hoàng, xót xa, nỗi đau vật vã, tuyệt vọng. Phạm Thái là một trong những tiên đạo thành công trên con đường khai phá mảnh đất của tiếng lòng yêu đương réo rắt cất lên giữa nam và nữ.

TÁC GIA MẤT NĂM DẬU

Làm quan trái ba đời vua, có công rất lớn trong việc phá Tống bình Chiêm, được xem như em nuôi hoàng đế (*thiên tử nghĩa đệ*), Lý Thường Kiệt còn truyền lại cho chúng ta một bài *Phạt Tống lộ bố văn* kể rõ tội trạng vua tôi nhà Tống, biện minh cho hành động chinh phạt của quân lực nước nhà đồng thời trấn an dân chúng miền biên giới Việt Hoa. Vì tuổi Mùi nên *Làng Văn* xuân 1991 đã nhắc đến vị danh tướng này cùng với bài tứ

tuyệt rất quen thuộc:

*Nam quốc sơn hà Nam đế cư,
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.*
(Núi sông nước Nam thì vua nước Nam ở,

Rõ ràng phận đã định trong cuốn sách của trời.

Làm sao giặc lại dám lấn cướp?
Chúng mày sẽ xem rồi lại thua bại hết).

Bà Nguyễn phi Lê Thị Ý Lan được biết đến qua câu chuyện dựa gốc lan mà hát nhiều hơn là qua sáng tác văn học vì thực ra chúng ta ngày nay chỉ tiếp nhận được của bà mỗi một bài kệ mà bà sáng tác sau khi đàm đạo với đại sư Thông Biện về tôn chỉ thiền học, nói lên được tính uyển chuyển của tư duy ở một con người hiểu biết sâu sắc đạo thiền:

*Sắc thị không, không tức sắc,
Không thị sắc, sắc tức không.
Sắc, không câu bất quản,
Phương đặc khế chân tông.*
(Sắc là không, không tức là sắc,
Không là sắc, sắc tức là không.
Sắc không đều chẳng vấn vương gì,

Thì mới khế hợp được với chân tông).

Bà mất ngày 22.10.1117.

Trái với Ý Lan mà những công trình trước tác khác, nếu có, đã bị các thế lực khách quan thù nghịch hủy hoại, vua Trần Minh Tông lại chủ động sai hỏa thiêu các đũa con tinh thần lúc lâm chung vào ngày 10.3.1357; cho nên ngày nay chúng ta chỉ còn có để đọc hai mươi lăm bài thơ của ngài chép rải rác trong một số sử liệu. Đó là một ngòi bút tự nhiên, giản dị, không trau chuốt, không gò gẫm. Có những câu thơ giống như một bức bích họa tráng lệ, hùng vĩ chói chang màu sắc:

Văn vân kiếm kích bích toàn ngoan,

Hải thần thôn triều quyển tuyết lan...

(Núi biếc cao vút tua tủa như gương giáo kéo lấy tầng mây,

Hải thần nuốt thủy triều cuộn làn

sóng bạc...)

Có những ý thơ nhẹ nhàng, nhàn tản, thanh thoát, khoan thai:

*Bất ngôn hoảng nhược tỉnh,
Tọa đối nhất lô tiên.*

(Bâng khuâng như tỉnh lại, chẳng nói năng gì.

Ngồi lặng trước bếp lò).

Chết trẻ và vì mắc bệnh nên tuyệt tự khiến đưa đến mối loạn Dương Nhật Lễ năm Kỷ dậu 1369, vua Trần Dụ Tông tuy chỉ truyền lại được cho chúng ta duy nhất một bài thất ngôn tuyệt cú, nhưng cũng đủ để ký thác được niềm tự hào dân tộc khi nhà vua so sánh Trần Thái Tông của Việt Nam với Đường Thái Tông của Trung Hoa:

Đường Việt khai cơ lưỡng Thái Tông,

Bỉ xưng Nguyên Quán, ngã

Nguyên Phong.

*Kiến Thành tru tử, An Sinh tại,
Miếu hiệu tuy đồng, đức bất đồng.*
(Đường và Việt đều có vua mở nghiệp là Thái Tông,

Họ xưng là Trinh Quán, ta xưng là Nguyên Phong.

Nhưng Kiến Thành bị giết còn An Sinh lại sống,

Miếu hiệu tuy giống nhưng đức độ lại khác).

Nhà vua đặt tội giết anh là Kiến Thành của Đường Thái Tông bên cạnh hành vi cứu tử của vua Trần Thái Tông đối với An Sinh vương Trần Liễu để rồi hạ một câu kết mang tính chất một lời buộc tội, một bản án.

Nguyễn Bình Khiêm đậu trạng rồi làm quan lúc đã 45 tuổi và thoát đầu cũng chỉ làm quan có tám năm nhưng về sau vì nhà Mạc khẩn khoản, ông lại ra tham chính mãi đến khoảng 70 tuổi mới treo ấn từ quan. Thơ văn bằng chữ Hán và chữ Nôm còn truyền lại được hai tập *Bạch Vân am thi tập* và *Bạch Vân quốc ngữ thi*. Chủ đề nổi bật của cả hai tác phẩm là ca tụng thú nhàn dật, phủ định công danh phú quý, than trách thói tục đen bạc, khuyên nhủ mọi người sống theo đạo lý tự nhiên, chống lại phong hóa suy đồi. Đề tài phần lớn vịnh

cảnh thiên nhiên, nhưng cũng có nhiều bài lấy đề tài xã hội và một số bài trực tiếp gửi gắm tâm sự bản thân.

Con đường khoa hoạn của Hồ Sĩ Dương bắt đầu năm Ất Dậu 1645 khi ông mới 23 tuổi và đậu giải nguyên trường Nghệ để rồi chấm dứt năm Ất Dậu 1681 khi ông từ trần và được phong chức Thượng thư bộ Hộ, tước Thiếu bảo Duệ quận công. Trước tác của ông chủ yếu thuộc lĩnh vực sử ký địa lý: *Trùng san Lam sơn thực lục*, *Hoan châu phong thổ ký*, *Hồ thương thư gia lễ*. Nhưng đóng góp lớn nhất là sự cộng tác với Phạm Công Trứ *định khảo* (sửa chữa, xét lại) bộ *Đại Việt sử ký bản kỷ tục biên* ghi chép sử nước nhà từ họ Hồng Bàng đến hết đời Lê Thần Tông (năm 1662).

Lê Quang Định và Ngô Nhân Tĩnh là những người thi đậu đầu tiên khi chúa Nguyễn Ánh mở khoa thi kén nhân tài ở Gia Định năm 1788. Từng là Đông cung thị giảng tức là bạn đọc sách với hoàng thái tử, từng làm chánh sứ sang Mãn Thanh cầu phong. Đó là một nhà nho đa tài, đã viết chữ đẹp lại am hiểu hội họa cho nên cảnh sắc trong một số bài thơ tập *Hoa nguyên thi thảo* như được vẽ ra dưới ngọn bút lông của người có tài sử dụng bút vẽ. Tuy nhiên tác phẩm quan trọng nhất là *Hoàng Việt nhất thống địa dư chí* gồm mười quyển ghi chép kỹ lưỡng sông núi, đường sá từ kinh thành vào đến Gia Định và từ kinh thành ra đến Thăng Long lên mãi ai Nam Quan.

Trong thơ văn Hán Nôm có một số bài nhớ vợ xuất sắc và đề tài *hoài nội* nhiều khi gói ghém được những tình cảm nồng ấm, chân thực. Có nhà thơ chẳng những chỉ nói đến ái ân mà còn nhắc đến sự chung vai sát cánh gánh vác mỗi lo toan lớn nhỏ của cả đại gia đình. Có người chồng không chỉ đề cập đến những kỷ vật, kỷ niệm riêng tây mà còn xót xa gọi lại những thời gian từng chung sống mà khi xa cách, bỗng giảm hẳn độ dày trong tâm khảm. Dầu vậy, ở lĩnh vực đề tài này, nho

gia luôn luôn tỏ ra rất tự chế. Ngô Nhân Tĩnh từng xa vợ vì ông đi sứ Tàu hai lần, năm Mậu Ngọ 1798 và năm Nhâm Tuất 1802, vào dịp này ông là phó sứ còn người bạn đồng song Lê Quang Định làm chánh sứ. Trên đường trở về, sau hai năm chia cách, ông đã — khác hẳn với cung cách suy nghĩ thông thường của nhà nho — nhớ vợ một cách gần như *sexual*:

*Vô phục Vu sơn giảng nữ thần,
Tương vương ngộ ngã lưỡng niên thân.*

(Không được gặp thần nữ giảng ở Vu sơn,

Vua Tương vương cũng như ta hai năm lạc loài).

Cái táo bạo của vị phó sứ là đã nhắc đến thần nữ Vu sơn sáng làm mây tối làm mưa, có lần cùng vua Sở Tương vương giao hợp trong

giấc mộng! Lúc thức làm thơ như thế, lúc ngủ chắc phải mộng tỉnh! Thơ văn ông cùng với thơ Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định gộp lại thành tập *Gia Định tam gia thi*.

Lớn hơn Nguyễn Du năm tuổi và là bạn thân của nhà đại thi hào, đỗ thám hoa lúc mới 21 tuổi, Phạm Quí Thích là người đầu tiên đem *Đoạn trường tân thanh* ra bình phẩm với học trò — ông có những môn sinh rất nổi tiếng như Nguyễn Văn Siêu, Nguyễn Văn Lý —, rồi lại làm bài thơ *Đoạn trường tân thanh đề từ* (tên quen thuộc là bài *Tổng vịnh truyện Kiều*) đặt lên đầu truyện. Tác phẩm của Nguyễn Du cũng do ông cho khắc in. Ngoài ra hiện còn truyền lại của ông các bộ *Lập Trai văn tập* và *Thảo Đường thi tập*, với khuynh hướng sáng tác vọng cổ, hoài Lê.

春遊此地 吳梅石高齋心友
昔年宋玉登高賦 今日王駘倚杖詩
倚杖詩今淒淒綠柳 白雨來今隱隱黃鸝
峯煙好會重重現 石路春遊步步遲
事去忘懷離國恨 靈臺可過映慈悲
林下人生混沌眼 眼前佛景威儀
思入雲篇可望詩 成十首 耶 矣
(五言四絕) 轉轉似風松雨行
(連吟數韻) 留留今雲逐花飛
與杜牧今不慚於豪氣
與王維今可遇於禪詩
盡歡健友能相與 惟惜吾家子可隨
後叫夕陽送 蟲吟素月輝
方丈牧空疏入定 檀茶留客晚同歸
相城李春亭中 (1693)
丹桂馮

Sáng tác của Lý Văn Phúc gắn liền với những dịp công cán ở nước ngoài vì cả trước lẫn sau, ông xuất ngoại bảy lần, đi nhiều nơi: Tiểu

Tây dương, Lữ Tống, Tân gia ba, Áo Môn, Yên kinh, Quảng Đông, Hạ Châu, v.v.. Ông được biết đến nhiều qua *Nhị thập tứ hiếu*; nhưng

ngoài ra còn có *truyện Tây Vương*, *Ngọc Kiều Lê*, *Tự thuật ký*, *Bất phong lưu truyện*, *Sử trình tiện lãm khúc*, *Chu hồi trở phong hám*, tất



xuân du thử địa

Thân tặng tâm hữu Mai Thạch, Cao Tiêu

Tích niên Tống Ngọc đăng cao phú!
Kim nhật vương đài ý trượng thi!

Ý trượng thi hề, thê thê lục liễu,
Hương Tây Lai hề, ẩn ẩn hoàng li.

Phong yên hảo hội trùng trùng hiện,
Thạch lộ xuân du bộ bộ trì.
Sự khứ vong hoài ly quốc hận,
Linh đài khả ngộ ánh từ bi.

Lâm hạ, nhân sinh hỗn độn,
Nhân tiền, Phật cảnh uy nghi.
Tứ nhập, nhất thiên khả vọng,
Thi thành, thập thử na tri.

"Ngũ ngôn tứ tuyệt"
Chuyển chuyển tựa phong tùng, vũ trúc!
"Liên ngâm sổ vận"
Thao thao hề vân trúc, hoa phi!

Dữ Đỗ Mục hề,
Bất tầm ư hào khí!
Dữ Vương Duy hề,
Khả ngộ ư thiên thi!

Tận hoan song hữu năng tương hướng!
Duy tích ngô gia bất khả tuyền!

Viên khiêu tịch dương tống,
Trùng ngâm tổ nguyệt huy.
Phương trượng thu không, trầm nhập định,
Thiên trà lưu khách, văn hồi qui!?

Xưa như Tống Ngọc đăng cao,
Thao thao tác phú đâu nào kém ai!

Nay như độc cước Vương Đài,
Chiều hôm chống gậy ra ngoài nghĩ thơ!
Liều buồn theo khói buông tơ,
Tôi buồn chống gậy vẫn vơ buông vờ.
Hoàng oanh ẩn hiện xa gần,
Khách du thấy đã tới lần Tây Lai*...

Núi ngóng mây trông, cảnh đón mời,
Xuân du bước một khách rong chơi.
Bao nhiêu việc cũ sầu vương vẫn,
Giọt nước từ bi rửa sạch rồi.

Dưới chân, cảnh đời đen tối,
Trên cao, cửa Phật sáng ngời.
Cứ tưởng một thiên vừa đủ,
Ngờ đâu thập thử còn dư...

"Ngũ ngôn tứ tuyệt" đây ư?
Như mưa phát trúc, gió vi vu tùng.
"Liên ngâm sổ vận" bút vung,
Như mây cuộn cuộn, hoa rung cánh ngà.
So cùng Đỗ Mục tài hoa,
Nghênh ngang hào khí đâu là kém chi!
So cùng thiên thức Vương Duy,
Gặp nhau trong nét từ bi tuyệt vời!

Thật mừng hai-bác cùng cao hứng!
Chỉ tiếc riêng tôi chịu đứng ngoài!

Vượn kêu ba tiếng, chiều rồi!
Trùng ngâm một khúc để mời trăng lên
Trong ngoài phương trượng đã yên,
Thiên trà lưu luyến mà quên đường về!?

đan quế

* tên một ngôi chùa Tàu ở Pomona, CA.

cả đều viết bằng chữ Nôm, chỉ có đầu đề là chữ Hán. Khuynh hướng đạo lý khá rõ nét trong thi ca Lý Văn Phức và về phương diện mỹ học, nghệ thuật ngôn ngữ ở một số tác phẩm đã đạt được trình độ điêu luyện.

Chưa đầy nửa tháng sau ngày kinh đô thất thủ, Lê Trung Đình cũng hy sinh, vào ngày mồng 5 tháng 6 Ất Dậu 1885, trong tư cách Chánh quản hương binh thuộc các lực lượng Cần vương chống Pháp. Lúc này ông mới 22 tuổi. Thi đỗ cử nhân khi 19 tuổi, chàng thanh niên trước cảnh nước mất đã không chịu nhận quan chức mà lại làm thơ bày tỏ lòng thương dân tộc:

Nỡ để dân đen vui máu đỏ.

Khi rơi vào tay giặc, mặc dầu chúng tìm mọi cách mua chuộc, ông không chịu khuất phục, chửi mắng

chúng cho đến chết, sau khi làm bài thơ tuyệt mệnh *Lâm hình thời tác*:

*Kim nhật lung trung điệu,
Minh triều trở thượng ngư.
Thử thân hà tú tích,
Xã tắc ai kỳ khu.*

(Ngày nay là chim trong lồng,
Sáng mai là cá trên thớt.
Thân này có đáng tiếc gì,
Chỉ thương xã tắc lâm bước đường vất vả).

Người được Lê Trung Đình dự định chọn làm lãnh tụ Cần vương là Hoàng thân Tuy Lý Vương, lúc này đang bị Tôn Thất Thuyết an trí ở Quảng Ngãi, mà họ Lê muốn tôn lên hàng Phụ quốc vương, để sáng tỏ thêm chính nghĩa cứu quốc. Nhưng dự kiến đó không thành vì nghĩa quân thất bại quá sớm. Nhờ thế hoàng thân sẽ tạm sống yên ổn thêm một thời gian, hưởng thọ

được tròn một giáp nữa. Tuy Lý Vương Miên Trinh vừa xem nhiều đọc rộng vừa tinh thông nghề thuốc. Vương để lại bộ *Vĩ Dạ hợp tập* toàn thơ chữ Hán với một ít bài thơ chữ Nôm. Nội dung sáng tác nặng phần trữ tình, ký thác tình cảm đối với bạn bè, thân nhân, phong cảnh.

Nguyễn Khuyến cũng được mục này đề cập đến trên số *Xuân Tân Mùi 1991* vì Tam Nguyên Yên Đỗ cảm tình con dê. Để chuẩn bị cho ngày vĩnh quyết vào năm Kỷ Dậu 1909, nhà thơ làng Vị Hạ đã cẩn thận soạn di chúc dặn lại cho con cháu, vừa bằng chữ Hán vừa bằng quốc âm, dấu rằng bản quốc âm không chắc đã là do chính thi sĩ dịch:

Việc tổng táng nhưng những qua quít,

Cúng cho thầy một ít rượu hoa.

Đề vào mấy chữ trong bia,

Rằng "quan nhà Nguyễn cáo về đã lâu".

Viết sử nhưng gần như không ý thức rằng mình đang làm nhiệm vụ sử gia, bà Nguyễn Thị Bích — hay Lê Tân Nguyễn Nhược Thị — đã dựa vào tư thế đồng lý văn phòng của hai bà mẹ và vợ vua Tự Đức để thu góp trong *Hạnh thực ca* rất nhiều dữ kiện chốn triều đường vào thời điểm xảy ra những biến động chính trị liên tiếp: vua Tự Đức mất, Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết chuyên quyền, quân Pháp đánh cửa Thuận, kinh thành thất thủ ngày 4.7.1885, vua Đồng Khánh rời vua Thành Thái lần lượt lên ngôi, v.v.. Sử bút mang rất rõ nét tinh thần sùng thượng quân vương, chẳng hạn đối với vua Tự Đức:

Trị vì băm sáu năm chày,

*Lòng nhân tính hiếu đức tày
Thuần Nghiêu.*

Ngược lại, nhà Tây Sơn thì:

*Ngụy Tây thiết cứ bạo cường
ngược dân..*

Ấu cũng là tâm trạng của một bậc đại quan triều Nguyễn, tuy không hề được ban phát mũ áo cân đai.

xuân thiên

*Đình tiền tuyết điểm báo xuân lai
Cổ lý thiên hoa kỷ độ khai?
Bạch phát tha hương tư cựu nhật:
Nghinh xuân tiến lộc nhất chi mai.*

*Tân xuân tăng cảnh sắc
Giao hảo kỷ nguyên khai
Dương dương hê hanh vận
Dân chủ phục hưng tai.*

kinh tân

ngày xuân

*Trước thềm tuyết điểm báo sang xuân
Quê cũ ngàn hoa nở mấy lần?
Tuổi già đất khách mơ ngày trước:
Dâng lộc cành mai đón chúa xuân.*

*Xuân bang cảnh vật thêm xinh
Kỷ nguyên giao hảo hoà bình thành công
Rõ ràng vận hội hanh thông
Phục hưng dân chủ non sông vững bền.*

kinh tân

春
天
庭
前
雪
點
報
春
來
故
里
千
花
幾
度
開
白
髮
他
鄉
思
舊
日
迎
春
進
福
一
枝
梅
新
年
增
景
色
交
好
紀
元
開
陽
陽
興
運
民
主
復
興
台





Cúng Gà và Bói Gà

Lê Văn Lân

Dưới mắt dân Bắc Mỹ, con gà chỉ hiện ra dưới hình thức những miếng thịt đã được làm sạch sẽ, để nguyên con hay cắt từng phần, gói trong vĩ bọc ni-lông gọn ghẽ, nằm lạnh lẽo nơi quầy thực phẩm. Nhưng đối với vài dân tộc khác, nặng truyền thống duy linh, con gà mang nhiều ý nghĩa cực kỳ phong phú, phản ánh các nền văn hoá cổ.

Trong xã hội Bắc Mỹ, với kỹ nghệ sản xuất khổng lồ, một con gà không có đến giá trị của một con số cực vi. Còn đối với các nước Á Đông, trong đó có Việt Nam, con gà được trình trọng phong là “ngũ

đức linh cầm”, một vật tế nằm trên bàn thờ khói hương nghi ngút, một thông điệp huyền bí của thần linh qua sự giải đoán ứng nghiệm cho tương lai.

Xin mời quý độc giả đi lùi về dĩ vãng để tìm hiểu về con gà trong thế giới duy linh.

Gà là một loại gia cầm quá quen thuộc đối với chúng ta, nhưng cho đến nay, qua nhiều thư tịch tài liệu, chưa có một sự giải thích nào về lý do tại sao con gà thuộc chi *dậu* tức chi thứ mười trong thập nhị chi. Nhìn lên trời, theo thiên văn Á Đông, coi 28 tinh toà (nhị thập bát

tú), ta cũng chẳng hiểu tại sao hình ảnh con gà lại ứng với sao Ngang (tương đương với tinh tòa Pleiades của thiên văn Tây phương).

Tuy chẳng bao giờ hiểu rõ ý nghĩa các sự kiện trên, chúng ta vẫn mặc nhiên chấp nhận không thắc mắc: anh tuổi Tý là con chuột, chị tuổi Sửu là con trâu, còn tôi con gà vì tuổi Dậu.

Tra sách *Thuyết văn giải tự*, Dậu 酉 thường là bộ của những chữ chỉ về rượu: *tửu* 酒 và những sự việc liên quan đến rượu như *men*, *giấm*, *nhậu nhẹt*, *say sưa*... chứ hoàn toàn không vẽ ra hình con chim như trong chữ *kê*. Chữ *kê* được viết hoặc với bộ *điểu* (chim đuôi dài) 鳥 hoặc bộ *chung* (chim đuôi ngắn) 隹.

Chữ *Dậu* nguyên thủy là hình cái vò để ủ rượu (nhưỡng - khí hình) 酉 → 酉.

Sự chấp nhận mặc nhiên về ý nghĩa huyền bí của các sự kiện về văn hoá liên quan đến con gà chỉ là một trong bao nhiêu điều tin tưởng linh kính khác của dân Á Đông như tục cúng gà, bói gà, chữa bệnh bằng gà, v.v...

Chúng ta hiện nay thuộc vào thế hệ bản lề, nằm giữa hai thái cực về văn hoá: Đông phương cổ kính huyền bí và Tây phương hiện đại thực nghiệm. Thái độ của chúng ta nhiều lúc trăn trở. Một mặt ta chấp nhận khoa học trong chiều hướng lý giải và áp dụng chúng vào đời sống thực tế. Mặt kia, trong lãnh vực tâm thần, chúng ta lại tương tư, nuối tiếc, dung chấp những điều thuộc về siêu tượng mà ông bà cha mẹ ta đã tin theo trong bao nhiêu đời, mặc dù chưa thể phân tích bằng tinh thần luận lý.

Tôi làm sao quên được cảnh phụ thân tôi vào ngày mồng một đầu năm, cầm cái chân gà luộc giải đoán những điều lành dữ sẽ đến khi mẹ tôi kính cẩn ngồi nghe, đầy khâm phục và tin tưởng. Lễ tất nhiên có điều đúng, có điều sai, nhưng gia đình chúng tôi vẫn thường hoan hỉ khi mọi sự tốt lành xảy ra đúng như dự đoán và vô tình "quên" đi những điều nói sai.

Trong bài này, tôi xin lần lượt sưu khảo một số điều liên quan đến việc dùng con gà trong tinh thần văn hoá Á Đông.

CÚNG GÀ

Gà, xôi, trầu, rượu hầu như là những lễ vật tối thiểu cần có trong việc cúng bái thần thánh, kỵ giỗ gia tiên của mỗi gia đình Việt Nam. Còn ở làng nước, cúng tế thành hoàng, lễ kỷ yên hay mở đám hội đầu năm, ba con vật bị hy sinh (tam sinh hay tam sên) là trâu (bò), heo, dê (bò là hoàng ngưu, trâu mới thực là ngưu hay thủy ngưu). Nhưng vào một ngày trước ngày làng chính thức vào đám (ngày nhập tịch), làng thường cúng cáo yết nho nhỏ bằng gà, xôi, trầu, rượu để làm lễ Mộc Dục (lấy nước trăm hương tắm rửa bài vị của thành hoàng). Những ngày đại tế tiếp theo mới rước thần vị ở miếu về đình và giết trâu, heo, dê để tế. Lễ cáo yết này cũng tùy tục riêng của từng làng mà thay đổi, cúng xôi gà hay bò lợn, có nơi chỉ dùng bảy quả trứng luộc, nhưng thế nào cũng

phải có trầu rượu.

Tùy gia phong kiem, người Tiều (Triều Châu) xuất xứ từ một thổ ngơi nghèo bên Tàu, cúng tam sên vào ngày mồng 2 và 16 mỗi tháng, chỉ gồm một cái trứng vịt, một miếng ba chỉ, một con khô mực, tượng trưng cho cầm, thú, ngư. Theo *Việt Nam từ điển* của Lê Văn Đức, Lê Ngọc Trụ, lễ tam sên là ba món ăn đựng chung một đĩa thể cho bò, heo, dê gồm miếng thịt luộc, con cua luộc và cái trứng vịt luộc. Dân Quảng Đông tương đối giàu hơn nên có câu hát khinh khi dân Tiều như sau:

Quảng Đông ăn cá bỏ đầu

Triều Châu lượm lấy xỏ râu đem về.

Dân Quảng Đông cúng cửa bằng gà luộc hân hoi, đặc biệt cầm trong miệng gà một... cọng hành, ý mong cầu buôn bán hanh thông. Cọng hành đọc theo chữ nho cũng là

thông.

Nhìn lại tập tục cúng tế ở Trung Hoa, ta thấy lễ vật tam sinh không hẳn bất di bất dịch. Sách *Chu lễ* nói: Đốt củi thui trâu để cầu thần. Đời sau không đốt củi, lại đốt hương vì thưở trước tế tôn miếu, người ta dùng cỏ tiên (một loại cỏ thơm) trộn với mỡ mà đốt cho thơm (chiên hương). Lễ vật thay đổi dần theo triều đại; có khi đơn sơ chỉ có đốt hương và trà, có khi bày ra cúng bằng ngọc với lụa. Đến đời Đường Túc Tông, quan Thái ất sử là Vương Dư chế ra tục cúng tế bằng đồ mã, bằng giấy tượng hình các thứ vàng, bạc, tiền, ngọc, bảo vật.

Tục thắp hương bên Tàu có từ thời Hán Vũ Đế, nhân việc vua nước Hồn Gia (xứ Tây Vực) đầu hàng, dâng một pho tượng bằng vàng, đặt tại cung Cam Tuyền. Dân xứ Hồn Gia cúng thần không dùng



đến dè, bò, lợn mà chỉ đốt hương lễ bái.

Ở nước ta, theo sách *Ngô Truyện*, Trương Tân làm thứ sử Giao Châu, thường đốt hương ở Các Lập Tịnh Xá để đọc các đạo thư. Tục thắp hương của ta bắt đầu từ đó. Về cách hiến tế vật, người miền Bắc chỉ hiến rượu chứ không bày cỗ vì để toàn sinh (vật tế nguyên con) mới là thành kính. Trong khi đó, ở Nam Việt, ngoài việc hiến rượu và thức ăn, còn thêm hai người đóng tuồng trong nghi lễ cúng tế.

Ngoài tục cúng xôi gà và các món ăn khác mà ta gọi là *cúng mặn*, còn có nhiều cách cúng (*cúng* là do chữ *cung* 供). *Cúng cơm*, *cúng thất* cho người mới chết gồm bát cơm quả trứng trong vòng 50 ngày; *cúng cháo* cho cô hồn; *cúng đơm* vào ngày giỗ, *cúng quẩy* hay *cúng giỗ* ông bà cha mẹ sau khi mãn tang, v.v.. Ngoài ra còn có tục *cúng đường* hay *cúng dâng* (nói trại từ chữ *cung dưỡng*) tức là cúng Phật vào sáng sớm để có lễ phẩm kiếng các nhà sư đi hoá trai. Cúng Phật thường là cúng chay gồm hoa quả, oản, xôi chè.

Đôi khi ở vài địa phương có tục cúng đặc biệt không dùng lễ vật thông thường. Tục cúng Ông Cúm Bà Co gồm có bánh đúc, bỏng nén, mắm tôm, khoai luộc,... với câu khấn như sau:

*Ông cúm bà co
ông ở xứ Nghệ
ông bò ra đây.
Khôn thiêng có mâm cỗ đầy
ông soi cho sạch,
ông rầy tha tôi.*

hoặc:

*Ông cúm bà co
ông ở xứ nghệ
ông dò ra đây.
Tín chủ tôi có món quà này,
Mắm tôm, kẹo bột, bỏng nén,
bánh dày, bánh đa...
Ăn rồi xin ông bước ra,
Ông cúm bà co,
ông ở xứ Nghệ...*

Cúng xong, gia chủ mang bát mắm tôm ra vẩy lung tung trước

ngõ để tiễn bệnh.

Tục cúng này phải chăng đánh dấu một trận dịch cúm đã xảy ra trong lịch sử, khi bệnh này từ Nghệ An hay Chàm lan ra Bắc, như hiện nay người ta nhắc đến dịch cúm Hồng Kông vậy?

Ngày xưa, khi bị dị ứng nổi mề-đay thì gọi là bị "ma tịt" nên đã có tục cúng Ma Tịt mà lễ vật chẳng phải xôi gà, hoa quả nhưng là một nắm cứt trâu và đĩa trầu têm bằng lá lốt, có thêm mấy trăm vàng ngũ sắc. Của lễ được đặt vào xó nhà, rồi gia chủ khấn:

Tôi lạy ông Tịt bà Tịt

Ăn cứt trâu

Ăn trầu lá lốt

Đừng đốt con tôi.

Tôi còn nhớ khi tôi "nổi tịt" thì mẹ tôi lấy lá trầu không vò sát trên các vết tịt hay nấu nước lá đào bắt tôi tắm. Cây lá lốt còn gọi là tắt bát, cùng tộc loại với cây trầu và cây hồ tiêu.

Trở về với tục cúng gà, tôi trộm nghĩ tục này xuất phát và thực hành ở phương nam, trong các tộc thuộc nòi Bách Việt mà Việt Nam (Lạc Việt) là một. Ngoài ra còn có các sắc dân khác ở Hoa Nam như Phúc Kiến, Quảng Đông, Triều Châu và các sắc dân thượng du sống dọc theo biên giới Hoa Việt giáp Vân Nam.

Trong *Vân Đài loại ngữ*, Lê Quý Đôn chép rằng: "Sách *Triều dã thêm tái* chép: 'Phong tục Lĩnh Nam, nhà có người đau ốm trước hết giết thịt gà, ngỗng, dê cúng thần cầu phúc. Nếu không khỏi lại giết heo dê cúng để cầu thần...'.
Dò trong cuốn *Lễ ký*, thấy mô tả rất tỉ mỉ nghi lễ cúng tam sinh cùng cách chia thịt cho các quan mà không nói gì đến tục cúng gà. Có thể vì gà, ngỗng chỉ là những lễ phẩm nhỏ để cúng ở các địa phương vùng Hoa Nam chứ không được đem vào đại tế gồm các thú vật hy sinh lớn.

Con gà rất sẵn ở Hoa Nam. Giống gà gô rừng màu đỏ nguyên thủy sống ở vùng Đông Nam Á, được đem về thuần dưỡng thành gà

nhà. Theo sử, gà được thuần dưỡng ở Ấn Độ vào khoảng 3200 năm trước công nguyên, còn Trung Hoa thì vào khoảng 1200 năm trước công nguyên. Đó là nói tại Bắc Hoa. Tại Nam Hoa, mạn dưới sông Dương Tử, kinh nghiệm thuần dưỡng gà có thể có rất sớm qua chuyện dân Giao Chỉ bắt bạch trĩ cống nhà Chu (1100 năm trước công nguyên). Gà gô rừng cùng giống với chim trĩ.

Cái sẵn của gà được biểu lộ qua tục hiếu khách của dân Việt: "*Khách đến nhà, không gà thì gỏi*", thế nên cúng thần thánh ma quỷ, gà được dùng nhiều để cúng hiến là việc thuận lý, hợp với khả năng kinh tế. Con gà tuy quý nhưng trong tầm tay của người dân để đãi khách, để cúng giỗ. Còn các con thú lớn như trâu, heo hoặc là sản xuất cụ về nông nghiệp, hoặc nuôi để sinh sản làm lợi tức phụ cho ngân quỹ gia đình nếu không nói là gia tài. Các con thú lớn này chỉ giết thịt khi có khao vọng hay cúng tế ở làng. Vả lại, nuôi gà tương đối giản tiện, ít tốn kém, cứ thả cho gà kiếm ăn ngoài vườn, tối về chỉ cho ăn thêm một hai nắm thóc. Đến ngày mùa, lúa thóc vung vãi, mặc sức cho gà ăn béo mập.

Ở mạn ngược Việt Nam như vùng Mường Nua, Mường Nang (Hoà Bình), dân địa phương có tục cúng ma bằng gà. Có nhiều loại ma như ma Chở, ma Tội, ma Chải, ma Trâu,... Ông thầy mo thường hát ê a khi cúng ma Tội:

*Lạy ông thổ công, lạy bà thổ công
Lạy ông thổ kỳ, lạy bà thổ kỳ
Chẳng có cái chi
Phải nướng con cầy
Để mà cúng tội.*

Con gà theo âm Quảng Đông là *cây*, âm Phúc Kiến là *còi*, Triều Châu là *coi*, có lẽ nhại ra từ âm "*gáy*". Người Triều Tiên gọi gà là *kai*. Học giả Thái Văn Kiểm nói rằng vùng quê Thừa Thiên của ông gọi con gà là con "*cà cây*" tức là gà gáy. Vậy gà có hai tên tượng thanh là con "*gà*" và con "*gáy*".

Theo ông bạn Phan Ngọc Diển ở

New Jersey thì dân vùng này còn dùng quả trứng gà luộc lăn trên người bệnh để đoán bệnh.

Tục giết gà để cúng rất thịnh hành ở nam phương Trung Hoa. Sách *Triều dã thiêm tái* đề bửu: "Tục ấy nay vẫn còn, người xưa chê cười đã lâu. Vì muốn cầu sinh mà lại sát sinh, quỷ thần rất ghét. Ở Trung châu (tức Hoa Bắc), khi cầu đảo chỉ dùng hương, nến, tiền giấy, ngựa giấy, hoa quả, cỗ chay chứ không sát sinh, hại tính mạng súc vật. Đã có lòng nhân, lại giữ phúc lành, cảm cách thần linh, thêm tuổi thọ, tất phải dùng nó; tục ở nhân và phúc, nào phải ở lễ vật".

Nhân đó tôi nhớ lại mẹ tôi ngày trước. Mỗi khi cắt cổ gà, bà lại đọc câu kệ cầu siêu cho gà như sau:

*Gái cắt tai
Giai cắt cổ
Hóa kiếp cho mày
Theo Phật Thích Ca
Đừng làm kiếp gà,
Người ta cắt cổ.*

Ảnh hưởng Phật giáo như thế đã thấm nhuần sâu đậm trong dân tộc Việt. Người ta sát sinh nhưng coi đó là nghiệp báo bất đắc dĩ cho người cầm dao giết gà, đồng thời cũng là phương tiện giúp con vật mau hóa kiếp khỏi cái nghiệp hiện tại vốn là túc trái tiền oan.

CHIÊM NGHIỆM VÀ BÓI GÀ

Linh mục Cao Văn Luận, thầy dạy triết lý của tôi, khi nói về hồn và cái biết của thú vật, giảng rằng: Con vật không có linh hồn như người ta, nhưng có "lý tính" khiến nó đôi khi cũng khôn, cảm biết một phần như người.

Sách *Hàn thi ngoại truyện* tôn con gà là *Ngũ đức linh cầm* (con chim có 5 đức tính: văn, vũ, nhân, dũng và tín). Đặc tính biết giấc mà gáy được Á Đông quan niệm như một linh tính, một cái khôn trời phú cho; cũng như trong vạn vật, con người là vật tối linh, nghĩa là có nhiều cái khôn hơn hẳn muôn loài.

Sách *Tây tạp ký* chép: "Dưới thời Thành đế, Giao Chỉ hiến thú gà gọi là Trường Minh Kê, cứ buổi

sáng nó gáy là đồng hồ cạ, nghiệm với mặt trời không sai chút nào".

Sự tin tưởng con gà là linh cầm có lẽ là một trong những đầu mối khiến người ta dùng con gà để chiêm nghiệm những việc tương lai, như người ta đã từng nhận xét trên các loài vật khác.

Theo phong tục Trung Hoa, tranh con gà trống lông đỏ treo trước cửa nhà thì phòng được hỏa hoạn. Tranh con gà lông trắng dán ở quan tài người chết thì xua đuổi được ma quỷ khỏi đến quấy nhiễu trên đường đưa đám từ nhà ra mộ huyệt.

Ở Việt Nam, dân quê cũng dựa vào gà mà chiêm nghiệm nhiều điều. Nghe tiếng gà gáy mà biết trời sắp mưa:

Chớp đông nhay nháy, gà gáy thì mưa.

Dự đoán điều lành, dữ thì:

Gà gáy canh một hỏa tai, canh hai đạo tặc.

Gà mái gáy gở.

Có một thời ở Việt Nam, tục xem giò gà rất thịnh, đặc biệt vào ngày mồng một Tết. Đọc lại truyện *Trinh Thử*, tương truyền tác giả là Trần triều xử sĩ Hồ Huyền Qui, ta gặp một câu rất lý thú liên quan đến việc bói chân gà:

Hôm qua máy mắt cho liền

Nhện sa trước mặt báo tin ngoài thêm

Bể chân gà mới so xem

Vững con, tươi cái ngoài đụn quá nời

Cho hay duyên kiếp bởi trời

Nghiệm xem báo ứng rạch ròi chẳng sai.

Cụ Ưu Thiên Bùi Kỷ chú thích các chữ khó nặng phần chuyên môn như sau: "*Vững con tươi cái ngoài đụn quá nời*: Theo cách xem chân giò, *con* là ngón trở, *cái* là ngón giữa, *ngoài* là ngón ở ngoài, *nời* là giữa, *ngoài đụn (đầy) quá nời* là ngón ngoài chỉ vào ngón giữa".

Để hiểu rõ thêm, ta nên đọc lại phần "Xem chân giò" trong cuốn *Việt Nam phong tục* của Phan Kế Bính: "Người có tật bệnh làm lễ, hoặc người xuất hành đi đâu, hoặc

làm lễ cầu khẩn việc gì, thường dùng gà giò (gà sống ba bốn tháng), rửa chân cho sạch, khấn khứa rồi mới cắt tiết gà làm thịt. Đôi giò gà trần qua nước sôi đem ra, chớ luộc chín quá thì nát ra, gọi là phá quản không xem được. Luộc gà chín đem lễ, và lễ cả đôi chân giò. Lễ xong thì xem.

"Xem giò phải coi ngón chân nhỏ chỉ vào đâu, chỉ vào ngón trong, thuộc việc trong nhà; chỉ vào ngón giữa, thuộc về chủ thân; chỉ về ngón ngoài thuộc về người ngoài; chỉ vào các khe ngón chân thì gọi là chỉ không, không ứng nghiệm việc gì cả. Trong giữa bàn chân nó gọi là trung cung, hễ chỗ trung cung được đầy đặn thì cửa nhà phong vận, lồm xuống thì tất bị khổ sở.

"Lại phải xem huyết điểm đỏ hồng hào là tốt, mà xám là xấu. Trong ba ngón tám đốt chung quanh chia làm tám cung: kiền, khảm, cấn, chấn, tốn, ly, khôn, đoài theo phương vị trong dịch, mỗi cung chỉ riêng một việc, hễ huyết điểm đọng vào cung nào thì việc hay dở nghiệm về cung ấy.

"Cách xem giò gà cũng nhiều cách lắm, phải xem đến sách giò mới tường. Ngoại giả lại còn phép xem đầu gà, đại để cũng xem huyết điểm ở tai hoặc mắt, rồi hợp với lẽ ngũ hành sinh vượng mà đoán. Mà thường thì cứ mổ há mắt nhắm là tốt, mổ ngậm mắt mở là xấu.

Cũng như tục "cúng gà" phát xuất và thịnh hành trong các dân tộc ở phương nam nước Tàu, trong đó có Việt Nam; tục "bói gà" rất phổ thông. Theo *Trung quốc phương thuật tự điển*, trong chương Tật Chiêm (chiêm nghiệm tạp loại), Kê bốc (bói gà) gồm các thứ:

Kê noãn bốc (bói trứng gà)

Kê can bốc (bói gan gà)

Kê đỉnh bốc (bói đầu gà)

Kê cổ bốc (bói đùi gà)

Kê đảm bốc (bói mật gà)

Kê cốt bốc (bói xương gà).

Tuy sách này có dạy qua về cách giải đoán các quẻ gà (kê quái) và

cách chiêm nghiệm khi nghe gà gáy (kê mình chiêm), thế nhưng nó không hề nhắc đến cách bói chân gà qua việc nhận xét đường hướng co quắp của các ngón chân mà biết kiết hung.

Vẫn theo sách này, phương pháp bói gà đã có từ lâu lắm, có lẽ đồng thời với lúc con người mới biết thuần dưỡng gà từ giống gà gô trong rừng. Giống như tục cúng gà rất thịnh hành ở đất Lĩnh Nam, tục kê bốc cũng thịnh hành ở đây (cổ đại chiêm bốc pháp đích nhất chủng, hựu danh kê cốt bốc. Thịnh hành vu Lĩnh Nam). Phép coi gan gà thịnh hành ở các vùng thuộc Tây Tạng Lạc Ba tộc. Phép coi đầu gà cùng coi đuôi gà, xương gà thì thịnh hành ở vùng Vân Nam di tộc. (Dân Tàu đời Hán vẫn có thái độ cao ngạo, tự coi mình là tinh hoa ở giữa (Trung Hoa), gọi các dân tộc chung quanh là man (Nam man), di (Đông di), địch (Bắc địch), nhung (Tây nhung) và những người Tây phương là quỷ (bạch quỷ).

Một số tài liệu như bài *Le chamanisme des Hmong* của Guy Moréchaud (tạp chí *Viễn Đông bác cổ* BEFEO, L.I.V 1952), bài *Deux Tribus de la Région de Phong saly (Laos Septentrional) Frontière de Yunnan* của Henri Ronx (BEFEO 1924), có nói đến tục cúng gà và bói gà ở các sắc dân thiểu số Bắc Lào như dân Mèo, Hmong, P'uNoi, v.v... giáp giới Vân Nam và vùng tây bắc thượng du Bắc Việt.

Tuy nhiên, phương pháp coi giò gà của vùng Lĩnh Nam cũng như của các dân tộc thiểu số P'uNoi, Hô, Mèo... khác hẳn phương pháp mà ta quen làm.

Họ coi xương đùi gà theo nghi lễ như sau: lập đàn cúng tế rồi sau mới giết gà lấy xương, nhận xét các lỗ trên xương mà đoán lành, dữ. (Thịnh hành vu Lĩnh Nam. Kỳ pháp thiết đàn tế tự, nhiên hậu sách kê thủ cốt, quan kỳ khổng liệt dĩ định kiết hung).

Sử ký của Tư Mã Thiên, chương Hiếu Vũ (Bản kỷ) chép rằng: Các thầy cúng (vu) của những giống

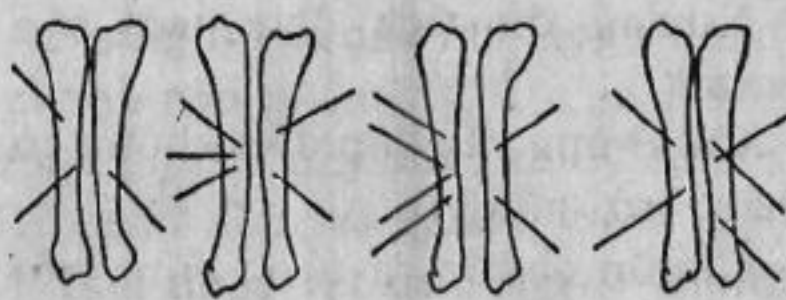
Việt có tục lập bàn thờ cúng thiên thần thượng đế bách quỷ rồi mới bói gà.

Sách *Chính nghĩa* nói rõ hơn: Phép coi bói gà dùng một con gà, một con chó để sống. Sau khi khấn khứa xong thì đem gà, chó luộc chín rồi lại tế, chỉ lấy hai mắt gà, trên xương có nhiều lỗ, giống người ta thì kiết, không giống thì hung. Hiện nay phép này thịnh hành ở Lĩnh Nam vậy.

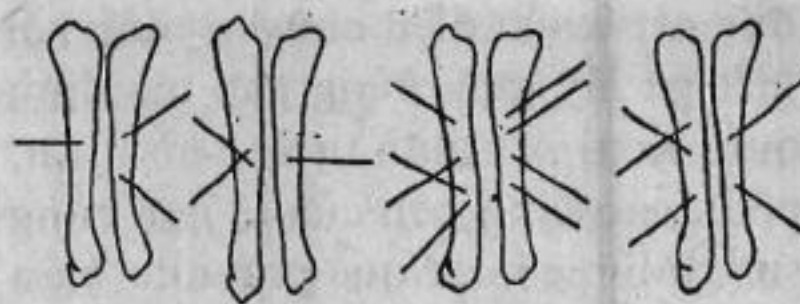
Lại căn cứ vào sách *Quế Hải Ngu Hành chí* của Phạm Thành đời Tống thì: Bói gà là phép bói của người phía nam, lấy con gà giò trống, cầm hai giò của nó, đốt hương khấn bói. Đánh gà chết, rồi lấy hai xương đùi rửa sạch, buộc chặt lại, lấy ống sậy tre (hóp) cắm chặt vào chỗ buộc khiến hai ống xương đầu lủng vào đầu ống sậy, cầm lấy ống sậy mà đọc chú. Xương tả là ta tức là bản thân, xương hữu là người, để đoán việc của ta và của người vậy. Quan sát hai phía cạnh xương có những lỗ nhỏ thì lấy những tăm trúc nhỏ dài cỡ một tấc, đút vào đó. Tùy theo các lỗ tự nhiên có đường hướng cong, thẳng, xiên ngang mà đoán việc kiết hung. Có hơn mười loại biến đổi, đại để thẳng mà ngang, hoặc nằm gần xương thì nhiều sự kiết lành; gãy và cong hoặc đi xa xương thì nhiều điều hung dữ.

Từ đời Đường, Tống trở về sau, phép coi bói gà thịnh hành ở các dân tộc thiểu số Trung Hoa như Trang tộc (người Choang), Bồ y tộc, Đồng tộc, Lê tộc, v.v.. Phép bói gà còn gồm các loại bói dùng các bộ phận khác nhau của gà như: bói gan, bói đuôi, bói đầu, bói mỏ gà, v.v..

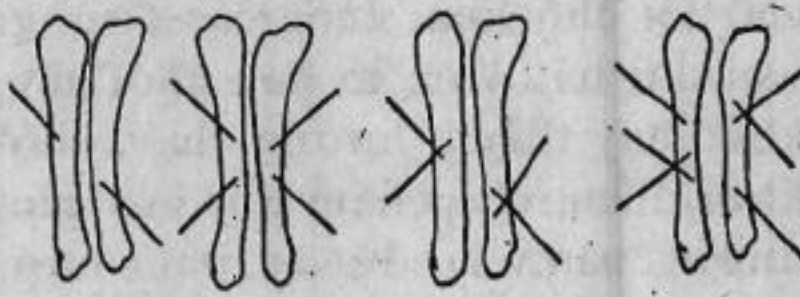
Cách bói xương gà của người P'uNoi ở Bắc Lào, giáp giới Vân Nam (theo Henri Ronx):



Điềm kiết, lành.



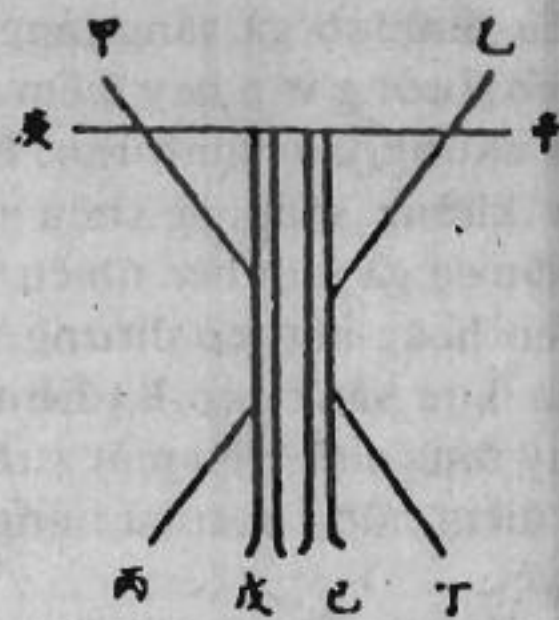
Điều hung, dữ.



Không hung, không kiết.

Theo *Kê quái kinh*, nếu bói gặp được quẻ thứ tư của kê quái, một đôi xương như thế rất là tương hợp. Mỗi bên ống xương có hai lỗ, thành ra cầm được bốn cây tăm tre, tương đối, tương xứng. Nếu là cúng bách giải (trừ trường hợp cúng ma đòi ăn), gia chủ sẽ gặp điều hưng vượng, xuất hành đại kiết, hợp hôn hữu thành, nuôi gia súc hay gặt hái thóc lúa đều tốt. Nhược bằng gặp sự tranh tụng, thưa lên quan không xong, vật mất khó hy vọng kiếm lại, trong nhà có người bệnh do ông bà xách nhiễu nên cúng một chén thì khỏi, lập đàn chay kiết lợi.

Ý nghĩa thập can của các que cắm như sau: Mậu, kỷ là hai que dọc theo hai xương gà. Giáp, ất, bính, đinh là bốn que cắm vào các lỗ ở giữa hai ống xương. Canh, tân là hai que cắm ngang.



Bói gan gà: Cách bói này thịnh hành ở Tây Tạng trong sắc tộc Lạc Ba. Tùy theo màu sắc hình trạng của "quả tượng" lá gan mà định kiết hung. Lúc bói thì một tay nắm gà, một tay cầm dao, miệng xương

đọc các khúc điệu chuyên môn rồi giết gà lấy gan, cúng gan mà định quẻ. Xem xét tuần tự các mặt trái, phải, các cạnh bên của lá gan cùng sự trình hiện các quẻ phù như màu sắc không đều, chỗ sáng chỗ tối, chỗ to chỗ nhỏ, chỗ tròn chỗ méo, chỗ lồi chỗ lõm, cùng các đường vân dài hay vắn, to hay nhỏ, gãy khúc hay thẳng, hướng chạy, chỗ khởi điểm, chỗ chấm dứt của các đường vân, v.v.. Tất cả phối hợp thành quẻ tượng có ý nghĩa kết hung.

Bói gan có nội dung bao quát sự hỏi tuổi người thọ, yếu; hỏi việc tình duyên hôn nhân ly hợp; hỏi gia sự phú bản; chiến tranh thắng bại; gặt hái phong khiếm; cùng là hỏi xem có sự xúc phạm thần thánh ma quỷ cùng cách cúng dường tai trừ ách, v.v..

Mỗi lần bói gan gà, ít nhất phải đồng thời quan sát ba bốn tượng quẻ. Nếu thiếu sót tượng quẻ hay các tượng quẻ giống nhau, cần phải giết thêm gà lấy gan mà bói, bói đến lúc nào mình triết rõ ràng thì thôi. Mỗi lần bói, thường phải giết vài con gà, nhưng tối đa đến 10 con thôi.

Bói đầu gà: Xem xương sọ của gà có hình dạng gì mà đoán biết trời tạnh ráo hay mưa gió, cùng là kết hung, họa phúc.

Sách của các vu sư Bối Mao và Thiên Thư thuộc Khoả tộc ở vùng Vân Nam, theo Mã Học Lương, có nói: Nếu đỉnh sọ gà sáng láng và không có đường vân hay điểm tức là triệu chứng trời tạnh ráo. Nếu âm ám không sáng là triệu trời mưa. Nếu sọ gà một bên nhiều vân điểm đen hoặc như có đường vân như lửa hực sáng tức là điềm bị bệnh hay tang chế. Nếu mặt xương có vân điểm hồng là triệu hung tử lưu huyết.

Bói mặt gà: Cũng thịnh hành trong đám Di tộc ở Vân Nam. Theo sách của Mã Học Lương: Nếu buổi sáng giết gà thì mặt gà nằm trên lá gan của nó, còn giết gà vào giấc chiều thì mặt gà nằm dưới ruột. Gặp hai tượng quẻ như vậy là tốt.

Nếu ngược lại là điềm chẳng lành.

Bói phổi gà: Đây là tập tục của dân Gurung xứ Nepal, cũng để chiêm đoán lành dữ.

Bói trứng gà: gọi theo Hán tự là Kê-tử-bốc hay Đả-bốc. Theo cách này, trứng gà đem luộc chín xong coi chiều dày của lòng trắng, lòng đỏ nhiều ít mà đoán lành dữ. Cách bói trứng thịnh hành ở đất Lưỡng Quảng. Theo sách *Quế Hải Ngụ Hành Chí* của Phạm Thành đời Tống thì: Người bói trứng cầm lấy trứng đặt xuống, vẽ mực đen trên vỏ trứng, đánh dấu bốn phía rồi luộc chín, cắt bỏ ngang quả trứng, coi chỗ tương ứng vết mực, tùy lớp trong trắng trong vỏ trứng dày mỏng mà định kết hung.

Ngoài ra còn có cách để đầu trứng rớt xuống đất, coi vỡ hay không mà định lành dữ.

Bói gà gáy: Theo sách *Chiêm nghiệm lục* của Minh Chu Lý Tĩnh: Gà gáy sớm thì điềm vui, gáy trưa gặp khẩu thiệt, gáy chiều chủ có tang sự.

Nếu giở lại cuốn *Việt Nam phong tục* của Phan Kế Bính, ta thấy dân mình ngày trước ưa tin vào chiêm đoán như nhâm độn, phụ tiên, xin thẻ, xem chân gà, cầu mộng, sấm ký, v.v.. Dưới cái nhìn khoa học thực nghiệm hiện nay, nhiều điều chiêm đoán xưa bị xem là mê tín; thế nhưng cũng có một vài điều chứa đựng cái lý của nó, chẳng hạn các nhận xét về sự biến đổi của cơ thể cùng phản ứng của các sinh vật chung quanh ta mà tiên đoán những điều sắp xảy đến.

Đồng nhiều ốc nhồi: điềm nước to.

Rễ cây trắng, cỏ gà trắng: trời sắp mưa.

Cóc cào miệng: sắp mưa.

Mùa xuân lá tre rụng nhiều; sắp có mưa to.

Xương đùi ếch đen: trời sắp mưa.

Cá không vẩy đập đầu không có máu: trời nắng to.

Chuồn chuồn ra từng đàn: trời sắp bão.

Mỗi cánh bay ra: sắp mưa.

Kiến ở cao leo xuống: nắng.

Mưa mãi, quạ bay ra: trời sắp tạnh.

Như vậy, trong sự dự đoán thời tiết mưa nắng bằng cách coi đầu gà có vết âm ám hay sáng, có thể có hiện tượng đáp ứng sinh lý của con gà với sự biến đổi thời tiết như ở vài người già, mỗi khi trở trời thì xương cốt nhức mỏi báo trước chẳng?

Theo cái nhìn thực nghiệm mà lý luận thì cách xem ngón chân hay giò gà để đoán tương lai quả không có luận cứ vững chắc. Nhưng xin đừng vội cười dân Việt hay các tộc ở Hoa Nam mê tín. Con người từ thời đại tối cổ đã từng khắc khoải muốn biết tương lai dù ở bất cứ chân trời nào.

Trong các triều đại La Mã, dưới ảnh hưởng của văn hoá Etruscan, các Caesars đã nuôi gà để bói mỗi khi cần quyết định việc quan trọng thuộc về chính trị, quân sự và rất tin tưởng các Tạng bốc sư (Haruspex). Mỗi khi ra trận, gà trong chuồng được thả ra. Nếu nó mổ thóc là điềm thắng, còn nó không chịu ăn là xui. Các ông tạng bốc còn mổ ruột bò để xem gan xem có hình dạng kim tự tháp thông thường không. Sử chép rằng, có lần Julius Caesar (100-44 trước TC) được một tạng bốc sư khuyến cáo đừng xuất hành vì gan bò mổ ra có hình dáng khác thường và một vết chẻ quái dị. Nhưng Julius Caesar không nghe, rồi cuộc bị chính những người thân cận đâm cả thấy 23 nhát dao vào ngày rằm tháng 3 năm 44 trước Thiên Chúa.

Trải qua nhiều thế kỷ, nhân loại đã nghĩ thêm nhiều cách bói kỳ quái, ít nhất là 50 cách. Xin kể ra vài lối:

* Mổ súc vật để coi lòng mà bói: Tạng bốc (Splanchnomancy).

* Coi những vết nứt trên xương bả vai của con vật sau khi đốt trên lửa: Giáp cốt bốc (Scapulomancy).

* Quăng muối vào lửa để nghe tiếng nổ: Diêm bốc (Halomancy).

* Làm phỏ-mát rồi nhìn mặt phỏ-

mát đông lại với các lần nứt để đoán: Can lạc bốc (Tyromancy).

* Nhều lòng trắng trứng gà vào nước để bói: Kê bạch đản bốc (Ovomancy).

Nhận định về việc chiêm nghiệm, bói toán của dân Việt, Phan Kế Bính phê phán: “Đó là vì ta tin rằng trong giới đất có một lẽ cảm ứng. Phàm việc một người, một nước, cho đến cả thiên hạ, sắp có việc hay thì tất có điềm hay sinh ra trước, sắp có việc dở tất có điềm dở sinh ra. Trước hoặc điềm ra tai mắt chân tay, hoặc điềm ra cây cối súc vật, hoặc điềm ra mưa gió mây mù, giăng sao sương tuyết. Sách ta thường nói rằng: ‘Hoà khí chí tường, quái khí chí dị’, nghĩa là khí hoà nhã thì điềm lành đem đến, khí quái lạ thì điềm dữ đưa lại. Cho nên cứ xem những sự bất kỳ xảy ra thì đủ biết việc hay dở của người và của thiên hạ.

“Đó thực là một điều ngộ điểm. Cứ như lối tân học ngày nay thì muôn việc hay dở ở đời đều bởi tự người làm ra chứ không có một việc gì là quan hệ đến giới cả. Mà

phàm các thứ xảy đến trước mắt như hoa nở, chim kêu, dền sa, cá nhảy, cũng đều là sự ngẫu nhiên, chứ không phải điềm hay điềm dở gì hết.

“Vả lại ta có tin ở sức người, ta mới chịu hết sức mà làm nên các việc hay; chứ nếu tin ở lòng trời, thì cứ ngồi mà há miệng chờ ho hay sao?”

Sở dĩ Phan Kế Bính có thái độ dứt khoát bài bác như trên chính vì ông bị thôi thúc bởi động lực muốn duy tân xứ sở trong buổi đầu thế kỷ, khi dân ta còn nhiều mê tín vô căn cứ.

Những điều Phan Kế Bính phê phán không phải là không hữu lý qua “ý hướng khoa học” như nhà văn Phạm Việt Tuyền nhận định. Tuy nhiên, theo Phạm Việt Tuyền, Phan Kế Bính đã có thái độ cực đoan, quá tin vào khả năng toàn bích của khoa học.

Ông viết: “Ý hướng khoa học, bài trừ mê tín dị đoan đã chan chứa trong các mục *Bốc phê*, *Địa lý*, *Toán số*, *Tướng thuật*, *Phù thủy*, *Thanh đồng*, *Cô hồn*, *Các cách*

chiêm đoán, *Các cách chiêm nghiệm*, *Xem ngày kén giờ*, *Các việc kiêng kỵ*, *Các phương thuật*.v.v.. thuộc thiên thứ ba.

“Nói một cách đại khái, người ta kính nể lòng hăng say bài trừ các mê tín dị đoan và niềm nhiệt tín của tác giả *Việt Nam phong tục* đối với các khoa học thực nghiệm. Người ta cũng công nhận rằng nhiều người quá mê mẩn các điều dị đoan đến nỗi quên mất thực tế, bỏ mất tinh thần tự tin tự lập. Nhưng bình tĩnh mà nói, khoa học thực nghiệm không giải thích được tất cả mọi lẽ huyền vi trong vũ trụ hữu hình và vô hình, mọi điều huyền bí trong đời sống cá nhân và xã hội. Hơn nữa, các khoa học huyền bí cũng là một loại khoa học và ở khắp nơi trên thế giới từ cổ chí kim vẫn có những sự tin tưởng tương đối đứng đắn ở các điều huyền vi, huyền bí, nhiệm mầu”.

Trở về với tập tục cúng và bói gà là đề tài chính của bài viết này, tôi có một nhận định thay lời kết. Đó là thái độ trần trở, giăng co, thao thức của nội tâm chúng ta.

Trên phương diện lý luận, đương nhiên chúng ta chấp nhận các phương pháp học, kỹ thuật học trong tinh thần khoa học thực nghiệm mà kết quả là chúng ta đang thụ hưởng những kỹ thuật tân kỳ do nó mang lại.

Trên phương diện duy linh, tiềm thức ta vẫn chất chứa những cảm tình đối với các tập tục ngàn xưa. Có những việc người ta chỉ có thể cảm thức chứ không thể nhận thức chính xác, nhất là trong định hạt linh giới.

Đối với các cổ tục nói chung, có lẽ phần lớn các bạn cũng như tôi, mang niềm thao thức tìm hiểu di sản của nền văn hoá cổ truyền mà trong đó có cúng gà và bói gà. ○

Sách tham khảo:

Việt Nam phong tục của Phan Kế Bính.

Văn Đài loại ngữ của Lê Quý Đôn.





Dưa Hấu Trà-Bang

Hứa Hoành



Sống ở Bắc Mỹ, mỗi lần nhìn những trái dưa hấu khổng lồ, nặng vài chục kí-lô, xẻ ra ruột đỏ au, mọng nước, tôi lại bồi hồi nghĩ đến những trái dưa hấu éo uột bên nhà mỗi lần Tết đến.

Hàng năm, vào tháng chạp ta, qua con đường về quê, trên những chiếc xe đồ chạy muôn trên đường Vũng Liêm, Vĩnh Long, chúng tôi thường say mê ngắm những rẫy dưa rải rác hai bên đường từ chùa Thổ đến ngã ba quận An Nhơn,

Giồng Ké, lác đác những dây dưa còi cọc, sót lại vài trái xanh thẫm, lớn bằng trái dừa khô, lòng rợn rã nghĩ đến những ngày nghỉ Tết vui chơi sắp tới.

Vĩnh Long cũng có nhiều đất rẫy, nhưng sao không nơi nào trồng được dưa hấu như từ chùa Thổ xuống Trà Vinh, ra Ba Động, Bến Dày, Cầu Ngang? Chỉ một giồng đất nhỏ của quận Vũng Liêm, nơi có nhiều sọc Miên, có những gò cao với nhiều cây dầu con rái, ẩn hiện

bên trong là một ngôi chùa Miên cổ kính mà dân địa phương gọi là chùa Thổ, là nơi trồng được dưa hấu. Có lẽ vì đó là vùng đất pha cát, cao ráo, dễ rút nước, không làm úng gốc.

“Dưa hấu chùa Thổ”, người quê tôi thường gọi như thế, là một loại dưa trồng và tiêu thụ tại địa phương, nhỏ trái, vỏ mỏng, ruột đỏ, nhiều nước, ngọt lịm. Vào lúc nóng nực, ăn một miếng dưa hấu cảm thấy mát cả ruột gan. Thuở đó nhiều gia đình ở chùa Thổ, Cầu Vông, sau mùa lúa thường để ra vài ba công đất trồng dưa hấu bán Tết, kiếm thêm lợi tức phụ cho gia đình. Họ dọn rẫy dưa thành những luống thấp, có chừa lối đi ở giữa để gánh nước tưới. Vùng này là đất giồng nên người ta phải đào giếng sâu mới có nước, rồi dùng hệ thống đòn bẩy đưa nước lên khỏi miệng giếng, đổ vào các tín nước mắm cũ để xách đi tưới dưa. Vận dụng sức mạnh của đôi tay, người xách nước phải gồng mình mới xách được hai tín nước đầy, nặng nề lên lối giữa các luống dưa. Nhiều năm, người dân quê tôi vẫn an phận với mỗi mùa dưa hấu Tết như một nguồn lợi tức kiếm thêm khiêm nhường.

Những ngày áp Tết, các buổi chợ nhóm càng đông. Từ 28 tháng chạp trở đi, chợ Tết nào cũng nhóm

thêm về đêm để những người bận việc đồng áng ban ngày có thì giờ đi mua sắm. Chợ xã, chợ quận như Càn Long, Vũng Liêm, ngã tư Long Hồ và ngay cả chợ tỉnh Vĩnh Long, đều dành ra một khu riêng để bán dưa hấu. Người Bắc, người Trung có dịp đi chợ Tết miền Nam sẽ lấy làm ngạc nhiên khi thấy dưa hấu chất cao như kim tự tháp, còn nhiều hơn cả số người đi chợ. Thời tiền chiến, một nhà thơ ngoài Bắc lưu lạc vào Nam, thi sĩ Nguyễn Bính, có dịp đi chợ Tết Sài gòn đã phải giựt mình kêu lên:

*Dưa hấu chất cao hơn nóc chợ,
Mà hoa sen nở cũng huy hoàng.*

QUÊ HUƠNG DƯA HẤU

Cầu Ngang là một quận lớn, lâu đời, nằm ở phía đông, gối đầu lên biển Nam Hải của tỉnh Trà Vinh. Khác với những quận nằm sâu trong nội địa, diện tích quận Cầu Ngang mỗi năm lớn dần nhờ sông Cổ Chiên và sông Bassac bồi đắp thêm phù sa, lấn mãi ra biển. Nhiều cồn cát như cồn Hến, cồn Ngao... nay sắp thành đất liền. Địa thế Cầu Ngang rất đặc biệt. Nhiều giồng cát cao chạy song song ra biển, là chứng tích của những bờ biển cũ do tác nhân của sóng biển xô cát trôi lấp dần. Có nơi cao tới 5 mét trên mặt biển. Cũng có những giồng do các trầm tích tạo nên, đó là các giồng ven sông. Đất giồng do cát phù sa tạo nên, xốp, phía dưới chặn giữ được nước, không có phèn, thích hợp cho các loại bầu, bí, dưa:

*Gió đưa gió đẩy,
Về rẫy ăn còng,
Về sông ăn cá,
Về giồng ăn dưa...*

Cầu Ngang, Ba Động có thời nổi tiếng về một loại dưa hấu vỏ mốc, cùi mỏng, ruột đặc, đỏ au và nhiều nước. Ăn miếng dưa Cầu Ngang, Ba Động ta cảm thấy hương vị ngọt thanh nhờ bón phân tôm cá, dễ phân biệt với dưa hấu Cầu Đức lớn trái, bón bằng phân dơi, xẻ ra ráo nước và có hạt như cát. Dưa hấu Cầu Ngang, Ba Động được bằng khen trong hội chợ Năm kỳ năm

1927 tại sân Tao Đàn.

“Động” là do tiếng “đụn” đọc trại ra, chỉ những đồi cát thấp do gió đùn lên. Nơi đây hồi trước có ba gò cát cao nên dân chúng gọi là Ba Động. Tiếp xúc với người địa phương, có lần tôi được nghe một lời giải thích khác: Đây là vùng ven biển, quanh năm tiếng sóng vỗ ầm ầm như sấm nên gọi là Ba Động. Không biết thuyết nào đúng hơn.

Ba Động có một con sông chảy ngang qua, song song với bờ biển. Năm 1936, Pháp cho bắc cây cầu sắt nối liền với nhà nghỉ mát của họ mới xây ngoài bờ biển. Năm 1946, Cộng sản lấy danh nghĩa “tiêu thổ kháng chiến” để phá sập cầu, đến nay cũng không bắc lại được. Con sông Ba Động từng chứng kiến cảnh giết người man rợ của Cộng sản. Họ bắt các nhân sĩ yêu nước thuộc Phật giáo Hoà Hảo như Chung Bá Khánh, Đỗ Hữu Thiện, Võ Văn Thời, Lâm Thành Nguyên... đem neo dưới nước cho chết ngộp. Riêng ông Lâm Thành Nguyên may mắn tự mở trời được, trong đêm tối lẩn trốn trong các bụi rậm thoát hiểm. Chung Bá Khánh là một điền chủ ở Bạc Liêu, từng du học bên Pháp. Khi đức Huỳnh giáo chủ bị Pháp đem an trí tại nhà ông Võ Văn Giỏi, ký lục soái phủ Nam kỳ, nhà tại Bạc Liêu, thì nhiều thân hào nhân sĩ địa phương như Huỳnh Văn Nhiệm, Chung Bá Khánh, hội đồng Ngô Phong Điền... đến ra mắt và xin làm đệ tử. Sau lần đàn áp đẫm máu cuộc biểu tình của Phật giáo Hoà Hảo tại Cần Thơ, ngày 7.10.45 Cộng sản đem xử bắn các lãnh tụ như Trần Văn Hoành (con trai Trần Văn Soái, tức Năm Lửa), Nguyễn Xuân Thiếp và Huỳnh Thạnh Mậu (em ruột đức thầy Huỳnh Phú Sổ). Còn các ông Chung Bá Khánh, Võ Hữu Thiện, Lâm Thành Nguyên đã bị bắt cóc từ tháng trước, đưa xuống Trà Vinh chờ thủ tiêu.

Dưa hấu Cầu Ngang và Trà Bang đã nổi tiếng khắp Nam kỳ từ hồi đầu thế kỷ. Mỗi dịp Tết nó có mặt khắp chợ Tết miền Nam.

Qua khỏi sông Ba Động cho tới biển là nhiều rừng ngập mặn với các loại cây tràm thủy như mắm đen, mắm trắng, cây giá, chà là..., nhiều mảnh thú như heo rừng, cạp, trăn, rắn và vô số muối mòng. Con đường từ Cầu Ngang đến Bến Đáy tôi đã qua lại nhiều lần. Lần đầu tiên, năm 1953, xuống Bến Đáy, nhìn thấy các giàn đáy hàng khơi, tôi rất lấy làm ngạc nhiên mặc dầu từ nhỏ tới lớn tôi quen sống miền sông nước. Bây giờ Bến Đáy là một làng sung túc, đổi làm xã Mỹ Long, trước 1975 hàng ngày có xe đò chạy thẳng tới Sài gòn. Xa xa, đáy hàng khơi giăng ngang như những kỳ quan. Người địa phương gọi đó là đáy sông cầu, chỉ giăng ngang chỗ lạch nước sâu ngoài biển. Mỗi gian đáy sông cầu như thế rộng từ 10 đến 16 miệng đáy. Dân Bến Đáy làm ăn mau giàu. Đến năm 1975 Cộng sản vào tiếp thu, họ chịu chung số phận của những người bị đàn áp.

Theo lời một vị bô lão địa phương, con đường Cầu Ngang — Ba Động do Pháp làm từ năm 1934. Xã trưởng Long Hoà bắt đầu từ Ba Động chạy dọc bờ biển xuống phía nam có hơn 10 ấp, đặt tên theo hình dáng, cây cối hoặc các nhân vật địa phương. Bắt đầu là ấp Nhà Mát, có ngôi nhà gạch xây từ năm 1936 để chủ tỉnh Trà Vinh ra nghỉ mát hàng năm, kế đó là ấp Khoán Tiều. Các cồn hồi trước nằm ngoài biển bây giờ đã thành đất liền như ấp Cồn Trứng, nơi quy tụ nhiều giống chim biển đến làm tổ; cồn Tàu còn dấu vết một chiếc tàu chìm thời Nhật chiếm đóng; cồn Ông, tên một nhân vật tiên phong đến đây khai phá; rồi đến cồn Cù, Láng Cháo là nơi chúng tôi có dịp ở lâu khi đi cải tạo.

Theo tín ngưỡng của người xưa, cồn Cù là do con cù, một linh vật theo truyền thuyết, nằm sâu dưới lòng đất, vì lẽ đó giồng cát này mới nhô lên. Có người nói rằng cù là một loại thú nửa rồng nửa lân, ở dưới nước, đang tu. Khi nó trở mình uốn éo, đất sụp lở, người ta gọi là “cù dậy”.

Gần cồn Cù là láng Đê Triệu.

Láng là một địa thế trũng, thấp, ngập nước, có một loại cây cối thuần nhứt. Ở Bạc Liêu có lán Tròn, một thị trấn nằm phía trên Hộ Phòng, và lán Dài nằm gần biển:

Chim kêu ngổ ố, lán Dài...

(ca dao)

Đến chơi cồn Cù mấy hôm, chúng tôi được nghe sự tích ông Đề Triệu. Theo lời một lão phụ địa phương, Đề Triệu là một tướng Cần Vương, từng đánh nhau với Pháp tại Gò Công. Sau khi Trương Định thất thủ, ông lui về cồn Cù. Để nuôi chí phục thù, hàng ngày ông vẫn dạy võ nghệ cho thanh niên trong ấp. Vì lẽ đó dân chúng nhớ ơn ông, lấy tên ông đặt cho tên ấp, tên lán.

Ngoài biển có cồn Ngao và gần cửa Cổ Chiên có cồn Hén mà các sách và bản đồ in sai thành “cửa Cung Hầu”. Nguyên khi đi điều tra địa danh và đo đạc vẽ bản đồ, các chuyên viên của Pháp đến tận cửa sông Cổ Chiên, hỏi người địa phương:

— Chỗ này gọi là gì?

— Cồn Hén.

Họ bèn viết chữ “con Hen” không bỏ dấu theo tiếng Pháp. Sau nhiều phen tam sao thất bổn, chữ “cồn Hén” trở thành “Cung Hầu” như ngày nay.

Mấy mươi năm về trước, những người tiên phong đi khai hoang lập ấp thường chọn các giồng cao, có sông chảy qua làm nơi cất nhà ở. Về mặt phong thủy địa lý, đó là cuộc đất sông sâu nước chảy. Chẳng bao lâu, trên các giồng đất ấy xuất hiện làng mạc, thôn xóm, các họ đạo với những giáo đường núp dưới những tán cây cao mát, hoặc soi mình bên dòng sông nhỏ hiền hòa, như Bằng Đa, Vĩnh Kim, Cầu Ngang, Long Khánh...

Vùng này là đất pha cát, rỗ phèn, thích hợp với các loại dưa hấu, bầu bí, nhứt là dưa hấu nhờ bón phân tôm có sẵn tại địa phương. Hơn hai năm bị cải tạo, tôi đã ngược xuôi trong các xã quận Long Toàn, Trà Bang, Mé Láng... qua nhiều trại tù

như Long Khánh, Bàu Sen, Láng Cháo, ăn hai cái Tết trên “quê hương dưa hấu”, vùng đất cát mới khai phá còn mận mùi bể cả. Cùng với dưa hấu Cầu Đúc (Hà Tiên), Bến Nhứt, Ngã Ba Đình (Chương Thiện), dưa hấu Trà Bang góp phần làm vẻ vang cho một loại đặc sản của quê hương miền Nam.

Theo người địa phương, dưa hấu bắt đầu trồng từ tháng 9 khi vừa dứt mưa. Muốn trồng dưa hấu, trước hết phải dọn đất, thường là một thửa ruộng vừa mới gặt, chặt bỏ gốc rạ, lên liếp cao chừng một tấc, rộng non hai thước. Giữa các liếp chừa lối đi lại để tưới và chăm

sóc. Bề dài một liếp tùy theo hình dáng miếng đất. Kế đó xít một loại thuốc sát trùng có pha nước để khi gieo hạt khỏi bị côn trùng ăn. Rẫy dưa được phủ một lớp rơm mỏng giữ độ ẩm. Gieo hạt có hai cách: dùng bầu bằng lá dừa nước hay bịch ni-lông nhỏ, bên trong chứa đất mềm trộn phân, gieo ba hạt giống đã ngâm sẵn, tưới nước độ 15 ngày. Hạt sẽ lên cây con. Lựa cây lên mạnh nhứt đem “xuống đất”. Cách này mất nhiều công, thường chỉ trồng vài trăm dây dưa. Nếu trồng vài ba mẫu phải gieo hạt trực tiếp vào liếp móc lỗ, bón phân. Mỗi lỗ gieo 3 hạt, sau đó ngắt bỏ, chỉ



chưa một dây lên mạnh nhứt mà thôi.

Ở Trà Bang, Long Toàn, mặc dầu có sông nhưng nước mặn, không tưới được, phải đào giếng. Tại mỗi ruộng dưa đều có đào giếng lấy nước, dùng hệ thống đòn bẩy đưa nước lên ruộng rồi xách từng thùng hoặc gánh đi tưới vào các liếp dưa. Khi dây dưa bắt đầu có trái, chỉ tưới ở gốc, tránh làm ướt trái dưa. Nếu muốn dưa lớn trái, phải tỉa bớt, chỉ chừa mỗi dây từ 1 đến 2 trái mà thôi. Không biết những rẫy dưa nơi khác bón phân thế nào, nhưng theo chủ các rẫy dưa ở Trà Bang thì họ chỉ bón phân hai lần: lần đầu khi dưa vừa tròn tháng, và lần sau cách ngày thu hoạch một tháng, gọi là bón thúc.

Thay vì bón phân u-rê như các nơi, ở đây bón phân cá vụn ủ với cát. Có khi dùng đầu tôm mua về ở Bến Đáy. Kỹ thuật trồng dưa ở đây rất giản dị, có lẽ họ chỉ biết làm theo phương pháp cổ truyền do gia đình chỉ dạy. Vì lẽ đó họ không cải tiến được kỹ thuật, chọn giống mới nên mặc dầu mùa dưa rất trúng nhưng trái không to lắm. Trong nguyên đám dưa màu xanh thẫm, thỉnh thoảng có một hai trái màu vàng, họ gọi là dưa hoàng kim. Đến mùa dưa, các lái buôn từ Trà Vinh, Vĩnh Long, xuống rẫy dưa quan sát, rồi ngã giá nguyên đám gọi là mua mảo. Họ đếm gốc dưa, ước lượng số trái không bao giờ lầm.

Thường người chủ dưa đợi đến khi ngọn dưa bắt đầu héo là dưa đã chín. Lái dưa đem ghe xuống hái. Họ chuyên dưa theo lối quăng bắt,

ít khi rớt. Người lái chọn dưa nhứt, lớn trái, chở đi xa; dưa nhì để bán tại địa phương và dưa đèo đẹt tặng lại cho chủ nhà, có khi chất thành đống mà không ai thèm ăn.

Vào ngày đầu năm, mỗi gia đình miền Nam thường có lệ xẻ dưa hấu để bói Tết. Nếu trái dưa đỏ, đặc ruột là báo điềm may mắn. Còn ngược lại, dưa không đỏ là điềm không may khiến các ông già bà cả như buồn bực điều gì suốt mấy ngày Tết.

NGUỒN GỐC DƯA HẤU

Dưa hấu là một loại trái cây nhiệt đới, rất quen thuộc với các quốc gia nằm gần xích đạo. Ở miền Bắc Việt Nam, dưa hấu rộ vào mùa hè, có lẽ vì Tết còn lạnh, chưa trồng được. Miền Nam dưa hấu rộ vào dịp Tết. Khoa khảo cổ đã tìm được hột dưa hấu hoá thạch cách nay trên mấy ngàn năm. Điều đó chứng tỏ dưa hấu đã có một nguồn gốc lâu dài.

Ở Việt Nam, theo truyền thuyết, dưa hấu có từ đời vua Hùng Vương. Theo nhà văn Nguyễn Trọng Thuật viết trong cuốn *Quả dưa đỏ* thì vợ chồng An Tiêm, con nuôi vua Hùng Vương thứ mười, là người tìm được loại dưa vỏ xanh ruột đỏ nhiều nước này. Được vua cha tin dùng, trở nên giàu có, An Tiêm sinh ra kiêu căng. Một hôm An Tiêm nói: "Của cải này là vật tiền thân của ta". Lời nói ấy thấu đến tai khiến nhà vua tức giận, cho là kẻ vô ơn, bèn ra lệnh đầy cả hai vợ chồng An Tiêm ra một hoang đảo ngoài khơi cửa biển Nga Sơn để xem An Tiêm sống bằng cách nào.

Ban đầu vợ chồng An Tiêm mò cua bắt ốc độ nhứt. Có lần An Tiêm thấy một bầy chim từ phương tây bay đến, nhả hột trên cát. Ít lâu sau, hột ấy nảy mầm mọc thành dây, đơm hoa kết trái. Đợi khi trái chín, An Tiêm hái đem về bỏ ra ăn thử, thấy ngọt, mát và rất đã khát khi trời nóng nực. Vì hột giống do loài chim phương tây mang tới nên An Tiêm mới đặt tên thứ quả ấy là Tây qua. Đồng thời thấy dưa có vỏ

xanh, cùi trắng như nước da thiếu nữ, ruột đỏ như má hồng giai nhân và hột đen nhánh như hàm răng cô gái Việt nên mới đặt tên là "Việt nga". Cả hai vợ chồng ăn dưa, bỏ hột trên cát nên dưa mọc ngày càng nhiều. Mỗi lần ăn dưa, An Tiêm hái thêm vài trái, viết lên vỏ dưa bài thơ chữ Hán rồi thả xuống biển, hy vọng sẽ liên lạc được với đất liền. Bài thơ ấy được Nguyễn Trọng Thuật dịch:

*Hải Nam quê thiếp nghìn trùng,
Trời sinh phận gái, má hồng răng
đen.*

*Việt Nga hai chữ là tên,
Nước non, non nước cho duyên
tao phùng.*

Nhờ bài thơ khắc trên những trái dưa ấy mà tiếng tăm quả dưa được truyền đi xa. Một hôm có chiếc thuyền buôn Trung Hoa gặp bão, tấp vào hoang đảo của An Tiêm. Thấy nhiều quả dưa lạ, họ bỏ ra ăn thử, thấy ngon thì buột miệng kêu lên: "Hấu, hấu!" (Ngon, ngon) Từ đó nó có tên là dưa hấu, ta đọc trại thành dưa hấu. Thuyền buôn ấy đổi một số dưa đem về đất liền để bán. Rồi tiếng đồn lan truyền, nhiều thuyền buôn khác tìm đến trao đổi hàng hoá, nhờ đó mà gia đình An Tiêm trở nên đầy đủ, phong lưu.

Về phần vua Hùng Vương, nghĩ đến vợ chồng An Tiêm, đôi khi cũng hối hận, một hôm cho người ra ngoài hoang đảo dò la xem An Tiêm còn sống không. Sứ về thuật lại cảnh sống của An Tiêm, vua thăm phục, bèn triệu về phục chức. An Tiêm mang giống dưa mình tìm ra dâng lên vua để phân phát cho thần dân, làm giàu thêm cho đất nước một thứ trái mới.

Miền Nam vào những ngày giáp Tết trời nóng nực, dưa hấu là món giải khát tuyệt hảo. Mỗi lần Tết đến, nhà nào cũng có dưa hấu chưng trên bàn thờ. Miền Bắc ăn dưa hấu vào tết Đoan Ngọ. Nếu miền Nam coi dưa hấu là dưa Tết, là loại trái cây cúng gia tiên thì miền Bắc và Trung coi trái dưa hấu là loại trái cây để "sêu" nhà vợ trong ngày mùng 5 tháng 5. ○

xuân mộng

*Xuân đưa tay với thật gần
Lộc non đầu ngõ một lần tôi yêu
Dáng ai về muện lối chiều
Mộng ngày xanh hẹn
ít nhiều tàn phai?*

nguyễn hải hà



Đêm Xuân Chị Em Thỏ-Thẻ.

Hồ Trường An

Bà Bang biện Hướn vừa tằm trâu vừa cần nhần với bà Hội đồng Giỏi:

— Tết nhứt sắp tới rồi mà tui có sắm sửa gì cho xóm đâu! Mới mua bốn chục dưa hấu chất đầy bộ ván cẩm lai đó. Thiệt tình từ khi ông chết đi, tui rùn chí, hết muốn gì nữa!

Bà Hội đồng Giỏi nhìn chị mình lom lom. Bà biết chị mình than lấy lệ mà thôi. Ông Bang biện Hướn chết từ ba năm qua rồi. Ông bị bán thân bất toại suốt bốn năm ròng, sống ngày nào còn là gánh nặng cho vợ con ngày đó. Từ khi ông chết đi, năm nào ruộng của ông cũng trúng mùa. Bà Bang Biện còn xoay qua vừa củi, vừa than, vừa mắm, bề mần ăn xuôi chèo mát mái. Cứ coi bốn chục trái dưa hấu chất đầy bộ ván đó cũng đủ biết cái thịnh vượng của gia đình này. Bà còn lạ gì cái tật ưa than thở của chị mình: vui cũng than, buồn cũng than, khoẻ mệt gì cũng than nảo nuột ráo trọi. Miệng bà Bang Biện than hà rầm hà rì nhưng ánh mắt lúc nào cũng rực rỡ đặc chí.

Bà Bang biện Hướn thiệt ra có tâm sự buồn. Số là cô trưởng nữ của bà tên Hai Tố Trinh cách đây hai tháng từ Xoài Hột viết thư về cho bà hay rằng cô vừa đi coi bói, thầy bói nói kỳ mang thai nầy cô sẽ đẻ thêm đứa con gái thừa ba, trong khi đó cô thêm sanh con trai cho chồng cô mừng. Cô gái thứ của bà là cô Ba Tố Thuận thì từ Bến Tranh viết thư về bù lu bù loa rằng thằng chồng ó đâm lòng lang dạ thú của cô mê sa con điểm thú từ ga xe lửa Tân Hiệp trôi đến. Chưa hết, cô Tố Hiền, cô út ngọc ngà châu báu của bà, được ông bà Cai tổng Xiêm đánh tiếng đi hỏi cho cậu Hai Tường, trưởng tử của họ. Ai mà dè, cậu có tư ước với cô khác nên cùng người yêu cuốn gói dong lên Nam Vang.

Chuyện bất hạnh của ba cô Tố, bà Bang biện Hướn không dám thổ lộ với mụ em có miệng thọt thẹp, hay thèo lẻo của mình. Bà Hội đồng Giỏi ở làng Đạo Ngạn, chỉ cách làng Đạo Thạnh con sông Bảo Định. Từ bến đò, cuộc bộ chừng

hai cây số là tới nhà bà ta rồi. Ông Hội đồng đã thất lộc trên mười năm rồi. Bà ở vậy nuôi đứa con trai độc nhứt là cậu Hai Khá. Cậu học tới khi đậu bằng thành chung rồi cưới vợ và vẫn ở chung với mẹ. Ông bà mình thường nói, hễ con một thì cháu bầy. Cậu đó ứng y chang vô trường hợp cậu Hai. Bốn năm qua, mợ Hai đẻ bốn đứa con trai, hai đứa sau là cặp anh em song sanh. Hiện nay mợ lại mang cái bầu ba tháng. Hễ càng đẻ, mợ càng thay đổi máu huyết, trở nên nuột nà, khác xa thời con gái ốm đèo ốm đệt.

Hôm nay là ngày 24 tháng chạp. Dù có hờn duyên tử phận, nhưng cô Út Tố Hiền vẫn phải làm các loại mứt bí, mứt gừng, mứt dừa, mứt củ cải, mứt cà chua, mứt trái tắc...; các loại bánh nướng như bánh men, bánh gai...

Bà Hội đồng Giỏi từ trong hóc hẻm thăm u làng Đạo Ngạn, gặp lúc rảnh rang nên qua làng Đạo Thạnh thăm chị, luôn tiện đi coi hát. Chén ơ, gánh Cẩm Đình ban vừa chuộc

cô đào Thanh Huệ và kép Mười Hơnon thanh sắc song toàn, hiện gánh đang hát ở nhà lồng chợ Bến Chùa. Bà Hội đồng Giỏi cùng chị mình tối nào cũng được em trai là ông Hương quản Mẹo ở Bến Chùa cho mã phu đánh xe ngựa xuống rước lên xem hát.

Đạo Thanh ở gần khít Ngã Ba Trung Lương, cách trung tâm thành phố Mỹ Tho bốn cây số. Đó là vào thời tiền chiến, thời biển lặng sông trong đầu thập niên 30. Nhà bà Bang biện Hướn gồm ba căn hai chái, nền đúc cao tới ngực, cột bằng gỗ cẩm xe, mái lợp ngói móc. Chung quanh nhà là khu vườn một mẫu trồng ổi cừu ngoạt, chuối lá ta, chuối cau mắn, chuối xiêm mắn, mận Thái Lan da xanh, mận Vĩnh Long da nâu đỏ, mận trắng, mận Trung Lương...

Ngoài dòng rạch xa, khuất sau đám dừa nước, chim bìm bịp kêu từng tràng inh ỏi báo hiệu nước đổi chiều, từ sông cái sắp dồn lại lắng vào các sông con, các rạch nhỏ, các khe, các ngòi... Trời xế chiều, cô Út Tổ Hiền xách nồi đồng gạo nấu cơm.

Bà Bang biện Hướn than:

— Liên tiếp ba đêm nay đi coi hát bội, tui muốn ể mình rồi đây! Thôi, tối nay đi cứ đi một mình, tui hổng có ưả tuồng *Huê Dung đạo*. Tui muốn ở nhà ngủ cho sướng mắt.

Bà Hội đồng Giỏi ngáp ử ề:

— Tui cũng không ưả tuồng có Tào Tháo đâu. Thôi thì tui cũng ở nhà ngủ cho khoẻ. Tối mai, chị em mình đi coi tuồng *Đãi yến Đoàn Hồng Ngọc*. Tuồng này có kép Mười Hơnon đóng vai *Địch Luông*, kép Bửu Quỳnh đóng vai *Địch Hồ*, quả thiệt là cặp kim long ngọc hổ không sai!

Bà Bang biện Hướn:

— Di nói hạp ý tui lắm đó. Trong tuồng này, cô Thanh Huệ đóng vai *Đoàn Hồng Ngọc*, cô Bảy Sự đóng vai *Vương Lan Anh* thì có khác nào một cặp thần nữ giáng tiên đâu di.

Dưới bếp, cô Út Tổ Hiền vừa bắc nồi cơm lên chiếc hỏa lò rục than hồng. Cô nghe lóm câu chuyện của

mẹ và di. Xời ời, tui ghét hát xướng, hát bội lẫn hát cải lương. Hát bội hành tội người ta, mê hát cải lương ôm rương theo kép. Tui đã coi kép Mười Hơnon khi hấn theo gánh *Ngọc Đường ban*. Tui đã coi kép Bửu Quỳnh và đào Bảy Sự khi họ còn cộng tác với gánh *Bầu Vàng*. Tui cũng đã coi đào Thanh Huệ khi cô đóng vai *Mộc Quế Anh* trong tuồng *Nữ anh hào*. Tui đi coi hát là để xách giỏ trâu cho má tui, vậy thôi. Thiệt tình tui chỉ thích ở nhà đọc truyện Tàu. Giờ đây tui ghét cái mặt dê gái của Mười Hơnon lắm! Chu choa ời, sao mà nó giống tên Hai Tùng, trưởng nam của bà Cai tổng Xiêm quá chừng chừng! Hai Tùng dù chưa làm đám hỏi với tui, nhưng cũng đã làm cái duyên con gái của tui sợng ngất. Hai bên gia đình giao hảo từ mấy đời, chuyện lộn nài bẻ ống của hấn chẳng những làm hai bác Cai tổng bợng ợ mà còn làm má con tui ngổ ngàng. Mà phải chi hấn chê tui để theo cô nào lá ngọc cành vàng thì tui không ức. Đàng này hấn theo con Bảy Kim Liên, con thầy Thôn Vận, vốn lẳng lơ trác nết. Bởi vậy, hể coi tuồng hát nào mà gặp mấy cô đào ỏn ẻn như cô Thanh Huệ trong vai *Hồ Nguyên Cô*, cô Bảy Sự trong vai *Kim Tinh Nương*, chim trai giữa trận tiền là tui nhớ tới con Bảy Kim Liên. Trai tráng thời nay mấy ai có lòng dạ đoan chánh như *Tiết Giao*, như *Dương Hoài Nam*! Họ toàn là thứ gì đâu, ưả mua trâu vẽ bóng, theo lọng bỏ dù, mê cá thu bỏ cá nhám!

Tết năm nay chắc chắn là một cái Tết buồn thảm của gia đình bà Bang biện Hướn. Cô Hai Tổ Trinh sẽ đem hai đứa con gái và cái bụng chưa về đây để xổ bầu xong là đón xuân. Cô Hai là nàng dâu trưởng mà để con gái hoài nên làm cho chồng cô là cậu Hai hoành mất mặt với cậu Ba Tung. Mợ Ba đã sanh một thái tử cho chồng mà còn khả thêm hai hoàng nam kháu khỉnh nữa. Từ khi được thầy bói tiết lộ mình sắp sanh thêm một cô công chúa, cô Hai Tổ Trinh nhận thấy tia má chồng cô là ông bà Huyện Đống

tổ về lọt lọt nên cô buồn lắm. Cô bèn xin phép tia má chồng cô về Đạo Thanh để đập bầu. Bà Huyện Đống bảo:

— Con tính vậy cũng tiện. Tết nhứt ở đây, trong ngoài chào rào chộn rộn lắm, chắc làm con ngủ không ngon. Con mà về Đạo Thanh chẳng những được chị suôi săn sóc tận tình mà còn được an tĩnh nghỉ ngơi.

*

* *

Mâm cơm vừa dọn lên thì cô Hai Tổ Trinh đem hai đứa con gái là Huỳnh Cúc và Huỳnh Mai về tới. Mặt mày cô xanh lè xanh lét như mắm lóc chưa chao đường hũ. Cái bụng cô bự chành ành như có cái chảo gang úp lên. Hai con Huỳnh Mai, Huỳnh Cúc vừa tới nhà bà ngoại là cười giỡn lú lo, trong khi mặt má tui nó chim bìm như mang mối sâu vạ cổ, như quần mối hận thiên thu.

Vừa thấy bóng dáng chị và cháu, cô Út Tổ Hiền kêu con ở lên dặn dò:

— Nấu thêm cơm đi. Đông cỡ ba lon gạo cho tao. Mày nhớ bẻ mớ đậu rồng, xắt nhuyễn rồi xào với hột vịt để ăn đậm thêm.

Bà Hội đồng Giỏi hỏi con cháu lớn:

— Ủa thằng chồng cháu đâu? Sao nó không đích thân đưa cháu về đây?

Cô Hai Tổ Trinh áp ứng:

— Ảnh có chút việc phải đi Sài Gòn.

Bà Hội đồng Giỏi nhìn sững cô cháu gái, cổ chọc thủng cái đầu cô để lục soát và ước lượng sự thật trong lời cô... Bà chị tui vốn dị hủ, ưả giấu giếm. Tui con gái của chỉ cũng giống mẹ, đời nào dám nói thiệt chuyện trong nhà tui nó. Giấu ai thì trót lọt, chớ giấu mụ già này có khác chi lấy vải the che mắt thánh! Bậy và má bậy cứ mặc sức giấu giếm đi. Tao cũng rần sức phanh phui. Năm được sự thiệt, tao sẽ giữ kín nếu con nào ăn ở tử tế với tao; bằng không nếu gặp thứ xí xọn, tao sẽ la rùm lên cho làng trên tổng dưới biết hết!

Mâm cơm gồm có canh bí đao nấu với cá lóc rắc tiêu hành. Món cá đối kho lạt chan mỡ xắt hột lựu. Một đĩa sâu lòng thịt lợn đựng thịt gà xào sả ớt. Một đĩa trệt nhỏ đựng đậu rồng xào tôm khô đem trứng vịt. Một tô đựng ba khía trộn tỏi ớt giã nhỏ và chanh đường. Cả nhà xúm lại ăn uống ngon lành. Bà Hội đồng Giỏi nhìn cô Hai Tố Trinh thắc mắc. Con này coi có vẻ buồn đậm buồn nghiêng, hắt hiu dung mạo, áo nâu dung nhan, vậy mà khi bụng chén cơm lên thì nó ăn līm līm, nhai ngau ngáu, nuốt ột ột thấy mà bắt thèm. Sao lạ vậy?

Ngoài sân, bóng tối bắt đầu xóa lu lūt hồn non bộ, chậu kim quýt, chậu mai chiếu thủy, chậu bùm sùm, cau kiểng... Bóng tối đưa chim tu hú, cu đất, cu cườm về tổ nên chúng im hơi lặng tiếng. Đêm xuống, tiếng vật sành kêu ra rả ngoài các nương nước; tiếng cóc, nhái, bụ tọt, chàng hui, nhóc nhen kêu từng chập ở ngoài bờ ruộng.

Con Lành phụ cô Út Tố Hiền rửa ráy lau mình cho hai con Huỳnh Cúc, Huỳnh Mai, thay quần áo thơm sạch cho tụi nó. Khi tụi nó xả quần theo bà ngoại, bà dì thì cô út cũng đi tắm rửa cho mát mẻ. Cô nghĩ mà thương cho mẹ mình. Cứ mỗi năm, hễ khi chim tu hú bắt đầu gọi Tết thì các gánh hát bội địa phương, các gánh hát bội pha cải lương thường ghé chợ Bến Chùa, chợ Trung Lương để trình diễn. Gặp dịp, bà Hội đồng Giỏi cũng xách giỏ qua Đạo Thạnh để coi hát. Bà ta vốn rộng rãi trong việc biếu xén quà cáp: vịt cả cuống cả cặp; mắm lóc, mắm sặc, mắm cá trên cả hũ lớn; lại còn tôm càng kho tàu cả soong; dưa ngó sen, dưa bòn bòn cả cân; bánh trái cả thúng... Vậy mà bà ta hể lượm được tin tức giựt gân gì ở nhà chị mình là thọt thọt kể lại trong vòng bà con thân tộc.

Thiệt ra bà Bang biện Hướn vẫn cần hạng người có cái miệng oan gia nghiệp chướng như miệng mẹ em mình. Mấy năm nay, bà gả hai cô con lớn vào chỗ giàu sang, lại đang lúc bà mần ăn thanh vượng

cho nên khi thấy bà Hội đồng Giỏi xách giỏ qua thăm là bà mừng quính. Bà muốn nhờ cái miệng lanh chanh lách chách của bà Hội đồng truyền rao cái gia đạo đang thời hưng thịnh của mình cho bà con quen biết khắp các làng xóm, tổng huyện... biết. Nhưng kỳ này, bà Bang biện Hướn sợ bà Hội đồng Giỏi còn hơn sợ dịch. Bà chỉ cứ ngượng ngùng úp mở khi kể chuyện gia đạo và hoàn cảnh ba cô con gái. Còn bà em thì tò mò tọc mạch, đầu óc luôn luôn sắp đặt câu hỏi trặc trẹo để chất vấn chị, để moi móc phanh phui chuyện mà chị mình muốn che giấu.

Đêm đó, cô Út Tố Hiền cứ cà rà theo bên cô Hai Tố Trinh để tỏ bày tâm sự, để trình bày hoàn cảnh kếm may mắn mong cô Hai giúp ý kiến. Đêm xuân tĩnh mịch. Ngoài hè, cây nguyệt quới ngào ngạt đưa hương. Đêm đen bao la như nhuộm mực Long Tế, mực Huy Châu. Đom đóm từ ngoài bay lợt vào buồng chiếu sáng chớp tắt.

Cô Hai Tố Trinh bảo em:

— Thôi em, coi vậy mà em vẫn còn hên. Nếu họ cho làm đám hỏi rồi hồi hôn thì má và chị em mình mới biết ăn làm sao nói làm sao với họ hàng chòm xóm? Còn cái bề thế của chị đây mới đang phàn nàn...

Cô Út Tố Hiền hỏi:

— Anh Hai có thiệt bụng yêu thương chị không?

Cô Hai Tố Trinh trầm ngâm:

— Về chuyện chẵn gối lửa hương thì chị không có chỗ nào trách móc ảnh hết. Nhưng thằng cha đó coi vậy mà thủ cựu, luôn mang quan niệm “chồng chúa vợ tôi”, “nhứt nam viết hữu, thập nữ viết vô”. Em ơi, từ khi thấy bói đoán kỳ này chị sanh con gái thì chồng chị bán tín bán nghi, song vẫn an ủi chị. Còn ông bà già ảnh thì cứ chắc mẫm như hai với hai là bốn nên tỏ vẻ lợt lạt với chị lắm. Chị ở bên nhà chồng mà cứ tưởng như ở đậu nhà ai. Còn hai con Huỳnh Cúc, Huỳnh Mai bị ông nội bà nội rẻ rúng coi như con nít lối xóm không bằng.

*

Khi bà Hội đồng Giỏi xách giỏ trâu đi về Đạo Ngạn thì tối hôm đó cô Hai Tố Trinh đập bầu. Ông bà ông vãi ời, kỳ này cô để hai thằng con trai. Tuy hai anh em nó nhỏ thỏ nhưng không có vẻ ẻo uột. Sản phụ ngấm hai thằng con mà ứa nước mắt. Cô khẩn vái đức Quán Thế Âm Bồ Tát phò hộ tụi nó chóng lớn ăn chơi. Cô Út Tố Hiền hằm giò heo với đu đủ cho chị mình ăn để có nhiều sữa. Sản phụ ăn cơm với thịt cá kho rắc thật nhiều tiêu với món canh hầm kia. Cô được mẹ và em cho uống nước hột gòn rang thay thế nước trà. Đó cũng là thức uống cho cô có nhiều sữa.

Bà Bang biện Hướn nói:

— Để má nhắn tin cho bên chồng con hay để họ mừng.

Bởi còn hôn chồng và tía má chồng, cô Hai Tố Trinh cần:

— Khoan đã má. Để con chỗi hỏi sẽ hay. Bên nhà chồng con ăn ở với con tẹ lậu lậm. Con phải làm khó họ một chút cho bõ ghét.

Bà mẹ háy con một cái bèn ngót:

— Mầy đừng có đồng. Già nèo thì đứt dây đa con!

Rồi bà tìm người nhắn tin. Hôm nay là 24 tháng chạp. Nhà có nuôi sẵn bốn cặp vịt cả cuống, hai con gà mái tơ. Dưa cải, dưa giá, bánh phồng, bánh tráng có vợ tá điền lo. Cô Út Tố Hiền bắt đầu lo nời cá lóc và thịt bắp đùi kho chung với nước dưa xiêm, có đem trứng luộc. Cô ngồi xe ra chợ Mỹ Tho mua tóc tiên, bún tàu, bóng da heo, vi cá, khô mực, lạp xường, vịt ướp bắc thảo phơi khô, hồng khô, chà là, trà, rượu... Khi vừa về tới nhà thì cô gặp bà Cai tổng Xiêm và cậu Hai Tùng ngồi chuyện vãn với bà Bang biện Hướn ở trung đường, trên bàn là một mâm chất đầy bánh in, bánh đậu xanh và trà rượu. Ý chừng là mâm quà biếu của bà Cai tổng. Còn cái tên Hai Tùng mắc dịch mắc toi điều moi quạ mỗ kia đến đây làm chi? Thấy cái bản mặt trắng như cái bánh bao của hần mà cô cảm gan. Nhưng mà hôm nay hần không có vẻ dúc dắc hí hửng như châu xưa. Vẻ trang nghiêm buồn buồn của

hắn làm cô thắc mắc. Hắn ăn bận sáng mát và thẳng nếp: áo sơ-mi cụt tay màu trắng sáo, quần vải tít-so trắng, chon đi giày đen đánh bóng nẩy sao. Ủa lạ, tại sao hắn không ở luôn trên miệt Nam Vang mà còn trời đầu vác thây về đây làm chi?

Cô Út Tố Hiền chào khách rồi bưng bả lủi vô buồng cô Hai Tố Trinh. Tại đây cô gặp bà Hương quán Mẹo, em dâu của bà Bang biện Hướn và bà Hội đồng Giỏi. Bà này cũng thuộc hạng chời mời tọc mạch, cũng có cái miệng tai trời ách nước như bà Hội đồng Giỏi. Từ hôm cô Hai Tố Trinh về đây đợi ngày đập bầu và đón Tết thì bà ta cứ lân la hỏi trặc trẹo hai mẹ con cô về chuyện cô Hai Tố Trinh.

Bà Hương quán Mẹo cười:

— Nè Út, cậu Hương quán cháu đang lấy quẻ tử vi cho hai thằng cháu đây. Mới liếc sơ sơ ổng thấy cung Thân và cung Mạng tụi nó, cung nào cũng có sao chánh diện cái chủ tọa, cái xung chiếu, cái hợp chiếu thiệt tốt.

Bồng bà Bang biện bước vào buồng, bảo cô con út:

— Con lo coi cơm nước để đãi khách. Bác Cai tổng cùng thằng Hai ăn cơm trưa xong ở đây chơi, xế mát trời họ mới về Bến Tranh.

Cô Út Tố Hiền cùn quần:

— Sao má mời chi cái anh chàng công tử miệt vườn khó thương dễ ghét, mặt mét mắt lơ, nhiều xương ít thịt đó!

Bà Bang biện Hướn mặt tỉnh rụi, mặt lạnh ngắt, bảo con:

— Ấy, mầy đừng có cãi! Người ta là khách tới nhà, không gà thời vịt, không thit thời tôm, mình phải ăn cần thiết đãi mới là phải chớ.

Bà vội vàng bước ra tiếp khách. Bà Hương quán Mẹo cười:

— Cái con này chưa chi đã chê đáng chê hôi con trai người ta. Hai cháu thấy sao chớ theo mợ thì thằng Hai con ông bà Cai tổng Xiêm cũng phì mỷ tốt tươi, lưng dài vai rộng đó chớ.

Cô Út Tố Hiền ngoe ngoáy xuống bếp nấu nước sôi để làm lông con vịt xiêm.

những búp non đã mọc đầu mùa

những phiến lá xanh non hơn hờ
trên cành, chim ngẳng đầu hát nhịp điệu mới
rất thanh xuân.

cỏ xanh có phải đang thăm thì
nói với nhau trái đất đang đổi thay
thực được, mẫu đơn và lan
rất sung mãn

bầu trời bớt ảm đục
những lượn mây đùa giỡn
này em, hãy thay áo mới
chào đón
những búp non đã mọc đầu mùa.

kiêm thêm



Bên ngoài, sát bên bờ sông Bảo Định, cây vông đồng đơm hoa đỏ rực rỡ. Nước kinh rạch, sông ngòi trong vắt. Trong xóm, tiếng chày giã bánh phồng cứ các cùm văng vẳng. Một chiếc ghe thương hồ lướt qua, giọng hò cô lái lạnh lạnh:

Hồ ơ ơ...

Cây quần vì bởi trái sai

Em xa anh vì bởi bà mai ít lời.

Hồ ơ ơ...

Ăn chanh nhớ tỏi ngùi ngùi

Ngồi trong đám họ nhớ mùi rau răm...

*

* *

Khi khách ra về, bà Bang biện Hướn tìm hai cô con gái, cho biết:

— Mong hai Tết, thằng Hai Tùng qua đây chúc Tết. Nó ưa ăn bánh cống, con Út nhớ đón mua tép bạc để đồ bánh cống, đừng quên.

Cô Hai Tố Trinh cười:

— Tết nhứt, nhà nhà thiếu gì nem chả. Khi không mình làm bánh cống, coi không giống ai!

Cô Út Tố Hiền hỏi:

— Rồi chừng nào anh trở về Nam Vang?

Bà Bang biện Hướn cười nửa miệng:

— Nó về Nam Vang làm chi? Còn ai ở đó mà về!

Cô Út Tố Hiền chưng hửng:

— Ủa, còn con Bảy Kim Liên đó chi?

Bà Bang biện chậm rãi vừa ngó bà Hương quán Mẹo vừa bảo con gái:

— Ồi, thứ gái đi ngang về tắt đó thì kể làm chi! Con nhớ tiếp đãi anh chị Cai tổng và nó cho tử tế. Ra giềng nhà mình có nhiều tin mừng.

Bà Hương quán Mẹo cười:

— A, té ra tin mừng!

Trong hai ngày 27 và 28 tháng chạp, bà Bang biện Hướn lo trang hoàng trong ngoài. Ông Hương quán Mẹo tặng chị hai cặp vạt thỏ, hai cặp mồng gà lười búa. Bà Bang biện thấy hoa vẫn còn ít, bày lổng chổng ngoài sân cho nên bà cho thằng Hiệc đánh xe ngựa ra chợ Mỹ Tho mua thêm bốn chậu mồng gà đuôi chồn, bốn chậu ớt kiểng để đặt dưới bốn gốc cột ở hàng hiên. Bà sai chú Báu chặt cho bà một cành mai thiệt lớn, đơm nụ chi chít để bà cắm trong chiếc bình da rạn cao tới gối đặt trên bàn tròn giữa phòng khách.

Cô Út Tố Hiền lãnh phần o bế nồi giò heo hầm măng, nồi canh khổ qua dồn thit, niêu tôm càng kho tàu. Con heo của bà Bang biện bán cho chú Chệt Sấm có thớt thit ở chợ Trung Lương vào sáng 29 thì chiều tối bà được chú kiểng lại cho

bà bộ đồ lòng và cái đầu heo để cô út nấu cháo lòng và làm món đầu heo luộc cuốn rau sống chấm mắm nêm.

Cô Hai Tố Trinh đã cho người mang hai lá số tử vi của hai thằng con và lá thư báo hỷ đến gia đình nhà chồng. Sáng ngày 29, cậu Hai Hoành chồng cô, lái xe chở quà cáp tới nhà nhạc mẫu. Bà Bang biện Hướn trích ra một chục nem chua, một chục bì gói và con gà mái tơ đem biếu ông bà Hương quán Mẹo.

Cậu Hai Hoành có dung mạo bặm trợn hùng tráng. Giọng cậu rồn rảng như chuông. Cậu bảo vợ:

— Mình nên đem các con về Xoài Hột ăn Tết cho gọn.

Cô Hai Tố Trinh háy chồng:

— Đâu có được! Hai đứa nhỏ còn đỏ lỏi, còn yếu ớt như cua lột, đi ra ngoài còn không được hưởng hồ phải trải qua mấy dặm đường nắng nôi gió máy. Lại nữa, bà ngoại tụi nó muốn chuộc bùa chuộc niệc cho tụi nó đeo để trừ tà ma rồi mới về Xoài Hột. Thôi, ra giềng rồi tính.

Từ khi biết vợ sanh con trai, cậu Hai Hoành xuống nước thấy rõ, nhứt là khi cậu đem hai lá số tử vi ra bàn. Cô Út Tố Hiền vốn ghét cái ông anh rể mà cô Hai Tố Trinh kêu là “bạo chúa”, nên xí xọn:

— Cậu Hương quán tui nói chị Hai tui có số sanh con thần như giáng thế, tiên thánh giáng trần đó ăa.

Cậu Hai Hoành càng ngấm hai đứa con trai, càng thấy lòng mở cờ, dạ nở hoa. Cậu đặt thằng anh tên Hoành Giang, thằng em tên Hoành Sơn. Càng mừng con trai, cậu lại ngùi ngùi thương hai đứa con gái mà bấy lâu cậu lợt lạt hờ hững. Khi từ giã về Xoài Hột, cậu lấy cái bọc mo cau đưa vợ, bảo:

— Đây là thuốc Phì Anh tế dành cho con Cúc, con Mai. Anh mong rằng tụi nó uống xong mớ thuốc này sẽ hồng hào xinh tốt.

Cậu không quên móc bóp phờ lấy hai tấm giấy 100 đồng vẽ hình bộ lư đưa cho vợ:

— Ba má tặng em mua sắm cho hai đứa lớn và cho em. Em muốn

uống thuốc bổ gì, muốn ăn gì thì cứ mua. Khi hết tiền, anh sẽ đưa thêm.

Cô Hai Tố Trinh nhìn chồng lom lom, miệng cười hóm hỉnh. Chèn ời, cái bản mặt của cậu tối hù như thực địa nấu đường đen, thấy ghét quá chừng chừng! Trong một thoáng, cô nhớ tới cái mặt choắt và cặp môi mỏng của bà mẹ chồng cùng khuôn mặt như bọc lớp sáp trắng bệch bạc của cha chồng. Xời ời, bà mẹ chồng tui không dữ không ác như bà mẹ chàng nho sĩ Lâm Sanh, cũng không nóng nảy,

không nhảy đong đong như bà Thanh Đề. Bà chỉ nhẫn nhẫn, the the chớ không đặng chát, cay xé. Bà khó tánh như bà thái hậu Địch Thiên Kim thời trào Tống bên Tàu, ưa bắt chặt bắt lỏng, ưa chê thấp chê cao... Còn ông tía chồng tui ngày tối cứ chim bìm, nói ít nhưng kén ăn dằng mây. Ông bả cứ xà quần theo hai thằng con trai của chú ba Tung và tỏ ra lạnh nhạt với hai đứa con gái tui, coi tui như kẻ ngoại cuộc. Bao năm qua tui sống dưới mái nhà hương hỏa bên chồng



mà có cảm tưởng như ở trong nhà thương thí, lấy nước mắt chan canh. Còn mẹ em bạn dâu tui cậy có cha mẹ chồng cứng nên lên mặt với tui, coi tui chẳng có gờ-ram nào.

Để rồi bà con coi, thằng Giang của tui mới là cháu đích tôn của tía má chồng tui. Ngôi nhà và sở ruộng hương hỏa sau này sẽ lọt vào tay nó chứ vào tay ai? Chu choa ời, ông bà mà coi xong hai lá số tử vi, chắc chắn là ông bà sẽ cưng hai thằng con tui gât củ kiệu hơn nữa.

*
* *

Tối 29 tháng chạp, bà Bang biện Hướn ngồi nhai trầu trên đi-văng chơn quì bằng gỗ cẩm lai, búi ngùi nghĩ tới gia cảnh cô Ba Tổ Thuận. Trong ba chị em, cô Ba kém nhan sắc hơn hết cả. Mặt cô chần vắn với cặp má vừa dầy vừa tròn, mình mẩy cô hơi phệ phịch. Mấy mụn lồi xóm dọc miệng bảo cô giống con cá bống mú, như trái chuối xiêm. Nhưng cô Ba nào chịu lùi bước trước sắc vóc mình! Cô cứ ăn chịu khó vận động, đi bộ để cái eo thêm thon. Cô rửa mặt bằng nước cơm vo cho da mặt thêm mịn, cô xông khói trà cho cặp má thêm hồng hào rạo rục. Đã vậy, cô còn biết tỉa chơn mày cho mỏng, biết giữ cho nước răng và cặp môi ửng hồng. Cặp mắt cô gọn sáng thu lại lẳng, vừa ướt vừa lẳng, vừa sáng vừa say. Bởi đó, ai dám bảo cô là gái lọt lọt thu dung, âm u bóng sắc! Cho nên khi vừa mười tám tuổi thì cô lọt vô mắt xanh của thầy giáo Đỗ Kỳ Lân dạy lớp nhứt trường tiểu học chợ Bến Tranh. Trong hai năm đầu, cô thứ nữ của bà sống ngoả nguê hạnh phúc. Cô làm việc nhà cầm chường, làm bếp cầm chường... Bởi còn son giá, lại cùng chồng ở trong căn nhà nhỏ và gọn, cô chẳng bận rộn gì nhiều. Việc nhà đã có bà vú lo liệu nên cô dư thì giờ đọc tiểu thuyết. Cô đã viết thư cho cô Út Tổ Hiền bằng những câu nũng nần văn chương diễm tình: "Chồng chị xem chị như một kho tàng trân bửu. Ôi, chị hạnh phúc, hạnh phúc, hạnh phúc. Chị yêu chồng, yêu chồng,

yêu chồng... Chị phải la hét cách nào, găm rổng cách nào để diễn tả trọn vẹn tấm lòng yêu đương lai láng, hạnh phúc tràn trề của chị đây?"

Bấy lâu nay, bà Bang biện Hướn cứ ngỡ thằng rể thầy giáo kia và cô con gái cá bống mú của bà sẽ yêu nhau tới răng long đầu bạc, ai mà dè cái thằng rể mô phạm coi nhu mì hiền hậu kia lại bày đặt mèo chuột! Khi hạnh phúc, cô Ba Tổ Thuận huênh hoang đĩa dóc bao nhiêu thì lúc đau khổ cô cũng tru tréo om sòm bấy nhiêu! Chén ời, đọc lá thư búi lu búi loa của cô Ba mà bà bủn rủn. Bà chẳng hiểu cái nước đau khổ của con gái cưng đã thành biển nam hay biển bắc, song bà biết chắc cô Ba khó kham khó nhẫn, nếu không khéo tìm phương giải quyết, chắc cô khó mà sống nổi.

Cũng tối hôm đó, cô Út Tổ Hiền luộc đầu heo và bộ đồ lòng heo trong chiếc chảo lớn để sáng hôm sau nấu cháo. Con Lành thì luộc bánh tét, bánh dứa trong chiếc nồi lớn khác. Nhà bà Bang biện có tục luộc bánh tét, bánh dứa, đầu heo, lòng heo vào tối 29 tháng chạp để bữa tiệc rước ông bà vào chiều ba mươi sẽ bánh trái ê hề trên chiếc quả tử ở các bàn thờ.

Cô Út Tổ Hiền dù có cực nhọc trong việc làm bánh làm trái, làm gái làm mẹ, nhưng chưa chi cô đã cảm thấy gió xuân reo từng đợt phơ phới trong tâm hồn cô. Nhà của ông bà Cai tổng Xiêm ở gần chợ Bến Chùa. Sáng nào cậu Hai Tùng cũng cỡi xe đạp xuống Ngã Ba Trung Lương uống cà phê ăn hủ tíu, như vậy là bạn đi hay bạn về cậu đều đi ngang nhà bà Bang biện Hướn. Cho nên sáng hôm nay, sau khi điểm tâm xong, cậu ghé nhà bà Bang biện để tặng cô Út một bộ lược giắt tóc bốn cái bằng đồi mồi, hai cái giắt ở mép tóc dài cỡ bốn phân, một cái giắt búi tóc dài hơn, một cái để dành chải tóc dài cỡ gang tay, lại còn thêm một cái trâm cũng bằng đồi mồi nữa. Đây là đồi mồi thứ thiệt sản xuất ở Hà Tiên, vân nâu đỏ coi mới đẹp làm sao!

Bộ lược đồi mồi làm cho cô Út nao nức đã đành mà cũng làm cho cô Hai Tổ Trinh vui lây. Trong lúc rí rầm tâm sự, hai chị em chợt nhớ tới hoàn cảnh đáng phàn nàn của cô Ba Tổ Thuận. Cô Hai ai hoài:

— Tội nghiệp con Ba. Chẳng hiểu Tết năm nay nó có về đây không!

Cô Út than thở:

— Việc đời biết sao mà lường! Ai mà dè từ thiên đường chị Ba tuột một cái xuống địa ngục...

Nhưng mà thưa bà con cô bác, cô Ba Tổ Thuận không để chúng ta tội nghiệp cô lâu. Sáng ba mươi, cô dắt chồng về nhà mẹ ăn Tết, mang theo cam tàu, quít nùm, bôm, nho, xá-ly, bánh bích-qui, rượu cỏ-nhách, bơ mận, bơ lạt, cà phê, sữa hộp... làm quà. Cô mặc chiếc áo bằng lụa nâu in bông xanh đỏ rần rục, quần sa-teng tuyết nhung đen. Cô chải đầu phồng, tóc đánh bím hình con rít rồi bới đầu lèo cao khỏi ót, cái búi tóc đẹp đẹp tròn như cái bánh tiêu được bao lưới đen, giắt thêm chiếc trâm hình trăng khuyết cần hột xoàn chiếu nhấp nháy. Cô tỉa chân mày nhỏ rí như sợi chỉ và cong vòng như cái móng trời. Cô tô son môi hình trái tim, đánh má hồng hực hực, đeo trân châu, cẩm thạch, hột xoàn choáng lộn. Tuy là vợ thầy giáo lớp nhứt mà cô chung diện và ăn xài như bà hoàng. Ấy chẳng qua vì thầy giáo Lân là con điền chủ bực trung, cha mẹ thầy thương bù sớt tiền bạc cho thầy. Cách đây hai năm, người cô ruột của thầy vốn không con, khi qua đời có để lại cho thầy hai chục mẫu ruộng cùng khá nhiều vòng vàng tiền bạc.

Thầy giáo Lân nho nhã, trắng trẻo, cười diễm đạm. Nhưng nhìn kỹ thì thấy cặp mắt của thầy không vừa. Đây là cặp mắt nòi tình, lại thêm nụ cười hóm hỉnh, đầy hậu ý nên khi nhìn cô nào là da thịt cô đó nhột nhột một cách thú vị. Thầy mặc áo bành-tô bằng vải xi-mi-li trắng, tra nút hồ phách nâu đỏ, quần ka-ki trắng ủi thẳng nếp, chơn đi giày da vàng.

Bà Bang biện Hướn vui lắm, sai

thằng Lào, thằng Sĩa quét dọn căn buồng gần lẩm lủa cho con rể. Chỉ chừng hai tiếng đồng hồ sau là căn phòng sạch sẽ, giường đồng bóng lộn, mùng mền chiếu gối thơm phức mùi long não được bày ra. Đã vậy cô Ba Tổ Thuận còn căng rèm màn màu thiên thanh thêu đục lỗ, bày thêm bình bông trên chiếc bàn kê gần cửa sổ.

Bữa cơm trưa hôm đó, cả nhà ăn đầu heo luộc, cá nhám hấp, tôm hấp cuốn bánh tráng đệm bún, rau sống và chấm mắm nêm giã tỏi ớt.

Trong bữa ăn, cô Ba Tổ Thuận tía lia với mọi người, ớn ớn những nhéo với chồng. Thầy giáo Lân nhìn vợ âu yếm, mặt khờ ra, nụ cười luôn luôn nở sáng trên môi.

Bà Bang biện nhìn cô Ba phản nản:

— Đầu cổ để thờ ông thờ bà, vậy mà mày chải tóc có chà có chôm, chải chín lượn mười mỏng coi dị ớn quá!

Cô Ba Tổ Thuận liếc mẹ có đuôi:

— Ấy! Chuyện đờn bà son trẻ mà má!

Bà mẹ tiếp tục rầy rà:

— Gấm nhung, lụa hàng, nhiều xuyên thiếu gì thứ màu nhu nhả, mắc mớ chi mà mày đến thứ hàng ni-lông màu in chồng hoa hoè loè loẹt. Chèn ơi, tao coi mày sao giống con các kè bông, các kè gấm quá Ba à!

Cô Ba vẫn cười:

— Ấy! Chuyện đờn bà tỉnh thành thời nay ăn bận, má để ý làm chi!

Bà mẹ vẫn chưa tha:

— Đã vậy mà mày còn đánh phấn, tô son, tía chơn mày. Chu choa ơi, cặp má mày đỏ rần như bị ai tát ai vả. Mền ơi, coi cặp môi mày đỏ chót như dính huyết heo. Tao không hiểu ảnh chỉ ở Bến Tranh nghĩ sao khi có một nàng dâu ưa màu mè rần rục như mày.

Thầy giáo Lân đỡ lời vợ:

— Vợ con khi ở Bến Tranh cũng chỉ ăn diện vừa phải thôi. Khi về thăm tía má con thì nó ăn mặc vải xô, tóc chải xệp lép, chơn đi guốc vòng. Khi đến nhà bà phủ, bà huyện, bà cai tổng thì nó ăn diện

theo kiểu nửa cổ nửa kim, nửa què nửa chợt. Còn khi đi viếng nhà nào ăn ở theo cánh tân thời thì nó mới ăn diện áo bọ ngực bó eo, mới tô son giời phấn hực hỡ...

Ăn cơm xong, mọi người tráng miệng bằng đu đủ, chuối cau và dùng trà Ô Long. Bà Bang biện khuyên chàng rể về buồng nghỉ ngơi.

Đầu chừng cỡ hai giờ trưa, bà Hội đồng Giỏi đội nón gò găng từ Đạo Ngạn qua thăm. Theo bà là con Lài xách buồng cau xiêm và mấy ộp trâu vàng. Bà nguyệt bà Bang biện Hướn:

— Tui trách chị lắm nghe chị Bang biện. Mấy má con chị cứ giấu giấu úp úp chuyện nhà với tui hoài! Nội việc con Hai hốt lủ con về đây để đập bầu và ăn Tết là đã kỳ rồi. Người ta để con so thì mới về nhà mẹ ruột, đằng này con Hai đã trải hai lần lửa củi, đã hai lần chữa đẻ rồi, bụng nó đã nhẵn như cái nhau mèo rồi, mông háng nó đã trở rể tre chẳng chịt rồi... Nó mà về đây để là có chuyện lớn bên chồng nó chớ chẳng không. Còn con Út có người đi coi mắt mà chị cũng giấu luôn. Tới con Ba năm nay không chịu đón giao thừa bên chồng, lại dất chồng về bên này để làm chi? Lạ thiệt!

Đầu chừng giáp bả trâu, bà Hương quán Mẹo cũng đội khăn lụa màu hột gà từ Bến Chùa xuống, ôm theo quả bánh phục linh. Bà Hội đồng Giỏi bày tỏ thắc mắc với mẹ em dâu rồi chắc lưỡi:

— Thiệt tình tui cũng hông hiểu nổi chị Hai tui với mấy đứa nhỏ nhà này. Họ làm như lập hội kín không bằng!

Bà Hương quán Mẹo lộ vẻ bất bình, ngó bà Bang biện lom lom:

— Ừ, chị Bang biện có lòng dạ chặt chĩa, trong trào ngoài quận ai mà không biết!

Bà Bang biện Hướn chậm rãi tèm trâu, nói:

— Ai mà giấu di Hội đồng với mẹ Hương quán làm chi! Bởi mọi chuyện có ngã ngũ ra sao đâu mà tui thổ lộ ra? Thôi, kỳ rằm tháng giêng

tui mời dì, mời mẹ tới đây tụng kinh Phổ Môn rồi tui kể khúc nói mọi chuyện cho mấy người nghe, kể từ đầu tới đuôi, từ gốc tới ngọn, không dám giấu một điều gì với mấy người hết.

Bà Hội đồng ngó bà Hương quán cười lạt. Hai bà cùng ngoe ngoáy kiểu từ gia chủ, vừa đi vừa bàn tán từ nhà ra tới lộ rồi cùng hăm hăm liếc vô nhà bà Bang biện Hướn trước khi chia tay, kể về Bến Chùa, người qua Đạo Ngạn.

Bà Bang biện ngó theo em gái và em dâu, bảo cô Ba Tổ Thuận và cô Út Tổ Hiền:

— Dì Hội đồng bày cùng mẹ dâu bày có chung một tánh một nết. Má càng nghĩ chừng nào càng tức cười cho họ chừng nấy.

Cô Ba Tổ Thuận trề môi:

— Hai bà thân nhau đó rồi ghét nhau đó, cầu huê để rồi lại nói xấu lẫn nhau. Tàu xe nào chở nổi lời thô lời ác của họ.

Bà Bang biện chợt nhớ ra:

— Hồi nãy má quên tặng dì con chút ít phẩm vật. Bậy quá!

Cô Út Tổ Hiền bảo:

— Hôm 25 tháng chạp má đã tặng dì Hội đồng một hũ mắm tôm chà, một hũ mắm tôm chua rồi. Hôm qua, nhơn lúc anh Hai Khá qua thăm, mà cũng đã tặng thêm một chai nước mắm hòn nữa, má quên rồi sao?

Bà Bang biện lấy hai chai rượu chát hiệu Con Dơi và một gói kẹo hột điều, sắp vô chiếc giỏ rồi kêu thằng Sĩa:

— Mày đem mấy thứ này qua Đạo Ngạn tặng bà Hội đồng. Luôn tiện mời cậu Hai Khá sáng mồng hai qua đây cụng ly với dượng Ba mày, nghe hôn?

Cô Út Tổ Hiền không ngủ trưa, cô o bế nôi cháo lòng cho thiệt ngọt. Món dồi sả do cô Ba Tổ Thuận làm thì ngon khỏi chê.

Con Lành vào vườn hái lá ổi, lá bưởi, lá ngũ trảo, lá sả, lá mướp cầu, lá bình bát để nấu nước cho ba cô Tổ tắm rửa. Nó cũng không quên nấu nước bồ kết và hái chanh giấy để cả ba gội đầu.

Trong lúc ba mẹ con loay hoay nấu nước, bà Bang biện hỏi cô Ba Tố Thuận:

— Nè Ba, có phải thằng chồng con có mèo thiết hay là con ghen bóng ghen gió mà la hoảng vậy?

Cô Ba Tố Thuận cười đắc thắng:

— Nó có mèo thiết đó má. Đó là con Tư Thu Cúc, gái điểm trôi từ chợ Thủ Thiêm xuống ga Tân Hiệp rồi trôi đến Bến Tranh. Con đó coi cũng sạch sẽ, trắng trẻo. Nhưng mà gặp ai khác nó mới hồng cướp được chồng người, nhè gặp tay con thì nó có khác nào sa vào nơi hang cọp đầm rỗng!

Vào lễ cúng rước ông bà chiều hôm đó, thầy giáo Lân mặc áo dài, đầu bịt khăn đóng, thấp nhang rót rượu khắp các bàn thờ khấn ông bà. Món cháo lòng ăn kèm với bún, giá sống điểm lát phát rau húng xắt nhuyễn là món chánh. Ngoài ra còn món đầu heo luộc xắt mỏng còn dư từ bữa ăn trưa, món nem, bì gói cũng được dọn ra. Bà Bang biện cho phép tôi trai tớ gái ăn chung với gia đình chủ nhà. Ba người tớ trai được dịp cụng ly với thầy giáo Lân.

*
* *

Tối ba mươi đen như tô dầu hắc. Nhà nhà cửa ngõ đóng chặt. Ngoài sân, tiếng khảnh trên cây rung leng keng theo từng cơn gió.

Cô Ba Tố Thuận dặn chồng:

— Mình cứ đọc báo rồi ngủ trước. Em thức luôn để đón giao thừa.

Trong lúc bà Bang biện coi việc nhang đèn và cúng nước trên khắp các bàn thờ, thì cô Ba Tố Thuận và cô Út Tố Hiền xúm lại nói chuyện khào với cô Hai Tố Trinh tại buồng đề. Dù chưa được khô ráo, cô Hai vẫn tắm rửa gội đầu để xả xui mọi việc trong năm qua. Khi lau khô mình mẩy, cô xúc dầu chối khắp sống lưng, khắp các khớp xương. Cô cũng không quên xúc dầu cù-là ở mông tang, chót mũi, sau ót và ở mi tâm.

Cô Ba Tố Thuận xúi chị:

— Chị cứ đổ hồ hai thằng cốt đột này còn non yếu để được ở lâu bên

chiều cuối năm phương người

Những cánh bèo xanh về bên nhánh sông xưa
Màu hoa tím vương qua trời hoàng hôn,
chiều cuối năm, tĩnh mịch.

Tiếng huýt gió đã ra đi.

Theo từng chặng đời điều đứng.

Gió ngọt từng cơn chấn lối mơ về,
xa xăm, vời vợi.

Nắng nhạt từng sớm mai

gợi tiếng guốc ai, sớm đầu năm
vui đường quận vắng

Mưa xuống từng hoàng hôn, mà ở đây
bếp núc vẫn buồn như trời cuối đông.

Nén từng tiếng thở dài trong ký ức.

Ừ, chiều cuối năm phương người,
vội vã bóng ngày qua.

Chiều cuối năm phương người, chạnh nhớ
nụ mai vàng sau hè vụt nở.

Nhớ tiếng còi tàu thổi thúc cuối sân ga,

đưa về cố hương những cuộc đời lữ thứ,

Rồi cười chào nhau bên hàng trúc xanh mơ,

Bên chuyện kể của từng tháng ngày xuôi ngược.

Bên mắt nhìn e ấp.

Rồi đời vụt thơm những trăm hương, lựa là
đơn thuần, hiểu hạnh.

Rồi tiếng huýt gió đã ra đi.

Nơi phương người, đêm giao thừa
quỳ khóc nhớ song thân.

Nghe đời vắng những hương trăm, lửa củi.

Vắng lựa là bay mới phố xưa.

Vắng mộng đoàn viên.

Vắng những lo âu trong tháng chạp,

Rạng rỡ ngoài tháng giêng, hai.

Rồi mơ đời bỗng thấp thoáng bóng bèo xanh
bên nhánh sông ngày cũ,

của một buổi chiều cuối năm trong ký ức.

Mơ phiên chợ bên chân cầu,

Trong gió xuân có khăn đóng, áo dài lai vãng.

Có ai cười sau vành nón quai thao,

then thùng, e ấp.

Có khói trắng bay qua chiều hoa nở,
cuối đèo xa.

Rồi tiếng huýt gió đã ra đi,

Để có những ngày xuân trong hồi tưởng.

phan thịnh

này. Phải chờ tía má chồng chị com
ghe bè bạn qua thăm vài lần rồi
hẵng về.

Cô Hai Tố Trinh nhìn lom lom

con em thủ đoạn, quyền biến của
mình. Đẹp! Con này đẹp theo cách
của nó. Má miếng bầu thì khó mà
đẹp, nhưng là khó với ai kia chớ đối



với con này thì lại là cái duyên độc đáo vì cặp má hoà hợp với cặp môi trái tim của nó biết mấy! Cô Hai e dè bảo em:

— Nè Ba, mày chỉ vẽ cho tao cách ăn mặc tân thời với nào. Tao thích mặc áo dài bó eo bọ ngực hê.

Cô Ba Tổ Thuận hỏi gặng:

— Chị dám làm như em không? Coi bộ khó cho chị lắm đa!

Cô Hai Tổ Trinh bảo:

— Tao sẽ làm như mày. Hễ ở nhà thì tao ăn mặc như cũ, tức là theo gái quê. Khi đi viếng những chỗ quyền quý thủ cựu thì tao ăn mặc nửa cổ nửa kim. Còn có dịp đi chợ Mỹ Tho hay đi coi hát cải lương ở rạp thầy Năm Tú thì tao ăn mặc theo gái tân thời ở Sài gòn.

Cô Út Tổ Hiền ngửa miệng xen vào:

— Em nhứt định sẽ tĩa lông mày, chải đầu phùng và bới đầu lèo bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu.

Cô Ba Tổ Thuận hạ thấp giọng:

— Mấy “bà” chưa biết thủ đoạn của con này đâu. Muốn hất văng con Tư Thu Cúc, nó phải dùng đủ thủ thuật để thắng chồng nó vừa mê vừa ghen. Nó phải tự hoán cải thành mẫu người mới qua cách ăn diện để nịch ái thằng chồng ưa mới nới cũ, tham thanh chuộng lạ của nó.

Đợi lúc cô Út xuống bếp coi qua siêu thuốc ôn bổ cho cô Hai Tổ Trinh, cô Ba kể mỏ vào tai chị, nhỏ giọng:

— Đờn ông thời buổi này dịch vật lắm ghen chị. Muốn hợp hôn chồng mình phải đóng hai vai trò: khi bước xuống giường mình phải là người vợ, còn khi leo lên giường thì mình phải đóng vai con điếm thập thành chịu chơi hết mình. Em nói ít chị phải hiểu nhiều.

Cô Hai mặc cỡ đỏ mặt:

— Chị nói em nghe, không phải chị không biết điều đó. Chị còn làm nhiều chuyện kinh thiên động địa để mê hoặc anh Hai em. Ngặt ảnh thấy chị để con gái hoài nên ảnh nột, trong khi đó chú Ba Tung cậy có con trai nên cứ dòm hành phần đất và ngôi nhà hương hỏa luôn.

Nay chị đã để hai thằng cốt nột này thì ảnh yên bụng lắm rồi. Từ đây ảnh chỉ có việc mê lú và cung chiêu chị mà thôi.

Tới phiên cô Ba đỏ mặt. Cô hỏi:

— Chị làm cách nào vậy? Ai dè chị mà cũng trở quỉ trở yêu, nghĩ nhiều kẻ độc.

Cô Hai Tổ Trinh năn nỉ:

— Nói nhỏ nhỏ chớ em! Con Út sắp vô đây bây giờ. Nó mà biết được hai con chị chồn chín đuôi của nó trao đổi tiếng ngọc lời vàng chắc

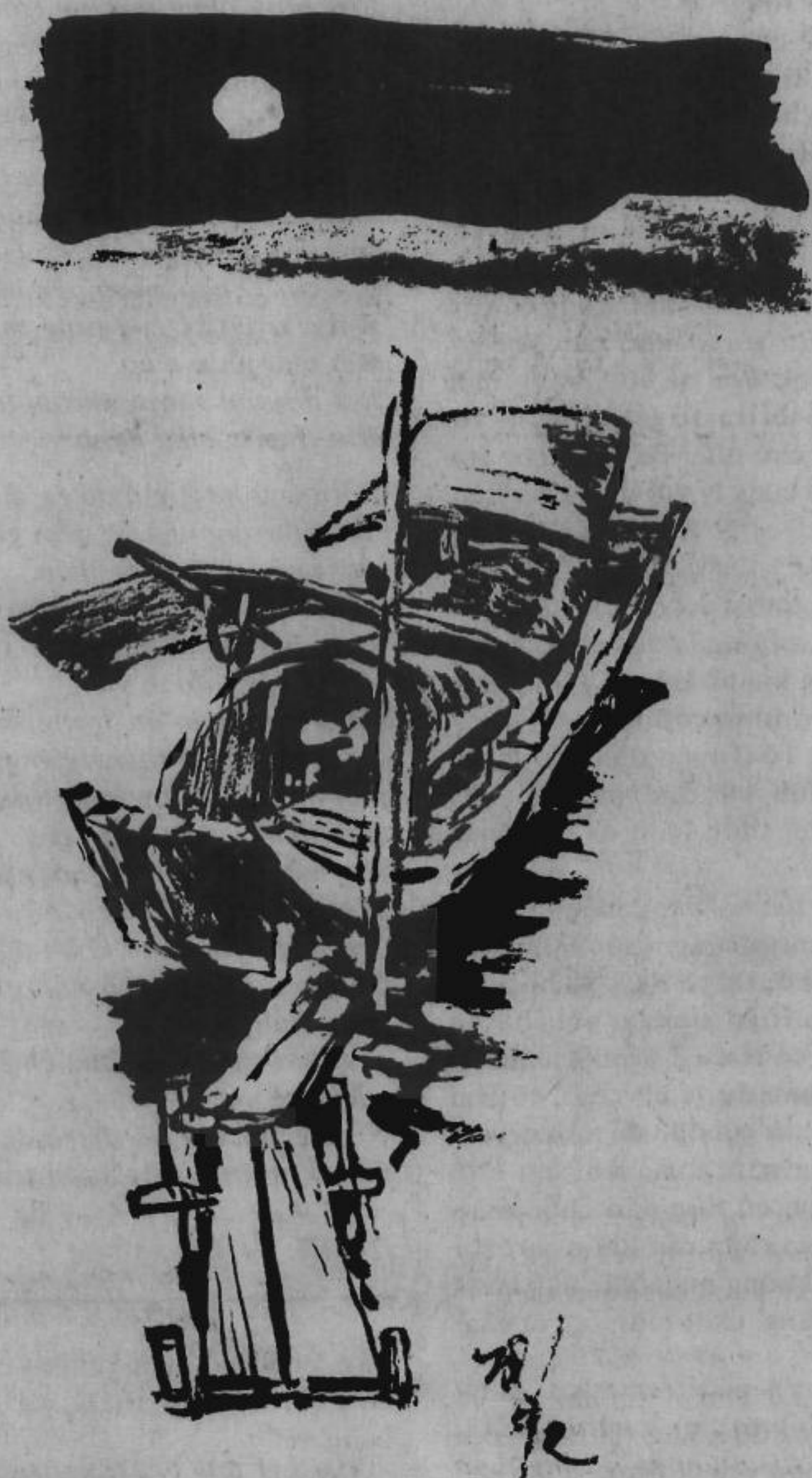
nó chịu không nổi đâu! Phải đợi cái đêm nó sắp bước lên xe bông đông về Bến Chùa thì chị em mình cùng động tâm hiệp sức giáo huấn nó.

Cô Ba Tổ Thuận hỏi:

— Hồi chị sắp về nhà chồng, ai dạy chị cái... chuyện kinh thiên động địa đó?

Cô Hai chúm chím cười:

— Thì mợ Hương quản chớ ai! Má và dì Hội đồng nghĩ rằng mình là phận đàn bà vá, phải lo thờ phụng vong linh chồng, không nên





Ai Đem Con Sáo...

Ngô Nguyên Dũng

Năm nay Cường cùng ba má, chị Duyên và em Tào về ăn Tết tại nhà ông bà ngoại ở miệt ngoài tỉnh Vĩnh Long. Cường hưởng ứng chuyện về quê ăn Tết này thật miễn cưỡng. Cả chị Duyên cũng vậy. Chỉ có thằng Tào là thích thú. Trong ba chị em, Tào là đứa được ông bà ngoại cưng nhiều nhất.

Ba nghĩ làm từ hăm tám tháng chạp. Má đã sửa soạn hành lý và quà cáp từ hôm đưa ông Táo. Cường cũng đã từ giã đám bạn thân cùng lớp, thông báo dời buổi họp mặt ăn uống và lặc bầu cua vào mồng hai Tết năm sau.

Trong chuyến xe đò từ Sài Gòn về Vĩnh Long, Cường ngồi cạnh cửa sổ mở, mặt mày ủ ê. Thằng Tào ngồi úm trong lòng ba, lảng xảng hỏi này hỏi nọ không ngớt. Chị

Duyên đang tuổi mới lớn, đã biết làm điệu, tay cầm chiếc khăn mù-xoa trắng thêu bông, lâu lâu đưa lên chấm trán và hai bên sống mũi. Nét nặt má thanh thoi, hồng hào, ánh mắt rạng vui long lanh. Cường sức nhớ tới giọng thương hại của chị bép: “Chắc, tội nghiệp mợ chủ, mỗi năm sắp tới Tết là mợ lại nhớ quê nhớ đất, mặt dầu dầu cả buổi!” Thì ra vậy! Cường nhủ thầm, vì má “nhớ quê nhớ đất” nên năm nay ba dắt díu bầu đoàn thê tử về nhà ngoại ăn Tết. Cường bực bội nghĩ bụng, ba dẫn má về quê cho má đỡ nhớ, không cần biết là mấy ngày Tết mình cũng nhớ quê nhớ đất nhớ bạn Sài Gòn muốn chết hay sao? Nhưng nghĩ tới món tiền lì xì của ba má và ông ngoại vào sáng mồng một, Cường cảm thấy đỡ tủi

phần nào.

Xe vừa rời thành phố, rù rì lẩn bánh giữa hai thửa ruộng trống sau mùa gặt cuối năm. Thằng Tào lúi lúi đọc mấy hàng chữ quảng cáo trên bảng dựng ven đường:

— Pin hiệu Con Ó... Thuốc dưỡng thai Nhành Mai... Nồi cơm điện National... Tam tinh hải cầu bổ thận hoàn... Ba, ba...

Thằng Tào ngẩng mặt, nín áo ba, hỏi lớn:

— Tam tinh hải cầu... là cái gì vậy ba?

Có vài tiếng cười rúc rích. Chị Duyên quay sang ngó thằng Tào, mắt nhíp lại, rồi giơ khăn lên chấm trán và hai gò má, dù không thấy giọt mồ hôi nào. Ba cúi đầu đáp nhỏ:

— Là một loại thuốc bổ con ạ!

Thằng Tào vẫn chưa hài lòng:

— Mà tại sao có “hải cầu” trong đó?

Ba ngần ngừ:

— Ừ... thì... người ta đặt tên như vậy chớ sao, giống như họ chọn hiệu cho cục pin là Con Ó, cho hộp sữa là Con Chim, hiểu không?

Thằng Tào ngúc ngắc cái đầu tóc cắt ngắn ngắn rồi gật nhẹ. Nếu không có tiếng cười của người lạ và cái liếc xéo của chị Duyên, chắc hẳn nó đã gật đầu hăng hái hơn nhiều. Thật ra, Cường cũng không hiểu loại thuốc có cái tên dài dòng kỳ lạ ấy chữa bệnh gì, nhưng biết để

làm chi, khi trí óc Cường vẫn còn hậm hực về chuyến đi xa cuối năm bất đắc dĩ này. Cường lơ đãng ngó những tấm bảng quảng cáo. Có tấm bị gió thổi nghiêng một bên. Có tấm lủng lỗ lổm đổm như bị đạn bắn. Mấy hôm trước, trong bữa cơm, Cường nghe má hỏi ba: "Mình có điện thoại xuống sở làm của dì Hai hỏi thăm tình hình dưới đó độ rày ra sao không?" Ba đáp: "Có. Dĩ nhiên yên lắm. Lâu lâu mới nghe tin họ đắp mô chỗ này, đánh phá đồn bót chỗ kia, toàn ở xa. Ồi, lo làm gì, thế nào mấy ông cũng để yên cho dân chúng vui chơi ba ngày Tết mà". Cường vừa nhẩn nha ngẫm nghĩ vừa móc túi áo lấy chiếc xe hơi tí hon đẩy chạy trên thành cửa sổ, đoạn cho bay vào xuống hai đùi, rồi phóng qua cánh tay chị Duyên đuổi dài trên thành ghế. Chị gắt:

— Cái thằng này!

Cường cười toét:

— Tay chị đẹp như chiếc ngà voi!

Người con gái nghiêng mặt nhìn Cường, ánh mắt sững sốt giây lát, nửa như lạ lùng nửa như vui sướng.

— Đẹp gì mà như chiếc ngà voi, mày nói nghe ngộ!

Chị Duyên vừa nói vừa tùm tùm cười, bàn tay trái vuốt lên tay áo lụa trắng. Nắng sớm đập lên đây tấm chăn ấm, thỉnh thoảng bị đốm bởi hàng cây cao ngọn ven đường. Cường nhìn mông ra màu xanh bên ngoài, lăm nhăm trong đầu một bài hát quen. Tự dưng Cường có linh cảm, cái Tết này sẽ đánh dấu đậm nét trong khoảng đời son trẻ mình. Cái gì, ra sao, Cường không rõ.

Khi chiếc xe đồ rề rã lăn bánh qua cầu sắt bắc ngang dòng nước chao gợn bấp bênh mấy giề lục bình, Cường chợt thấy nôn nao khó tả. Không lẽ chỉ vì màu tím bông lục bình nhấp nhô trên sông? Không lẽ chỉ vì bầu sáo đồng xơ xác đậu thành hàng chờ đợi trên cột dây thép nghiêng vẹo? Hay chỉ vì cảnh ng bé trạc tuổi Cường, quần áo rách rưới, đầu đội nón lá tưa vành, tay cầm vài ngọn bông lau, đứng bên lề đường, gương mặt

vấy đất mốc ngời ngược lên ngó theo chuyến xe đồ cười hồn nhiên; sau lưng là đàn vịt lạp cạp ồn ào thiếu kiên nhẫn? Có khi nào Cường lại để ý thắc mắc tới một con kinh hẹp, những bao cát phòng vệ nhú xanh cỏ, một vệt nắng rơi lạc trên cánh tay xuân thì tròn lẳn của chị Duyên?

Cường ngả đầu vào vai chị Duyên, xin:

— Chị cho em tựa đầu một chút.

Chị Duyên khẽ dãi bắt ngờ:

— Mệt rồi hả?

Má nghe được, móc bóp lấy chai dầu gió, đưa sang:

— Con xúc dầu vô thái dương em. Đi xe không quen, bị dẫn xóc đó mà!

Thằng Tào từ hàng ghế bên kia chồm qua ngó Cường, cười bày hàm răng sún. Cường xịt đuổi:

— Ngó cái gì?

— Ngó anh chớ ngó cái gì. Ba, ba mua cho anh Cường chai thuốc tam tinh hải cầu bộ thận hoàn đi ba!

Nhiều tiếng cười cất lên. Chị Duyên đưa khăn lên, lần này để che nụ cười ý nhị. Chỉ mình Cường không những không cười, còn lăm bầm:

— Tết năm nay nhất định không vui.

*
* *

Cảm giác đầu tiên khi ông ngoại nắm tay Cường kéo lên cầu ván, pha trộn giữa lãnh đạm và buồn chán. Trên bờ, một đám con nít đứng lố nhố. Vài con chó vênh tai lóng ngóng, sủa vu vơ.

Nhà ngoại gồm hai gian lợp ngói. Một gian vách ván, sàn lót gạch tàu, là chỗ tiếp khách, ăn uống thường ngày. Gian kia, tường sơn vôi trắng, sàn lót gạch bông, là nơi cúng Phật và đãi đằng những khi giỗ quây. Sân trước nhà ngoại có trồng hai cội mai chiều thủy trở nụ trắng cành. Những giỏ bông vạn thọ, mồng gà, thực được và cúc đại đoá bày có đôi dọc theo hàng ba. Hai giò phong lan trở bông tím treo lủng lẳng trên xà ngang. Ba dùm lại trầm trồ khen nước men

cặp voi sứ đặt hai bên cửa lớn. Trên cột nhà dán câu đối chữ nho tô kim nhũ trên giấy đỏ. Thấu sơn mài cẩn xà cừ đựng mứt, thèo lèo và đĩa bàn chưng trái cây giữa bàn tròn. Nơi góc nhà, một cành mai chi chít nụ cắm trong độc bình xưa, cao xấp xỉ thẳng Tào. Ba tới gần, sờ mó, kê mặt nhìn kỹ lớp men màu ngọc thạch trong vát, gật gù trao đổi với ông ngoại đôi ba điều.

Bà ngoại tới cạnh Cường và thằng Tào, xoa đầu hai đứa, cười trệu trạo:

— Mấy cháu coi lớn trọng rồi đa.

Thằng Tào ngưỡng mặt, bi bô:

— Vài năm nữa con sẽ cao hơn

anh Cường cho ngoại coi.

Ngoại quay qua Cường, hỏi:

— Cháu mấy tuổi rồi?

— Dạ, chín tuổi.

Thằng Tào vênh váo xen vô:

— Còn con lên bảy.

— Học lớp mấy?

Cường đáp:

— Dạ, lớp nhì.

Thằng Tào lại léo nhéo:

— Còn con học lớp tư trường tiểu học Tân Định.

Ngoại cười móm xòm:

— Hai đứa học giỏi quá he.

Thằng Tào giật giật chéo áo ngoại:

— Anh Cường không có giỏi đâu, ngoại. Ảnh hư lắm, lớn đầu mà còn đái dầm.

Cường đỏ mặt sượng trân. Mấy người lớn đứng gần đó cười hề hề. Dì Hai bày:

— Bắt nhện nhện đem nướng, tán nhỏ rồi hòa với nước cho nó uống, là hết đái dầm.

Ông ngoại rầy:

— Nói tầm bậy. Nó đái dầm vì phát triển chậm.

Thằng Tào vênh mặt:

— Còn con thôi đái dầm từ hồi lên sáu vì con phát triển mau.

Chị Duyên đi ngang, nhéo tai thằng nhỏ một cái, mắng:

— Già hàm vừa vừa thôi!

Thằng Tào kêu eo éo như mèo, nhưng không dám gào to, sợ chị Duyên giở trò khác. Bây giờ không còn ai để ý tới ba chị em Cường vì

má đang mở xắc, bày quà cáp ra bàn. Có cá hộp, bánh mì, sữa đặc có đường, hồng khô, lapis xướng, trà, cà-phê, si-rô bạc hà, vải may quần áo Tết và vài cuốn lịch tháng. Tiếng cười, lời cảm ơn đơn đả, tiếng chắc lưỡi hít hà vang rền. Cường rón rén rời đám đông, bước qua ngạch cửa ra nhà sau. Giữa nhà dưới và căn bếp là một khoảng sân hẹp, nối nhau bằng lối đi lót gạch tàu. Nắng chiều chia đôi khung cửa bếp mở hoác hai phần tối sáng. Trong phần tối, dáng một người đàn ông đang ngồi trầm ngâm. Mũi giày xăng-đan Cường va khẽ vào chân cửa. Chiếc đầu tua tua nhiều sợi bạc ngược lên. Cường giơ tay che miệng ngăn tiếng kêu thảng thốt. Gương mặt người đàn ông ồm xanh quái dị. Trùng mắt tối ám. Đôi gò má nhô. Cặp môi khô trắng. Râu hàm mọc lún phún. Cắn cổ tong teo, yết hầu nhô ra sắc lẹm. Cường chưa gặp người đàn ông này lần nào. Cường còn đang lúng túng, không biết phản ứng ra sao thì cánh tay ẩn trong bóng tối của người đàn ông rung động, chập sau giờ lên cao một chiếc lồng tre, kèm theo nụ cười hiền hậu nở trên môi héo. Cường nheo mắt ngó. Người đàn ông di chuyển chiếc lồng sang phía vũng nắng chiều tàn tạ. Một con sáo, Cường kêu thầm. Không phải thứ sáo đồng lông xác xơ đậu trên hàng dây thép dọc đường buổi sáng, mà là một con sáo có bộ lông đen mượt, óng như nhung. Bất nằng, con chim như chạm điện, nhún nhảy lao xao, kêu vài tiếng tươi tắn. Cường định nhón chân bước sang thì cánh tay ai đã túm lấy vai, kéo lại. Tiếng dì Hai xua đuổi:

— Chiều rồi, về đi!

Người đàn ông co rúm, tay cầm lồng tre, lăm lăm men theo hông nhà bếp, thoát cái đã mắt hút vào vườn vú sữa mênh mông bóng chiều.

Cường ngẩng mặt ngó nét mặt đăm đăm của dì Hai, giọng đầy thắc mắc:

— Ai vậy dì?

— Ồi, cậu Một đó mà! Thôi, đi vô buồng lấy quần áo theo dì ra bên

xuân hoài cảm

Dăm sắc mai, đào rộn ý xuân,
Một trời hồng, cúc ngát hương lân.
Ai qua ngõ trúc, chân dồn bước?
Năm cũ dần vơi, Tết tới gần.

Thắp nén hương lòng, gọi Tết xưa
Tha hương chiều lạnh, tàn năm chưa?
Mà nghe khắc khoải trong lòng nhớ,
Ngon gió tàn đông, chớm trở mùa.

Đêm ba mươi Tết, chong đèn thức,
Xứ lạ ngồi trông hoa tuyết bay,
Đón một giao thừa trong ký ức,
Chập chờn pháo nổ, khói hương bay..

Cái Tết xa vời như bóng mây,
Tưởng còn lẫn quất ở đâu đây,
Cây nêu ngung nguẩy vờn trong gió
Lá liễu vàng son, phúc lộc đầy.

Đây những ngày xuân hội lễ chùa,
Khánh đồng trong gió tưởng còn khua,
Tiếng ai thấp thoáng đêm trừ tịch,
Câu chúc đầu năm ước bực mưa.

Đâu những đường xuân rộn trống lân,
Pháo tung trời nổ, rượu nghênh tân.
Mừng vui áo mới, khoe duyên thắm,
Cô gái xuân xưa má ửng hồng.

Cuối bán cầu xa nghẹn lối về,
Chiều nay thương nhớ gửi về quê...
Đong sao cho hết cơn sầu xứ?
Chở hết bằng chi? Dạ tái tê.

Những năm những tháng chảy qua cầu,
Góc biển chân trời, hỏi Tết đâu?
"Nhật mộ hương quan hà xứ thị,
Yên ba giang thượng sử nhân sầu"*

nguyễn huy phước

* thơ Thôi Hiệu.

nước tắm rửa rồi ăn cơm.

Suốt bữa cơm tối dưới ngọn đèn măng-xông, đầu óc Cường cứ chộn rộn với cuộc gặp gỡ kỳ lạ ban chiều. Có một điều gì đó bất nhất, không ăn khớp giữa thần sắc bệnh hoạn của người đàn ông và dáng điệu xôn xao yêu đời của con sáo nhỏ. Nét tương phản đậm sắc như hai

phần tối sáng. Diện mạo người đàn ông khiến Cường e ngại, cùng lúc là lực mê hoặc của con chim đẹp. Cường thấy hai sự kiện ấy không dính dáng gì tới nhau, nhưng cũng không thể tách rời mà một trong hai không khỏi đau đớn.

Đang bàn chuyện về bà con thân quyến, dì Hai đột ngột đổi đề tài:



— Hồi chiều thằng Cường ra sau bếp gặp cậu Một đó tía.

Ông ngoại ngưng đĩa, ngó Cường, ánh mắt bùng lên một khắc rồi dịu xuống:

— Cậu Một nói gì với cháu?

Cường buông chén đĩa, hai tay vãn về dưới gối, lắc đầu. Mọi cặp mắt đều dồn về phía Cường. Cả hai con mắt thao láo đáng ghét của thằng Tào. Ông ngoại chậm rãi cất lời:

— Cậu Một bị bệnh dễ lây, cháu không được phép tới gần, hiểu không?

Cường gật đầu:

— Dạ, hiểu.

Má nói như trách:

— Cậu mắc bệnh ngặt như vậy, sao ba cứ để cậu lảng vảng ra vô nhà mình hoài.

Bà ngoại chép miệng:

— Hoàn cảnh cậu cũng tội nghiệp chớ con! Không vợ không con, không bà con thân thích. Ngày xưa, thời cậu còn khoẻ, là tá điền đắc lực cho nhà mình. Tới ngày giỗ chạp, Tết nhứt là cậu xăng xái tới lui phụ họ. Sau này sức khoẻ suy sút nhưng đúng mấy dịp đó cậu lại mò tới, dẫu không ai nhờ. Con Hai cũng ác, thấy cậu là đuổi như đuổi tà.

Dì Hai liếc, mắt sắc như dao:

— Hừ, ngó cái điệu bộ ho lao ho tổn mà phát ớn. Ghê thấy mồ!

Bà ngoại đập tay nhẹ nhẹ lên bàn:

— Nè nè... nói năng nhớ giữ gìn ý tứ nghe con, coi chừng mắc khẩu nghiệp. Không biết hồi xưa đưa nào ngày đêm nỉ non...

Ông ngoại ngắt lời:

— Thôi, chuyện xưa tích cũ, bà nhắc làm gì!

Má cũng xen vô:

— Năm cùng tháng tận, chỉ nên nhắc chuyện vui để cầu phước lành năm mới má à.

Bà ngoại vẫn vùng vằng:

— Má đâu có muốn vậy, tại nó làm bộ làm tịch, má nói cho nó biết đó thôi.

Dì Hai không nói, lẳng lặng gấp thức ăn, cúi đầu và cơm. Không khí trở nên nặng nề. Dưới mặt bàn,

thằng Tào đá nhẹ vô chân Cường, thăm thò:

— Tại anh hết đó!

Cường gật khể:

— Tại sao?

Thằng Tào ra giọng người lớn:

— Khi không đi ra nhà bếp làm chi, gặp cậu Một cho sinh chuyện.

Cường bực bội nhéo vào đùi non thằng Tào một cái. Thằng nhỏ la "oái", phun cơm tùm lum ra bàn. Ba hét lên một tiếng:

— Đồ chết bầm!

Rồi đứng dậy, xáng cho Cường và thằng Tào, mỗi đứa một bạt tai. Má lăm lăm trách ba:

— Trời đánh tránh bữa ăn.

Thằng Tào bù lu bù loa, nép vô lòng má. Cường gục mạnh, cắn mạnh môi nên đau. Chị Duyên xô ghế, đẩy vai hai đứa, ra lệnh:

— Thôi, tụi bây đi rửa miệng, lau mặt rồi đi ngủ, mau lên!

Cường và thằng Tào ngủ chung với ba trên bộ ván gỗ kê trong buồng ngủ ông ngoại. Thằng Tào lăn vô một góc. Cường lủi sang góc còn lại, ôm chặt cái gối bọc sa-teng mát lạnh, miên man nghĩ tới cảnh tượng buổi chiều. Điều bộ lẳng xăng của con sáo ngó hết như con chim đồ chơi chạy bằng pin trong lồng thiếc. Nét mặt của cậu Một trắng bệch thiếu nảo như chiếc mặt nạ hề trong gánh xiếc. Cái vui này cộng với cái vui kia thành một niềm vui lớn trong lòng Cường, là điều mà sáng nay Cường một mực hoài nghi.

*
* *

Dì Hai lấy kim gút tỉ mỉ chằm vào

nghe "ly rượu..."

sợi dây đàn cũ dường căng lại
từ đáy hồn sâu mới vẳng lên
từng nốt nhạc rung xao xuyến dậy
trên phím thời gian phủ bụi quên

mùa xuân môi má hồng men rượu
giọng ai rạo rực khúc nâng ly
lời hát lượn chao trên cánh gió
đùa vui cùng đôi én bay về

mùa xuân áo mỏng như tơ nắng
nhà ai hoa hé nụ bên hiên
rủ con bướm nhỏ làm đôi bạn
tô lên đời thêm lớp son duyên.

mùa xuân rộn rã tim nồng thắm
ai chúc trần gian hạnh phúc đầy
trên cành yêu thương xây tổ ấm
đôi uyên ương mãi mãi sum vầy

mùa xuân nhẹ gót mây qua cửa
trong tay ai giữ được vô hình
thời gian ở lại cùng đàn cũ
tơ chùng tắc nghẹn những âm thanh.

nguyên nghĩa



củ gừng đã gọt vỏ, chốc chốc lại giơ lên ngắm nghía. Dì nói, chỉ lựa mua toàn củ non có hình thù đẹp mắt để xên mút, ăn vừa ít cay ít xơ, ngó lại mỹ thuật. Dì Hai làm bánh mút khéo nhất nhà. Mút bí dì làm trong như xương xáo, cắn tới đâu, lịm môi tới đó. Bánh da lợn dì hấp, dẻo mà không dai, béo ngậy nước cốt dừa và dậy mùi lá dứa, đậu xanh. Chỉ có điều, dì làm cái gì cũng tản mẩn, lâu lác. Dì châm gừng nhỏ nhỏ như sợ làm chúng đau. Xong đâu đó, dì kiểm soát lại coi còn sót chỗ nào quên châm, rồi mới thả nhẹ xuống thau nước pha hàn the.

Cường ngồi chồm hổm, gục mặt lên hai bàn tay vắt trên đầu gối, chăm chú theo dõi từng động tác của dì Hai. Không có gì sôi nổi, bắt mắt. Nhưng cái châm chích, sấm soi gần như nâng niu ấy chứa một cá tính chừng mực chịu đựng. Ngắm những củ gừng màu san hô óng ả nằm gọn ghẽ trong thau nước trong vắt, Cường không thể tưởng tượng nổi sẽ có lúc thấy dì Hai ném chúng bừa bãi xuống đĩa bàn, lên khay thiếc hay tệ bạc hơn nữa, xuống những tàu lá chuối trải dưới đất.

Cách phụ bếp của cậu Ba có cái tệ bạc đó. Ngồi coi dì Hai châm gừng đã đời, Cường lê sang chỗ cậu Ba. Cậu có bốn phen sửa soạn thịt cá cho ngoại kho nước dừa. Trên năm ba lá sen lóng lẩy mỡ trái dưới đất, những khúc cá lóc và tảng thịt ba rọi nằm vô trật tự. Cậu Ba tước dây lạt, cột lại từng cục. Cường hỏi, để làm gì. Cậu đáp, cho thịt cá khỏi rã. Đáp xong, cậu nhoèn cười hiền lành, phở hằm rằng bọn nhựa thuốc. Gần bên cậu, lúc nào cũng nửa miếng mùng dừa làm gạt tàn và một bọc giấy dầu đựng thuốc rê cùng giấy quỳn nằm lẩn lóc.

Trên hỏa lò đốt than, một nồi nước lớn đang thả khói chơn vọn. Mợ Ba với cái bụng chứa thán thứ sáu, đang lóng ngóng chờ nhúng nước sôi mấy con gà, con vịt vừa cắt cổ xong để vật lông. Trên ván, má với chị Duyên đang lột vỏ đậu phộng, bạch quả cho nồi gà vịt

tiềm; bà ngoại đang nhẩn nại lật giá để làm dưa chung với củ kiệu. Sở trường của bà là làm dưa chua. Cái gì ngoại cũng có thể bỏ vào lọ pha giấm, rắc muối, hàn the và một vài thứ gia vị khác mà Cường không biết. Trong tủ bếp đã thấy nhóc nhách những thẩu lọ đầy nắp vên khéo, đựng tỏi, hành tím, dưa chuột, củ cải trắng, ngó sen. Có cả một keo lớn đựng tai heo ngâm giấm. Đó là món nhậu hợp khẩu cậu Ba và ông ngoại, còn bà ngoại ăn chay thường hơn ăn mặn.

Bà ngoại cất tiếng băng quơ:

— Nhà này ai nấu ăn làm bánh cũng khá, chỉ có món bánh tét là đứa nào gói cũng dở tệ. Tết nào cũng vậy, xế trưa ba mươi là ông ngoại lại chèo ghe tới nhà bà Tư bánh tét mua về sáu đòn, bốn mận hai ngọt, để cúng ông bà và ăn dặm bữa trong ba ngày Tết.

Rồi bà day sang má, hỏi:

— Con nhớ bà Tư bánh tét chớ?

Má gật đầu:

— Dạ nhớ. Có phải chồng bà bị què chân trái vì đi làm ruộng đập nhằm mình không má?

— Đúng đó. Thiệt coi đáng bà lắm đấy mà nấu nướng giỏi hết sức, món cao lâu cũng biết, món dân giả cũng rành.

Dì Hai góp lời:

— Nghe bà con chòm xóm đồn rằng, hồi xưa bà nấu bếp trong triều vua ngoài Huế. Sau khi vua bị mất ngai, cận thần rã bầy, bà cũng vì chữ trung mà bỏ triều, vô đây làm ăn.

Bà ngoại chép miệng:

— Thời xưa, như vậy mới gọi là tôi trung. Còn bây giờ, không biết ai trung ai phản mà lường.

Cậu Ba cười ồ ồ:

— Phải chờ tới lúc nguy kịch, hết thuốc chữa, mới rõ giả chơn ra sao chớ má!

Mợ Ba ngừng tay vật lông vịt, lên giọng xuống giọng ra điều quan trọng:

— Nghe kể vua chúa đời trước, mỗi lần muốn chọn tể tướng là kêu thầy tướng số vô hỏi. Cái thứ nguy tướng, mặt dơi, mắt lươn, môi

thâm, da mét xanh mét chẳng là không được rồi đa.

Nghe tới đó, Cường sực nghĩ tới nước da xanh tái của cậu Một. Nhưng mắt cậu không tí hí, còn nụ cười tươi tắn như nhen lửa hơi ấm cái tẻ lạnh đơn độc nặng nề. Cường ngó chăm bẳm hai bàn tay vấy máu của cậu Ba đang lan lẹ cột gút mấy khúc cá lóc, mà đầu óc bay nhảy nơi đâu. Má thường nói, thằng Cường mới bầy lớn mà đã hay tư lự viễn vông. Chị Duyên lâu lâu trêu ghẹo, cái đầu thằng Cường lớn bằng cái hột mít mà thích nhét vô cả rừng cây, coi chừng có ngày bể. Cường không hiểu chị Duyên muốn nói gì, ám chỉ điều chi. Nhưng không hiểu sao, thỉnh thoảng Cường lại cảm thấy bất an. Đôi khi giật mình thức giấc nửa khuya, nhắm đêm rằm mùa hạ, ánh trăng xuyên qua cành ổi trồng cạnh cửa sổ, soi lên tường nhà, chiếc mùng trắng những bóng ảnh kỳ dị. Trí tưởng tượng Cường chao động, thấy những chiếc đầu đen kịt lúc lắc, những bàn tay giơ ngón dài ngoằng, khum lại chực vỗ lấy. Màu trắng ngoài ô cửa chấn song mở toác ánh thủy ngân, lung linh đặc sệt. Cường trơ người, muốn hét lên, muốn lăn qua ôm lấy thằng Tạo cho đỡ sợ, nhưng tứ chi bỗng cứng đờ như hóa đá. Cường khiếp đảm nhắm chặt mắt lại, người run lên, rơi vào giấc ngủ mệt...

Ngoài cửa bếp, thằng Tạo từ đâu chạy lại, loi choi giơ tay ngoắc Cường:

— Anh Cường ơi, ra đây coi cái này ngộ lắm.

Cường nhồm đít dụ dụ. Thằng Tạo thúc hối:

— Lẹ lên!

Cường đưa mắt nhìn má. Chị Duyên hỏi hốt:

— Tụi bây đi đâu?

Thằng Tạo cười cầu tài:

— Ra ngoài vườn chơi.

Má dặn dò:

— Hai đứa không được leo trèo, tắm sông, lội ruộng, dang nắng, nghe chưa?

Cường và thằng Tạo “dạ” lớn.

Thằng Tào nắm tay Cường dẫn dọc theo vách nhà, len lét như khỉ trộm trứng. Cường hỏi nhỏ:

— Mày dẫn anh đi đâu?

Thằng Tào đưa ngón tay lên môi, “suyt” khẽ:

— Em dắt anh tới coi cái này, vui lắm.

— Cái gì mà vui?

— Chờ coi!

Bằng qua dải nắng ồm soi bên hông nhà, cả hai nhẹ nhẹ giẫm lên lối đất đầm bóng mát mềm mại. Mỗi bước chân để lại nguyên vẹn dấu dẹt cao su. Tự nhiên Cường nhớ tới chiếc guốc Đa-kao sơn bông thiệt khéo của chị Duyên tuột quai rơi xuống lòng sông khi băng qua cây cầu khỉ. Má rầy, con gái gì mà vô ý vô tứ. Chị Duyên chắc lười tiếc rẻ. Cậu Ba hứa sẽ trở lại lặn xuống tìm cho chị chiếc guốc đánh rơi. Khi chiếc guốc rơi xuống, Cường không thấy, chỉ nghe “tôm” một cái và tiếng chị Duyên kêu “ái”. Tiếng kêu vang lên giữa xế trưa ngời nắng, đầm đầm âm thanh miền quê, nghe ngộ nghĩnh như thể chị vừa bị kiến cắn, gai đâm hay chợt trông thấy một con nhện nhện ngang bò trên tay áo...

Cường vừa tưởng tượng vừa cúi đầu ngó kỹ bước chân mình dè dặt trên lối đi. Một lát, Cường nhận ra màu vách ván xám xịt và mái lá nâu mốc của căn nhà ngoại cất bên đầm nước ăn thông với sông ngoài, chỗ ngoại đậu ghe máy. Cường hiểu ra, hất tay thằng Tào, vùng vằng:

— Tưởng cái gì chớ chỗ này tao thấy rồi. Có gì vui đâu?

Thằng Tào đứng lại, mặt vênh váo:

— Anh thấy cái gì?

Cường chỉ tay về hướng căn nhà:

— Thì hai cái hòm của ông bà ngoại mua để dành đó.

— Ai dẫn anh đi coi hòm?

Cường trợn mắt:

— Chớ coi cái gì?

Thằng Tào lăm lét ngó quanh rồi ghé vô tai Cường rù rì:

— Coi con sáo của cậu Một hát xiếc.

Trái tim Cường đột ngột đập mạnh. Trong trí Cường hiện ra sắc lông óng ả ngời trong luồng nắng tàn tạ chiều qua. Chiếc mỏ vàng sẫm xinh xắn kêu lừ lừ. Cái đuôi ngắn lác lác qua lại. Nhưng rõ nét nhất vẫn là bộ dáng vui tươi sống động dù bị nhốt trong lồng tre tù túng.

Thằng Tào thấy Cường ngần ngừ, vội vàng níu tay anh kéo tới. Cỏ nát nhàu dưới những bước chân hối hả. Căn nhà lốt vách ba bề, nằm cạnh cây mít già xòa bóng mát lê thê. Cả hai vừa dừng chân bên ngạch cửa, Cường đã nhận ra dáng ngồi cú rữ quen thuộc của cậu Một, lồng chim sáo đặt dưới chân. Tất cả đều chìm vào màu chơn vụn ảm ướt lấp kín ngôi nhà hoang phế. Sau lưng cậu, hai cổ quan tài phủ vải nâu ảm bụi kê trên bốn cặp chân ngựa gỗ.

Cậu Một ngó anh em Cường,

mỉm cười. Thằng Tào nắm tay Cường, đẩy ngồi xuống ngạch cửa, cách người đàn ông một khoảng rộng. Thằng Tào lên tiếng trước:

— Cậu biểu con sáo biểu diễn cho anh Tường coi đi!

Cậu Một lắng lắng nhắc lồng tre lên, tháo cửa, miệng huýt gió se se. Con chim lóc cóc nhảy ra đứng trên mu bàn tay cậu Một, đầu dúc dắc. Đặt chiếc lồng xuống đất, cậu Một lấy tay vuốt ve sống lưng con chim nhỏ, miệng dậm thêm vài tiếng “vú, vú”. Con chim ngúc ngắc đầu hân hoan, tỏ vẻ hiểu ý. Bất ngờ, cậu Một trở bàn tay. Con chim lanh lẹ xoè cánh tung lên rồi đậu xuống ngay giữa lòng tay cậu Một ngửa rộng. Mỗi lần nhảy, chim kêu “choét” một tiếng như muốn gọi sự chú ý. Cường và thằng Tào không còn giữ ý tứ gì nữa, ré lên cười thích thú. Thằng Tào còn vỗ tay “lộp bộp” tán thưởng.

Một lát, chán trò “trở bàn tay”, thằng Tào đề nghị:

— Cậu kêu nó diễn trò “làm quen” đi!

Cậu Một không nói, chum môi thổi “vú vú”, tay kia vỗ lạch chạch trên vai. Con sáo nhảy nhót dáo dác rồi bay đậu trên vai cậu, ngoác mỏ bập bẹ: “Ai đó?”

Thằng Tào gập người cười ngặt nghẽo. Cường há hốc miệng, xoe mắt nhìn thần phục. Chợt cậu Một thấp giọng bảo:

— Thằng lớn đập tay lên vai đi!

Cường ngơ ngác ngó em, không hiểu cậu Một ám chỉ ai. Thằng Tào hích tay anh:

— Cậu biểu anh đó!

Cường ngượng nghịu vỗ nhẹ lên vai mình. Cậu Một ra lệnh:

— Mạnh nữa!

Cường đập mạnh. Theo tiếng “vú, vú” của cậu Một, con sáo quạt cánh bay qua đậu lên vai Cường, lấp đáp: “Ai đó?” Thằng Tào bắt chước, vỗ vai lẹp bẹp gọi chim sang.

Sau hồi lâu nô giỡn, cậu Một ngó ý cho chim nghỉ mệt. Thằng Tào quệt mồ hôi trán, thở khi một cái:

— Vui quá!

tháng giêng dresden...

Cùng em thở nhịp Thái Xuân
Tháng giêng trắng đã trong ngần thế ư?
Lạ lòng vì mới mười tư
mà trăng đã sớm tròn như trăng rằm
Ngày tôi mê mắt lá dăm
Đuôi sam em đã ướt đầm sen chưa?
Tháng giêng Dres... trời không mưa
Tôi như chưa vợ, em như chưa chồng?

thế dững



Cậu Một hỏi bằng quơ:

— Ở Sài gòn có vui như vậy không?

Cường đáp loanh quanh:

— Cũng vui, nhưng không có chim sáo.

Thằng Tào tò mò:

— Cậu mua con chim ở đâu vậy?

Người đàn ông cười mỉm:

— Ai mua đâu nà! Tự nhiên nó sa xuống bắt ta nuôi đó chớ. Bữa đó gió lớn lắm, nước dâng ngập ruộng. Chắc vì vậy mà nó lạc hướng, bay vô nhà, xù lông đậu trên bàn. Ta vãi cơm ra bàn, nó mổ lia, thấy thương quá. Rồi nó ở miết cạnh ta.

Thằng Tào hỏi tới:

— Cậu đặt nó tên gì?

Cậu Một ngó mặt:

— Có ai đặt tên cho chim bao giờ! Nhưng hễ ta kêu “váu, váu”, hút gió hay chặc lưỡi “trắc, trắc” là nó hiểu không sai một chữ.

Vừa lúc ấy, vẳng lại từ xa tiếng gọi tên Cường và Tào. Tiếng kêu thoát đầu rời rạc, càng lúc càng dồn dập. Cường và thằng Tào uể oải đứng dậy, phải dứt quần, chào người đàn ông rồi ba chân bốn cẳng chạy về nhà. Cường nghe loáng thoáng giọng cậu Một với theo:

— Mời rảnh, hai đứa ra đây chơi nữa nghe!

*

* *

Trọn ngày ba mươi, Cường và thằng Tào lẻo đẻo theo ông ngoại, coi ông đánh bóng bộ lư đồng, rửa ráy mấy con voi sành và đồ xua chung trong tủ kiếng. Rồi ba phụ ông ngoại tĩa lại mấy giỏ bông sắp ngoài hàng ba. Bà ngoại thấy vậy, nhắc ông ngoại đừng quên cắt bông cúng Phật.

Bàn thờ Phật xây trang trọng ngay giữa nhà trên. Căn nhà ít khi được sử dụng, ngày thường khép cửa kín mít. Lần đầu theo ông ngoại vô đó, Cường tự dưng ngần ngại. Bản tính nhút nhát, ít khi biểu lộ cảm xúc, nên Cường cảm thấy hụt hẫng, xa cách ngay đi khi đối diện với bầu không khí trang nghiêm. Trầm hương xông ngậy

mũi Cường. Ông ngoại khoan thai tới mở bung hai cánh cửa lá sách bên hông nhà. Ánh sáng lùa vào, đầy bụi. Bấy giờ Cường mới ngược lên.

Trang thờ bày trên đầu tủ phủ vải nâu. Hai ngọn đèn trứng vịt hắt hieu khung hình Phật ngồi dưới cội bồ đề. Một bình bông trang, hai chân đèn cây, một quyển kinh bìa nâu, bó nhang, cái lư sành cắm đầy chân nhang... Và đập mạnh vào mắt Cường hơn là bộ chuông, mõ bằng đồng sáng ngời kê trên chiếc rế tròn quắn vải nâu. Cái chuông ấy, sáng nay và sáng hôm qua, đã phát ra những tiếng “boong, boong” đánh thức Cường dậy. Âm thanh ngân nga, tiếng này tiếp tiếng kia thành một chuỗi dài, tuồng như không muốn dứt. Tâm hồn Cường lâng lâng chạm vào tiếng mõ, cảm thấy thanh thoi khoan khoái kỳ lạ. Cường chơi voi cảm thấy mình đang ném một viên sỏi xuống ao nước lặng làm vỡ những gợn sóng tròn đồng tâm, lớn hơn, rộng ra mãi, để cuối cùng mất hút vào cái bình yên của mặt nước. Chính trong giây phút đó, Cường mơ hồ nhận ra tính bí ẩn rờn rợn vây quanh như những chiếc bóng chấp chờn đêm trăng nào. Lúc nào, ở đâu, đều có một điều gì chờ đợi thấp thỏm. Cảm giác bị rình rập ấy làm Cường e dè mãi.

Trước khi lấy bình bông xuống, ông ngoại chấp tay xá ba xá, chiếc miệng móm thì thảo câu gì không rõ. Cử chỉ ông khi rửa chùi bình bông cũng cẩn trọng, triu mến y hệt lúc ông và ba khiêng pho tượng đồng đen ra sân xối nước rửa bụi. Ba trầm trồ:

— Pho tượng đẹp quá, tía à!

Ông ngoại ngó thẳng vô mặt ba, mở lời:

— Nếu con thích, lần tới lái xe xuống đây chở lên Sài gòn chung chơi.

Bà ngừng tay, cười đã lã:

— Dạ, con đâu dám...

Ông ngoại ngắt lời:

— Tía nói thiệt, con đừng ngại. Chung nó ở đây, có ai để mất tới

đâu!

Ba ưỡn ngực ngăm nghía pho tượng rực lên trong nắng, giọng xúc động:

— Cảm ơn tía.

Pho tượng đồng đen đúc hình một người đàn bà phương tây gần như khỏa thân, lả lơi dựa bên vành cung quắn quít một cảnh huệ ngựa lên trời cánh bông làm bằng thủy tinh màu lục sẫm. Khuôn mặt pho tượng đẹp cân đối, cặp vú vun đầy, eo thon, hông quăn trể trăng mảnh vải che ngang trứng bụng. Đáy lưng sờ sờ hai lúm duyên vô cùng gợi cảm.

Ba dội nước, thoa xà-bông lên pho tượng, bàn tay xê dịch ngập ngừng nơi đáy lưng, hỏi:

— Tía có pho tượng này ở đâu?

— Của ông Tây, chủ ruộng dưới Trà Vinh, đem tặng trước khi về nước. Cái thằng Tây thiệt ngộ, lấy vợ Việt, biết ăn mắm đồng, mộ đạo Phật, đối xử với tá điền như đạo hết sức. Vậy mà khi Việt Minh dấy loạn, thằng cũng bị hăm he như thường, sợ quá nên bán rẻ bán tháo đất đai, dắt vợ con về Tây đó chớ.

Ba hơi cao giọng:

— Thì Tây tà qua đây chiếm nước, chiếm đất của mình, bị đuổi về là đúng rồi.

Ông ngoại từ tốn:

— Nói vậy thời xưa tiền nhưn mình nam tiến, giết người giành đất dân tộc Chăm Miên thì sao? Tía nghĩ như vậy, đất đai sông ruộng là của tạo hoá ban phát cho tất cả, người nào có duyên may thì giữ lấy mà canh tác, miễn đừng dùng đó làm phương tiện ức hiếp bóc lột người khác là được. Chuyện thằng Tây từ đâu xa lơ xa lắc tới đất nước mình làm hoành làm trấn là tại vua quan mình thiếu bản lãnh, ngoại giao không khéo, chớ đâu phải chỉ vì cái tà tâm của tui nó!

Nét mặt ba trầm ngâm giây lát rồi ông gật gù, cười hề hề nói lảng:

— Cũng nhờ vậy mà tía mới có pho tượng đẹp động trời này.

Ông ngoại “ờ, ờ”, giơ bàn tay cụt lên mon vuốt bờ vai pho tượng tròn lẳn.

Bàn tay cụt năm ngón của ông ngoại cũng là mấu chốt khơi động trí tưởng tượng Cường. Má kể ông ngoại đứt ngón tay vì sửa ghe máy bị cánh quạt đuôi tôm chặt đứt. Nhưng Cường lại nghĩ khác. Vẫn theo lời má kể, thời còn thanh niên, ông ngoại phiêu bạc giang hồ ở miệt Cà Mau, Rạch Giá. Đó là cái thuở “trên bờ cạp chạy, dưới sông sấu bò”. Nhiều khi vui miệng, chính ông ngoại thuật lại cho mọi người nghe cái tài bắt cá sấu đem lên Sài Gòn bán, hay bẫy cạp róc xương mại cho người Tàu nấu cao hổ cốt. Trời, biết đâu chừng ông ngoại trụi ngón tay vì bị sấu tấp hay cạp ngoạm. Cảnh ông ngoại hùng hổ vật lộn với cá sấu dưới nước, với cạp trên bờ, đẹp để hùng tráng như trong phim chớp bóng hay trong truyện Tàu!

*
* *

Trưa mồng một, Cường và thằng Tào được phép bỏ giấc trưa để chơi đánh bài. Ở nhà trên, ba và ông ngoại đang uống trà ăn mứt, chuyện vãn với bà con thăm viếng đầu năm. Ngoài hàng ba, dưới ánh nắng dịu nhiều lập loè xuyên qua tàn mạn hồng đào, bà ngoại, má, dì Hai và mợ Ba đang xúm xít chơi bài tứ sắc. Cạnh bên là đám trẻ con châu đầu đổ bầu cua cá cạp. Cường bị mấy lá bài bốn màu vẽ chữ nho mê hoặc, chạy sang xè xuống bên ngoại, trở mắt dòm. Tíu tít hỏi han một hồi, Cường nhận ra được vài mặt chữ. Con sĩ, con mã, con xe. Một lát lại nhớ thêm con pháo, con tượng, con tướng. Chỉ có đám chốt là khó nhận.

Bà ngoại vừa nhậm lệ xoè bài, vừa giải thích chậm rãi:

— Bộ tướng sĩ tượng, xe pháo mã gọi là bộ *liền*. Mỗi cái liền gồm ba con, chỉ có cái liền chốt có thể tới bốn con bốn màu khác nhau. Còn mấy lá giống nhau cùng màu, hai con gọi là *đôi*, ba con là *khập*, bốn con là *hoàng*. Những con lẻ gọi là rác. Xổ hết rác trên tay xuống thì mình tới. Đếm điểm, lẻ mới được ăn, còn chẵn là bị *hố*, phải đền tiền

cho mọi người. Có nhiều lý do tới hố, vì chia bài thiếu hoặc dư, vì tự động quăng rác...

Dì Hai xen vô:

— Má dài dòng văn tự quá. Tới hố là vì chơi ăn gian, hiểu không cháu?

Rồi giọng dì rít lên lạnh lạnh:

— Nè, nè, mợ Ba có ăn đôi sang sông không đó?

Mợ Ba ngúng nguẩy:

— Ăn sang sông để té rác à? Khờ vừa phải thôi chứ chị!

Dì Hai chống chế:

— Tui nhắc chừng mợ vậy thôi,

vì mấy người mới chơi ưa đôi tầm bậy, cần người khác ăn liền, tức muốn chết!

Bà ngoại rầy rà:

— Con Hai ngồi vô sông bài, nói chuyện nghe khó thương quá. Chơi bài gạo, mỗi bàn đặt có một đồng bạc mà làm như ăn thua lớn lắm vậy!

Dì Hai vẫn còn ầm ứ:

— Đâu phải vì ăn thua má! Đã có lần mợ Ba ăn sang sông bị con bắt quả tang rồi chứ bộ chưa sao?

— Tại tay bài nó còn thấp. Con có chỉ thì nói cho ngọt ngào, chứ ré

cho ngày cuối năm

Và ngày tháng đưa mùa xuân trở lại
Chim én về đảo cánh bên sông
Ngồi tính số thời gian mà tề tái
Ai quên, ai nhớ nợ tang bồng.

Quán cuối năm muôn phiên đợi khách
Chiều dần trôi hiu hắt nỗi buồn
Lặng lẽ nhớ bạn bè xa cách
Nhớ tình nhân thêm cả nụ hôn.

Một phần đời trôi qua không vội vã
Máu trong tim lại hối hả quay vòng
Nhìn cánh mai đang chờ thay lá
Chiều cuối năm ta chợt chạnh lòng

Nâng chén rượu then còn tay trắng
Rượu mềm môi then vẫn trắng tay
Cơm áo chẳng xong mà mãi nặng
Chuyện tang bồng réo gọi đêm ngày

Như ngựa ốm nằm co thất thế
Nhớ đường trường vùng vẫy vó câu
Bao giờ nhĩ khoác vòng nguyệt quế
Hay suốt đời ta mãi chuyển tàu!

Chuyến tàu đơn lẻ thân lữ khách
Hành trình xa nào thấy những ga
Mỗi mồn khúc hát sầu xa xứ
Buổi chiều xuân nhớ quá quê nhà.

Xuân cứ đến mặc ta không chờ đón
Chén rượu tràn sóng sánh cổ tìm vui
Điều thuốc trên môi nụ cười chưa trọn
Nặng lòng ta muôn thuở vẫn ngâm ngùi.

đặng văn giai



lên ông ông nghe chói tai quá... Nè, má tới rồi nghe các con. Có đứa nào không tin, đếm lại đi!

Dì Hai sắc giọng:

— Thôi, má vừa tiền cho rồi, đếm làm chi mất công.

Cường hơn hớ đồ đĩa tiền đặt vào đồng bạc của bà ngoại, xông xáo phụ ngoại trộn bài. Từ đầu bàn tới giờ, má chưa tới ván nào nên ngồi nín khe. Lần nào cũng vậy, xếp bài lên tay là má chặc lưỡi than:

— Rác đâu mà rác dữ thần ôn vậy nè! Cường, vô nhà lấy cho má cái chổi ra đây!

Cường vừa dợm chân thì Dì Hai đã nhấn vai đè xuống, cả sòng bài cười hả hê. Cường ngơ ngác. Dì Hai giải thích:

— Má cháu nói giỡn đó mà. Với lại ba ngày Tết, người ta kiêng quét rác cháu à!

Mợ Ba cất lời trêu ghẹo:

— Thăng Cường đẹp trai, hiền lành, e lệ dễ tin như con gái. Sau này chắc bị vợ xỏ mũi quá!

Má vừa nói vừa ngó Cường, cười mỉm:

— Coi vậy chớ nó lì lắm nghe mợ. Bị đòn đau, nó chỉ chảy nước mắt chớ không khóc ra tiếng bao giờ. Thăng Tạo thì trái ngược hẳn, vừa thấy cây roi là bù lu bù loa như nhà có người chết.

Ngoại nhắc nhở:

— Năm mới năm me, đừng nói gở chớ con. Ờ, con Duyên làm gì ở đâu, sao không thấy ra chơi?

Má đáp mà mắt chăm chú dán vào những con bài xoè hình cánh quạt trên tay:

— Nó tìm được mấy tập thơ của dì Hai cất trong tủ kiếng, đem vô buồng nằm đọc mê man tàn tịch từ đầu trưa tới giờ, trời găm cũng không buông đâu má.

Nét mặt dì Hai chợt sa sầm. Mợ Ba vô tư tiếp lời:

— Trời đất, bộ nó không biết mấy cuốn thơ đó là báu vật của chị Hai, không ai được phép động tới hay sao?

Dì Hai liếc mợ Ba một cái, đuôi mắt Bén ngốt:

— Đầu năm đầu tháng, đừng có

chọc giận à ghen!

Lối nói bóng gió nặng nhẹ của mấy người đàn bà khiến Cường tò mò. Tập thơ gì? Có liên hệ ra sao với nét mặt nửa oán nửa thương xót của dì Hai?

Dì Hai đã ngoài bốn mươi mà vẫn chưa lập gia đình. Tuy đã quá thời xuân sắc, nhưng gương mặt dì vẫn còn nét ưa nhìn. Đẹp nhất, theo Cường nhận xét, là nụ cười hơi lệch của dì làm lõm đồng tiền duyên trên má trái. Vì không làm việc nhiều ngoài nắng, nên dì Hai có nước da trắng mịn. Cường thích ngắm khuôn mặt dì lúc cúi xuống hỏa lò thổi lửa. Vài giọt mồ hôi rịn hai bên thái dương chực lăn xuống đôi gò má ửng hồng. Những khi ấy, Cường rất muốn hỏi dì Hai ý nghĩa câu ca dao mà dì thường ngâm nga: *"Ai đem con sáo sang sông, để cho con sáo xỏ lồng bay xa"* nhưng không dám mở lời, sợ mình vô ý chạm vào niềm đau riêng của dì, vì thỉnh thoảng Cường lại nghe má chép miệng thương hại: "Tội nghiệp dì Hai, chuyện tình duyên của dĩ rủi nhiều hơn may".

Cường đứng dậy rời sòng bài, vốc theo một nhúm hột dưa, vừa đi vô nhà vừa cắn lác cắc. Buồng ngủ nhà ngoại lúc nào cũng âm u tối ám, nhờ vậy nên không nóng bức. Giường của chị Duyên và má nằm trong buồng bà ngoại, cách buồng ông ngoại một vách ván có cửa ăn thông. Mỗi buồng có một cửa chấn song không đủ đem ánh sáng bên ngoài vào. Một cây đèn hột vịt máng trên vách, ngày đêm leo lét.

Cường rón rén nhắc chân qua ngạch cửa, định bước vô hù dọa thì bắt được tiếng thở nhẹ và đều của chị Duyên. Ánh đèn vàng mờ và màu ngày lập lờ soi nhát dáng chị nằm hờ hênh trong tấm lưới mùng. Vài cuốn tập mở bung vắt kể bên. Cường nôn nao nhử thăm, tập thơ của dì Hai. Cường nhẹ nhàng trút nhúm hột dưa vô túi, nhón chân bước lại vén mùng rút lấy một tập. Chị Duyên trở mình. Cường hụp đầu núp xuống gầm giường, lom khom bò ra cửa, rồi nhanh chân

băng qua ngõ sau, chạy ra vườn rươi bóng mát. Cường muốn ngồi chồm hóm xuống, mở tập ra đọc ngay, nhưng sợ bị bắt gắp. Do dự một hồi, Cường quyết định đi ra căn nhà bỏ hoang bên ao nước lảng. Có tiếng quạ kêu "oác oác" trên chòm vú sữa rậm lá. Cường ngẩng lên, chỉ thấy ánh nắng len qua kẽ lá soi vào mắt chói loà. Cường khựng chân, đưa tay dụi mắt, hoang mang. Vẫn là tia nắng thường ngày, đâu có gì lạ, mà bỗng dưng hôm nay làm tâm hồn Cường rung động. Cường có cảm tưởng mình đang cầm chiếc chìa khóa mở vào ngôi nhà tình đời rủi nhiều hơn may của dì Hai. Cường kêu thầm, trời ơi, mình đang cuộn tròn khối tình duyên của dì Hai trong tay đây sao? Đâu lẽ nào? Cường muốn quay lưng, đặt trả lại cuốn tập xuống cạnh chỗ nằm hờ hênh của chị Duyên, nhưng trí tò mò cứ đẩy hai chân Cường lướt tới. Một con cắc kè dừng chân ngang lối đi, hai mắt tròn lơ lảo, chiếc đuôi dài ngoằng soãi cong trên đất. Cường chùn chân. Con vật ngó dáo dác khoanh khắc rồi lủi nhanh vào bụi cỏ rồi.

Trưa nay, một mình, Cường không dám bước vô căn nhà chứa hòm mà men ra cầu ván, chỗ neo ghe của ông ngoại, ngồi thòng chân lúc lắc. Lâu lâu, gió đưa lại tiếng reo cười hí hửng của đám chơi bạc ngoài hàng ba nhà ngoại. Cường an tâm, run tay mở quyển tập.

Tập giấy học trò, bìa in hình chiếc xích-lô máy, gáy khâu chỉ, giấy vàng ố, nhiều trang tura bìa quần góc. Trang đầu tiên, một chữ "Thơ" thật lớn kẻ nắn nót bằng mực tím. Nét chữ uốn éo mà cứng rắn, lẳng mạn mà đầy lý tính. Dưới góc phải là hàng chữ *"của Một gởi tặng Hai, mùa Cách Mạng năm 1953"*. Hai chữ "cách mạng" được tô đậm, chữ C và M được viết hoa, nét bút quần quít huê mỹ như những cuống dây leo. Những trang kế tiếp toàn thơ là thơ. Không bài nào ghi tên tác giả, chỉ đề ngày tháng dưới mỗi bài, kèm theo

những câu như: “*Một chiều nhớ...*”, “*Vào đêm không ngủ được...*” hay rắc rối khó hiểu như “*Xuân phong tri biệt khổ...*”

Cường gấp tập thơ lại, thất vọng nảo nề. Ngôi nhà tình đời của dì Hai trong trí tưởng tượng phong phú Cường thật ra chẳng có gì lạ lùng hấp dẫn. Toàn là những đoạn thơ không đầu không đuôi. Cường chỉ lăm nhăm đọc kỹ bài thơ đầu có tựa *Gió*:

*Từ đâu gió lạc tới đây
thổi run ngọn nến thổi đầy hồn ta
thốc lên một nỗi phong ba
đẩy ta lên ngựa xuyên qua dặm trường*

*chờ ta Một nắng Hai sương
có thương xin đợi ba hương lửa lòng*

*chiến chinh đem sáo qua sông
để cho con sáo xoỉ lông bay xa.*

Cường không hiểu hết ý tứ của bài thơ nên không thấy hay. Nhưng hai câu cuối bắt Cường liên tưởng tới con sáo khôn lanh của cậu Một. Cường giật thót người. Cậu Một có phải là Một và dì Hai có phải là Hai trong câu đề tặng đầu tập thơ? Thôi, đúng rồi! Lồng ngực Cường phập phồng bắn loạn. Trong lùm cây bên kia ao, có tiếng chim kêu “tróc, tróc” như nhạo báng đầu óc chậm lụt của Cường. Chợt, có tiếng người thổi “vúu, vúu” sau lưng. Cường hoảng hốt run tay, vô ý đánh rơi tập thơ xuống mặt ao. Cường tái mặt ngó theo con nước rờn từ từ xô quẩn tập ra xa. Màu mực tím loang nhoè trên trang thơ ướt sũng. Cường quay lại. Cậu Một đang đứng nơi đầu cầu ván,

con sáo đậu trên vai, đầu niềng nhìn lý lắc.

Cường trở tay xuống mặt nước, giọng cầu cứu:

— Cậu vớt giùm Cường tập thơ của dì Hai!

Nét mặt cậu Một dừng dừng như gỗ đá, màu da tái mét lạnh lẽo, tia mắt soi đăm đăm vô hai mắt Cường, sống sượng vô hồn. Cả hai đứng nhìn nhau đối lâu. Cường sợ sệt với cảm giác phạm tội. Cậu Một với tia nhìn bất động thần nhiên.

Lát sau, tập thơ tấp vào bờ ao nhấp nhô sậy nước. Cường cuống quýt chạy tìm nhánh cây khô khều vớt, rồi treo lên cành mạn thấp gie ra nắng. Những giọt nước pha mực thơ nhuộm từng giọt tím nhạt xuống phiến gạch tàu kêu “chách, chách”. Cường ngồi phệt xuống ngạch cửa, cùi tay kê gối, chống cằm ngó cuốn tập quần queo lăm đầy bùn đất, mặt mày méo xệch.

Cậu Một lặng lẽ ngồi cách Cường xa xa, móc trong túi ra trái chuối sứ, lột vỏ phân nửa, đặt xuống đất. Con sáo nhảy lẹ xuống, mổ lia lịa. Cái đuôi đen nhánh nhổng lên, xàng xê như múa. Cường quên ngay tập thơ ướt, xoay đầu ngắm nghía con sáo, miệng nở cười hồn nhiên.

Cậu Một mở lời:

— Nó ưa ăn chuối.

Cường gật đầu:

— Cường cũng vậy.

Cậu Một nói một câu lạt lẽo:

— Tét, không ai ăn chuối.

— Tét, người ta ăn dưa hấu.

Cường nhớ tới nhúm hột dưa trong túi áo, móc ra chìa tới trước

mặt cậu Một. Cậu nhoài người bốc vài hột, cắn lắc các. Tự nhiên Cường dạn dĩ hẳn, ngó thẳng vào mặt cậu Một, hỏi mau:

— Tập thơ cậu làm tặng dì Hai, phải không?

Vừa nói, Cường vừa chỉ lên cành cây lấp lánh nắng. Tập thơ nhỏ nước xuống vuông gạch thành một vũng đậm màu. Cường nghĩ, thơ cũng biết khóc.

Cậu Một không đáp, chậm rãi nhai xong mớ hột dưa, quệt hai ngón tay lem đỏ vô ống quần lăm đất, rồi chậm chạp cất tiếng:

— Hồi xưa, ta và dì Hai của thằng lớn thương nhau. Ta là tá điền của ông bà ngoại thằng lớn. Vì thất chí mà ta làm tá điền, chớ không phải vì số bần cùng. Lúc nào ta cũng nuôi trong lòng mộng lớn. Mùa cách mạng 1953, ta bỏ ruộng vườn, vô bưng kháng chiến. Trước khi đi, ta có làm tặng dì Hai thằng lớn mấy tập thơ. Làm chuyện quốc sự trôm trèm hơn năm, biết được mặt trái, ta chán trốn về. Ta mất hết, lòng ta đầy thương tích. Trái tim mang một vết thương lớn. Hai lá phổi rách rưới. Ta về đây, sống hèn mọn trên vuông đất bố thí của ông bà ngoại thằng lớn, đón nhận sự tẻ nhạt hắt hủi của dì Hai. Từ đó tới giờ, chỉ còn những cái Tết đơn lạnh.

Cường rung mình cảm động. Con sáo đã chán chê trái chuối, bay đậu lên vai cậu Một, ghé mỏ chúi qua lại trên vành tai cậu. Đột ngột con sáo thẩn thờ buông hai tiếng: “Ai đó?” Cậu Một xoè tay ra, tiếng “vúu, vúu” thoát qua kẽ răng. Con chim hớn hờ nhảy xuống lòng tay mở. Cậu Một chum môi cười mèm rồi ngâm ư ừ:

— Ai đem ư... mầy ừ ư... con sáo ừ qua sông. Để cho ư... mầy, con sáo ừ ừ... xoỉ lông ư... bay xa.

Cường cất lời an ủi:

— Nếu dì Hai không còn thương cậu, dĩ đã lấy chồng từ lâu rồi.

Cậu Một xoay mặt ngó Cường. Lần đầu tiên Cường thấy hai mắt cậu nhen lửa, thứ lửa phừng lên trước khi tắt lụi.

không đề

*Dạo quanh phố trại một vòng
Ngắm hoa ngày Tết mà lòng xôn xao
Nàng xuân đứng đợi ngoài rào
Tôi xin xénh xáng cho vào... thăm nuôi
Chạnh lòng phật ý không vui
Xuân đi, bỏ lại mình tôi bẽ bàng!*

hoài việt

(Lại Văn Hạnh, Hongkong)





Ăn Độ Gà, Thua Độ Chó

Xuân Tước

Rạch Giá mấy tuần để học nghề nuôi gà đá độ hầu về làng mở một trường gà lớn mong hốt bạc. Và người đầu tiên trong làng mà cậu tiếp xúc là ông Xã Bảy.

Cậu Hai Hùng xấp lại với ông Xã Bảy vì hai lý do: Thứ nhất, ông Xã là người giàu có lớn, lại khoái đá gà; thứ hai, ông Xã có một cô con gái hơi xuân xanh vừa mới góa chồng. Chơi với ông Xã, đảng nào cậu cũng có lợi.

Cái bệnh mê gà của ông thì cả vùng Cái Cối này ai cũng biết. Trong nhà ông chất đầy các bội nuôi gà. Ngoài sân, trong vườn tiếng gà gáy khắp nơi, gà mẹ gà con dất nhau đi lủ khủ.

Bắt đúng mạch ông Xã, cậu Hai rà rề lại bàn:

— Ông Xã biết hông, tui mới vừa đi Rạch Giá về đây...

Xã Bảy nhìn cậu Hai, có vẻ ngạc nhiên:

— Cậu đi Rạch Giá hả? Làm gì dưới đó?

Hai Hùng cười hi hi:

— Đi học nghề nuôi gà. Chắc ông Xã biết các chủ gà vùng Rạch Giá đều là tay thiện nghệ? Hết mùa lúa qua Tết là họ mở trường gà, ăn thua lớn lắm.

Nghe nói đến vụ nuôi gà, đá gà, mắt ông Xã sáng lên. Ông hỏi tới:

— Rồi cậu có đem được con gà nào về đây không? Cậu có tính mở trường gà vùng này không?

Thấy ông Xã đã vô rọ của mình rồi, Hai Hùng đi sâu hơn:

cậu con cưng 10 mẫu vườn dừa to trái sai oằn, lại thêm cam, quýt, bưởi, ổi giăng giăng, là nguồn huê lợi bất tận cho hai cậu. Mương vườn thì chứa đầy tôm, cá, cứ sai bọn tá điền ra tát một hồi là cả tuần ăn không hết.

Giữa khu vườn đó là một ngôi nhà ngói lớn, nền đúc cao tới ngực, không thua ngôi nhà nào trong vùng này hết. Nhà ông Xã Bảy là người giàu có mà cũng chưa sánh bằng.

Được thừa hưởng của phụ ấm quá nhiều nên cậu Hai và cậu Tư đều không phải lo làm ăn gì cả. Tối ngày ăn no rồi ngủ, hết ngủ lại đi dạo xóm dạo làng, qua chợ tỉnh ngồi cao lâu ăn cơm thối, hay đi về phía cầu Chệt Sậy, chợ Mỹ Lồng để ăn cá lóc nướng trui, thết rồi hai cậu cũng mệt.

Cậu Hai Hùng bèn nảy ra một nghề mới: Nuôi gà nòi. Cậu xuống

Cái Cối là một vùng nửa chợ nửa quê nằm bên kia châu thành Bến Tre. Đây là một vùng đất trù phú được tô bồi thường xuyên bởi con rạch Bến Tre, một đầu nối với sông Hàm Luông, đầu kia nối với sông Ba Lai. Hai nhánh sông lớn này của dòng Cửu Long đã mang phù sa bồi đắp cho cả tỉnh Bến Tre, mà đặc biệt là cho vùng Cái Cối, chạy dài từ lộ Giồng Quít xuống đến các vùng Thuận Điền, Lương Phú, Lương Hoà, rồi đi sâu xuống Giồng Trôm, Hương Diễm.

Kể từ ngày Thống đốc Hoeffel cho khai mở con đường lộ đỏ Giồng Quít thì vùng Cái Cối càng thêm phồn thịnh. Từ Cái Cối ngó qua là chợ tỉnh, từ chợ tỉnh ngó lại là cả một vùng vườn tược sum sê, sông sâu nước ngọt bốn mùa.

Hai Hùng và Tư Long là con trai ông Hương chánh Tùng. Ông bà Hương chánh mất đi, để lại cho hai

— Có chớ. Có đủ hết. Ông Xã về nhà tui coi chơi.

Vừa nói, Hai Hùng vừa kéo tay ông Xã Bảy dẫn đi.

Về tới nhà, cậu Hai đưa ông Xã đi quanh sân để xem mấy con gà chiến của mình. Nhìn con gà nào, ông Xã cũng khen nức nở. Đến cuối sân, Hai Hùng chỉ một cái bội phía xa xa:

— Đó, ông Xã thấy hông? Đó mới là loại gà chiến. Con gà này tui mua từ Rạch Giá với giá hai ngàn lặn đó, ông Xã. Hai ngàn là rẻ mạt, chủ nó đòi tới bốn ngàn, nhưng biết tui là tay chơi gà thiện nghệ nên họ để cho đem về nhà trước đá độ, sau lấy giống...

Thấy bóng hai người đến gần, con gà vươn cao cổ, cất tiếng gáy. Hai Hùng nói:

— Ông Xã thấy hông, gà chiến thì tiếng gáy của nó vừa thanh vừa dài. Con gà này mà ra trường thì tui dám chắc gà cả tỉnh Bến Tre đều thua nó hết. Người ta nói: *Gà ô lông mướt, cựa ngà; Đá đâu thua đó bán nhà mà đi*. Nhưng tui biết con gà ô-mã-lại này không như vậy đâu.

Ông Xã Bảy mở bội, nhắc con gà ra xem. Mắt ông nheo lại, nhìn kỹ bộ mã, cái đầu to với cái mỏ ó, cặp chân vàng như nghệ với hai hàng vẩy đều đặn. Ông lại nhìn cặp mắt sắc như dao của con gà, gật gù, tỏ vẻ bằng lòng lắm.

Được thể, Hai Hùng tán thêm:

— Gà Rạch Giá dầu hèn cũng thể! Ông Xã biết hông, con gà này chủ nó đặt tên là Triệu Tử Long vì mỗi lần nó "lên đĩa" là chém ngay "ông địa" của đối phương liền, không khác gì Triệu Tử Long ở trận Đương Dương trường bản.

Trả con gà về bội, ông Xã hỏi:

— Rồi cậu tính chừng nào mình mới mở trường gà, hả cậu Hai?

Hai Hùng nheo mắt, biết ông Xã đã chịu con gà chiến của mình rồi:

— Qua Tết là tui mở trường gà liền. Bây giờ mình phải đi rao truyền cho thiên hạ biết. Mùa này ông Xã sẽ ẵm bọn bạc đó ghen.

Xã Bảy khoái chí, bắt tay Hai

Hùng ra về mà lòng hân hoan, chừng như bạc đã đến tay.

Ông Xã vừa ra đến đường là Tư Long xuất hiện. Anh hỏi liền:

— Ông Xã chịu con gà của anh quá, hả anh Hai! Cái vụ gà thì xong rồi, còn cái vụ cô Ba Loan, con gái cưng của ông ta thì sao, hả anh Hai?

Hai Hùng gãi đầu:

— Con nhỏ đó thì dễ ợt. Nó mới 20 tuổi, lại goá chồng cả năm nay thì thêm đờn ông như cộp thêm mồi, mình xáp vô là dính liền. Nhưng tao chỉ sợ...

— Sợ gì, hả anh Hai?

— Tao sợ con chó vện nhà ông Xã. Mày biết con chó đó rồi chớ gì? Sao mà to quá là to! Churn nó cao, mình nó dài lại thêm vằn vện, có khác gì một con cộp tơ đâu! Nhìn cái đầu bự chằng với đôi mắt thao láo của nó là tao thấy ớn rồi... Bộ răng của nó nhọn hoắt, chắc là bեն lắm!

Tư Long cười:

— Anh sao mà nhát quá vậy! Anh quên rằng anh có một thằng em rành nghề tập chó hay sao?

— Quên thì tao không quên. Tao cũng phục cái tài tập chó của mày lắm, nhưng tài là tài với mấy con chó xi, chó cổ kìa, chớ với con chó vện này, coi bộ mày chịu không nổi đâu!

Tư Long vỗ vai anh:

— Anh Hai đừng có lo. Chó lớn, chó nhỏ, chó mẹ, chó con, chó phen, chó vện gì em cũng có mồi để nhử hết. Anh quên là bọn đạo chích từ đầu cù lao Bảo tới cuối cù lao Minh đều phục tài em hết đó sao? Con vện nhà ông Xã Bảy cứ để đó cho em, rồi em sẽ quăng cho nó mấy cái khu-lăng heo là nó nằm đó mà gặm tới ba ngày cũng chưa xong. Nhưng em muốn đặt một điều kiện...

— Điều kiện gì?

— Em lo cho anh thắng độ gà, thì anh phải để cho em vô với cô Ba Loan trước, anh chịu hông?

Hai Hùng lặng im, vẻ khó xử vì anh muốn bắt cá hai tay. Nhưng thấy Tư Long có vẻ bất bình, anh đành nhượng bộ:

— Thôi được, tao nhường cho mày vô con Ba Loan trước, rồi mày lo cái vụ con chó vện cho tao, phải hông? Xong độ gà thì tao vô, đừng có lòi thôi, ông Xã ổng trở về là mình nát xương đó ghen!

Tư Long bắt tay anh, cười tủm tỉm...

Trường gà sau vụ Tết đông quá là đông. Bốn cái đèn măng-sông treo bốn góc chiếu sáng rực cả một vùng. Thường thì người ta đá gà ban ngày, nhưng Hai Hùng tổ chức trường gà ban đêm cho mới lạ, để lôi kéo dân tứ xứ về cho đông, giúp ông Xã Bảy xé túi, lắc hầu bao họ được dễ dàng. Mở trường gà ban đêm, Hai Hùng còn muốn cầm churn ông Xã để hai anh em đến nhà hú hí với cô Ba Loan.

Độ gà đầu không hấp dẫn lắm. Con gà xanh của ông Chủ sự thì thua con gà chuối của ông Trùm Lá là cái chắc. Độ thứ hai quan trọng nhứt, vì con gà điều Tào A Man của thầy Hương quán Chợ ngang vai với con gà ô Triệu Tử Long của thầy Xã Bảy. Con gà ô giỏi tài đá đĩa thì con gà điều cũng có nghề đá lòn. Nó né đòn rất tài tình, có khác nào Tào Tháo biết dùng mưu mẹo gian xảo để lừa đối phương.

Biết rằng độ gà này sẽ kéo dài, có thể đến sáng, Tư Long kéo Hai Hùng ra ngoài, nói nhỏ:

— Bây giờ em đi thăm cô Ba Loan nghe anh Hai. Anh ở đây lo quăng bắt với ông Xã Bảy. Xong việc là em ra liền.

Hai Hùng vỗ vai em:

— Được, mày cứ vô con nhỏ đó trước đi, nhưng nhớ lo cái vụ con chó vện cho tao nghe hông.

Tư Long cười hề hề:

— Đừng nói một con, mười con chó vện em cũng khớp mồm nó dễ như chơi. Thôi anh vô đi, kẻo ông Xã ổng nghi.

Tư Long nhắm hướng nhà ông Xã Bảy đi thẳng tới. Anh đi không sai một bước vì mấy tháng qua anh đã theo Hai Hùng đi coi gà ông Xã để tìm cơ hội làm quen với con chó vện.

Ban đầu, con chó dữ thật. Nó nhe răng gầm gừ, sủa hực hực làm cho những người yếu bóng vía phải teo ngay. Nhưng Tư Long đâu phải tay vừa. Vốn sanh nghề tập chó nên chỉ có mấy ngày sau là anh đã vuốt đầu con chó để như vuốt đầu con mèo con. Rồi những ngày sau đó anh đem đủ các thức ăn đến con chó thử. Trước là những món dở, rồi lần đến những món ngon. Tư Long làm cho con chó vệ nhà ông Xã phải mê cái món khu-lăng heo phá lấu của anh, gặp anh là chạy ra mừng rỡ, ngoác đuôi.

Tới nhà ông Xã Bảy, Tư Long đẩy cửa rào bước vô. Nghe động, con chó "hực hực" mấy tiếng, nhưng đánh hơi người quen, nó lại im ngay. Tư Long móc bao lấy ra hai cái khu-lăng heo thơm phức, chờ con chó đến gần là đưa cho nó hửi rồi quăng ngay vô góc sân cho nó. Anh nói thật nhỏ:

— Mày ở đó mà gầm xương ghen Vện, để tao vô nhà với cô chủ. Đừng có lộn xộn mà chết, nghe hông!

Trong khi con chó vệ chạy theo hai cục xương thì Tư Long đi thẳng về phía buồng cô Ba Loan. Đường sá, ngõ ngách nhà này anh biết rõ như lòng bàn tay mình.

Cửa phòng cô Ba Loan để ngỏ. Anh nhào lên giường, chui vô mền, ôm chặt lấy cô Ba. Đờn bà con gái mà vắng đàn ông lâu ngày thì thật đúng như câu "gái gặp hơi trai như thái lái phạm thủ", cô Ba Loan không nói một lời, quặp chun ôm lấy anh chàng.

Tư Long mở đầu bằng điệu *Lạc âm thiếu*, hun cô nàng khắp nơi. Rồi đôi bàn tay kỳ diệu của anh chuyển lần qua bài *Ngũ điểm* để sang *Bài tạ*. Và khi anh đánh khúc đàn *Tam pháp nhập môn* là cô nàng ôm chặt lấy anh, thừa thế lật ngược thế cờ.

Tư Long biết cô nàng muốn gì rồi khi nằm trên người mình. Anh liền xoay thế *Khổng Minh toạ lâu*, để cô ta mặc tình hành động. Nhưng rồi thừa lúc đối phương bất ý, anh Tư chuyển qua *Bình bán*, *Kim tiền* đến

xuân nhớ bạn

Tết đến rồi đây Xuân ở đâu?
Bạn bè nay đã bạc đầu râu
Kẻ thơ một túi cười nhân thế
Kẻ rượu lưng bầu ngạo bể dâu
Nhớ nước nước buồn, cay nỗi hận
Thương quê quê tủi, đắng cơn sầu
Nửa đêm trừ tịch dù say khướt
Góc biển chân trời vẫn nhớ nhau.

trần ngân tiêu

Tây Thi, Cổ bản. Đây là bản xưa nhưng lại là bản cổ truyền nên cô nào mà không thích! Sau đó Tư Long chuyển qua hai bài *Nam xuân*, *Nam ai*. Với bốn bài bắc và hai bài nam, Tư Long làm cho cô Ba Loan thở chẳng ra hơi.

Trận chiến nào mà không có đoạn kết! Tư Long định xuống ngựa nhưng Ba Loan kéo cổ anh xuống, hun mấy cái thiệt dài:

— Em thương anh lắm, anh Tư ơi! Anh có thương em hông?

Tư Long hun lại, nói giọng nhừa nhựa:

— H...u...ơ...n...g... Nhưng lâu quá rồi, coi chừng ba em về là chết cả đám. Thôi để anh đi, rồi mai anh lại tới thăm em.

Tư Long phóng ra ngoài. Đi một đổi anh gặp Hai Hùng:

— Anh Hai đó hả? Sao, độ gà ăn, thua?

Hai Hùng cười hì hì:

— Ăn là cái chắc! Tao ẵm hai ngàn và ông Xã Bảy cũng ẵm hai ngàn. Nhưng ông ăn tiền quăng bắt chắc nhiều lắm.

— Ông đâu rồi?

— Ông theo mấy người bạn đi nhậu ngoài chợ, chắc gần sáng mới về. Bây giờ tới phiên tao với cô Ba, phải hông? Mày đã coi chừng con chó vệ chưa?

Tư Long quả quyết:

— Xong hết rồi. Chắc ăn một trăm phần trăm. Con vệ nó mắc găm xương ở góc vườn, tới ba bữa nữa cũng chưa xong. Anh cứ đi thẳng vô buồng cô Ba...



— Có chắc ăn không đó mậy?

— Chắc mêm.

Nói "chắc mêm" nhưng Tư Long đã quên, hay không biết, một điều quan trọng. Đó là sáng nào cũng vậy, khi gà vừa gáy dứt canh tư, là cô Ba Loan thức dậy, sắm sửa mọi thứ để đi ra chợ. Đêm nay được Tư Long dợt cho một trận thất điên bát đảo nên cô cũng đã tỉnh ngủ. Nghe gà gáy rõ, cô lòi hết gióng gánh ra ngoài, đưa xuống tam bản. Xong, cô thay quần áo, xuống thuyền, gạt chèo đẩy mái ra đi.

Con chó vệ nghe động, chạy theo cô. Đến bên bờ sông, nó đứng nhìn theo cô một lúc lâu rồi chạy thẳng vô nhà. Như thường lệ, nó chạy vô buồng cô Ba, phóng lên giường, chui vô mền của cô để ngủ.

Hai Hùng đâu có biết điều này. Anh đi lần vô buồng cô Ba, không nghe tiếng chó sủa, cũng không có động tĩnh gì hết, nên anh yên chí là mọi việc đều ổn an toàn, đúng như lời Tư Long đã nói.

Anh đi đến bên giường. Ánh đèn lù mù bên vách cho thấy rõ một người đang trùm mền. Còn ai nữa? Chắc mêm là cô Ba rồi!

Anh bước lên, rờ thử. Thấy âm ấm là anh khoái chí, lòn tay dưới mền rồi ôm chặt lấy. Nhưng không phải là cô Ba mà là con chó vệ. Nó giật mình chồm lên, sủa hực hực rồi nhào vô tấp. Hai Hùng cố đỡ nhưng con chó mạnh hơn. Nó phóng lên, cắn vô mặt anh mấy cái, hai chun cào trên ngực anh. Anh té ngựa thì con chó xông tới tấp lia

táp lịa. Anh xoay thế, nằm úp mặt xuống đất để tránh đòn. Con chó táp bầy mấy cái nữa rồi gầm gừ, bỏ đi quanh...

Hai Hùng nằm bất động cho tới sáng. Khi ông Xã về tới nhà lay gọi anh mới tỉnh dậy. Biết rõ sự tình, ông đưa anh xuống xuống, chèo riết ra bệnh viện tỉnh.

Mãi đến trưa hôm sau Tư Long mới biết anh mình bị nạn. Ông Xã nói:

— Cậu Hai bị con chó vện nhà tui táp như xương. Cậu chui vô buồng con Ba không gặp nó mà nhè gặp con Vện. Bây giờ thì cậu đang ở bên nhà thương tỉnh, cậu Tư qua đó mà thăm.

Tư Long lật đật đi thăm anh. Đến bên giường, cậu thấy Hai Hùng mặt mày, mình mẩy đều quần băng thì biết vết thương nặng lắm. Cậu ngồi nép bên giường, chờ cho Hai Hùng tỉnh dậy.

Nghĩ lại cái vụ đá gà, rồi đến màn cụp lạc giữa mình và cô Ba Loan, Tư Long còn thấy cái dư vị ngọt ngào nơi cổ họng. Thật rủi cho Hai Hùng chớ Tư Long có muốn thế đâu!

Hai Hùng cự mình, ú ớ:

— Em Loan ơi, em ơi...

Tư Long cười thầm trong bụng: Bị chó cắn ngất ngư mà cũng còn nhớ tới em Loan thì thiệt Hai Hùng đa tình quá cỡ! Anh cầm tay ông anh, nói nhỏ:

— Cô Ba Loan ra chợ rồi. Anh bị con chó vện cắn và bây giờ đang nằm ở bệnh viện tỉnh. Em đây, Tư Long đây...

Hai Hùng mở mắt, nhìn Tư Long:

— Mày hại tao rồi, Tư Long ơi! Tư Long an ủi:

— Đâu phải, em đâu có cố tình hại anh, em đâu có biết cô Ba đi chợ sớm... Thôi, anh ăn độ gà mà thua độ chó vậy cũng huề! Thua keo này mình bày keo khác. Anh rán dưỡng bệnh, lần sau em sẽ không để con chó vện hành hung anh nữa đâu!

Hai Hùng nắm tay em. Qua lớp băng trên mặt, Tư Long nhìn thấy một nụ cười méo xẹo... ○



Năm Cũ

Hoàng Du Thụ

lo.

Tuần rồi, khi hai mẹ con đang ở thư viện, cô nhỏ táy máy tay chân sao đó mà mở cửa cứu cấp. Chuông báo động vang inh ỏi. Mọi người trong thư viện đều hướng về chúng tôi với vẻ khó chịu. Cô thư ký phải đem chìa khoá lại để tắt còi báo động. Bé Ti sợ hãi, ôm cứng mẹ đòi về, bỏ lại những cuốn truyện ma vừa mới chọn được.

Vừa xô cửa thư viện bước vào là bé Ti chạy a lại khu dành riêng cho trẻ con, vồ lấy sách đọc mê man. Sợ tôi bỏ đi, nó nín tay tôi kéo ngồi xuống bên cạnh:

— Mẹ ở đây đọc truyện này cho con nghe.

Tôi nhìn qua tựa quyển sách nó vừa chộp được mà bật cười. Mới bốn tuổi đầu mà cô nhỏ đã khoái truyện kinh dị, thích cảm giác mạnh. Đêm nào cũng bắt mẹ đọc truyện ma rồi bảo con sợ, không dám ngủ một mình. Mẹ ngủ với

Buổi sáng thứ bảy trời trong và đầy nắng. Tuyết đã ngừng rơi từ hôm qua nên sáng nay lạnh nhiều, tuy nhiên ánh sáng mặt trời chưa chan mang lại cảm giác ấm áp. Cột lại mũ, áo cho con, tôi dắt con rời tiệm donut. Bé Ti được mẹ chiều, hóa hư. Sáng thứ bảy nào nó cũng đòi ăn sáng ở tiệm, nếu không McDonald's thì Tim Hortons. Sau đó thì lang thang trong các thương xá hoặc la cà ở thư viện.

Vừa rời tiệm là cô nhỏ nhắc mẹ:

— Mình đi thư viện nghe mẹ. Con muốn đọc sách.

Tôi bận suy nghĩ nên không trả lời. Bé Ti tưởng mẹ giận, nắm tay mẹ lay mạnh:

— Mình đi thư viện đi mẹ. Con hứa sẽ không mở cửa cứu cấp nữa đâu.

Tôi bật cười ôm con trấn an:

— Ừ, mẹ dẫn con đi mà. Đừng có

con. Con nhỏ lại nắm tay tôi lay lay, thúc giục. Tôi cất giọng đọc:

— *In a dark dark town. There was a dark dark street. On a dark dark street. There was a dark dark house.*

Thấy vẻ say mê trong mắt nó, tôi bảo:

— Con lớn rồi, phải tự đọc một mình. Cứ đánh vần từng chữ, chữ nào không biết, hỏi mẹ.

Trong lúc con bé khó nhọc đánh vần, tôi nhìn đám trẻ con chung quanh, bỗng thấy một dáng dấp thật quen đang ngồi cách tôi hai chiếc bàn nhỏ. Người đàn ông to lớn, ngồi trên chiếc ghế dành cho trẻ con hết như người khổng lồ đang ngồi trên món đồ chơi bằng nhựa. Hai đứa trẻ ngồi bên cạnh ông ta tíu ta tíu tít. Chiếc áo khoác quen thuộc đó bốn năm rồi vẫn vậy tuy màu sắc có phai đi đôi chút. Mái tóc hoe vàng thưa thớt đi khiến cái trán đã hói càng hói thêm. Tôi lắng nghe giọng đọc ấm áp của thuở nào:

— *Once upon a time...*

Tôi cố lắng tai nghe cho hết câu chuyện nhưng con bé đã réo gọi mẹ:

— Mẹ, chữ này nghĩa là gì?

Tôi giải thích cho con rồi tiếp tục theo dõi câu chuyện giữa ba cha con. Người cha vừa đọc xong một câu chuyện cổ tích. Hai đứa trẻ có vẻ mãn nguyện. Ông đứng lên, kéo tay con lại máy điện toán gần đó chỉ dẫn cách tìm sách. Ngón tay ông dò dẫm theo những hàng chữ và cất nghĩa cho con cái nào là *call number*, cái nào là *subject*. Ông đứng xoay lưng nên không thấy tôi. Tấm lưng to lớn này một thuở đã che hết tầm nhìn của tôi. Bốn năm mà tưởng như mới hôm qua. Bốn năm như cơn mơ quá quá vội. Don không biết tôi đã có con và đã cố gắng xóa đi hình ảnh chàng trong tâm tư. Và Don cũng không biết mối tình xưa cũ ấy sáng hôm nay bỗng rực rỡ sống lại trong lòng bà mẹ trẻ với đứa con lên bốn. Tôi âm thầm theo dõi Don, nửa muốn chạy lại gọi tên chàng thật to, nửa muốn im lặng mãi mãi để hình bóng tôi

đừng bao giờ sống lại trong trí nhớ chàng. Don vẫn kiên nhẫn chỉ cho con cách tìm sách rồi ba cha con lại ngồi xuống bàn tiếp tục bàn bạc về những quyển sách mới tìm được. Nỗi sợ hãi mơ hồ nào đó cứ giục tôi trốn chạy. Tôi đang ngồi thật gần lối đi cứu cấp. Bốn năm xưa, chính con tôi đã mạnh tay xô chiếc cửa cứu cấp để tôi bỏ buổi hẹn hò với Don, trở về với bốn phận của mình. Bây giờ lần nữa, tôi lại phải nhờ đến con dắt mình rời mê lộ. Sợ Don sẽ nhìn ra mình, tôi kéo tay con đứng lên:

— Minh đi về nghe con.

Con bé dùng dằng:

— Con muốn đọc hết truyện này.

Tôi dụ dỗ:

— Đi ra ngoài mẹ mua cho con cây kem rồi vừa ăn vừa nghe mẹ đọc, có được không?

Con bé tươi tắn đứng lên:

— Đi mẹ, mình đi mua kem nghe.

Trẻ con dễ dụ. Con bé ngoan ngoãn bước theo mẹ. Đứng chờ ở quầy kiểm sách, tôi cứ nơm nớp lo Don sẽ nhìn thấy mình. Bốn năm xưa tôi đã trốn chạy Don một lần. Bây giờ bốn năm sau tôi trốn chạy lần nữa. Cả cuộc đời tôi cứ làm kẻ chạy trốn mãi hay sao?

Rời thư viện, tôi nghe nhẹ nhõm như vừa trút được một mối lo. Ngồi ở quán kem, đọc từng dòng chữ cho con, tôi biết tâm hồn tôi còn đang lưu lạc ở tận nơi nào.

Cả một thời thơ mộng trở về nằm chần trên trang giấy. Những câu nói dịu dàng của Don ngày nào che đi những câu hỏi thơ ngây của đứa trẻ trong truyện. Tôi gấp sách lại, ngồi ngắm con mê say liếm những giọt kem ngọt ngào. Tôi thêm một hạnh phúc đơn sơ như thế. Ngày đó Don đã là cây kem bảy sắc cầu vồng cho tôi nhìn ngắm. Bốn năm sau, cây kem đã tan chảy, sắc cầu vồng đã trộn lẫn thành một màu nhờ nhờ, sẫm sẫm. Sắc hồng, xanh, vàng tươi chỉ còn là những sợi chỉ mong manh, phải tinh mắt lắm mới nhìn thấy được. Như tôi trốn chạy Don buổi sáng hôm nay

là để đuổi tìm những sắc màu nguyên thủy đó mà quên đi tảng màu u ám của hiện tại đang lem luốc bức tranh đời mình.

Liếm nốt những giọt kem cuối cùng, bé Ti khoan khoái đứng lên:

— Minh về nghe mẹ. Con nhớ ba rồi.

Tôi mỉm cười gật đầu. Đợi đến lúc ăn xong nó mới nhớ đến ba và đòi về. Hai mẹ con thư thả rời thương xá. Thoát ra khỏi bốn bề cửa kính tôi mới biết ở bên ngoài bầu trời vẫn xanh và vẫn đẹp. Bên ngoài nắng đã lên mau.

Năm cứ mới rồi cũ. Mỗi năm cứ đến Tết là lòng tôi nôn nao. Tôi quá già để nôn nao quần áo mới, phong bao lì xì. Tôi nôn nao vì biết mình phải già thêm một tuổi. Khi bắt đầu qua khỏi tuổi ba mươi, người đàn bà mới nghĩ nhiều đến tuổi già vì nó đến thật nhanh. Nhiều lúc soi gương, tôi đã thấy nét già cỗi hằn trên gương mặt mình. Những vết chân chim rõ nét sau đuôi mắt, những vết nám nhân nhợt rải rác trên làn da. Thỉnh thoảng vài sợi tóc bạc chượng mắt nổi bật trên màu đen mượt mà của tóc. Đôi bàn tay xinh đẹp thuở nào đã hằn lên những đường gân cực nhọc, làn da đã khô đi dù tôi vẫn cố chăm sóc đôi tay mình cẩn thận hơn gương mặt. Có mỹ phẩm nào chiến thắng được tuổi già? Tôi không tiếc gì bằng tiếc đôi bàn tay đẹp giờ chỉ còn lại những ngón dài vô hồn, thiếu sự tươi mát của làn da non trẻ. Ngày xưa tôi rất hãnh diện mỗi khi có ai nhìn ngắm đôi tay mình, giờ đây tôi lại ngượng ngùng không dám phô bày tay cho ai thấy. Dù sao tôi cũng không thể nào trốn chạy sự thật. Tôi đang đón nhận một năm mới khác đang ủa đến để sẽ nhanh chóng trở thành năm cũ. Không muốn sẫm sẫm gì nhưng tôi cũng phải đi mua một ít đồ cần dùng nhân dịp các tiệm đều bán hạ giá vào dịp cuối năm. Đi bộ ra *shopping mall* gần nhà, tôi vẫn

chưa biết mình sẽ mua gì. Có khi hăng hái ra đi rồi lại trở về tay không!

Lâu lắm tôi mới có dịp lang thang một mình như thế này. Con bé còn ở nhà trẻ, chiều mới được mẹ đón về. Tôi cầm tờ quảng cáo của tiệm Zeller's liếc sơ. Tôi có tật mê đồ dùng nhà bếp, nhiều khi không cần, thấy bán rẻ cũng mua về

để đó. Dưới *basement*, chén đĩa nồi soong còn nguyên trong thùng, cứ để đó lâu lâu đem ra ngắm rồi cất trở vào.

Đi dọc theo hàng quần áo trẻ con, tôi tìm xem có kiểu áo nào mới, bắt chước may cho con. Cuối năm, đồ bán thật rẻ, nhiều chiếc áo thật đẹp giá chỉ có năm ba đô. So với tiền mua vải thì quá rẻ nhưng

dù sao tôi vẫn thích tự tay may quần áo cho con hơn. Con bé cũng thích được mẹ diện cho. Mỗi bộ quần áo mới là có một cái bóp đầm nho nhỏ cùng loại vải. Cô nhỏ mặc đồ đẹp, đeo cái bóp toồng teng trên vai, ra đường ai cũng nhìn, tấm tắc khen xinh.

Khi tôi vừa định cầm chiếc áo đầm ren trắng lên xem thì nhận ra cách mình không xa, Don cũng đang đẩy xe đi tới. Trong xe ngổn ngang những quần áo, đồ chơi trẻ con. Tôi lặng người đứng nhìn theo hướng Don đi. Chàng như thứ định mệnh nghiệt ngã lúc nào cũng đuổi theo tôi. Tôi như kẻ bị truy nã phải lẩn trốn. Ngang khu đồ đàn ông, Don dừng lại ngắm nghía. Chàng cầm một chiếc áo sơ-mi đàn ông lên, xem tới xem lui rồi để xuống. Đến khu bán đồ phụ nữ, chàng chọn một chiếc áo len màu hồng ngọt dịu. Don xem xét một lúc rồi bỏ vào xe. Tôi đoán chàng mua tặng vợ.

Máng chiếc áo trở lại chỗ cũ, tôi bước ra khỏi khu quần áo để nhìn theo Don rõ hơn. Trong lồng ngực, trái tim tôi như muốn chạy ra đuổi theo trái tim đã có lúc đập cùng một nhịp với nó, cũng như tôi đang muốn đuổi theo những bước đi của người cũ. Tôi âm thầm nhìn theo Don mãi cho đến khi chàng đẩy chiếc xe đứng vào hàng đợi đến phiên trả tiền. Tôi bỏ ý định mua sắm, chạy vội ra xe ngồi im trước tay lái thật lâu. Lần thứ ba tôi đã trốn chạy được chàng. Và chiều nay, trong buổi chiều cuối năm im vắng tôi lại ngồi đây chờ Don rời thương xá nhìn dáng chàng lần nữa bước đi.

Người xưa có câu "quá tam ba bận", tôi hy vọng sẽ không còn lần nào mình trốn chạy Don nữa. Tôi cũng hy vọng theo buổi chiều của một năm đang cũ, cơn mơ tôi rồi sẽ tàn lụn dần với dáng một người đã xa tắp từ bốn năm xưa để tôi sẽ không còn lần nào trốn chạy. Bốn năm đã dừng ở đó, mới tỉnh khôi. Năm của tình yêu không như năm của đời người cứ mới rồi lại cũ. ○



tiểu bích

Bao giờ cho mây tan
bao giờ thôi mưa ủa
những mắt chào long đong
những hồn soi nghiệt ngã
này em bao nhiêu năm

Tóc vẫn dài không đợi
em vẫn hoài u mê
ngồi ở nhà không nói
một lời sao sơn Khê.

Tìm em tìm chiếc bóng
mặt trời sao chưa lên
mặt trăng giờ đã khuyết
em vẫn tràn hư không
đành thôi thôi tình lụy
đã chìm đồ mười năm.

Chừ em em có nhớ
tìm nhau tìm nơi đâu
tình không còn chỗ trú
tưởng là hoa ban đầu
ngỡ là mây cuối phố
ngỡ nụ cười thiên thâu

Này em vắng trắng buộc
như hành trâm thu phân
như hành trâm nguyệt ước
trên tóc người vô tâm.

Này em còn hơi thở
thở cùng nhau một lần
khóc chung dòng nước mắt
cười chung lẫn hân hoan.

Này em em hoang vu
trong hồ này mộng tưởng
vẫn lạc loài phương xa
vẫn dòng sông ra biển
vẫn lệ tràn tóc hoa.

Này em như giao hưởng
một phiên đàn vô thanh
buổi về như trống vỡ
bội ân người đi nhanh.

Này em thay khăn gói
lên đường đường còn xa
này em này nắng đại
vẫn êm đêm tơ sa

Một lần là ước nguyện
em theo người mười năm
ta theo đời phiêu bạc
cũng tròn như phúc âm

Chừ ngồi đây không nói
nói đành như không nghe
mười năm em vùi vùi
một tin về phương kia.

Chừ anh anh đứng bóng
chừ em em mênh mông
đành thôi thôi tình lụy
đã chìm đồ mười năm.

Chút son hồng cũng ảm
bên môi người lạnh tanh
này em này nước mắt
đã chìm đồ mười năm
anh thành tên bội ước
trên tình mình vô tâm.

nguyễn đức bạt ngàn

Thư Xuân

Ngô Du Trung

Thành cầm bức thư đi ra vườn sau. Trời cuối đông thật lạnh, cái lạnh như cổ ra oai lần cuối trước khi nhường chỗ cho mùa xuân sắp đến. Bàn tay anh tím ngắt, lóng cóng. Thành gấp lá thư, đút hai tay vào túi áo. Hơi ấm làm anh cảm thấy dễ chịu. Anh thơ thẩn đi dạo trong vườn rồi dừng lại nơi gốc cây pecan. Chiếc ghế xích đu treo lủng lẳng trên một cành cây. Mấy chiếc lá pecan sót lại sau mùa thu vừa qua nằm cong queo trên mặt ghế giờ đã đổi màu xám đen, như sắp lên mốc. Thành quơ tay gạt đám lá rồi ngồi xuống. Hơi lạnh bốc lên từ những thanh gỗ thấm qua lớp vải quần làm Thành có cảm giác chiếc quần anh mặc đang thấm nước. Thành ngồi im một lúc cho cơ thể quen với khí lạnh.

Lát sau, Thành rút tay ra khỏi túi áo, vẫn còn cầm lá thư. Lá thư bèo nhèo, màu vàng sẫm khiến Thành liên tưởng đến hai câu thơ Cao Tần:

Thư quê hương như tên hề ốm nặng.

Hồn tang thương sau mặt nạ tươi cười.

...Sắp Tết rồi phải không anh? Từ hồi nhà nước đổi mới đến giờ, năm nào cũng có nhiều người về Việt Nam ăn Tết. Mẹ bồng chồn, nao nức lắm, nghĩ thế nào anh cũng về. Nhưng rồi hy vọng ngày càng lụn dần. Anh vẫn biệt tăm. Mấy năm trước, vào dịp gần Tết, mẹ thường

hay nhắc đến anh. Có lẽ vì hy vọng sẽ gặp lại anh. Năm nay em chẳng thấy mẹ nói gì. Không nói nhưng em biết mẹ sốt ruột lắm. Mẹ cứ đi ra đi vào, nhắc thấy bóng người ngoài ngõ là mẹ giật mình ngó chăm chú. Một đôi khi, đang ngồi tần mẩn xếp lại mấy chiếc áo hoặc soạn lại coi trầu, bỗng mẹ hoảng hốt nhìn ra đường, ánh mắt xa vắng, rồi thẫn thờ cúi xuống tiếp tục công việc đang làm.

Có lần em nghe mẹ lầm bầm: "Không biết nó mê gì bên đó!" Anh Thành, lời mẹ làm em nhớ lại những ngày anh còn trong quân ngũ. Anh cũng đi biệt tăm, lâu lâu mới có một cái thư về nhà mà mỗi lần gọi là ở một địa danh khác nhau. Hồi đó mẹ cũng thường lầm bầm một mình: "Không biết nó ham gì mà đi lung tung..."

Thành lầm bầm nhắc lại: "Không biết nó ham gì!". Anh ngả người dựa vào lưng ghế làm chiếc ghế đu đưa một chút. Ngược mắt nhìn lên những cành pecan khẳng khiu, đen mốc, rung rinh trong bầu trời xám, ảm đạm, đầu óc Thành chồn vờn câu hỏi: Không biết mình ham gì? Anh nhớ lại những lời trách mắng của mẹ ngày trước trong những lần



anh về phép: Sao mày đi lung tung mà không chịu viết thư về nhà cho mẹ biết tin? Những lần ấy, anh thường cười, trả lời: Con không viết thư về là mẹ biết con bình an vô sự rồi. Mẹ anh gắt: Tổ cha mày, nói thế mà cũng nói.

Thành lại lầm bầm: Ham gì? Ở đây năm nào Tết đến Thành cũng buồn nấu ruột. Có năm anh bảo vợ mua nếp, mua lá về rồi hai vợ chồng loay hoay gói bánh, luộc nấu đến nửa đêm. Giao thừa hai vợ chồng vớt bánh ra, ngồi nhìn nhau rung rung.

...Anh còn nhớ anh Tiến không? Cái anh ở đầu ngõ gần nhà mình, học cùng lớp với anh đó. Tết năm ngoái anh ấy về thăm nhà. Trời ơi, cả xóm xôn xao, vui như hội. Suốt ba ngày Tết, nhà anh ấy không lúc nào ngưng tiếng pháo, ngừng khách khứa. Anh Tiến ngày trước đã trắng trẻo, mập mạp giờ càng phát tướng, trông bệ vệ lắm. Anh Tiến tổ chức một bữa tiệc mời cả xóm lại dự. Đầu tiệc, anh ấy áo vét, cà-vạt, đứng trước mọi người nói mấy lời chúc tụng. Anh ấy nói năng lưu loát, trôi chảy, thảnh thơi

đem vào một vài tiếng ngoại quốc, nghe thật lạ tai. Cả xóm ai cũng phục.

Ấy, anh đừng nổi giận. Em biết anh không thích anh Tiến từ lâu. Chuyện hồi xưa anh ấy theo tán tỉnh em ấy mà. Anh bảo em: cái thằng đó mặt nung núc những mỡ, mập như heo. Em không có cảm tình với anh Tiến không phải vì anh ấy mập, nhưng vì... vì không thích, thế thôi!

Hôm anh Tiến về, mẹ bảo em sang hỏi thăm về anh, xem anh ấy có gặp anh, biết tin gì về anh không, nhưng em không chịu đi. Mẹ giận, mắng: Chúng mày là một lũ cứng đầu! Anh Thành, không phải em về phe với anh đâu, mà là vì chồng em. Chồng em tật nguyên, như anh biết đó. Trong hoàn cảnh tế nhị này, em không muốn làm chồng em buồn lòng.

Còn anh thì quả có cứng đầu như mẹ nói thật. Anh nhớ hồi anh đi lính không? Mẹ khóc hết nước mắt bảo anh học Sư phạm, anh không chịu, nhất định đi lính. Mẹ đem anh Tiến ra so sánh, anh càng quyết chí đi lính hơn. Rồi sau đó anh được gì? Trôi nổi hết nơi này đến nơi khác, đánh nhau chí chết mà có giữ được gì đâu! Thời gian anh ở tù, mẹ vất vả, chịu bao nhiêu đắng cay, tủi nhục. Mẹ già, tóc bạc lưng còng mà cứ bị đám vệ binh, cán bộ Việt cộng hỉ mũi chưa sạch dạy dỗ hết bài học này đến bài học khác trong những lần mẹ thăm nuôi anh. Em theo mẹ ra thăm anh một lần, anh nhớ không? Lần đó thật là khổ. Mẹ mang dư một số quà quá quý định, bị gã cán bộ Việt cộng buộc để lại trước khi vào khu thăm nuôi. Mẹ năn nỉ giải thích mãi, một điều thừa ông hai điều thừa ông mà mặt nó cứ trơ trơ ra. Mẹ nài nỉ quá, nó nổi cáu xỏ tràng giang đại hải, những là con bà có tội với tổ quốc, có nợ máu với nhân dân, tội lỗi ngập đầu, đáng đem ra xử bắn nhưng vì cách mạng khoan hồng tha cho tội chết, còn được học tập cải tạo thành người tốt; Cách mạng dạy dỗ đầy đủ, có để thiếu thốn gì

đâu. Nó còn lên mặt, mắng mẹ không biết dạy con, để theo để quốc giết hại nhân dân, còn xin xỏ cái gì!...

Anh Thành, bây giờ mà nhắc lại những điều đó có vẻ như lạc điệu vì Cách mạng đã... đổi mới. Cách mạng cất bài cũ, trưng bài mới ra. Hồi trước, những người chạy ra ngoại quốc bị gọi là đi điếm, ma cô, quen ăn bơ sữa để quốc không quen nhịn nên bám theo chân Mỹ mong kiếm chút bơ thừa. Nay Cách mạng đổi mới, gọi các anh là khúc ruột ngoài ngàn dặm, sướng nhé! Cách mạng đổi giọng như các kẻ đổi màu, không biết đâu mà lường.

Nhưng cũng nhờ vậy nên có người về, lắm người về. Mẹ nói ai cũng về, chỉ có anh là cứng đầu. Mẹ thường bảo em: Cứ như thằng Tiến mà sướng, mà khôn. Chẳng phải đi lính, chẳng phải ở tù, chẳng phải sợ sệt ai...

Thành gấp tờ thư lại, thấy bàn tay mình run run. Anh nhớ đến cái thư ông chú viết cho anh cách đây mấy năm: "Tao ở đây còn không sợ, tội mày ở bên đó mà sợ cái đánh gì?" Sợ cái đánh gì! Thành lắm bầm.

Trời lạnh quá, anh lại rút hai tay vào túi áo, ngó mông về phía trước. Cái hàng rào gỗ đen xì che mất tầm mắt. Thành thở dài, quả thật cuộc đời anh chẳng ra gì, hết làm khổ người này đến làm khổ người khác. Mẹ anh trách anh cũng phải.

Có tiếng con chó nhà bên cạnh chồm lên cào rột rột vào hàng rào gỗ, rên ư ử. Chắc nó đánh hơi biết được anh ngồi bên này. Anh quen thân với người hàng xóm nên mỗi lần đi đâu xa, người hàng xóm thường nhờ anh săn sóc con chó, cho ăn cho uống. Mãi rồi con chó đâm mến anh. Mỗi chiều anh đi làm về nó thường chạy theo quẩn quít, liếm tay liếm chân. Thường thường anh dừng lại, vỗ vỗ vào đầu nó mấy cái. Cũng có hôm mãi lo nghĩ hay bức bối về một việc gì, anh quên không tỏ tình thân thiện với con chó làm nó cuống quýt, quính

quáng chạy tới chạy lui, rên ư ử trông rất thảm não. Mà càng không được chú ý nó càng quấy nhiễu hơn, chồm lên ôm cả chân anh. Những lần như thế Thành bực mình tổng cho nó một đập. Con chó văng ra xa, kêu ăng ăng rồi dừng lại ngó anh, sửa mấy tiếng như vừa ngạc nhiên vừa trách móc.

Thành rời ghế đến cạnh hàng rào luồn tay qua lỗ hồng vỗ nhẹ vào lưng con chó. Nó cúi mọp đầu xuống, cái đuôi ngoe ngoảy, ngoe ngoảy. Thành ngồi đó, bàn tay cứ vỗ đều trên lưng con chó, đầu óc trôi bèo bồng. Một lát, anh trở lại chỗ chiếc xích đu. Anh chợt nghĩ, phải chi mình có một cái đuôi để ngoe ngoảy, ngoe ngoảy...

À, có chuyện này em muốn kể anh nghe. Mấy năm trước có một ông thương phở bình cách mạng đến ở xóm mình. Ông này hợp với ông thương phở bình ngụ nhà em thành một cặp bạn nhậu, ngồi chửi đồng quên đời. Em sốt ruột sốt gan, cứ phải nhắc chồng em: Ông ấy có công với cách mạng, có nói xấu cách mạng chắc cũng không sao. Anh hứa theo coi chừng mang họa...

Con chó bên hàng xóm vẫn chưa chịu đi. Nó tiếp tục cào rột rột lên hàng rào gỗ, thỉnh thoảng sửa một tràng dài. Người chủ nhà mở cửa bước ra. Ông lên tiếng kêu. Con chó chạy lại với chủ. Một lát nó lại chạy đến chỗ hàng rào tiếp tục sửa gâu gâu. Người hàng xóm bước hẳn ra khỏi thềm, đến cạnh hàng rào. Ông ta ngạc nhiên thấy Thành ngồi co ro trên xích đu dưới gốc cây pecan. Ông lên tiếng chào. Thành đáp: "Con chó của ông khôn và ngoan lắm. Nó biết vẫy đuôi khi cần". Người hàng xóm cười cười chẳng hiểu ý Thành muốn nói gì. Ông lại chào Thành lần nữa rồi kéo con chó trở vào nhà.

Thành trở lại với đoạn thư vừa đọc. Anh chợt nghĩ đến những năm gần đây ở hải ngoại, người ta ồn ào kêu gọi hoà giải dân tộc. Thật là những người nhiều chữ. Những

người nhiều chữ nói năng, suy nghĩ có khác người ít chữ: Hai bên Nam Bắc chia phe đánh nhau mấy chục năm nên oán hận nhau, căm thù nhau. Vì vậy cần phải hòa giải.

Năm ngoái Thành tình cờ gặp một người tị nạn đi từ miền Bắc trong một bữa tiệc. Hôm đó anh và các bạn nổi hứng đua nhau kể chuyện tiểu lâm "nói xấu" cách mạng. Mọi người cười hô hố. Người tị nạn kia hình như hiểu lầm, gần cuối bữa tiệc, anh ta hỏi Thành: "Anh có ghét chúng em không?" Thành đáp: "Tại sao lại ghét các ông? Chúng tôi chống là chống chế độ cộng sản, không chống những nạn nhân của chế độ đó. Ngay cả đối với những người từng cầm súng bắn nhau với chúng tôi cũng vậy. Khi ra trận thì phải bắn. Nhưng ngưng bắn rồi thì thôi. Làm chó gì có chuyện căm thù nhau đến xẻo vú, cắt cửa mình, moi tim móc gan như bọn văn nô bốc lão..."

...Hồi tháng sáu có cái đám cưới Việt kiều. Đám cưới lớn, sang chưa từng thấy. Hai ông phở bình diu nhau đi xem. Em nói "diu" vì một đằng không đủ chân, một đằng không đủ tay.

Cho em dài dòng một chút về cái đám cưới. Anh biết không, đằng trai, một Việt kiều từ Mỹ về, mượn hai mươi bảy chiếc xe hơi, trang hoàng lộng lẫy mà mỗi chiếc chỉ để chở một hoặc hai người. Thật là một đám cưới sang trọng! Anh ở bên đó "ôm chân để quốc" chắc không thể hiểu được cảnh sống bên nhà. Để em giảng cho anh rõ. Thí dụ, em nói thí dụ thôi, ông Việt kiều đó chỉ mượn một hoặc hai chiếc xe, số tiền để mượn hai mươi lăm chiếc xe còn lại, ông ấy cho... gia đình em thì gia đình em có thể sống mấy năm phây phả mà không phải làm lụng gì cả.

Người ta đứng sắp hàng đầy ngoài đường để xem. Người lớn có, con nít có, cả phở bình què cụt. Con nít thì ở trường, ốm tong teo. Chúng nhẩy chơi chơi, vỗ tay reo hò ầm ĩ. Người lớn kẻ quần đùi, người

chiều cuối năm

Chiều cuối năm ở một trại giam
Có tôi ngồi lơ đãng giữa sân
Nghe nói về chỉ tiêu, thắng lợi
Và non sông sẽ đẹp trăm lần!

Chiều cuối năm, tôi ngồi giữa sân
Hồn mộng du nơi xa chốn gần
Nghe nói về đấu tranh, cách mạng
Và quê hương đầy những anh hùng!

Ngồi giữa sân một chiều cuối năm
Tôi không biết lòng vui hay buồn
Nghe nói về tay sai, đế quốc
Và nhân dân độ lượng, khoan hồng!

Ngồi giữa sân ở một trại giam
Ai đang nói, còn tôi nghe không
Lao động tốt, học tập, tiến bộ
Chiều cuối năm đã chết muộn màng!

nguyễn văn ngọc



áo thun, ông râu ria lởm chởm, bà quần áo xốc xếch, tay bế tay bồng đứng lố nhố, miệng suýt soa, trăm trở khen ngợi.

Em tiếc không thấy được chú rể coi mặt mũi ra sao. Chắc phải hãnh diện lắm, sung sướng lắm. Để gì có được một đám cưới sang trọng, huy hoàng, được lắm người xem như vậy, phải không anh?

Hai ông đi xem đám cưới về rồi bày rượu ra nhậu. Thường ngày hai ông ấy nói dữ lắm, nhất là khi có rượu vào. Không hiểu sao bữa đó hai ông cứ như người câm, ngồi im lặng uống rượu, mặt mày dăm chiêu tư lự như đang nghiền ngẫm một điều gì ghê gớm lắm.

Em đi ra đi vào, nhìn mãi cảnh đó chịu không nổi nên nói với chồng em: "Anh Quyền (tên ông phở bình cách mạng) không vợ không con (thực ra anh ấy bị vợ bỏ sau khi bị thương) thấy đám cưới thì... động lòng. Còn anh, mắc mớ gì cũng ngồi đực ra trông chán thế?"

Chồng em nhìn em, cười toáng lên rồi quay sang vỗ vai ông phở bình cách mạng: "Anh Quyền này, tôi nghĩ cái đám Việt kiều như cái ông về cưới vợ hồi trưa này chắc phải cảm ơn cách mạng các anh lắm. Không nhờ cách mạng vào giải phóng, các ông ấy làm sao có được như ngày nay". Ông Quyền chắc đã ngà say, trợn mắt lên nhìn chồng em, lè nhè: "Thôi, cậu mĩa mai tớ làm gì! Chúng mình đều là dân đen cả, có đổ xương máu ít ra cũng mang lại hạnh phúc cho một số người: Trung ương Đảng của tớ là một, các bậc tai to mặt lớn của cậu là hai, Việt kiều của chúng ta là ba... Ha.ha..ha..."

Thành đứng dậy, đưa tay phải mấy miếng vỏ cây rớt từ những cành pecan khô vương trên áo rồi chậm rãi đi vào nhà. Được một quãng, anh bỗng bật cười khan làm con chó nhà bên giật mình sủa mấy tiếng.

Hán thành, cuối tháng mười hai. Phi trường Kimpo cảm cảm tuyết giá. Dọc đường về khách sạn, người tài xế tắc-xi gọi chuyện mấy lần. Chỉ tay về kiến trúc xa xa, y bi bô giảng giải, về hãnh diện. Tôi không chú ý nhưng đoán đây hẳn là vận động trường xây cất cho Thế vận hội năm nào. Dọc bờ sông Hàn, cây trụi lá trơ cành đứng san sát như mây xám giăng ngang trên mặt đất.

Trong phòng để sẵn ấm chén, trà, nước sôi: phong tục đáng yêu của lữ xá phương Đông. Chiếc ấm kiểu "siêu thuốc bắc", thế vì quai là tay cầm gắn ngang hông thành góc thước thợ với vôi. Tôi bê cả khay đồ trà ra bàn gần cửa sổ.

Từ trên cao màu sắc nhẹ nhàng hơn, trông bớt thê lương.

Ngồi bất động hồi lâu, lòng tôi dần phần khởi. Thế là thêm một lần nữa đặt chân lên ngưỡng cửa của cái lục địa quê hương. Nơi đây *một cõi đi về*. Thân mà chưa chắc quen vì mệnh mỏng quá. Mỗi cuộc hành trình chỉ đủ để tham quan phiên diện một góc rất nhỏ của vô tận, mỗi chuyến đi lại thêm một lần thám hiểm.

Cứ ngồi yên, nhưng máu trong huyết quản tôi luân lưu cơ hồ đã thêm dồn dập, lòng phớt nhẹ như bông... Thật tuyệt vời.

Hay gần như thế.

Thế gian dường luôn thiếu hụt thứ niềm vui thuần khiết. Trưa nay, như biết bao lần, nơi đáy lòng tôi cái lạnh tủi quen thuộc đáng ghét của độc hành muôn dặm đã lại dấy lên, làm vẩn đục đợi chờ náo nức. Trong giây lát, tôi không ngăn được mình đắm chìm vào đôi ý nghĩ, hoài niệm vẩn vơ.

Chiếc chén trà còn úp mặt kia, ví tôi được lật ngửa lên mà rót mời người bạn tri âm cùng thưởng thức chút ít hương vị giang hồ, thì dầu trăm nghìn rừng cây trụi lá và bao nhiêu băng tuyết lạnh lùng trên Hàn quốc giữa tiết trọng đông tưởng chẳng sá gì...

Những lúc như thế này, vui buồn lẫn lộn trong bắt đầu một chuyến

Tâm Xuân

Đoàn Tam

Trèo lên cây bưởi hái hoa...



viễn du, tôi cũng thường nhớ đến vài ba tâm hồn bầu bạn. Trong đám cổ nhân hiếm hoi ấy, vẫn hay chập chờn bóng dáng T.A.

*
*
*

Mùa hè năm 198...

— Hello, làm ơn cho tôi nói chuyện với ông Sơn, nhiếp ảnh gia.

— Chính tôi đây. Cô cần chụp ảnh chân dung, thời trang phải không ạ?

— Tôi xem báo thấy quảng cáo của ông...

— Vâng, chúng tôi có hướng dẫn làm *make-up* và bảo đảm ảnh rõ, đẹp mới nhận tiền. Chắc cô cần biết giá cả?

Cười khẽ bên kia đường dây.

— Thế... ông nhất định buộc phải trả tiền mới chụp?

— À, vậy cô hẳn là người mẫu chuyên nghiệp, hay ảnh hậu, hoa khôi, á hậu duyên dáng. Vâng, ở đây chúng tôi cũng cần thêm người mẫu và cũng có thể trả như các nơi khác, như Mỹ. Cô có sẵn *portfolio* chứ ạ?

Lại cười nho nhỏ. Im lặng mấy giây.

— Tôi chả biết *portfolio* là gì, cũng chẳng muốn lấy tiền của ông. Chắc ông có nhiều ảnh đẹp, tôi xin cái hẹn đến xem *album*, được không ạ?

Tôi ngồi tiếp T.A. xem ảnh, giảng giải hơi nhiều, thỉnh thoảng nói khoác, và kín đáo ngắm nàng. Khuôn mặt nhìn thẳng, nghiêng đều được những có lẽ “nét” nhất khi hơi cúi xuống, mi đậm dài che mắt. Ánh mắt hơi xa vắng, không buồn không vui.

— Cô bé xinh ghê, anh Sơn nhỉ. Đẹp lãng mạn như công chúa ngủ trong rừng.

Công chúa Annanda, thuộc tổ hợp *Miếng lông cừu vàng* chuyên cung cấp người mẫu khỏa thân. May quá, xiêm y đầy đủ trong loạt hình này.

— Vâng, xinh thật. Cô ấy năm ngoái còn học ở Cal State Northridge. Nhờ tôi khám phá, bây giờ đã qua New York làm việc.

Mắt mở to. Có lẽ tin thật. Tài nào đoán nổi. Tôi hơi buồn thấy mình ma giáo miệng mồm cả khi không cần thiết.

— Cô người mẫu này là Việt Nam phải không anh? Ảnh mỹ thuật quá. Anh Sơn chắc đã đoạt nhiều giải thưởng?

Trước kia, được khen như thế hẳn tôi lấy làm phấn khởi. Bây giờ, mình ngắm ảnh mình, đứng dưng. Những đôi con mắt non nớt, những cái khiêu thẩm mỹ chưa giữa mài rèn luyện của số đông vẫn luôn nhằm nghệ thuật với khuôn sáo cũ, mòn, dễ dãi. Hơn hai trăm bức ảnh sắp xếp công phu kia nhất quán ở cái tầm thường. Nhìn kỹ, có thể chia ngay ra làm mấy loại, mấy công thức quen thuộc với kẻ trong nghề. Chết người chính vì công thức. Nghệ thuật hàng đầu trước tiên đòi hỏi sáng tạo.

— Vâng, cô ấy là Việt Nam. Ảnh được đăng báo mấy năm trước...

Tôi bỏ lửng câu đáp, giả vờ khiếm tốn, tiếp tục quan sát, rình mò. Người con gái ngồi kia gần

như không trang điểm. Làn da mặt trần trụi hơi ngăm nhưng mịn tươi. Môi hồng tự nhiên, hơi mím.

Những ngón tay thon dài đã lật đến trang chót, rồi tập *album* đưa lên vén tóc, thông thả, thật thông thả. Tôi bỗng nói bằng giọng tha thiết:

— Đề nghị T.A. chụp thử. Tôi sẽ tặng T.A. cả một bộ hình.

*
* *

Xe chạy trên xa lộ Pacific Coast khá lâu, đã qua Malibu. T.A. thắc mắc:

— Gần đến chưa anh? Giá mình đi Laguna Beach thì tới lâu rồi.

— A. có vẻ thích Laguna Beach lắm nhỉ. Cũng chẳng riêng A., hình như các cô Việt Nam thích giống nhau...

— A. nghĩ vì ở đây tiện đường, phố lịch sự mà biển cũng đẹp. Bãi mình đi hôm nay tên gì hở anh?

— ...còn tùy A. Có nhiều nơi. Đặc sắc nhất là Zuma, vì cuối bãi có một cái vụng nhỏ kín đáo, khá ngộ nghĩnh. Núi ra sát biển, biển ăn vào chân núi thành hình vòng cung. Vào đấy đứng nhìn trước mặt sóng trắng lờ lờ, sau lưng vách núi sừng sững, hai bên có đá khổng lồ làm bình phong. Đá nhiều lắm, dưới nước, trên bãi, đủ kích thước án ngữ khắp nơi...

— Ô, độc đáo quá nhỉ! Thế, chụp hình đẹp chứ anh?

— Đẹp. Độc đáo về cảnh, và cũng vì... đấy là chỗ tắm khoả thân!

T.A. hơi đỏ mặt, ngạc nhiên. Phản ứng yếu ớt:

— Ngượng chết anh. A. chẳng dám xuống đâu.

— Đi xem cho biết. Tất nhiên “y phục tùy tiện”, mình có phải làm... như người ta đâu!

Tôi biết mình bạo quá, trong quan hệ vẫn còn cực mong manh. T.A. gặp tôi hôm nay là chỉ mới ba lần. “Chụp thử” lần đầu xong, mời nàng đến xem ảnh, ca tụng mấy câu nhiệt tình về vóc người dong dề gọn gàng, than thở mùa hè chóng qua, và đề nghị nàng “thử” chụp thêm một loạt hình áo tắm. T.A. nhận lời

dễ dàng, ngoài dự liệu của tôi. Khá nhanh chóng tôi nhận ra vẻ thụ động ở nàng và thừa thắng xông lên. Kể, đã lâu tôi chưa mò đến loại bãi “chuồng cừu”, nhất định chưa bao giờ cùng đi với một người con gái mới quen! Tuy miệng nói cứng, mặt mũi cố tình lì lợm, nhưng lòng tôi có lẽ hồi hộp chẳng kém lòng nàng. Hôm nay tôi tự phá kỷ lục về cái đức trăng tráo.

Ngày thường nên bãi vắng. Tôi xuống xe trước, đợi A. cởi lớp y phục mặt bên ngoài. Hơi lâu, A. mới mở cửa, cười ngượng nghịu. Áo một mảnh cắt vên lên thật cao hai bên xương chậu, kiểu áo giết đàn ông. Da thịt lồ lộ rám nắng đều, tuyệt không thấy những vết trắng của đồ lót. Dẫn bước về phía ghềnh đá, tôi hỏi:

— A. ở Fountain Valley, chắc hay ra Huntington Beach phơi nắng lắm phải không?

— Vâng. Nhưng A. chỉ đi với cô bạn thân, hay đi một mình... Anh Sơn, chụp ở bên này có được không anh? A. thấy kỳ quá.

Tôi vờ soát lại máy, làm bộ băn khoăn về rắc rối kỹ thuật tượng tượng, phớt lờ phản kháng tuyệt vọng.

Lên xuống lên lờ giữa những khối đá khổng lồ một lúc, chúng tôi lọt qua phía bên kia. Mẻ nước vắng hoe. Sâu trong bãi cát, gần đến chân núi rải rác người nằm. Nhắm mắt tôi cũng biết đa số là đàn ông. T.A. liếc thật nhanh rồi ngoảnh mặt ra biển, mặt đỏ đến tận mang tai.

Mây đầy trời, nắng bắt chợt, khi có khi không. Màu xám của đá làm nền rất đẹp, tôi chụp T.A. nhiều tấm trong các hang hốc. Sau lúng túng ban đầu, nàng cười tươi, thoải mái, đáng bộ tự nhiên hơn hẳn lần chụp trước. Tôi khen nàng trang điểm khéo, nói sao hôm nay bớt vôi mà thêm son phấn. A. nheo mắt, má lúm đồng tiền, không đáp. Chúng tôi dần thân mật. Như một bản năng, tôi tiếp tục leo thang liều lĩnh, đôi lần lấy cớ sửa sửa thế đứng ngồi chạm khẽ tay vào chân, đùi nàng. A. không phản đối, mắt

ướt long lanh. Da thịt tiếp xúc phù du, rạo rực khôn tả. Sóng vỗ mạnh bất thần hay tôi vô ý, đang giờ máy ngắm nghĩa chợt lao đao suýt ngã, nửa thân dưới khuất trong bọt nước. A. khúc khích, bỗng vùng chạy về phía hốc đá để túi áo quần.

— Anh thay đi, mặc ướt thế khó chịu lắm.

Nàng đưa cho tôi một chiếc quần cộc đàn bà. Tôi hơi phân vân vì nàng cứ đứng tại chỗ, chỉ nghiêng mặt đi khi thấy tôi có vẻ lúng túng. Vắt xong chiếc quần *jeans*, ngẩng lên bắt gặp mắt liếc sắc dài dạn dĩ thẳng xuống mảnh vải nhỏ ướt còn lại, tôi choáng váng, trong giây phút bỗng mất hết can đảm, bắt giắc vội vã xỏ chân vào chiếc quần cho mượn. A. cười thật nhỏ, khoan thai chuyển bước, lội ra ngồi trên một tảng đá.

*

* *

— Anh mê em từ lúc ấy. Con gái gì mà... trắng trợn! Chưa quen ai như thế bao giờ, thật đấy.

— Ai bảo anh nham nhở. Chẳng là gì tất của người ta, mà dám rủ đi bãi tắm trường. Rõ khéo mặt dày!

— Lúc đầu e thẹn, về sau gan khiếp đảm. Nổi hứng đích xác lúc nào, do đâu?

A. véo tôi đau điếng, lườm:

— Thèm kể cho anh! Hỏi như công an lấy cung tù chính trị. Định kinh nghiệm, đúc kết để đi dụ dỗ cô khác phái không? Đừng nằm mơ...

Nàng bỗng nghi ngờ:

— Này, anh.. "quen" với bao nhiêu cô người mẫu, khách hàng rồi đấy?

— Quen tất, nhưng hạnh phúc thế này mới chỉ có em. Thỉnh thoảng sầm sỡ qua loa đỡ buồn, chứ dám liều lĩnh, có ngày các cô kéo đến sập tiệm. Hãi nhất là các tướng chồng con, nhân tình ghen ầu! Không hiểu sao, với em, anh linh tính sẽ... thành công.

A. trở mình nằm ngửa, chân duỗi chân co. Đền trên bàn vận nhỏ, ánh sáng mờ dịu phơn phớt tỏa xuống thân thể thon dài không che đậy.

— Anh ăn nói vô duyên, xin lỗi

em. Nhưng anh thích em thật, rất nhiều. Việc thân mật quá nhanh là hoàn toàn do ở anh. Ba bốn cô bạn gái, lần nào anh cũng thế.

— Em có giận anh đâu. Mà anh gan nhỉ, nhớ người ta không thuận thì bề mặt.

— Phải thăm dò chứ. Cô nào thích theo lối cổ, mình cũng biết *thụ thụ bất thân*. Hợp rơ, thì đánh mau đánh mạnh.

Tôi quàng tay ôm siết vòng eo gọn lỏn. A. khẽ nghiêng người hưởng ứng.

— Chỉ thế là không ai bằng. Anh còn thích gì nữa không?

Tôi giữ nguyên vị trí, nói vào ngực nàng:

— Còn chứ. Nhiều lắm. Thích làm thi sĩ, chính khách, thương gia. Thích chó, mèo, trẻ con, ông già, bà lão. Thích ăn ngon, ngủ trưa, giúp đỡ người nghèo. Thích đi chơi xa quanh năm, nay ở chỗ lịch sự tiện nghi, mai bụi đời lẩn lóc. Thích có một người bạn gái đồng hành giống hệt như mình. Thích có một nơi thật ấm áp để thỉnh thoảng quay về... A. biết không, anh còn thích đọc kinh Phật nữa đấy. Đọc để thần phục trí tuệ và cách diễn đạt tuyệt vời của Phật tổ chứ không phải muốn thể phát quy y hay có ý định làm tu sĩ tại gia. Anh biết mình thiếu hẳn "căn tu"!

A. cười rúc rích, luồn tay vào tóc tôi:

— Anh có đi tu hủ thì lấy pháp danh là Thích Tất Cả cho tiện. Chứ sáng Thích Phở Tái, Cà Phê, trưa Thích Bún Chả, Chè Ba Màu, chiều lại Thích Ăn Chay, phiền lắm. Ai mà nhớ nổi.

Âm điệu bên tai ngọt ngào, âu yếm. Tôi đáp lại nhiệt tình, bằng thứ ngôn ngữ không lời, im lặng nồng nàn.

Một lát, A. khẽ thở dài, giọng nói thoang thoang mơ hồ:

— Em cũng thích đi chơi xa như anh. Thích từ thờ bé. Ước gì...

— Sao phải ước? Đang định rủ em mấy tuần nữa đi Alcapulco chơi biển, chụp hình. Nếu em đi rồi và chưa muốn trở lại thì mình qua

miền đông thăm quần đảo Bahamas hay xuống biển Caribbean thám hiểm Virgins Islands. Hay nếu em thích ra chơi Hawaii...

Tôi nín bật vì cảm giác tiếp xúc với dòng nước ấm. A. khóc lặng lẽ, nước mắt trào ra lăn ướt má.

— Sao thế A.? Chuyện gì vậy hở em?

Nàng vẫn khóc thầm, những giọt nước mắt lăn chã rơi không cần chia sẻ. Cực kỳ bối rối, tôi lờ mờ cảm thấy mình chỉ là chứng nhân đần độn trước một bí ẩn riêng tư to tát nào.

— Em không nhận lời anh được. Em... có gia đình.

Vòng tay tôi nơi lỏng, rụng rời. Về sau muộn đôi lần ẩn hiện làm thờ thẩn đi khuôn mặt đang linh động, ánh mắt từng bừng rạng rỡ vụt hững hờ xa vắng, và có lẽ cả tảo bạo năm nữ, điều luyện gối chăn. Nhìn lại, sự việc bao giờ cũng trong suốt. Hay chỉ mắt tôi mờ vì chân quen hơi hắt.

*

* *

Tuyết rơi nghiêng nghiêng, phơi phơi.

"Mùa đông này mình lên Big Bear trượt tuyết, vào quán uống nước táo dầm quế hâm nóng, mượn *log cabin* ngủ lại vài đêm, A. nhé". Mùa đông ấm cúng với vợ chẳng bao giờ đến. "Mùa thu hai đứa lái xe lên thung lũng Napa, ghé thăm uống thử mấy cốc rượu nho trong *wine country*, rồi trèo lên *hot-air balloon* bay lơ lửng ngắm rừng lá thay màu, A. có thích không?" Mùa thu êm đềm thơ mộng gần hơn những cũng chẳng đến bao giờ. Kỷ niệm cho tôi, cho chúng ta, là những buổi tối ra sân tiền em về, đi dưới giàn hoa giấy tím, bước thong thả níu kéo thời gian. Xe em để nhiều thú nhồi bông xinh xắn, có lần tôi đùa bảo sẽ mua chứa cả kho thật đẹp để từ nay mỗi lần em đến sẽ tặng một con và lấy một con, cho tới bao giờ trên xe chỉ toàn thú mới. Em cười khẽ. Vẫn tiếng cười nhỏ thuở ban đầu nhưng tôi đã

phân biệt được ít nhiều ý nghĩa qua những thay đổi thanh âm tế nhị. Vì em rắc rối, tôi phải dùng đủ thứ màu sắc để đặt tên cho từng chuỗi âm thanh. Ví dụ khi nào em vui, đây là tiếng cười hồng, em cao hứng là tiếng cười đỏ, em băng khuâng tiếng cười chuyển sang màu tím. Bí ẩn nhất là màu trắng, vì nó chứa tất cả, mà cũng có thể không chứa gì. Đêm nay em cười xanh biếc, màu xanh thật buồn bã. Bao nhiêu lần hỏi A.? Tôi hình như không đến nỗi là một tên quá bạc bẽo vô ơn, nhưng đầu óc u mê bây giờ chịu không sao nhớ nổi đã bao nhiêu lần đón nhận ân tình. Chỉ nhớ rõ giữa lần đưa tiễn cuối cùng và khi mây xám bắt đầu giăng dọc xa lộ là đầu thu trơ trọi lạ lùng tiếp nối nửa mùa hè thăm thẳm.

Tôi không nhìn tuyết nữa. Trên màn ảnh truyền hình đang bay lượn phấp phới những thiên thần mà đức Chúa Trời và toà thánh La Mã e khó nhận ra. Những thiên thần tóc đen mắt xé trong quốc phục Triều Tiên xanh đỏ tím vàng. Tôi mến những người bạn đồng chủng ở đất lạnh ăn kim chi biết bao, và yêu những cô gái hiền thực Á Đông kia dường nào, nhưng chưa ép nổi mình thưởng thức cái khiếu thẩm mỹ độc đáo nọ. Kiểu áo may dài phủ gót chân, rộng lưng thùng, và nhất là lưng thắt thật cao trông... hiền lành quá đi, lại thêm màu sắc ưa thích phần nhiều sắc sỡ chói chang, phải chăng ở đây nghệ thuật phản ánh cá tính dân tộc vốn chân phương, trung hậu. Chiếc áo dài của ta cũng đơn giản, song là cái đơn giản cao siêu, bay bướm (!)

"Em có may một chiếc áo dài kiểu cổ, mốt Hà Nội tiền chiến. Lướt thướt một tí, nhưng dễ thương lắm. Hôm nào sẽ mặc cho anh chụp... sưu tầm".

Tôi tự hỏi áo A. chọn màu gì.

lời cho ngày cuối năm

bên ngoài chiều cuối năm qua
trong ta nguyên nỗi nhớ nhà quất quay
mùa sang mùa
đổ bóng gầy
đêm trừ tịch
niềm đắng cay
đoạn trường
giao thừa đốt chút trầm hương
giục hồn xuân dậy mở đường về quê
nợ núi sông vẫn hẹn thề
nợ cơm áo lẫn đam mê rồi bời
đất trời chuyển hóa
xuân khơi
trao thêm ta một tuổi đời lưu vong.

vạn giả

xuân cảm

Sớm mai vác rựa vô rừng
Nghe hoa lá cổ chúc mừng tuổi tôi.
Ô hay xuân đã đến rồi
Nghe lòng lạ với đất trời mệnh mang.

đông vũ

ngày cuối năm

Thấm thoát năm năm ở xứ người
Mà tình dân tộc vẫn không vơi
Tôi nghe lạc lõng trong ngôn ngữ
Những mắt xanh mơ lẫn nụ cười.

Tôi vẫn là tôi của Việt Nam
Hương trà nồng ấm quện hương cơm
Ngón tay vẫn giữ tròn đôi đũa
Để thấy tình quê ấm áp thêm.

Tuổi có cao nhưng hồn vẫn trẻ
Còn nghe tiếng sáo vọng chiều xanh
Còn mơ khóm trúc vàng như nghệ
Và cánh diều bay trong nắng hanh.

Năm năm lưu lạc một niềm đau
Nỗi nhớ thương dâng đến nghẹn ngào
"Nợ nước chưa xong đâu đã bạc"
Lời xưa còn đúng thế này sao?

đắc trung



Đôi Nét về Hồ Dzếnh

Hiệu Tàn

Thân sinh Hồ Dzếnh, ông Hà Kiến Huân, người Quảng Đông, vì sinh kế, trôi dạt đến Vân Nam vào những năm cuối thế kỷ 19, cưới bà Đặng thị Vân, một cô gái đồ ngang trên sông Ghép thuộc tỉnh Thanh Hoá. Hồ Dzếnh, một trong ba người con trai của họ, sinh năm 1916, sau này sẽ trở thành một nhà văn, một nhà thơ xuất sắc của Việt Nam.

Không nên gọi Hồ Dzếnh là nhà thơ hay nhà văn Minh hương. Hai chữ Minh hương, xuất hiện từ năm 1644 trong sắc chỉ của chúa Nguyễn, dùng để chỉ những người Trung Hoa đến Việt Nam vào khoảng nửa sau thế kỷ 17, lúc nhà Minh bị nhà Thanh cướp ngôi, để phân biệt với những người Trung Hoa đã sang Việt Nam rải rác từ trước mà chúa Nguyễn gọi là Thanh Hà. Minh hương hay Thanh Hà còn là địa danh chỉ những nơi người Hoa cư trú. Mãi đến sau này, tại Việt Nam, vẫn còn hai xã Minh hương, một ở Hội An (Quảng Nam) và một ở Vũng Lắm (Phước Yên).

Minh hương, theo nghĩa từ nguyên, là quê hương của người Minh, không có quan hệ gì đến Hồ Dzếnh, cha Tàu mẹ Việt, hoặc bất cứ người Việt gốc Hoa nào lưu lạc đến Việt Nam vào những thời điểm sau này, lúc nhà Minh đã hoàn toàn bị diệt vong và phong trào phản Thanh phục Minh đã chìm vào quên lãng.

Tên thật của Hồ Dzếnh là Hà Triệu Anh. Hồ Dzếnh chỉ là phiên âm của hai chữ Hà Anh theo giọng đọc Quảng Đông.

Từ một người thương hồ, nhờ kiên chí và tháo vát, biết bập bõm ít tiếng Pháp, bố của Hồ Dzếnh ngày càng giàu có. Rồi ông có vợ hai và nghiện thuốc phiện. Tuổi ấu thơ, Hồ Dzếnh chủ yếu sống với mẹ. Tấm lòng của ông đối với quê ngoại có lẽ nhờ thế ngày một đậm đà. Sau này, viết văn, ông sẽ diễn tả tấm lòng mến yêu tha thiết ấy trong truyện *Chị Yên*: "*Hỡi nước Việt Nam, tôi nghiêng lòng xuống Người, trên những luống cày mà hương thơm còn phảng phất, vì tôi đã từng uống nước và nói tiếng nói của Người, vì tôi đã yêu Người trên bậc tuyết vời của tôn giáo*".

Học tiểu học tại Thanh Hoá, học trung học tại Hà Nội, Hồ Dzếnh bước vào làng văn từ năm 1937 với một số truyện và thơ đăng trên các báo *Trung Bắc Chủ Nhật*, *Tiểu thuyết Thứ Bảy*, tập san *Mùa Gặt Mới*. Đến nay ông xuất bản được hai tập thơ: *Quê ngoại* (1943), *Hoa xuân đất Việt* (1946); hai quyển tiểu thuyết: *Một truyện tình 15 năm về trước* (bút hiệu: Lưu thị Hạnh, 1942), *Cô gái Bình Xuyên* (1946) và một tập truyện ngắn: *Chân trời cũ* (1942).

Tiểu thuyết của Hồ Dzếnh không có gì xuất sắc. Truyện ngắn của ông hay hơn: nhẹ nhàng, trong sáng trong văn phong; ngọt ngào ấm áp

trong tình cảm. Rất gần với phong cách của Thạch Lam và Thanh Tịnh. Nhiều truyện, đến nay, đọc lại, vẫn thấy cảm động, dễ khiến người ta nhớ lại những "chân trời cũ" ấm áp sương và mây.

Trong hai tập thơ của Hồ Dzếnh, xuất sắc hơn cả là tập *Quê ngoại*. Nhà văn Mai Thảo, trên *Nghệ Thuật tuần báo* số 4 ra ngày 30.10.1965, nhận định về *Quê Ngoại* như sau:

"Trong cái thế giới ngọt ngào bí bưng tức tở của những tháp ngà tiền chiến như những phần mộ lạnh buốt, thơ Hồ Dzếnh hơn cả Xuân Diệu, và theo tôi, hơn cả Nguyễn Bính đầu mùa, là những sâu chuỗi lạnh lạnh nhạc vàng gõ vui từng nhịp nặng trên mệnh mông dài trăn thiên nhiên. Tôi nhớ mãi cái cảm giác của tôi, 20 tuổi, tiếp nhận một tập thơ còn trẻ hơn hồn mình phơi phới, một tập thơ cổ non lá lá, một tập thơ cốm mới đậm đà, một tập thơ mười tám cái xuân đầy, đọc mỗi câu tưởng như có mặt có đường ngọt trong cổ. Thơ Hồ Dzếnh là cái trạng thái ngu ngơ trong suốt nhất của một tiếng thơ mà chủ đề là tình yêu và ánh sáng. Ngó thật kỹ, *Quê Ngoại* không hẳn một nếp nhăn. Với tôi, một tập thơ đầu tay phải như thế. Phải có cái khí thế vạm vỡ của sống như một lao vào, cái vóc dáng của yêu như một kín trùm dào dạt.

Dấu cho lối cả thiên đường

Thì xin một nửa tác vườn vắng hoa.

Hồ Dzếnh không làm thơ đâu. Thơ đã có, đâu đó, trên mây, trên cành, trong nước chảy dưới chân cầu, trong không khí, thơ một thuyền đầy, thơ một chuyến lớn chở Hồ Dzếnh đi vào thênh thang tiếng nói".

Cuối năm 1946, cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ, Hồ Dzếnh về sống tại Thanh Hoá. Năm 1948, ông lập gia đình với bà Nguyễn thị Huyền Nhân (không phải bà Lưu thị Hạnh như Thanh Nam đoán trên *Văn* số 25 ra tháng 7.1984). Năm 1950, khi đưa con trai

đầu lòng của họ mới được bốn tháng, bà Huyền Nhân mất. Hồ Dzếnh buồn rầu bỏ về Hà Nội, rồi từ Hà Nội vào Sài Gòn làm báo. Trong thiên hồi ký *Hai mươi năm viết văn làm báo* đăng trên tạp chí *Văn* tại Hoa kỳ, nhà văn Thanh Nam kể lại, tại Sài Gòn, ông đã từng gặp Hồ Dzếnh: khuôn mặt đầy khắc khổ, nghiêm nghị, tuy nhiên, những lúc vui, có thể “*nói giỡn, đọc thơ nhảm và kể chuyện tục vô cùng duyên dáng*” khiến những ai ngồi nghe đều “*lăn lóc ngả nghiêng cười*”.

Cuối năm 1953, từ Sài Gòn Hồ Dzếnh về lại Hà Nội, tục huyền với bà Nguyễn thị Hồng Nhật, vợ góa của cố thi sĩ Trần Trung Phương.

Trước mối tình của họ, một người nào đó ra câu đối đùa:

Vợ góa nhà văn lấy nhà văn góa vợ

Có người đối lại:

Con nuôi nước Việt nhờ nước Việt nuôi con.

Câu đối lại không hay.

Sau khi làm đám cưới, Hồ Dzếnh thành lập nhà xuất bản Tiếng Phương Đông. Ấn phẩm đầu tiên và cũng là ấn phẩm cuối cùng của nhà xuất bản này là tập thơ *Mê hồn ca* của Đinh Hùng. In vừa xong, Hiệp định Geneve được ký kết, đất nước bị chia đôi, bao nhiêu sách Hồ Dzếnh giao hết cho Đinh Hùng mang vào Nam, còn ông và bà Hồng Nhật ở lại Hà Nội.

Trên báo *Văn* số đã dẫn, nhà văn Thanh Nam kể: “*Tôi chưa bao giờ thấy một thi sĩ lại mê thơ một thi sĩ khác hơn thơ mình như trường hợp Hồ Dzếnh mê thơ Đinh Hùng*”.

Ở Hà Nội, thoát đầu, có lẽ muốn lợi dụng chút giòng máu người Hoa của Hồ Dzếnh để củng cố quan hệ ngoại giao với Trung Cộng, cho nên Cộng sản đối xử với Hồ Dzếnh khá hậu hĩnh: ông được chỉ định vào ban chấp hành Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam khoá đầu tiên, từ năm 1957. Tuy nhiên đối với cộng sản, dường như Hồ Dzếnh không mấy thích. Ông vẫn

cứ hững hờ với tất cả những ưu đãi ấy. Ông hoàn toàn im lặng, không viết lách gì, cũng không phát biểu gì để ủng hộ đảng Cộng sản hoặc chính quyền miền Bắc. Trong lời giới thiệu tập *Hồ Dzếnh, tác phẩm chọn lọc*, xuất bản tại Hà Nội năm 1988, một quyển sách đầu tiên của Hồ Dzếnh được xuất bản dưới chế độ Cộng sản, nhờ ngọn gió “đổi mới”, Vũ Quần Phương kể: “*Hơn ba chục năm qua, Hồ Dzếnh sống lặng lẽ giữa Hà Nội. Mười năm liền ông làm thợ đúc thép rồi thợ cơ khí ở nhà máy xe lửa Gia Lâm, nhà máy cơ khí Trung Mô*”.

Theo Thọ Cao trên báo *Lao Động* số 25 ra ngày 22.6.1989, những năm đầu thập niên 60, thỉnh thoảng Hồ Dzếnh viết một số phóng sự, bút ký ngắn, khoảng trên dưới 1000 chữ, đăng trên báo *Thời Mới* (sau này là báo *Hà Nội Mới*) với bút danh Trung Cường, Chính Cường, Vị Hoàng... Ít thôi. Và cũng không được ai chú ý.

Có thể nói, từ sau năm 54, Hồ Dzếnh đã tự khai tử mình với tư

có lẽ để phản đối, một cách thâm lặng, cái chế độ độc tài và tàn bạo mà ông căm ghét. Chỉ trong năm 1988, khi Cộng sản tuyên bố “đổi mới” và “dân chủ hoá” chế độ, ông mới có một hai bài thơ đăng báo. Không hay. Tôi chép lại đây bài thơ *Nhớ tiếc Thanh Tịnh* đăng trên báo *Văn Nghệ* số ra ngày 30.7.1988:

*Đời xếp anh, tôi và Thạch Lam
Ngồi chung một chiếu hội văn đàn*

*Chao ôi, chiếu đã hai lần lạnh!
Còn lại mình tôi với thể gian.*

*Dẫu biết đường đi chỉ có chùng
Gió chiều sao vẫn ớn trên lưng?
Trái tim bỗng dội niềm xao
xuyến*

Tàu rẽ vào ga, chặng cuối cùng.

*Thôi nhé, anh về vui bạn cũ
Tôi chờ đến hẹn lại thăm anh
Lòng ta như nước sông Hương
ấy*

*Vời vơi trời thu, dáng núi xanh.
Không hay. Nhưng buồn. Buồn
tê tái. Có vẻ như một lời trời trần.○*

khai bút đầu năm

*Biết viết gì đây, giao thừa đêm nay?
Khai bút đầu năm mất lệ dâng đầy
Lại thêm một mùa xuân đời viễn xứ
Mấy xuân rồi thương nhớ vẫn chưa khuây.*

*Cánh én mùa xuân đã trở về rồi
Lay động hàng cây ngái ngủ lưng đồi
Hoa lá cũng xôn xao mừng xuân mới
Sao riêng mình vẫn cứ đứng đờm thôi!*

*Tiếc nhớ sao vừa, một mùa xuân xưa
Xuân của tình yêu, hạnh phúc mong chờ
Hái lộc đầu năm bên người yêu dấu
Khai bút giao thừa, giấy trải đầy mơ.*

*Xa quá tầm tay, hạnh phúc nồng say
Hương giao thừa năm cũ có còn? Hay
đã tàn phai theo tháng ngày lữ thứ
và nhạt nhoà trong cuộc sống đọa đày?*

*Khai bút đầu năm, biết viết gì đây?
Giấy chớ vừa sao trăm nhớ thương này!
Bút, mực ngấn ngor giữa giòng kỷ niệm
Hồn cũng lịm theo nỗi nhớ quất quay!*

bảo trân



chúc xuân

Chúc người. Tôi chúc gì đây?
lòng tôi đang ngửa bàn tay. Xin chờ
trăm năm mộng. Một thời mơ
hình như xuân đọng trên tờ giấy thơm!

Chúc người. Tôi bỗng thêm ôm
cả trời đất rộng. Mồ chôn chữ tình
năm mươi mà tóc còn xanh
chút bơ vơ đó hay hình phù du?

Biết đâu mai một sương mù
che tôi một nửa hình thu dáng ngồi
người về trên lối mây trôi
bay cơn gió thoảng xa vời gót tiên.

Chúc người. Tôi nhớ. Tôi quên
cái chi còn sót? Tình riêng để dành!
trái tim tôi đâu tan tành
một trăm mảnh vụn... sẽ lành phải không?

Chao ôi! Nhớ đến không cùng
thương đang vô tận như lòng ngửa tay
Chúc người. Một đêm ngủ say
Sáng mai thức dậy thấy ngày tân xuân.

trần văn lệ

mùa đông

Hoa sẽ héo khi người đi buổi sáng
Nên chiều nay vạn thọ bỗng đứng buồn
Cây cỏ trong vườn sẽ đắm mù sương
Trái sẽ rụng để cười em lãng mạn

Chim ngừng hót khi người đi buổi sáng
Và chiều nay con sáo nhỏ trong lồng
Sao bỗng im lìm như mặt nước sông
Em thơ thẩn một mình bên hàng giậu

Nhìn lại đi hỡi người trai yêu dấu
Trên con đường hoa cúc đã già nua
Người có bỏ quên những quăng đời thơ ấu
Vẫn còn xanh bao tảng đá nên thơ.

Em nhắc lại một lần cho người nhớ
Dù trái tim nào đã ngủ mùa đông
Em nhắc lại một lần cho người nhớ
Ngoài vườn kia vẫn nở những bông hồng

Xin nhắc lại một lần cho người nhớ
Cháy hờn em một ngọn lửa trăm năm
Xin nhắc lại một lần cho người nhớ
Trăng khuyết kia, trăng khuyết để trăng rằm.

lâm hảo khôi

như giọt sương tan

Em bảo em làm em khổ não
Để anh sáng tác được thơ hay
Mai sau đọc lại văn thơ cũ
Lại thấy thương nhiều hơn tối nay.

Dẫu biết lòng kia không phản trắc
Cũng còn sóng gió những ngày mưa
Làm sao trách được con người ấy
Chỉ trách lòng anh sớm đại khờ.

Dẫu biết đam mê là bể khổ
Tình yêu là mật đắng, men cay
Là sa vào lưới, là chua xót
Mà vẫn đam mê một phút say.

Em đến hay đi chiều cũng xuống
Nâng niu chi cũng giọt sương tan
Bèo mây trắng nước đâu hò hẹn
Yến tiệc thâu đêm, sáng cũng tàn.

hồ công tâm

hoa xuân thì

Đẹp như màu áo hoa mơ
Em vừa chớm tuổi ngây thơ má hồng
Đẹp như màu áo hoa vông
Em theo mẹ dạo chợ đông xóm Đoài
Đẹp như màu áo hoa mai
Thuở em còn để ngang vai tóc huyền
Đẹp như màu áo hoa hiên
Em đi lễ Phật tất niên năm nào
Đẹp như màu áo hoa đào
Ngày em vừa kết duyên vào lứa đôi.

vân nương

khi giao báo xong

Việc xong ta thở cái phì
Ngựa trâu cũng mệt hướng gì thư sinh
Chẳng qua gặp buổi bất bình
Làm người sao nổi phụ tình nước non
Mai sau thế sự vuông tròn
Thì ta gói bút về non với mình.

cung vũ

Báo Xuân Học Trò

Nguyễn Mạnh An-Dân



Tết năm 1981, lần đầu tiên sau sáu năm trong tù, tôi có được tờ phép tạm vắng của công an quận Phú Nhuận để về thăm lại thành phố quê hương Qui Nhơn. Ngôi nhà của cha mẹ tôi ở đường Tăng Bạt Hổ không thay đổi nhiều nhưng với riêng tôi, tôi đã mất hai thứ vô cùng quý giá: Cha tôi và tủ sách gia đình.

Cha tôi qua đời mười tháng trước ngày tôi rời trại giam. Con người thường bất lực trước sự chết, nhưng bằng vào trái tim, cha

tôi đã dạy cho tôi bài học cuối cùng về tình thương yêu. Sáu ngày trước khi trút hơi thở cuối cùng, nhà nhận được giấy báo thăm nuôi. Cha tôi đang ở trong tình trạng nguy kịch nên mẹ tôi giấu, không muốn cho cha tôi biết, sợ chỉ làm ông đau khổ thêm. Trong lúc gia đình đang âm thầm chuẩn bị đồ đạc, tình cờ cha tôi biết được và ông đòi đi thăm chúng tôi (tôi có người em kế cùng ở chung trại giam).

Làm sau một ông già 69 tuổi có thể đi tám trăm cây số từ Trung vào

Nam, trên những chuyến xe chật chội, dằn xóc trong điều kiện sức khoẻ như của cha tôi lúc đó? Cả nhà xúm lại năn nỉ, khuyên can. Cha tôi không cưỡng lại nhưng ông nói với chị tôi: "Chết cha cũng đi. Nhớ hai thằng em con quá, không chịu được". Dĩ nhiên là cha tôi không đi được. Sức khoẻ của ông đã quá hao mòn, chỉ có trái tim là vẫn nồng nàn, nguyên vẹn. Chị tôi đã kể lại cho tôi nghe điều này, và tôi, người lính bị bức tử, người tù cực nhục, vẫn thường nhủ lòng phải bình tĩnh, phải sắt đá, đã khóc lạng lẽ nhiều đêm một mình.

Buổi chiều và buổi tối đầu tiên hôm về lại nhà, tôi quần quít, tôi nhỏ nhoi ngụp lặn trong tình thương yêu của mẹ và anh chị em. Thật khuya tôi mới lạng lẽ lên lại căn gác một thời gian dài tuổi nhỏ tôi đã sống. Mọi vật vẫn như cũ: chiếc giường nhỏ ở sát góc, chiếc bàn học đánh verni màu vàng sậm kê sát cửa sổ với mấy cái ghế gỗ, giá kệ cùng khắp và chiếc tủ sắt hai cánh lớn ở phía đối diện. Căn gác chỉ thêm cái trang thờ Phật của mẹ tôi đóng trên cao và án thờ cha tôi đặt sát vách đối diện với cánh cửa mở ra sân thượng. Tôi chậm rãi bước ra ngoài, thần thờ đi lại trên khoảng sân nhỏ tráng xi-măng có lan can ba mặt nhìn ngược ra phía sau, nơi tôi đã chà lết nhiều đêm với hộp phấn trắng và những công thức toán vào các mùa thi ngày trước. Mọi vật quen thân mà như xa lạ; gần gũi mà như ngàn trùng. Tôi trở vào mở cửa nhìn chiếc tủ trống trơn, nhìn dây giá kệ bụi bám mà lòng rũ xuống vì buồn. Tất cả số sách báo thẳng thớm, quý giá và đầy ắp của tôi đã không còn.

Tủ sách của tôi không lớn lắm nhưng cũng không nhỏ. Ba ngàn, hơn hay kém một chút. Đa số các sách này tôi mua ở đại lý phát hành sách báo Khánh Hưng Qui Nhơn suốt thời trung học. Một số khác gom góp ở vỉa hè Lê Lợi, Khai Trí, Lê Phan những ngày lang thang ở Sài Gòn trước khi bị động viên. Số còn lại tôi có được lúc này, lúc khác

ở Cần Thơ, Tây Ninh, Nha Trang, Kontum, Đà Lạt. Tôi mê sách và mua sách bất cứ lúc nào có thể, gói cất tạm bợ ở bất cứ chỗ nào có thể và lâu lâu mới gom lại tha về Qui Nhơn. Nhà cha mẹ tôi như một nơi chốn an toàn nhất để tôi trở về, để tôi an tâm cất giữ món tài sản độc nhất của mình: Sách. Nơi chốn an toàn đó bây giờ không còn và “gia tài” của tôi cũng không còn. Tôi ngồi lặng, nhói đau.

Chị tôi nhẹ nhàng đến ngồi bên tôi. Chị nhìn tôi chia sẻ và nói, bùi ngùi:

— Chị hiểu... Chị biết em sẽ buồn lắm nên cố giữ tủ sách cho em nhưng không được. Trong Sài Gòn dễ hơn mà còn như vậy, ở mình còn khó đến chừng nào chắc em biết. Chị chờ chờ, trì hoãn lắm và rồi cũng phải đốt dần đốt mòn cho đến hết. Chị cũng đau lòng lắm.

Tôi im lặng cầm tay chị bóp nhẹ. Chị tôi mỉm cười chia ra một gói giấy nhỏ, giọng hân hoan:

— Chị chỉ giữ được cái này, chắc em vui.

Tôi run tay mở vội gói giấy: Hai quyển đặc san Cường Để mùa xuân Giáp Thìn 1964 và Ất Tỵ 1965. Hai quyển báo được tách ra từng tệp nhỏ, nhàu cũ, lem nhem nhưng còn đủ. Tôi mừng nghẹn, ngồi sững không nói được lời nào. Chị tôi nói tiếp:

— Chị tách mỏng ra, bỏ lẫn lộn dưới gầm bếp, trong thùng củi, định có bị xét hỏi thì bảo là báo bỏ, để nhen lửa, may không việc gì. Chị chờ cả năm yên yên mới gom lại cất cho em. Chị chỉ làm được có vậy.

Báo xuân học trò. Cho dù tờ báo có xấu xí, ấu trĩ đến như thế nào, đối với nhịp thở đời sống của mỗi trường học, mỗi thế hệ học trò, cũng là một công trình cực nhọc, tốn nhiều công sức nhưng hào hứng và đáng tự hào nhất. Có thể tại các ngôi trường lớn, ở những thành phố lớn yên ổn và giàu có, một tờ báo xuân không phải là điều gì to lớn lắm, nhưng với chúng tôi, những học sinh trường Cường Để

Qui Nhơn mới hồi sinh sau ngày tiếp thu năm 1954, việc có được một tờ đặc san là cả một biến cố lớn.

Mười năm sau ngày khai giảng niên khoá đầu tiên dưới chế độ tự do miền Nam, trường Cường Để mới có hai tờ báo xuân đầu tiên và dường như cũng là hai số báo cuối cùng được in typo cho đến ngày trường bị xóa tên năm 1975. Những năm sau này trước ngày mất nước, nghe đâu anh em cũng có làm báo, có năm còn ra cả nguyệt san, nhưng tất cả đều chỉ được quay ronéo, phổ biến nội bộ, còn báo “thứ thiệt”, báo “ra hồn” không còn nữa. Vì vậy hai số báo chị tôi giữ được là cả một báu vật cho tôi, cho bạn bè tôi, cho ngôi trường Cường Để đã chết của tôi.

Rất ngẫu nhiên và đáng tự hào khi tôi may mắn có trách nhiệm về việc thực hiện cả hai tờ báo này. Tờ thứ nhất, cùng với nhiều anh em khác, và tờ thứ hai, riêng cá nhân tôi.

Rất nhiều năm đã trôi qua nhưng tôi không bao giờ quên được cái tâm trạng khó tả: nao nức mà e dè, mừng vui mà âu lo khi từ văn phòng ông hiệu trưởng bước ra với tờ giấy có bút phê bằng mực đỏ về quyết định cho thực hiện đặc san Cường Để. Tôi lảng lảng bước đi, cảm thấy mình vừa quan trọng, tài giỏi; vừa khờ khạo, ngu dốt. Làm báo! Làm sao để có được một tờ báo? Giấc mơ sắp thành sự thật nhưng cách nào để biến giấc mơ thành sự thật đoạn đường còn xa lắm. Dù sao, những “nhà báo trẻ” cũng không lùi được nữa. Bộ máy đã khởi động, kế hoạch đã trình làng, phải đi tới bằng mọi cách.

Một thông báo với những lời lẽ rất bay bướm, rất “nở”, xa gần cố ý lồng vào những chi tiết, những từ ngữ rất “báo chí” được bác phụ trường mang đến tất cả các lớp để phổ biến kế hoạch và kêu gọi sáng tác. Một thùng gỗ lớn có khe hở và cửa khoá được nhanh chóng treo lên trước cửa văn phòng với mấy

hàng chữ kiểu cọ, đậm nét dán trên mặt: Đặc san Cường Để — Hộp thơ — Hạn chót nhận bài... Một ban biên tập “hùng hậu” được thành lập. “Toà soạn” được đặt ở câu lạc bộ cuối sân trường và suốt mấy tháng trời trước Tết, cả bọn chúng tôi có lý do chính đáng bỏ bất cứ giờ học nào không thuộc bài để “làm báo”.

Một chương trình chi tiết được hoạch định. Trong thời gian chờ đợi đến hạn gom bài, “ban biên tập chủ lực” chuẩn bị các bài “phông”: Tâm thư thầy hiệu trưởng, Lá thư giao cảm, Phỏng vấn ban giám đốc, Phỏng vấn phân hội Phụ huynh Học sinh, Phỏng vấn các cố vấn Văn nghệ, Thể thao về những chương trình hoạt động. Đi đến đâu “ban biên tập” cũng kéo theo ít nhất ba tên để lấy tinh thần và lúc nào cũng trình trọng tự giới thiệu “Thưa... chúng tôi là đại diện ban biên tập đặc san Cường Để, xin phép được...”

Việc chuẩn bị bài vở đối với tôi không khó khăn gì lắm, tôi có “dưới tay” nhiều cây bút “nặng ký”. Hồi đó Đặng Tấn Tới đã có nhiều thơ đăng trên báo *Phổ Thông*. Thời Nay ở Sài Gòn và đã xuất bản một tập thơ mang tên *Lễ tấn phong tình yêu* ký bút hiệu Vũ Thúy Thụy Ca. Nhân vật tầm cỡ thứ hai là anh Trần Nhâm Thân, chuyên viết khảo cứu, đặc biệt là về tháp Chăm và các nền văn minh cổ. Anh Thân có nhiều bài viết đăng trên báo *Văn hoá Á châu*, *Văn Đàn* và một số tạp chí chuyên môn khác ở Sài Gòn. Trần Nhâm Thân thuộc dòng giới văn học, trong gia đình cụ Tú Ba Tri Thiện. Anh nhỏ tuổi nhưng từ tốn, đĩnh đạc như một cụ đồ xưa. Thân “cổ” từ cung cách đến lời nói. Vào lúc bọn chúng tôi đã biết đọc *Hiện đại*, *Thế kỷ hai mươi*, *Sáng tạo*; đã tập tành viết “mới”, viết “triết” thì Trần Nhâm Thân như một người đi ngược thời đại. Anh gọi bốp đưng tiền là cái “tu ví”, và với tư cách thủ quỹ, bao giờ chi tiền cho tôi làm việc gì anh cũng cẩn thận nhắc nhở: “Anh đâm cho tôi tấm giấy” (viết

biên nhận). Trần Nhâm Thân rất nặng lòng với quê hương, với non nước. Bài viết nào của anh cũng có một câu giới thiệu mở đầu: "Tìm hiểu non sông, cảm thông hồn nước".

Ban biên tập đặc san Cường Để còn tiềm ẩn nhiều cây viết có tầm cỡ khác. Lứa Cường Để hồi đó, sau này Hoàng Ngọc Tuấn đã thành danh với những tác phẩm rất dễ thương như *Hình như là tình yêu*, *Nhà có hoa mimosa vàng...* Và sau năm 1975, Biên Hồ Đào Chí Hiếu, Trần Long Ẩn cũng xông xáo góp mặt với nền văn chương, ca nhạc của chế độ mới, thực lòng hay... đành lòng?

Thành tích văn nghệ của tôi kém xa các anh em vừa kể, tuy nhiên, có lẽ nhờ một chút bèn nhảy rất "nhà báo" trời cho, tôi được anh em tin cậy giao cho nhiệm vụ chính.

Điều khổ tâm lớn cho ban biên tập một tờ báo học trò không phải là việc thiếu bài mà là nỗi lo về nạn dư bài. Bốn năm trăm bài viết, đa số là thơ — hay một cái gì tương tự như thế. Làm sao? Lạnh lùng làm đúng "nhiệm vụ cao cả" ư? Không được, mắc lòng lắm! Anh em ra vào gặp nhau hàng ngày, coi sao được! Nhưng gánh thì không nổi. Trưởng ban biên tập bèn chế ra một "vườn hoa muôn hương", một kiểu bình thơ chung chung, cố nhét càng nhiều càng tốt, mỗi bài vài câu cho vui vẻ cả làng. Phần còn lại đưa qua cho mục trả lời bạn đọc. Cứ nhấn tên, báo: nhận được; phán: rất hay; và kết luận: rất tiếc...

Song song với việc chuẩn bị nội dung, chuyện quan trọng thứ hai — đôi khi hàng đầu — là lấy quảng cáo. Trường nghèo, ngân khoản đâu để trang trải chi phí ấn loát? Toà soạn hợp, không phải hợp văn nghệ mà là hợp "tình báo", lập danh sách những nhà buôn, những cơ sở sản xuất trong thành phố có con em theo học tại "bản trường". Và nhóm quảng cáo gồm toàn ban biên tập có tăng cường cô trưởng ban xã hội và mấy cô trong ban văn nghệ, chia nhau đến tận nơi ca bài "con

cá". Hết thành phần này thì nhắm đến những khuôn mặt sáng láng khác, bất kể là họ có liên hệ gì với nhà trường hay không. Ảnh viện Bác Ái, tiệm may Sơn Hà Nội, tiệm giày AJS, nhà sách Đại Chúng, tiệm sắt Phổ Thông... Được cái là thời đó đồng bào còn trọng "kẻ sĩ" và khá quan tâm đến sinh hoạt học đường nên mọi việc đều như ý.

Việc thứ ba phải làm là kiểm duyệt bài vở. Người quyết định việc cấp giấy phép xuất bản ở ty thông tin Bình Định hồi đó là anh Thái Tẩu, một người làm thơ, làm báo với bút hiệu Sinh Hoà. Anh Tẩu là một người rất yêu Bình Định. Anh muốn quê mình khá lên. Việc trường Cường Để có một tờ báo, với anh, là một hãnh diện chung cho cả tỉnh và anh tự cảm thấy có nhiệm vụ phải góp phần nên đã nhiệt tình giúp đỡ vượt nguyên tắc. Anh cấp giấy phép xuất bản không cần đọc hết số bài, cũng không yêu cầu nộp đủ số bản mỗi bài như thể lệ quy định.

Việc kế tiếp và cũng là việc làm đau đầu nhất cho "toà báo" là thuê nhà in. Hàng Tết, nhà in nhiều việc. Tiền thì không có, quỹ nhà trường chỉ yểm trợ một ít, quảng cáo một ít và số còn lại trông nhờ vào việc bán báo. Không in được lấy gì bán? Toà soạn họp nghiên cứu tình hình và quyết định chọn nhà in Văn Phong, số 26 Võ Tánh của anh Quách Gia, con trai thi sĩ Quách Tấn để in báo. Lý do của quyết định này hoàn toàn từ một suy luận: Mặc dù làm kinh doanh, nhưng "con nhà tông không giống lông cũng giống cánh", ông chủ nhà in Văn Phong thế nào cũng có máu thi sĩ của cha và chắc sẽ "văn nghệ" hơn các ông chủ khác. Cụ thể là sẽ chịu cho in thiếu. Lý luận thì có vẻ hợp lý nhưng thực tế vẫn đáng lo ngại và "cái đầu nhà báo" của tôi phải moi thêm một sáng kiến: thi sĩ Quách Tấn còn một người con gái đang dạy học tại Qui Nhơn, chị Quách Mộng Hoa. Chị Hoa có làm thơ. Lại suy luận: dạy học và làm thơ, lại là phụ nữ thì nhất định phải

đa cảm và văn nghệ hơn ông anh, vì vậy tôi đã vận động mọi thể lực trung gian dàn xếp để cuối cùng chị Hoa đồng ý đi với chúng tôi đến nhà in Văn Phong như một người bảo đảm. Tôi còn cẩn thận mang theo giấy giới thiệu có đóng dấu đỏ chót và ký tên hiệu trưởng trường Cường Để để tăng uy tín. Tuy nhiên những điều lo xa của tôi đã thừa. Anh Quách Gia quả có máu thi sĩ. Anh dễ dàng chấp nhận mọi điều kiện và dành cho chúng tôi mọi thuận lợi để làm việc. Thật ra sinh hoạt của một nhà in nhỏ ở tỉnh lẻ rất nhàm chán. Công việc chỉ quanh quẩn với mớ giấy tờ, sổ sách văn phòng, hoá đơn bán hàng hoặc nhãn trà, nhãn bánh. Ông chủ nhà in con nhà thi sĩ cũng muốn làm một công trình có tính cách nghệ thuật. Anh thích thú và hãnh diện nhìn hàng chữ "In tại nhà in Văn Phong" phía sau bìa báo.

Nhà in có hai máy đập pedal, mấy học chữ, một dao cắt, mấy bành giấy và năm sáu người thợ, nhưng với chúng tôi đây là một thế giới mới lạ và hấp dẫn. Hàng tháng trời chúng tôi hầu như ăn ngủ tại chỗ, mày mò tập sắp chữ, chăm chú chữa bản in thử, xem hình bản gỗ rồi phụ đóng, xén, vô bìa, vô gói. Những ngày ở nhà in là khoảng thời gian bận rộn và tuyệt vời nhất của đời làm báo học trò.

Báo in xong liền được đóng dấu "Kính biểu", ký tên tặng các mạnh thường quân, các chủ quảng cáo và cuối cùng, hấp dẫn nhất là bán báo.

Qui Nhơn thời đó ngoài trường Cường Để còn có hai trường chuyên nghiệp là trường Sư Phạm và trường Kỹ Thuật; sáu trường trung học khác gồm Nữ Trung học, La San, Trinh Vương, Nhân Thảo và Tây Sơn. Chúng tôi quyết định ưu tiên phổ biến rộng rãi số báo trong toàn trường, số còn lại sẽ đưa đi giới thiệu và bán tại hai trường Nữ Trung học và Sư Phạm. Quyết định này cũng có nguyên do của nó.

Nữ Trung học lúc đó được coi như một thứ "Cường Để em". Cơ sở khang trang nằm trên một vị trí

đẹp sát bờ biển này trước đó vốn là trường trung học tư thục Tân Bình. Trường này nghe đâu là cơ sở kinh tài của bà Ngô Đình Nhu, bị sung công sau biến cố 1963 và trở thành Nữ Trung học. Trường chỉ mới hoạt động được hơn một năm và hầu hết học sinh được chuyển từ trường Cường Để sang. Phổ biến báo Cường Để cho Nữ Trung học là chia sẻ với bồ nhà. Hơn nữa, việc được vào tất cả các lớp ở trường nữ để giới thiệu "tác phẩm văn hoá" của mình, được tha hồ nhìn ngắm và đón nhận những ánh mắt chớp chớp ngưỡng mộ của bầy "bướm trắng biển Qui Nhơn" là điều mà "toàn ban biên tập" háo hức và... run run.

Việc bán báo ở trường Sư Phạm ngoài lý do hy vọng báo được phổ biến đi xa, còn xuất phát từ một nguyên nhân thầm kín và tế nhị khác, có liên quan đến uy tín và danh dự của lớp trẻ Qui Nhơn mà trường Cường Để là đại diện.

Trường Sư Phạm Qui Nhơn qui tụ giáo sinh ở hầu hết các tỉnh miền Trung từ Huế vào đến Phan Thiết, và mặc dù điều kiện dự thi chỉ yêu cầu có bằng tú tài I để đào tạo giáo viên bậc tiểu học, nhưng thực tế trường Sư Phạm vào thời gian này có khá đông anh chị em đã học xong bậc trung học hoặc đã có một vài chứng chỉ đại học; vì thế tâm lý chung của anh chị em giáo sinh Sư Phạm là tự cảm thấy mình số 1 Qui Nhơn. Điều này "mắc lòng" dân Cường Để lắm và người Cường Để đã tận dụng mọi cơ hội, mọi khả năng để tự chứng tỏ mình. Khi trường Sư Phạm tổ chức đại nhạc hội, trình diễn kịch bản *Người viễn khách thứ mười* của Nghiêm Xuân Hồng ở hội trường Qui Nhơn, văn nghệ Cường Để đã quên ăn quên ngủ, ngày đêm tập luyện để một thời gian ngắn sau đó, cũng tại hội trường Qui Nhơn, trình diễn trường ca *Con đường cái quan* của Phạm Duy không bỏ sót một phân đoạn nào.

Năm đó trường Sư Phạm có đặc san *Đối thoại* với những Tôn Thất

Lập, Thái Ngọc San, Lê Văn Ngăn, Ngô Lê Từ gửi tặng trường Cường Để, và trường Cường Để có nhiệm vụ đáp lễ. Ngô nghĩnh và đáng yêu biết bao những "vấn đề lớn" của tuổi nhỏ!

Tôi đọc lại từng dòng cả hai quyển đặc san Cường Để và ứa lệ ngậm ngùi. 1965-1981, mười sáu năm, thời gian không lâu lắm mà dấu vết đã trùng trùng. Lớp anh em chúng tôi chưa đến 40 và hầu hết các giáo sư trên dưới 50. Thầy trò chúng tôi đang ở vào lứa tuổi chín chắn, sung mãn nhất để tạo dựng, để cống hiến, nhưng buồn thay...

Tôi nhớ lại từng tên bạn bè. Làm sao tôi biết được hết những đau thương dằng dặc, những khổ nhục bề bề, những tan tác uất nghẹn mà anh em tôi phải chia sẻ và gánh chịu cùng với nỗi đau thương của dân tộc mình! Tôi chỉ là một người tù mới ra trại. Tôi chỉ có thể biết được về một số người, rất nhỏ trong hàng hàng lớp lớp những người trẻ tuổi Qui Nhơn, nhưng chừng đó thôi cũng đủ để làm tôi quặn lòng.

Bla báo Cường Để có ký một tên tắt: Cần Lương, công sức tìm óc của hai người Nguyễn Đức Cần và Nguyễn Đình Lương. Lương đã vĩnh viễn trở thành phế nhân trong nhiệm vụ góp máu cho quê hương đầu thập niên 70 và Cần bầm dập ở nhiều trại cải tạo sau 1975. Cây viết Võ Hữu Hạnh đã cháy cùng với chiếc thiết giáp anh chỉ huy ở chiến trường Phù Mỹ chưa đầy một năm sau ngày anh rời trường. Cây viết Nguyễn Minh Đức mất tích ở Tân Cảnh mùa hè đỏ lửa 1972. Cây viết Trần Hữu Cải chết tức tưởi ở trại A20 Tuy Hoà năm 1980. Đặng Tấn Tới năm 68-69 vào Sài Gòn học Luật, làm báo và lập cơ sở xuất bản nhỏ Vận Động, in thêm hai tập thơ *Mưa mắt tình* và *Tâm thu kinh*, in tập nhạc *Phổ ca* cho Tôn Thất Lập, chuẩn bị in thơ Nguyễn Tôn Nhan, truyện *Từ Kế Tường* thì rớt đại học, về quê làm lính làng, mở nhà sách Hoàng Hạc, lập vườn lan. Ngôi nhà Hoàng Hạc ở cửa đông

thành Bình Định cũ trở thành nơi ghé lại, dừng chân của nhiều anh em văn nghệ. Sau 1975, tất cả các sách báo ở nhà Hoàng Hạc bị đốt, chủ nhân của nó chịu khổ đòn. Toàn bộ các kệ sách bỏ trống, thay vào đó là những thùng nhỏ đựng đường, bột ngọt, tiêu, ớt, thuốc rê và chút ít tập vở, bút mực buôn bán lên lút qua ngày. Vườn lan trở thành món chơi tư sản phải dẹp bỏ. Bàn bệ tứ tán muôn phương. Gác Hoàng Hạc tiêu điều, lặng lẽ như chính sự câm nín, cam chịu của người lập ra nó.

Trần Nhâm Thân ở đâu? Anh "tìm hiểu non sông, cảm thông hồn nước" bằng trái tim anh, nhưng liệu những người mệnh danh là "chủ mới của xã hội" có thông cảm cho anh không? Hay công trình nghiên cứu của anh được nhìn như một công tác tình báo, sưu tầm, điều tra tình hình địa phương cho "địch"?

Hoàng Ngọc Tuấn lang thang ở Sài Gòn, trên 40 tuổi không nhà cửa, chưa vợ con, tài sản chỉ gồm chiếc xe đạp cũ và cái bàn chải đánh răng giắt sau túi quần, nay ngủ chỗ này mai trọ nhờ nơi khác, sáng dậy xin kem đánh răng và bụng trống đạp xe đi. Tuấn vẫn phải sống vất vưởng bằng ngòi bút nhưng không cho phổ biến sáng tác mới nào và không dùng bút hiệu cũ nữa, anh chỉ dịch tin thể thao và ký tên mới: Huấn Toàn.

Thầy Pháp văn Đinh Hữu Nghĩa chết trong quân trường khóa 24 Thủ Đức. Thầy Anh văn Võ Ái Ngự, trưởng hướng đạo, sĩ quan biệt phái, chết trong trại cải tạo. Thầy TQS, NKB vẫn còn ở tù trong cùng vụ án với "Cường Để" Lê Công Minh. Cô Trần Thị Đào (bà hiệu trưởng Tôn Thất Ngọc) bán trà đá ở cổng xe lửa số 9. Thầy triết Nguyễn Phú Chính bán quán ở Nguyễn Tri Phương. Cô Trần Thị Gia, hiệu trưởng trường Nữ Trung học, quả phụ của một trung tá chết buồn ở Sài Gòn và còn ai... còn ai nữa?

Về những người "bên kia": giáo

su Trần Quang Long chết nghẹn bởi B52 bên Miền khoảng cuối thập niên 60 hay đầu 70, không kịp nhìn thấy một chung cuộc buồn, không có cơ hội để chứng kiến những *bông cúc vàng** héo để chiêm nghiệm lại. Giáo sư LPC, NTL nghe đâu người ở Huế, người ở Sài Gòn hàng ngày vẫn mệt mỏi cọc cạch đạp xe đến trường, nói những điều gương gao. Không biết ngọn lửa của những cựu sinh viên đại học Huế có nhận thấy là đã cháy cho những mục tiêu giả hết sức phi phạm không, và có còn chút hơi ấm âm ỉ nào từ trái tim để có thể làm lại? Có muốn làm lại?

Ngày tôi mới ra trại, NKN, một cựu Cường Để đang làm trưởng một đài truyền thanh cấp quận ở Sài Gòn, đến thăm và gợi ý hỏi tôi có muốn gặp lại những anh em cũ. Nghe nói bạn tôi một thời, ở Sài Gòn đông lắm. Có người cấp trung tá thuộc sở Công an, có người là trưởng nhà đất quận, có người là hiệu trưởng trường pháp lý, có người phụ trách nhà hát quần chúng rạp Olympic. Tôi bấm sinh vốn nặng tình bè bạn và thực tình không có lòng thù hận với riêng một cá nhân nào, nhưng khoảng cách tư tưởng và lòng tự trọng không cho phép tôi có những liên hệ không cần thiết. Tôi từ chối tất cả, chỉ nhắn NKN ý muốn gặp lại Trần Hải Đảo — bút hiệu ký trong đặc san Cường Để — của một người từng phụ trách báo *Tiếng nói* ở trường đại học Sư Phạm, một nhà văn đang được ưu đãi, được lãnh một giải thưởng lớn về văn chương, được sử dụng một phần căn nhà cũ của một thi sĩ kiêm chủ trường ở đường Phan Thanh Giản, đang cộng tác và có nhiều ảnh hưởng tại một số tờ báo ở Sài Gòn. Tôi muốn gặp Trần Hải Đảo vì biết rõ và tin vào tư cách nhà văn của anh. NKN sắp xếp cho chúng tôi gặp nhau ở một địa điểm “trung lập”, nhà một người bạn chung có thời là chủ một câu lạc bộ lớn nhất và văn nghệ nhất bãi biển Qui Nhơn.

nếu...

*nếu em: con nai nhỏ
tôi xin là khu rừng
mơn mơn xanh ngàn cỏ
cho đời em thong dong...*

*nếu em: loài chim nhỏ
tôi xin là góc trời
rất lạnh, hiu hiu gió
em mặc tình rong chơi...*

*nếu em: cành hoa nhỏ
tôi xin là giọt sương
cho đời em tươi mát
ngọt ngào thơm ngát hương...*

*nếu em là nụ hoa
tôi xin làm đối tượng
chân thành trong tâm tưởng
xin một đời thủy chung...*

nguyễn bá dĩnh



Tôi cảm ơn mấy mươi năm tự do ở miền Nam, ít ra nó cũng giúp chúng tôi có được một sự sông phẳng và cởi mở. Tôi nói với Trần Hải Đảo, rõ ràng, dứt khoát, không rào đón, e dè:

— Tao nói thật một điều, được chứ?

— Ừ.

— Tao không có ý khen chê gì những người ngoài Bắc vào. Họ không có sự lựa chọn. Họ chỉ như những con ngựa đeo mạng chỉ đi về một phía. Không cần thiết để phê bình những người không tự quyết định được đời mình. Nhưng với những anh em trong Nam đã dần thân, tao rất phục.

— ...

— Ít ra bọn mày đã dám từ bỏ những thuận lợi cá nhân có thể có để chấp nhận những gian truân, nguy hiểm. Dù đúng hay sai, đó là một sự lựa chọn phát xuất từ những động năng tốt, tao trân trọng điều đó.

— ...

— Giờ phút này, mày chối bỏ miền Nam vì cho là nó xấu, mày muốn tìm một cái gì tốt đẹp hơn.

Vậy hỏi thật, mày đã tìm thấy điều muốn có chưa?

— Chưa.

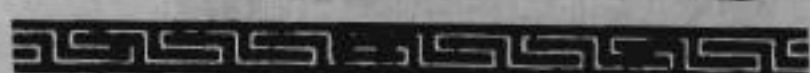
— Vậy mày còn đủ “nóng” để làm lại, để tiếp tục tìm kiếm hay không?

— Tao cũng mệt mỏi lắm. Nhiều điều khó nói lắm, đau đầu lắm!

Trần Hải Đảo trả lời với giọng nói và dáng điệu tự lự, u uẩn, không còn những cái khoa tay dứt khoát, không còn những lý luận sang sảng, tự tin. Dường như đã có một điều gì đó xảy ra. Dường như trong tận cùng tâm khảm của mỗi con người còn có trái tim, dù đứng về phía nào, cũng phải thấy ngậm ngùi.

Tôi viết về một tờ báo xuân học trò cũ. Có thể bài báo sẽ đăng trong một tờ báo xuân mới. Thật đáng trách, tôi chỉ nói toàn chuyện buồn. Tuy nhiên, đất nước ta như thế, dân tộc ta như thế, từng con người trong mỗi chúng ta như thế, chẳng lẽ đã có thể vui được hay sao?

* Tên một thi phẩm của Trần Quang Long.



Chuyện Ăn Uống và Giải Nobel Hòa-Bình

Ngô Nguyên Dũng



Cứ mỗi cuối năm mẹ lại tính sổ một lần. Năm Thân vừa qua đúng là năm khỉ khọt, chẳng ra giống gì hết trơn: mẹ bị cảm cúm nặng, cãi với bố một trận to vì về mấy chuyện không đâu lúc còn ở trại tị nạn. Cún 2 gãy mất cái răng, Kiki đã biết làm điệu, Cún 1 càng lúc càng suy tư nhiều hơn. Còn chuyện tài chánh gia đình ư? Tạm được. Và

chuyện giao tế với hàng xóm, người đồng hương và bà con thân quyến khắp năm châu bốn bể? Không có gì đáng phàn nàn. Dù vậy, mỗi năm Tết đến, lòng mẹ lại bứt rứt khó tả.

Đầu ngày, ba đưa con đã tới trường, bố đi làm, trong căn nhà rộng chỉ còn một mình mẹ. Trời bên ngoài lại đổ tuyết. Tuyết rơi ngoài trời, rơi cả trong lòng mẹ. Trời ơi, lúc này hơn lúc nào hết, mẹ muốn có ai đó phụng đèn màu cho mẹ xuống sáu câu vọng cổ với hy vọng trút được nỗi sầu vô cớ. Tính của mẹ là vậy, dễ cười mà cũng mau nước mắt, nên sinh ra ba đứa con đứa nào cũng nhạy cảm. Cún 1 và Cún 2 nhạy cảm ngầm. Kiki nhạy

cảm không giấu giếm. Mỗi khi coi truyền hình chiếu cảnh giết gà giết heo trong lò sát sinh là hai mẹ con nước mắt đầm đìa. Đã vậy thì đừng coi. Đàng này mỗi lần có phim tài liệu về thú vật là cả nhà bu lại nín thở theo dõi, để rồi nước mắt lăn xả, trách móc loài người độc ác, thề thốt sẽ không ăn thịt nữa. Nhưng gia đình bố mẹ nhin thịt chỉ được đôi ba ngày. Sau đó đâu lại vào đấy. Tuy nhiên, khi đi chợ, mẹ chỉ chọn mua thịt các loại gia súc bị giết một cách... nhân đạo hơn. Ngoài ra mẹ còn để ý tới lượng cholesterol nữa.

Một hôm trong bữa cơm tối, Cún 1, nhà thông thái và triết gia trẻ tuổi của gia đình, phán rằng:

— Không nên ăn nhiều thịt heo, trứng, tôm hùm, bơ, bánh kem vì mấy thứ đó chứa nhiều chất béo làm người ta phát phì và bị nghẽn mạch máu.

Bố gật gù. Mẹ hớn hờ vì đang có ý định ăn khem. Cún 2 và Kiki chưa kịp phản đối thì Cún 1 đã phán tiếp:

— Cũng không nên ăn quá nhiều đường, muối, gia vị, không tốt cho tim và hệ thống tiêu hoá.

Cún 2 và Kiki nhao nhao hỏi:

— Vậy nên ăn cái gì?

— Mình phải ăn nhiều bánh kem cho trơn cổ, dễ nuốt cơm hơn chứ!

Cún 1 trả lời, giọng trịnh trọng như người lớn:

— Mình nên ăn nhiều cá và rau trái.

Kiki lắc đầu:

— Em không ăn cá để phản đối chuyện người ta lưới cá ngoài biển làm chết các loại thú khác.

Cún 2 giơ tay phát biểu:

— Em đã đảo chuyện ăn cá và rau cỏ, hoan hô chuyện ăn bánh kem, bánh tai heo, khoai tây chiên, thịt nướng và... đậu phộng da cá.

Và cu cậu còn tuyên bố lạc đề một cách hung hăng:

— ...Cho em đi ăn McDonald's trọn năm, em ăn cũng được!

Cún 1 nhún vai:

— Thấy kệ tụi bây! Anh chỉ đưa ra đề nghị cùng bố mẹ vậy thôi.

Mẹ gục gặc:

— Ừ, Cún 1 chỉ nêu ý kiến thôi mà.

Bố lên tiếng tán thành:

— Đề nghị của Cún 1 rất đáng quan tâm.

Nói xong, bố mẹ có cảm tưởng gia đình mình là một quốc hội tí hon mà bố mẹ là chính quyền có Cún 1 là tay sai đắc lực, còn Cún 2 và Kiki đứng đầu đảng đối lập. Bố nâng ly nước suối, hớp một ngụm, ngó đảng đối lập loe ngoe có hai mống bé tí như hai trái dưa hấu Mễ Tây Cơ vậy mà hoan hô đả đảo hung hăng quá. Kiki còn tương đối hòa nhã, Cún 2 thì khởi nói, chỉ dùng tình chớ không bao giờ biết dùng lý để giải quyết vấn đề... thời sự thế giới. Bố chợt nảy ra một ý nghĩ vui: tối nay mình đóng vai chủ tịch quốc hội, cho các con tranh cãi một phen về chuyện ăn uống.

Nghĩ là làm, bố lấy đĩa gỗ lóc cóc vào thành chén, ngó ý mình và thúc hối các con ăn cơm mau để... cãi nhau. Mẹ ngược mặt hỏi:

— Còn em làm gì, mình?

Nhìn nét mặt ngơ ngẩn của mẹ, bố suýt phì cười nhưng nén lại kịp. Bố đùa dai:

— Dọn bàn, rửa chén, chớ làm gì bây giờ!

Cún 1 vọt miệng:

— Bố giao cho mẹ một chức vụ quan trọng đi bố!

Bố cười hể hả:

— Mẹ các con lúc nào chẳng là bà tổng trưởng bộ nội vụ và tài chánh.

Cún 2 thêm vào:

— Mẹ còn là đầu bếp giỏi nữa.

Kiki gật đầu lia lịa:

— Mẹ còn dọn nhà, giặt quần áo, kèm chúng con học, kể chuyện cổ tích cho chúng con nghe.

Cún 1 đứng dậy, trịnh trọng tuyên dương:

— Mẹ rất xứng đáng được trao giải Nô-ben... hoà bình.

Tất cả trợn mắt chung hững ngó Cún 1. Mẹ ngừng tay rửa chén, hỏi:

— Sao có chuyện hoà bình với lại chiến tranh trong đó nữa?

Cún 1 giải thích:

— Vì nếu mọi bà nội trợ trên thế giới này đều như mẹ như thì làm gì

Ô CHỮ MỪNG XUÂN

Lê Minh Hiền

Các bạn thử tìm các chữ sau đây trên ô chữ này nhé:

MỪNG XUÂN

QUÍ DẬU

BA

MẸ

MÚT

KẸO

TRÀ

DƯA HẤU

BÁNH CHUNG

HẠT DƯA

CÂY NÊU

CÀNH MAI

GIAO THỪA

PHÁO NỔ

CHÚC MỪNG

MAY MẮN

LÌ XÌ

ĐẦU NĂM MỚI

K	E	O	C	N	T	N	O	Q	C
O	C	A	A	G	U	A	N	U	H
D	A	U	N	A	M	M	O	I	U
U	Y	D	H	Y	A	Y	A	D	C
A	N	T	M	T	R	A	H	A	M
H	E	A	A	E	T	M	P	U	U
A	U	H	I	T	L	I	X	I	N
U	B	A	N	H	C	H	U	N	G
M	U	N	G	X	U	A	N	B	A
M	E	G	I	A	O	T	H	U	A

GIẢI ĐÁP Ô CHỮ KỶ TRƯỚC

T	A	D	G	N	E	Đ	C	Đ	C
A	C	E	I	E	M	U	H	I	H
N	A	M	A	N	G	C	O	L	U
G	Y	T	N	Đ	U	C	M	E	C
Q	T	H	G	E	C	H	Đ	G	L
U	H	A	S	N	Đ	U	U	A	A
A	O	N	I	H	A	N	Q	N	
A	N	H	N	O	U	L	G	U	H
N	G	O	H	A	N	G	Đ	A	A
L	E	N	U	A	Đ	E	M	Y	U

có chiến tranh.

Sau câu nói của Cún 1, tất cả im lặng vài giây. Chợt Cún 2 và Kiki đồng loạt đứng lên vỗ tay rào rào, khen nức nở:

— Anh Cún 1 nói có lý, có lý lắm.

— Em đồng ý với anh Cún 1 hết mình.

Mẹ cúi đầu lau vôi chõng chén đĩa để giấu khoé mắt long lanh và nụ cười thẹn thùng, rồi cất giọng dứt khoát:

— Nếu vậy thì phải trao giải ấy cho mọi bà mẹ chớ.

Cún 1 ngăn ngữ:

— Ừ...ừ... nhưng chỉ nên trao cho một người để... làm gương thôi.

Cún 1 láu táu ví von:

— Dạn, trợn đời chỉ trao cho một người mà thôi...

Rồi cu cậu ngẩng đầu, hỏi với vẻ mặt ngốc nghếch:

— Mà... mà... giải Nô-en là giải gì vậy anh Cún 1?

Cả nhà bật cười ồ. Kiki cũng vội cười theo để lấp liếm cái kiến thức nông cạn của mình. Cún 1 chậm rãi giải thích như một nhà thông thái:

— Giải Nô-ben chớ không phải

Nô-en em ạ, do một hóa học gia người Thụy Điển bày ra để trao cho những người tài giỏi khắp thế giới.

Cún 2 gật gù, liếc mắt ngó mẹ, giọng nịnh đầm:

— Mẹ đoạt giải là đúng lắm rồi. Mà làm sao người ta biết ai tài giỏi để trao giải?

Cún 1 gãi đầu, nói bừa:

— Phải có người đề nghị chớ.

Bố thấy cần phải xen vào:

— Chuyện này phức tạp lắm con ạ! Mà chắc gì mẹ đã nhận, nếu được giải.

Mẹ khoát tay cương quyết:

— Mẹ từ chối tức khắc.

Ba cái miệng trẻ con hỏi lớn:

— Tại sao?

— Vì mẹ tự xét thấy mình không xứng đáng.

Cún 2 thở khì thất vọng như thể mẹ sắp trúng giải tới nơi:

— Mẹ xứng đáng thấy mờ!

Kiki ngó ngẩn hỏi:

— Hay mẹ nghi người ta kỳ thị, không chịu trao giải cho đàn bà con gái chúng mình?

Cún 1 lắc đầu:

— Trật lất! Bằng có là bà Cà-ri, người Pháp, đã trúng giải tới hai

lần. Ngoài ra còn có sơ Theresa và nhiều bà khác nữa đã đoạt giải Nô-ben hoà bình.

Cún 2 thắc mắc:

— Em tưởng bà Cà-ri là người Ấn Độ chứ!

Bố cười hềnh hếch:

— Tên cúng cơm của bà ta là Marie Curie, người Pháp con à.

Và bố trở lại đề tài đầu tiên:

— Mà gia đình mình định bàn về chuyện ăn uống chứ đâu có muốn nói tới mấy bà Cà-ri, cà chua, cà chớn kia. Bây giờ bố hỏi các con, sang năm mới các con muốn mẹ nấu ăn như thế nào? Nhiều thịt, ít rau hay nhiều rau, ít thịt?

Kiki mềm giọng:

— Con không ăn thịt bò vì ti-vi chiếu cảnh người ta giết bò xẻ thịt trông thương quá!

Cún 2 đứng dậy, giơ cả hai tay lên trời:

— Con đã đảo chuyện ăn cá, hoan hô chuyện ăn đậu phộng da cá.

Cún 1 đồng dạ:

— Con đề nghị mẹ cho ăn cá nhiều hơn thịt và nhiều rau trái hơn trước.

Kiki lại phản đối:

— Con không ăn gà vì ti-vi chiếu cảnh người ta nuôi gà tàn nhẫn quá.

Mẹ sắp xếp chén đĩa vào tủ xong, trở lại bàn ngồi, ngó ba đứa con lao nhao tranh nhau nói, miệng thở dài mà lòng vui phơi phới:

— Vậy thì mẹ cho Kiki ăn chay trường, Cún 2 ăn bánh kem và đậu phộng da cá thả cửa, Cún 1 ăn nhiều cá, nhiều rau, ít thịt. Còn bố?

Bố bật dậy, bắt chước Cún 2, giơ hai tay lên trời:

— Bố đã đảo chuyện ăn, hoan hô chuyện nhậu!

Ba đứa con ngoác miệng cười nắc nẻ. Mẹ nhoẻn miệng cười, gật đầu:

— Mẹ cho bố các con ăn hột vịt lộn nguyên năm.

Ba đứa nhỏ lại xôn xao:

— Con không thích bố ăn vịt bê-by, làm mất... nhân phẩm loài vịt.

— Bố ăn hột vịt lộn là chà đạp

danh dự của Vịt cỡ lớn và Vịt cỡ nhỏ.

— Bố làm như vậy là... phá thai vịt, bố biết không!

Bố giơ tay đầu hàng:

— Bố nói giỡn chút mà.

Sau khi rửa mặt, đánh răng, thay quần áo ngủ, Cún 2 vào phòng nhỏ giọng với Cún 1:

— Anh Cún nè, hay là mình biên thư cho ông Nô-ben đi!

Cún 1 chưng hửng:

— Để làm gì?

Cún 2 thì thào:

— Để đề nghị ông ta trao giải Nô-ben cho mẹ, biết đâu chừng...

Cún 1 muốn cười lắm, nhưng ngó bộ mặt trịnh trọng của em, Cún 1 cảm thấy xúc động, không nỡ cho em biết sự thật phũ phàng rằng ông Nô-ben đã về bên kia thế giới từ thuở nào rồi. Cún 1 quyết định thật nhanh, gật đầu:

— Ờ, biết đâu chừng!

Cún 2 sà lại bàn, ngồi xuống kéo học tủ lấy giấy viết ra, nói:

— Anh viết nhé!

Cún 1 nhảy tót lên giường, trùm mền:

— Thôi, em tự viết một mình đi!

— Không, anh viết chữ Việt hay hơn em.

Cún 1 “hứ” một tiếng, uể oải bước xuống giường:

— Thì nói là không biết viết cho rồi, lộn xộn quá!

Cún 1 giằng lấy tờ giấy và cây viết trên tay em, ngồi xuống ra lệnh:

— Đọc đi!

Cún 2 ngơ ngác:

— Em biết viết làm sao đâu mà đọc?

Cún 1 cố giữ bình tĩnh để không nổi quạu:

— Ý kiến của đứa nào, đứa đó phải đọc.

Cún 2 nổi máu anh hùng, ưỡn ngực, mặt căng căng ngó ra khung kính đêm hắt ánh đèn vàng mờ, tìm ý. Cún 1 tăng hăng nhắc. Cún 2 sửa giọng ề a...

Sau một đêm thức trắng, được sửa đi sửa lại nhiều lần, tờ kiến nghị có nội dung như sau:

Hoa kỳ ngày 26 tháng 12 năm 1992.

Kính thưa ông Nô-ben,

Chúng con là ba đứa trẻ Việt Nam tị nạn cộng sản, hiện sống tại Hoa kỳ. Hôm nay chúng con viết gửi ông lá thư này để thưa cùng ông một chuyện: Chúng con muốn đề nghị ông trao giải Nô-ben hoà bình cho mẹ chúng con là bà Lê Thị Mai, vợ bố chúng con là ông Nguyễn Văn Phú. Bố mẹ chúng con tuy không giàu nhưng rất hạnh phúc. Chúng con là những đứa trẻ khá ngoan ngoãn, luôn luôn sống hòa bình với nhau, không bao giờ đánh lộn. Có được một nền hoà bình như vậy là nhờ mẹ, tất cả chỉ nhờ mẹ chúng con mà thôi. Mẹ là người đọc cho chúng con nghe chuyện lịch sử, chuyện dân gian, chuyện cổ tích quê hương. Mẹ là đầu bếp giỏi số một. Mẹ còn hay chuyển tiền giúp trẻ em Phi châu bị nạn đói, bà con túng thiếu tại Việt Nam, để xây làng SOS cho trẻ con mồ côi. Mẹ không được nhiều người biết đến như sơ Theresa, không thông minh như bà Cà-ri, nhưng mẹ chúng con là người đại diện cho tất cả những bà mẹ thầm lặng và giỏi chịu đựng trên thế giới. Xin ông cứu xét và nếu được, trao cho mẹ chúng con giải Nô-ben hoà bình để làm gương tốt cho mọi bà mẹ. Chúng con hôn ông và kính chúc ông dồi dào sức khoẻ.

Sau đó Cún 2 dặn dò Cún 1 đừng quên ra bưu điện gửi lá thư. Cún 1 không biết phải làm gì với bức thư kỳ cục đó, cứ lấy ra đọc tới đọc lui đôi ba bận, rồi xúc động và thấy thương mẹ hơn bao giờ hết. Cún 1 trách thầm ông Nô-ben đã quên, không đặt ra giải Nô-ben hạnh phúc, tìm trao cho những người mẹ, những người cha, những ông ngoại bà ngoại và ông nội bà nội lúc nào cũng thương yêu đùm bọc con cháu. Ông Nô-ben thiếu sót biết chừng nào. Cuối cùng Cún 1 nghĩ ra một cách rất mê tín dị đoan: Cún 1 đem đốt lá thư với hy vọng ở bên kia thế giới, ông Nô-ben sẽ nhận được thư và sau khi đọc, ông sẽ nở một nụ cười nhiều thông cảm. ○



ngọc sáng trong hoa sen

John Blofeld
Nguyễn Phong
phóng-tác

(tiếp theo)

CHƯƠNG NĂM BẮC KINH

Khi tôi đến Bắc Kinh thì thành phố này không còn là một trung tâm quyền lực như trước nữa nhưng nó vẫn cố gắng bám víu vào quá khứ một cách tuyệt vọng. Cuộc cách mạng Tân Hợi (1911) đã thay đổi hoàn toàn chính thể Trung Hoa, hoàng đế Phổ Nghi thoái vị,

không còn quyền hành nhưng tại Bắc Kinh người ta vẫn nhắc đến ông vua này một cách kính trọng. Mặc dù chính quyền mới đã đưa ra nhiều công cuộc cải cách như lập nội các dân chủ, đặt ra quốc hội, ban hành nhiều sắc luật cải tổ guồng máy cai trị quốc gia nhưng càng cố gắng thay đổi bao nhiêu, người dân Bắc Kinh lại càng bám lấy truyền thống cũ bấy nhiêu. Họ

vẫn trọng đãi các hoàng tộc, hoàng thất và vẫn có những buổi tế lễ long trọng tại các lăng tẩm vua chúa nhà Mãn Thanh.

Dù trải qua nhiều biến động, Bắc Kinh vẫn giữ được vẻ đẹp đài các, kiêu sa với các cung điện, lăng tẩm kiến trúc lộng lẫy, huy hoàng. Rải rác quanh những đại lộ chính vẫn còn các bia đá ghi khắc chiến công hiển hách của vua chúa nhà Thanh, các cổng tam quan chạm trổ rồng phượng, các công viên trồng đủ các loại hoa nở theo thời tiết bốn mùa. Tuy nhiên người ta có thể thấy những dấu hiệu suy tàn đã bắt đầu, các cung điện lâu đài không được tu sửa, tường lở vôi, mái phủ rêu rong, các lớp sơn phết chạm trổ trên các cột đá đều bạc màu.

Sự thất vọng lớn nhất của tôi đối với Bắc Kinh là thái độ dửng dưng, lạnh lùng của người dân thành phố này đối với những người ngoại quốc như tôi. Dù sống tại đây một thời gian khá lâu nhưng tôi không sao tìm được những người bạn thân như Tạ Hải hay Tạ ngũ thúc. Người dân Bắc Kinh rất bảo thủ, họ giới hạn việc giao thiệp trong phạm vi nhỏ hẹp nào đó thôi. Một người ngoại quốc dù nói thông thạo tiếng Trung Hoa, dù phục sức như người Trung Hoa vẫn là một người ngoài, và người ngoài thì không thể tin cậy hay giao tiếp thân mật được. Cũng vì thế, sau một thời gian cố gắng chinh phục cảm tình của họ nhưng không thành công, tôi đành quay ra kết bạn với những người Âu châu khác. Không như các thương cảng miền nam quy tụ rất đông thương gia, đại bản người ngoại quốc, phần lớn các thành phố miền bắc đều nghèo xơ xác, rất ít cơ sở thương mại hay trung tâm kỹ nghệ. Đa số người ngoại quốc sống tại đây đều là những học giả hay giáo sĩ, người đến vì tò mò muốn tìm hiểu văn hoá Trung Hoa, kẻ đến để bành trướng thế lực tôn giáo.

Tình trạng giao thời giữa cũ và mới và những đổi thay chính trị giữa các phe phái đã phá tan truyền

thống tôn ti trật tự của xã hội khép kín này. Sự tranh chấp giữa các thế lực đã mở cửa cho những tư tưởng tiến bộ mới lạ tràn vào, ảnh hưởng lên giai cấp trí thức Trung Hoa. Đại học Bắc Kinh là môi trường mà tầm ảnh hưởng này tác dụng mạnh mẽ nhất. Một lớp sinh viên mới chịu ảnh hưởng văn minh Tây phương đã xuất hiện. Họ thường tụ họp tại các hội quán, câu lạc bộ bàn tán sôi nổi về các chủ trương, lý thuyết, quan niệm chính trị, kinh tế khác nhau. Mặc dù có nhiệt huyết nhưng vì thiếu kinh nghiệm nên phần lớn đều bị lợi dụng bởi các thế lực chính trị đương thời. Trong thời gian sống tại đây, tôi đã chứng kiến nhiều cuộc biểu tình, bãi khoá, tranh đấu đòi hỏi điều kiện này nọ. Hầu hết đều được sự ủng hộ của các phe phái quân phiệt, đảng phái, hoặc các thế lực ngoại quốc.

Lúc đầu tôi định mở lớp dạy sinh ngữ như tại Hương Cảng nhưng ít lâu sau tôi đổi ý định và xin dạy tại đại học Bắc Kinh. Số lương giáo sư đại học giúp tôi thuê được một căn nhà nhỏ tại Tây thành. Tuy căn nhà đã cũ, tường vách không được sơn sửa từ lâu nhưng nó rất kín đáo, yên tĩnh, thích hợp với cuộc sống trầm mặc của tôi. Tôi mượn một cặp vợ chồng già trông nom nhà cửa và nấu ăn với giá mười sáu anh kim mỗi tháng. Lão Trương là một quản gia trung thành, giữ gìn nhà cửa tươm tất và đặc biệt có tài săn sóc cây kiểng trong vườn. Trương bà nấu nướng ngon nhưng có thói hay kiểm soát mọi hoạt động của chồng. Cả hai vợ chồng đều ít nói, không làm phiền ai trừ khi thỉnh thoảng lão Trương trốn vợ vào sông tài xỉu giải trí, khi về bị vợ vác chổi rượt chạy khắp sân.

Một hôm tôi đang đọc sách trong phòng thì nghe tiếng cãi vã ồn ào trước cửa. Tôi bước ra xem thì thấy lão Trương đang xua đuổi một người Mông Cổ to lớn, râu tóc xồm xoàm.

— Chuyện gì vậy lão Trương?

— Thưa Phùng lão gia, thằng hành khất này to gan lớn mật, dám

cả gan...

Người Mông Cổ kia vội cãi:

— Nhưng tôi không phải là hành khất.

— Câm miệng đi, mày không phải hành khất thì đi xin tiền để làm gì?

Tôi quan sát người "hành khất" mà lão Trương đang cố gắng xua đuổi. Đó là một người Mông Cổ to lớn, khoác chiếc áo hồ cừu cũ nát, dưới lớp áo đó là một bộ quần áo vá chằng chịt hàng trăm mảnh may bằng những thứ hàng rất diêm dúa nhưng bẩn thỉu như không hề được giặt. Người đó tỏ ra giận dữ, râu tóc dựng ngược lên như muốn ăn tươi nuốt sống lão Trương. Hắn quay qua tôi phân trần:

— Ta đi quyền tiền để xây cất một ngôi chùa trên Ngũ Đài Sơn, nhưng gã người làm của ngươi cứ cho rằng ta chỉ là một kẻ hành khất.

— Thôi đi, đừng có lợi dụng danh nghĩa này nọ, lão gia đây đã bảy chục tuổi đầu rồi chứ đâu phải ngu dại gì nữa...

— Phải chăng ông từ Ngũ Đài Sơn đến?

— Chính thế. Ta đã đi suốt mấy tháng nay quyền góp tiền bạc để xây chùa...

Lão Trương vội chen vào:

— Phùng lão gia chớ tin những kẻ như vậy.

Gã Mông Cổ rút trong người ra một quyển sổ đóng bìa gấm rất đẹp, trong có ghi những dòng chữ Tây Tạng, Mông Cổ loằng ngoằng:

— Đây là danh sách những người hảo tâm đã đóng góp, ta ghi rõ vào sổ sách đền thờ hoàng...

Tôi im lặng lắng nghe gã Mông Cổ nói. Một người lặn lội hàng trăm dặm đi quyền góp như thế này chắc chắn không phải kẻ tầm thường. Hơn nữa cử chỉ của y không giống như những hành khất mà tôi đã gặp. Hắn nói rất rành mạch, rõ ràng, có đầu có đuôi hẳn hoi. Hắn còn vạch rõ kế hoạch xây chùa như thế nào, có những tượng Phật ra sao, cách sắp đặt địa thế, phòng ốc, đường xá như một kiến trúc sư rành nghề. Một kẻ hành khất dù có tài bịa đặt đến đâu cũng không thể nói năng rành mạch như thế được.

— Như vậy ngôi chùa đã khởi công chưa?

— Chưa, chúng tôi còn đang quyền góp tiền bạc.

— Nhưng nếu chưa xây cất thì sao ông lại có thể tả rõ hình ảnh, cách cấu trúc, sắp đặt tinh vi đến thế?

cuối năm dưới bóng phật đài

lâm hảo dũng

Khuya nay còn lại mình con
Lấy tâm ngây dại lấy hồn gái thơ
Mấy mươi năm chẳng lên chùa
Chẳng hay Bồ Tát ngày xưa xuống trần
Chẳng từ để thiệt thòi thân
Chẳng bi nên trí hôn trầm vô minh
Hỏi tâm tâm chết thật tình
Bên hương vị xúc sắc thanh mất rồi!
Mấy mươi năm khóc hơn cười
Những đau cùng khổ ngậm ngùi nghiệp duyên
Biết ư? Hai chữ kim tiền
Nghĩ ra biển lận của riêng về mình
Thấy người trong nỗi nhẹ khinh
Lời guơm ướp mật như hình khói sương.
Quần quanh nhớ chuyện hoang đường
Làm sao định liệu vô thường cái ta?
Chấp tay lạ Phật Di Đà
Cho con an lạc hiền hoà thân tâm.

— Tại vì tôi đã nhìn thấy nó trong một linh ảnh.

— Cái gì? Ông nhìn thấy trong một linh ảnh?

— Đúng thế. Do đó tôi mới đi quyên góp để xây cất nó. Tôi là một pháp sư ở Ngoại Mông, cách đây vài năm tôi đã nhìn thấy một ngôi chùa kiến trúc lộng lẫy trong một linh ảnh. Lúc đầu tôi nghĩ rằng đó chỉ là một giấc mơ nhưng càng ngày hình ảnh ngôi chùa này càng hiện ra rõ rệt trong đầu óc tôi với từng chi tiết một nên tôi nhất định phải đi kiểm nó. Dường như có một linh tính nào thôi thúc tôi tìm đường vào Trung Nguyên và vô tình đi ngang rừng Ngũ Đài Sơn. Tôi nhìn thấy rõ rệt địa thế mà ngôi chùa trong linh ảnh tọa lạc nhưng dĩ nhiên đó chỉ là một cánh đồng còn hoang vu trơ trụi, không có gì cả. Đến lúc đó tôi ý thức rằng ngôi chùa trong linh ảnh đó chưa hiện

hữu và nhiệm vụ của tôi là phải góp phần kiến tạo nó nên tôi phát tâm đi quyên góp khắp nơi.

— Nhưng biết đâu đó chỉ là một giấc mộng?

Người Mông Cổ phá lên cười:

— Người ta có thể mộng mị vài lần nhưng làm sao dễ nhầm mắt lại là hình ảnh ngôi chùa lại hiện ra với những chi tiết rõ rệt được? Đối với kẻ bình thường thì có thể đó là một ảo ảnh nhưng với tôi, một pháp sư dày công tu luyện thì đâu thể có chuyện đó. Tôi đã nhìn thấy từng chi tiết rõ rệt, từng viên gạch, từng phiến đá, từng phòng ốc hay những bức tranh vẽ trên vách chùa nữa. Linh ảnh này luôn luôn hiện ra trước mắt tôi một cách rõ rệt, không sai trật mảy may nào, bất cứ lúc nào nhập định tôi cũng đều nhìn thấy nó. Tôi là một pháp sư huyền thuật, có thể sai khiến quỷ thần, trừ tà, chữa bệnh, giao thiệp với cõi

siêu hình chứ đâu phải một người thường. Không những tôi ý thức rõ việc tôi đang làm mà còn biết rằng một thời gian nữa ngôi chùa sẽ hoàn tất.

— Ông có vẻ tự tin quá.

— Dĩ nhiên. Không những tôi biết rõ mà các sinh linh cõi âm cũng xác nhận như thế.

Câu nói của gã Mông Cổ làm tôi giật mình. Tôi đã nghe nói đến những pháp sư Tây Tạng, Mông Cổ tu luyện huyền thuật nhưng vẫn bán tin bán nghi về hiện tượng siêu hình. Nếu gã này đã tự nhận như thế thì tôi có thể tìm hiểu thêm về vấn đề này rồi. Khi tôi ngó ý muốn biết về các môn huyền thuật, gã Mông Cổ sốt sắng gật đầu ngay và hẹn chiều hôm sau đến tìm gã tại một ngôi chùa Tây Tạng ở phía bắc thành phố. Sau khi gã Mông Cổ thu nhận món tiền của tôi và bỏ đi thì lão Trương cuống quýt gọi vợ mang vàng mã ra “đốt vía” trước cửa. Hai vợ chồng khuyên can tôi:

— Phùng lão gia, cái gã Mông Cổ đó không tin được đâu! Lão gia chớ giao thiệp với hạng người thờ ma cúng quỷ như vậy, nó có tà thuật thu hồn bắt vía để sai khiến người khác đó.

Bất chấp lời khuyên cáo của vợ chồng lão Trương, chiều hôm sau tôi gọi xe kéo đi Bắc thành. Cách đây khoảng trăm năm, Bắc thành là một phủ lớn của một thân vương người Mãn Thanh, nhưng vì dính dấp đến việc phản loạn chi đó đã bị vua Khang Hi bắt giết. Từ đó phủ này được sửa thành một ngôi chùa dành cho các tu sĩ phương bắc như các lạt ma Tây Tạng hay pháp sư Mông Cổ trú ngụ. Vì là một vương phủ nên nó có tường rào bao bọc chung quanh, có vụng lâu canh gác, bên trong có nhiều nhà cửa, đường xá rất quanh co. Một đứa nhỏ khoảng mười hai, mười ba đã chờ sẵn tôi ở ngay cổng. Nó dẫn tôi đi loanh quanh qua nhiều hành lang tối tăm mới đến căn phòng của gã Mông Cổ kia.

Đó là một căn phòng trần thiết trơ trụi, chẳng có đồ đạc gì trừ một



bàn thờ nhỏ kê sát vách trên để một bức tranh vẽ những phù hiệu loằng ngoằng chi đó. Gã Mông Cổ ngồi xếp bằng dưới đất trước một bình trà nóng. Hắn im lặng ra hiệu mời tôi dùng trà. Đó là loại trà Mông Cổ pha với sữa dê và trộn muối nên rất khó uống. Căn phòng rất tối, chỉ có một ngọn đèn dầu nhỏ đặt trên bàn thờ.

Tôi vừa nhấp vài ngụm trà thì một người trung niên bước vào, mang theo chiếc trống khá lớn. Đứa nhỏ hướng dẫn cũng lấy ra một chiếc công bằng đồng và cả hai bắt đầu thổi nhạc. Gã Mông Cổ khởi sự niệm chú, giọng gã trầm hẳn xuống khác hẳn khi trước. Tiếng đọc chú của hắn hoà lẫn cùng tiếng công, nhịp nhàng theo điệu hướng dẫn của chiếc trống một lúc khá lâu. Bất chợt âm thanh trở nên dồn dập hơn. Gã Mông Cổ ngưng đọc chú, khuôn mặt của y bỗng trở nên nhăn nhúm, vai y gù hẳn xuống, người y rung lên như bị động kinh. Mặc dù ánh sáng yếu ớt của ngọn đèn dầu không chiếu rõ nét mặt y nhưng không hiểu sao tôi bỗng có cảm tưởng rằng người đang ngồi trước mặt không còn là gã Mông Cổ nữa mà là một người khác. Tự nhiên tôi nổi gai ốc khắp mình và bắt đầu thấy sợ. Khi xưa, tôi đã chứng kiến việc lên đồng, nhập cốt của các thầy pháp Trung Hoa. Những người này thường ăn mặc diêm dúa, tô son dôi phấn, nhún nhảy ca hát theo điệu nhạc. Họ lầm nhấm những lời tiên tri, sấm ký hoặc ban phát kẹo bánh cho dân chúng trong làng. Dù đó là trò bịp bợm hay có thật, dù người ta tin hay không nhưng chắc chắn không ai sợ hãi cả. Hiện nay trước mặt tôi là một hiện tượng khác hẳn, một sự thay hình đổi dạng diễn ra một cách lạ lùng. Không hiểu sao tôi từ từ thối lui cho đến khi lưng đụng vào vách tường, chân tay tê cứng, cổ họng tôi như muốn nghẹn lại. Tôi thầm nghĩ nếu là trò bịp thì gã Mông Cổ đã đóng kịch thật tài, nhưng hắn không thể đóng kịch được vì trước mắt tôi hiện nay

không phải là một thân thể lực lưỡng to lớn nữa mà phẳng phất một thể xác gầy gò, lơ mờ màu trắng đục. Mặc dù phòng kín không có gió, nhưng tôi vẫn cảm thấy trong không khí có một cái gì kỳ lạ, một sức mạnh hay một năng lực gì hiện diện thì phải.

Bất thình lình bình trà đang nằm trên mặt đất bỗng bị một sức mạnh vô hình nào đó cuốn hút lên không trung, lửng lơ một lúc rồi rơi xuống đất, lăn vào góc nhà như bị ai đánh trúng. Ngọn đèn trên bàn thờ cứ chập chờn như muốn tắt nhưng giữa phòng lại có một thứ ánh sáng kỳ dị nào đó phát ra từ thân hình của gã Mông Cổ. Tôi cố gắng tự chủ nhưng chân tay cứ run lên vì sợ, tôi muốn đứng dậy chạy ra khỏi phòng nhưng không sao nhúc nhích được. Đột nhiên một âm thanh kỳ lạ không biết từ đâu bỗng vang lên:

— Yau Wen Shen Mo?

Đứa nhỏ quay qua tôi thông dịch:

— Tiên sinh có điều gì muốn hỏi ngài không?

Câu hỏi bất ngờ khiến tôi giật mình, luống cuống không biết phải trả lời thế nào. Miệng tôi há ra nhưng không sao thốt nên lời, mắt tôi như bị thôi miên bởi hình ảnh kỳ lạ chập chờn trước mặt. Quả thế, đó là một người khác chứ không phải gã pháp sư Mông Cổ mà tôi đã gặp. Khuôn mặt người này già nua, đầy vết nhăn, cặp mắt sáng quắc, chắc chắn phải trên trăm tuổi là ít. Đầu óc tôi hoang mang không thể tập trung mặc dù tôi cố tự thuyết phục rằng đây chỉ là một ảo ảnh mà thôi. Liệu gã Mông Cổ có thể biến thành người khác như truyện *Dr. Jenkyl and Mr. Hyde* không? Đứa nhỏ tiếp tục yêu cầu tôi đặt câu hỏi, nhưng tôi không biết phải nói gì và tôi không hề có ý định sẽ đặt câu hỏi. Gã trung niên cũng liếc mắt nhìn tôi chờ đợi. Thời gian như ngừng lại rất lâu cho đến khi tôi thu hết sức lực để lắc đầu. Gã trung niên hiểu ý tôi, nhấc chiếc trống lên gõ nhẹ bằng một nhịp chậm. Đứa

nhỏ cũng bắt đầu gõ công theo. Không hiểu sao trước mắt tôi bỗng người già nua kia cũng từ từ mờ nhạt đi nhưng tôi không sao quên được cặp mắt sáng quắc vẫn liếc nhìn dường như thắc mắc về thái độ của tôi.

Sau một tiếng công chát chúa, gã Mông Cổ chột vươn người ngồi thẳng lên, thân hình hắn vẫn còn rung động như chưa tỉnh sau một giấc ngủ dài.

— Phùng tiên sinh, ngài có hài lòng về câu trả lời không?

Tôi thu hết can đảm thú nhận rằng tôi không hề đặt một câu hỏi nào hết. Gã Mông Cổ nhìn tôi như tức giận. Có thể hắn nghĩ đã mất công trở tài mà không được hưởng ứng chăng? Tuy nhiên hắn không nói gì mà chỉ giơ tay ra hiệu cho đứa nhỏ nhặt bình trà dưới đất lên để pha một bình trà khác. Chúng tôi ngồi im không ai nói gì cho đến khi đứa nhỏ mang bình trà đến.

— Xin mời Phùng tiên sinh dùng trà.

Sau khi uống đến chén trà thứ hai tôi mới có can đảm lên tiếng:

— Này anh bạn, phải chăng một cái gì đó đã nhập vào anh?

Gã Mông Cổ xác nhận:

— Đúng thế. Tôi đã để cho “ngài” sử dụng thể xác của tôi.

— Anh dùng chữ “ngài” như một đẳng nào đó. Phải chăng đó là một người nhất định hay bất cứ ai cũng có thể nhập vào anh?

— Không đâu. Một người hiểu biết về cõi siêu hình không bao giờ để cho bất cứ một vong linh nào mượn thể xác được. Đó là điều cấm kỵ và nguy hiểm vô cùng.

— Vậy “ngài” là ai?

— Đó là một vị lạt ma sống tại Thanh Hải (Kokonor sea) nhưng ngài không bao giờ tiết lộ danh tánh. Tôi tạm gọi ngài là lạt ma Aiee (chữ Mông Cổ, *aiee* có nghĩa là vô danh). Ngài đã mượn thể xác của tôi để trình bày một số sự kiện hay trả lời một điều gì đó. Khi cho ngài mượn thể xác, tôi ở trong trạng thái hôn mê, không biết gì cả. Tôi không biết ngài nói gì và cũng

không muốn biết nữa vì đó không phải là việc của tôi. Tuy nhiên tôi nghe kể rằng ngài không bao giờ nói gì về ngài mà chỉ trả lời những thắc mắc của người khác mà thôi. Tiếc rằng tiên sinh đã không chuẩn bị trước những câu hỏi nhưng không sao, nếu muốn, xin mời tiên sinh trở lại đây vào đêm mai. Tôi nghĩ lát ma Aiee có thể giúp tiên sinh giải quyết được nhiều thắc mắc.

Tuy biết đó là một cơ hội hiếm có để tìm hiểu về thế giới siêu hình nhưng không hiểu sao chuyện vừa xảy ra làm tôi ngần ngại. Tôi thấy mình chưa sẵn sàng để gặp một thực thể vô hình như vậy. Từ trước đến nay tôi vẫn mong có cơ hội tìm hiểu thêm về các bộ môn huyền thuật, nhưng lần này tôi cảm thấy có gì không được ổn.

— Tại sao ông lại làm “trung gian” như vậy?

— Đó là một ân huệ lớn, đâu phải ai cũng được ngài lựa chọn. Tôi là một pháp sư huyền thuật. Công việc của tôi đòi hỏi một kiến thức về thế giới siêu hình và người ta không thể tìm hiểu thế giới này nếu không có người hướng dẫn. Lát ma Aiee đã giúp đỡ tôi nên khi cần, tôi để cho ngài sử dụng thể xác.

— Xin ông nói rõ hơn về việc các sinh linh cõi vô hình xác nhận rằng ngôi chùa trong linh ảnh sẽ hoàn tất.

— Đúng thế. Tôi đã hỏi các sinh linh cõi vô hình về việc này và chúng xác nhận rằng ngôi chùa đó sẽ được xây cất như tôi đã thấy trong linh ảnh.

— Nhưng... nhưng biết đâu các sinh linh đó cũng lầm thì sao?

Gã Mông Cổ bật cười:

— Không đâu. Người ta có thể lầm nhưng các sinh linh mà tôi quen biết thì không mấy khi lầm lẫn đâu.

— Tại sao ông lại cả quyết như vậy?

— Tại vì con người có lòng tham, có dục vọng, có lòng mong cầu ao ước. Các động lực này thường thúc đẩy người ta vào con đường lầm

tết trên xứ người

Mùa xuân về rồi đó sao?
Mà không áo mới thăm chào người thân!
Mặc đồ vô, cứ tần ngần,
Bây giờ không biết phải cần đi đâu?
Nhìn quanh chỉ thấy tóc nâu,
Đi vào, cởi áo làm châu bìa lon.
Ngà ngà nhớ tới nước non,
Thấy giọt nước mắt lăn tròn trên môi...

nguyễn tư



lạc. Dù một việc tốt như xây chùa, đúc tượng, thỉnh kinh nhưng nếu làm bởi một tư tưởng không trong sạch, một tâm trạng mong cầu cái gì đó thì cũng mất đi rất nhiều ý nghĩa rồi. Trong khi đó các sinh linh cõi vô hình mà tôi giao tiếp không thuộc thế giới này. Chúng không tham hay có lòng mong cầu như chúng ta nên có thể biết trước được nhiều điều. Vì không bị chi phối bởi dục vọng nên chúng thấy mọi việc một cách chính xác hơn.

— Tại sao như vậy?

— Điều này cũng giản dị thôi. Khi làm bất cứ điều gì, người ta thường có một động năng hay nguyên nhân nào đó thúc đẩy. Dù nguyên nhân này đúng hay sai, tốt hay không tốt thì nó cũng tạo ra một thành kiến bao trùm lên mọi sự nên người trong cuộc ít khi nào sáng suốt. Một kẻ buôn bán lúc nào cũng chỉ nghĩ về vấn đề lời lỗ, chi thu. Một học giả lúc nào cũng chỉ tìm cách thu thập kiến thức và lý luận sao cho hợp lý. Do đó họ thường bị chính cái thành kiến kia chi phối nên khó có thể nhìn sự kiện một cách toàn diện và chính xác. Trong khi đó một người đứng ngoài, không bị thành kiến chi phối, có thể nhìn thấy sự việc một cách vô tư hoàn toàn hơn. Cũng như thế, trong vũ trụ có những xếp đặt huyền bí, những định luật thiên nhiên mà những người còn đắm nhiễm bởi dục vọng hay tham sân si không thể biết được. Vì thế tầm

mắt của họ rất giới hạn, ví như người sống trong thung lũng, bốn bề là núi cao thì chỉ có thể nhìn thấy những gì xảy ra trong phạm vi của thung lũng đó thôi. Nhưng nếu họ leo lên được đỉnh núi thì không những họ có thể quan sát mọi việc trong thung lũng một cách rõ rệt, chính xác mà còn mở rộng tầm mắt ra khắp nơi nữa. Huyền thuật chính là môn học giúp người ta phóng rộng tầm mắt để hiểu biết các định luật bất biến của vũ trụ.

— Phải chăng huyền thuật là một tôn giáo?

— Không đâu. Huyền thuật là một khoa học, một sự tổng hợp kiến thức của nhiều người trong khi tôn giáo là một kinh nghiệm, một sự tin tưởng, một lối sống. Tôi là một pháp sư huyền thuật, người nghiên cứu và có kiến thức về các định luật huyền bí nhưng đồng thời tôi cũng là một tín đồ Phật giáo.

— Như vậy có sự mâu thuẫn gì không?

— Tại sao lại mâu thuẫn? Mục đích của Phật giáo là phát triển trí tuệ để giải thoát trong khi mục tiêu của huyền thuật là phát triển kiến thức để có thể giải thích những định luật trong thiên nhiên. Bằng cách phối hợp huyền thuật với tôn giáo, người ta có thể giải thích được nhiều điều một cách hợp lý.

Chúng tôi đàm đạo thêm một lúc trước khi từ giả. Tôi đưa cho hắn một số tiền để cúng vào chương trình xây cất trên Ngũ Đài Sơn. Gã

Mông Cổ cẩn thận mang cuốn sổ bìa gấm ra ghi chép và làm biên nhận nhưng tôi gạt đi và nói điều này không cần thiết. Gã Mông Cổ lắc đầu:

— Đây là một thủ tục cần thiết để chứng tỏ việc làm đứng đắn của tôi. Ngoài ra chúng ta còn gặp nhau nữa kia mà.

Tôi không tin sẽ gặp lại người Mông Cổ này vì biết hắn còn bận rộn đi quyền góp khắp nơi, nhưng không ngờ chỉ vài năm sau, tôi lại gặp hắn trên Ngũ Đài Sơn.

Lúc tôi trở về nhà thì đã quá nửa đêm, hai vợ chồng lão Trương đã chờ sẵn với một nồi cháo gừng nấu thật nóng để “trục tà”.

Tôi tiếp tục sống tại Bắc Kinh thêm một thời gian nữa, đời sống thoải mái dễ chịu vì số lương cao hơn xưa khá nhiều. Ngoài việc dạy học tôi có nhiều thì giờ để nghiên cứu, học hỏi thêm về văn hoá Trung Hoa. Tôi làm thơ và in hẳn mấy tập thơ Đường luật ký bút hiệu Trúc Phong cho các bạn hữu. Ngoài ra tôi còn vẽ tranh thủy mặc, viết bút thiếp theo thủ bút của các họa sư nổi danh. Thỉnh thoảng tôi cũng đi chùa và có dịp tiếp xúc với các tăng sĩ tại đây. Tôi thường đàm đạo với hoà thượng Đại Lương, vị trụ trì ngôi chùa gần đại học Bắc Kinh.

Hôm đó, trong lúc vui miệng tôi kể cho ngài nghe về gã pháp sư Mông Cổ, hoà thượng Đại Lương gạt đầu:

— Hiển nhiên người Mông Cổ đó có quyền năng về huyền thuật nhưng tôi nghĩ vị lạt ma sống tại Thanh Hải kia chỉ là một sản phẩm xuất phát từ tâm thức của hắn mà thôi.

— Tại sao như thế được? Tôi nhìn thấy rõ hắn đã biến hình đổi dạng thành người khác kia mà. Hắn nói rằng lạt ma Aiee có thể trả lời những câu hỏi, tiên đoán được nhiều điều người khác muốn biết.

— Đúng thế. Trên nguyên tắc thì ai cũng nghĩ rằng đã có một “thực thể vô hình” nào đó nhập vào y và trả lời những câu hỏi. Tuy nhiên nếu tiên sinh biết rằng khi bước vào

trạng thái xuất thần hay hôn mê đặc biệt nào đó, người ta có thể thu nhận được những tư tưởng thầm kín phát xuất từ tiềm thức của những người chung quanh. Nói một cách khác, khi hôn mê, gã Mông Cổ đó có thể đọc được tư tưởng người khác, biết được các ước mong thầm kín của họ, nhờ thế hắn có thể vẽ vờ ra những chuyện tiên tri sấm ký mà người khác cho rằng rất đúng, rất chính xác. Tiềm ẩn trong tâm thức mỗi người là một thế giới nội tâm hết sức phức tạp với những ước mong thầm kín, những dục vọng, mong cầu hay những tư tưởng tế nhị mà đôi khi chính người đó cũng không hề hay biết. Nếu một người nào đó có thể vạch rõ những điều này thì hiển nhiên họ có thể thuyết phục người khác rồi. Tiên sinh có biết rằng những thầy bói, nhất là những người khiếm thị, thường có một

trực giác khá bén nhạy về tâm lý kẻ khác. Mặc dù họ xưng là đã nghiên cứu sách vở này nọ nhưng thật ra họ chẳng biết gì về tương lai hay quá khứ, mà chỉ biết cách khêu gợi nguyện vọng thầm kín của thân chủ, nói cho thân chủ biết những điều thân chủ muốn nghe.

— Nhưng... việc thay hình đổi dạng đâu thể ngẫu tạo được?

— Trong căn phòng tranh tối tranh sáng đó thì ai “nhìn gà” mà chẳng “hoá cuốc”, hơn nữa tiên sinh đang sợ hãi và khi hoảng hốt thì bất cứ điều gì cũng có thể khêu gợi trí tưởng tượng rất nhiều.

— Nhưng tôi thấy rõ hình ảnh một ông già có khuôn mặt nhăn nheo và cặp mắt rất sáng kia mà?

— Thôi được, nếu tiên sinh quả quyết thì cứ tạm cho là có một lạt ma nào đó nhập vào gã Mông Cổ kia đi, nhưng có bao giờ tiên sinh tự hỏi nhập vào người khác để làm gì



không? Nếu một người có thần thông thì hiển nhiên họ không thể nhập vào người khác mỗi khi được người này gọi đến vì để gì một kẻ tầm thường lại có thể quấy rầy một kẻ có thần thông như vậy được! Làm gì có việc thường dân có thể triệu quan lớn đến mỗi khi cần!

— Nhưng... nhưng đó là bí mật của huyền thuật.

— Ha ha ha... Huyền thuật đâu phải trò chơi trẻ nít. Làm gì có việc một người khổ luyện thần thông rồi bị kẻ khác triệu đến bắt trả lời những câu hỏi ăm ớ, vu vơ? Bất cứ sự kiện gì cũng có cái lý của nó và lời giải thích này xét ra vô lý. Điều tiên sinh cần hỏi là việc nhập xác đó có mục đích gì? Nếu không tìm được câu trả lời chính xác và đứng đắn thì đó chỉ là một vọng tưởng mà thôi.

— Nhưng... tại sao ngài không nghĩ người ta làm thế để thuyết phục những kẻ còn bán tin bán nghi, những kẻ không tin cõi vô hình biết rằng cõi này thực sự hiện hữu?

— Cái điều mơ hồ huyền hoặc đó chẳng thuyết phục được ai và chỉ tốn công vô ích mà thôi. Thuyết phục để làm gì cơ chứ? Tại sao lại phải thuyết phục?

— Như vậy theo ngài thì cõi vô hình không có thật?

— Thật hay không thì điều này có nghĩa lý gì đối với anh? Nếu anh không tin cõi vô hình thì ta có cố gắng giải thích thế nào anh cũng chẳng tin. Trái lại khi anh đã tin thì ta có trở tài miệng lưỡi thế nào cũng chẳng thay đổi được sự tin tưởng của anh. Nếu ta nói rằng thế giới chúng ta đang sống hiện nay chỉ là một phần của một thế giới lớn hơn, rộng rãi hơn, trong đó có nhiều sinh vật khác nhau cư ngụ, dĩ nhiên có những sinh vật mà mắt chúng ta không thể trông thấy được thì anh có tin không? Hiển nhiên đã có những giai thoại về thần thánh, ma quỷ cũng như các sự màu nhiệm nhưng đã bao giờ anh nghe thấy ai nói rằng họ đã trực tiếp gặp ma quỷ, bị ma quỷ làm hại hay họ chỉ

nghe người khác nói lại mà thôi? Dù thế giới vô hình hiện hữu, dù các sinh vật cõi vô hình có quyền năng độc đáo gì chẳng nữa thì điều đó ăn nhập gì đến đời sống hiện tại của anh? Phải chăng những kẻ tin tưởng ở cõi vô hình chỉ là những người nhẹ dạ mê tín hay tò mò mà thôi? Phải chăng họ đã mệt mỏi với đời sống hiện tại, thất vọng về thế giới này, cố gắng đi tìm một cái gì khác, một ảo vọng nào đó ở một cõi giới được xếp đặt theo trí tưởng tượng và lòng mong cầu của họ? Hãy lấy thí dụ như một kẻ buôn bán kia thường mang lễ vật đến cúng ở một ngôi chùa nào đó. Nếu y buôn may bán đất, kiếm thật nhiều lợi nhuận thì y cho rằng ngôi chùa đó thiêng, Phật chùa đó đã chứng giám và giúp đỡ y. Những người ấy lúc đó rất tin tưởng vào chư Phật, chư Bồ Tát vì đối với họ, Phật và Bồ Tát chỉ là những động lực hỗ trợ cho lòng tham của họ mà thôi. Tuy nhiên nếu chẳng may y thất bại, buôn bán thua lỗ thì y sẽ đổi thái độ ngay. Y sẽ cho rằng Phật chùa đó không còn thiêng nữa, chùa đó không còn tốt nữa và hiển nhiên y sẽ hết lời phỉ báng những gì mà trước đó y đã tin tưởng. Tội nghiệp thay, Phật và chùa đã trở thành những đối tượng để biện minh cho lòng tham lam của con người. Những kẻ thiếu hiểu biết đó không biết rằng họ đang lặn ngụp trong bể tham, đang đọa lạc vì các hành động si mê, sân hận và sẽ bị lôi cuốn mãi trong vòng luân hồi, tái sinh thành loài súc sinh, ngạ quỷ để trả quả về các hành động đã gây ra.

— Tóm lại, theo ngài thì các cõi giới đó chỉ là sản phẩm tưởng tượng của con người?

— Không hẳn thế. Ta chỉ nói rằng cõi giới đó hiện hữu hay không tùy theo sự hiểu biết và tin tưởng của mỗi người. Đa số thường có các vọng tưởng về các thế giới khác vì họ không thoả mái với thế giới hiện tại mà họ đang sống.

— Như vậy các đạo sĩ luyện phép trường sinh bất tử, phủ nhận các

thế giới khác mà chỉ tìm thú tiêu dao ở ngay hiện tại thì đúng hay sai? Họ tìm vào rừng hoang núi thẳm, gẩy đàn, đánh cờ, ung dung với bầu rượu, túi thơ. Ngày cưới hạc vàng, đêm ngủ trên lưng kỳ lân như các truyền thuyết văn kể.

— Ha ha ha... Đó cũng chỉ là những vọng tưởng mà thôi. Người ta đã đem những ước mong thắm kín, những dục vọng dựng lên thành huyền thoại rồi gán ghép vào tư tưởng của Lão tử hay Trang tử.

Hãy cho rằng có những ông tiên đã thành công trong thuật trường sinh bất tử, sống từ thời hồng hoang đến nay, không ăn uống, làm lưng mà chỉ hưởng thụ sung sướng. Phụng tiên sinh hãy gẫm lại đi, suốt ngày đánh cờ, gẩy đàn mãi cũng chán chứ! Đâu ai có thể đánh cờ cả ngàn năm được! Uống rượu hay làm thơ cũng thế, phải có hứng hay cảm xúc chứ đâu phải tự nhiên mà sáng tác được các văn thơ tuyệt tác! Hiển nhiên khi thiếu hứng thú hay cảm xúc thì họ sẽ đâm ra khó chịu, bức bối. Người ta đâu thể sống như cây cỏ hay gỗ đá được! Không lẽ ngày nào cũng uống mãi một thứ rượu? Không lẽ cứ ngồi trên lưng hạc bay hết núi này qua núi nọ? Một trăm năm là nhiều, vài trăm năm đã là quá dài nhưng cả ngàn năm và kéo dài vô tận? Ha ha ha... đến khi đó họ sẽ thấy rằng kéo dài một đời sống vô vị như vậy quả là điều chịu không nổi. Cái đời sống mà ai ai cũng ao ước, cái đời sống ung dung nhàn tản, cái trò tiêu khiển như uống rượu gẩy đàn chỉ có thể kéo dài một lúc nào đó thôi chứ không thể mãi mãi thiên thu được. Đến khi đó họ sẽ thấy rằng thà trôi nổi trong luân hồi, thà cực khổ từ kiếp này qua kiếp nọ để học hỏi, để vươn lên, để hiểu biết, để phát triển trí tuệ, để nhìn thấy sự thật mới là mục đích của đời người chứ không phải chỉ kéo dài sự hưởng thụ một cách nhàm chán ẽ chề như các đạo sĩ tuy đạo luyện đơn đề cập.

(còn tiếp)

xếp al capone IV

TRUYỆN DÀI

Trương Sơn
Lê Xuân Nhị



(tiếp theo)

Ở khu Cecilia, phía nam Chicago, thiên hạ đồn rằng cố đạo Hill, cha sở của nhà thờ St. Paul, là một người có nụ cười đẹp như thiên thần, một đầu óc thông minh xuất chúng, một cặp mắt sáng như sao, một tính nóng như lửa, một trái tim đầy lòng từ bi nhân ái, và,

trên mọi thứ, một đôi bàn tay lạ lùng mạnh bạo như sấm chớp.

Hãy bắt đầu bằng đôi bàn tay của cố Hill trước.

Phải nói rằng trong họ đạo, rất nhiều người sợ đôi bàn tay sấm chớp của cố Hill, nhưng đám con nít trong nhà thờ mới sợ chúng hơn ai hết. Đúng hơn, chúng vừa sợ đôi bàn tay vừa sợ cả cặp mắt tinh như

cú của cố Hill. Đang làm lễ tuốt trên bàn thờ, đang khấn vái chăm chỉ như vậy nhưng chỉ một cái liếc mắt là ông cố đạo biết ngay những thằng bé nào đang nghịch ngợm hay ngủ gật phía dưới. Dù bất kỳ đang làm gì trên bàn thờ, hễ thấy vậy là cố ngưng ngay việc đang làm để hăm hăm đi xuống.

Tội nghiệp cho mấy thằng bé ham đùa nghịch. Chúng không ngờ chỉ mới cười đùa với nhau, nụ cười chưa tắt trên môi thì khi nhìn lại đã thấy cố Hill đứng lù lù trước mặt. Đây là lúc mà đôi bàn tay kia làm việc lạ như chớp. Ông chỉ tát mỗi đứa một cái thôi, nhưng đứa nào cũng thấy như sấm nổ trong đầu mình.

Chẳng những con nít sợ, ngay những cặp vợ chồng trẻ cũng sợ cố Hill một phép. Nhất là những anh chồng có máu say sưa ư nhậu nhẹt hay thích trăng gió lãng nhăng. Đi làm ra, ghé quán rượu làm vài ly bia trước khi về thì không sao, nhưng nếu hơi quá chén để đến nỗi chân đầm đá chân chiêu mà thấy cố từ đằng xa thì dù say cách mấy, người ta cũng phải sửa lại bước đi cho ngay ngắn đường hoàng. Cố Hill cũng uống rượu nhưng cố không thích nhìn thấy con chiền của cố say sưa bí tỉ ngoài đường phố. Gặp những trường hợp như vậy, cố thường giảng cho một bài luân lý. Đứa nào lạng quạng dám lên tiếng cự lại thì cố sẵn sàng giội vài cú cho nó nhào xuống ngay giữa đường luôn.

Những anh chàng hảo ngọt hay đi chơi... lang thang mà gặp cố Hill lại càng ngán hơn nữa. Ở những khu vực nhiều nhà thổ mà chỉ đi một mình, mặt mày lấm la lấm lét như đi ăn trộm, bất ngờ gặp cố thì thế nào cũng bị thẩm vấn đến nơi đến chốn. Trả lời không mạch lạc đường hoàng hoặc thiếu lý do chính đáng thường bị nghe một bài giảng ngay giữa đường. Trường hợp nặng hơn, khi bị cố bắt gặp trong lúc đang cặp kè với đào lẽ hay với đi thì có thể bị ăn đòn liền lập tức. Với những hạng bị bắt quả

tang như vậy thì khỏi cần giảng luân lý làm chi cho mất thì giờ.

Tuy có vẻ dữ tợn như vậy nhưng cố Hill lại có một trái tim đầy lòng nhân ái với những kẻ nghèo hèn, những kẻ thất cơ lỡ vận, hoặc ngay cả những kẻ bị xã hội đào thải. Phía sau nhà thờ St. Paul, chỗ nhà bếp, là nơi mà những người không nhà cửa, những kẻ ăn mày thường tụ họp. Đám người thất thế tụ họp thường xuyên và đều đặn đến nỗi người ta gọi chỗ này là "Câu lạc bộ Ăn mày". Tại đây, hầu như lúc nào cũng có một thứ gì đó ăn được để dọn ra cho những người nghèo đói, những kẻ không đứng vững được trên đất nước mình. Lúc thì một tô cháo nóng, khi thì một ổ bánh mì hoặc một khoanh phó-mát, v.v.. 24 giờ một ngày, ngày thường cũng như ngày lễ, hình như bà bếp của cố lúc nào cũng sẵn sàng bung ra một thứ gì đó cho người ta bổ bụng.

Cecilia từ mấy chục năm qua không hề có một vụ kiện tụng nào cả. Chánh án và cảnh sát của quận này chỉ ngồi ngáp dài, chẳng có việc gì làm. Mọi chuyện tranh chấp, nếu không nói phải trái với nhau được, họ đều đem lên nhà thờ nhờ cố giải quyết. Và đây chính là lúc mà cố sử dụng bộ óc thông minh tuyệt vời của cố.

Chuyện ăn cắp vặt, chuyện quít tiền, chuyện vu khống hay nói xấu lẫn nhau không phải là chuyện lạ lẫm của con người. Nghe hai bên nguyên, bị kể qua một lần là cố Hill có ngay một ý niệm rõ ràng ai phải ai trái, và từ đó cố có cách giải quyết liền. Thường thường thì sau khi nghe lời cố phân giải, đôi bên đều thỏa mãn ôm nhau hôn trước mặt cố trước khi ra về. Dĩ nhiên cũng có vài trường hợp có người cho mình bị xử ép nhưng dù bất mãn đến đâu, chẳng ai muốn nhìn thấy nụ cười đẹp như thiên thần tắt trên môi cố nên cũng đành chịu nhịn làm hoà. Rất đặc biệt, lâu lâu mới có một lần, một phe không chịu nghe lời phân xử của cố mà cho rằng mình bị xử ép, nóng giận buông lời thóa mạ. Trong những

trường hợp đó, cố Hill chẳng bao giờ ngần ngại tổng cổ kẻ hỗn láo đó ra khỏi khuôn viên nhà thờ sau khi tặng cho nó vài cái đá đít hay tát tai nên thân.

Tuy vậy, như tất cả mọi người, cố Hill cũng có vài tật xấu nhỏ. Cố có tật nói nhiều, nói trước, nói phủ đầu thiên hạ trong các cuộc đối thoại. Tật hay để ý những chuyện riêng tư cá nhân của con chiên bốn đạo trong xứ mình. Nhưng cái tật xấu nhất của cố, cái tật mà cố đã nhiều lần quì xuống trước tượng Chúa để xin từ bỏ nhưng chưa được Chúa nhậm lời, ai cũng biết là tật... khoái nhậu.

Rượu, ở bên nước Ái Nhĩ Lan quê hương của cố, người ta gọi là "nước uống của thiên đàng" (the water of Heaven). Ở Mỹ, đi vào nhà thăm con chiên, cố gọi nó là "nước uống của tinh thần". Và nhà con chiên nào cũng vậy, dù nghèo đến đâu cũng luôn luôn trữ sẵn một ít "nước uống của tinh thần" để dành riêng đặc biệt cho cố. Nhiều khi gặp những gia chủ biết nghe chuyện và có rượu quý, cố ở lì trong nhà người ta suốt cả ngày. Thậm chí nếu cần, cố ngủ luôn tại nhà con chiên cho đến sáng. Nhưng cái đặc biệt của cố là dù uống rượu nhiều đến đâu, cố luôn luôn thức dậy trước giờ hành lễ khoảng một tiếng đồng hồ. Và suốt mấy chục năm coi họ đạo, cố chưa bao giờ bỏ một buổi lễ Misa.

Trai tráng trong làng muốn nên duyên chồng vợ nhiều khi cũng đến gặp cố nhờ mối lái. Cố tuy tu hành nhưng rành tâm lý và nhận xét rất tinh tường. Cố chẳng bao giờ ngần ngại phê bình thẳng thắn những câu như thế này: "Con bé đó đẹp thật nhưng cố thấy có vẻ hơi ngu, không hợp với hạng người hay suy nghĩ như con. Con gái bà X, tuy mập một chút và nói hơi nhiều nhưng cố thấy có vẻ hợp với con hơn. Nếu con muốn, để cố mối lái cho..." Dĩ nhiên đó chỉ là một lời đề nghị. Nhưng, lời đề nghị của cố nhiều khi còn có mãnh lực hơn một cái lệnh.

Những việc đó không làm cố hãnh diện bằng việc cố đã gây được sự tin tưởng tuyệt đối nơi mọi người. Ai có tiền bạc giao cho cố giữ thì khỏi bao giờ sợ mất. Cần lời an ủi hay cố vấn người ta cũng tìm đến cố. Và cố luôn luôn cho những ý kiến thành thật và khôn ngoan.

Có thể nói, ở Cecilia, cố Hill là kẻ chăn chiên, là ông quan toà, là nhà phước thiện, là người cảnh sát, là bác sĩ phân tâm học, là ông tư bà nguyệt, và là vị cha già của cái giáo xứ St. Paul này.

Chiều nay, cố có dịp ghé qua nhà hàng của lão Hamilton. Đối với cố Hill, nhà hàng Hamilton là một phần thưởng mà Thiên Chúa ban cho cố cách riêng để an ủi những ngày cực nhọc nơi cõi tạm trần gian này.

Ở Cecilia, người ta nói với nhau rằng một người sống mà chưa ăn được đĩa bí-tết do chính tay lão Hamilton chiên thì mới chỉ sống có nửa đời. Có tay sành ăn nào trên cõi đời này, sau khi thưởng thức tài nấu nướng của Hamilton một lần mà không trở lại? Dù có phải đi qua địa ngục để trở lại thì cố vẫn trở lại như thường bởi vì, trên cõi đời này, là một nhà tu đạo hạnh, cố còn có thú vui nào khác hơn là thú vui... ăn uống? Không ai có thể cản cố tận hưởng thú vui này được. Chủ nhà hàng Hamilton lại là một người tốt bụng, một con chiên ngoan đạo đi lễ nhà thờ hàng ngày, rất kính nể cố cho nên đĩa bí-tết hay con gà rô-ti nào dọn lên cho cố cũng luôn luôn đặc biệt hơn những người khác. Đâu phải lúc nào cũng được nấu nướng cho "người của Chúa"? Đây là một đặc ân Thiên Chúa dành cho mình nên mình phải thực hành một cách khéo léo, Hamilton luôn luôn bảo với lòng mình như vậy.

Vì những lý do đó, hai người đã trở thành tri kỷ từ mấy mươi năm nay.

Hôm nay, một ngày thứ năm trong tuần, như mọi ngày thứ năm trước ngày thứ sáu kiêng thịt, cố Hill rên rang bước vào tiệm Hamilton như thường lệ. Thứ năm

là ngày cuối cùng được ăn thịt thì phải ăn cho nó ra hồn, cổ Hill luôn luôn nghĩ vậy. Nhưng quái lạ, chiều hôm nay, vừa bước vào tiệm thì cổ Hill nhận ra ngay một vẻ gì rất khác thường, rất lạ lùng trong không khí. Tinh mắt và thính mũi như cổ thì không gì có thể qua mắt được. Coi kìa, lão Hamilton tuy cũng chạy ra đón đả chào đón cổ như mọi lần nhưng sao cổ thấy sau nụ cười hể hả đó, sau ánh mắt đó như có giấu một điều gì bí mật.

Phải, một điều gì bí mật và buồn lắm... Là người tu hành nhưng vì tiếp xúc với đủ loại người nên cổ có những nhận xét rất tinh tế và tạo cho mình được một trực giác bén nhạy không ngờ.

Chiều nay nhìn khuôn mặt Hamilton, cổ biết người bạn tốt bụng, người đầu bếp tuyệt hảo này có một điều gì rất quan trọng muốn giấu cổ. Tai thì lắng nghe những lời chào hỏi nhưng mắt cổ đảo quanh một vòng để xem có gì khác lạ. Ủa, quái lạ! Rõ ràng là đánh hơi thấy mùi lạ nhưng quang cảnh chẳng có gì đặc biệt cả. Bàn ghế ngay ngắn, ly tách sạch sẽ sáng bóng, bởi bàn tíu tíu chạy ra chạy vào như thường lệ. Cổ Hill hít hít hai lỗ mũi. Cũng vẫn mùi thơm quyến rũ chết người, mùi thơm của miếng bí-tết chiên bơ đúng độ, hơi cháy một chút ở bên ngoài và thịt hồng mềm mại bên trong.

Mùi thơm huyền diệu đó cắt đứt mọi suy nghĩ của cổ. Cổ ngậy người ra một lúc rồi tự nhủ: "Hôm nay là thứ năm rồi, phải ăn cái đã, mọi chuyện khác tính sau".

Khỏi cần chờ mời, cổ lẹ làng ngồi xuống ghế, bốc ngay cái khăn trải lên đùi. Như thường lệ, Hamilton ngoan ngoãn đứng bên cạnh chờ cổ gọi thức ăn.

Xem nào, hôm nay phải uống gì với món bí-tết đây! Còn đang suy nghĩ thì Hamilton như đọc được tư tưởng của cổ, đề nghị:

— Cổ nghĩ sao về rượu chát Bordeaux 250 năm?

Là dân sành rượu, vừa nghe là cổ Hill giật nảy mình như vừa thấy

Chúa Giê-su hiện ra trước mặt. Cổ lắp bắp lặp lại, tưởng mình nghe lộn:

— Lạy Chúa, ông Hamilton... 250 năm. Ông không nói lộn đấy chứ? 250 năm?

— Thừa cha đúng, 250 năm.

Câu trả lời chắc nịch của Hamilton làm cổ Hill muốn... lộn nhào xuống ghế. Cổ biết Hamilton tuy vui tính nhưng không bao giờ dám đùa dai với cổ, nhất là khi nói về những sản phẩm của nhà hàng mình. Nếu vậy thì hôm nay là ngày lễ gì mà người bạn tốt bụng này lại đem chai rượu 250 năm ra cho mình uống? Ngày sinh tháng đẻ của mọi người trong gia đình Hamilton cổ đều biết rõ. Và hôm nay chẳng phải ngày lễ cũng như sinh nhật của ai cả thì tại sao lại có chuyện lạ thế này nhỉ? Là tay sành ăn uống, cổ biết rượu chát Bordeaux 250 năm trên thế giới chỉ còn khoảng không tới vài chục chai.

— Thừa cha, cha nghĩ thế nào?

Cổ Hill lại giật mình, chớp mắt và nói như người chưa tỉnh mộng:

— Nghĩ thế nào hả? Lạy Chúa, cha không biết, cha không biết. Lạy Chúa, Hamilton, con vừa nói là Bordeaux 250 năm?

— Thừa cha đúng. Rượu để làm gì nếu không phải là để chung vui với những người mình quý. Con sẽ làm một món đặc biệt rồi ra ngồi chung vui với cha. Bởi đâu, tội bây đem chai Bordeaux đặc biệt ra để trên bàn cổ Hill...

Nói xong chẳng cần chờ trả lời, Hamilton quay lui bỏ đi như chạy vào bếp.

Lại thêm một chuyện lạ nữa. Từ thuở mở tiệm đến giờ, ông chủ Hamilton không bao giờ ngồi ăn với khách. Tối kỵ. Thân lắm, kính nể lắm như cổ Hill thì lão cũng chỉ đứng gần bên nói chuyện một tí rồi kiếu từ. Có thể lão sẽ trở lại nhưng không bao giờ ở lâu với bất kỳ một khách hàng nào. Hamilton đã tự đặt cho mình cách xử sự khôn ngoan đó. Lão biết nếu ngồi xuống với một người thì sẽ phải ngồi với mọi người. Bằng không, khách

hàng sẽ mang mặc cảm người được trọng kẻ bị khinh.

Vậy thì hôm nay, phép lạ nào từ trời cao đã khiến Hamilton thay đổi như vậy? Một lần nữa, cổ Hill cảm thấy có một chuyện gì đó đang xảy ra trong giang sơn mình. Nhưng tiếng nút chai mở đánh "bóc" cùng mùi thơm quyến rũ của chai rượu Bordeaux 250 năm mà người bồi bàn vừa kính cẩn khui ra đã khiến cổ tạm thời quên mọi chuyện để dồn tâm trí vào việc hưởng thụ.

Rượu đã ngon, món bí-tết cùng gà hầm chiều nay cũng thật đặc biệt. Đúng như lời hứa, lần đầu tiên kể từ mấy chục năm nay, Hamilton ra bàn ngồi ăn chung với khách. Hai cha con đánh chén ngon lành.

Khi đĩa bí-tết được thanh toán sạch sẽ và món gà hầm chỉ còn một đồng xương, sang đến phần tráng miệng, lúc đó trí óc cổ Hill mới bắt đầu làm việc trở lại.

Hamilton rót chút rượu vang còn lại vào ly cổ:

— Còn chút xíu "nước uống của thiên đường", mời cha làm hết luôn.

Cổ Hill nhìn chất rượu nâu chảy vào ly, chờ cho giọt cuối cùng rơi xuống mới đột ngột chồm người tới, nắm lấy bàn tay Hamilton đang cầm chai rượu:

— Bob Hamilton!

Hamilton nhận thấy sự khác lạ nơi cổ, run giọng trả lời:

— Dạ, thưa cha dạy chi?

Bàn tay của cổ Hill siết chặt hơn:

— Tại sao ông phải giấu tôi?

— Thừa cha giấu gì ạ?

— Còn gì nữa! Ông nói đi, chuyện gì vậy?

— Có chuyện gì đâu, thưa cha!

— Không có chuyện gì à? Thật sao? Nếu vậy tại sao ông đem chai rượu 250 năm đó ra đãi tôi?

— Thừa cha hôm nay tự dưng con nổi hứng.

— Được, coi như ông nổi hứng đi. Nhưng tại sao ông lại ra đây ngồi ăn với tôi? Quen nhau mấy chục năm, ông chưa làm vậy bao giờ.

— Thưa cha, con... con.. thay đổi tính tình. Con muốn tỏ lòng quý mến cha.

Hamilton vừa nói vừa cười. Lão làm như nói mà không cười thì cổ Hill sẽ không tin lão vậy. Nhưng dù lão cố gắng tự nhiên vẫn có một vẻ gì đó không bình thường. Cổ Hill đắm đắm nhìn Hamilton như muốn tách bạch mọi suy nghĩ trong đầu lão:

— Hamilton, nếu có một giây phút nào đó trong đời mình cần phải nói thật thì đó là giây phút này đây.

Lần đầu tiên trong buổi chiều hôm ấy, cổ Hill thấy Hamilton lộ vẻ bối rối. Nhưng lão vẫn một mực chối:

— Thưa cha, chẳng có gì đâu cha.

— Ông Hamilton, tôi năm nay đã ngoài 60 tuổi và Chúa cho tôi một cặp mắt đặc biệt, có thể nhìn thấu linh hồn người ta. Nếu ông không muốn nói thì thôi, hãy giữ lấy trong lòng cho riêng ông, nhưng, lạy Chúa toàn năng, xin ông đừng nói với tôi là không có chuyện gì cả. Tôi biết câu nói đó không thật.

Hamilton cúi đầu, tránh ánh mắt cổ. Một lúc sau lão chớp mắt rồi bỗng nhiên giữa chốn đông người, lão bật khóc hu hu như một đứa con nít.

Có thể chứ! Cổ Hill gật gù, biết mình vừa thắng một đòn cân não. Cổ ngồi yên, không cần, cũng không an ủi, cứ để mặc Hamilton khóc ngon lành như vậy một lúc. Cổ rót cho Hamilton ly nước, nói nhẹ nhàng:

— Nhất định chuyện ông sắp nói phải là chuyện quan trọng lắm. Quen biết ông đã gần 30 năm, tôi chưa bao giờ thấy Hamilton khóc cả...

Hamilton chùi nước mắt, kéo ghế ngồi gần cổ Hill, nói nhỏ:

— Thưa cha, cha nhìn thấu linh hồn con. Quả có chuyện thật, con không dám giấu cha.

Cổ Hill lim dim mắt và gật gù ra dáng chờ nghe. Hamilton tiếp luôn:

— Thưa cha, chúng mình vừa ăn

trách xuân

*Xuân thập thò ngoài hàng kẽm gai
Sao không vào thăm tận chốn này
Ở đây có những đàn em nhỏ
Thăm trách nàng xuân chẳng đoái hoài.*

*Xuân thơm như sữa thời thơ ấu
Xuân mang hy vọng một ngày mai
Chờ xuân đã mấy năm rồi nhĩ
Xuân chẳng thương bao trẻ lạc loài!*

minh tuần

xong bữa ăn cuối của nhà hàng Hamilton.

Cổ Hill nhảy nhồm lên như ngồi phải lửa:

— Bữa ăn cuối của nhà hàng Hamilton? Ông không đùa đấy chứ? Ai cho phép ông đóng cửa nhà hàng này? Ông không thể đóng cửa được. Ông mà đóng cửa thì tôi sẽ cấm ông bước vào nhà thờ...

Hamilton thần thờ:

— Thưa cha, đây là chỗ nương tựa duy nhất của gia đình con, con đâu muốn đóng cửa làm gì!

— Vậy tại sao ông bảo đây là bữa ăn cuối cùng? Hay là ông chê tôi, không muốn mời tôi vào ăn nữa?

Hamilton lắc đầu:

— Con đâu dám vậy! Nhưng tiệm này phải đóng cửa vào ngày mai, không còn một lựa chọn nào khác.

Cổ Hill ngạc nhiên:

— Ngày mai? Tại sao lại đóng cửa vào ngày mai?

Hamilton buông ra một chữ rất ngắn, rất gọn nhưng cổ Hill vừa nghe là hiểu hết mọi chuyện liền:

— Capone.

Quả thật cái tiếng "Capone" làm như có sức mạnh bí mật. Bàn ăn mới hồi nãy đây sang trọng và ấm cúng như vậy mà bây giờ đã bao trùm một bầu không khí nặng nề, hình như có thần chết xuất hiện và đang lảng vảng đâu đây. Ông cố đạo và ông chủ nhà hàng cùng im lặng nhìn nhau, chẳng thốt được lời nào.



Cổ Hill mỗi điều thuốc, bàn tay cầm diêm quẹt của cổ run lên từng hồi. Alphonse Capone, cổ chẳng lạ gì cái thằng ăn cướp ghê gớm này. Đúng hơn, cổ đã đụng với nó một lần...

Cổ nhớ, cách đây khoảng vài năm, cũng một buổi tối như thế này, cổ vừa ăn tối xong thì một người khách trẻ tuổi đến gõ cửa nhà cổ.

Khách là một thanh niên đẹp trai, ăn bận lịch sự, xưng tên là Mcswiginn. Không, đúng hơn đó là ông phó biện lý trẻ tuổi lừng danh Macswiginn của toà đại hình thành phố Chicago. Cổ Hill chẳng lạ gì những cuộc thăm viếng bắt tử của các khuôn mặt chính trị trong tiểu bang. Nhà của Chúa luôn luôn rộng mở cho tất cả mọi người, từ anh thường dân nghèo hèn đến xin chút thức ăn đến anh công chức quan trọng của chính phủ đến xin chút tiếng tăm...

Nhưng chiều nay, vừa nhìn thấy anh phó biện lý trẻ tuổi, trực giác báo cho cổ biết buổi gặp gỡ này rất quan trọng.

Quả như cổ nghĩ, vừa chào hỏi xong, khỏi cần đông dài như những nhân vật chính trị khác, Mcswiginn nhập đề ngay, cho biết lý do buổi gặp gỡ.

Cổ Hill vừa nghe xong, chẳng nói chẳng rằng, đứng dậy đi rót hai ly rượu vang nhỏ, mời khách một ly còn một ly cổ ục một hơi cạn

sạch. Cố rót thêm cho mình một ly nữa rồi mới chịu ngồi xuống nhìn trân trân vào mặt ông khách trẻ tuổi, cố đo lường khả năng và ý chí của ông phó biện lý.

Meswiginn bình thần nâng ly rượu lên, cũng ực một hơi cạn sạch rồi để ly xuống:

— Phải, thưa cha, con muốn cha giúp con đập thằng Capone. Cứ này con không đập được nó thì không làm người.

Cố Hill gật gù nhưng vẫn chưa thêm mở miệng. Phó biện lý Meswiginn nhoài người tới trước, đặt hai tay lên bàn, nhìn cố nói thật chậm, thật cảm động:

— Thưa cha, con nghe tiếng cha từ lâu rồi, con cần được cha giúp đỡ. Nếu cha giúp con một tay thì con sẽ đập được thằng Capone một trận. Nếu lòi được nó ra tòa, con bảo đảm con đủ khả năng và bằng

cớ để thuyết phục ông toà trông vô cớ nó bản án khổ sai chung thân. Hoặc, nếu nhờ ơn Chúa thương, thưa cha, con sẽ đưa nó lên ghế điện luôn.

Cố Hill chịu quá. Coi khẩu khí thẳng này không phải là khẩu khí của một phó biện lý tầm thường. Nhưng cố Hill vẫn dè dặt:

— Tôi cảm ơn sự thăm viếng của anh nhưng anh biết Chicago này có nhiều người, tại sao anh lại nhờ đến một tôi tớ nghèo hèn của Chúa? Là một linh mục, tôi chỉ biết đọc kinh và cầu nguyện thôi mà.

Meswiginn nhìn sâu vào mắt cố Hill, ánh mắt nghiêm nghị, chắc chắn và tự tin:

— Thưa cha, con có hai chuyện muốn nói thẳng với cha. Con muốn cha nắm vững tận những gì con sắp nói để chúng mình hiểu rõ nhau trước khi con đi xa hơn. Trước hết,

thưa cha, khỏi cần giấu giếm hay úp mở, con phải thú nhận là mùa bầu cử biện lý gần đến, và con sẽ ra tranh cử biện lý. Thứ hai, thưa cha, khi ra tranh cử, con muốn có một món quà quý báu để tặng thành phố Chicago. Con nghĩ người dân Chicago không thích món quà nào hơn là được nhìn thấy thằng Capone ngồi tù, hay, lạy Chúa, được thấy nó lên ghế điện...

Cố Hill nghe tới đâu là mát lòng tới đó. Trước hết, cố chưa thêm nghĩ đến vấn đề Capone vội, hãy chỉ nghĩ đến tư cách của thằng này đã. Các chính trị gia xưa nay thường làm việc một cách mờ ám, chỉ có thằng trẻ tuổi này dám nói thật, và nói ngay từ phút đầu. Con người ai cũng có tham vọng, và ngon lành, thông minh như nó thì muốn làm biện lý cũng chẳng có gì quá đáng. Cố càng chịu hơn nữa khi mỗi lần

đêm ba mươi

Khi tôi còn thơ dại
Thường nghe cha tôi nói
Tối như đêm ba mươi.
Đêm ba mươi
Không trông tỏ mặt người
Xoè bàn tay ra không nhìn rõ ngón
Trong đêm tối
Mùi trầm hương thơm ngát
Mùi quế hương bàng bạc ở trong hồn
Cánh thanh xuân
Mướt quá những búp non
Đang chờ đón
Bàn tay ai trẩy lộc.
Cha tôi rời nhà
trước khi giao thừa đến
Người đi về phương nam để đón Hỉ thần
Khi người trở về tiếng pháo nổ vang rân
Thêm năm mới
thơm lừng mùi thuốc pháo.
Những xác đồ
vương đầy hai vạt áo
của mẹ tôi ra đón trước hiên nhà.
Người bước vào
hai bên cửa đầy hoa.
Chậu quất chín,
chậu mào gà màu tiết đọng.

Hoa thược được
cười tươi bên hoàng cúc
Chàng mẫu đơn kiêu hãnh đứng một mình.

Trên tử chè
hàng nến cháy lung linh
Vàng mã xếp một chồng cao ngất ngưỡng
Những bông huệ
không phải cần tượng tượng
đã hương thơm bay suốt bốn gian nhà.

Anh tôi bước ra
đứng trước mặt mẹ cha
Cúi đầu chúc mẹ cha
thân tâm an lạc
Chúc cha mẹ trăm năm đầu chẳng bạc
Để các con được dưới gối hôm mai
Lần lượt theo nhau
con cháu xếp hàng dài
Đợi chúc tuổi ông bà
đợi được ông bà mừng tuổi.
Tiếng chúc tụng tiếng cười như mở hội.

Tôi bây giờ đã mất thời tuổi dại
mất quế hương
mất cả mẹ cha
Đêm ba mươi nước mắt nhạt nhoà
Tôi chúc tôi thêm một năm lưu lạc.

trần mộng tú



chăm câu, nó luôn luôn khéo léo chêm vào một câu “nhờ ơn Thiên Chúa thương xót” nghe rất lọt lỗ tai. Không biết trong lòng nó, nó có cần Chúa thương xót nó không nhưng nói chuyện với cổ đạo mà như vậy thì nó quả là người biết điều, đáng khen. Tiếp theo, tưởng nó đề nghị chuyện gì, hóa ra chuyện đẹp thằng Capone là một chuyện mà cổ hằng mơ ước bấy lâu nay.

Cổ biết, kỹ nghệ nhà thổ là một kỹ nghệ xưa như trái đất. Trước khi Capone về đây, khu Cecilia đã có nhiều nhà thổ nhưng chỉ hoạt động âm thầm lén lút. Số con chiên trong nhà thờ “phá giới” đi thăm nhà thổ tuy có nhưng không nhiều. Cho đến khi thằng quỷ Capone xuất hiện, nó đem vào Chicago một lô con gái từ Nữ Ước, sửa sang lại phòng ốc, làm ăn kín đáo, hạ giá tiền đi khách, thậm chí còn bày ra cái trò cho ghi sổ... vì thế cổ Hill đau lòng nhận biết số đàn ông trong họ đạo trốn vợ đi chơi đi ngày càng nhiều. Thậm chí các bà lâu lâu cũng nháy dù để kiếm tiền son phấn trong thời buổi mắc mủ này. Cổ đã cảnh cáo, đã thuyết giảng, đã làm đủ mọi cách nhưng hầu như bất lực. Tiếng nói của “con chim” bao giờ cũng mạnh hơn những tiếng nói khác, như của lương tâm hay của cổ đạo...

Trong khi đó, cổ Hill không dám mạnh tay với con chiên mình. Chẳng lẽ giữa nhà thờ nhà thánh mà moi tên ông X ông Y ra kể tội là đã đi chơi đi ngày đó, ngày đó. Hoặc bà Z bà W đã nháy dù mấy lần... Làm như thế thì loạn! Thỉnh thoảng bất ngờ gặp một thằng trẻ tuổi chơi bởi lêu lổng, cổ giọng cho nó vài bộp tai rồi đuổi về thì không sao, nhưng giữa chốn công đường mà nặng tay với những người tai to mặt lớn thì dù có phải vào địa ngục, chúng nó cũng vùng lên mà chống cổ tới cùng. Hơn nữa, đứng từ trên bục giảng nhìn xuống, cổ thấy số người phạm tội đông quá. Ở một nơi mà người phạm tội chiếm đa số như thế thì cách hay nhất là... tha thứ cho chúng nó.

Nhưng người xông xáo như cổ không thể ngồi im bó tay nhìn sự suy tàn của họ đạo mình. Sau mấy ngày ăn chay cầu nguyện và suy nghĩ, cổ đã tìm ra cách giải quyết vấn đề. Đơn giản lắm! Quỷ đến nhà dụ con em mình, mình không bảo chúng nó được thì chỉ còn cách mang thánh giá đến sào huyệt quỷ mà phá cho tan nát ra. Nhưng cổ biết, muốn phá sào huyệt của quỷ thì phải diệt con quỷ sứ trước, tức là thằng Capone. Thằng này mà vào nằm nhà đá rồi thì cổ sẽ đích thân đến đập tan nát sào huyệt của chúng ra!

Thế là với giải pháp có sẵn trong đầu, cổ suy nghĩ và phác họa ngay được một chương trình hành động tỉ mỉ, có giai đoạn, lớp lang đàng hoàng. Dĩ nhiên một vụ tấn công lớn như vậy không thể thiếu sự tham gia của các con chiên trong họ đạo. Con chiên nào được cổ mời thì cũng tích cực tham gia. Bốn đạo trong nhà thờ thuộc đủ mọi hạng người, từ anh cảnh sát, người bán thịt cho đến giáo sư đại học. Cổ Hill tùy theo khả năng mỗi người mà phân chia cắt đặt đâu đó đàng hoàng. Cổ Hill chỉ thấy lạ một điều là những anh chàng chơi đi nhiều nhất lại là những người tỏ vẻ hăng hái nhất. Hình như những kẻ phạm tội luôn luôn có mặc cảm nên cổ gắng tìm cách đền tội, bằng cách này hay cách khác.

Phải mất mấy tuần lễ mới chuẩn bị xong. Mọi người hể hả, chỉ còn chờ một chi tiết nhỏ sau cùng trước khi hành động, đó là sự chấp thuận của giám mục địa phận.

Một buổi sáng đẹp trời, cổ Hill lễ mễ ôm sấp hồ sơ dày cộm của kế hoạch mình lên toà giám mục gặp đức cha Angelo để xin phép. Trên đường đi, cổ tưởng tượng đáng điệu đức Giám mục khi vừa nghe xong kế hoạch của cổ. Chắc chắn ngài sẽ phải nháy căng lên vì sung sướng. Ngài sẽ ôm cổ mà hôn, sẽ nói với cổ bao nhiêu lời chúc tụng và khen ngợi. Cổ đã chuẩn bị trước những lời khiêm tốn, đại loại: “Thưa Đức Cha, đây chỉ là thánh ý

Thiên Chúa, kể tôi tớ này chẳng có công lao gì cả”, hoặc “Thưa Đức Cha, cũng nhờ sự chần dặt khéo léo của Đức Cha mà họ đạo St. Paul mới được như vậy, con chẳng có công trạng gì cả”, v.v.. Nhưng dù khiêm nhường đến đâu đi nữa, trong thâm tâm cổ vẫn biết đây là một việc mà không phải ông cha xứ nhà thờ nào cũng làm được.

Nhưng Đức Cha sáng hôm ấy bận việc, bắt cổ ngồi chờ ngoài phòng khách từ sáng cho đến gần trưa mới tiếp.

Trong gần một tiếng đồng hồ, đức cha Angelo bình thần ngồi nghe cổ kể lại những nỗi khổ tâm và kế hoạch hành động của cổ. Thấy mình đã trở hết tài hùng biện mà giám mục Angelo có vẻ không mấy quan tâm hay thích thú, cổ Hill đâm ra chột dạ.

Khi bài diễn văn chấm dứt, giám mục Angelo liếc nhìn cổ, lạnh lùng hỏi:

— Cổ Hill, bốn phận của một cha xứ trong họ đạo là gì?

Cổ Hill ngạc nhiên quá xá. Ngạc nhiên và đau lòng đến độ không trả lời được. Bao nhiêu đêm thức trắng, bao nhiêu lần hội họp để được nghe câu hỏi tàn nhẫn này sao? Đây là câu hỏi mà người ta chỉ dành cho các chủng sinh chứ đâu phải để hỏi một ông cổ đạo đã ăn cơm nhà xứ mòn rãnh? Cổ chưa kịp nói gì thì đức giám mục Angelo lạnh lùng buông thêm một câu nữa:

— Cổ nên trở về nhà xứ và chỉ lo chuyện từ hàng rào nhà xứ trở vào trong. Chuyện từ hàng rào nhà xứ ra phía ngoài để dành cho tôi. Cổ nghe tôi nói không?

Câu nói của đức giám mục làm cổ Hill xây xẩm mặt mày, muốn té xỉu. Nếu không ngửi thấy cái mùi rượu chua chua từ hơi thở của ngài giám mục thì cổ không tin được lời nói đó phát ra từ miệng ngài.

Có thể như thế được chăng? Có thể nào một vị giám mục khả kính lại cấm chỉ cha xứ ra tay dẹp bọn đạo tặc để đem lại sự sạch sẽ thánh thiện trong họ đạo mình? Con suy nghĩ vậy thì xin Chúa tha tội cho

con chứ nếu không nhìn thấy cây thánh giá to tướng trên bức tường phía sau bàn làm việc của đức giám mục thì con nghĩ mình đang ngồi trong văn phòng của... Al Capone!

Giọng nói già nua tiếp tục vang lên:

— Cổ có nghe rõ những gì tôi nói không?

— Trình... trình đức cha... đức cha nói từ hàng rào trở vào trong có nghĩa là ngài muốn con bỏ qua chuyện này phải không ạ?

Giọng của giám mục Angelo lần này có vẻ hơi gay gắt:

— Đúng vậy, thánh ý Chúa muốn như vậy. Xong rồi. Cổ hãy trở về bằng an.

Nói xong, đức giám mục đứng dậy chìa tay ra, tỏ ý muốn chấm dứt cuộc nói chuyện. Như vậy đó là quyết định tối hậu của bề trên, cổ không có quyền có ý kiến, chỉ biết vâng lời. Cổ Hill không biết làm gì hơn, đành quỳ xuống hôn tay vị giám mục:

— Vâng, kính thưa đức cha, con xin tuân theo thánh ý Chúa.

Nói xong, cổ Hill lom khom gom mớ giấy tờ để đi ra nhưng vị giám mục phán tiếp:

— Nếu không có gì phiền, tôi muốn cổ để mớ giấy tờ này lại cho tôi. Có thể tôi sẽ dùng nó vào một dịp khác.

Thánh ý Chúa đã muốn như vậy thì cổ Hill đành bỏ mớ giấy tờ của công lao làm việc hàng mấy tháng trời lại, xoay người lặng lẽ cầm mũ bước ra. Tiếng giày của cổ nghe lộp cộp rời rã. Ra tới cửa, tiếng vị giám mục từ phía sau đẩy tới:

— Cổ Hill này.

Cổ dừng bước, quay lui:

— Thưa, đức cha dạy gì ạ?

— Tôi nghe bốn đạo than phiền rằng tánh tình của cổ rất cao bồi, cổ hay thượng cẳng chân hạ cẳng tay với con chiên lầm phải không?

Cổ Hill lúng túng chẳng biết trả lời thế nào. Chuyện này thì có thật. Ba cái quân bê bối mà bướng bỉnh, nếu không thượng cẳng chân hạ cẳng tay với chúng nó thì làm sao dạy dỗ chúng được! Đức giám mục

lại tiếp:

— Tôi cũng có nghe kể là cổ hay la cà ăn nhậu ở nhà các con chiên lầm phải không?

Chuyện này cũng có thật luôn. Nhưng cổ thắc mắc là tại sao giám mục Angelo lại biết được những chuyện này. Ngài chỉ mới đổi về đây chưa tới hai năm mà.

— Thừa đức cha, ngài nói đúng. Nhưng con không đánh đập hay chửi mắng cho con, con cũng không la cà ăn nhậu cho... con. Chuyện con làm Thiên Chúa biết và hiểu cho con được.

— Cổ khỏi cần giải thích, tôi hiểu

cổ. Nếu tôi không hiểu cổ thì cổ đã cuốn gói đi chỗ khác từ lâu rồi.

Cổ Hill giật mình đánh thót một cái. Trong đời linh mục đi coi xứ, người ta rất sợ bị đổi đi. Thông thường một linh mục chỉ đi khỏi xứ để làm giám mục hoặc bị tội nặng mới bị đổi đi. Cổ tự nghĩ, mình là một cha xứ tận tâm, có nhiều công lao với giáo hội, tuy không ai biết đến nhưng chưa làm gì nên tội, tại sao mình lại bị phang cho những câu nói đau lòng như vậy?

— Thôi cổ về đi và răn nhớ, bởi danh cao cả của Thiên Chúa, hãy lo những chuyện từ hàng rào nhà thờ



trở vào trong. Thôi cố về bình an.

Thế là kế hoạch đập thẳng Capone coi như tan vỡ khi người đao phủ chưa kịp rút con dao ra khỏi vỏ. Cố về lại nhà xứ và giữ đúng y như những gì đức giám mục dạy, chỉ lo những chuyện từ hàng rào nhà xứ trở vào.

Sau lần gặp gỡ đau thương đó, người ta thấy cố bắt đi lại ở nhiều nơi. Dĩ nhiên các tay trốn vợ đi chơi đi hay các bà nhẩy dù làm bầy rất mừng rỡ khi thấy vắng bóng cố Hill ở ngoài đường. Không có gì khốn nạn cho bằng mưu chước mãi mới trốn được con vợ để đi chơi đi, nhưng vừa bước vào khu cấm địa thì lại gặp ngay chiếc áo chùng thâm của cố Hill đứng lù lù một đống giữa đường với cặp mắt cú vọ như nhìn thấu tâm can mình.

Bằng đi một thời gian lâu, chuyện thẳng Capone tưởng đã lui vào dĩ vãng, nay nhà biện lý trẻ tuổi lại đến đây nhờ cố giúp cho một tay. Cố thích lắm nhưng lời dặn nghiêm khắc của vị giám mục còn vang vang bên tai, cố không dám cãi, chỉ đề nghị:

— Tôi rất đồng ý và cảm phục anh về việc muốn diệt thẳng Capone, nhưng tôi nghĩ anh đã gặp nhầm người. Người anh cần gặp là đức giám mục Angelo kia, ngài có nhiều thế lực hơn tôi. Hơn nữa, tôi muốn làm gì cũng phải xin phép ngài.

Nhà phó biện lý trẻ tuổi nhích tới ngồi gần cố Hill thêm chút nữa:

— Thưa cha, con đã đến gặp ngài rồi.

Cố Hill nín thở:

— Ngài bảo sao?

Anh phó biện lý lắc đầu:

— Con nói bầy xin Thiên Chúa tha thứ, chứ thật con không thể mong chờ gì nơi lão già đó cả.

— Sao vậy?

Mcswiginn nhún vai, nhàu mày cân nhắc một chút rồi nói thật nhỏ:

— Con thấy hình như có một cái gì bí ẩn xảy ra đằng sau mấy bức tường của toà giám mục. Hiện giờ thì con chưa có bằng chứng gì cả

nhưng con đánh hơi thấy có một cái gì đó khác lạ trong toà giám. Con hứa với cha là trước sau gì con cũng sẽ khám phá ra, sẽ biết. Phó biện lý của toà án đại hình Chicago muốn biết là phải biết... Không, con nói lại, với sự thương xót của Thiên Chúa, con nghĩ một ngày nào đó con sẽ biết được bí mật này. Hiện thời, chỉ có cha mới giúp được con thôi.

Ngờ một lúc, hần nói tiếp:

— Khi con biết được, con hứa là con sẽ cho cha biết.

Cố Hill nhún vai, xoay mặt đi mỗi điều thuốc:

— Cảm ơn anh có lòng tốt, nhưng chuyện đó không quan trọng. Trở lại vấn đề, tôi đã nói với anh rồi, tôi không thể làm gì được nếu không có phép của toà giám.

Mcswiginn ngẩng mặt, nhìn thật sâu vào đôi mắt xanh của cố Hill. Cố Hill cũng ngạc nhiên khi thấy “thằng bé” này có ánh mắt thật là quyết liệt.

— Thưa cha, việc này không còn chỉ là vấn đề tranh cử của cá nhân con nữa mà là chuyện sống chết của cộng đồng, của con cháu chúng ta. Cha có muốn ra tay một lần để làm đẹp thành phố không? Cha có muốn con cháu mình lớn lên ở một nơi sạch sẽ, thánh thiện và lý tưởng không? Cha có muốn thấy...

Nhà phó biện lý xoắn một hơi dài bắt đầu toàn những câu “cha có muốn thấy” làm cố Hill chịu quá. Đã mấy chục năm, kể từ ngày rời chủng viện, cố mới được nghe một bài diễn văn hay như vậy.

Cuối cùng cố hơi xiêu lòng. Một con người có tinh thần, có trái tim tốt như vậy mà mình cứ nhất định phải tay đứng nhìn thì thật là bất công. Cố nói:

— Anh Mcswiginn, để tôi kể cho anh nghe câu chuyện này. Thật ra, trước khi anh tới đây cỡ một năm, tôi đã có cố gắng đập tan thẳng Capone một lần...

Rồi cố kể lại từ đầu đến cuối cái kế hoạch đập Capone ngày nào cho Mcswiginn nghe. Kể xong câu chuyện, cố rót thêm cho mỗi người

một ly rượu vang rồi búi ngủi kết luận:

— Ngày mặc áo dòng, trước mặt Thiên Chúa, tôi đã tuyên thệ giữ đức vâng lời. Và anh thấy đó, hai tay tôi đã bị đức giám mục Angelo trói chặt rồi. Dù rất muốn, tôi vẫn không thể giúp anh được. Xin anh thông cảm. Tôi chẳng tha chết chứ không thể trái đức vâng lời mà tôi đã thề trước mặt Thiên Chúa.

Chẳng cần giữ ý tứ hay lịch sự gì nữa, Mcswiginn vung tay đầm xuống mặt bàn nghe đến thình một phát. Rồi hần chụp ly rượu vang lên, ngửa cổ uống cạn sạch. Cái tiếng khà sau hớp rượu hình như có kèm thêm tiếng chửi thề có tên Angelo nhưng cố Hill nghe không rõ.

Biết mình chẳng thể làm gì khác, Mcswiginn đứng dậy kiểu từ:

— Cha đã nói vậy thì con xin nghe lời. Con đến đây làm mất thì giờ cha quá mà chẳng được việc gì, cha cho con xin phép kiểu từ ra về.

Cố Hill búi ngủi nắm tay người phó biện lý trẻ:

— Anh Mcswiginn, tôi cảm phục anh vô cùng. Tuy không giúp anh được nhưng tôi có thể làm cho anh một việc.

Nghe nói vậy là mắt Mcswiginn sáng lên như đèn pha:

— Thưa cha, cha có thể giúp con? Chuyện gì?

— Tôi có thể... cầu nguyện cho anh.

Ánh mắt... đèn pha tắt ngấm, nhường chỗ cho một nét u sầu tuyệt vọng trên khuôn mặt Mcswiginn. Tưởng giúp gì, hoá ra lại giúp lời cầu nguyện thì cũng như không! Hần thấy không thể trông chờ gì nơi mấy ông mặc áo chùng thâm này được. Thế này thì đành phải về lập kế hoạch khác vậy. Mcswiginn gạt đầu, đưa tay ra bắt tay cố Hill, nói một câu lịch sự:

— Vâng, xin cha cầu nguyện cho con.

Rồi hần tính quay gót nhưng cố Hill đã níu tay hần lại:

— Chúa đã dạy chúng ta rằng, nếu con có một đức tin bằng hạt cải,

con muốn dời hòn núi đó đi thì nó phải dời. Con phải ở lại cùng cha dâng lời cầu nguyện lên Thiên Chúa.

Mcswiginn cảm thấy chán nản lắm. Quả thật là lý luận của mấy ông cố đạo. Phải, đức tin và... hòn núi. Mình đâu cần dời hòn núi, mình chỉ muốn diệt thằng Capone thôi mà! Nhưng dù chán nản, là một nhà chính trị, Mcswiginn không dại gì làm mất lòng một ông cố đạo. Hơn nữa, một lời cầu kinh chẳng mất mát gì. Hắn sốt sắng nhận lời ngay:

— Thưa cha, cha nói đúng, chúng ta hãy cùng nhau cầu nguyện.

Thế là hai người nắm tay nhau quỳ ngay xuống giữa phòng khách. Lời cầu của Mcswiginn rất đơn giản:

— Lạy Chúa, xin Chúa cho con đắc cử biện lý kỳ này, mà phải đắc cử bằng số phiếu cao kia, để cho cái bản mặt kèn kiệu mất dạy của thằng Robertson phải tái nhợt ra thì con mới chịu. Đồng thời cũng xin Chúa thương cho con tùm được cổ thằng Capone quăng vào tù để danh tiếng con được vang lừng thiên hạ. Nếu được, lạy Chúa, xin Chúa cho nó chết nhăn răng ra trên ghế điện thì càng tốt. Tên tuổi con sẽ đi vào lịch sử thành phố Chicago.

Trái lại, lời cầu kinh của cố Hill thì sâu sắc hơn, bắt đầu như thế này:

— Lạy Thiên Chúa quyền năng tối cao, chúng con, hai kẻ tội lỗi xin xấp mình trước dung nhan chí tôn của Thiên Chúa mà ca ngợi danh Chúa cả sáng. Lạy Chúa, chúng con đang sống ở thời đại mà những kẻ công chính bị bách hại...

Cố Hill cầu nhiều quá, Mcswiginn không nghe được hết, nhưng đại khái cũng hiểu là cố muốn cầu xin Chúa giúp cho mình một giải pháp. Lời cầu nguyện đều đều p tục:

— Lạy Chúa, ngày xưa Chúa đã dạy rằng có ai trong chúng con đến xin ta cái bánh, mà ta lại cho nó hòn

đá. Lạy Chúa, người công chính Mcswiginn đến xin Chúa một việc nhỏ mọn, Chúa nở lòng nào quay mặt bỏ đi...

Cố đạo cầu nguyện có khác, văn chương bay bướm và có điển tích đảng hoàng. Mcswiginn nghe tới đâu thì thấy cảm động tới đó. Hắn đã cầu nguyện xong, kiên nhẫn quỳ gối để nghe những lời cầu nguyện của cố Hill.

“Người công chính bị bách hại...” Không hiểu sao lời cầu ấy cứ trở về vang vang trong trí người phó biện lý trẻ tuổi.

Nhìn sự thành tâm của cố Hill, Mcswiginn cảm thấy tiếc. Ôi, nếu cố chịu giúp một tay thì việc lớn ắt phải xong. Kẹt một điểm là giám mục Angelo. Là một tay tài giỏi ở toà, hắn biết khá nhiều mảnh lối và thủ đoạn của bọn giang hồ. Cứ theo suy nghĩ thông thường thì chuyện này có gì không ổn. Một ông giám mục đạo đức không thể có những quyết định kỳ lạ như vậy. Hơn nữa, cố Hill ở đây thì ai cũng biết là một người công chính. “Người công chính bị bách hại...” phải chăng cố muốn dùng lời cầu này để nói lên sự bất lực của mình? Bách hại không phải tại kẻ thù mà bởi vì kẻ bề trên mới là kẹt!

Cố Hill tiếp tục nhắm mắt cầu nguyện và Mcswiginn tiếp tục nhắm mắt để... suy nghĩ. Bỗng nhiên hắn nghĩ ra được một chuyện, mừng quá không chờ được liền lay vai cố Hill:

— Thưa cha, Chúa cho con cái bánh rồi.

Cố Hill ngưng cầu nguyện, quay nhìn Mcswiginn dò hỏi.

— Thưa cha, đức giám mục chỉ bắt cha lo chuyện từ hàng rào nhà thờ trở vào chứ có bắt con chiến của cha đâu!

Cố Hill vẫn chưa hiểu rõ:

— Thế nghĩa là làm sao?

— Cha cứ việc lo chuyện từ hàng rào trở vào, còn việc từ hàng rào trở ra thì để con lo.

Cố Hill nhìn sững Mcswiginn. Ông phó biện lý tiếp luôn:

— Cha cứ giữ đức vâng lời, cứ lo

hồ hào bốn đạo, cứ lo sắp đặt kế hoạch diệt thằng Capone ở trong... hàng rào nhà thờ. Chuyện ngoài hàng rào nhà thờ để con và bọn cảnh sát lo.

Hai người từ từ đứng lên và ôm chầm lấy nhau mừng rỡ. Cố Hill giọng đầy xúc động:

— Ôi, con thấy sức mạnh của lời cầu nguyện chưa? Chúa đã nhận lời chúng ta rồi đó. Thì Thánh kinh đã chẳng bảo rằng: “Nếu hai người trong chúng con hợp nhau lại mà cầu nguyện thì sẽ có ta trong đó” là gì! Chớ có bao giờ coi thường những lời cầu nguyện.

Mcswiginn lại gác mũ lên giá, ngồi xuống ghế trở lại:

— Bây giờ, thưa cha, chúng ta có thể sắp đặt kế hoạch ở trong hàng rào nhà thờ được chưa?

Cố Hill hể hả xoa hai tay vào nhau:

— Được chứ! Được chứ! Việc này phải làm liền lập tức.

— Tốt, tốt... Nhờ ơn Chúa thương xót, con thấy việc làm bây giờ chẳng có gì khó cả vì cha đã có sẵn kế hoạch. Cứ theo kế hoạch cũ mà làm là thượng sách. Nhưng không biết cha còn nhớ không?

— Dù hồ sơ giấy tờ không còn nhưng cha đã giữ sẵn hết trong đầu rồi.

— Tốt lắm, bây giờ chúng ta phải làm như thế này. Trước hết, ngày chủ nhật này, cha phải lên tòa giảng... nhắc tên con ít nhất mười lần cho thiên hạ nhớ.

Cố Hill chung hưởng:

— Nhắc tên anh, sao lại kỳ vậy?

— Thì cha cũng phải cho con kiếm chút phiếu chứ! Cha quên là con đang vận động tranh cử và đang tìm một món quà để tặng dân chúng à? Đối với con, việc diệt Capone cũng quan trọng nhưng không quan trọng bằng việc được... đắc cử. Con cần có món quà. Và cha biết đó, món quà tặng sẽ chẳng có ý nghĩa gì cả nếu người ta không biết người tặng quà là ai. Cha nghĩ coi con nói có đúng không?

(còn tiếp)

quay trong con lốc

TRUYỆN DÀI

Nguyễn
Ngọc
Ngạn



(tiếp theo)

CHƯƠNG BA

Nhà hàng mới khai trương, lại nằm tận cuối khúc đường nhỏ, nên rất vắng khách. Hoàng Tiến ngồi ở chiếc bàn trong cùng, say sưa bàn luận chính trị với hai người bạn cùng lứa tuổi. Từ cửa bước vào, Cồn lao thẳng tới, tươi cười lên tiếng:

— Anh Tiến! Phôn anh mấy lần không gặp!

Gã tự động kéo ghế ngồi và thất vọng vì thái độ lạnh nhạt không ngờ của đàn anh. Hoàng Tiến

không thèm bắt tay Cồn. Cả hai người ngồi chung bàn cũng chỉ khẽ ngẩng lên, gật đầu chào lấy lệ rồi ngay sau đó lại quay trở về với câu chuyện dang dở, coi như không có Cồn bên cạnh. Dĩ nhiên Cồn biết cả hai người này. Họ là những khuôn mặt khá thành công trong giới thương mại nhưng rất quan tâm đến thời sự và một trong hai người, ông chủ tiệm bàn ghế giường tủ Vĩnh Cát, từng có lần bạo mồm rủa Hoàng Tiến lập đảng! Cồn nhíu mày suy nghĩ. Cả tuần nay, gã nóng lòng muốn gặp riêng đàn anh để xem phản ứng của Hoàng Tiến thế

nào sau khi Cồn tố cáo chuyện ngoại tình của Hồng. Nhưng Cồn rất hoang mang không hiểu tại sao trước một bản tình sét đánh như thế mà đàn anh có vẻ rất dửng dưng. Thậm chí mấy lần gã điện thoại sang dò xét, Hoàng Tiến đều hững hờ không muốn tiếp, cũng chẳng *phone* lại. Thái độ khó hiểu đó làm Cồn bứt rứt không yên. Mãi đến hôm nay, được Hoàng Tiến gọi ra quán, Cồn đã mừng. Chẳng ngờ đàn anh lại chỉ nhìn mình bằng cặp mắt thờ ơ của kẻ hờn giận.

Thấy mình thừa thãi, Cồn đứng dậy, tự động lại quây gọi cho mình ly cà phê sữa nóng và lượm vài tờ báo biểu. Trở lại chỗ cũ, Cồn nghe Hoàng Tiến tha thiết nói:

— Tôi về mấy chuyến, định xem có làm được chút gì cho đất nước hay không. Nhưng thấy khó khăn quá. Bọn đầu sỏ Bộ Chính Trị toàn là những đứa hết thuốc chữa!

Rồi Hoàng Tiến tiếp tục kể về những gặp gỡ, phần nhiều là tưởng tượng, với đủ các thành phần lãnh đạo trong nước. Giọng ông trầm bổng, có lúc ngậm ngùi, có khi gay gắt. Phảng phất trong câu chuyện, người ta thấy rõ ông là một chiến sĩ chống Cộng mang nặng mối thù ngàn kiếp. Mà ông hận thật! Sau những ngày tháng cầu cạnh để tự nguyện xin làm tay sai nhưng bất thành, bao nhiêu thiện cảm của ông đối với chế độ đã tan biến hết. Lòng ông bây giờ nguội lạnh như băng đá. Ông sẽ không thèm đặt chân về nước nữa. Ông sẽ ở lại và chống Cộng tới cùng, hoặc ít ra chống cho đến lúc nào kẻ thù mở lòng từ bi, gọi ông về, ban phát một chút ân sủng ở tuổi xế bóng.

Hoàng Tiến dứt lời, Cồn chen vào một câu để dò thái độ của đàn anh đối với mình:

— Lần trước anh bảo tôi là anh đã nắm được một nửa số hội viên Hội Nhà Văn trong nước, khuyến khích họ đẩy mạnh phong trào phản kháng trên mặt trận báo chí và văn học. Tôi tưởng anh nên theo con đường đó là hay hơn cả...

Cồn bỏ dở câu nói, đưa mắt khẩn

khoảnh nhìn Hoàng Tiến. Nhưng ông lơ đi, nâng ly bia nốc cạn. Người ngồi đối diện Cồn, ông Vĩnh Cát, gật đầu nhất trí:

— Tôi thấy anh Cồn nói đúng. Đấu tranh lúc này chỉ có mặt trận văn hoá là hợp thời.

Và ông ta nhú mày hỏi Hoàng Tiến:

— Nhưng liệu anh có thực sự nắm được đám nhà văn trong nước không?

Hoàng Tiến cười nhẹ, ba hoa một hồi về từng kỷ niệm gặp gỡ các nhà văn phản kháng, rồi bỗng hạ giọng như ngậm ngùi nuối tiếc:

— Cứ tưởng Võ Văn Kiệt là người khá, nhưng gặp vài lần mới thấy hần chẳng biết gì! Đòi áp dụng cơ chế kinh tế thị trường trong một chế độ độc đảng thì có khác gì bắt người ta đi bộ lên cung trăng! Phan Văn Khải cũng thế. Dốt lắm!

Cồn buột miệng hỏi:

— Anh gặp cả Võ Văn Kiệt và Phan Văn Khải?

Hoàng Tiến đã toan không đáp, nhưng câu hỏi của Cồn là một dịp để ông nói phét, ông không thể bỏ qua được. Ông cố trả lời bằng một giọng hết sức thản nhiên, làm như chuyện tiếp xúc với thủ tướng Việt cộng chẳng có gì đáng phải nhắc đến. Ông tặc lưỡi:

— Nói chung, Bộ Chính Trị ai cũng đòi gặp tôi. Nhưng tôi chỉ tiếp những đảng viên gốc miền Nam

thôi. Đám này dù sao cũng ít giáo điều hơn, mình có thể khai thác được!

Hai người ngồi bên Cồn, càng nghe Hoàng Tiến nói chuyện càng giảm dần sự háo hức. Họ xa quê hương đã lâu, cho nên câu chuyện của Hoàng Tiến thoát đầu giúp họ thỏa mãn được chút ít tò mò. Nhưng Hoàng Tiến đã thiếu sự tự chế, mỗi lúc một đi quá đà, nói dóc một cách lộ liễu khiến người nghe dễ tính nhất cũng phải cảm thấy bức bối vì họ có cảm tưởng bị coi thường. Ngày mới ra hải ngoại, người ta hay phóng đại về quá khứ của mình trước 75. Rồi khi từ hải ngoại về quê hương, câu tục ngữ “đi xa về nói phét” lại được ồn ào áp dụng. Và bây giờ từ trong nước trở ra, người ta lại cũng tán hươu tán vượn như một chứng bệnh kinh niên khó chữa, dù là ở người đã trọng tuổi như Hoàng Tiến. Ngay cả Cồn, bao lâu nay vốn coi Hoàng Tiến là thần tượng mà hôm nay cũng nhen nhúm nảy sinh chút ngờ vực chỉ vì Hoàng Tiến thiếu sự tự chế tối thiểu.

Sau câu nói đại ngôn của Hoàng Tiến, cả bàn đều im lặng. Lâu lắm ông Vĩnh Cát mới lên tiếng:

— Tóm lại là anh bỏ cuộc?

Hoàng Tiến nghiêm nghị:

— Bỏ cuộc làm sao được! Tôi định lập đảng đối lập, hoạt động ngay ở trong nước! Tôi đã móc nối

được khá nhiều đảng viên cao cấp ở miền Nam. Đám này sẽ là ngòi nổ của cuộc cách mạng mới.

Cồn không có phản ứng, nhưng hai người kia trở mắt nhìn Hoàng Tiến kinh ngạc, không biết đánh giá thế nào cho đúng về khả năng chính trị của một người mà có lúc họ đã lầm tưởng là có tầm vóc. Hoàng Tiến mơ mộng hay đã hoàn toàn mất trí đến độ đòi lập đảng đối lập trong chế độ Cộng sản? Đã toan giữ thái độ im lặng, nhưng rồi không nhịn được, chủ tiệm đồ gỗ lắc đầu bảo Hoàng Tiến:

— Cái nguy cơ sụp đổ của Cộng sản Việt Nam đã qua mất rồi! Cái nguy cơ ấy là lúc Đông Âu tan rã và Liên-sô giải tán. Ai cũng biết, làm chính trị hay làm cách mạng, quan trọng nhất là yếu tố thời cơ. Khi nó qua rồi thì phải đổi hình thức đấu tranh. Cái lúc Đông Âu và Liên-sô tan hàng, đảng viên Cộng sản Việt Nam rất nao núng. Giá như lúc ấy trong nước bùng lên được một cuộc chính biến, thì rất đông đảng viên Cộng sản sẽ ngã theo. Họ ngã theo không phải vì họ biết họ đã lầm đường, mà vì con người ai cũng phù thịnh. Bây giờ thì họ đã đứng vững, đã qua cơn bão tố. Ngay cả đám đảng viên miền Nam cũng có đặc quyền đặc lợi, cũng nằm trong khối siêu công dân, cấu kết chặt chẽ với nhau để thống trị. Thử hỏi anh, họ từ bỏ quyền lợi hiện có trong tay, quay lại chống Đảng để làm gì? Thua thì chết mất xác. Mà thắng thì chưa chắc đã được đền đáp bằng một phần nhỏ so với những gì họ đang hưởng! Bởi vậy, nếu anh chủ trương vận động quần chúng, vận động tôn giáo, kể cả bộ đội, công an cấp thấp, để tạo thành một mặt trận chống Đảng thì nghe còn hợp lý. Chứ anh cấu kết với những đảng viên cao cấp, và chỉ nhằm khai thác các mâu thuẫn địa phương thì tôi cho là chuyện ảo tưởng!

Hoàng Tiến toan mở miệng cãi, thì ông Vĩnh Cát đã cười mỉa mai và thêm:

— Họa chẳng anh chủ ý lập đảng

xuân mơ

*mơ cánh én để nghe ngày rạo rục
nghe mùa đi trong từng mốc thời gian
mơ tiếng pháo để đuổi từ tâm thức
những ưu tư của cõi tạm nhọc nhằn.*

*rồi sẽ đón vào lòng âm giai cũ
của cỏ cây chợt thức giấc phân vân
bên bờ suối, nơi ven rừng ngấm nụ
mai vàng tươi chơm chớm đợi mùa xuân.*

thủy trang



đổi lập tay sai để tạo bộ mặt dân chủ cho Nhà Nước Việt Nam thì tôi không nói làm gì!

Hoàng Tiến lúng túng toan phân trần thì ông Vĩnh Cát đã kéo người bạn đứng dậy và xua tay:

— Tụi này phải đi. Thôi, để dịp khác nói chuyện nhiều hơn...

Hoàng Tiến ngượng nghịu gật đầu và giơ tay định bắt, nhưng cả hai không để ý, bước nhanh ra cửa.

Bóng họ vừa khuất, Cồn nhìn đàn anh, nhỏ nhẹ nhập đề:

— Cả tuần nay anh im hơi lặng tiếng quá! Tôi tưởng anh đau!

Mặt Hoàng Tiến bỗng đanh lại, nước da tái nhợt, đôi mắt toé lửa nhìn Cồn gần giọng:

— Ông mang tất cả đồ đạc máy móc của tôi hiện ông đang xài, trả lại cho tôi. *Computer*, máy chữ, máy *photocopy*... bất cứ cái gì của tôi, yêu cầu ông trả tôi ngay, nội trong ngày hôm nay.

Cồn giật mình ngơ ngác. Biết có cái gì trục trặc từ hôm Hoàng Tiến về, nhưng Cồn chưa đoán ra nguyên nhân cơn thịnh nộ của đàn anh. Chữ "ông" lần đầu tiên Hoàng Tiến dùng để gọi Cồn làm gã rất khó chịu vì chưa đựng sự mỉa mai chưa từng thấy ở Hoàng Tiến. Cồn nhẩn nại năn nỉ:

— Có chuyện gì xin anh cứ cho biết, rồi đâu còn có đó. Chả gì anh em mình cũng làm việc với nhau cả mấy năm nay. Tự dưng anh giận tôi... Kỳ quá!

Giọng Hoàng Tiến lớn hơn:

— Ông không biết vì lý do gì tôi giận ông thật à? Ông thử nghĩ lại xem. Tôi đối xử với ông như bát nước đầy, mà tôi vừa bước chân ra khỏi nhà, ông đã giở trò mất dạy, tán tỉnh vợ tôi.

Cồn tái mặt, bàn tay run lên vì uất ức. Trong nháy mắt, Cồn nhận ngay ra rằng đây là một âm mưu thâm độc của Hồng và đàn anh đang trúng kế con dâm phụ. Một trò lưu manh cổ điển như thế mà cả tuần nay gã không đoán ra! Nói cho đúng, quen Hồng từ lâu, gã không ngờ Hồng thủ đoạn như vậy. Đổ tội cho gã trước để chặn họng thằng

chồng già! Cồn ức lắm. Nhưng Cồn không giận Hồng mà chỉ tức Hoàng Tiến bởi không ngờ đàn anh ngu muội như vậy. Trách gì vua chúa ngày xưa nghe một con đàn bà nỉ non bên tai, xiêu lòng đến độ mất hết trí khôn, hại trung thần và có khi giết luôn cả con ruột mình! Hoàng Tiến đang ở vào một trường hợp đàn độn tương tự. Đã thế thì Cồn thấy chẳng cần phải nể nang gì nữa. Gã nhếch mép cười nhạt:

— Anh bị đàn bà cho vào xiềng rồi! Anh nên bình tĩnh lại, anh Tiến. Đừng nghe chị ấy bịa chuyện mà sút mẻ tình nghĩa anh em mình!

Hoàng Tiến hất hàm, chỉ vào mặt Cồn:

— Ông còn dám mở mồm nói chuyện tình nghĩa với tôi sao? Ông ngửa tay xin tôi từng đồng bạc mà ông nỡ trở mặt, phản bội tôi. Tôi không ngờ trên đời có thằng đều như ông!

Cồn nghiêng răng nắm tay đầm nhẹ xuống bàn và rít lên:

— Thằng Khang nó ngủ với vợ anh ngày này qua ngày khác. Vợ anh mua xe BMW cho nó cả nước Mỹ này biết mà anh lại quay ra chửi tôi là thế nào? Tôi tưởng anh là người biết nghĩ, không ngờ óc anh là óc đất!

Giọng nói của Cồn lớn quá, khiến chủ quán và người hầu bàn đang lui cui phía sau quần tính tiền, nhất loạt ngẩng lên, nhìn Cồn đăm đăm. Thực khách trong quán cũng đều nghe thấy và ngoái cổ lại theo dõi. Hoàng Tiến giận ứ lên tới cổ, muốn đấm vào mặt Cồn nhưng không dám. Ông cúi gằm mặt xuống vì xấu hổ và chợt hối hận đã đem câu chuyện riêng tư trong gia đình mình ra nói với Cồn ở một nơi công cộng, tạo cơ hội cho Cồn bêu xấu vợ mình! Rồi chỉ nay mai, trong cái xã hội nhỏ bé này, bản tin Hồng ngủ với thằng học trò cũ của ông sẽ nhanh chóng lan truyền đi khắp nơi, ông còn mặt mũi nào mà nhìn thiên hạ!

Phần Cồn, phun ra được câu nói đó, gã thấy nhẹ hẫng trong lòng. Gã hừ một tiếng rồi đứng bật dậy, hăm

hăm bước ra khỏi quán, bỏ mặc đàn anh ngồi trơ ra trước những cặp mắt thương hại của người chung quanh. Chờ Cồn chui vào xe phóng đi, Hoàng Tiến cũng đứng lên, lạng quạng cầm đầu đi nhanh ra cửa. Chủ nhân rượt theo và nhẹ nhàng bảo:

— Thưa, ông chưa trả tiền!

Hoàng Tiến thọc tay vào túi quần. Chủ tiệm giơ cái giấy tính tiền ra trước mặt và giải thích:

— Ba mươi chín đồng sáu mươi xu. Nhân dịp khai trương bớt ông mười phần trăm. Xin ông ba mươi lăm đồng cho chẵn.

Hoàng Tiến giúi vào tay chủ nhân bốn tờ giấy mười đồng rồi đi như chạy ra khu đậu xe bên hông tiệm. Chui vào xe, lòng ông rối bời vì những tâm sự ngổn ngang. Mới mấy tháng mà bao nhiêu chuyện vật đổi sao dời. Người tình bên kia đại dương mà ông tưởng sẽ gắn bó suốt quãng đời xế bóng, bỗng một ngày bất chợt lặng lẽ bỏ đi, ôm theo mấy chục cây vàng! Thằng đàn em thân tín bên này dám công khai chửi ông trước mặt bá tánh! Cuộc đời có những lúc xô đẩy ông vào ngõ cụt tăm tối mà ông không thể lường được. Ông mở máy xe, ngồi yên một lúc khá lâu rồi thở dài, từ từ cho lăn bánh ra con đường chính, dù chưa biết đi đâu. Đến một ngã tư đèn đỏ, ông dừng lại, băng khuông suy nghĩ. Đèn xanh trước mặt bật lên, ông không chú ý, cứ đứng lì tại chỗ, khiến mấy chiếc xe phía sau phải nhấn còi inh ỏi. Có người thò hẳn đầu ra, lớn tiếng chửi, ông mới giật mình cho xe chạy.

Về gần đến nhà, ông đổi ý, quay ngược lại đi tìm Khang. Ông không tin và không bao giờ muốn tin rằng thằng học trò ngờ nghệch kia lại mê vợ mình. Ông lại càng không thể nào chấp nhận được việc vợ ông dám phản bội ông để yêu người khác. Nhưng những lời kết án của Cồn ngay từ hôm đón ông từ phi trường về và nhất là mới lúc nãy ngồi trong quán, không thể không làm ông nhen nhúm chút ngờ vực mà nếu không phanh phui ra sự

thật thì có thể cả đời ông sẽ mãi bận tâm.

Hoàng Tiến dừng lại trước một căn nhà chiều ngang khá rộng. Hai năm trước, ông và Hồng có ghé đây, tặng Khang vài bộ quần áo cũ lúc Khang mới qua, mượn một gian phòng nhỏ trong căn nhà này. Tuy không nhớ số nhà, nhưng ông không lầm được vì bức tượng đá đặc biệt dựng trong vườn, đắp hình một thằng bé đứng đá liên tục xuống cái hồ nước giữa sân cỏ.

Ông đậu xe bên lề đường, bước vào bấm chuông. Một người đàn bà ra mở cửa, ngơ ngác nhìn rồi vui vẻ hỏi ông:

— Mượn nhà hả?

Ông gật đầu chào và đáp:

— Dạ không. Tôi tìm người quen. Cậu Khang còn ở đây không bà?

Chủ nhà tắt hẳn nụ cười, hừ một tiếng rồi đáp:

— Nó dọn đi lâu rồi! Hai tháng mấy rồi!

Hoàng Tiến thở dài thất vọng, đứng tần ngần một lúc rồi hỏi cầu may:

— Bà có biết cậu ấy dọn đi đâu không?

Chủ nhà giọng uất ức:

— Ai biết đâu! Nghe nói nó cặp với con mẹ nào đó mà! Con mẹ già rồi, đem nhau đi mất tiêu! Cái thằng thiệt ngu, trai tơ cắt chỉ mà mẹ con mẹ già chát! Nó còn thiếu tui một tháng tiền nhà chưa trả đó chứ! Tui mà gặp là nó chết cha với tui!

Hoàng Tiến choáng váng á khẩu. Người đàn bà lại hỏi:

— Mà ông là gì của nó? Ba nó hả?

Hoàng Tiến vội xua tay:

— Không, biết sơ sơ thôi.

Rồi ông cố trấn tĩnh để tìm hiểu thêm:

— Hồi thằng Khang còn ở đây, bà có thấy cái người đàn bà đó đến đây kiếm nó lần nào chưa?

Chủ nhà ngược mắt nhìn Hoàng Tiến ngờ vực:

— Biết sơ sơ mà hỏi làm chi kỹ vậy? Có thấy chứ sao không! Con mẹ tới đây hoài đăng học ca. Nghe

nói con mẹ mê hát Karaoke nên mới gặp thằng này! Mà ông nói thiệt đi, ông có phải là ba thằng Khang không?

Hoàng Tiến nở nụ cười nhợt nhạt:

— Không, người quen thôi... Hồi đó vượt biên chung.

Chợt nghĩ ra một cách thăm dò mà ông cho là hữu hiệu, Hoàng Tiến hỏi:

— Có phải cái bà đó người mập, cao, tóc ngắn, phải không bà?

Chủ nhà nhăn mặt, lắc đầu lia lịa:

— Đâu phải! Con mẹ thấp người, nhỏ con mà tóc dài, chừng bốn mươi, bốn mươi ngoài!

Hoàng Tiến lặng người đứng yên. Đúng là hình ảnh của vợ ông, chẳng còn nghi ngờ gì nữa. Ông lão đảo quay ra, quên cả chào từ giã. Ông chui vô xe, phóng như bay về nhà. Vợ ông giờ này đang ở tiệm uốn tóc, chuẩn bị nhan sắc để cuối tuần đi ăn cưới. Ông đẩy cửa bước vào, quăng xâu chìa khoá trên bàn rồi ngồi vật xuống sofa, thở hổn hển như người lên cơn suyễn. Mặt ông nhợt nhạt, mắt mở trừng trừng nhìn bức tường đối diện. Ông thốt nhớ đến Cồn và càng hối hận vì đã nặng lời với thằng đàn em thân tín. Giờ này ông mới thật sự thấy mình cô đơn giữa cuộc đời. Ông nhào người, nhắc điện thoại, run run ấn số gọi cho Cồn để phân bua với gã vài lời. Chẳng phải ông quá ân hận đến nỗi phải gọi xin lỗi Cồn ngay, mà vì ông vừa chợt nghĩ ra một sự thật hãi hùng rằng, khi Cồn thù ông thì chính cái miệng Cồn sẽ là chiếc loa phóng thanh loan truyền rất nhanh bản tin vợ ông ngoại tình với thằng Khang cho toàn thành phố này biết. Nhiều lần, ông đã tự dặn mình một bài học chính trị sơ đẳng rằng: ở đời, có những người khi là bạn mình thì chưa chắc đã giúp gì được mình; nhưng nếu người ấy trở thành kẻ thù thì lại thừa sức làm mình khốn đốn! Cồn chính là loại người đó. Khả năng xây dựng chẳng có bao nhiêu, nhưng thủ đoạn phá hoại thì gã có đủ. Hoàng

Tiến cần phải xoa dịu ngay để ngăn chặn.

Chuông reo mới dứt tiếng thứ nhất, Hoàng Tiến đã nghe giọng Cồn ở đầu dây bên kia. Ông sợ gã cúp máy, vội nói luôn một hơi dài:

— Tiến đây, chú Cồn... Tôi hiểu lắm chú!... Nhiều chuyện lo nghĩ quá, thành ra đầu óc tôi lúc này chẳng ra làm sao cả. Mong chú bỏ qua! Chuyện nhà tôi với thằng Khang, có lẽ chú nói đúng. Chú phải giúp tôi vụ này. Tôi chẳng biết phải giải quyết như thế nào. Tôi chạy qua chú bây giờ, mình bàn chuyện.

Cơn giận trong lòng Cồn phút chốc tan biến hết, chỉ còn lại nỗi xót xa thương cho đàn anh. Gã ân cần đáp:

— Vâng, anh qua ngay đi, tôi đợi...

Gác điện thoại rồi, trong đầu Cồn chợt loé lên một câu hỏi ngờ vực: Có thực Hoàng Tiến đã khám phá ra sự thật hay không? Làm sao nhanh như vậy được? Mới hơn một tiếng đồng hồ! Phải chăng đây chỉ là kế hoãn binh để Hoàng Tiến đến gặp Cồn, khuôn hết đồ đạc và máy móc về? Bất giác gã đưa mắt nhìn cái computer đặt trên chiếc bàn nhỏ kê sát vách và mơ hồ cảm thấy mình có thể đang bị đàn anh gạt gẫm. Nghĩ thế, Cồn vội vàng vác cái máy photocopy vào phòng ngủ, đẩy sâu vô gầm giường, đồng thời giấu cái máy chụp trong tủ áo. Lát nữa Hoàng Tiến có hỏi thì sẽ bảo là máy hư đem đi sửa. Lúc này Cồn đang rách vì thất nghiệp đã khá lâu, gỡ gạc được chút nào hay chút đó.

Có tiếng xe chạy vào sân. Cồn ra mở cửa sẵn, đón đàn anh. Hoàng Tiến phờ phạc bước vào, gượng cười bắt tay Cồn và chua chát nói:

— Ở đời ai mà học nổi chữ ngờ!

Hai người ngồi trên chiếc sofa sồn nát, chẳng còn biết màu sắc nguyên thủy của nó là gì. Nơi đây, Cồn đã từng miệt mài làm báo, ăn ngủ luôn tại chỗ. Mì gói, cơm nguội nhiều hôm đổ ra bừa bãi, dính bết từng mảng trên lớp vải bọc rẻ tiền. Cồn nhìn đàn anh tội nghiệp:

— Anh biết rồi, tôi mới nói. Mấy tháng anh về Việt Nam, thằng Khang qua ở hẳn bên nhà anh, ăn ngủ luôn tại nhà anh. Tôi cũng không ngờ chị ấy tệ như vậy. Gần như công khai chẳng giấu giếm gì cả! Lý do chính là vì bên này người ta không sợ dư luận, như anh vẫn thường bảo tôi. Ở hải ngoại, áp lực xã hội không còn nữa, nên đàn bà dễ bỏ chồng!

Hai tai Hoàng Tiến như ù đi. Chuyện dạn dít của vợ đã rõ mười mươi, nhưng ông vẫn không muốn nghe Cồn kể lễ chi tiết về ăn nằm của vợ với người khác. Ông hỏi vớt vát:

— Chính mắt chú có thấy thằng Khang ở nhà tôi bao giờ chưa hay chỉ nghe người ta đồn?

Cồn nhấn mạnh:

— Nghe đồn thì nói làm gì! Anh cũng như anh của tôi. Chuyện của anh là chuyện của tôi. Cái gì không chắc, tôi đâu dám nói với anh! Trước hôm anh về, tôi ghé qua để dặn chị ấy hôm sau đi đón anh thì thấy thằng Khanh với chị ấy đang ngồi ăn cơm. Hai người không mời tôi. Buổi tối, khuya lắm, tôi chạy ngang, vẫn thấy xe thằng Khang còn đậu trong sân nhà anh...

Hoàng Tiến gục đầu ngồi chịu trận, càng nghe càng tê tái. Cồn bồi thêm:

— Anh đã coi lại tiền bạc trong nhà chưa? Thằng Khang mới qua, không làm ăn gì cả, tiền đâu mà mua BMW? Anh còn lạ gì nữa! Đàn bà có chồng mà mê kép trẻ thì bao nhiêu của cũng đem dâng hết!

Nói câu này, trong đáy lòng Cồn thật sự chua chát như chính gã vừa bị mất của! Gã liếc mắt nhìn Hoàng Tiến. Đàn anh ngồi khoanh tay bất động như vừa hoá đá. Cồn vào bếp pha cà phê, để đàn anh ngồi một mình suy gẫm về nỗi sầu của mình.

Chuyện tình của Hồng và Khang thật sự đã bắt đầu từ lâu lắm mà mãi đến nay Cồn mới biết.

Lùi trở lại mười bảy năm về trước, lúc miền Nam rơi vào tay Cộng sản, Hoàng Tiến đang dạy

xuân đi chưa lại

*Xuân đi mười bảy năm rồi
Chưa hề trở lại đất trời Việt Nam
Chiều xuân bán cánh mai tàn
Vui chăng những kẻ cơ hàn đón xuân?*

*Mẹ già nước mắt rưng rưng
Vui chăng trừ tịch, lạnh lùng khói hương
Nhớ con xác bỏ chiến trường
Nhớ con vui giữa đại dương nghìn trùng
Nhớ con lưu lạc, chạnh lòng
Xuân ly hương có ai cùng xót xa?*

*Tuyết sương bạc tóc cha già
Mỏi mòn mong, buổi thái hoà còn lâu!
Đêm xuân em lẽ chùa nào?
Vắng tanh Phật điện, sư vào lao lung!
Sáng xuân chị đốt hương trầm
Cầu cho "thanh lọc" anh đừng "hồi hương"!*

*Quê nhà xuân ngậm ngùi buồn
Chim lồng, cá chậu sao còn tự do!
Ai chờ mai cũ ra hoa
Nắng xưa biết có chan hoà xuân sau?
Đắm chìm trong nỗi thương đau
Lâm than, xuân có về đâu với đời!*

*Còn ta nương náu quê người
Rét run áo mỏng, hỏi trời có xuân?
Có đâu lân, pháo tung bừng!
Có đâu rộn rã đi mừng tuổi nhau!
Vui xuân, ôi cũng cơ cầu
Tha hương, xuân có về đâu hỏi người!*

lâm thúy

học ở Sài Gòn. Cuộc sống nhàn hạ, tiền bạc sung mãn, ngoài giờ đến trường, ông rong chơi quanh năm, không ngồi ở bàn mặt-chuộc thì cũng lang thang nhẩn mặt ở hầu hết các vũ trường nổi tiếng. Hơn ba mươi tuổi mới lập gia đình và Hồng thua ông vừa tròn một giáp. Tháng 6 năm 75, là sĩ quan biệt phái, ông cũng phải nhập vào dòng người chế độ cũ, hàng hàng lớp lớp lên đường cải tạo, Nhưng chưa đầy một năm ông đã trở về, nhờ thằng em trai bảo lãnh. Ông được theo học bồi dưỡng chính trị rồi trở lại nghề cũ, dạy Văn ở một trường phổ thông cấp ba thuộc quận Tân Bình.

Dĩ nhiên ông không an phận. Làm công nhân viên biên chế rất tận tụy, nhưng lòng ông vẫn hướng ra đại dương. Sau mấy chuyến đi chui thất bại, vợ chồng gom góp, vay mượn, nhờ người mai mối nộp vàng cho chủ tàu người Hoa để vượt biên theo lối bán chính thức. Tưởng chắc ăn lắm thế mà kết quả vẫn bị lừa đến trắng tay. Cũng may Hoàng Tiến chưa bị bắt, quay về vẫn còn giữ được chân giáo viên, bám lấy hộ khẩu hợp pháp tại Sài Gòn.

Năm 82, vợ chồng lại gây dựng được tí vốn. Nhân có người bạn tổ chức đi chui, Hoàng Tiến thuyết



phục Hồng đốc hết hầu bao cho ông đi một mình, để làm đầu cầu gây dựng tương lai cho vợ con sau này. Ở thời điểm ấy, chuyện ly tán gia đình diễn ra quá bình thường, đề nghị của Hoàng Tiến chẳng có gì là quá đáng. Và lần này thì Hoàng Tiến đi lọt. Hồng ở lại với hai đứa con, đứa lớn nhất chưa đầy tám tuổi.

Bên cạnh những hạch hỏi, quấy rầy về Hoàng Tiến của công an Phường, nỗi khó khăn lớn nhất của Hồng lúc này là chẳng còn chút vốn liếng nào để làm ăn. Huống chi con bé thứ hai cứ ốm đau quặt quẹo mãi, mà chẳng biết bao giờ Hoàng Tiến mới đi định cư để gửi thuốc tây về. Trong nỗi cơ cực trước mắt, ba mẹ con chỉ biết ôm nhau, đem hình ảnh tương lai huy hoàng của Hoàng Tiến trên đất Mỹ làm niềm hy vọng để vượt qua gian khổ. Nhưng hy vọng chỉ có thể làm con người vui, chứ không làm đầy được bao tử! Hoàng Tiến đi được nửa năm, Hồng túng quẫn quá, mới dựng cái chòi nhỏ ở góc sân nhà thờ, hai mẹ con thay nhau ngồi bán vài thứ lặt vặt, có cả rổ bánh rọm do chính tay Hồng gói. Nhặt nhanh lấy công làm lời, khéo tận tiện thì ba mẹ con cũng đủ ăn ngày hai bữa.

Một hôm có cậu thanh niên mới lớn, tuổi chừng mười lăm, tình cờ đi ngang, dừng lại trở mắt nhìn Hồng rồi lao tới, sững sốt kêu lên:

— Cô! Cô bán hàng ở đây từ bao giờ mà em không biết?

Hồng đỏ mặt vì ngỡ ngàng. Gặp học trò của chồng trong hoàn cảnh này thật chẳng đúng chỗ tí nào. Nàng gượng cười rồi đáp ứng phân trần:

— Khang đấy à? Em đi đâu đây? Có buôn bán gì đâu em! Con Dung nó cứ than là ở nhà buồn, đi học có nửa ngày, buổi chiều về chả biết làm gì. Nó đòi mãi, cô mới dựng tạm cái lều, để nó ngồi đây cho vui...

Cậu bé lăm lét nhìn quanh rồi cúi xuống hỏi nhỏ Hồng:

— Thầy vượt biên rồi phải không

cô? Cả trường ai cũng biết. Ban Giám Hiệu có gọi em lên văn phòng mấy lần để hỏi em về thầy. Vì thầy là giáo viên chủ nhiệm mà em là lớp trưởng, lại hay đến nhà thầy cho nên họ mới hỏi em... Cô có tin tức gì của thầy chưa?

Hồng khẽ gật đầu:

— Thầy đang ở Mã Lai. Người nhà bên Mỹ có đánh điện về cho cô cách đây mấy tháng.

Hai người nói chuyện vờ vẩn một lúc rồi cậu bé chia tay:

— Cô có viết thư cho thầy xin cô nói giùm là em có lời hỏi thăm. Chắc thầy còn nhớ em.

Hồng gật đầu:

— Ai thì quên, chứ làm sao thầy quên được Khang!

Từ đó, cứ thỉnh thoảng Khang lại đạp xe ra sân nhà thờ thăm Hồng, phụ giúp những việc lặt vặt và nhất là buổi tối, chở hộ hai thùng hàng về cho Hồng. Gặp Hồng lần đầu ở sân nhà thờ, Khang xúc động lắm, đêm nằm trần trọc đến mấy tiếng đồng hồ vì hình ảnh lam lũ của Hồng dưới ánh nắng trưa. Ngày Hoàng Tiến còn ở nhà, thỉnh thoảng Khang vẫn sang thăm vì hai nhà chỉ cách nhau khoảng vài trăm mét. Nó là đứa học trò gương mẫu mà Hoàng Tiến quý mến. Và ngược lại, dưới mắt nó, Hoàng Tiến là ông thầy khả ái nhất trong số các giáo viên ở trường. Trong trí óc non nớt của tuổi mới lớn, Hồng là hình ảnh cao sang mà nó hằng ngưỡng vọng, dù rằng cuộc sống sau 75 của nàng có sa sút đi nhiều. Vợ thầy Tiến không thể là một phụ nữ lao động chân tay tầm thường như thế được! Khang luôn luôn khắc ghi cái thành kiến đó, cho nên khi bất chợt thấy Hồng ngồi bán bánh ở lề đường, nó cảm thấy có một cái gì rất xót xa, tội nghiệp. Ngày ngày đến giúp Hồng, nó coi như một trách nhiệm để đền đáp công ơn thầy cũ và Hồng cũng chấp nhận sự giúp đỡ ấy một cách thân nhiên, y như Khang có bốn phận thật đối với mẹ con nàng. Những bữa cơm quá đơn giản sơ sài mà Hồng xấu hổ không dám bày ra trước mặt Khang, chứ

đừng nói đến việc mời Khang ở-lại ăn chung, thì ngược lại, Khang cứ nấn ná ngồi lại, lảng xảng dọn chén đĩa. Sửa giùm Hồng cái xe đạp cũ, phụ nàng xay bột gói bánh, mọi chuyện lớn nhỏ trong nhà, Khang đều nhìn trước trông sau, thấy cần là làm ngay.

Một hôm, tổ trưởng chỉ thị mỗi hộ cất một người đi thủy lợi trong bốn ngày. Hồng lo lắm. Chuyện thủy lợi đã hai năm nay không ai nhắc đến nữa, tưởng Nhà Nước quên hẳn rồi, không ngờ bây giờ lại lôi ra, làm khổ nhân dân.

Buổi tối hôm ấy, thu dọn xong quầy hàng, trên đường về, Hồng buồn rầu bảo Khang:

— Từ mai, em đừng ra đây nữa. Cô phải đi thủy lợi bốn ngày, chủ nhật cô mới về.

Khang giật mình hỏi:

— Cô đi rồi ai coi các em ở nhà? Sao cô không xin người ta miễn cho cô?

Hồng than thở:

— Cô nói mãi, họ chả nghe. Không đi thì phải nộp tiền để họ thuê người khác. Thôi thì đành vậy! Nhà nào cũng phải cất người đi. Hai chị em nó ở nhà, cô gửi hàng xóm. Thỉnh thoảng, Khang có rảnh thì chạy sang, coi chừng nó giùm cô.

Khang lắc đầu:

— Hai em còn bé quá, cô không thể bỏ chúng nó ở nhà một mình được. Cô ở nhà với chúng nó, em đi thủy lợi thay cho cô.

Hồng đang đi, giật mình đứng khựng lại vì lời đề nghị đột ngột của Khang. Đi thủy lợi, nàng không ngại vất vả, nhưng chắc chắn sẽ rất sốt ruột vì hai đứa con ở nhà. Nàng cảm động bảo Khang:

— Cô đâu dám làm phiền em như vậy! Cứ để cô đi. Thỉnh thoảng em tạt qua nhà cô một tí là cô yên tâm rồi.

Khang quả quyết:

— Em nhất định rồi. Sáng mai, bảy giờ em sẽ có mặt. Tập trung ở đâu hở cô? Sân nhà thờ phải không? Cô cứ việc ở nhà. Em đi có mấy ngày, ăn thua gì!

Hồng còn khước từ mấy lần nữa,

nhưng Khang cứ khẳng khái nhận lãnh công việc nặng nhọc ấy thay cho nàng, can làm sao cũng không được. Hồng về nhà, chuẩn bị ngay mấy lon thức ăn khô để ngày mai Khang đem theo.

Sáng hôm sau, Hồng ra sân nhà thờ thật sớm. Lác đác đã thấy từng cụm người tập trung, tay cuốc, tay xẻng, lỗ nhỏ đứng cạnh mấy chiếc xe lam phun khói mù mịt trong sương sớm. Tiếng hò hét, thúc giục của tổ trưởng và mấy ông trưởng toán, xen lẫn tiếng máy xe thì nhau nổ ròn rã. Khang cũng có mặt ở đó. Chiếc nón vải màu xanh úp lên đầu, bộ đồ thủy lợi bạc thếp rộng thùng thình, vàng ố nước phèn từ đầu gối trở xuống, làm Khang nom khác hẳn mọi ngày. Hồng lao nhanh tới, trao thức ăn cho Khang và cầm động dạn:

— Chủ nhật về, lại cô ăn cơm nhé! Cô cảm ơn em nhiều lắm...

Khang vui vẻ nhận lời rồi giục Hồng:

— Thôi cô về dọn hàng ra bán đi. Nắng sắp lên rồi.

Hồng gật đầu nhưng vẫn đứng yên. Nàng nán lại bên Khang, mãi cho đến lúc đoàn xe lam ồn ào chuyển bánh ra con lộ chính, trả lại sự yên lặng thường lệ cho khuôn viên nhà thờ, Hồng mới lăm lăm bước về.

Công tác dự trù bốn ngày, nhưng nhờ đạt chỉ tiêu sớm, mới sáng chủ nhật, toán của Khang đã về đến nhà. Nói đúng ra, chuyện thủy lợi đối với dân miền Nam vào thời điểm này không còn có ý nghĩa kinh tế quan trọng như những ngày đầu Việt cộng mới cưỡng chiếm. Nó chỉ là những trò bôi bác mà chính

quyền địa phương lâu lâu đặt ra để có thành tích báo cáo lên trên. Cứ nhìn nông trường Lê Minh Xuân với hàng vạn công lao động đổ ra nhằm cải tạo đất, mà kết quả vẫn nguyên vẹn là một vùng nước phèn bao la, lơ thơ mấy khóm dừa và bình bát, người dân Sài gòn nhận ra ngay được sự phí phạm khổng lồ về sức người và thì giờ một cách hết ngớ ngẩn. Từ đó, trong ý nghĩ của họ, thủy lợi không nhằm mục tiêu phục vụ sản xuất nữa, mà chỉ là biện pháp của chính quyền chế ra để hành hạ nhân dân mà thôi.

Chiếc xe lam đỗ người xuống sân nhà thờ. Khang vác xẻng chạy lại lều bán bánh của Hồng, nhưng nàng không có ở đó. Con bé Dung vừa coi em vừa bán hàng. Thấy Khang, nó reo lên:

— Cháu tưởng tối chú mới về. Hôm nay mẹ ở nhà, nấu cơm đợi chú về ăn. Chú nhớ sang ăn cơm nhé!

Khang gật đầu cười. Ngày Hoàng Tiến còn ở nhà, mỗi lần gặp Khang, con bé thường gọi là anh, mà gọi như thế có lẽ đúng hơn bởi Khang là học trò của bố nó. Nhưng gần đây, Hồng bắt hai con đổi cách xưng hô, kêu Khang bằng chú. Khang bảo:

— Chú về thay quần áo, tối chú sang.

Nó đeo cái túi vải lên vai, tay cầm xẻng, rẽ vào con hẻm nhỏ bên hông nhà thờ để theo lối tắt về nhà. Nó ngạc nhiên thấy bà mẹ đang ngồi ngoài hiên, đổ bao mì sợi ra phơi trên mảnh ván tròn, giống hình dạng một cái mâm.

Nhà chỉ có hai mẹ con và bà mẹ rất ít khi ở nhà, nhất là vào ngày chủ nhật. Bà sinh được hai con trai thì ông Nghiên, chồng bà, chết vì một căn bệnh mà chẳng ai biết là bệnh gì, chỉ được giải thích một cách đơn giản là "trúng gió". Anh của Khang đi lính Hải quân, năm 75 theo tàu qua Mỹ. Ngày Việt cộng mới vào, dĩ nhiên bà vất vả lắm. Nhưng bây giờ thì lại là một trong những người sung sướng bởi con bà gửi tiền về khá đều. Suốt ngày bà



chỉ đi đánh chẵn, dù đã từng bị công an bắt giam hai lần. Bà đánh nhỏ thôi, cốt để thoả mãn cơn ghiền chứ không chủ ý ăn thua. Hôm nào thiếu chân phải nằm nhà, thì bà lại có cái thú khác để điền khuyết là đọc sách. Nhưng bà cũng chỉ đọc có một cuốn duy nhất là Sấm Trạng Trình, dù bà không hiểu được bao nhiêu, ngoại trừ câu thơ lục bát quen thuộc là “*Mười phần chết bảy còn ba, chết hai còn một mới ra thái bình*”!

Khang lên tiếng gọi mẹ rồi buông túi, buông xềng, ngồi bệt xuống nền xi-măng, dựa lưng vào cây cột gỗ vuông. Dãy nhà tôn thấp lè tè, nhà này nối liền nhà kia, chỉ ngăn nhau bằng những bức tường gạch. Nó là xóm lao động mọc lên sau cuộc di cư năm 54, gồm toàn người Công giáo, sống quây quần quanh một ngôi giáo đường nhỏ. Vì quá gần gũi, ngày ngày ra vào trông thấy nhau, cho nên hầu như bất cứ chuyện gì, dù riêng tư nhất của một gia đình, cũng đương nhiên trở thành đề tài cho cả xóm.

Bà Nghiên quay sang nhìn con:

thơ tết

say

*đông giá còn đeo tờ lịch mới
giữa cỏi hồn ta Tết đến đây
trút voi tâm sự lên trang giấy
mà vẫn băng khuâng giấc mộng say.*

vắng

*vội bắt chùm bông tuyết giăng trời
trông những đóa hoa xuân nở tươi
lạnh bàn tay mở hồn hoang vắng
rã tan đâu những cánh xuân rồi...*

lộc

*xuân trong vừa hé tuyết ngoài rơi
đất người trắng xóa một màu thôi
cành chưa chớm, nụ chưa ra lộc
trong chùa lộc giả cũng đành vui...*

lê sơn hà

Làng Văn 132

— Tao tưởng tối mày mới về? Gớm! Đi có mấy hôm mà đen như cột nhà cháy!

Khang tháo nón, quăng xuống bên cạnh và ngạc nhiên hỏi mẹ:

— Sao hôm nay mẹ ở nhà?

Việc đánh bài của bà Nghiên đã trở thành một thói quen lâu ngày, đến độ nếu ngày nào không đánh, Khang coi là một chuyện bất thường! Bà mẹ đáp:

— Tao sắp đi bây giờ. Bà Nhung hẹn 2 giờ lại đây rồi đi luôn thế. Sáng nay đằng bà Lưu có gỗ, thiếu chân.

Bà xoa hai bàn tay vào nhau cho sạch hết lớp bột trắng từ sợi mì dính qua, rồi đưa mắt nhìn quanh và hạ giọng thật nhỏ, chỉ vừa để Khang nghe:

— Với lại, tao phải ở nhà để chờ người ta đến giao tiền. Anh mày vừa gửi về hai trăm đô!

Khang giật mình hỏi:

— Gửi cho mẹ hay gửi cho con?

Bà Nghiên nhú mày nhìn con:

— Gửi cho tao hay cho mày thì cũng như nhau. Sao mày hỏi lẩn thần thế?

Khang im lặng cúi xuống. Câu hỏi nó vừa nêu ra có một lý do riêng mà bà mẹ không biết. Cách đây ít lâu, Khang nghe Hồng bàn chuyện muốn hùn vốn với hai người bạn để mở tổ hợp vắn thuốc lá. Nàng bảo



ngồi bán bánh ở sân nhà thờ, mấy mẹ con phơi nắng cả ngày mà lời lãi chẳng được bao nhiêu. Nàng định đổi nghề, nhưng còn kẹt vốn. Khang về nhà, viết thư ngay sang Mỹ, xin ông anh gửi riêng cho nó mấy trăm. Đây là lần đầu tiên Khang xin tiền và cả gan xin một món khá lớn. Từ đó nó vẫn hồi hộp chờ, nhưng chưa thấy kết quả.

Im lặng một lát, Khang hỏi:

— Người ta đến đưa tiền cho mẹ chưa?

— Rồi. Mới lúc nãy. Tiền đó hôm nay hạ, làm mình thiệt đến mấy trăm bạc!

Bà đứng dậy, bưng mâm mì soi ra chỗ có ánh nắng rồi quay vào nhà. Khang cũng đứng lên theo. Bà lấy cái lon sữa SMA giấu tiền dưới gầm giường, lôi ra một ít trao cho Khang và bảo:

— Cầm lấy mà tiêu...

Khang đếm thật nhanh xấp tiền trong tay rồi thần nhiên bảo mẹ:

— Mẹ cho con xin thêm một ngàn!

Bà Nghiên trở mắt nhìn con, nhưng bà đưa ngay vì bình thường Khang rất ít tiêu. Gần mười sáu tuổi, nó chưa biết hút thuốc lá, chưa biết la cà các quán cà phê. Từ nhỏ tới lớn chỉ biết học và gần đây mới tìm ra cái thú gần gũi bên cạnh Hồng. Đối với Khang, bà Nghiên là một người mẹ dễ dãi đến độ hơi hợt. Bà ít khi để ý tới những sinh hoạt thường ngày của con, tìm hiểu xem nhu cầu của đứa con trai đang tuổi lớn đòi hỏi những thứ gì. Bà chỉ biết con học giỏi và ngoan ngoãn, thế là mãn nguyện rồi. Hôm Khang nói dối là được người ta mướn đi làm thủy lợi, bà không suy nghĩ sâu xa, chỉ bình thần bảo “Ừ. Đang nghỉ hè thì đi lao động vài ngày cho nó khỏe! Nhưng mà nhớ đội nón vào, không lại nhưc đầu!” Thậm chí bây giờ Khang xin thêm tiền, một món tiền khá lớn đối với con, bà cũng chẳng hỏi lý do. Bà đưa tiền rồi giục:

— Đi tắm rửa rồi thay quần áo đi! Đất cát dính từ đầu đến chân, nom sợ quá!

Khang cất tiền rồi vui vẻ vào buồng, lấy quần áo đi tắm. Vừa dội nước, nó vừa ngêu ngao hát, hăm hở nghĩ đến lát nữa sang gặp Hồng. Càng ngày Khang càng thấy mến Hồng. Nó là thứ tình chị em tạm thời còn trong sáng, pha trộn sự quyến luyến rất khó hiểu mà cả Hồng lẫn Khang đều không định nghĩa được thế nào cho đúng. Đi làm thủy lợi, xa Hồng có mấy ngày, đã thấy nhớ. Làm được bất cứ việc gì cho Hồng, nó đều cảm thấy vui như làm cho chính nó. Những khó khăn trong cuộc sống của Hồng, là những áy náy của chính Khang và nó luôn luôn tự thấy có trách nhiệm phải giải quyết. Nay mai, khi tiền từ bên Mỹ gửi về, nó sẽ đưa hết cho Hồng để nàng có vốn làm ăn. Và chỉ mới hình dung ra việc đó, lòng Khang đã sung sướng lắm rồi!

Bên ngoài, có tiếng nói lớn vọng vào:

— Đi chưa, bà Nghiên? Hết ngày rồi!

Khang nhận ra giọng quen thuộc của một bà vẫn thường đến rủ mẹ nó đi đánh chẵn. Mẹ Khang đáp:

— Thì tôi đang sốt cả ruột đây! Giỗ chạp gì mà lâu thế!

Bà quay vào bảo Khang:

— Mẹ đi đây! Có đi đâu thì nhớ khoá cửa lại Khang nhé!

Không chờ Khang lên tiếng, hai bà bước nhanh ra cửa, hăm hở tiến vào mặt trận sát phạt. Khang cũng chọn bộ quần áo sạch sẽ mặc vào, soi gương chải tóc rồi đạp xe qua nhà Hồng. Khang dựng xe tựa vào gốc cây trướng cá trước cửa, rồi cất tiếng gọi:

— Cô có nhà không? Khang đây cô!

Hồng đang chuẩn bị bữa cơm chiều, ngạc nhiên chạy ra và kêu lên:

— Cô cứ tưởng tối mới về!

Nàng nhìn Khang từ đầu đến chân và bình phẩm:

— Vất vả lắm phải không? Đi có mấy ngày mà đen hần ra!

Khang bước vào nhà, theo Hồng xuống thẳng nhà bếp. Nó nhìn cái nồi khá lớn bắc trên bếp, đang sôi

ùng ục, làm cái nắp bật lên ụp xuống, hơi nóng phun ra ào ào như khói tàu. Hồng ngồi xuống, đẩy thanh củi vào lò và nói:

— Có gì đâu! Cô nấu nồi canh măng để lát nữa ăn cơm. Hồi thầy Tiến còn ở nhà, thầy thích món này lắm. Chân giò hầm măng...

Khang nhặt một thanh củi lớn làm ghế, kéo lại bên cạnh Hồng và ngồi xuống, ân cần hỏi:

— Lâu nay cô có nhận được thư của thầy không?

— Hôm mới qua Mỹ, thầy có đánh điện về báo tin, rồi viết cho cô liên tiếp hai lá thư. Mấy tháng nay thì không thấy liên lạc. Cô gửi thư sang, con Dung cũng viết hai lá, chả thấy trả lời. Chắc là mới đi định cư còn bận lắm!

Giọng Hồng đượm buồn pha chút lo âu. Khang ngăn ngừa một lúc rồi hỏi thêm:

— Thầy có gửi tiền về cho cô không?

Câu hỏi làm Hồng có vẻ ngượng. Nàng phân trần:

— Mới qua làm gì đã có tiền! Với lại, cô nghe nói thầy còn phải vay tiền để đi học lại lấy bằng *Master*. Nhưng mà chả sao, miễn thầy học thành tài bên ấy là cô mừng rồi! Mai kia thầy bảo lãnh qua Mỹ, có nghề nghiệp thì cuộc sống mới bảo đảm. Tạm thời ba mẹ con ở bên này, tuy có túng thiếu đôi chút nhưng cũng chưa đến nỗi lâm vào bước đường cùng!

Khang bùi ngùi:

— Nhưng chả lẽ cô cứ bán bánh mồi hay sao? Cô phải có vốn để đổi sang nghề khác cho đỡ vất vả chứ!

Hồng cười buồn:

— Cô cũng định như thế đấy, nhưng từ từ chờ thầy gửi tiền về mới tính được!

Khang ái ngại nhìn Hồng. Nàng cầm chiếc quạt giấy phẩy nhẹ nhẹ. Mái tóc cột chiếc khăn nhỏ màu hồng, thả buông về phía trước, phơ ra cái gáy lấm tấm mồ hôi, lan xuống cả hai vai. Ánh nắng chói chang của mùa hè đổ xuống mái tôn, lại được phụ thêm bằng ngọn lửa đang hừng hực cháy trong lò

như hất thêm sức nóng trong căn bếp nhỏ, vây quanh hai người. Khang cúi xuống trầm ngâm một lúc rồi moi túi lấy trọn năm tiền mẹ mới cho, đột ngột đưa ra trước mặt Hồng:

— Em biếu cô một ít tiền làm vốn!

Hồng ngừng tay quạt, tròn mắt nhìn Khang, miệng há ra kinh ngạc. Khá lâu nàng mới thốt thành tiếng:

— Tiền ở đâu ra thế này? Không, cô không nhận đâu!

Khang quả quyết:

— Tiền của em mà. Cô cứ cầm lấy...

Hồng lắc đầu:

— Không! Dứt khoát là cô không thể lấy tiền của Khang được!

— Cô không lấy, em buồn lắm. Cô cầm lấy đi, mai kia em sẽ biếu cô thêm. Chừng nào đủ vốn để cô làm tổ hợp thuốc lá thì thôi!

— Đã bảo là không mà! Cô không thể nhận như thế được.

— Cô không nhận, từ nay em không gặp cô nữa!

Vừa nói, Khang vừa chộp lấy bàn tay Hồng và gửi số tiền vào. Hai người cứ đẩy qua đẩy lại mãi, cho đến khi Hồng không còn để ý đến xấp tiền nữa, mà bất chợt nhận ra một thứ cảm giác mới lạ khi nắm chặt lấy bàn tay Khang. Nàng xoay người lại, đối diện Khang, hai tay vẫn cầm chặt tay Khang. Mặt nàng đỏ sẫm, ánh mắt thần thờ và hơi thở dồn dập. Nàng kéo Khang về phía mình, bất chợt ôm ghì lấy và đắm đuối hôn lên môi. Khang ngả dần về phía sau cho đến lúc cả hai lăn ra nền xi-măng và chân Khang quờ quạng đạp văng đồng củi, suýt nữa làm đổ cả nồi canh đang sôi sùng sục bên cạnh. Hồng nằm trên người Khang, cuồng nhiệt như người đàn bà khát tình lâu năm bị dồn nén. Khoảng cách khá lớn về tuổi tác vừa xóa đi. Khang thấy mình lớn vụt lên và cùng lúc ấy, Hồng cũng thấy mình trẻ hẳn lại, dứt khoát không còn cái biên giới mười lăm năm chênh lệch nữa.

(còn tiếp)



BÚT CHÌ phụ-trách

Mục "Độc Giả Thắc Mắc" được mở để bạn đọc nêu ra những nghi vấn về mọi lãnh vực: văn học, nghệ thuật, khoa học, xã hội, chính trị.v.v..

Vì khuôn khổ hạn hẹp của một tiểu mục, xin vui lòng hạn chế mỗi lần hỏi tối đa 3 câu. Đa tạ.

HOA LƯ

Hỏi: Cháu đọc và rất thích những chi-tiết bác viết về thành Cổ-loa. Xin bác nói về thành Hoa-lư của ông Đinh Bộ Lĩnh cờ lau tập trận, thần-tượng một thời của cháu, vì cháu cũng là người xã Phú-lộc, Hoa-lư.

Nghe nói thành Hoa-lư nhỏ lắm, chừng vài trăm mẫu đất, lại nằm ở một nơi hẻo-lánh, có các gò núi linh-thiên như núi Chẽ, núi Gò nên thủ thế rất tốt, lại có sông Hoàng nên thơ, đi lại buôn bán tiện lắm, thích-hợp với một kinh-đô. Cháu nghe người lớn nói và nhớ mang-máng, xin bác tả lại cho rõ rõ để cháu ghi chép vào sổ tay, nhất là các di-tích. Cảm ơn bác nhiều lắm.

Đinh Thị Quan Hà
Los Angeles

Đáp: Đinh Tiên-hoàng-đế (Đinh Bộ Lĩnh) theo sự cố-vấn của tướng Lê Hoàn, chọn Hoa-lư làm thủ-đô từ năm 968. Cho tới năm 1010, Lý Thái-tổ (Lý Công Uẩn) dời đô về Thăng-long.

Hoa-lư ngày nay thuộc xã

Trường-yên, huyện Hoa-lư, tỉnh Hà Nam Ninh.

Cổ thành nằm trong thung-lũng núi đá vôi, trông ra phía Nam vùng châu-thổ sông Hồng về hướng biển Đông, chu-vi 10 cây số, diện-tích 4 cây số vuông.

Phía bắc Hoa-lư có sông Hoàng-long (còn có tên Đại-hoàng, Thủy-tiên và Diêm). Sông Hoàng-long đổ nước ra biển qua các đoạn sông Trường, sông Chanh, sông Văn, sông Thiện-duy, bằng các cửa Đại-hoàng, Tiểu-khang và cửa Càn.

Hoa-lư có các núi Đầm, Thanh-lâu, Cột Cờ, Chẽ, Chợ, Mã-yên, Sau Cái, Hàm-sá, Cánh Hàn, Hang To, Quên Dốt, Mông Mang và Cổ Giải án-ngũ, tạo thành một vị-trí phòng-thủ rất vững chắc.

Đô-thị Hoa-lư, giống như hầu hết các thành-phố lớn thời cổ, là một quân thành. Địa-thế Hoa-lư núi liền núi, bao bọc chung quanh một bình-nguyên hẹp, là một căn-cứ thiên-nhiên rất tốt. Chỉ cần đắp thêm thành-quách, vót chặt các khe núi, là có thêm một tường thành kiên-cố bảo-vệ.

Ngày xưa nhà Đinh cho đắp thêm 10 tường thành, dài nhất là tường Dền, 500 thước, và ngắn nhất là tường Bim, 65 thước.

Hoa-lư chia làm ba ngăn: ngoài thành Nội, thành Ngoại (rộng 3 cây số vuông) còn có thành Nam, (rộng 1 cây số vuông) án-ngũ mặt Nam, nhiều sông rạch.

Vua Đinh dùng sông Trường làm nơi thao-luyện thủy quân; lấy ghềnh Tháp làm nơi duyệt binh.

Di-tích còn lưu lại tới nay, ở mặt tây Hoa-lư còn 5 đền thờ vua Đinh và các tướng lãnh.

Ở thôn Đông-thịnh, còn di-tích tường Hèo.

Ở thôn Kho, xã Phú-lộc, có đền thờ các tướng Lê Du và Lê Chương. Di-tích tường thành đã lún sâu vào lòng đất, chỗ cao nhất hiện-tại đo được 5 thước, so với

mặt ruộng; tường thành dày 3 thước. Thành đắp bằng đất và gỗ xen kẽ, chồng-chất lên nhau, phía trên đóng cọc gỗ. Mặt trong tường thành lát gạch, kích thước 16 x 30 phân, dày 4 phân, in hàng chữ Đại Việt quốc quân thành chuyên (gạch của quân-thành nước Đại Việt).

Tại mặt Nam Hoa-lư, còn dấu vết của đồn Thủy (doanh thủy-sư).

BÔNG BỤP, DÂM BỤT HAY RÂM BỤT?

Hỏi: 1. Xin hỏi bác BC về cái tên bông búp. Nghe nói người Bắc gọi là dâm bụt, nhưng khi tôi tra trong tự-diện của VC thì thấy ghi là râm bụt. Vậy thì viết như thế nào mới đúng chính tả?

2. Tôi nhớ mang-máng một bài thơ của Nguyễn Bính (?) với những câu như sau:

Biết nhau từ thuở đại khờ
Hình dung một thoáng tương-tư ngập lòng

Nhánh hồng em chiết bên sông
Anh nhìn khói sóng ngơ trông mây dèo
Gió mưa tóc bạc đã nhiều
Một nguồn hương nhẹ mấy chiều gió đưa...

Xin bác xác-nhận tên tác-giả bài thơ, và trọn bài, vì tôi quên mất mấy câu.

Trần Văn Hiền
Montréal

Đáp: Nói là "bông búp" theo miền Nam, hay "dâm bụt" theo miền Bắc đều được; nhưng viết là "râm bụt" thì hỏng to!

Tên đúng của loài hoa này không phải là "dâm bụt", "râm bụt" hay "bông búp" là là: *dâu bụt*. *Dâu* đây là cây dâu, lá dâu; là bụt là phật.

Hai tiếng *dâu bụt* có xuất-xứ từ chữ *phật tang* (tang: cây dâu). 佛桑

Để chỉ cây dâu bụt, người

Trung-hoa còn có các tên khác, ngoài phật tang, là: phù-tang 扶桑, mẽ đồng 米槿, xích-đồng 赤槿 và bạch cập 白笈.

2. Tác-giả bài thơ là Trần Huyền Trân, không phải Nguyễn Bính.

Riêng câu "Hình dung một thoáng tương-tư ngập lòng" nằm trong bài *Tương-tư*, ông nhớ lẫn vào bài *Mười năm*. Câu "Gió mưa tóc bạc đã nhiều", chính ra là "Gió mưa tóc cụ đã nhiều" trong bài *Với Tản Đà*, không phải trong bài *Mười năm*.

Trọn bài thơ như sau:

MƯỜI NĂM

Biết nhau từ thuở đại khờ
Giờ đây cát bụi đã mờ mắt trong
Nhánh hồng em chiết bên song
Đã mười xuân rụng mười bông hoa cười
Con chim bạc má già rồi
Mỏ vàng đã nhạt hết lời thơ xanh
Còn gì nữa ở lầu gianh
Ở lòng em, ở lòng anh còn gì
Tương-phùng là để biệt ly
Biệt ly là một lòng đi qua lòng
Giờ thuyền em đã sang sông
Anh nhìn khói sóng mà trông mây dèo
Mười năm mới hiểu tình yêu
Một nguồn hương nhẹ mấy chiều gió đưa.

Trần Huyền Trân

ghi thêm

Đọc phần trả lời câu hỏi của ông Lê Văn An (Montréal) trên số 99, tôi có mấy nhận-xét sau xin trình-bày, để nếu được, xin cho bổ-túc.

1. Về nhóm chữ "quí liệt vị":

Theo thiên ý, phải nói là *liệt quí vị* (thay vì *quí liệt vị*) mới đúng ngữ-pháp Trung-hoa.

Liệt là hình-dung-từ chỉ-số (số từ), thuộc phân nhóm khái-số (số phỏng chừng) được dùng làm định-ngữ để hình-dung danh-từ vị.

Quí là hình-dung-từ miêu-tả.

Giống như ngữ-pháp Anh, hình-dung-từ chỉ-số Hoa-ngữ bao giờ cũng đi trước hình-dung-từ miêu-tả: *liệt quí vị*.

2. Để trả lời câu hỏi về thủ-đo Trung-quốc (Bắc-kinh hay Bắc-bình?), quí báo chỉ nói là Bắc-kinh theo âm quan-thoại Beijing, nhưng không nói gì về Bắc-bình.

Phần đất nay là Bắc-kinh mang nhiều tên khác nhau.

Khoảng thế-kỷ thứ 12 trước công-nguyên, nó chỉ là một thành-phố nhỏ không quan-trọng thuộc nước Tề, sau trở thành kinh-đô nước Yên (723-221 trước công-nguyên), trước khi bị Tần Thủy-hoàng-đế (221-209 trước công-nguyên) phá tan.

Tuy các triều-đại sau đã mở-mang thành-phố này, nhưng chỉ bắt đầu từ nhà Kim (1115-1234), nó mới trở thành một trong những kinh-đô của Trung-quốc. Nhà Kim gọi thành-phố này là Trung-đô.

Nhà Nguyên (1280-1368) đổi tên là Yên-kinh hay U-kinh.

Năm 1368, khi Chu-nguyên-Chương lên ngôi hoàng-đế, sáng-lập ra nhà Minh (1368-1644) và đóng đô ở Nam-kinh thì Yên-kinh đổi tên thành Bắc-bình.

Năm 1421, vua Minh Vĩnh-lạc (1403-1425) dời đô lên Bắc-bình và cải tên thành Bắc-kinh.

Tên này được giữ mãi cho đến năm 1928, chính-phủ Trung-hoa Dân-quốc lại đổi tên Bắc-kinh trở lại Bắc-bình, và cứ gọi như vậy cho tới ngày nay, mặc dù từ ngày chiếm Hoa-lục, 1.10.1949, chính-phủ Trung-hoa Nhân-dân Cộng-hòa-quốc (Trung Cộng) lại gọi Bắc-bình là Bắc-kinh.

Thành ra hiện nay thành-phố này mang hai tên:

- Bắc-kinh, theo Trung Cộng và quốc-tế.

- Bắc-bình, theo Trung-hoa Dân-quốc (Đài-loan).

Tạ Quốc Tuấn

Dallas, Hoa-kỳ



nhắn tin tị-nạn

GIÁ BIỂU: 15 mỹ-kim (20 gia-kim) mỗi mẫu nhắn tin không quá 50 chữ; có ảnh giá gấp đôi.

Miễn-phí cho đồng-bào tại các trại tị-nạn.

Tìm bạn ĐẶNG THỊ LỆ THUỶ trước ở Ngũ Phúc, Hồ-nai 3, vượt biên năm 1990, nay ở đâu, xin liên-lạc về: NGUYỄN HƯƠNG NAM, Friedrich Ebert Str. 14, 7180 Crailsheim, Germany. Quí vị nào biết xin chỉ giùm, đa tạ.

LÊ THỊ THU CÚC, con của cố GS Lê Tá, Trung-học Mạc Đình Chi, nghe nói hiện ở Olympia, tiểu-bang Washington, Hoa-kỳ, xin liên-lạc về TRẦN THANH NHÂN, 229 Collingwood Dr., Bristol, TN 37620, điện-thoại: (615) 968-4115 hoặc (615) 968-3512, ai biết xin chỉ giùm. Mong.

Tìm ông là NGUYỄN VĂN LỮU, con ông Nguyễn Văn Lưu, có con trai là Nguyễn Văn Phương, con gái là Nguyễn Thị Oanh, trước 1980 ở quận I Sài-gòn. xin liên-lạc với cháu là TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG, số 54580, Hut 11-B, Whitehead Detention Camp, Section 7, Shatin, Hongkong.

NHẮN TIN RIÊNG:

Chú SƠN tức BA TÀI, thợ nấu, người thân ở tàu FUNKRUZ FUNLINE nhắn tin chú tới nhận việc. Liên-lạc: 150 153rd Ave., Madeira Beach, Florida, ĐT: (813) 393-2885.

MUA BÁO DÀI HẠN

nhANH . rẻ . nhiều quyền-lợi khác

Độc-giả mua báo dài hạn nhận báo gửi về tận nhà, được bớt 10% khi mua sách do *Làng Văn* phát-hành.

Xin điền phiếu mua báo, gửi kèm ngân, chi hoặc bưu-phiếu về tòa-soạn

Độc-giả tại Gia-nã-đại, Hoa-kỳ và Anh-quốc có thể trả bằng chi-phiếu (cheque/check).

Độc-giả tại các nước khác xin trả bằng bưu-phiếu (postal money-order/mandat) mua tại bưu-điện, hoặc ngân-phiếu (money-order) mua tại ngân-hàng. Cũng có thể trả bằng chi-phiếu, theo giá tiền địa-phương, cho đại-điện của *Làng Văn* tại quốc-gia bạn đang cư-trú (xem danh-sách và giá tiền bên dưới).

GIÁ BÁO DÀI HẠN

(1 năm 12 số, kể cả báo Xuân)

Báo gửi trong nội-địa Gia-nã-đại:..... 50 gia-kim (cả thuế)

Gửi đi Hoa-kỳ:.....đường bộ: 50 mỹ-kim (65 GK)

đường hàng không: 70 mỹ-kim (91 GK)

Các nước khác:.....đường thủy: 50 mỹ-kim (65 GK)

đường hàng-không: 80 mỹ-kim (104 GK)

Ghi-chú:

- Gia-kim: CA\$ (tiền Gia-nã-đại); mỹ-kim: US\$: (tiền Mỹ)
- Nếu trả bằng chi-phiếu / tiền địa-phương, xin theo giá sau:
 tại Đức: đường thủy 95 đức mã / hàng không 150 đức mã.
 Hòa-lan: đường thủy 105 gulden / hàng-không 170 gulden.
 Na-uy: đường thủy 400 krone / hàng-không 620 krone.
 Anh: đường thủy 40 anh-kim / hàng-không 65 anh-kim.
 Pháp: đường thủy 300 quan / hàng-không 500 quan.
 Úc: đường thủy 85 úc-kim / hàng-không 140 úc kim.
 Nhật-bản: đường thủy 7500 yen / hàng-không 12000 yen
- Chi-phiếu đề và gửi về các địa-chỉ đại-điện *Làng Văn* địa-phương:

Pháp:

Hội *Làng Văn*
 (Bách Thái Hà)
 7 B-1 rue de Rethondes
 95100 Argenteuil
 (Điện-thoại: 34-10-26-46)
Đức:
 Ngõ Việt Dũng
 Postfach 104122
 4600 Dortmund 1
 (ĐT: 656-949)

Hòa-lan:

Hồ Thị Chiến
 Lijister 77
 1628 Am-Hoom-NH
 (ĐT: 290-31666)

Anh:

Hoài Châu
 19 Abdale Rd., London W12 7ER

Na-uy:

Dương Kim
 Kalbakkvn 17
 0953 Oslo 9
 (ĐT: 216-5607)

Úc-đại-lợi:

P.O. Box 198, Lakemba, NSW 2195
 (ĐT: 758-2331)

Nhật-bản:

Đỗ Thông Minh
 T 140 Tokyo-To, Shinagawa-Ku
 Yashio 5-12-69-115
 (ĐT: 799-1763)

Quý vị sẽ nhận được số báo đầu-tiên trong vòng 4 tuần (nếu mua báo gửi bằng máy bay) hoặc 10 tuần (nếu mua báo gửi bằng đường thủy) sau ngày đặt mua. Sau thời-hạn này, nếu chưa nhận được, xin thông-báo cho tòa-soạn biết để xem lại.

Mỗi độc-giả sẽ có một mã-số riêng, in ở hàng đầu trên nhãn địa-chỉ của bạn ngoài phong-bì gửi báo. Xin vui lòng cắt nhãn này để dành. Khi cần giao-dịch với tòa-soạn (khiếu-nại, mua sách, gia-hạn báo, đổi địa-chỉ, v.v.), xin gửi kèm mã-số để tránh nhầm lẫn. Mã-số này gồm ba nhóm số và chữ. Nhóm thứ nhất là mã-số riêng, không bao giờ thay-đổi. Nhóm thứ hai là hạn báo của quý vị, ghi số báo chót sẽ nhận được. Nhóm chữ cuối cùng (nếu có), là cách gửi báo (máy bay, đường bộ,...).

Quý độc-giả mới, hoặc vừa tái hạn, trong vòng 90 ngày, xin vui lòng kiểm-soát lại nhóm số thứ hai (hạn báo). Nếu thấy không đúng với con số do quý vị tính, xin thông-báo ngay cho tòa-soạn.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ, tên đệm, tên:.....

Địa chỉ:.....

mua:.....năm; từ số:.....; kèm chi-phiếu:.....\$

Ngân, chi-phiếu xin đề và gửi về:

Làng Văn

P.O. Box 310, Station "W", Toronto, Ontario M6M 5B9, Canada

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi muốn mua.....năm báo, kể từ số:.....

để tặng cho:.....

Địa-chỉ:.....

kèm theo ngân, chi-phiếu:.....\$

PHIẾU ĐỔI ĐỊA-CHỈ:

Họ tên và mã-số độc-giả:.....

Địa-chỉ cũ:.....

Địa-chỉ mới:.....

Nếu không muốn cắt trang báo, xin chụp lại mẫu này, hoặc cắt nhãn địa-chỉ cũ, gửi kèm theo địa-chỉ mới về tòa-soạn

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO, CHIA BUỒN, CHÚC MỪNG, BỐ-CÁO VIỆC RIÊNG,..

● *Chỉ đăng trên ấn-bản Toronto:*

bìa sau (2 màu):400 gia-kim
 bìa trong, (trước hoặc sau).....300 gia-kim
 trang trong:100 gia-kim
 nửa trang:60 gia-kim
 1/4 trang:40 gia-kim
 1/8 trang:25 gia-kim

DẶNG DÀI HẠN TỪ 3 KỲ TRỞ LÊN, ĐƯỢC HƯỞNG GIÁ ĐẶC-BIỆT

● *Ấn-bản toàn quốc Gia-nã-đại và quốc-tế:*

Nguyên trang trong:200 mỹ-kim (260 gia-kim)
 Nửa trang:110 mỹ-kim (143 gia-kim)
 1/4 trang:60 mỹ-kim (78 gia-kim)
 1/8 trang:40 mỹ-kim (52 gia-kim)

độc-giả dài hạn được bớt 10% khi đăng cáo-phố, chúc mừng, chia buồn.

thư đi tin lại

● Nguyên Hương phụ-trách



Anh chị NGUYỄN QUỐC TRỤ, Thái Lan — Chúc mừng anh chị về vụ *bằng hồ đề danh*. Vẫn giữ kỹ bản thảo *Lưu đầy và quê nhà*. Đang vận động cho LHV. Mong sẽ làm được ít nhiều. Kính.

Thi sĩ NGUYỄN HUY PHƯỚC, NJ — Đã nhận được tiền báo đợt đầu, cảm ơn ông tiếp tay phổ biến. Đã nhận tài liệu cho cuốn *album "who is who"* của làng. Chúc ông năm mới khương ninh, gia đình chóng đoàn tụ.

Anh TẠ ĐÌNH HẢI, Hương Cảng — Đã nhận được thư ngày 10.12 của anh, gửi từ Hương Cảng, sau khi bị áp giải trở về trại. Được tin một trong số ba anh thoát được vào Paris, vừa mừng vừa lo. Rồi anh ta sẽ sinh sống bằng cách nào? Có tìm được tới cộng đồng Việt Nam để xin giúp đỡ không? Với khả năng thích nghi của một thanh niên lớn lên trong luyện ngục, NH tin rằng anh ta sẽ sống được, trong cuộc sống bấp-bênh của hàng chục ngàn di dân bất hợp pháp từ khắp mọi nơi tới. Xin chúc mừng, dù chỉ là thoát cũi xổ lông để bay vào bầu trời đông-bão!

Còn anh, về lại Hương Cảng đã gặp mặt vợ con chưa?

NH đã chuyển hồ sơ của anh tới cơ quan trợ giúp pháp lý cho thuyền nhân, trụ sở Hoa Kỳ. Mong họ sẽ làm được một điều gì đó cho anh. Xin bảo trọng.

Thi sĩ HOÀI VIỆT, Hương Cảng — Đã nhận được ảnh, cảm ơn anh.

Năm mới, kính chúc anh may mắn hơn năm cũ. Đã ghi danh anh vào "sổ đình" theo ý nguyện. Đồng ý sẽ ghi thêm tên thật của anh, Lại Văn Hạnh, bên cạnh bút danh Hoài Việt để khỏi nhầm với thi sĩ Hoài Việt Nguyễn Văn Hương ở Paris. Mong hai ông Hoài Việt sẽ có dịp quen nhau. Đã gửi ba lần báo về địa chỉ ngoài trại anh cho. Có thể sắp tới tay anh. Cho NH gửi lời thăm hỏi các bạn thơ văn bên đó. Kính.

Thi sĩ MẬU BINH, Seattle — Đã nhận được *Thơ đen* và đĩa bài. Đã in ra, đọc và tìm thị trường cho sư huynh, có kết quả sẽ báo cáo ngay. Kính.

Ông THANH HỮU HUYỀN (Thành?) — Đã nhận được hai cái thư, bốn bài thơ. Thơ đăng không có nhuận bút. Tòa soạn gửi biểu tác giả một tờ báo có đăng bài, theo địa chỉ đi kèm. Giá báo mới (sang Hoa Kỳ, đường bộ): 50 mỹ-kim một năm 12 số. Kính.

BS N.T. KỲ, Paris — Ông gửi thư bằng tiếng Việt, đủ rồi. Độc giả Làng Văn trải rộng trên toàn cầu, lấy tiếng Việt làm "vốn liếng" chung, ngoài ra thì...ngôn ngữ bất đồng, người nói tiếng Hòa Lan, người Na Uy, người Nhật Bản, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Áo, Ý, Đức,... đủ hết! Số độc giả thông thạo Anh, Pháp có phần đông hơn, nhưng không đủ để tòa soạn mở mục sáng tác bằng ngoại văn. Kính.

Ông PHAN THUẬN, Hương Cảng — Tòa soạn sẽ gửi báo theo địa chỉ ông cho, mong nhận được. Đã nhận được các bài thơ. Xin tiếp

tục. Kính.

THANH HẢI, Úc Châu — Cảm ơn đã gửi thơ. Bài thơ thật sướt mướt náo lòng, như mưa dầm ở Queensland, dâng lên các đấng tu mi mềm lòng... đi tu hết thì khổ to! Thân.

Ông VÂN TỬ, San Jose — Cảm ơn ông về các bài thơ. Tiếc là chưa lấy được bài nào, xin tiếp tục. Kính.

Thân hữu của ông THI VŨ — Bút hiệu Thi Vũ trùng với bút hiệu của ông VVA, báo *Quê mẹ*. Có nên giữ nguyên như vậy chăng? Tác giả hiện giờ ở đâu, sao lại phải nhờ ông chuyển bài? Ít nhất, cũng xin gửi cho tòa soạn vài dòng của tác giả xác nhận ủy quyền cho người chuyển, kèm địa chỉ để trung gian liên lạc. Kính.

LÂM THÚY, Maryland — Cảm ơn sự quan tâm đặc biệt của bạn. Giá báo cũ bằng giá báo mới. Khi báo mới lên giá, báo cũ tồn kho cũng lên giá theo. Muốn được giá hạ, bạn đọc có thể mua báo năm, tính ngược lại.

Thí dụ, độc giả mới, muốn mua từ số 1 tới số mới nhất (hiện là 101) và mua dài hạn tiếp theo. Theo giá hiện tại, 50 mỹ kim một năm, bạn đọc có thể gửi 500 mỹ kim để mua 10 năm báo đường bộ, từ số 1. Tòa soạn sẽ gửi ngay 101 số, và tiếp tục gửi hàng tháng cho tới số chót là 120, rồi sẽ nhắc tái hạn.

Bạn mới sang, mọi sự phải đi lại từ đầu, tòa soạn xin gửi biểu bạn 6 tháng báo. NH hứa "để dành" báo cũ cho bạn, chờ khi nào bạn ăn nên làm ra sẽ tính sau.

Nếu có dịp đi ngang Toronto, bạn gọi cho một tiếng. Sẽ uống với nhau một tách trà. Thân.

ĐÔNG VŨ, Santa Clara — Đã nhận được bài thơ anh chữa. Chúc anh tìm được thi hứng ở Thung-lũng hoa vàng. Thân.

Bạn CÚC VÀNG, Ba Tây — Mới đọc thư của bạn gửi từ Virginia tháng trước, tháng này đã nhận được thiệp Giáng-sinh từ Sáo

Paulo gửi về. Hay thật! Bay cứ như chim!

Cảm ơn bạn đã cho biết thêm chi tiết về vụ 3 thuyền nhân ấy. Tòa soạn cũng đã gửi ngân phiếu sang giúp, không nhận được phát hoàn.

Gửi tặng bạn một số báo xuân. Các bạn bên đó muốn mua báo, mà luật Ba Tây không cho chuyển tiền ra khỏi xứ, xin tính ra tiền địa phương, gửi cho bạn Cúc... Bay mang về Hoa-kỳ mà gửi. Giá một năm báo đường thủy gửi sang Ba Tây (đi mất 3 tuần): 50 mỹ kim; máy bay (1 tuần): 80 mỹ kim. Sẽ có quà văn nghệ cho bà mai.

Mong có dịp sang Ba Tây thăm cộng đồng Việt Nam bên đó và mua đồ da khuôn về. Thân.

EM BÉ BAY, Vĩnh Hằng Địa — Thay mặt các em Xóm Măng, cảm ơn Em Bé đã cho... ăn tết. Đồng ý về cái hợp đồng... Ba Lan; và cũng đồng ý là sẽ không hối thúc.

Đang chuẩn bị đón Em Bé sang đây ăn tết. Yên tâm. Từ nay về sau, khi gửi bài, Em Bé nhớ gửi kèm đĩa chữ về. Tòa soạn đang "đổi mới" kỹ thuật từ từ. Chán cái ông *Varityper* rồi! Chương trình cải cách càng tốn hơn, nhưng Bếp "phán": lâu lâu mới... cải một lần, cứ làm cho hết sức! Từ ngày bắt đầu "cải cách", ông mập ngồi chơi *games* nhiều hơn làm việc! Đồng ý và hoan hô vụ LHS. Làng có "đóng cửa" bao

giờ đâu mà "mở"! Hoan hô luôn vụ ô chữ PKT. Đúng là kiếp trước Em Bé "vay" của NH và Bếp Mập nhiều quá nên kiếp này trả mệt (không được) nghỉ. Cũng như vừa rồi bên này vay nợ Em Bé vậy, ...kiếp sau sẽ vui về kéo cày mà trả (đứng tim chưa?) Vụ sách TD, cho đọc bản thảo cái đã, rồi mới dám trả lời. Thân.

Anh HOÀNG LINH SƠN, Hương Cảng — Đã nhận được *Tư tưởng ếch*, đang đọc. Sang tới vùng đất tự do, tuy bản thân còn bị cầm giữ, nhưng mạch sáng tác đã khai thông, tư tưởng đã thoát khỏi bốn vuông rào hẹp, truyền đi khắp nơi, mong anh cảm thấy dễ chịu phần nào! Cảm ơn quý anh đã phát thanh các bài viết trên sách báo của làng. Chính phủ Hương Cảng không cho đọc báo thì ... nghe báo vậy! Kính.

Anh NGUYỄN VIỆT AN, Fresno — Không hề nhận được bốn bài anh nhắc trong thư. Anh dọn về Fresno từ bao giờ? Có mở trang trại không? Thân.

Anh NGUYỄN HỮU DŨNG, Hương Cảng — Từ tháng 12 vừa rồi, tòa soạn đã phải áp dụng lối gửi báo... thư sang trại Sungei Besi (Mã Lai), Sikiew (Thái Lan) và các trại ở Hương Cảng. Báo thư là báo cất vụn ra, gửi vào trại bằng phong bì

nhỏ dùng gửi thư, mỗi phong bì dán 92 xu tem gửi được 4 tờ, tức 8 trang báo. Y như báo gửi "chui" về nước CSVN! Lối gửi này rất tốn, cả công lẫn của, nhưng xem ra là cách nhanh nhất giúp các trại biết tin tức bên ngoài. Mong quý anh nhận được đủ, ráp lại với nhau mà đọc. Mong lắm!

Anh VI AN, Nhật Bản — Đã nhận được tiền báo, cảm ơn anh. Tiền Nhật cũng là tiền, nào ai dám chê! Chúc anh mọi sự hanh thông.

Họa sĩ PHẠM THẮNG, Calgary — Đã nhận được đầy đủ. Đã làm tròn mọi việc, kể cả việc hoàn lại các bức ảnh cắt trong báo xuân 30 năm trước! Chúc ông may mắn mọi điều trong hai chuyến công-tác Houston và Paris. Thân.

MAI QUÁCH, Vancouver — Khi cần đổi địa chỉ, nếu không nhớ mã số độc giả, tối thiểu cũng phải cho tòa soạn biết tên (cả họ), địa chỉ cũ và địa chỉ mới. Bạn viết thư than "mất báo" mà cả địa chỉ cũng hà tiện không ghi, tòa soạn biết giải quyết cách nào!

Xin lưu ý, khi đổi địa chỉ, nếu chỉ thông báo cho sở bưu điện thôi, chưa đủ. Bưu điện chỉ chuyển thư từ của bạn về địa chỉ mới trong một thời gian ngắn (thường là ba tháng). Hết hạn này, họ sẽ trả thư về cho người gửi hoặc (có nhiều nước) hủy đi. Bạn phải báo tin cho tất cả những người thường liên lạc với bạn qua bưu điện, kể cả Làng Văn, để sửa lại địa chỉ của bạn trong danh sách bưu tín.

Em NGUYỄN TỰ THÀNH, Sikiew — Rất buồn khi biết tin em có tên trong danh sách thông tin của trại là "có báo gửi tới" nhưng không được nhận. Buồn hơn nữa, là trong khi cấm sách báo của cộng đồng tị nạn hải ngoại, Cao ủy LHQ lại tốn rất nhiều tiền mua sách báo tuyên truyền của CSVN về trưng bày trong thư viện trại. Kỳ này *Làng Văn* đặt vấn đề với bà Tổng ủy Tị nạn, và các chính phủ tài trợ cho UNHCR, yêu cầu họ sử dụng đồng tiền cứu trợ một cách lương



Yêu Nhau, Xin Nhớ Tặng Quà Cho Nhau!

GIÁNG-SINH, NĂM MỚI, TẾT NGUYÊN ĐÁN,
TẶNG QUÀ GÌ THANH-LỊCH, TRANG-NHÃ NHẤT,
DÙNG ĐƯỢC TRỌN NĂM, GIỮ ĐƯỢC TRỌN ĐỜI?

— MỘT NĂM (12 SỐ) BÁO

làng văn

Chỉ cần điền và gửi phiếu tặng báo ở trang 136
tòa-soạn sẽ làm chu-toàn mọi việc cho quý vị

thiện hơn.

NGUYỄN THỊ THÚY, Sikiew — Cảm ơn bạn cho biết về trường hợp NTN. Thật chán! Cứ vài tháng lại khám phá ra một trường hợp gian dối như vậy, chả mấy chốc lòng nhân của mọi người mòn dần cho tới hết, chỉ khổ cho những người thành thật! Chúc bạn chóng lên đường định cư.

Thi sĩ TÔ GIANG, BC — Báo của ông tới số 110 mới hết (kể cả 1 năm báo tặng). NH sẽ xem lại hồ sơ. Kính.

PHAN THỊ VIỆT, Hoa Kỳ — Cảm ơn bạn đã góp tem tị nạn. Quỹ tem năm nay hơi nghèo, được sự giúp đỡ của bạn, thật quý!

Học giả THÁI VĂN KIỂM, Paris — Hoan hô ý kiến của bác về *Việt nam gấm vóc*. Xin khởi công. Kính.

Thi sĩ VIỆT PHƯƠNG, Dallas — Cảm ơn em về vụ Ngọc Hà, Hạnh Phước và thu tiền báo (có đủ bản không?) Gửi đĩa chữ cuốn sách của em qua để bên này lo từ từ. Thân.

Anh NGUYỄN HẢI BĂNG, Montréal — Cảm ơn đã góp tem. NH tôn trọng ý kiến của anh, mặc dù coi trọng tinh thần Lục Vân Tiên hơn, chỉ “dĩ hoà vi quý” khi cái *hòa* ấy thực sự *quý* và không làm hại ai. Hòa-hoãn và khiếp-nhược hoàn toàn khác nhau. Kiếp sau NH nếu đầu thai làm chính khách, sẽ xin kính cẩn theo các anh mà học nghề. Bây giờ làm dân, phải đáng nên dân vậy!

Cụ VŨ CÔNG ĐỊNH, WA — Đã nhận được “hai tô phở, cho ấm bụng” của cụ. Chẳng những *ấm bụng* mà còn *ấm lòng*. Xin đa tạ! Kính.

BÀ GIÀ TRẦU, Troyes — Đồng ý sẽ cho *Mẹ mong gả thiếp* đi chung với *Đêm xuân chị em thổ thổ* (nghe mà gai người!) Về bài *Tết này anh về*, bà già đã gả “nó” về làng thì nó cứ ở làng, không nên... lộn xộn!

Sẽ gửi thư về vụ sách. Thân.

LÊ THỊ LIÊN PHƯƠNG, Montréal — Cảm ơn bà về tem tị nạn. Đã điều chỉnh hạn báo. Kính.

BÍCH THỦY, Na Uy — Cảm ơn một chút kỷ niệm miền Tây của cô bé ngày xưa. Tiếp tục viết, nghe. Thân.

Ông NGUYỄN MẠNH HÙNG, MI — Chúc mừng ông và gia quyến đã ổn định nơi vùng đất mới. Gửi tặng ông số báo mới nhất. Thế là mua báo xin xem trang 124. Kính.

DƯƠNG VĨNH LỘC, Raleigh — Chúc cháu sớm tìm được bạn cũ.

Thi sĩ PHAN THỊNH, Monterey — Các ông “lại độc thân” khổ thật, cứ như kiến bò chảo nóng, chân Iowa, chân Long Beach mà thư về tòa soạn vẫn đóng dấu Monterey! Đang tìm *Chiều cuối năm*... trong hộp ra trình làng. Cảm ơn anh đã nhẫn nại chờ đủ hai năm mới nhắc. Đã ghi tên anh vào bảng phong thần. Vậy là từ nay khỏi... du-lịch Việt nam rồi đó nghe. Thân.

Anh NGUYỄN MINH KHÁNH, Sungei Beisi — Sẽ gửi gói quà văn nghệ của anh sang Úc theo yêu cầu. Đã nhận được truyện *Xứ mù*, sẽ đăng. Chúc vui, khỏe.

Thi sĩ ĐAN HÀ, Sikiew — Các tờ báo lọt vào trại được, đều nhờ bàn tay của nhân viên an ninh Thái. Xem lại hồ sơ, tòa soạn không hề gửi cho ông NQT. Chẳng hiểu ông ta có báo bằng cách nào. Đành tùy phúc phận vậy! Chúc anh may mắn.

DƯƠNG KIM, Na Uy — Từ tháng này, đã gửi báo bằng máy bay. Ít thôi, vì giá thành lên cao quá, mỗi tờ tới 8 mỹ kim! Bán hết cho biết, sẽ tặng thêm. Đã nhận được đĩa truyện mới. Thân.

Nhà văn XUÂN VŨ, TX — Làng Văn vẫn bay về nước đều đều, bằng tiền tem độc giả đóng góp “chuyển lửa”, cộng với tiền quà của các cháu và của... NH. Mong sáng tác mới của ông, Kính.

Ông ROBERT LÊ, TX — Cảm ơn ý kiến đóng góp của ông, rất quý. Kính.

Ông DƯƠNG PHƯỚC HIỆP, Saskatoon — Mừng ông đã thoát khỏi trại tù tị nạn, đến định cư tại quốc gia thực sự tự do. Rất chú ý tới những điều ông cho biết trong thư, về tình hình tị nạn, sách báo tại Mã Lai. NH không tránh né những biện pháp ông nêu ra. Chúc ông sớm ổn định, chúng ta còn nhiều việc phải làm, và có thể làm chung với nhau. Kính.

Ông VŨ NGỌC LONG, Đức — NH làm lạc mất địa chỉ của ông. Xin vui lòng liên lạc với tòa soạn. Kính.

Ông PHAN VĂN MINH, Pháp — Vừa nhận được *Nỗi buồn cô cút*, truyện và nhạc, đang đọc. Kính.

Ông GIANG TRUNG CHÁNH, Hương Cảng — Sẽ gửi báo theo địa chỉ ngoài trại ông cho. Mong sớm nhận được. Kính.

Nhạc sĩ PHẠM ANH DŨNG, CA — Chờ nghe đĩa nhạc của anh. Nghe ông bếp nghêu ngao, thấy được lắm. Sẽ giới thiệu giúp anh.

Ông NGUYỄN VĂN TIÊN, Round Rock — Đang xem lại bản đồ, xem Round Rock gần Houston hay Dallas để báo cho người đại diện của tòa soạn trong vùng của ông tới tiếp xúc. Chúc ông làm ăn phát đạt.

LM NGUYỄN TRỌNG, Bataan — Sẽ gửi thường xuyên cho linh mục theo yêu cầu. Kính.

Cụ LUƠNG DUYÊN NAM, Cali — Mong được xem băng *video* hướng dẫn cách làm con rối của cụ. Kính.

Ông ĐẶNG ĐỨC THIỆP, AZ — Đã nhận được sáng tác. Xin tiếp tục gửi trong khi chờ tòa soạn đọc. Kính.

THẾ LINH, Montréal — Đã nhận được truyện mới, cảm ơn

ông. Sẽ cố thu xếp để *Hai ông cháu chuội* trình làng trong thời gian gần nhất. Chúc ông viết lại đều, sau khi đã ổn định đời sống. Kính.

Ông PHAN LONG YÊN, CA — Đã nhận được phần bài bổ túc, và chỉ phiếu tái hạn, cảm ơn ông.

Nhà văn AN KHÊ, Pháp — Cảm ơn lão sư ca về bài viết mới. Đã sắp xếp để Phạm họa sĩ mang *Từ Khám* lớn tới *Côn đảo* sang Paris cho lão sư ca ra mắt luôn sau Tết. Kính.

Thi sĩ TRẦN VĂN LỆ, Cali — Cảm ơn loạt bài mới. Thi sĩ làm thơ nhanh hơn máy, báo in không kịp. Nếu ông đồ nọ không phải ông đồ kia thì thôi. Coi như mụ NH đa nghi vô lối. Chúc ông bình tâm mà làm thơ. Thân.

Ông JACQUES POTIER, Lyon — Xem thư, đọc thơ, nhạc, thấy ông... Việt Nam quá sức, mà cái tên lại không có chút dấu vết... Mít nào. Này, ông Tây! Ông Tây thật hay Tây... ta? Tò mò chút thôi. Đang đọc các bài của ông. Đa tạ.

Ông LÝ HUỲNH BÁ, Đức — Ông xem lại trái phiếu màu xanh lục gửi kèm trong gói sách, ghi rõ các cuốn tạm hết. Xin giữ trái phiếu để dùng trong lần mua sách kế; hoặc cần lấy lại tiền, xin gửi cho đại diện tòa soạn Làng Văn tại Đức để đổi lấy chỉ phiếu.

PHAN NHU NGHĨA, Thái Lan — Gói báo 3 tờ giống nhau em nhận được, chuyển cho nhiều người khác đọc, là đúng ý NH đấy. Em ...may hơn nhiều người, nhận và phân phối báo hộ cho đồng bào vậy. Sẽ gửi báo cho BDH và trường COERR. Cảm ơn em theo dõi tình hình nhận báo bên đó và báo cáo liên để kịp điều chỉnh. Thân.

Ông "GÃ TƯ MÃ", Đan Mạch — Đã nhận được thư và thơ. Cảm ơn ông. Có tranh ưng ý, xin gửi ảnh về, biết đâu cả làng được nhờ. Kính.

NGUYỄN THỊ ÁNH NGUYỆT, Na-uy — Thơ chưa được. Mong sẽ

được đọc những bài khác. Cố lên!

Anh NGUYỄN VĂN THÔNG, Hoa Kỳ — Vẫn đang sửa sang "tổ" mới, giữa tháng 3 mới dọn xong. Địa chỉ hộp thư cũ vẫn còn dùng cho tới tháng 1 năm sau, 1994. Hộp thư mới đã dùng được. Số điện thoại cũ còn dùng cho tới 15 tháng 3. Số mới hiệu-lực từ 15 tháng 2. Nhiều thứ lỉnh kỉnh quá, anh nhỉ! Đó chỉ mới đựng tới hai món bưu điện và điện thoại. Còn ba mươi lăm tấn sách báo, tài liệu và năm tấn máy móc, dụng cụ phải khuân đi! Hi vọng trong nửa đời còn lại, NH chỉ phải dọn tòa soạn một lần nữa thôi, đó là lần dọn tòa soạn về Việt Nam tự do.

Cảm ơn anh về các bài mới. Sẽ đăng, và xin gửi cho số điện thoại để tiện liên lạc. Thân.

Thi sĩ TRẦN NGÂN TIÊU, Florida — Sẽ gửi anh một "tiểu đội" *Chiến sĩ tự do* để tùy nghi. Chúc anh năm mới vạn sự mới.

HOÀNG DU THUY, Edmonton — Mới cuốn thứ hai, đã nói gở là cuốn chót, sao bi quan thế? Kê "cực đoan, quá khích" nào dám cản ngăn nhà văn "tự do" sáng tác vậy? Cảm ơn về cuốn sách và lời chúc. Thân.

BÀI NHẬN ĐƯỢC

Văn: An Khê, Nguyễn Văn Thông (2), Ngọc Thoại, Nguyễn Việt An (3), Nguyễn Trọng Đức, Khổng Trọng Hình, Huỳnh Văn Phú, Đặng Văn Nhâm, T. Linh Hồ, Nguyễn Thi, Hoàng Hoa Khôi, Huy Tử Tô Tấn Tài, Trung Nhân (2), Nguyễn Phan Thanh Tùng, Phạm Quân Khanh, Trần Văn Tích, Việt Chi Nguyễn Hữu Quang, Bảo Chấn, Phạm Thị Thanh Bách, Duong Kim (3), Thuần Nguyễn, Thi Vũ, Trần Quang Hải, Hoàng Linh Sơn (2).

Thơ: Vân Tử (5), Thanh Hải (2), Phan Thuận (3), N.T. Ky, Thanh Hữu Huyền (3), Tưởng Dung,

Nguyễn Đức Bạt Ngàn, Lãm Thúy (5), Thúy Sơn (2), Kinh Tân (2), Bảo Trân, Trần Ngân Tiêu, Vạn Giã, Việt Phương, Kiềm Thêm (2), Tô Giang, Đông Vũ (7), Gã Tư Mã (3), Thụy Ý (3), Ánh Nguyệt, Ngô Nguyên Dũng, Cao Xuân Tứ, Phan Thịnh (2), Ngữ An, Trung Nhân (2), Nguyễn Khanh, Tuệ Nga (3), Hà Huyền Chi, (2), Ngọc Thoại, Trần Văn Lệ (11), J. Potier, Nguyễn Thanh Giản (2), Nguyễn Dũng (4), Đào Văn Dân (3), Nguyễn Văn Thanh (3), Hoài Việt (4), Lưu Hữu Vân, Phạm Quân Khanh (5), Hoàng Linh Sơn (3).

Nhạc: Phạm Anh Dũng, Trần Thanh Sơn & Jacques Potier (2).

Tranh: Ba Bui, Lưu Hữu Vân, Thạc Viên.

BÀI SẼ ĐĂNG

Văn: Hội An (TN), Trương tôi (NT), Giặc VC (TVT), Vườn cảnh VN (KTH), Người đi rao giảng, Những đóa hoa trên đồi (NVT), Hoài mộ Ký Thân... (AK), Về một bức tường (HVP), Làm thế nào... (ĐVN), Những kẻ vô tổ quốc... (TN), Tư tưởng... ếch (HLS), Chiến để tể (DK).

Thơ: Con đường xưa, (ND), Nụ cười đem tặng (THH), Mật đa đoan (PQK), Không đề (HV), Blue November, Mè muối (HHC), Hành Trang, Thơ xanh màu nhớ, Lá thu (TN), Ta chẳng còn gì (NK), Lũ chúng ta (TN), Về thôi, Vô tình (LT), Bài thơ cho bạn bè... (NA), Hàng sầu đông, Thành nội (PT), Trở về Huế (CXT), Ngợi ca thời tiết (NND), Vĩnh biệt tình yêu, Cảm ơn những ước vọng, Chợt nhớ hôm nay là sinh nhật (TY), Biển (GTM), Em quê hương và điệu dân ca (TG), Thế cũng xong, Xuân cảm, Đêm trắng ngồi mộng, Tâm sự, Mơ màng, Quanh đời (ĐV), Tiểu bích (NĐBN), Xuân đi chưa lại (LT), Xuân lai, Xuân Quý Dậu (TS), Xuân thiên, Xuân tứ (KT), Khai bút đầu năm (BT), Gửi một chùm hoa bông cải, Những búp non đã

mọc đầu mùa (KT), Lời cho ngày cuối năm (VG), Xuân nhớ bạn (TNT), Xuân trắng (VP), Uống say tỉnh lại, Cảm ơn thơ mai (TVL).

Nhạc: Biển gọi (PAD).

Tranh: Ba Bui.

THIỆP GIÁNG-SINH NHẬN ĐƯỢC

Kể tới 22.12.92, ngày báo lên khuôn, tòa-soạn nhận được các thiệp chúc mừng nhân dịp lễ Giáng-sinh, kể sau. Xin chân-thành cảm ơn, kính chúc quý vị một kỳ lễ yên-vui, hạnh-phúc trong ơn lành:

Cúc Vàng, và cộng-đồng người Việt tị-nạn tại São Paulo, Ba-tây; Ông bà Trần Văn Thuận và gia-đình, Montréal, Gia-nã-đại; Weller Publishing Co., Toronto, Gia-nã-

đại; Ông bà Lê Ngọc Minh, Santa Clara, Hoa-kỳ; Thi-sĩ Thúy Sơn, San Jose, Hoa-kỳ; Ông bà Ngô Văn Mạnh, Paris, Pháp; Cô Hoàng Diệu Thy, Mississauga, Gia-nã-đại; Master Web., Mississauga, Gia-nã-đại; Cô Trịnh Ngọc Sương, Hamilton, Gia-nã-đại; Nhà văn Vũ Đình Kh., BC, Gia-nã-đại; Ông Trần Văn Tiên, Calgary, Gia-nã-đại; Bà Lê Thị Định và gia-đình, Nouvelle Calédonie; Ông Trần Văn Đáo và Cộng-đồng Việt-nam Mississauga, Gia-nã-đại; Cô Hoàng Ngọc An, Washington DC, Hoa-kỳ; Thi-sĩ Vạn Giả, Montréal, Gia-nã-đại; Ông bà Nguyễn Văn Cồn, Houston, Hoa-kỳ; Ông Trương Hân, Seattle, Hoa-kỳ; Nguyễn Khanh và gia-đình, Oslo, Na-uy; Ông Ngô Văn Kha, Oregon, Hoa-kỳ; Ông bà Võ Thanh Long, Hương-cảng; Ông bà Lê Văn Thắm, NSW, Úc-đại-lợi; Thi-sĩ Hoàng Chính và gia-đình,

Kitchener, Gia-nã-đại; Ông Hoàng Văn Thiện, Los Angeles, Hoa-kỳ; Cô Nguyễn Giang Tuyết, Copenhagen, Đan-mạch; Thi-sĩ Nguyễn Hoài Nam và gia-đình, Virginia, Hoa-kỳ; Ông bà Trương Thọ, Troyes, Pháp; LS Michael F. Faber và gia-đình, Sacramento, Hoa-kỳ; Ông Lê Văn Định, Berlin, Đức; Ông bà Đoàn Chính và gia-đình, Montréal, Gia-nã-đại; Ông bà Nguyễn Thiện Đạo, Madrid, Tây-ban-nha; Nhà văn Bảo Chấn, California, Hoa-kỳ; Cô Hoàng Thi Hiền, Melbourne, Úc-đại-lợi; Nhà văn Đông Nghi, Montréal, Gia-nã-đại; Ông Lê Văn Thiện, Amsterdam, Hòa-lan; Thi-sĩ Phan Thịnh và các con, Monterey, Hoa-kỳ; Ông bà Thân-trọng Kính, Wellington, Tân Tây-lan; Thi-sĩ Phương Hồ và Tuệ Nga, Oregon, Hoa-kỳ; Cô Lê Xuyên, Geneva, Thụy-sĩ; Ông bà Nguyễn Văn Liêu và gia-đình, Toronto, Gia-nã-đại;

CHÚC MỪNG

Nhận được hồng thiệp của Ông Bà PHÙNG QUỐC ĐIỀN (Longueuil, Québec), báo tin làm lễ vu-quì cho ái-nữ là

Cô PHÙNG NGUYỆT CHUÔNG

đẹp duyên cùng

Cậu PHẠM TẤN DŨNG

trưởng nam của Ông Bà PHẠM CHẤN CUỒNG (Wichita, Kansas, Hoa-kỳ), Hôn-lễ cử-hành ngày 10 tháng 1 năm 1993 tại thánh đường St. Joseph's Catholic Church, Beltsville, Maryland.

Xin chúc mừng anh chị Diên cùng hai họ; chúc hai cháu DŨNG - CHUÔNG trăm năm hạnh-phúc.

ÔB Nguyễn Tấn Khang
ÔB Thành Quang Lân
ÔB Khưu Phước Lộc
ÔB Dương Hồng Lương

ÔB Ngô Văn Mai
ÔB Bùi Thế Phụng
ÔB Lê Đại Quang
ÔB Mạc Văn Trọng

Phạm Ca và gia-đình, Ottawa, Gia-nã-đại; Ông bà Phạm Duán, Puerto Rico; BS Nguyễn Tấn Hồng và gia-đình, Montréal, Gia-nã-đại; Advance Mail, Toronto, Gia-nã-đại; Cô Lê Ngọc Hà, Honolulu, Hoa-kỳ; Cô Lý Cẩm Năng, New Jersey, Hoa-kỳ; Ông bà Lý Văn Minh, Albuquerque, Hoa-kỳ; Hội Người Việt Toronto, Gia-nã-đại; Ông bà An Hưng và gia-đình, Đông-kinh, Nhật-bản; Thi-sĩ Nguyễn Văn Ngọc, Connecticut, Hoa-kỳ; Ông bà Ngô Tịnh, London, Anh-quốc; Tokyo Auto Collision Inc., Toronto, Gia-nã-đại; Ông Hoàng Văn Tuấn, Winnipeg, Gia-nã-đại; Ông bà Lê Nguyên và gia-đình, North-West Territories (Bắc-cực), Gia-nã-đại; GS Vũ Ngọc Đĩnh và gia-đình, San Diego, Hoa-kỳ; Ông bà Nguyễn Ngọc Hà, Sungei Besi, Mã-lai; Bà Uông Hồng Nhung, Texas, Hoa-kỳ; Cô Hà Thị Định,

Manila, Phi-luật-tân; Ông Võ Thừa, San Jose, Hoa-kỳ; Ông Phan Đức Trọng, Montréal, Gia-nã-đại; Bà Nguyễn thị Hoa Nguyên, Brisbane, Úc-đại-lợi; Bà Huỳnh thị Kim Anh, Minnesota, Hoa-kỳ; Cô Lý Thị Anh, Perth, Úc-đại-lợi; Soeur Christine Trương Mỹ Hạnh, Atlanta, Hoa-kỳ; Ông bà Đào Đức Ngoan, Bruxelles, Bỉ; Soeur Pascale Lê Thị Triu, Manila, Phi-luật-tân; Bà Hoàng Thị Nguyệt Hồng, Marseille, Pháp; Thi-sĩ Lê Dã Sử, Helsinki, Phần-lan; Cô Lê Thị Ngoan, Praha, Tiệp-khắc; Thi-sĩ Cao Tiêu, California, Hoa-kỳ; Cô Đào Thị Hiếu, Nữu-ước, Hoa-kỳ; Thi-sĩ Trần Ngân Tiêu, Florida, Hoa-kỳ; Ông Vương Văn Bằng, Mạc-tư-khoa, Nga; Cô Lê thị Kim Cúc, Panat Nikhom, Thái-lan; Ông ĐĐT, Sài-gòn, Việt-nam; Thi-sĩ Đắc Trung, Reading, Hoa-kỳ; Ông bà Lê Văn Thiện, Saskatoon, Gia-nã-đại; Ông bà

Tăng Phước, Bá-linh, Đức; Cô Lê Hồng Hà, Bá-linh, Đức; Ông Nguyễn Công Chính và bút nhóm Nguồn Sống, Whitehead, Hương-cảng; Thi-sĩ Nguyễn Đức Tùng, Alberta, Gia-nã-đại; Ông bà Lê Văn Hên, California, Hoa-kỳ; Cô Marie Kim Nguyễn, Strasbourg, Pháp; Học-giả Mai Liệu và trưởng Trần Bạch Bích, Fresno, Hoa-kỳ; Ông bà Lê Văn Thơm, San Francisco, Hoa-kỳ; Bà Nguyễn Thị Thùy, trại Sikiew, Thái-lan; Thi-sĩ Việt Phương, Dalls, Hoa-kỳ; Bà Lê Ngọc Hà, Paris, Pháp; Nhạc-sĩ Nguyễn Quyết Thắng và gia-đình, Hoorn, Hòa-lan; Cô Nguyễn Lê Giang, Oslo, Na-uy; Ông Phạm Gia Hùng, Hoa-kỳ; Nhà văn Vũ Nam, Đức; Cô Phan thị Lệ Thanh, Sarcelle, Pháp; Cẩm Hà (Dương Li Hương), Québec, Gia-nã-đại; Phương Nghi, Santa Clara, Hoa-kỳ.

(còn tiếp)

PHÂN ƯU

Được tin thân-mẫu BS NGUYỄN QUANG THÀNH,

Cụ Bà NGUYỄN ĐẮC PHƯỚC
khê-danh MARIA LÊ THỊ KIÊM

đã tạ-thế ngày 4 tháng 12 năm 1992 tại Sài-gòn, hưởng-thọ 81 tuổi,

Xin chia buồn cùng anh chị NGUYỄN QUANG THÀNH và tang-quyển. Cầu chúc hương hồn Cụ Bà sớm về nước Chúa.

ÔB Thân-trọng An
ÔB Nguyễn Thanh Bình
ÔB Nguyễn Văn Cường
ÔB Trần Văn Dũng

ÔB Ngô Vi Dương
ÔB Nguyễn Trùng Khánh
ÔB Trần Mộng Lâm
ÔB Phạm Hữu Trác
ÔB Mạc Văn Trọng

CÁO-PHÓ

Chúng tôi đau-đớn báo tin cùng thân-bằng quyến-thuộc xa gần, chồng, cha, ông và cố của chúng tôi là

Cụ TRƯỞNG QUANG PHƯƠNG

nguyên Trưởng-ty Tiểu-học Thừa-thiên

đã từ-trần ngày 2 tháng 12 năm 1992 tại Huế, hưởng thọ 83 tuổi.

TANG-GIA ĐỒNG KHẮP BÁO:

Vợ: *Quả-phụ Trương Quang Phương*
khê-danh Phạm Thị Sen
Trưởng nữ: *Trương thị Mỹ-Dung*
chồng, các con và các cháu
Trưởng nam: *Trương Quang Minh, vợ và các con*
Thứ-nữ: *Trương thị Mỹ-Liên,*
các con và các cháu
Thứ-nữ: *Trương thị Mỹ-Châu,*
chồng và các con
Thứ nữ: *Trương thị Mỹ Trang, chồng và con*
Thứ nữ: *Trương thị Mỹ Vân*

PHÂN ƯU

Được tin buồn, thân-phụ của bạn TRƯỞNG THỊ MỸ-VÂN là

Cụ TRƯỞNG QUANG PHƯƠNG

nguyên Trưởng-ty Tiểu-học Thừa-thiên

đã từ-trần ngày 2 tháng 12 năm 1992 tại Huế, hưởng thọ 83 tuổi,

Xin thành kính phân ưu cùng bạn MỸ VÂN và quý tang-quyến, kính chúc hương hồn cụ về nơi an-nghỉ đời đời,

*Nguyễn Hương &
Nguyễn Hữu Nghĩa*

CÁO-PHÓ

Chúng tôi vô cùng đau-đớn báo tin cùng thân-bằng quyến-thuộc, vợ, mẹ, em, nội, ngoại của chúng tôi là

Bà ĐÀO TRÍ HIỆP

khê-danh ĐOÀN CẨM NGÂN

pháp-danh THỊ HÀ

đã từ-trần ngày 23 tháng 11 năm 1992 (nhằm ngày 29 tháng 10 năm Nhâm Thân) tại Montréal, hưởng thọ 65 tuổi.

CÁO PHÓ NÀY THAY-THẾ THIỆP TANG

Chồng: *Đào Trí Hiệp (Montréal,*
Canada)
Trưởng nữ: *Đào thị Kim Chi*
chồng và các con (Thụy-sĩ)
Thứ nữ: *Đào thị Kim Sang (Montréal)*
Thứ nữ: *Đào thị Kim Lan*
chồng và các con (California)
Trưởng nam: *Đào Trí Nghĩa (Ca nhạc-sĩ*
Trọng Nghĩa), vợ Mộng Lan
và các con (California)
Thứ nữ: *Đào thị Kim Phượng*
chồng và con (Montréal)
Thứ nữ: *Đào thị Kim Hoàng,*
chồng và các con (Montréal)
Thứ nữ: *Đào thị Kim Oanh*
chồng và con (Montréal)
Thứ nữ: *Đào thị Kim Nga (Montréal)*
Thứ nam: *Đào Trí Dũng (Vancouver)*
Thứ nữ: *Đào thị Kim Hà,*
chồng và con (Toronto, Canada)
Anh: *Đoàn Mạnh Hoàn,*
vợ và các con (Việt-nam)
Chị: *Đoàn Cẩm Nhung,*
chồng và các con (California)

CHIA BUỒN

Nhận được tin bác gái

Bà ĐÀO TRÍ HIỆP

đã được giải-thoát, xin chia-sẻ cùng bác trai, các em Trọng Nghĩa & Mộng Lan, Kim Nga, Kim Hà; thành kính dâng lời cầu-nguyện, kính chúc hương hồn bác sớm về cõi Phật.

Nguyễn Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa

Yamashita

AUTO COLLISION INC.
EXPERT IN CUSTOM PAINT & RESTORATION

DOWNTOWN

77 Grange Ave., Toronto, Ontario M5T 1E2
Tel.: (416) 367-8989 Fax: (416) 367-9068

BRAMPTON

26 Melanie Dr., Unit 5 & 6, Brampton, Ontario L6T 4K2
Tel.: (416) 790-8600 Fax: (416) 790-8601

No-Fault Insurance - No Problem ! Hãy gọi YAMASHITA:
Downtown: 367-8989 Brampton: 790-8600

**Chuyên làm đồng, sơn, sửa lại như mới
đủ loại xe Âu, Mỹ, Nhật**

ĐẾN VỚI **YAMASHITA COLLISION INC.**, CÁC BẠN SẼ ĐƯỢC:

- ⊕ Làm toàn bộ thủ-tục với bất kỳ hãng bảo-hiểm nào.
- ⊕ Chuyên-nghiệp sửa-chữa Frame và Unit Body với giàn kéo tối-tân, chính-xác nhất
- ⊕ Cho mượn xe miễn-phí trong lúc sửa-chữa, toàn xe
Brand New 91 Toyota Corolla và 91 Chevrolet Cavalier
- ⊕ Hệ-thống pha sơn bằng computer, sơn Sikkens (được dùng cho BMW, Mercedes), hệ-thống phòng sơn hấp Down Draft tân-tiến cùng với tất cả kinh-nghiệm, sẵn có về các loại xe đất tiền Âu-châu. **YAMASHITA** cùng chủ-nhân sẽ đưa xe bạn trở lại hoàn-hảo như original.
- ⊕ Kéo xe 24/24 miễn-phí và định giá sửa-chữa miễn-phí
- ⊕ Free Pick-up & Delivery 24/24 tận nhà
- ⊕ Thay kiếng, dán kiếng màu cho đủ loại xe

Emergency, gọi TONY TẠO HOÀNG: Mob.: 617-8808 24hr Pager: 501-3736

Đến với **YAMASHITA AUTO COLLISION INC.**

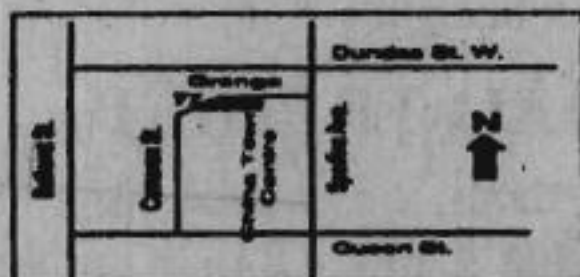
quý bạn sẽ hài lòng hơn bao giờ hết

Tận tâm phục vụ, để

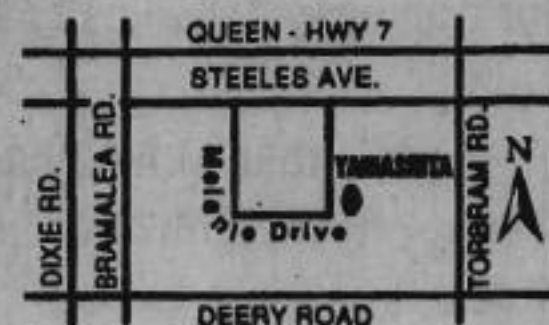
VUI LÒNG KHÁCH ĐẾN

VỪA LÒNG KHÁCH ĐI

Tony Tạo (HOÀNG OANH) kính mời



Downtown location

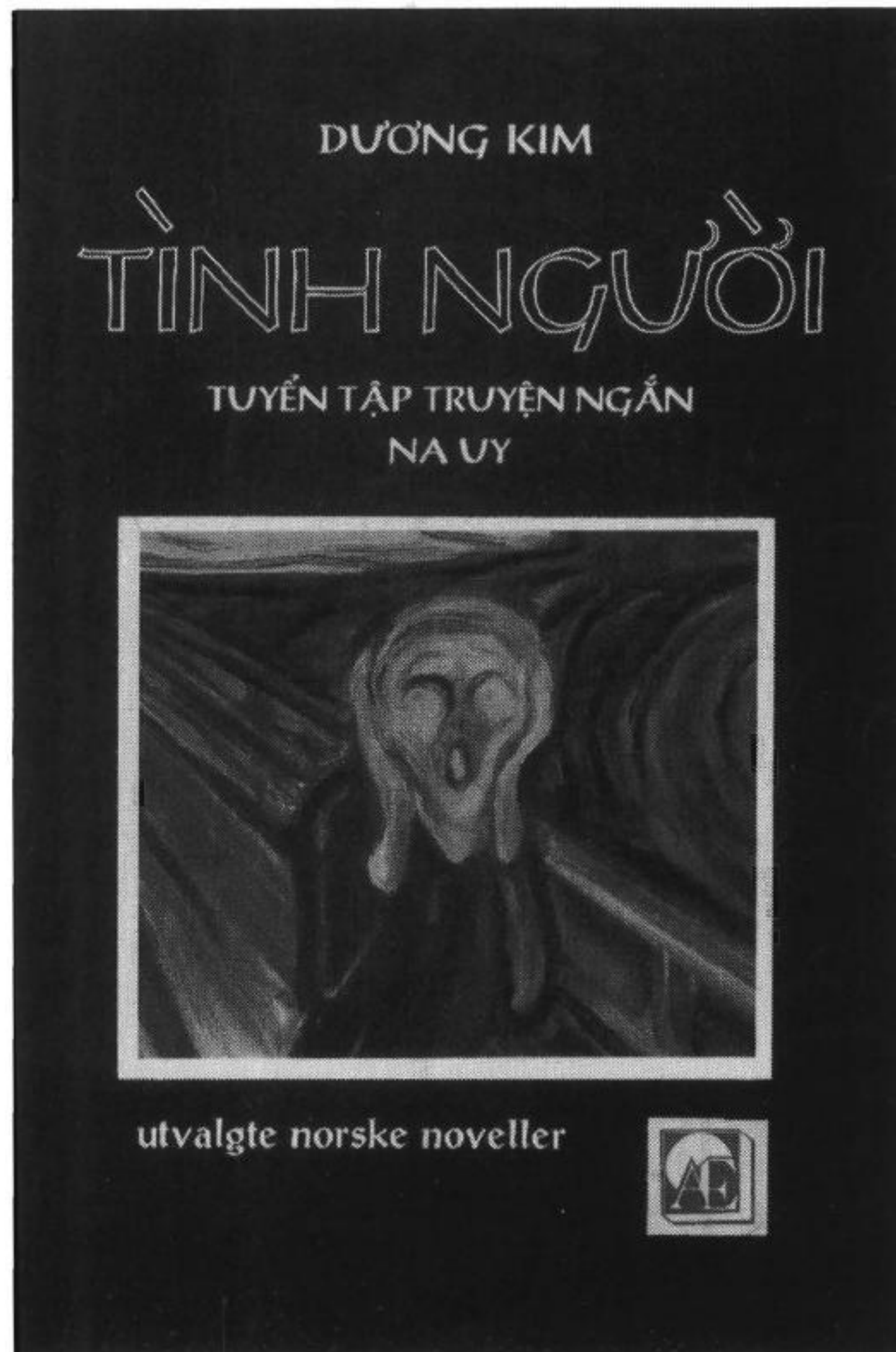


Brampton location

LANG VAN IS PUBLISHED MONTHLY, SECOND CLASS POSTAGE PAID AT LEWISTON, NY 14092 - U.S.P.S. #008728

Đã phát-hành khắp nơi
16 danh-tác của 15 nhà văn Na-Uy

Dương Kim tuyển dịch
Nguyễn Hữu Nhật trình-bày và minh-họa
Nguyễn Thị Vinh viết bạt



Giá 10 mỹ-kim (13 gia-kim)
HỎI TẠI NHÀ SÁCH GẦN NHẤT, HOẶC LIÊN-LẠC:

LÀNG VĂN

P.O. Box 310, Station "W", Toronto
Ontario, M6M 5B9 Canada

ĐT: (416) 249-419 – Fax: (416) 240-0342

TRUONG THI KIM ANH
NORWAY

Đã phát-hành khắp nơi

Trọn bộ 4 cuốn, tổng-cộng 1412 trang

**TIỂU-THUYẾT THIỀN-HỌC KIẾM-ĐẠO NHẬT-BẢN
VIẾT VỀ CUỘC ĐỜI ĐẠI KIẾM-KHÁCH
MIYAMOTO MUSASHI**

*Thạch kiếm vạch ra con đường cam-go của thiền-đạo,
khuyến-khích trau-giồi nghị-lực nội-tâm bằng sự tiết dục,
phát-huy tình-yêu thiên-nhiên.*



Giá mỗi cuốn: 15 mỹ-kim (21 gia-kim)

Trọn bộ: 60 mỹ-kim (84 gia-kim)

**HỎI TẠI NHÀ SÁCH GẦN NHẤT, HOẶC LIÊN-LẠC:
LÀNG VĂN**

P.O. Box 310 Station "W", Toronto, Ontario M6M 5B9, Canada